VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, SỐ 208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11 NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

ĐINH THẾ HUYNH	Chủ tịch Hội đồng
VÕ VĂN THƯỞNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN VĂN NÊN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN XUÂN THẮNG	Ủy viên
HÀ BAN	"
BÙI VĂN NAM	"
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
PHẠM VĂN LINH	"
LÊ QUANG VĨNH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
PHẠM CHÍ THÀNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN NÊN	Trưởng ban
PHẠM CHÍ THÀNH	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG ANH TUẤN	"
NGUYỄN NGỌC HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 67

ĐỖ QUANG DŨNG (Chủ biên)
TRƯƠNG DIỆP BÍCH
NGUYỄN MINH HUỆ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG
TOÀN TẬP
TẬP 67
2008

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2018

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 67

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 67 phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề quan trọng của đất nước và của Đảng trong năm 2008. Năm 2008 là năm có nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, là năm bản lề thực hiện Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Những kết quả đạt được trong năm 2008 là cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội những năm còn lại của giai đoạn 2006 - 2010 và những năm tiếp theo.

Trong năm 2008, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội - văn hóa và ghi dấu ấn đậm nét trên chính trường quốc tế: Chúng ta đã kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng; đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt mức cao nhất từ khi *Luật đầu tư nước ngoài* có hiệu lực; Việt Nam được bầu làm thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009; Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc (Vesak) 2008 diễn ra ở Hà Nội;

lần đầu tiên Việt Nam có vệ tinh thông tin; mở rộng địa giới hành chính Thủ đô. Bên cạnh những thuận lợi đạt được, đất nước ta cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế; tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, bất ổn chính trị - xã hội, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ vẫn diễn ra ở nhiều nơi, diễn biến phức tạp; thiên tai, dịch bệnh bất thường gây hậu quả nghiêm trọng; nhiều vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm bị phát hiện; biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng; cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu; các thế lực thù địch liên tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hòa bình". Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội X đã đề ra, năm 2008, Ban Chấp hành Trung ương khóa X có ba hội nghị quan trọng. Hội nghị lần thứ sáu đã ra các nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội; về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công. Hội nghị lần thứ bảy đã ra nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về nông nghiệp, nông dân và nông thôn (với mục tiêu xây dựng nền

nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ Tổ quốc). Hội nghị lần thứ tám đã ra kết luận về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2008 và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009.

Văn kiện còn phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo và hoạt động của Trung ương Đảng trên nhiều lĩnh vực quan trọng như: về tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới; về tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới; về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân; về tình hình thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; về phát triển văn hóa, nghệ thuật trong thời kỳ mới; về thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã; về xây dựng tổ chức đảng trong một số loại hình cơ quan, v.v..

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 67 có 186 tài liệu, gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo, quyết định... của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư...;

trong đó có 184 tài liệu xếp ở phần văn kiện chính, 2 tài liệu xếp ở phần phụ lục.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, xuất bản, song khó tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu *Văn kiện Đảng toàn tập,* tập 67 cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 20-CT/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008

Về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Trong hơn 5 năm qua, việc thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 18-3-2002 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng đã đạt được một số kết quả, thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển: số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác mới thành lập tăng đáng kể; các hợp tác xã cũ cơ bản đã được chuyển đổi; hợp tác xã phát triển đa dạng hơn cả về ngành nghề, quy mô và trình độ; khu vực kinh tế tập thể đã khắc phục được một phần tình trạng yếu kém trước đây, củng cố một bước về tổ chức quản lý, bước đầu khẳng định là nhân tố quan trọng góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy vậy, so với mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết thì việc khắc phục những hạn chế, yếu kém của khu vực kinh tế tập thể còn chậm, kinh tế tập thể vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém; quy mô của các tổ hợp tác, hợp tác xã nhỏ; trình độ công nghệ lạc hậu, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý yếu, chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác còn thấp; nhiều hợp tác xã chưa đảm bảo các nguyên tắc của Luật hợp tác xã, hợp tác xã chưa mở rộng được nhiều hoạt động đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống ngày càng tăng của hộ xã viên, cộng đồng, chưa đem lại nhiều lợi ích kinh tế, xã hội cho xã viên, thành viên; số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả cao còn ít. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế tập thể chậm, thiếu ổn định, tỷ lệ đóng góp vào GDP giảm xuống.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém của kinh tế tập thể là do các cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên chưa quán triệt đầy đủ những chủ trương, quan điểm phát triển kinh tế tập thể đã xác định trong Nghị quyết; nhận thức về bản chất, các nguyên tắc và giá trị của hợp tác xã chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, thậm chí có nơi, có lúc sai lệch; chưa thật sự quan tâm và lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể; một bộ phận lớn người dân chưa hiểu đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với phát triển hợp tác xã, về Luật hợp tác xã, còn mặc cảm về mô hình hợp tác xã kiểu cũ; hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể ban hành chậm, chưa đồng bộ, một số nội dung chính sách còn hạn chế, tác dụng thấp, việc thực hiện

chính sách chưa nghiêm; nhiều hợp tác xã chưa tự nỗ lực phấn đấu vươn lên...

Phát triển kinh tế tập thể là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, đây cũng là sự nghiệp hết sức khó khăn, phức tạp đòi hỏi phải kiên trì. Để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đề ra về phát triển kinh tế tập thể, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), Nghị quyết Đại hội X về phát triển kinh tế tập thể, Luật hợp tác xã và các chính sách phát triển kinh tế tập thể đến các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế và đông đảo nhân dân, trước hết là những cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tập thể và xã viên, người lao động trong các tổ hợp tác, hợp tác xã. Các cấp ủy và tổ chức đảng, các cấp chính quyền cần xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết mạnh mẽ hơn, định kỳ kiểm tra, sơ kết để tập trung tháo gỡ khó khăn, phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến; tăng cường công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng trong các hợp tác xã.

Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí có các chuyên mục tuyên truyền một cách sâu rộng, thiết thực và hiệu quả về kinh tế tập thể. Các cơ quan

nghiên cứu lý luận có chương trình nghiên cứu khoa học thiết thực, phục vụ cho thực hiện nhiệm vụ đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

2. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình giám sát thi hành Luật hợp tác xã của Quốc hội; hội đồng nhân dân các cấp có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thi hành Luật hợp tác xã ở các địa phương.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương rà soát các chính sách đã ban hành; đánh giá kết quả thực hiện chính sách; sửa đổi, bổ sung các chính sách phát triển kinh tế tập thể đồng bộ, phù hợp và thiết thực, bảo đảm chính sách đến được với các tổ hợp tác, hợp tác xã, nhất là chính sách đất đai, tín dụng, thuế, đào tạo nghề, đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã.

Các cấp, các ngành, các địa phương trong hoạch định chính sách, xây dựng và triển khai các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển vùng, ngành, địa phương phải lồng ghép nội dung, nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể và cân đối, bố trí các nguồn lực triển khai. Kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế của các cấp, ngành, địa phương.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể làm tốt hơn nữa công tác vận động hội viên, thành viên tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể. Tiếp tục tăng cường vai trò, trách nhiệm, tạo điều kiện để Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ kinh tế tập thể phát triển.

Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chỉ thị.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 124-TB/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008

Về nghiên cứu Đề tài "Chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh và vận dụng chủ thuyết đó trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI" của Hội đồng Lý luận Trung ương

Tại phiên họp ngày 25-12-2007, sau khi nghe Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo Đề cương tổng quát nghiên cứu Đề tài khoa học độc lập cấp nhà nước (2008 - 2010) "Chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh và vận dụng chủ thuyết đó trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI" (hướng tầm nhìn tới năm 2020 và 2045) (Tờ trình số 03-TTr/HĐLLTW, ngày 20-12-2007), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đồng ý về chủ trương nghiên cứu Đề tài "Chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh và vận dụng chủ thuyết đó trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI" (hướng tầm nhìn tới năm 2020 và 2045) của Hội đồng Lý luận Trung ương do đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương làm Chủ nhiệm Đề tài.

- Hội đồng Lý luận Trung ương đăng ký nghiên cứu đề tài với Bộ Khoa học và Công nghệ theo các quy định quản lý nghiên cứu khoa học của Nhà nước. Kế hoạch nghiên cứu phải đáp ứng yêu cầu phục vụ kịp thời, thiết thực cho việc chuẩn bị Đại hội XI của Đảng.

Ban Bí thư sẽ báo cáo Bộ Chính trị biết về chủ trương nghiên cứu này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 125-TB/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008

Về Đề án "Tình hình giảng dạy, học tập các bộ môn Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng và chủ trương, giải pháp cho thời gian tới"

Tại phiên họp ngày 25-12-2007, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo Đề án "Tình hình giảng dạy, học tập các bộ môn Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng và chủ trương, giải pháp cho thời gian tới" (Tờ trình số 35-TTr/BTGTW, ngày 13-12-2007), Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo Đề án "Đổi mới kết cấu, nội dung chương trình, giáo trình các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng" (dành cho khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh) (Tờ trình số 12798-TTr/BGD&ĐT), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Trong thời gian qua, việc giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các

trường đại học, cao đẳng đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

2. Giảng dạy, học tập tốt bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề cả nước là hết sức cần thiết, quan trọng để cung cấp cho sinh viên, học sinh những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng, xây dựng cho sinh viên, học sinh thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, niềm tin vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

3. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Cán sự Đảng Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh trên cơ sở các đề án đã có, tiếp tục nghiên cứu, xây dựng đề án đổi mới toàn diện, đồng bộ việc giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cả về chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học (kể cả thi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập) trong cả hệ thống các trường chính trị, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề theo hướng tinh gọn, gắn với thực tiễn cuộc sống, dễ tiếp thu, bổ ích, phù hợp với từng loại đối tượng người học. Đồng thời đổi mới cơ chế, chính sách đối với giáo viên, xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy các

môn học này. Ban Tuyên giáo Trung ương thành lập hội đồng khoa học để thẩm định đánh giá chất lượng các đề án để có thể đưa vào thực hiện từ năm học 2008 - 2009, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 126-TB/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008

Về nhân sự Hội đồng Lý luận Trung ương

Tại phiên họp ngày 25-12-2007, xem xét Tờ trình của Hội đồng Lý luận Trung ương về việc bổ sung, thay đổi nhân sự (Tờ trình số 02-TTr/HĐLLTW, ngày 19-12-2007), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đồng ý bổ sung các đồng chí sau đây làm thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương:

+ Đồng chí PGS.TS. Trần Quốc Toản, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

+ Đồng chí PGS.TS. Dương Văn Quảng, Giám đốc Học viện Quan hệ quốc tế, Bộ Ngoại giao.

- Đồng ý về việc đồng chí Thạc sĩ Nguyễn Quang Chiến, Phó Giám đốc Học viện Quan hệ quốc tế, Bộ Ngoại giao thôi tham gia Hội đồng Lý luận Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 127-TB/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008

Về đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý

Tại phiên họp ngày 23-11-2007, xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương về chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ và tăng thêm một số chức danh lãnh đạo cấp ủy và chính quyền đối với một số tỉnh, thành phố để tăng cường cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội và cán bộ xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, đồng thời tạo điều kiện để luân chuyển đào tạo cán bộ (Tờ trình số 162-TTr/BTCTW, ngày 20-11-2007), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về tình hình thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị và chủ trương tăng thêm chức danh phó bí thư cấp ủy làm công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX

Trong nhiệm kỳ khóa IX, thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định luân

chuyển nhiều cán bộ ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan Trung ương về các địa phương công tác để vừa tăng cường cán bộ cho địa phương, vừa đào tạo, rèn luyện toàn diện cán bộ trong thực tiễn; đồng thời có chủ trương tăng thêm một phó bí thư phụ trách công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở một số tỉnh, huyện, xã miền núi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, có đông giáo dân, địa bàn phức tạp về an ninh, chính trị và đời sống, kinh tế còn nhiều khó khăn.

Thời gian qua, Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý đã được các cấp ủy, tổ chức đảng tích cực triển khai, đạt được một số kết quả bước đầu; góp phần đổi mới công tác cán bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhiều cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên đã nhận thức đầy đủ hơn về công tác luân chuyển cán bộ, nhận thức rõ luân chuyển cán bộ là một yêu cầu, đòi hỏi khách quan của công tác cán bộ. Thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển, khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín, thực hiện tốt hơn công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ. Nhiều địa phương, ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương đã xây dựng được quy hoạch cán bộ, tạo được nguồn cán bộ kế cận, từng bước khắc phục tình trạng hẫng hụt, bị động và trì trệ trong công tác cán bộ. Hầu hết cán bộ được luân chuyển trong thời gian qua đều là cán bộ trẻ, tiếp cận nhanh với điều kiện, môi trường làm việc mới; phát huy được khả năng công tác và vai trò, trách nhiệm, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm.

Kết quả việc luân chuyển cán bộ từ Trung ương về địa phương trong nhiệm kỳ Đại hội IX đã góp phần đào tạo được

nhiều cán bộ. Trong số cán bộ diện Trung ương quản lý được đưa đi luân chuyển, nhiều đồng chí đã được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X, được tín nhiệm bầu làm bí thư tỉnh ủy hoặc giữ chức vụ chủ chốt ở một số bộ, ngành, ủy ban của Quốc hội khóa XII.

Trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các tỉnh, thành phố hiện nay, có trên 85% số cán bộ chủ chốt hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2004 - 2009 và trên 95% ủy viên thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã qua luân chuyển làm cán bộ chủ chốt ở cấp dưới.

Hầu hết cán bộ qua luân chuyển đều có bước trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, có quan điểm, cách nhìn nhận và phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện hơn, sát thực tế hơn.

Việc bổ sung thêm chức danh phó bí thư phụ trách công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng là một chủ trương đúng đắn, đáp ứng yêu cầu củng cố và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Ở các địa phương được bổ sung chức danh phó bí thư, công tác lãnh đạo của cấp ủy đối với cơ sở được tăng cường hơn vì có người chuyên lo lĩnh vực xây dựng cơ sở đảng, tạo điều kiện để thường trực cấp ủy nắm sát cơ sở, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những vấn đề phát sinh ở cơ sở, khắc phục những yếu kém trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và vùng có nhiều đồng bào theo đạo; giảm bớt công việc cho đồng chí phó bí thư thường trực, tạo điều kiện để đồng chí phó bí thư thường trực tập trung hơn vào các lĩnh vực công tác quan trọng khác.

Có được những kết quả bước đầu nêu trên là do các cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp, các ngành đã có sự chủ động, tích cực, thống nhất cao hơn trong việc chỉ đạo thực hiện, kết hợp chặt chẽ việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng với việc bố trí, sắp xếp, sử dụng và luân chuyển cán bộ trong hệ thống chính trị; vừa quan tâm bảo đảm sự ổn định, vừa coi trọng đáp ứng yêu cầu phát triển của đội ngũ cán bộ; làm tốt công tác tư tưởng và công tác tổ chức.

Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị ở một số ngành, địa phương còn chậm, không đồng đều giữa các ngành, các cấp. Một số nơi thực hiện luân chuyển cán bộ chưa dựa trên cơ sở đánh giá, quy hoạch cán bộ; trong một số trường hợp chưa có ý định rõ về hướng bố trí cán bộ sau luân chuyển, nên mục đích, hiệu quả luân chuyển cán bộ không cao; có nơi còn nhầm lẫn việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch để đào tạo, bồi dưỡng lâu dài với việc điều động, bố trí cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ trước mắt. Một số ít cán bộ luân chuyển còn chậm tiếp cận với thực tiễn, mức độ đóng góp cho địa phương còn hạn chế; có đồng chí còn băn khoăn khi được giao nhận nhiệm vụ mới ở địa phương khác, ngành khác.

Việc luân chuyển cán bộ giữa các đơn vị trong một ngành, giữa các quận, huyện, các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể trong một tỉnh, thành phố, giữa các tỉnh, thành phố, bộ, ngành làm chưa được nhiều; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chức danh phó bí thư phụ trách công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và chức danh phó bí thư thường trực cấp ủy có chỗ còn chồng chéo.

Những hạn chế và thiếu sót nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chưa nhận thức đầy đủ về

mục đích của luân chuyển cán bộ; chưa gắn việc luân chuyển với đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ, nhất là chưa gắn với định hướng bố trí cán bộ sau luân chuyển. Việc chuẩn bị cho cán bộ luân chuyển hiểu biết về công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng và tình hình của địa phương sẽ đến công tác có lúc chưa được thực hiện chu đáo, còn những mặt hạn chế.

2. Phương hướng tiếp tục đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ và thực hiện chủ trương tăng thêm chức danh cán bộ lãnh đạo cấp ủy và chính quyền đối với một số tỉnh, thành phố

a) Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị khóa IX, thực hiện chủ trương tăng thêm một số chức danh lãnh đạo chủ chốt đối với một số tỉnh, thành phố, ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần làm tốt một số việc sau:

- Tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở bộ, ban, ngành, địa phương. Nội dung tổng kết phải đánh giá được tình hình luân chuyển cán bộ trong thời gian qua, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được, nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện; đề ra những việc cần làm, các giải pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện tốt hơn Nghị quyết của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ và chủ trương tăng thêm các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương.

- Từ nay đến đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng, phải đẩy mạnh hơn nữa công

tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành; cả luân chuyển dọc và luân chuyển ngang. Kết hợp chặt chẽ việc luân chuyển cán bộ với việc chuẩn bị nhân sự đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng. Trong quá trình luân chuyển cán bộ phải kết hợp chặt chẽ công tác tổ chức với công tác tư tưởng, vừa động viên, khuyến khích tính tự giác của cán bộ, đảng viên, vừa yêu cầu cán bộ, đảng viên nghiêm túc chấp hành quyết định điều động, luân chuyển của tổ chức.

Phải căn cứ vào sở trường, năng lực của cán bộ, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và ý định bố trí cán bộ sau luân chuyển để chọn lựa cán bộ, địa bàn luân chuyển cho phù hợp; chống tư tưởng cục bộ, khép kín, không muốn nhận người từ nơi khác đến hoặc lợi dụng luân chuyển để đưa người trung thực, thẳng thắn, người có năng lực nhưng không hợp với mình đi nơi khác; đồng thời khắc phục nhận thức sai lệch cho rằng cán bộ đã qua luân chuyển phải được bố trí ở vị trí công tác cao hơn. Cần kết hợp việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý để đào tạo, bồi dưỡng, phục vụ lâu dài với việc xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn, chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực.

b) Bộ Chính trị đồng ý với đề xuất của Ban Tổ chức Trung ương về chủ trương tăng thêm chức danh lãnh đạo cấp ủy và chính quyền (trước hết là chức danh phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) đối với một số tỉnh, thành phố (có thể mở rộng thêm các địa phương ngoài những nơi mà Ban Tổ chức Trung ương đã đề xuất trong tờ trình), vừa để tăng cường cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và

xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, vừa để đào tạo, rèn luyện cán bộ trong thực tiễn. Không tăng thêm chức danh lãnh đạo để bố trí người tại địa phương vào chức danh đó. Chú ý thực hiện tốt các yêu cầu sau đây:

- Kết hợp tăng cường cán bộ cho các địa phương, đơn vị có khó khăn với việc luân chuyển để đào tạo cán bộ theo định hướng, theo quy hoạch bố trí, sử dụng cán bộ sau này; có thể luân chuyển cán bộ đến một số tỉnh, thành phố phát triển khá hoặc có những công trình trọng điểm quốc gia để từ thực tiễn của những nơi này mà tích lũy thêm kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý cho cán bộ.

- Kết hợp tăng cường, luân chuyển cán bộ với điều động, điều chỉnh, bố trí cán bộ một cách hợp lý, vừa để phát huy sở trường của cán bộ vừa tạo điều kiện cho địa phương, đơn vị phát triển. Chú ý luân chuyển cán bộ cả hai chiều, từ Trung ương về địa phương và ngược lại. Đối với số cán bộ trong quy hoạch làm cán bộ lãnh đạo, quản lý toàn diện của Đảng và Nhà nước, nếu lâu nay chỉ công tác ở một ngành thì có thể luân chuyển về giữ vị trí lãnh đạo ở địa phương hoặc ở ngành khác; ngược lại, trường hợp công tác đã lâu ở cơ sở, ở cấp dưới có hiểu biết và kinh nghiệm thực tiễn và có triển vọng phát triển thì luân chuyển về công tác ở cơ quan cấp trên.

- Thực hiện luân chuyển cán bộ trong các bộ, ban, ngành, địa phương; từ bộ, ban, ngành, địa phương này sang bộ, ban, ngành, địa phương khác; luân chuyển cán bộ cấp vụ ở các bộ, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể Trung ương về làm lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo các sở, ban, ngành các tỉnh, thành phố.

3. Về tổ chức thực hiện

Các cấp, các ngành cần đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ (theo Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị khóa IX và thực hiện chủ trương tăng thêm chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cho một số tỉnh, thành phố theo kết luận của Bộ Chính trị khóa X), để vừa tăng cường rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, có triển vọng, giúp cán bộ trưởng thành nhanh hơn và toàn diện, vững vàng hơn, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, vừa để tăng cường cán bộ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở những địa phương, đơn vị có nhiều khó khăn, khắc phục tình trạng trì trệ, cục bộ, khép kín trong từng ngành, từng địa phương, góp phần đổi mới cán bộ, khuyến khích tính tích cực, năng động, sáng tạo của cán bộ và qua đó sàng lọc, chọn lựa cán bộ. Cần có chính sách và tạo điều kiện về nhà công vụ, về trợ cấp khó khăn để cán bộ được luân chuyển hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế - xã hội chậm phát triển, có nhiều khó khăn.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng hệ thống nhà công vụ cũng như chính sách, chế độ đối với cán bộ được tăng cường, luân chuyển để thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị.

Ban Tổ chức Trung ương có quy định, hướng dẫn cụ thể để tránh sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa chức danh phó bí thư phụ trách công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng với chức danh phó bí thư thường trực cấp ủy; chủ trì, phối hợp với tổ chức đảng các bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể có

liên quan ở Trung ương và các địa phương xây dựng kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ, báo cáo Ban Bí thư; trường hợp nhân sự do Bộ Chính trị quản lý thì báo cáo Bộ Chính trị quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 129-TB/TW, ngày 4 tháng 1 năm 2008

Về Đề án xây dựng Chỉ thị của Bộ Chính trị về "Tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống ma túy trong tình hình mới"

Tại phiên họp ngày 21-12-2007, sau khi nghe lãnh đạo Bộ Công an báo cáo về việc tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 30-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy" và Đề án xây dựng Chỉ thị của Bộ Chính trị về "Tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống ma túy trong tình hình mới" (Tờ trình số 24-TTr/ĐUCA(C11), ngày 23-11-2007) và ý kiến phát biểu của một số bộ, ngành, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 30-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy".

- Thành phần dự hội nghị: Đồng ý như trong Tờ trình và mỗi tỉnh mời thêm một đồng chí phó chủ tịch ủy ban nhân dân

các tỉnh, thành phố phụ trách lĩnh vực phòng, chống ma túy và đại diện lãnh đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

- Thời gian tổ chức Hội nghị tổng kết: Sau Tết Nguyên đán Mậu Tý (năm 2008).

- Nội dung tổng kết cần đi sâu phân tích, đánh giá đúng tình hình, nêu rõ nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra được các giải pháp đúng, khả thi để lãnh đạo, chỉ đạo công tác này trong thời gian tới đạt kết quả tốt.

2. Về nội dung Chỉ thị mới của Bộ Chính trị

- Về tên gọi của Chỉ thị: Trong tình hình hiện nay, để tiếp tục phát huy kết quả đạt được trong hơn 10 năm qua, tên Chỉ thị mới là: "Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới".

- Phương thức ra Chỉ thị: Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, xây dựng dự thảo Chỉ thị đưa ra lấy ý kiến của các đại biểu tại Hội nghị tổng kết để tiếp tục hoàn chỉnh, trình Bộ Chính trị ký ban hành.

- Nội dung của Chỉ thị phải thể hiện được tư tưởng, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác phòng ngừa và đấu tranh, kiểm soát ma túy trong tình hình mới. Yêu cầu với quyết tâm cao, tinh thần quyết liệt, kiên trì, bằng các giải pháp đồng bộ, huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội thực hiện cho được mục tiêu: ngăn chặn, kiềm chế, từng bước đẩy lùi tệ nạn này.

- Đồng thời cần tiếp tục tăng cường giáo dục cho nhân dân nhận thức được mối hiểm họa từ ma túy để từ đó tự giác, tích cực tham gia phòng, chống ma túy với phương châm lấy phòng ngừa, giáo dục là chính. Từng gia đình, từng địa bàn, thôn,

xóm, phường, xã, cơ quan, đơn vị, trường học, v.v. phải tích cực tham gia làm tốt công tác phòng, chống ma túy, có các hình thức cam kết, thi đua tại địa phương, đơn vị mình.

- Phải coi trọng và nhân rộng mô hình các trung tâm cai nghiện tập trung trên thực tế có kết quả.

- Nghiên cứu để quy định trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương để tình hình ma túy phức tạp xảy ra và trách nhiệm của bố, mẹ là cán bộ lãnh đạo, quản lý để con nghiện hút ma túy v.v. nhằm góp phần đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ này.

- Giao Đảng ủy Công an Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Bộ Chính trị việc thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 130-TB/TW, ngày 10 tháng 1 năm 2008

Về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới

Ngày 29-12-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ báo cáo về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới, Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với Báo cáo trên và có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ NGUYÊN NHÂN

- Sau Hội nghị tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 của Ban Bí thư và pháp luật về khiếu nại, tố cáo, do Ban Bí thư tổ chức tháng 10-2005, các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Vì vậy, đã góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tuy nhiên, tình hình khiếu nại, tố cáo tiếp tục diễn biến phức tạp. Trong đó, khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp

lên Trung ương gia tăng, với tính chất gay gắt, quyết liệt và được tổ chức chặt chẽ hơn. Trong số các vụ khiếu nại, tố cáo, phần lớn có nội dung liên quan đến đất đai, nhất là đất thu hồi để xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị, công trình công cộng, làm đường giao thông; trong khiếu kiện đông người, xuất hiện nhiều đoàn có tổ chức, có người cầm đầu, chỉ huy và có sự liên kết giữa các đoàn tập trung với số lượng lớn kéo về Trung ương, đáng chú ý trong một số trường hợp có sự lôi kéo, kích động, xúi giục, hỗ trợ về vật chất của các thế lực thù địch, bọn phản động và phần tử cơ hội chính trị lợi dụng để xuyên tạc, phá hoại...

- Tình hình trên do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là: cơ chế, chính sách, pháp luật còn có những bất cập, có điểm chưa phù hợp thực tế; công tác quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém, sai phạm, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn có những hạn chế, yếu kém, nhiều vụ việc giải quyết không đúng chính sách, pháp luật, phương án giải quyết thiếu tính thuyết phục, không dứt điểm; sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại, tố cáo có lúc chưa tốt, còn xảy ra hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm, chuyển đơn lòng vòng, trả lời thiếu thống nhất; kỷ cương, kỷ luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa nghiêm, có những trường hợp cấp trên đã có ý kiến chỉ đạo, quyết định giải quyết, nhưng cấp dưới không thực hiện nghiêm túc; công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục, hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo và công tác hòa giải ở cơ sở thực hiện chưa tốt, nên có những vụ việc tuy đơn giản nhưng vẫn phát sinh khiếu nại, tố cáo, thậm chí khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên Trung ương; một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc ngăn ngừa và giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đối với cơ quan hành chính, tư pháp trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa được tiến hành thường xuyên, hiệu quả chưa cao.

II- MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Trong thời gian tới, để tiếp tục ngăn ngừa và giải quyết có hiệu quả khiếu nại, tố cáo của công dân, Bộ Chính trị yêu cầu các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 và Thông báo kết luận số 197-TB/TW, ngày 26-9-2005 của Ban Bí thư, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp quan trọng sau đây:

1. Tăng cường và phát huy trách nhiệm của các cấp ủy đảng trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đồng chí bí thư cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và phân công trách nhiệm cho các đồng chí trong ban thường vụ cấp ủy theo dõi, chỉ đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, gắn giải quyết khiếu nại, tố cáo với cải cách hành chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, coi hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá năng lực, hiệu quả công tác của cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức có trách nhiệm.

2. Thủ trưởng các cơ quan của Nhà nước, trước hết là chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp phải có kế hoạch giải quyết cụ thể, chỉ đạo, phân công các ngành chức năng tập trung rà soát, phối hợp để giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp và những vụ việc còn tồn đọng, không để khiếu kiện vượt cấp; dành thời gian thích đáng cho công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tăng cường đi cơ sở. Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc rà soát các vụ việc cụ thể ở từng địa phương, nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù để giải quyết dứt điểm các trường hợp khiếu nại, tố cáo phức tạp.

Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi có công dân đông người tập trung khiếu kiện lên Trung ương cần chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng của Trung ương vận động công dân trở về địa phương để xem xét, giải quyết; phải trực tiếp tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo một cách công khai, dân chủ, làm rõ nội dung vụ việc, xem xét đầy đủ các khía cạnh pháp lý và thực tế của vụ việc để có biện pháp giải quyết dứt điểm; kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của các cơ quan chức năng cấp trên về những vấn đề vướng mắc, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; đối với những vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến tôn giáo, dân tộc hoặc nhạy cảm về chính trị cần xem xét kỹ, đầy đủ, thận trọng để có biện pháp giải quyết phù hợp, không để các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội chính trị lợi dụng; đấu tranh ngăn chặn, phân hóa và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các trường hợp lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để có hành vi gây rối, xúc phạm, chống người thi hành công vụ

hoặc tiếp tay cho các thế lực thù địch và phần tử cơ hội chính trị chống phá Đảng và Nhà nước.

3. Các cơ quan hành chính nhà nước chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước để khắc phục những mặt yếu kém, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng, tài chính công, thực hiện chính sách xã hội; thực hiện tốt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi, bảo đảm có cuộc sống bằng hoặc tốt hơn trước, đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng; giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa người có quyền sử dụng đất, Nhà nước và nhà đầu tư; tăng cường công tác thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, kiên quyết thu hồi đất đã giao, đã cho thuê không đúng đối tượng, không sử dụng đúng thời gian quy định hoặc sử dụng không có hiệu quả, sử dụng sai mục đích; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai, các trường hợp tham nhũng, tiêu cực trong quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý tài chính, ngân sách, thực hiện các chính sách xã hội.

4. Đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ, nhất là pháp luật về đất đai và khiếu nại, tố cáo; tổ chức rà soát, tổng kết, đánh giá một cách cơ bản chính sách, pháp luật về đất đai để tiếp tục sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, tập trung các quy định về giá đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi; quy định về giải quyết những trường hợp tồn đọng về đất đai do lịch sử để lại, đất đai có liên quan đến tôn giáo;

ban hành chính sách mới để giải quyết hỗ trợ về đất sản xuất, đất ở, vốn, việc làm để họ ổn định cuộc sống lâu dài.

Khẩn trương xây dựng, ban hành Luật khiếu nại và giải quyết khiếu nại, Luật tố cáo và giải quyết tố cáo; chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại hành chính trong các luật chuyên ngành, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, trước mắt sửa đổi quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại về đất đai được quy định trong Luật đất đai và Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính; nghiên cứu chuẩn bị đề án về tài phán hành chính trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Khẩn trương củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, gắn tiếp dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo; nghiên cứu chính sách đãi ngộ thỏa đáng để động viên đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường thanh tra trách nhiệm trong việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước, kịp thời chấn chỉnh quản lý và xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khẩn trương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng thông tin, báo cáo, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành và công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp cần tăng cường phối hợp, tập trung rà soát, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong

lĩnh vực tư pháp, nhất là những vụ việc phức tạp, gây bức xúc; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hành chính nhà nước trong việc xét xử các vụ án hành chính và tổ chức thi hành nghiêm các bản án đã có hiệu lực pháp luật; có kế hoạch rà soát, xem xét, kết luận cụ thể từng vụ việc, nếu có oan, sai thì phải có biện pháp sửa oan, sai.

7. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong đó, tập trung vào việc giám sát trách nhiệm tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; giám sát việc giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo gay gắt, kéo dài.

8. Lực lượng công an nắm chắc diễn biến của tình hình khiếu nại, tố cáo, nhất là những khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp lên Trung ương; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp và công an cấp trên chỉ đạo kịp thời, xử lý có hiệu quả các tình huống phức tạp, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

9. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là pháp luật về các lĩnh vực phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo và pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường biểu dương những điển hình tốt, phê phán, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác hòa giải. Nâng cao chất lượng hòa giải ở cơ sở. Có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hòa giải, góp phần tích cực giải quyết các tranh chấp ngay tại cơ sở.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ Thông báo kết luận này của Bộ Chính trị, cụ thể hóa thành chương trình hành động và triển khai tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến tích cực trong thời gian tới.

- Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông báo này, định kỳ báo cáo kết quả với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 120-QĐ/TW, ngày 15 tháng 1 năm 2008

Thay đổi, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Quyết định số 24-QĐ/TW, ngày 16-11-2006 của Ban Bí thư về việc thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào;

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi một số đồng chí là thành viên Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào như sau:

1- Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an, thay đồng chí Trương Hòa Bình.

2- Đồng chí Nguyễn Thành Biên, Thứ trưởng Bộ Công Thương, thay đồng chí Phan Thế Ruệ.

3- Đồng chí Đào Việt Trung, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, thay đồng chí Lê Công Phụng.

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 121-QĐ/TW, ngày 15 tháng 1 năm 2008

Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các đồng chí sau đây thôi tham gia Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở:

1- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

2- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, nguyên Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

3- Đồng chí Nguyễn Văn Đặng, nguyên Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.

4- Đồng chí Trần Đại Hưng, nguyên Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

5- Đồng chí Đỗ Duy Thường, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

6- Đồng chí Đặng Ngọc Chiến, nguyên Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

7- Đồng chí Nguyễn Thị Oanh, nguyên Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

8- Đồng chí Nguyễn Đức Triều, nguyên Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương.

9- Đồng chí Nguyễn Hoài Bão, nguyên Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương.

10- Đồng chí Đàm Văn Ngụy, nguyên Ủy viên Thường vụ Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Điều 2. Kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2- Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.

3- Đồng chí Trần Lưu Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

4- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

5- Đồng chí Vũ Văn Phúc, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

7- Đồng chí Trần Hanh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy viên.

8- Đồng chí Trần Thế Vượng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng Ban Dân nguyện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy viên.

9- Đồng chí Đỗ Quý Doãn, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.

10- Đồng chí Đinh Trung Tụng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên.

11- Đồng chí Hoàng Thị Ái Nhiên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy viên.

12- Đồng chí Mai Đức Chính, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy viên.

13- Đồng chí Nguyễn Hoàng Hiệp, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

Điều 3. Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X*

Ngày 14 tháng 1 năm 2008

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự hội nghị,

Hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp Hội nghị toàn thể lần thứ sáu. Thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự hội nghị, chúc toàn thể các đồng chí sang năm mới mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thắng lợi trên các cương vị công tác của mình.

Theo Chương trình công tác toàn khóa, hội nghị lần này sẽ thảo luận và thông qua các đề án về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh

---

* Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp từ ngày 14-1 đến ngày 22-1-2008 (*B.T*).

tế quốc tế; xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012; thành lập Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện *Cương lĩnh 1991,* bổ sung và phát triển *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới*; thành lập Tiểu ban tổng kết tình hình thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010)* và chuẩn bị xây dựng *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020);* bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Cũng tại hội nghị này, theo Quy chế làm việc, Bộ Chính trị sẽ báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương kiểm điểm về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007, trọng tâm công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008; những việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6; công tác kiểm tra, giám sát năm 2007; công tác tài chính đảng năm 2007 và một số vấn đề quan trọng khác.

Với những nội dung trên, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này có ý nghĩa hết sức to lớn. Các đề án và báo cáo đã được gửi đến các đồng chí. Đây là những vấn đề cần thiết, cụ thể hóa đường lối, quan điểm do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đề ra, nhằm bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn trên con đường phát triển đi lên của đất nước.

1. Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên ở cơ sở. Đây là hai vấn đề có mối quan hệ hữu cơ, tác động lẫn nhau. Đội ngũ đảng viên có chất lượng tốt là nhân tố cơ bản bảo đảm cho tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, mặt khác, tổ chức cơ sở

đảng vững mạnh là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Trong những năm qua, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định và giải pháp về nhiệm vụ này. Các tổ chức cơ sở đảng đã tích cực chấp hành và có nhiều biện pháp cụ thể, sáng tạo để xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố các cơ sở yếu kém; gắn xây dựng tổ chức cơ sở đảng với củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; coi trọng công tác giáo dục, rèn luyện và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và phát triển đảng viên mới. Nhiều cấp ủy cấp trên đã hướng về cơ sở, tăng cường chỉ đạo, tạo được những chuyển biến tốt về công tác xây dựng Đảng ở cơ sở, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đất nước. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng. Không ít tổ chức cơ sở đảng yếu kém, không làm tròn vai trò hạt nhân chính trị và nền tảng của Đảng, không đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, thậm chí có những tổ chức cơ sở đảng tê liệt, mất sức chiến đấu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, thậm chí có một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém cả về phẩm chất và năng lực, thiếu tính chiến đấu, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Để khắc phục những yếu kém đó,

Đại hội X của Đảng đã xác định phải dồn sức xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; thực hiện tốt nguyên tắc dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng từ cơ sở; thực hiện đồng bộ các biện pháp củng cố tổ chức cơ sở đảng, chú trọng những địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa, ở các đảng bộ, chi bộ yếu kém; xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiền phong, gương mẫu; có phẩm chất đạo đức cách mạng; có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; kiên định lập trường giai cấp công nhân, phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng; năng động, sáng tạo, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách.

Đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên mà toàn Đảng phải tập trung thực hiện. Hội nghị lần này cần đi sâu thảo luận và đề ra được những giải pháp thiết thực nhằm tạo cho được sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; làm cho tổ chức đảng ở cơ sở vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, đủ sức lãnh đạo giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn, bảo đảm cho tổ chức cơ sở đảng thực sự là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tiền phong, gương mẫu, "nói đi đôi với làm", thực sự là "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

2. Đại hội X của Đảng xác định tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách để huy động mọi nguồn lực nhằm "phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công

cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Tại hội nghị này, chúng ta sẽ thảo luận và quyết định những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một mô hình hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ. Chúng ta phải vừa làm, vừa đúc kết thực tiễn. Vấn đề đặt ra là phải tạo được sự thống nhất nhận thức, quan điểm, mục tiêu và các chủ trương, giải pháp để đi đến sự thống nhất trong hoạt động thực tiễn, từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải tôn trọng, vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, đồng thời phải phù hợp với điều kiện cụ thể phát triển của Việt Nam. Phải bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường để hình thành và vận hành thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường.

Chúng ta cần tích cực, chủ động với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn phát sinh, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng

kết, rút kinh nghiệm. Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Đại hội X của Đảng đã đề ra nhiệm vụ tăng cường xây dựng giai cấp công nhân có giác ngộ và bản lĩnh chính trị, có trình độ học vấn và nghề nghiệp ngày càng cao trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh theo hướng phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước. Đó là giai cấp công

nhân ngày càng được trí thức hóa, có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết và hợp tác quốc tế; xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Xây dựng giai cấp công nhân nước ta vững mạnh là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn dân tộc.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và quyết định nhiều vấn đề có ý nghĩa rất to lớn. Hội nghị họp vào những ngày đầu năm 2008, năm bản lề của kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, năm toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu rất cao để sớm hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra; đồng thời đây lại là những ngày cuối cùng của năm Đinh Hợi, khi mà tất cả chúng ta đang phải chăm lo thật chu đáo Tết Nguyên đán Mậu Tý cho toàn dân, để mọi nhà và mọi người đều được hưởng một cái Tết vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm và bình yên.

Vì vậy, tôi đề nghị các đồng chí phát huy cao độ ý thức trách nhiệm, trí tuệ tập thể, tập trung tinh thần làm việc tích cực, khẩn trương, dân chủ thảo luận, đóng góp ý kiến để hội nghị thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.5-14.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 19-NQ/TW, ngày 22 tháng 1 năm 2008

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 14-1 đến ngày 22-1-2008 tại Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận các tờ trình, đề án và các báo cáo của Bộ Chính trị,

QUYẾT NGHỊ:

1. Nhất trí thông qua nội dung các dự thảo văn kiện sau đây của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

- Nghị quyết về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nghị quyết về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Nghị quyết về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Kết luận về việc cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012.

- Kết luận về việc mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội.

Giao Bộ Chính trị căn cứ báo cáo giải trình, ý kiến thảo luận, đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hoàn chỉnh các văn kiện nói trên và ban hành chính thức để tổ chức thực hiện.

2. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận các báo cáo sau đây của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007, trọng tâm công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008.

- Báo cáo kết quả những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6 (khóa X).

- Báo cáo công tác tài chính, ngân sách Đảng năm 2007.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào báo cáo và tiếp thu ý kiến thảo luận, đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2008 và những năm tiếp theo.

3. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra các cấp năm 2007; phương hướng, nhiệm vụ năm 2008.

Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương căn cứ vào báo cáo và tiếp thu ý kiến thảo luận, đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương để tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng.

4. Nhất trí thành lập hai tiểu ban:

- Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới, gồm 34 đồng chí, do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Tiểu ban. Tiểu ban này đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng.

- Tiểu ban tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và chuẩn bị xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020), gồm 47 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Tiểu ban. Tiểu ban này đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015) trình Đại hội XI của Đảng.

5. Nhất trí bổ sung Đề án tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và sẽ thảo luận, xem xét đề án về vấn đề này tại Hội nghị Trung ương 8 (dự kiến vào tháng 12-2008).

6. Bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương (khóa X) gồm 3 đồng chí:

- Đồng chí Trịnh Long Biên;
- Đồng chí Nguyễn Đình Phách;
- Đồng chí Nguyễn Công Học.

7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, phát huy những thành quả đạt được trong năm 2007, với niềm tin và sức mạnh mới, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008, tạo tiền đề để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

GIẢI TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 112/TLHN, ngày 21 tháng 1 năm 2008

Về đề án "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"

(Trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)

Tại hội nghị, Trung ương đã thảo luận sôi nổi, trao đổi, tranh luận với tinh thần trách nhiệm cao; có trên 130 lượt ý kiến phát biểu ở các tổ và 15 lượt ý kiến phát biểu tại hội trường về vấn đề này.

Đa số ý kiến của Trung ương đồng tình với các nội dung của tờ trình và đề án Bộ Chính trị đã trình Trung ương lần này và cho rằng: đây là một đề án khó; đề án được chuẩn bị khá công phu, nghiêm túc, đầy đủ, chi tiết; đã lấy ý kiến tương đối rộng rãi ở nhiều nơi, nhiều tổ chức và cá nhân có liên quan đến công nhân, đề cập được những vấn đề mấu chốt, nói chung sát cuộc sống, đáp ứng được những vấn đề thực tiễn đặt ra về xây dựng giai cấp công nhân; đã phân tích sâu sắc các nhân tố bên trong, bên ngoài tác động đến sự

chuyển biến của giai cấp công nhân nước ta và dự báo xu hướng phát triển đến năm 2020, nêu được những ưu điểm, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của tình hình giai cấp công nhân trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua, đề ra được các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cũng có ý kiến băn khoăn, chưa thật yên tâm, cho rằng đề án còn nặng lý luận, thiếu các giải pháp cụ thể. Có nhiều ý kiến bổ sung của Trung ương làm rõ thêm một số nội dung trong đề án để sát hơn với thực tế, công nhân hiểu được và dễ triển khai thực hiện, nâng cao tính khả thi, khắc phục sự trùng lặp về một số nội dung giữa các phần.

Sau đây, Bộ Chính trị xin trình bày và làm rõ thêm về một số nội dung cơ bản, chủ yếu, qua thảo luận của Trung ương còn có ý kiến khác nhau để Trung ương xem xét, quyết định:

1. Về sự cần thiết phải có nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Hầu hết ý kiến của Trung ương khẳng định Hội nghị Trung ương lần này cần có Nghị quyết về "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"; cho rằng xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là vấn đề sống còn đối với Đảng và chế độ, là mối quan tâm, mong đợi của giai cấp công nhân và của toàn xã hội.

Cũng có một số ít ý kiến của Trung ương cho rằng còn nhiều vấn đề chưa đủ rõ về lý luận và thực tiễn, nghị quyết

về giai cấp công nhân là hết sức quan trọng, do vậy Hội nghị Trung ương lần này chưa nên ra nghị quyết mà chỉ nên có kết luận của Trung ương để nghiên cứu chuẩn bị tiếp.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin báo cáo Trung ương như sau:

Như nhiều đồng chí Trung ương đã phát biểu, qua hơn 20 năm đổi mới, giai cấp công nhân nước ta phát triển nhanh, có những chuyển biến tích cực về cả số lượng và chất lượng, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa nổi bật về địa vị chính trị, còn nhiều khó khăn, bức xúc về đời sống vật chất và tinh thần. Trong thời gian dài, qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng ta luôn chú trọng phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng và xây dựng giai cấp công nhân; nhưng khi chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều thành phần và hội nhập kinh tế quốc tế, trong hoạt động thực tiễn cũng như trong nhận thức có nhiều vấn đề mới nảy sinh về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân, sự quan tâm lãnh đạo xây dựng giai cấp công nhân của Đảng chưa đúng mức, chưa ngang tầm với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân, chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ mới. Vả lại, đây là một vấn đề rất khó về cả lý luận và thực tiễn, trước đây Trung ương và Bộ Chính trị cũng đã tổ chức nghiên cứu để xây dựng nghị quyết về giai cấp công nhân, nhưng vì còn nhiều vấn đề chưa rõ nên chưa ra được nghị quyết. Do đó, lần này việc Trung ương ra nghị quyết trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng tình hình, xác định rõ vai trò, vị trí của giai cấp công nhân, đề ra các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục xây dựng giai cấp công

nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một yêu cầu vừa có tính cơ bản, vừa rất cấp bách, đáp ứng mong đợi của toàn Đảng, của giai cấp công nhân và toàn xã hội.

Xuất phát từ yêu cầu nêu trên và bản đề án được đa số các đồng chí Trung ương cơ bản tán thành, Bộ Chính trị đề nghị Hội nghị Trung ương lần này trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Trung ương, cần có Nghị quyết về "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Nghị quyết của Trung ương có nhiệm vụ cụ thể hóa, bổ sung và phát triển để thực hiện Cương lĩnh của Đảng và Nghị quyết của Đại hội X về xây dựng giai cấp công nhân, từng bước giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra đối với việc xây dựng giai cấp công nhân; đồng thời cũng nêu ra những vấn đề lý luận cần phải tiếp tục nghiên cứu để giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra khi hoạch định chiến lược xây dựng giai cấp công nhân gắn với chiến lược phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

2. Về tiêu đề, bố cục của đề án và nghị quyết

- Hầu hết ý kiến của Trung ương nhất trí tiêu đề của đề án và nghị quyết như tờ trình của Bộ Chính trị là: "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Cũng có một số ý kiến của Trung ương cho rằng, đề án chỉ đề cập việc xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phạm vi còn hẹp, cần xem xét việc xây dựng giai cấp công nhân trong phát triển

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đề nghị bỏ cụm từ "tiếp tục" trong phần đầu đề án, vì Đảng ta chưa có nghị quyết chuyên đề nào về giai cấp công nhân; đề nghị tiêu đề gọn lại là: "Một số tình hình về giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"; đề nghị tiêu đề cần làm rõ thời gian đề án là 5 năm, 10 năm hay 20 năm,...

Bộ Chính trị đề nghị tiêu đề của đề án và nghị quyết như tờ trình của Bộ Chính trị đã nêu. Xác định "tiếp tục", vì trong thời gian qua, tuy Trung ương chưa có nghị quyết chuyên đề về xây dựng giai cấp công nhân, nhưng Đảng ta luôn quan tâm phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng và trong các văn kiện đại hội của Đảng đều đề cập nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh. Đề án đã xác định phạm vi trong "thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa" với khoảng thời gian đến năm 2020, khi nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nội dung đề án cũng đề cập những vấn đề các đồng chí Trung ương đã nêu, đó là công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế, vận dụng và phát triển kinh tế tri thức, trong đề án cũng đã nêu nhiều giải pháp về cơ chế, chính sách đối với nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân.

- ***Về bố cục của đề án,*** hầu hết ý kiến của Trung ương nhất trí với bố cục các phần lớn của đề án và dự thảo nghị quyết. Một số ý kiến đề nghị điều chỉnh thứ tự trong nội dung mục tiêu, sắp xếp lại các giải pháp để làm nổi rõ nội dung, tránh trùng lặp.

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị điều chỉnh lại bố cục cho hợp lý hơn như sau: Về mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân đến năm 2020: đưa mục tiêu 2 lên trước mục tiêu 1, bỏ các số thứ tự để thể hiện đó là nội dung của một mục tiêu; nhập các giải pháp 5, 6, 7 thành một giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong xây dựng giai cấp công nhân.

3. Về khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Có thể nói, vấn đề đầu tiên khó khăn nhất trong xây dựng đề án này là xác định khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ban Chỉ đạo xây dựng đề án đã phát huy tối đa trí tuệ, tổ chức nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thảo luận để xác định khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam. Ban Chỉ đạo xây dựng đề án đã phân công nhiều cơ quan và một số nhà khoa học nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phát triển giai cấp công nhân của nước ta, thu thập các tài liệu của nước ngoài, trao đổi và khảo sát thực tiễn tại Trung Quốc, tổ chức nhiều hội thảo tương đối rộng rãi về vấn đề này. Qua nghiên cứu thấy rằng, khái niệm giai cấp công nhân là một phạm trù lịch sử, có sự khác nhau giữa các nước và ngay trong một nước cũng có sự khác nhau giữa các thời kỳ phát triển, đồng thời ở mỗi nước, cũng luôn tồn tại những ý kiến khác nhau.

Qua nghiên cứu, Bộ Chính trị thấy rằng có nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ

đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tổng hợp lại có ba loại ý kiến, trong đó nói chung các ý kiến tán thành quan niệm thứ ba, Bộ Chính trị đã thống nhất trình Ban Chấp hành Trung ương theo quan niệm này (như đã thể hiện trong tờ trình và đề án).

Trong thảo luận tại Hội nghị Trung ương, đa số ý kiến các đồng chí Trung ương đồng tình khái niệm giai cấp công nhân là một phạm trù lịch sử, nên khi gắn với mỗi giai đoạn sẽ có sự khác nhau về nội hàm và phạm vi khái niệm, hiện nay đang có nhiều quan niệm khác nhau, nên việc Trung ương xác định khái niệm giai cấp công nhân là rất cần thiết. Đa số ý kiến Trung ương đồng tình với quan niệm thứ ba mà Bộ Chính trị đã trình bày trong tờ trình, cho rằng lập luận như vậy là tương đối thích hợp với đặc điểm của tình hình công nhân nước ta trong giai đoạn hiện nay và với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp công nhân, là một bước phát triển về nhận thức của Đảng trong điều kiện mới hiện nay.

Tuy nhiên, có một số ý kiến của Trung ương cho rằng, khái niệm giai cấp công nhân trong đề án còn mờ nhạt, còn nhiều vấn đề cần bàn và làm rõ để xác định cụ thể những ai được xếp vào giai cấp công nhân, như: có xếp tất cả 3,2 triệu đảng viên vào giai cấp công nhân không, tại sao không xếp tất cả cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp vào giai cấp công nhân, tại sao một người từ giai cấp công nhân học giỏi, trở thành trí thức lại ra khỏi giai cấp công nhân. Có ý kiến đề nghị xác định khái niệm giai cấp công nhân là những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương đồng tình với khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cơ bản như đề án đã nêu, bỏ các chữ "trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" và "đang hình thành", nói rõ là "đang phát triển". Cụ thể là: "*Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp".*

Khái niệm giai cấp công nhân như trên nói chung phù hợp với những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với những đặc điểm của thời đại và của đội ngũ công nhân nước ta trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế, vận dụng và phát triển kinh tế tri thức. Với khái niệm này, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đã sơ bộ xác định được bước đầu số lượng công nhân nước ta là khoảng 9,5 triệu người. Tuy nhiên, vì giai cấp công nhân nước ta đang trong quá trình phát triển, chưa định hình rõ, nên có sự đan xen, chuyển dịch giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội trong quá trình phát triển, chưa thể phân định thật rạch ròi, do đó khái niệm này mới chỉ là tương đối, trên cơ sở khái niệm này phải tiếp tục tìm tòi, tổng kết, nghiên cứu, bổ sung để hoàn chỉnh dần.

Ngoài ra, Bộ Chính trị xin giải trình thêm một số điểm cụ thể khác được các đồng chí Trung ương nêu ra trong thảo luận:

- Việc phân định thành phần giai cấp và tầng lớp xã hội chủ yếu gắn với tính chất công việc đang làm của mỗi người. Do vậy, giữa thành phần giai cấp, tầng lớp xã hội xuất thân và hiện tại của mỗi người, ở mỗi thời điểm, tùy tính chất công việc đang làm, mà có thể đồng nhất hoặc không đồng nhất. Đã là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam thì về nguyên tắc đều mang bản chất giai cấp công nhân, là thành viên của đội tiền phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiền phong của nhân dân lao động và của dân tộc, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc; nhưng tùy thuộc công việc đang làm hiện tại của mỗi người, có thể là công nhân, nông dân, công chức, quân đội, công an, hoặc chủ doanh nghiệp..., mà xác định cụ thể thuộc giai cấp hoặc tầng lớp xã hội nào.

- Theo khái niệm giai cấp công nhân như đã nêu ở trên, có hơn 2 triệu lao động ở hộ kinh doanh cá thể (có thuê lao động) trong các ngành khai khoáng, chế biến, chế tạo, sản xuất và phân phối điện, ga, nước, xây dựng, vận tải,... được tính là công nhân. Do vậy, nếu xác định giai cấp công nhân chỉ bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình doanh nghiệp, thì không bao gồm được số lao động này.

- Các hoạt động kinh doanh du lịch, khách sạn dưới hình thức doanh nghiệp được xếp vào hoạt động dịch vụ có tính chất công nghiệp; lao động trong lĩnh vực này được xác định là công nhân. Không xếp vào hoạt động dịch vụ có tính chất công nghiệp những nhà hàng, khách sạn của các hộ kinh doanh cá thể.

- Không xếp vào giai cấp công nhân những người là chủ doanh nghiệp của tư nhân, vì mặc dù có lao động, nhưng thu nhập chính không phải là tiền lương.

- Số lao động Việt Nam đang làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài hầu hết là trong các doanh nghiệp, được tính là công nhân; số lao động phục vụ tại các gia đình rất ít và hiện nay chủ trương không đưa đi lao động về lĩnh vực này ở nước ngoài.

4. Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Đa số ý kiến Trung ương đồng tình với tờ trình của Bộ Chính trị về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một số ý kiến cho rằng, xét về mặt lý thuyết thì giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng thực tế hiện nay trình độ tri thức còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nên chưa thể là lực lượng lãnh đạo cách mạng. Có ý kiến đề nghị xem lại nội dung xác định giai cấp công nhân là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước, vì như vậy giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức có phải là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước hay không?

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị xác định nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước như sau:

"Giai cấp công nhân nước ta là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, có sứ mệnh lịch sử to lớn: là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng".

Nội dung như trên thể hiện được tinh thần của *Cương lĩnh năm 1991* và nghị quyết các đại hội của Đảng. Tuy trong thực tế hiện nay, giai cấp công nhân nước ta còn có những hạn chế, yếu kém, chưa nổi bật về địa vị chính trị, nhưng không vì thế mà không khẳng định rõ một cách khách quan sứ mệnh lịch sử to lớn của giai cấp công nhân để quyết tâm xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, thực hiện đầy đủ sứ mệnh lịch sử của mình.

5. Về đánh giá tình hình giai cấp công nhân nước ta trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua

Đa số ý kiến của Trung ương đồng tình với nhận định trong đề án về những chuyển biến mạnh mẽ, những ưu điểm và hạn chế, yếu kém của giai cấp công nhân nước ta trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, nhận định trong đề án còn chưa nhìn thẳng vào sự thật, có phần tô hồng. Nhiều ý kiến của Trung ương đã bổ sung làm rõ thêm những hạn chế, yếu kém và những khó khăn, bức xúc của giai cấp công nhân nước ta hiện nay, phân tích rõ

thêm quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm của giai cấp công nhân nước ta.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị: Tiếp thu ý kiến của Trung ương để thể hiện rõ hơn trong phần đánh giá tình hình về những chuyển biến mạnh mẽ, những ưu điểm, nhất là những hạn chế, yếu kém của giai cấp công nhân nước ta trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua và những khó khăn, bức xúc của giai cấp công nhân nước ta hiện nay, như: chất lượng của công nhân chưa tương xứng với yêu cầu phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đời sống của công nhân, nhất là tại các khu công nghiệp và ở nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn rất khó khăn; có sự chênh lệch và phân hóa rõ rệt về trình độ chính trị và đời sống giữa các bộ phận trong công nhân; công nhân nữ chịu nhiều khó khăn, thiệt thòi; sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhiều công nhân bán hết cổ phần nên thực chất không thể tham gia làm chủ công ty; vai trò của tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại doanh nghiệp ngoài nhà nước rất yếu kém,...

Do vậy, khi hoạch định chính sách xây dựng giai cấp công nhân trong những năm tới, cần xác định rõ những đặc điểm để có giải pháp phù hợp, đó là:

- Đa số công nhân nước ta là từ nông dân (là nông dân hoặc con em nông dân), có tinh thần cần cù lao động, không ngại gian khổ, nhưng khi mới gia nhập đội ngũ giai cấp công nhân cũng có những hạn chế về ý thức giai cấp công nhân và tác phong công nghiệp. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển mạnh

công nghiệp và dịch vụ, số lao động chuyển từ nông nghiệp sang các ngành nghề khác ngày càng tăng mạnh (có thể ra thành thị hoặc làm các ngành nghề khác ngay tại nông thôn), cần được quan tâm đào tạo nghề nghiệp, bồi dưỡng về chính trị và bảo đảm các điều kiện về kết cấu hạ tầng xã hội tại những nơi có đông công nhân vốn là người từ các vùng nông thôn đến.

- Công nhân nước ta đang tiếp tục tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu theo ngành nghề và thành phần kinh tế. Trong đó, số công nhân trong khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn; số công nhân trẻ, sinh ra và lớn lên trong thời kỳ đổi mới của đất nước chiếm tỷ lệ cao, có khả năng sáng tạo, tiếp thu nhanh những thành tựu khoa học và công nghệ mới, tuy nhiên, khi mới gia nhập đội ngũ giai cấp công nhân cũng có phần hạn chế về ý thức giai cấp công nhân, bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức và kỷ luật lao động.

- Công nhân nước ta không đồng đều về nhận thức xã hội, giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức và kỷ luật lao động; số công nhân trí thức tăng mạnh, nhưng rất chênh lệch giữa các ngành nghề, lĩnh vực, vùng miền; có sự chênh lệch cao và phân hóa về thu nhập giữa các bộ phận công nhân; số công nhân lao động chân tay giản đơn có vị thế yếu trên thị trường lao động, có thu nhập thấp và nhiều khó khăn trong đời sống, cần được quan tâm nhiều hơn.

6. Về nguyên nhân của những ưu điểm và những hạn chế, yếu kém của giai cấp công nhân nước ta

Nhiều ý kiến của Trung ương đã phân tích rõ thêm các

nguyên nhân. Có ý kiến đề nghị cần phân chia thành hai nhóm nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ hệ thống các nguyên nhân như trong đề án, vì trong mỗi nguyên nhân đều có mặt khách quan và chủ quan, nếu tách bạch ra nguyên nhân khách quan và chủ quan thì sẽ bị trùng lặp về nội dung. Về nguyên nhân của những yếu kém, xin thể hiện rõ thêm như sau: nguyên nhân quan trọng trước hết là sự quan tâm lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng giai cấp công nhân chưa đúng mức; công nhân chủ yếu là từ nông dân nên giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật còn thấp; công tác giáo dục chính trị cho công nhân còn lúng túng, kém hiệu quả; việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách chưa theo kịp sự phát triển kinh tế và số lượng công nhân; công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện còn nhiều sơ hở, bất cập; hoạt động công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội chưa được đổi mới phù hợp; vai trò của tổ chức cơ sở đảng, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước rất yếu;...

7. Về quan điểm chỉ đạo trong xây dựng giai cấp công nhân

Hầu hết các ý kiến của Trung ương đồng tình cao với 5 quan điểm nêu trong đề án. Có ý kiến đề nghị cần gọn lại và rõ hơn. Có ý kiến đề nghị xác định Đảng mới là nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ 5 quan điểm như trong đề án đã trình bày, nhưng có bổ sung, sửa chữa để

phù hợp với nội dung khái niệm và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân như đã nêu ở trên.

8. Về mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân nước ta

Đa số các ý kiến của Trung ương đồng tình với nội dung mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân đến năm 2020 và đến năm 2010 như đề án đã nêu. Một số ý kiến đề nghị lượng hóa một số mục tiêu đến năm 2010.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến của Trung ương và đề nghị như sau:

Về nội dung mục tiêu đến năm 2020, Bộ Chính trị đã tiếp thu ý kiến của Trung ương, sắp xếp lại thứ tự như đã nêu ở phần trên.

Yêu cầu lượng hóa các mục tiêu đến năm 2010 là thỏa đáng, nhưng đây là một quá trình chịu tác động của nhiều yếu tố, nên cần xác định là phải phấn đấu quyết liệt để trong 3 năm tới đạt được sự chuyển biến tối đa về các mặt đã nêu.

Trước hết phải tập trung sức hình thành và triển khai thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Các mục tiêu hết sức quan trọng phải phấn đấu đạt được sự chuyển biến thực sự mạnh mẽ và rõ rệt trong 3 năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội X đã được nêu trong đề án là về nhà ở tại các khu công nghiệp, tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, nơi sinh hoạt văn hóa...; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong các loại hình doanh nghiệp; có bước tiến về đào tạo, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; nâng cao hơn về giác ngộ giai cấp,

bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật cho công nhân; tăng tỷ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân;... Các mục tiêu này sẽ được cụ thể hóa thêm trong hoạch định chiến lược xây dựng giai cấp công nhân.

Phải sớm thành lập tổ chức cơ sở đảng và cơ sở đoàn ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của *Điều lệ Đảng* và *Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*; nâng cao chất lượng các tổ chức công đoàn đã có và phấn đấu cơ bản thành lập được tổ chức công đoàn ở các doanh nghiệp có đủ điều kiện thành lập tổ chức công đoàn theo quy định pháp luật.

9. Về nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Đa số ý kiến của Trung ương cơ bản nhất trí với các nhiệm vụ và giải pháp đề án đã đưa ra. Một số ý kiến cho rằng, 7 giải pháp chưa đủ mạnh, còn chung chung, chưa tương xứng với tình hình hiện nay, cần phải cụ thể và có các chế tài nghiêm khắc, có chương trình triển khai thực hiện kiên quyết.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: như Trung ương đã xác định, bên cạnh mặt tích cực, ưu điểm, giai cấp công nhân hiện đang còn nhiều yếu kém cần phải khắc phục; do vậy, tờ trình và đề án đã cố gắng đề ra những nhiệm vụ và giải pháp, tập trung vào những vấn đề cơ bản và cấp bách, bức xúc đối với việc xây dựng giai cấp công nhân, những việc cần phải làm nhưng trước đây chưa làm tốt, chưa có quy định pháp luật hoặc có quy định nhưng chưa đầy đủ,

chưa xác định rõ vai trò, trách nhiệm của Nhà nước, của doanh nghiệp và các cấp, các ngành trong thực hiện, chưa có chính sách đủ mạnh và khả thi để phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia. Những nội dung chính, chủ yếu của những giải pháp đó là:

- Cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đề án đã nêu rõ những nội dung công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân, hướng vào giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân. Đây là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong xây dựng giai cấp công nhân để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đề án đã xác định rõ hướng đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng, nâng cao trình độ của công nhân; xây dựng và thực hiện hệ thống hướng nghiệp ở các cấp học phổ thông; xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển dạy nghề; ban hành chính sách khuyến khích có sức hấp dẫn, thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề, các chi phí đào tạo, đào tạo lại công nhân được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp; tăng cường đào tạo đối với lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài.

- Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho công nhân. Đây là một nhiệm vụ rất cơ bản, quan trọng trong xây dựng giai cấp công nhân, lâu nay chưa được quan tâm đầy đủ và thực hiện

còn kém hiệu quả. Trong đề án đã nêu các định hướng về công tác này; xác định Nhà nước phải đầu tư và có chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư (được hạch toán vào chi phí sản xuất) vào xây dựng và hoạt động của các nhà văn hóa lao động, nhà văn hóa thanh niên, câu lạc bộ công nhân, hệ thống truyền thông đại chúng, nơi sinh hoạt của tổ chức đảng, tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ ở các khu công nghiệp tập trung.

- Cần bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống chính sách, pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của công nhân. Đề án đã nêu ra nội dung các chính sách, pháp luật lao động cần bổ sung, sửa đổi, xây dựng và có chế tài trong luật đủ mạnh để thực hiện; đặc biệt là về chính sách giải quyết nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp, chính sách tiền lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội, chính sách tôn vinh những người lao động giỏi, chính sách thi đua, khen thưởng trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, chính sách bán cổ phần cho công nhân trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nghiên cứu xây dựng *Luật đình công*,...

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng giai cấp công nhân, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, hoạt động có hiệu quả tại các doanh nghiệp. Đây là một nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa rất quyết định đối với việc xây dựng giai cấp công nhân. Đề án đã nêu các giải pháp cụ thể nhằm sớm tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt này.

Trong quá trình thực hiện nghị quyết, cần phải tiếp tục cụ thể hóa và bổ sung thêm các giải pháp mới để xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh, không ngừng đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

10. Về một số vấn đề khác Trung ương nêu ra trong thảo luận

Bộ Chính trị xin giải trình và đề nghị như sau:

- Về việc cần thể chế hóa rõ ràng các nghị quyết của Đảng trong các luật có liên quan về việc thành lập và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại doanh nghiệp.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau:

Về việc thành lập và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại doanh nghiệp đã được các luật hiện hành quy định khá đầy đủ và rõ ràng, tuy nhiên trong các luật chưa quy định cụ thể các chế tài để xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm.

Luật doanh nghiệp năm 2005 quy định: Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ *Hiến pháp*, pháp luật và điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật; doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức trên.

Luật hợp tác xã năm 2003 quy định: Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội trong hợp tác xã hoạt động trong khuôn khổ *Hiến pháp*, pháp luật và theo điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

Luật đầu tư năm 2005 quy định nhà đầu tư có nghĩa vụ: Tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập, tham gia tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Bộ luật lao động năm 1995 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007) quy định: Người lao động có quyền thành lập, gia nhập, hoạt động công đoàn theo Luật công đoàn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Người sử dụng lao động có trách nhiệm cộng tác với công đoàn bàn bạc các vấn đề về quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Ở những doanh nghiệp mới thành lập thì sau sáu tháng kể từ ngày bắt đầu hoạt động, công đoàn địa phương, công đoàn ngành có trách nhiệm thành lập tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức công đoàn được thành lập..., nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc thành lập và hoạt động công đoàn tại doanh nghiệp. Người sử dụng lao động phải cộng tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để công đoàn hoạt động, không được phân biệt đối xử vì lý do người lao động thành lập, gia nhập, hoạt động công đoàn hoặc dùng các biện pháp kinh tế và các thủ đoạn khác để can thiệp vào tổ chức và hoạt động của công đoàn; người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm các phương tiện làm việc cần thiết để công đoàn hoạt động. Người lao động làm công tác công đoàn không chuyên trách được sử dụng một số thời gian trong giờ làm việc để công tác công đoàn và được người sử dụng lao động trả lương; người làm công tác công đoàn chuyên trách do quỹ công đoàn trả lương; khi người sử

dụng lao động ra quyết định sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người là ủy viên ban chấp hành công đoàn cơ sở thì phải có sự thỏa thuận của ban chấp hành công đoàn cơ sở, nếu là chủ tịch ban chấp hành công đoàn cơ sở thì phải có sự thỏa thuận của tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp.

Như vậy, nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém thời gian qua trong thành lập và hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trước hết và chủ yếu là do lãnh đạo các cấp, các ngành nhận thức chưa đầy đủ và tổ chức thực hiện thiếu kiên quyết, chưa quan tâm vận động, thuyết phục các chủ doanh nghiệp, đồng thời cũng do chưa có chế tài trong các luật cụ thể và đủ mạnh, thiếu quy định rõ về trách nhiệm của tổ chức và cá nhân để xử lý nghiêm khi thực hiện không tốt hoặc cản trở việc thành lập và hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tại doanh nghiệp.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị: Cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và chỉ đạo thực hiện kiên quyết, bổ sung quy định chế tài cụ thể, đủ mạnh trong các luật để thực hiện nghiêm việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đồng thời coi trọng vận động, thuyết phục, khuyến khích các chủ doanh nghiệp ngoài nhà nước đồng tình, ủng hộ, tạo điều kiện để tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội thành lập, hoạt động thuận lợi.

- Về việc thu kinh phí công đoàn 2% quỹ lương của các doanh nghiệp.

Việc thu kinh phí công đoàn ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đã được quy định trong Luật công đoàn năm 1957 và Luật công đoàn năm 1990 (không ghi số phần trăm cụ thể), sau đó đã được Nghị định của Chính phủ quy định cụ thể các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có nghĩa vụ trích nộp kinh phí công đoàn 2% quỹ lương của doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện, các doanh nghiệp nhà nước luôn trích nộp đầy đủ. Khi có khủng hoảng tài chính - kinh tế các nước trong khu vực trước đây, Thủ tướng Chính phủ đã quy định không thu kinh phí công đoàn trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị như sau: Đến nay, môi trường đầu tư của nước ta đã được cải thiện, việc thu kinh phí công đoàn là cần thiết, cần tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật công đoàn hiện hành. Trên cơ sở đó, Chính phủ quy định cụ thể để thực hiện và áp dụng thống nhất đối với tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; sử dụng kinh phí này cho việc nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, sinh hoạt văn hóa, phúc lợi xã hội của công nhân tại chính doanh nghiệp đó, kể cả việc trả lương cho cán bộ công đoàn chuyên trách tại doanh nghiệp.

- Về quy định cơ cấu đại diện công đoàn trong cơ quan lập pháp của Nhà nước và hội đồng nhân dân các cấp.

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị nghị quyết chỉ nêu theo hướng có lãnh đạo công đoàn tham

gia vào Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp; còn việc thực hiện chủ trương này sẽ được cấp ủy đảng và tổ chức có thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo khi tổ chức bầu cử.

Bộ Chính trị xin báo cáo để Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Sđd,* tr.15-42.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 2008

Về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn xã hội.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

I- TÌNH HÌNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI VỪA QUA

Qua hơn 20 năm đổi mới, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân nước ta đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận công nhân trí thức; đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; có nhiều cố gắng để phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã đóng góp trực tiếp to lớn vào quá trình phát triển của đất nước, cùng với các giai cấp, tầng lớp và thành phần xã hội khác, giai cấp công nhân nước ta là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc làm và đời sống của giai cấp công nhân ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, sự phát triển của giai cấp công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn,

chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; thiếu nghiêm trọng các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động còn nhiều hạn chế; đa phần công nhân từ nông dân, chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống. Một bộ phận công nhân chậm thích nghi với cơ chế thị trường. Địa vị chính trị của giai cấp công nhân chưa thể hiện đầy đủ. Giai cấp công nhân còn hạn chế về phát huy vai trò nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của công nhân không đồng đều; sự hiểu biết về chính sách, pháp luật còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân còn thấp. Một bộ phận công nhân chưa thiết tha phấn đấu vào Đảng và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội. Nhìn tổng quát, lợi ích một bộ phận công nhân được hưởng chưa tương xứng với những thành tựu của công cuộc đổi mới và những đóng góp của chính mình; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân đang có nhiều khó khăn, bức xúc, đặc biệt là ở bộ phận công nhân lao động giản đơn tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tình hình trên bắt nguồn từ các *nguyên nhân:* Quá trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội đã mở ra một giai đoạn lịch sử mới trong sự phát triển của giai cấp công nhân; tuy nhiên những hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm, đời sống và tư tưởng, tình cảm của công nhân. Đảng có chú trọng xây dựng giai cấp công nhân; nhưng quan tâm chưa đầy đủ, chưa

ngang tầm với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới. Nhà nước ban hành nhiều chính sách, pháp luật xây dựng giai cấp công nhân; nhưng những chính sách, pháp luật này vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác có nhiều đóng góp tích cực vào việc xây dựng giai cấp công nhân; nhưng hiệu quả chưa cao, còn nhiều yếu kém. Bản thân giai cấp công nhân đã có nhiều nỗ lực vươn lên; nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các doanh nghiệp và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế đóng góp tích cực vào tạo việc làm và thu nhập cho công nhân; nhưng không ít trường hợp còn vi phạm chính sách, pháp luật đối với người lao động.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

A- Quan điểm chỉ đạo trong xây dựng giai cấp công nhân

1. Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ

trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, của tất cả các giai cấp, các tầng lớp xã hội trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước, đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

3. Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hoà lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

4. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

5. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động; trong đó, sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân vững mạnh.

B- Mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu "đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại", ***mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân đến năm 2020 là:***

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Nói chung, trong các doanh nghiệp đều có tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cầu

phát triển đất nước; ngày càng được trí thức hóa: có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; có giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao.

Từ nay đến hết năm 2010 phải phấn đấu quyết liệt để đạt được sự chuyển biến tối đa về các mặt sau đây:

1. Hình thành và triển khai thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân, tạo được chuyển biến thật sự mạnh mẽ và rõ rệt trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân (về nhà ở tại các khu công nghiệp, tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, nơi sinh hoạt văn hóa, cơ sở nuôi dạy trẻ...) tương xứng với những thành quả của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và những đóng góp của giai cấp công nhân. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong các loại hình doanh nghiệp.

3. Có bước tiến về đào tạo, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển đất nước, nhất là những ngành công nghiệp mới. Tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo; chú trọng đào tạo nghề cho công nhân từ nông dân và nữ công nhân.

4. Nâng cao hơn về giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, xây dựng lối sống lành mạnh trong công nhân, nhất là công nhân trẻ.

5. Tăng tỷ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất thân từ công nhân. Tăng số lượng và chất lượng cơ sở đảng trong các loại hình doanh nghiệp; sớm thành lập tổ chức cơ sở đảng ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng tại doanh nghiệp phù hợp với từng thành phần kinh tế.

6. Đẩy mạnh phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các loại hình doanh nghiệp. Củng cố, đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đã có; sớm thành lập tổ chức cơ sở tại các doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó; tăng số lượng và chất lượng của các tổ chức cơ sở này tại các loại hình doanh nghiệp, nhất là ở những doanh nghiệp có đông công nhân.

C- Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

1. Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế

Đổi mới tổ chức, tăng cường đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân, hướng vào giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra:

về xu hướng phát triển của giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; về vấn đề trí thức hóa giai cấp công nhân; về công nhân tham gia sở hữu doanh nghiệp; về mối quan hệ giữa giai cấp công nhân với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội, đặc biệt là trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; về sự phân hóa và mối quan hệ trong nội bộ giai cấp công nhân; về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới; về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp; về vai trò làm chủ của giai cấp công nhân, quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động; về mối quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân các nước trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; về những âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình" và tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch đối với giai cấp công nhân;... Qua đó cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để đề ra chủ trương, giải pháp xây dựng giai cấp công nhân phát triển toàn diện trong thời kỳ mới.

2. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân

Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, đặc biệt là công nhân trẻ, công nhân từ nông dân, công nhân nữ, nhằm phát triển về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, để nước ta có một đội ngũ công nhân có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp ngày

càng cao, có khả năng tiếp thu nhanh và làm chủ công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có tài, có đức, các nhà quản lý giỏi và các cán bộ khoa học - kỹ thuật xuất thân từ công nhân có trình độ cao, có khả năng tiếp cận với công nghệ và phương thức kinh doanh hiện đại trong nền kinh tế thị trường, hội nhập. Quy hoạch nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có trình độ cao để đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp mới, hiện đại. Chú trọng đào tạo đội ngũ công nhân trong các dân tộc thiểu số, ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chú trọng đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề. Có chính sách để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các cơ sở đào tạo nghề với phương tiện kỹ thuật hiện đại. Có chính sách khuyến khích liên kết các cơ sở đào tạo nghề và các doanh nghiệp trong đào tạo, đào tạo lại.

Trước mắt, cần tập trung bổ sung, sửa đổi, xây dựng một số chính sách lớn sau đây:

- Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách hướng nghiệp ở cấp học phổ thông để giúp cho thanh niên, học sinh định hướng đúng đắn việc chọn nghề và hiểu rõ được ý nghĩa của việc gia nhập đội ngũ công nhân; tạo điều kiện phát triển đội ngũ công nhân trẻ có trình độ cao, chuyển một bộ phận lớn nông dân thành công nhân.

- Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển dạy nghề một cách đồng bộ, đổi mới hệ thống dạy nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo sự cân đối ngay trong hệ thống giáo dục - đào tạo,

giữa hệ thống giáo dục - đào tạo với phát triển kinh tế, giữa đào tạo và sử dụng, đáp ứng có hiệu quả nguồn lao động có chất lượng cao cho yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dạy nghề. Làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động theo ngành nghề, cấp trình độ.

- Ban hành chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn đối với hoạt động đào tạo nghề, thu hút mạnh hơn các thành phần kinh tế tích cực tham gia vào lĩnh vực đào tạo nghề, bao gồm cả ở trình độ cao. Từng bước thực hiện đổi mới chi ngân sách cho dạy nghề theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu đối với các cơ sở dạy nghề của các thành phần kinh tế; đồng thời thực hiện tốt hơn cơ chế kiểm định, đánh giá chất lượng dạy nghề.

- Bổ sung, sửa đổi, xây dựng chính sách đào tạo, đào tạo lại công nhân; có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho công nhân tự học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ. Xây dựng, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo nghề, gắn đào tạo lý thuyết với rèn luyện kỹ năng thực hành, gắn đào tạo nghề với giáo dục nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về giai cấp công nhân và với rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động. Đưa vào chương trình đào tạo nghề nội dung học tập pháp luật lao động, Luật công đoàn, Luật doanh nghiệp,...

- Điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề gắn với các ngành, các chương trình, dự án lớn, các vùng kinh tế trọng điểm. Ngân sách nhà nước đầu tư tập trung vào dạy nghề cho lao động nông thôn, các vùng miền núi, dân tộc thiểu số và những ngành nghề đặc thù mà các

đơn vị ngoài công lập không đầu tư; Nhà nước làm nòng cốt, đồng thời có chính sách để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng trường chuẩn, theo chương trình chuẩn, để đào tạo công nhân có trình độ cao cho một số ngành kinh tế mũi nhọn, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Chú trọng đào tạo đồng bộ, cả ở trong và ngoài nước, đội ngũ giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý và những công nhân có trình độ cao, để đáp ứng yêu cầu nhân lực của nền kinh tế, nhất là các ngành công nghiệp mới, hiện đại. Củng cố và mở rộng các trường đào tạo giáo viên dạy nghề theo khu vực trên phạm vi cả nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hằng năm dành kinh phí thích đáng và thời gian cho đào tạo, đào tạo lại công nhân; được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

- Tăng cường đào tạo đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để đảm bảo có đủ điều kiện về tay nghề, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật lao động; quy hoạch và phát triển đa dạng các hình thức, các thành phần kinh tế tham gia đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho giai cấp công nhân

Cần nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp và bản lĩnh chính trị, ý thức công dân, tinh thần dân tộc, gắn bó thiết tha với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tinh thần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tinh thần

phấn đấu vươn lên ngang tầm thời đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế, quyết tâm chiến thắng trong cạnh tranh, tinh thần đấu tranh xây dựng, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, lương tâm nghề nghiệp,... cho công nhân.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và hoạt động của tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với công tác tuyên truyền, giáo dục trong công nhân; đảm bảo định hướng thống nhất nội dung và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Nhà nước đầu tư và có chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư (được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất) xây dựng và hoạt động của các nhà văn hóa lao động, nhà văn hóa thanh niên, câu lạc bộ công nhân, hệ thống truyền thông đại chúng, nơi sinh hoạt của tổ chức đảng, tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ ở các khu công nghiệp tập trung.

4. Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm hệ thống chính sách, pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân

Rà soát, bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách, pháp luật về lao động, việc làm và đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao thể chất cho công nhân; tập trung trước hết vào những chính sách liên quan trực tiếp đến những vấn đề bức xúc đang đặt ra về việc làm và đời sống của công nhân.

Bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách để phát huy các nguồn lực và trách nhiệm của cả Nhà nước, người sử dụng

lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, của toàn xã hội và của công nhân trong việc chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân tương xứng với năng suất lao động và những đóng góp của công nhân. Nhà nước có chính sách đầu tư cho các tỉnh, thành phố để xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng cho công nhân.

Đề cao trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc chăm lo lợi ích, đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân; tính tự giác của người sử dụng lao động và của công nhân trong thực hiện chính sách, pháp luật. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Nhà nước, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp; có chế tài xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm.

Trước mắt, cần tập trung bổ sung, sửa đổi, xây dựng một số chính sách lớn sau đây:

- Bổ sung, sửa đổi để bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về ký hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đối với tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Bổ sung, sửa đổi, nâng cao tính khả thi của các chính sách, pháp luật để cải thiện điều kiện lao động, bảo hộ lao động, phòng, chống có hiệu quả tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tăng cường chăm sóc sức khỏe công nhân, nhất là đối với công nhân nữ, những công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Nhà nước tăng cường đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế, nhất là ở những nơi có đông công nhân.

- Nghiên cứu ban hành Luật tiền lương tối thiểu, nâng lương tối thiểu đối với khu vực sản xuất kinh doanh; quy

định các nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương để người lao động và người sử dụng lao động có cơ sở xác định tiền lương hợp lý, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của Nhà nước để đảm bảo quyền lợi của người lao động; nâng cao năng lực quản lý lao động, tổ chức tiền lương, nhất là công tác định mức lao động trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Bổ sung, hoàn thiện thêm chính sách cho nghỉ hưu sớm đối với công nhân một số nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, nhất là tại các khu công nghiệp, trên cơ sở quy hoạch của Nhà nước. Quy định phát triển khu công nghiệp phải đi liền với phát triển khu đô thị mới và các công trình phúc lợi công cộng, trong đó có khu nhà ở cho công nhân. Có chính sách về nhà ở cho công nhân thuê hoặc mua trả dần phù hợp với thu nhập thực tế của công nhân. Nhà nước đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng phục vụ lâu dài cho công nhân diện thu nhập thấp; các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất.

- Ban hành quy định pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường cơ chế đối thoại, thương lượng giữa người sử dụng lao động và người lao động. Quy định rõ quyền, trách nhiệm của người sử dụng lao động

và công nhân trong xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

- Có chính sách tôn vinh thích đáng những người lao động giỏi, cả lao động chân tay và trí óc, có nhiều cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp và xã hội; bổ sung chính sách về thi đua và khen thưởng trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Sớm hoàn thiện chính sách bán cổ phần cho công nhân khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, để công nhân phát huy quyền làm chủ, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Nghiên cứu chính sách khuyến khích doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bán cổ phần cho công nhân.

- Tổ chức thực hiện tốt pháp luật lao động; đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về lao động trong các doanh nghiệp. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, chủ doanh nghiệp, công đoàn để giải quyết tranh chấp lao động và xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về quan hệ lao động để giải quyết vấn đề tranh chấp lao động. Thực hiện đúng trách nhiệm của các cấp chính quyền ở địa phương theo luật định đối với các cuộc đình công của công nhân trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật lao động. Bổ sung các chế tài xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật lao động. Có biện pháp hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động khi làm việc ở nước ngoài.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong xây dựng giai cấp công nhân

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong xây dựng giai cấp công nhân.

Khẩn trương xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả chiến lược về giai cấp công nhân gắn với chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm các chủ trương, chính sách lớn về đào tạo, trí thức hóa công nhân; về chuyển một bộ phận lớn lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; về vấn đề xuất khẩu lao động, kể cả ở các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư kinh doanh ở nước ngoài; vấn đề tạo nguồn để phát triển đảng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, trong quản lý sản xuất kinh doanh xuất thân từ công nhân; vấn đề nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân...

Phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước để giai cấp công nhân là nòng cốt, cùng với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, tăng cường liên minh công nhân - nông dân - trí thức, thực sự là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng giai cấp công nhân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tăng cường lãnh đạo nhà nước trong xây dựng và thực thi các chính sách, pháp luật để xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh; giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của giai cấp công nhân.

Chú ý hơn nữa công tác bồi dưỡng, phát triển đảng trong công nhân. Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng những cán bộ ưu tú xuất thân từ công nhân, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất, tăng dần tỷ lệ cán bộ xuất thân từ công nhân trong bộ máy lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và tạo cơ hội phát triển cho những cán bộ công đoàn trẻ, cán bộ thanh niên có năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức tốt xuất thân từ công nhân.

Lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp phải thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến của công nhân và công đoàn, tôn trọng và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của tổ chức công đoàn. Chú trọng lãnh đạo, tạo điều kiện để công đoàn phát huy tốt vị trí, vai trò của mình.

Tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và chỉ đạo thực hiện kiên quyết; bổ sung quy định chế tài cụ thể, đủ mạnh trong các luật để thực hiện nghiêm việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đồng thời coi trọng tuyên truyền, vận động, thuyết phục, khuyến khích các chủ doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đồng tình, ủng hộ, tạo điều kiện để tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội thành lập, hoạt động thuận lợi.

Đẩy mạnh bồi dưỡng phát triển đảng trong các trường phổ thông, trường đại học, cao đẳng, các trường đào tạo nghề và trong công nhân, chú trọng phát triển đảng ở những doanh nghiệp không có hoặc còn ít đảng viên để tạo nguồn thành lập tổ chức cơ sở đảng trong phần lớn các doanh nghiệp.

Có chính sách động viên về vật chất, khuyến khích về tinh thần đối với đội ngũ cán bộ đảng ở doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, nhiệt tình, tâm huyết và kỹ năng công tác cho cán bộ đảng ở doanh nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, góp phần xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, xây dựng doanh nghiệp thịnh vượng.

Có nhiều hình thức tăng cường và phát triển đảng viên tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, làm nòng cốt xây dựng tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

- Xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh, phát huy vai trò của công đoàn trong xây dựng giai cấp công nhân.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp. Nghiên cứu việc quy định cơ cấu đại diện công đoàn vào thường vụ cấp ủy ở những nơi có nhiều khu công nghiệp, đông công nhân.

Các cấp công đoàn cần hướng mạnh hoạt động về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy công nhân, viên chức, lao động làm đối tượng vận động, lấy chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa,

ổn định, tiến bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu hoạt động.

Công đoàn cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, ý thức tự lực, tự cường, tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa cho công nhân; tập hợp trí tuệ của công nhân để tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi và thực hiện chính sách, pháp luật.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn cơ sở, nhất là chủ tịch công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, về trình độ chính trị, hiểu biết chính sách, pháp luật lao động và kỹ năng công tác.

Sớm sửa đổi, bổ sung Luật công đoàn để phù hợp, tương thích với các quy định của Hiến pháp, Bộ luật lao động, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan; xác định rõ vị trí, chức năng, quyền và cơ chế đảm bảo để công đoàn thực hiện tốt chức năng trong thời kỳ mới. Việc thu kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thực hiện theo quy định của Luật công đoàn và của Chính phủ; sử dụng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, sinh hoạt văn hóa, thi đua, khen thưởng, phúc lợi xã hội và các hoạt động khác của công nhân tại chính doanh nghiệp đó, kể cả việc trả lương hoặc phụ cấp lương cho cán bộ công đoàn tại doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ công đoàn. Củng cố, nâng cao chất lượng dạy và học của Trường Đại học Công đoàn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Tăng cường và mở rộng quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân và công đoàn các nước trên toàn thế giới.

Đổi mới mạnh mẽ tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp.

Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở, để công đoàn thực sự là chỗ dựa vững chắc của công nhân tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, có sức hấp dẫn đối với người lao động và tạo được sự đồng tình, ủng hộ của người sử dụng lao động.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để nâng cao hiệu quả công tác nữ công của công đoàn tại các doanh nghiệp và khu công nghiệp.

Sớm bổ sung cơ chế, chính sách bảo vệ cán bộ công đoàn cơ sở và chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ công đoàn cơ sở.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung và phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hóa các loại hình, hình thức tập hợp, vận động thanh niên làm việc trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động đoàn và hội.

Hoạt động Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp cần tập trung vào việc tạo điều kiện, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, cổ vũ và khơi dậy tiềm năng sáng tạo trong thanh niên công nhân;

thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng để phối hợp với tổ chức công đoàn bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích, tư vấn, hỗ trợ về mặt pháp lý và bảo vệ thanh niên công nhân khi quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm phạm.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ rà soát hệ thống pháp luật và các văn bản liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công nhân, điều kiện hoạt động của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phù hợp với Nghị quyết này.

2. Các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt, tuyên truyền và có chương trình hành động cụ thể, đảm bảo Nghị quyết đi vào cuộc sống.

3. Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam làm đầu mối cùng các ban của Đảng, các tổ chức đảng, theo chức năng, nhiệm vụ, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo định kỳ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Sđd,* tr.43-70.

GIẢI TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 119/TLHN, ngày 21 tháng 1 năm 2008

Tiếp thu ý kiến của Trung ương về đề án "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"

(Trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)

Qua thảo luận tại tổ và tại hội trường về đề án "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", đã có 123 lượt ý kiến các đồng chí Trung ương phát biểu. Hầu hết các ý kiến đều tán thành với nội dung đã được nêu trong đề án và tờ trình của Bộ Chính trị và cho rằng đề án được chuẩn bị công phu, đánh giá đúng những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của tình hình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua; các mục tiêu, quan điểm, chủ trương, giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm tới được xác định rõ, khả thi, lý giải phù hợp. Đồng thời, có nhiều ý kiến góp ý bổ sung, phân tích sâu hơn và đề nghị tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn nhiều nội dung trong đề án.

Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến hợp lý của Trung ương để bổ sung, hoàn chỉnh đề án và nghị quyết của Trung ương, cũng như sẽ chú ý trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo sau này. Sau đây, Bộ Chính trị xin tiếp thu và giải trình về một số vấn đề được Trung ương nêu lên như sau:

I- VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Đa số các ý kiến đồng tình với tên của đề án. Có ý kiến đề nghị giữ lại tên đề án đã được xác định trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X ("Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hội nhập"), có ý kiến đề nghị thêm cụm từ "xây dựng" vào trước từ "hoàn thiện", cũng có ý kiến đề nghị đổi tên là "Tiếp tục phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"

Bộ Chính trị xin được giải trình về vấn đề này như sau:

Như đã nêu trong tờ trình của Bộ Chính trị trước Trung ương, trong quá trình chuẩn bị đề án, đã có nhiều ý kiến góp ý việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta không chỉ đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế mà còn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới chung. Hơn nữa, Hội nghị Trung ương 4 (khóa X) đã có nghị quyết về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, bền vững khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Trong thảo luận của Trung ương về đề án, nhiều đồng chí Trung ương cũng có ý kiến tán thành với việc điều chỉnh lại tên đề án.

Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình lâu dài, có nhiều giai đoạn. Trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng trên những nét cơ bản. Hoàn thiện cũng có ý nghĩa là xây dựng, bổ sung, điều chỉnh để thể chế kinh tế ngày càng đúng đắn hơn, phù hợp hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương chấp thuận tên đề án là: "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".

2. Đa số ý kiến tán thành phạm vi và đối tượng của đề án là vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mô hình kinh tế chỉ đề cập ở mức độ cần thiết, làm cơ sở cho hoàn thiện thể chế. Có ý kiến còn băn khoăn, cho rằng chúng ta chưa có nhận thức đúng về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa lý luận và thực tiễn còn khác nhau, vì vậy cần phải làm rõ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng rõ ràng và cụ thể

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin có ý kiến như sau: Trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua, Đảng ta luôn quan tâm nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để từng bước xác định rõ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, một mô hình kinh tế hoàn toàn mới, chưa từng có tiền lệ, không phải chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới. Tại Đại hội VI, Đảng ta mới chủ trương phát triển

kinh tế nhiều thành phần, Đại hội IX đưa ra khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đến Đại hội X mới xác định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bước đầu làm rõ hơn những đặc trưng cơ bản của mô hình kinh tế này. Việc nghiên cứu, làm rõ đầy đủ về mô hình thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một công việc khó khăn, phức tạp và cần phải có thời gian. Từ Đại hội X đến nay mới hơn một năm, do vậy, mặc dù đã cố gắng nhưng chúng ta chưa thể làm rõ được nhiều hơn nữa mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu rất cấp bách trong giai đoạn phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, vì thế không thể chờ nghiên cứu rõ, đầy đủ mô hình rồi mới xây dựng và hoàn thiện thể chế mà phải tiến hành song song, vừa nghiên cứu mô hình, vừa xây dựng và hoàn thiện thể chế. Hơn nữa, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ thúc đẩy quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó sẽ tạo điều kiện để nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn về mô hình kinh tế này. Trong thời gian tới, nhất là trong quá trình chuẩn bị cho Đại hội XI, Đảng ta sẽ chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xác định rõ và cụ thể hơn những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta để trình đại hội xem xét, quyết định.

3. Có ý kiến cho rằng, phạm vi đề án còn quá rộng, đề cập đầy đủ và toàn diện các vấn đề, nhưng vào từng vấn đề lại thấy có chỗ chưa sâu, còn mang tính định tính, thiếu cụ thể, khó triển khai, nhất là ở địa phương

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin được giải trình như sau: Thể chế kinh tế là một hệ thống có cấu trúc phức tạp, gồm nhiều bộ phận cấu thành có liên quan chặt chẽ và có tác động qua lại với nhau, do đó, nếu không xem xét cả hệ thống, chỉ xem xét giải quyết đơn lẻ một số vấn đề sẽ khó có thể đạt được kết quả như mong đợi. Song mặt khác, đây là đề án của Đảng về một vấn đề rất quan trọng, mới mẻ trong điều kiện còn vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nên đề án chỉ tập trung vào các vấn đề thuộc về quan điểm, chủ trương, giải pháp lớn làm cơ sở cho việc xây dựng nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về lĩnh vực này. Trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở Trung ương và chính quyền các địa phương sẽ xây dựng và triển khai thực hiện chương trình hành động cụ thể của ngành, lĩnh vực và địa phương mình. Đối với những ngành và lĩnh vực quan trọng, phức tạp, ví dụ như đất đai, bất động sản, y tế, giáo dục..., phải có các đề án cụ thể với những nội dung và lộ trình thực hiện phù hợp, được Chính phủ, Quốc hội phê duyệt, có nội dung Bộ Chính trị sẽ còn thảo luận cho ý kiến chỉ đạo, thậm chí có vấn đề phải trình xin ý kiến Trung ương. Căn cứ vào nghị quyết Trung ương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các văn bản do Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ban, ngành ban hành, các địa phương sẽ xây dựng, triển khai thực hiện chương trình hành động của địa phương mình.

Vì những lý do đó, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương nhất trí với phạm vi và đối tượng như đã được thể hiện trong đề án.

4. Nhiều ý kiến cho rằng, Ban Chấp hành Trung ương cần ra nghị quyết về "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" nhưng đề nghị nghị quyết cần viết gọn, cô đọng hơn. Cũng có ý kiến đề nghị vấn đề này cần phải bàn ở một vài hội nghị Trung ương, bàn thật sâu, thật kỹ rồi mới ra nghị quyết và cần phải làm từng bước, không thể hoàn thiện ngay được

Bộ Chính trị nhất trí với ý kiến cho rằng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề phức tạp, cần phải được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, đầy đủ hơn. Nhưng qua tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới và thảo luận của Trung ương về đề án do Bộ Chính trị trình lần này, nhận thức, quan điểm của Đảng ta về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên nhiều vấn đề cơ bản cũng đã được làm rõ. Để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới theo Nghị quyết Đại hội X của Đảng, rất cần phải có sự thống nhất nhận thức về những quan điểm, chủ trương, giải pháp lớn, quan trọng về lĩnh vực này. Vì vậy, việc ban hành nghị quyết Trung ương về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cần thiết.

Bộ Chính trị đề nghị: Trung ương ban hành Nghị quyết về "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo việc tu chỉnh nghị quyết của Trung ương gọn, rõ, cô đọng hơn.

II- VỀ THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI

Đa số các ý kiến đồng tình với những đánh giá của đề án. Đồng thời có nhiều ý kiến đề nghị bổ sung thêm các thành tựu, tồn tại, phân tích sâu sắc hơn những nguyên nhân thành công và chưa thành công của quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong 20 năm qua. Có ý kiến chưa đồng tình với nhận định "hệ thống pháp luật chưa đầy đủ" hoặc đề nghị làm rõ hơn "dấu ấn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp" trong việc phân bổ các nguồn lực vừa qua.

Bộ Chính trị xin được giải trình như sau: Những thành tựu, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân trong công cuộc đổi mới nói chung và quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng đã được phân tích và đánh giá khá đầy đủ, toàn diện trong *Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới* và các văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng. Đề án đã kế thừa và cụ thể hóa đánh giá của các văn kiện đó, tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để tạo cơ sở khoa học cho đề xuất các chủ trương và giải pháp về lĩnh vực này mà không phân tích, đánh giá toàn bộ các lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước trong những năm qua.

Về hệ thống pháp luật, mặc dù trong những năm qua, chúng ta đã có rất nhiều cố gắng trong công tác xây dựng pháp luật, cho đến nay chúng ta đã ban hành được rất nhiều

luật và các văn bản pháp quy dưới luật, nhưng trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, nước ta vẫn còn thiếu nhiều luật, nhiều luật hiện vẫn còn thiếu văn bản hướng dẫn thi hành. Các văn bản pháp luật của ta còn chưa đồng bộ, chồng chéo, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn.

Cơ chế phân bổ nguồn lực quốc gia của chúng ta trong những năm đổi mới vừa qua tuy về cơ bản đã chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhưng tỷ lệ đầu tư của Nhà nước trong tổng mức đầu tư xã hội vẫn còn ở mức cao (khoảng 50%), phân bổ nguồn lực vẫn còn dàn trải, có lúc, có nơi còn mang tính chủ quan, còn cơ chế "xin - cho", chưa theo nguyên tắc thị trường; bao cấp, ưu đãi cho các doanh nghiệp nhà nước vẫn còn khá đậm nét; việc định giá, nhất là giá đất và giá một số hàng hóa quan trọng khác vẫn còn có những dấu ấn của cơ chế cũ...

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ những nội dung cơ bản trong phần đánh giá của đề án. Bộ Chính trị sẽ tiếp thu những ý kiến bổ sung, góp ý xác đáng của Trung ương để đưa vào nghị quyết của Trung ương.

III- VỀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

Đa số ý kiến Trung ương nhất trí với mục tiêu, quan điểm đã nêu trong tờ trình và đề án, cho rằng mục tiêu chung nêu gọn, rõ, dễ hiểu, có sức thuyết phục, các quan điểm đã được thể hiện theo tinh thần cụ thể hóa Nghị quyết

Đại hội X của Đảng. Có ý kiến cho rằng, mục tiêu cụ thể chưa rõ, chưa quan tâm đúng mức tới lĩnh vực xã hội, nêu quá nhiều nội dung trong khi thời gian không còn nhiều, khó thực hiện; đề nghị bổ sung cụm từ "nhận thức đầy đủ" vào quan điểm thứ nhất.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau: Các mục tiêu cụ thể nêu trong đề án đều là những nhiệm vụ được đề ra trong Văn kiện Đại hội X của Đảng. Mặc dù thời gian của nhiệm kỳ Đại hội X không còn dài nhưng chúng ta phải quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Đại hội X của Đảng đã đề ra.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ nội dung mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như đã được xác định trong đề án và xin tiếp thu ý kiến Trung ương bổ sung vào quan điểm 1 trong đề án và Dự thảo Nghị quyết như sau: "*Nhận thức đầy đủ*, tôn trọng, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế".

IV- VỀ CHỦ TRƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

Đa số các ý kiến trong thảo luận nhất trí với những chủ trương, giải pháp lớn được nêu trong tờ trình và đề án. Tuy nhiên, có một số vấn đề vẫn còn có ý kiến khác nhau hoặc yêu cầu làm rõ hơn.

1. Một số ý kiến đề nghị cần làm rõ hơn nội hàm của khái niệm "thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", còn băn khoăn về mối quan hệ giữa "kinh tế thị trường" và "định hướng xã hội chủ nghĩa" và cho rằng nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong đề án còn ít, có ý kiến đề nghị cần phải tiếp tục đổi mới tư duy để thống nhất nhận thức

Về những vấn đề này, Bộ Chính trị xin có ý kiến như sau:

Đại hội X của Đảng xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một quan điểm lớn, là kết quả của công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của Đảng ta trong hơn 20 năm đổi mới. Quan điểm này thể hiện rõ tư tưởng sử dụng các mặt tích cực của kinh tế thị trường vào phát triển kinh tế, đồng thời xây dựng những nhân tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó, là một nền kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối của các nhân tố định hướng xã hội chủ nghĩa. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường được Đại hội X của Đảng xác định là: "Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế,

trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng"[1].

Quan điểm về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo những nội dung được Đại hội X của Đảng đề ra là cơ sở để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này được thể hiện trong kết cấu và nội dung cụ thể của tất cả các phần trong đề án.

Tuy nhiên, để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu. Do đó, Bộ Chính trị nhất trí cần phải tiếp tục nghiên cứu, tiếp tục đổi mới tư duy về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở cho việc thống nhất nhận thức cao hơn về vấn đề này và đề nghị Trung ương cho phép thể hiện phần *thống nhất nhận thức* như đã được trình bày trong tờ trình và đề án.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.77-78.

2. Đa số các ý kiến nhất trí về tầm quan trọng của việc hoàn thiện thể chế về sở hữu và những nội dung đã được đưa ra trong đề án và tờ trình, cho rằng cần tiếp tục khẳng định chế độ sở hữu toàn dân về đất đai mà Nhà nước là đại diện. Nhiều ý kiến đề nghị phải làm rõ hơn mối quan hệ giữa quyền sở hữu của Nhà nước và quyền của người sử dụng đất liên quan đến việc định giá đất nhằm hạn chế tình trạng khiếu kiện khi định giá đền bù, giải phóng mặt bằng. Đề nghị không nên dùng khái niệm "vật quyền" mà nên dùng một khái niệm khác thích hợp và rõ nghĩa hơn

Bộ Chính trị cho rằng đây là một trong những loại vấn đề phức tạp nhất, không chỉ liên quan đến Luật đất đai, Bộ luật dân sự và các luật khác mà liên quan cả đến *Cương lĩnh* của Đảng và *Hiến pháp*. Tới đây, trong quá trình chuẩn bị Đại hội XI của Đảng, cần phải triển khai nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để làm rõ hơn về những vấn đề này, trình Đại hội xem xét, quyết định.

Như Bộ Chính trị đã trình Trung ương, cần phải tiếp tục khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân và Nhà nước là người đại diện; khẳng định các quyền của người sử dụng đất và nguyên tắc định giá đất đã được pháp luật về đất đai quy định. Việc giải quyết những vướng mắc trong việc thu hồi đất, đền bù, giải tỏa, giải phóng mặt bằng và định giá đất phải kết hợp nhiều biện pháp, xử lý hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất.

Trong chương trình hành động thực hiện nghị quyết Trung ương lần này, Nhà nước sẽ sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chính sách cụ thể liên quan đến đất đai, bất động sản; có đề án phát triển thị trường bất động sản theo hướng

tăng cường quản lý đất đai, quản lý các hoạt động kinh doanh bất động sản và tạo điều kiện cho thị trường bất động sản phát triển.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến Trung ương để hoàn chỉnh nghị quyết theo quan điểm trên cũng như trong chỉ đạo thực hiện nghị quyết sau này. Đồng thời tiếp thu ý kiến không đưa khái niệm "vật quyền" vào nghị quyết.

3. Nhiều ý kiến băn khoăn về khả năng đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của kinh tế nhà nước, về sự yếu kém của doanh nghiệp nhà nước và của kinh tế tập thể; đề nghị làm rõ hơn về những vấn đề này, về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vừa qua. Có ý kiến lo ngại về định hướng xã hội chủ nghĩa khi mà kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng có tỷ trọng cao hơn

Về những vấn đề này, Bộ Chính trị xin được trình bày rõ thêm như sau:

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, giải pháp sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước để doanh nghiệp nhà nước phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động, trong đó cổ phần hóa là một giải pháp lớn, quan trọng. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong thời gian vừa qua về cơ bản đã bám sát và thực hiện đúng mục đích, yêu cầu do các nghị quyết của Đảng đề ra là cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, giảm những doanh nghiệp nhà nước quy mô quá nhỏ, kinh doanh thua lỗ, ở các lĩnh vực không nhất thiết phải có doanh nghiệp nhà nước để tập trung phát triển doanh nghiệp nhà nước lớn ở các lĩnh vực quan trọng, then chốt của nền kinh tế; hình thành loại hình doanh

nghiệp đa sở hữu, thu hút các nguồn vốn xã hội vào phát triển kinh tế có cơ chế quản lý năng động, hiệu quả hơn. Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa đều có tốc độ tăng trưởng cao, hoạt động kinh doanh có hiệu quả (quy mô vốn, tỷ suất lợi nhuận, thu nhập của người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước đều tăng). Tuy nhiên, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vừa qua cũng còn chậm, gặp nhiều khó khăn. Việc xác định giá trị doanh nghiệp thời kỳ đầu, khi chưa đấu giá giá trị doanh nghiệp còn sơ hở, chưa tính đúng, tính đủ giá trị thương hiệu, lợi thế kinh doanh và nhất là chưa xác định đúng giá trị quyền sử dụng đất để đưa vào giá trị doanh nghiệp, làm thất thoát tài sản nhà nước, làm giàu cho một số người, gây bức xúc trong xã hội. Mặc dù còn một số hạn chế nhưng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã đạt được những kết quả tích cực, doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã có vai trò quan trọng, nắm giữ được các vị trí then chốt, bảo đảm những cân đối lớn của nền kinh tế, góp phần để kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Nhiều văn kiện của Đảng cũng đã khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được thể hiện ở chỗ Nhà nước là đại diện chủ sở hữu duy nhất về đất đai, tài nguyên và nhiều tài sản công khác, là nhà đầu tư lớn nhất đồng thời cũng là khách hàng lớn nhất trên thị trường, có các doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động ở những ngành, lĩnh vực then chốt. Nhà nước ta đã và đang thực hiện ngày càng tốt hơn chức năng xây dựng, hoàn thiện thể chế, chức năng quản lý nhà nước và chức năng kinh tế

của mình để định hướng phát triển nền kinh tế và các thành phần kinh tế, ổn định và lành mạnh hóa môi trường kinh tế vĩ mô, cải thiện môi trường kinh doanh. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế được khẳng định qua mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, sức mạnh của kinh tế nhà nước, sự điều tiết quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa và được bảo đảm bằng hệ thống an sinh xã hội chứ không phải chỉ bằng tỷ trọng của khu vực kinh tế nhà nước trong nền kinh tế. Do đó, trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư nhân trong và ngoài nước, việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước và phát triển nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước thì kinh tế nhà nước vẫn sẽ giữ vững và làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Riêng đối với khu vực kinh tế tập thể, mặc dù đã hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nhưng việc tổng kết 5 năm thực hiện nghị quyết vừa qua của Ban Bí thư cho thấy khu vực kinh tế tập thể còn rất nhỏ bé, chưa ra khỏi tình trạng khó khăn, yếu kém kéo dài. Điều này sẽ có ảnh hưởng nhất định tới định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Do đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước ta phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ ở khu vực kinh tế này trong thời gian tới.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến Trung ương để đưa vào nghị quyết theo tinh thần những quan điểm này và sẽ chú ý trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo sau này.

4. Có một số ý kiến còn băn khoăn có nên có thị trường dịch vụ công (y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao) hay không; áp dụng cơ chế thị trường vào các lĩnh vực này liệu có ảnh hưởng đến định hướng xã hội chủ nghĩa hay không? Vai trò của Nhà nước ra sao trong việc đáp ứng yêu cầu của xã hội, thực hiện chính sách đối với người nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn như thế nào?

Như đã trình bày trong đề án, Bộ Chính trị xin khẳng định chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước là phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực dịch vụ công để bảo đảm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng ngày càng tăng của nhân dân. Để thực hiện mục tiêu này, Nhà nước sẽ tiếp tục tăng mạnh đầu tư hơn nữa cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, đặc biệt là đầu tư cho những vùng nghèo, người nghèo, bảo đảm những mức dịch vụ cơ bản cho nhân dân. Đồng thời phải đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các thành phần kinh tế, các nguồn lực khác phát triển dịch vụ để đáp ứng tốt hơn cả về số lượng và chất lượng các dịch vụ công cho xã hội. Cơ chế thị trường có những mặt tích cực, do đó cần phải vận dụng hợp lý, có hiệu quả, phù hợp với từng lĩnh vực để huy động tối đa các nguồn lực, phát triển các dịch vụ này, đáp ứng các yêu cầu ngày càng tăng cao của xã hội.

Vấn đề là phải tiếp tục tăng cường và hoàn thiện quản lý nhà nước theo hướng: cùng với việc tăng đầu tư của Nhà nước, Nhà nước phải xác định rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí dịch vụ mà các đơn vị cung ứng dịch vụ phải tuân theo, xác định rõ các mức dịch vụ cơ bản mà Nhà nước phải bảo đảm, nhất là cho người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách để bảo đảm quyền của nhân dân được học tập, chăm sóc sức

khỏe phù hợp với trình độ phát triển của đất nước. Nhà nước có những chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế... để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển những lĩnh vực này; từng bước tính đúng, tính đủ chi phí để bảo đảm cho việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng của các dịch vụ công cơ bản. Nhà nước sẽ đổi mới và hoàn thiện cơ chế tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng tự chủ cao hơn, năng động hơn, thúc đẩy cạnh tranh để cung ứng dịch vụ có chất lượng tốt hơn, giá cả hợp lý hơn. Đồng thời, Nhà nước tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, xử lý nghiêm các vi phạm, như: chạy theo lợi nhuận, không bảo đảm chất lượng dịch vụ, vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức, vi phạm các chính sách xã hội... Cùng với những biện pháp trên, Nhà nước sẽ từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là của nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo.

Bộ Chính trị thấy rằng, đây là lĩnh vực rất nhạy cảm, cần phải chỉ đạo chặt chẽ phù hợp với từng lĩnh vực, từng giai đoạn phát triển. Trên cơ sở nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Chính phủ xây dựng đề án riêng, đánh giá nghiêm túc những thành tựu, hạn chế và những nguyên nhân để đề ra chính sách, biện pháp khả thi với lộ trình phù hợp.

Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến của Trung ương về các vấn đề này như đã trình bày ở trên để hoàn chỉnh đề án, nghị quyết và tiếp tục chỉ đạo trong quá trình thực hiện các chủ trương đã được nêu trong đề án.

5. Một số ý kiến đề nghị Nhà nước cần quan tâm làm tốt hơn việc hạn chế tác động của mặt trái của cơ chế thị trường, chú ý nhiều hơn tới quản lý các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán; đề nghị xem lại chủ trương "chuyển giao một số công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội khác", nói rõ đó là những công việc gì

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin có ý kiến như sau:

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước là vấn đề lớn, hết sức quan trọng đối với cả sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững của nền kinh tế thị trường và cả việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Quản lý nhà nước là yếu tố quyết định trong việc hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà cả trong lĩnh vực xã hội, như các hoạt động kinh doanh bất hợp pháp, vi phạm pháp luật, làm suy thoái đạo đức, làm nảy sinh các tiêu cực, tệ nạn xã hội, làm phân hóa giàu, nghèo giữa các tầng lớp xã hội, tạo ra sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng... Trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước cần quan tâm quản lý các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán là hết sức cần thiết, bởi đây là những thị trường hết sức quan trọng và nhạy cảm, có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển ổn định, bền vững của nền kinh tế, tới sự ổn định chính trị, xã hội của đất nước. Điều này càng quan trọng khi nước ta đang hội nhập vào kinh tế khu vực và quốc tế, các thị trường này chịu sự tác động rất lớn từ bên ngoài và có những âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch đối với đất nước ta. Vấn đề quản lý nhà nước đã được thể hiện trong nội dung nhiều phần của đề án. Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị sẽ

thể hiện rõ hơn, đậm nét hơn những nội dung này trong nghị quyết của Trung ương.

Việc Nhà nước có thể chuyển một số nhiệm vụ cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp là phù hợp với xu thế phát triển chung, với chủ trương xã hội hóa của Đảng, Nhà nước ta. Đây là việc Nhà nước ta đã và đang làm. Nhà nước có thể không nhất thiết phải làm các dịch vụ, như công chứng, kiểm định chất lượng hàng hóa, dịch vụ, các hoạt động tư vấn pháp luật... Tuy nhiên, những công việc cụ thể mà Nhà nước có thể chuyển giao cho các tổ chức xã hội khác cần được xác định cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của từng giai đoạn.

Trên đây là giải trình của Bộ Chính trị về những vấn đề lớn Trung ương nêu lên trong quá trình thảo luận đề án "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".

Bộ Chính trị xin trình Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.111-132.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 21-NQ/TW, ngày 30 tháng 1 năm 2008

Về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là chủ yếu sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen hỗn hợp, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội. Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát

triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã đi vào cuộc sống, doanh nghiệp và doanh nhân được tự chủ kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh để phát triển. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển sang quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác. Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất. Việc xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai còn nhiều vướng mắc. Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong các doanh nghiệp nhà nước chưa giải quyết tốt, gây khó khăn cho sự phát triển và làm thất thoát tài sản nhà nước, nhất là khi tiến hành cổ phần hóa. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác còn bị phân biệt đối xử. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại, trốn, lậu thuế còn nhiều, chậm được khắc phục. Phân bổ nguồn lực quốc gia chưa hợp lý. Chính sách tiền lương còn mang tính bình quân, chưa bảo đảm đời sống của người hưởng lương, chưa khuyến khích, thu hút và sử dụng được

người tài. Hệ thống thuế chưa thực hiện tốt chức năng điều tiết và bảo đảm công bằng xã hội, thúc đẩy đầu tư, đổi mới công nghệ, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu lực, hiệu quả quản lý còn thấp. Cải cách hành chính chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí vẫn nghiêm trọng. Cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội đổi mới chậm, chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo còn thấp. Khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng ngày càng lớn. Hệ thống an sinh xã hội còn sơ khai. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội thấp. Nhiều vấn đề bất cập, bức xúc trong xã hội và bảo vệ môi trường chưa được giải quyết tốt.

Những hạn chế trên có nguyên nhân do việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế. Công tác lý luận chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn. Nền kinh tế vẫn trong tình trạng kém phát triển; sự chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư còn cao. Năng lực thể chế hóa và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước còn hạn chế, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Vai trò tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp còn yếu.

I- MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM

1. Mục tiêu

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cụ thể:

Từ nay đến năm 2010, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế; đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội.

Giai đoạn từ năm 2010 - 2020, tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế, hoàn thành về cơ bản mục tiêu chung nêu trên.

2. Quan điểm

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường.

- Chủ động, tích cực với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

II- CHỦ TRƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại được phát triển tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản nhưng tự bản thân kinh tế thị trường không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản. Thực tiễn đổi mới ở nước ta đã chứng minh đầy sức thuyết phục về việc sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành kinh tế thị trường được tự giác tạo lập và sử dụng để giải phóng triệt để sức sản xuất, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo; từng bước làm cho mọi thành viên xã hội đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp

vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu

+ Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng khẳng định sự tồn tại khách quan, lâu dài và khuyến khích sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu khác nhau trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới, như trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước, khoáng sản...

+ Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là Nhà nước; các quyền của người sử dụng đất theo các quy định hiện nay của pháp luật được tôn trọng và bảo đảm.

+ Hoàn thiện thể chế về sở hữu nhà nước theo hướng tách bạch vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế - xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu

tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; thu hẹp và tiến tới xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, ủy ban nhân dân đối với tài sản, vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có tài sản, vốn nhà nước. Tiếp tục đổi mới, củng cố và phát huy vai trò của mô hình công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

+ Hoàn thiện thể chế, quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản (trí tuệ, tài sản vật chất, tài sản cổ phiếu, tài sản nợ); bảo hộ các quyền lợi hợp pháp. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu và những người liên quan đối với xã hội.

+ Bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sở hữu tập thể, các tổ hợp tác, hợp tác xã; bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích của các xã viên đối với tài sản thuộc sở hữu của hợp tác xã.

+ Khuyến khích liên kết hỗn hợp giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, làm cho chế độ cổ phần, sở hữu hỗn hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

+ Sớm ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; quy định đối tượng, điều kiện để người nước ngoài có quyền được mua, được sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất và các tài sản khác tại Việt Nam.

- Hoàn thiện thể chế về phân phối

+ Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo hướng bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay

trong từng bước, từng chính sách phát triển. Các nguồn lực xã hội được phân bổ theo cơ chế thị trường và theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà nước bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Tập trung vốn đầu tư nhà nước phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, dịch vụ công quan trọng, một số ngành sản xuất thiết yếu, then chốt, đóng vai trò chủ đạo và lĩnh vực mà tư nhân không thể hoặc chưa thể đảm đương được; quan tâm đến các vùng, đối tượng còn nhiều khó khăn, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, các địa phương.

+ Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động, doanh nghiệp và bảo đảm lợi ích quốc gia. Chú trọng phân phối lại qua phúc lợi xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, y tế; bảo đảm đời sống, ít nhất là ở mức trung bình của xã hội, cho các đối tượng chính sách. Đổi mới cơ chế phân bổ chi ngân sách cho phát triển xã hội, củng cố và mở rộng hơn nữa hệ thống an sinh xã hội. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp về thuế theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, nuôi dưỡng nguồn thu và thực hiện công bằng xã hội.

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế

+ Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp lại, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước để góp phần giữ vững và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để ngăn ngừa

thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa; nghiên cứu, hoàn thiện chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động để tạo sự gắn bó lâu dài, phát huy quyền làm chủ của người lao động tại doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước sau cổ phần hóa. Kiện toàn Tổng Công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước để làm tốt chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Hình thành và quản lý chặt chẽ các tổng công ty và một số tập đoàn kinh tế đa sở hữu có cổ phần chi phối của Nhà nước ở những lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế. Thu hẹp những lĩnh vực độc quyền nhà nước, không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp và xóa bỏ bao cấp của nhà nước cho doanh nghiệp. Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần, góp vốn vào các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế nhà nước. Đẩy mạnh việc sắp xếp, chuyển đổi các nông - lâm trường quốc doanh theo mô hình doanh nghiệp và các mô hình thích hợp để hoạt động có hiệu quả.

+ Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác theo cơ chế thị trường, phù hợp với các nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng. Khuyến khích tăng vốn góp, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia trong hợp tác xã; phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã đa dạng, sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế tập thể tiếp cận các nguồn vốn; đào tạo cán bộ quản lý, lao động; trợ giúp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ

phát triển thị trường, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, các dự án đầu tư của Nhà nước.

+ Thực hiện nghiêm túc, nhất quán một mặt bằng pháp lý và điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước vào các lĩnh vực mà pháp luật không cấm; tạo điều kiện để các doanh nghiệp của tư nhân tiếp cận các nguồn lực của Nhà nước trên nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nhà nước, bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân để các doanh nghiệp tư nhân tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và ở khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi để các trang trại và hộ sản xuất kinh doanh góp vốn phát triển theo hình thức hợp tác xã, công ty cổ phần hoặc trở thành doanh nghiệp tư nhân và các loại hình kinh doanh khác thích hợp.

+ Tăng cường đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả. Nhà nước bằng hình thức tổ chức đấu thầu, đơn đặt hàng và có chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, kể cả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư phát triển các đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ công; tạo môi

trường thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho các đơn vị sự nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hình thành và phát triển. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Nhà nước quy định các loại hình dịch vụ, các đối tượng xã hội được Nhà nước đài thọ toàn phần hoặc một phần, còn lại phải thanh toán chi phí theo nguyên tắc thị trường. Trên cơ sở đó, các đơn vị cung ứng dịch vụ công lập hoặc ngoài công lập thực hiện cung ứng dịch vụ diện nhà nước đài thọ theo hình thức hợp đồng. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và về tài chính trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về giá, về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc bình ổn giá bằng các biện pháp kinh tế vĩ mô và sử dụng nguồn lực kinh tế của Nhà nước, giảm tối đa các can thiệp hành chính trong quản lý giá. Hoàn thiện khung pháp lý cho ký kết, thực hiện hợp đồng; không hình sự hóa các tranh chấp dân sự trong hoạt động kinh tế. Hoàn thiện thể chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư, giải quyết tranh chấp phù hợp với kinh tế thị trường và các cam kết quốc tế; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao lòng tin của xã hội đối với pháp luật và các cơ quan tư pháp.

- Đa dạng hóa các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, chú trọng phát triển thị trường

dịch vụ. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho các thị trường này. Thực hiện tự do hóa thương mại và đầu tư phù hợp với các cam kết quốc tế. Phát triển các phương thức giao dịch thị trường hiện đại, nhất là với hàng hóa nông sản và vật tư nông nghiệp để ổn định giá, giảm bớt rủi ro cho người sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giá đối với một số ít hàng hóa, dịch vụ độc quyền, bảo đảm tuân thủ yêu cầu của cơ chế thị trường và các cam kết quốc tế. Xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường. Tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa và dịch vụ, nhất là những hàng hóa, dịch vụ liên quan trực tiếp đến sức khỏe của người dân. Xử lý nghiêm minh các sai phạm.

- Phát huy tốt hơn vai trò điều hành thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước như một ngân hàng trung ương hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Từng bước mở cửa thị trường tín dụng, các dịch vụ ngân hàng phù hợp với cam kết quốc tế. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại, thực hiện tốt việc cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước, thu hút được các đối tác chiến lược, song Nhà nước giữ cổ phần chi phối, áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và vai trò chủ đạo của các ngân hàng này. Đổi mới hoạt động thanh tra, giám sát; phát triển các công cụ dự báo, phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, làm cho thị trường chứng khoán ngày càng đóng vai trò quan trọng trong huy động vốn cho đầu tư phát triển.

Đưa các giao dịch chứng khoán phi tập trung vào phạm vi quản lý, kiểm soát của Nhà nước. Tăng tính minh bạch của thị trường. Chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường. Nâng cao năng lực dự báo, có biện pháp phòng ngừa tình trạng rút vốn hàng loạt, ảnh hưởng xấu đến kinh tế vĩ mô. Mở rộng từng bước quyền mua cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam giao dịch trên thị trường chứng khoán quốc tế.

Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm. Tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc các thành phần kinh tế trong nước, khuyến khích hợp tác và liên kết giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện lộ trình mở cửa thị trường bảo hiểm theo cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Quan tâm hơn nữa đến các dịch vụ bảo hiểm đối với con người và hàng nông sản. Nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với thị trường bảo hiểm.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để các quyền về đất đai và bất động sản được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất kinh doanh. Xác định rõ quyền sử dụng đất là một loại hàng hóa đặc biệt, được định giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý và điều tiết của Nhà nước. Ban hành chính sách định giá bảo đảm hài hòa quyền lợi của người sử dụng đất, của nhà đầu tư và của Nhà nước trong quá trình giải tỏa, thu hồi đất. Khuyến khích những tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào các dự án đầu tư, kinh doanh. Có chính sách giải quyết tốt vấn đề đất ở, nhà ở, việc

làm cho người bị thu hồi đất. Đưa giá trị quyền sử dụng đất vào danh mục tài sản của mọi tổ chức, cá nhân được giao quyền sử dụng đất, kể cả các cơ quan nhà nước. Tạo quỹ đất của Nhà nước phục vụ các mục tiêu công ích, thực hiện chính sách xã hội và hỗ trợ việc điều tiết thị trường đất đai, hỗ trợ tái định cư trong quá trình giải phóng mặt bằng. Nhà nước chủ động tham gia thị trường bất động sản với tư cách là chủ sở hữu đất đai và nhiều bất động sản trên đất.

Hoàn thiện chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, đất được giao nhưng không đưa vào sử dụng theo cam kết và các trường hợp sở hữu, sử dụng nhà, đất vượt quá hạn mức quy định, ngăn chặn những cơn sốt giá do đầu cơ bất động sản, đặc biệt là đất đai. Nhà nước khuyến khích đầu tư xây dựng quỹ đất phục vụ di dân tái định cư, quỹ nhà ở xã hội để cho thuê hoặc bán theo quy định của pháp luật. Có chính sách giải quyết vấn đề nhà ở ổn định lâu dài cho lao động ở các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế. Kiểm soát chặt chẽ và áp dụng cơ chế thị trường đối với việc chuyển đổi đất công và tài sản công trên đất thành hàng hóa bất động sản. Hiện đại hóa hệ thống quản lý hồ sơ địa chính, bất động sản. Phát triển đồng bộ các dịch vụ tư vấn pháp luật, công chứng, thẩm định, đấu giá, đăng ký giao dịch... tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho các giao dịch trên thị trường đất đai, bất động sản. Xây dựng cơ chế tài phán để giải quyết những khiếu nại liên quan đến đất đai.

Xây dựng, công khai hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Quản lý chặt chẽ quỹ đất sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia về lâu dài. Bảo đảm lợi ích

thỏa đáng và công bằng giữa các nhà đầu tư phát triển bất động sản, các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất và của Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về tiền lương, tiền công. Tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung - cầu về sức lao động, chất lượng, cường độ lao động và mức độ cạnh tranh việc làm. Thực hiện tốt, phấn đấu rút ngắn lộ trình điều chỉnh tiền lương và trợ cấp xã hội giai đoạn 2008 - 2012 đi đôi với kiểm soát lạm phát để bảo đảm thu nhập thực tế ngày càng tăng cho người hưởng lương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tay nghề của người lao động; khuyến khích khu vực tư nhân, doanh nghiệp tham gia dạy nghề thông qua các ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo giáo viên, đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng, v.v.. Hoàn thiện luật pháp, chính sách cho hoạt động và phát triển thị trường lao động, đổi mới tổ chức và hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm của Nhà nước; khuyến khích tổ chức các hội chợ việc làm; phát triển các tổ chức dịch vụ tư vấn, sàn giao dịch, giới thiệu việc làm tư nhân đi đôi với tăng cường quản lý, kiểm soát của Nhà nước, ngăn chặn các hành vi lừa đảo và các hiện tượng tiêu cực khác. Nâng cao chất lượng và hiệu quả xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động có trình độ cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp trong nước thu hút và sử dụng lao động nước ngoài có trình độ chuyên môn cao.

Áp dụng phổ biến chế độ hợp đồng lao động, kể cả trong các đơn vị sự nghiệp công lập và khu vực kinh tế nhà nước. Đưa thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể thành

quy định bắt buộc; tăng cường sự tham gia của đại diện người lao động và người sử dụng lao động vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển thị trường lao động. Tăng cường sự quản lý và giám sát của Nhà nước đối với thị trường lao động. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các toà lao động, xử lý tốt các trường hợp tranh chấp, bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động và người sử dụng lao động.

- Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý và hỗ trợ phát triển các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ và nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới, nhập khẩu và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật sở hữu trí tuệ.

Phát triển các dịch vụ thiết kế, đo lường, đánh giá, thẩm định, giám định chất lượng, thông tin, môi giới, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ theo hướng xã hội hóa. Đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường. Hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý thị trường công nghệ.

- Tuân thủ nguyên tắc bù đắp đủ chi phí để tái tạo và mở rộng quy mô cung ứng dịch vụ công với chất lượng ngày càng cao. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, đặc biệt là cho những vùng nghèo, người nghèo, bảo đảm những dịch vụ cơ bản cho nhân dân. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa, vận dụng hợp lý những mặt tích cực của cơ chế thị trường. Nhà nước có chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng khuyến khích và huy động các

thành phần kinh tế trong và ngoài nước, các nguồn lực khác phát triển mạnh các dịch vụ công về số lượng và nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu đa dạng ngày càng tăng của nhân dân.

Cùng với việc tăng đầu tư, Nhà nước xác định rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí mà các đơn vị cung ứng dịch vụ phải tuân theo, các mức dịch vụ cơ bản Nhà nước phải bảo đảm cho nhân dân, nhất là cho người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách để bảo đảm quyền của nhân dân được học tập, chăm sóc sức khỏe phù hợp với trình độ phát triển của đất nước. Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt mua từ các nhà cung cấp dịch vụ theo chất lượng và chi phí chuẩn, tạo cạnh tranh giữa các đơn vị cung ứng thuộc mọi thành phần kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách và tăng cường quản lý của Nhà nước, giám sát của các tổ chức xã hội để hạn chế các mặt trái của cơ chế thị trường, xử lý nghiêm các vi phạm. Từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là của nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo.

4. Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo, vươn lên no ấm, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc và căn cứ cách mạng trước đây. Chính sách giảm nghèo không chỉ nhằm mục tiêu ổn định mà còn tạo động lực cho sự phát

triển. Tạo điều kiện để mọi công dân nắm bắt được cơ hội làm ăn, nâng cao thu nhập và đời sống, được hưởng thành quả chung của phát triển. Tập trung đầu tư phát triển kinh tế, xã hội ở một số vùng trọng điểm có tỷ lệ hộ nghèo cao; phấn đấu từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các đối tượng, các vùng, không để chênh lệch này trở thành vấn đề xã hội bức xúc. Đưa mục tiêu giảm nghèo vào nội dung chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, của từng địa phương. Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng xã hội cho người nghèo, giúp người nghèo giảm bớt khó khăn, vươn lên thoát nghèo, đồng thời khắc phục tư tưởng ỷ lại, bao cấp, trông chờ vào Nhà nước.

- Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mở rộng các hình thức bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện; bổ sung, sửa đổi các chế độ bảo hiểm xã hội còn bất hợp lý, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội; tách bảo hiểm xã hội đối với khu vực hành chính nhà nước ra khỏi khu vực doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các lĩnh vực khác. Điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo cơ chế tạo nguồn, độc lập tương đối với chính sách tiền lương, giảm dần phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; từng bước cải thiện đời sống của người về hưu theo trình độ phát triển của nền kinh tế.

- Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận để chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng theo tinh thần xã hội hóa với sự hỗ trợ một phần của Nhà nước, bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hòa nhập

tốt hơn vào cộng đồng, tự vươn lên. Tạo cơ hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trước hết là người còn khả năng lao động, tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu, cơ hội giáo dục, đào tạo, dạy nghề, việc làm, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, văn hóa, thể thao. Sửa đổi, bổ sung chế độ trợ cấp xã hội dựa trên cơ sở tăng mức sống tối thiểu của toàn xã hội. Thực hiện các chương trình mục tiêu hướng ưu tiên vào đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, giám sát chặt chẽ việc thực hiện; phòng ngừa, ngăn chặn, không để phát sinh thêm các ô nhiễm mới, xử lý triệt để những điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm. Bảo vệ môi trường phải được coi trọng ngay từ đầu và trong suốt quá trình xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, của các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế. Có kế hoạch phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng kế hoạch ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do sự biến đổi khí hậu.

5. Hoàn thiện thể chế nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế, tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội

- Đảng tăng cường chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định rõ, cụ thể và đầy đủ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

Coi trọng đổi mới tư duy, công tác tuyên truyền, giáo dục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thống nhất nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối, các chủ trương, chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; lãnh đạo quá trình tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, đặc biệt là cán bộ trong lĩnh vực xây dựng và thực thi thể chế kinh tế. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với những yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Vận dụng và phát huy mặt tích cực, hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường và tiếp tục tạo ra những tiền đề, điều kiện để nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới mạnh mẽ hơn phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước. Coi trọng và làm tốt công tác xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng có hiệu quả các công cụ quản lý, điều tiết vĩ mô, bảo đảm những cân đối lớn của nền kinh tế, kiềm chế lạm phát; phát triển lành mạnh của các thị trường tài chính, tiền tệ, chứng khoán, bảo hiểm; ngăn ngừa và xử lý kịp thời những biến động xấu đối với ổn định kinh tế vĩ mô; phát triển các lĩnh vực xã hội, gắn thực hiện tiến bộ và công bằng

xã hội với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường; tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp; giữ vững an ninh, quốc phòng, ổn định chính trị - xã hội cho sự phát triển đất nước. Chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội; tinh giản bộ máy nhà nước, tập trung nguồn lực vào một số lĩnh vực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế, xã hội.

- Nâng cao vai trò của các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và nhân dân tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát thực hiện luật pháp, các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Căn cứ vào Nghị quyết này và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức đảng các cấp cần nghiên cứu, xác định rõ và cụ thể nội dung lãnh đạo kinh tế của Đảng ở cấp mình, nhất là

trong xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển cũng như các chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - xã hội.

3. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các ban của Đảng, các tổ chức đảng theo chức năng, làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.133-159.

GIẢI TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 114/TLHN, ngày 21 tháng 1 năm 2008

Tiếp thu ý kiến của Trung ương về đề án "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở"

(Trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)

Trong hai ngày 15 và 16-1-2008, Trung ương đã thảo luận đề án "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở". Đã có 137 ý kiến phát biểu (111 ý kiến phát biểu ở tổ và 26 ý kiến phát biểu tại hội trường). Hầu hết ý kiến của các đồng chí Trung ương đều nhất trí với nội dung đề án, tờ trình của Bộ Chính trị và cho rằng, việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên là vấn đề rất hệ trọng, là sự quan tâm của toàn Đảng và đang có nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết. Do vậy, Trung ương cần ban hành nghị quyết chuyên đề về vấn đề này. Nội dung đề án đánh giá khá rõ tình hình, những khó khăn,

vướng mắc, bất cập hiện nay ở cơ sở và đã nêu được phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện trong thời gian tới. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng nội dung đề án chưa có gì mới; các giải pháp chưa có tính đột phá, thiếu cụ thể, khó thực hiện, nhất là ở cơ sở. Nhiều ý kiến nhấn mạnh hoặc bổ sung, làm rõ hơn, cụ thể hơn một số nội dung trong đề án.

Trên cơ sở ý kiến thảo luận của Trung ương, Bộ Chính trị xin nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến hợp lý để hoàn chỉnh đề án và dự thảo nghị quyết. Sau đây, Bộ Chính trị xin báo cáo làm rõ thêm một số vấn đề.

1. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh của đề án

Đa số ý kiến đồng ý như dự thảo. Cũng có ý kiến đề nghị chỉnh sửa lại tên đề án như sau:

- Bổ sung cụm từ "công chức" sau cụm từ cán bộ và sắp xếp lại tên gọi là: "*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đảng viên và đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở*".

- Bỏ cụm từ "cơ sở" trong cụm từ "tổ chức cơ sở đảng"; tên gọi của đề án sẽ là "*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở*".

- Bổ sung cụm từ "trong tình hình mới" vào cuối tên gọi của đề án.

Có ý kiến băn khoăn về cụm từ "sức chiến đấu", cho rằng trong thời điểm hiện nay dùng cụm từ này để nói về tổ chức cơ sở đảng thì có thật phù hợp không?

Về các ý kiến nêu trên, Bộ Chính trị nhận thấy, việc Trung ương bàn về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên là rất quan trọng và cần thiết. Việc này cũng đã được xác định trong Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

*Theo quy định của Điều lệ Đảng, **tổ chức cơ sở đảng** là một khái niệm, bao gồm chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở. Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Mọi đảng viên, dù công tác ở Trung ương hay ở địa phương, trong bất cứ lĩnh vực nào cũng đều sinh hoạt, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng.*

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là một trong năm bài học lớn của 20 năm đổi mới, là thành tố đầu tiên trong bốn thành tố của chủ đề Đại hội X. Nâng cao sức chiến đấu của toàn Đảng nói chung, của tổ chức cơ sở đảng nói riêng là làm cho từng cán bộ, đảng viên, từng tổ chức và cấp ủy đảng phải có ý chí phấn đấu vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thường xuyên rèn luyện phẩm chất, đạo đức, không nể nang, né tránh; kiên quyết đấu tranh với những tiêu cực, suy thoái ở ngay trong bản thân mỗi đảng viên, ở trong tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi mình công tác, ở trong Đảng và trong xã hội; dũng cảm đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chống các quan điểm, tư tưởng và hành động sai trái, thù địch.

Với những lý do nêu trên và nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị tên gọi của đề án (cũng là tên Nghị quyết) là: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên".

Liên quan đến phạm vi điều chỉnh của đề án, có ý kiến cho rằng Trung ương ra nghị quyết về tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên là quá rộng, không nên đề cập tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng, mà chỉ nên tập trung vào một số loại hình tổ chức cơ sở đảng đang còn nhiều yếu kém, bất cập, như tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và trong các loại hình doanh nghiệp (cả khu vực nhà nước và ngoài nhà nước). Cũng có ý kiến đề nghị chỉ nên tập trung vào loại hình tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn.

Bộ Chính trị nhận thấy, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên là vấn đề có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X. Hiện nay, toàn Đảng có hơn 52.000 tổ chức cơ sở đảng với 5 loại hình tổ chức cơ bản là: xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp và lực lượng vũ trang. Trong đề án trình Trung ương đã nêu rõ rằng do đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ cụ thể của mỗi loại hình tổ chức cơ sở đảng có khác nhau, nên tình hình tổ chức và chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng cũng khác nhau và không đồng đều; loại hình tổ chức cơ sở đảng nào cũng còn bộc lộ những mặt yếu kém cần phải khắc phục. Mặt khác, từ sau khi ban hành Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn" đến nay, Ban Chấp hành Trung ương chưa có nghị quyết chuyên đề nào đề cập một cách toàn diện đến tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị: nghị quyết này của Trung ương cần đề cập đến tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

2. Về đánh giá tình hình

Qua thảo luận, đa số các đồng chí Trung ương cơ bản nhất trí với đánh giá về ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và những vướng mắc, bất cập ở cơ sở hiện nay như nêu trong đề án và tờ trình của Bộ Chính trị. Một số ý kiến đóng góp thêm về những vấn đề sau:

- Cần cân nhắc để tránh mâu thuẫn trong đánh giá (phần ưu điểm thì nêu nhiều tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên, ở phần khuyết điểm lại nói không ít hoặc một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên...).

- Đánh giá như trong đề án có phần còn lạc quan, nặng về ưu điểm, chưa nhìn thẳng vào sự thật để chỉ ra những mặt yếu kém của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay. Ngược lại, có ý kiến cho rằng nhận định như trong đề án là quá nhấn mạnh khuyết điểm, làm cho tình hình của Đảng "tối quá".

- Đề nghị sắp xếp lại thứ tự các mục trong phần đánh giá tình hình cho hợp lý hơn để nhấn mạnh được những ưu điểm, khuyết điểm cơ bản cần phát huy hoặc khắc phục.

- Nên đánh giá ưu điểm, khuyết điểm của tổ chức cơ sở đảng theo từng loại hình cơ sở đảng và của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Một số ý kiến góp ý cụ thể về từ ngữ trong đề án và tờ trình.

Về những ý kiến trên, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao Bộ Chính trị nghiên cứu, tiếp thu, tu chỉnh đề án và dự

thảo nghị quyết. Bộ Chính trị xin báo cáo làm rõ thêm một số điểm sau:

Khi đánh giá ưu điểm, khuyết điểm của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, Bộ Chính trị đã thảo luận và cân nhắc kỹ một số từ ngữ thể hiện định tính và định lượng để không mâu thuẫn giữa đánh giá ưu điểm và khuyết điểm. Tuy nhiên, hiện toàn Đảng có hơn 200.000 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và hơn 3,2 triệu đảng viên; với số tổ chức cơ sở đảng và đảng viên lớn như vậy thì việc thể hiện từ "nhiều" ở phần ưu điểm và cụm từ "một bộ phận không nhỏ" ở phần khuyết điểm là phù hợp với thực tế, nhất là khi chúng ta chưa có đủ cơ sở để đưa ra được con số tuyệt đối.

Trong quá trình thảo luận và chuẩn bị đề án trình Trung ương, Bộ Chính trị nhận thấy cần đánh giá đúng tình hình, chỉ rõ những ưu điểm để tiếp tục phát huy; đồng thời thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên cần khắc phục. Tuy nhiên, cần diễn đạt sao cho phù hợp để vừa tạo thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, vừa không bị kẻ xấu lợi dụng, xuyên tạc. Vì vậy, Bộ Chính trị nhận thấy việc đánh giá ưu, khuyết điểm của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên như trong đề án là phù hợp và thống nhất với đánh giá tình hình được thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X).

3. Về mô hình tổ chức của Đảng ở cơ sở

Trong quá trình thảo luận, đa số ý kiến của Trung ương đồng tình với tờ trình của Bộ Chính trị là mô hình tổ chức của Đảng ở cơ sở cần được tổ chức đồng bộ, thống nhất theo ba định hướng: gắn tổ chức cơ sở đảng với tổ chức hành chính,

kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an; gắn công tác xây dựng Đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Đồng thời, cũng cho phép có một số mô hình tổ chức phù hợp với tình hình, đặc điểm riêng của những địa phương, cơ quan, đơn vị có tính đặc thù. Một số ý kiến lại cho rằng phải thống nhất theo một mô hình chung trong toàn quốc hoặc có mô hình tổ chức cơ sở đảng cho từng loại hình. Cũng có ý kiến đề nghị không nên khẳng định là không lập chi bộ ở khu phố.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị nhận thấy, hiện nay ở khu vực xã, phường, thị trấn, nhìn chung mô hình tổ chức của Đảng ở cơ sở cơ bản đã được sắp xếp đồng bộ, thống nhất với tổ chức hành chính, kinh tế, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm được sự lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở. Tuy nhiên, mô hình tổ chức của đảng bộ, chi bộ ở một số nơi chưa đồng bộ, thống nhất với tổ chức hành chính, kinh tế, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, làm hạn chế đến vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Nhiều chi bộ thôn, khu phố, tổ dân phố có đông đảng viên phải thành lập nhiều chi bộ nhưng không có đảng bộ bộ phận (hiện có gần 3.000 chi bộ có từ 51 đến hơn 100 đảng viên) nên việc lãnh đạo của chi bộ đối với chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn dân cư bị phân tán.

Vì vậy, Bộ Chính trị cho rằng, cần có định hướng chung cho các loại hình tổ chức cơ sở đảng như ba định hướng đã nêu trong đề án. Đồng thời, cũng cho phép có một số mô hình được

tổ chức phù hợp với đặc điểm của những nơi có tính đặc thù. Nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị thể hiện lại vấn đề không lập chi bộ ở khu phố như sau: nói chung, dưới phường, thị trấn lập chi bộ tổ dân phố.

4. Về tổ chức cơ sở đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty

Qua thảo luận, đa số ý kiến nhất trí với đề án và cho rằng, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì cần thành lập đảng bộ toàn tập đoàn, toàn tổng công ty để bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức đảng trong xây dựng và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ và lãnh đạo các đoàn thể quần chúng; đồng thời cần có quy định về mối quan hệ giữa đảng bộ tập đoàn, tổng công ty với các địa phương có liên quan. Cũng có ý kiến cho rằng không nhất thiết phải thống nhất theo một mô hình, không nhất thiết tất cả các tổ chức cơ sở đảng ở các công ty con đều phải chuyển về trực thuộc đảng ủy tập đoàn, đảng ủy tổng công ty, vì các công ty thành viên đều có tư cách pháp nhân, hoạt động độc lập và có nhiều mối quan hệ gắn bó với các địa phương.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin báo cáo như sau: Hiện nay, có ba đơn vị được Ban Bí thư (khóa IX) cho phép thực hiện thí điểm mô hình tổ chức đảng toàn tập đoàn, toàn tổng công ty là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, còn trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty khác hiện đang tồn tại nhiều mô hình tổ chức và trực thuộc nhiều cấp ủy cấp trên khác nhau; công tác xây dựng Đảng không

gắn với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ của doanh nghiệp.

Vì vậy, để tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp lớn, Bộ Chính trị nhận thấy rằng, đối với các tổ chức cơ sở đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, có nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thống nhất, có cùng ngành nghề và sản phẩm chính, có cùng lĩnh vực chuyên môn sâu, có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó và chi phối lẫn nhau, thì ***trên cơ sở tổng kết các mô hình đã có để đúc rút kinh nghiệm mà từng bước thực hiện chủ trương thành lập tổ chức đảng toàn tập đoàn, toàn tổng công ty phù hợp với ba định hướng chung đã nêu ở điểm 3****. Đồng thời, cũng cho phép có một số mô hình có tính đặc thù và cần thiết phải có quy định cụ thể về mối quan hệ giữa đảng ủy tập đoàn, đảng ủy tổng công ty với các cấp ủy địa phương có liên quan.*

5. Về việc bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng

Từ nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng đến nay, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành 25 quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Các quy định đó của Ban Bí thư là định hướng cơ bản, đúng đắn và là cơ sở rất quan trọng để các tổ chức cơ sở đảng cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của mình; xây dựng quy chế làm việc và xác định mối quan hệ công tác giữa cấp ủy với các tổ chức có liên quan, bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng.

Trong quá trình thảo luận, chuẩn bị đề án, nhiều ý kiến cho rằng quy định của Ban Bí thư về chức năng,

nhiệm vụ của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng chưa thật phù hợp và chưa sát thực tiễn. Do quy định tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước chỉ "tham gia" ý kiến, không quyết định nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ, nên vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng bị hạn chế, có nơi bị vô hiệu hóa. Nhiều ý kiến cho rằng tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đang còn nhiều yếu kém, bất cập, vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng có xu hướng giảm sút. Có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân liên quan đến việc quy định về chức năng, nhiệm vụ chưa phù hợp.

Nghiên cứu tiếp thu những ý kiến này, Bộ Chính trị đề nghị cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung, sửa đổi một số nội dung trong một số quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng mà Ban Bí thư (khóa IX) đã ban hành để phù hợp hơn với tình hình, nhiệm vụ mới, xác định rõ hơn và tăng cường hơn vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ.

6. Về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Trong những năm qua, với sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển nhanh, đa dạng về quy mô, lĩnh vực và hình thức sở hữu. Trong khi đó, việc xây dựng và phát triển tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong quá trình thảo luận, nhiều đồng chí Trung ương nhấn mạnh phải tăng cường xây dựng, củng cố, phát triển tổ chức đảng và đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, cho rằng đây là vấn đề hết sức quan trọng trong tình hình hiện nay.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị nhận thấy, việc thành lập và hoạt động của tổ chức cơ sở đảng tại doanh nghiệp đã được các luật hiện hành quy định khá đầy đủ và rõ ràng, tuy nhiên trong các luật chưa quy định cụ thể các biện pháp chế tài để xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm. Cần nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và chỉ đạo thực hiện kiên quyết, bổ sung quy định chế tài cụ thể, đủ mạnh trong các luật để thực hiện nghiêm việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đồng thời coi trọng vận động, thuyết phục, khuyến khích các chủ doanh nghiệp ngoài quốc doanh đồng tình, ủng hộ, tạo điều kiện để tổ chức cơ sở đảng thành lập, hoạt động thuận lợi. Các cấp ủy đảng cần tăng cường chỉ đạo việc xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở những nơi có đủ điều kiện.

7. Về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn

a) Về thực hiện chế độ công chức

Trong quá trình thảo luận, nhiều đồng chí Trung ương cho rằng, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) cũng như các nghị định của Chính phủ về cán bộ, công chức

cơ sở và chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn đã tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở từng bước phát triển về số lượng và chất lượng. Việc chuyển từ chế độ sinh hoạt phí sang chế độ tiền lương bước đầu làm cho đội ngũ cán bộ phấn khởi, yên tâm công tác. Xã, phường, thị trấn là một trong bốn cấp hành chính của Nhà nước; đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn có vị trí rất quan trọng, cần được tiêu chuẩn hóa và một số chức danh cần được xác định là công chức nhà nước, không nên phân biệt công chức nhà nước với công chức cơ sở để tạo sự liên thông trong đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cũng nhấn mạnh phải chú trọng tiêu chuẩn, đối tượng, điều kiện, không phải chuyển toàn bộ số cán bộ, công chức cơ sở sang công chức nhà nước.

Một số ý kiến khác lại cho rằng, cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn cần phải gắn với dân; trình độ, kiến thức các mặt còn hạn chế, bất cập; không nên "công chức hóa" đội ngũ cán bộ này và nên thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm. Tuy nhiên, cần bổ sung, sửa đổi những điểm bất hợp lý về đối tượng cán bộ chuyên trách và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị cho rằng, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn là một vấn đề lớn, nhạy cảm, tác động đến quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ và tâm tư, tình cảm, đời sống của đội ngũ cán bộ cơ sở. Sau khi cân nhắc kỹ, Bộ Chính trị đề nghị chuyển chế độ cán bộ, công chức cơ sở sang chế độ công chức nhà nước, để tạo sự thống nhất về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở các cấp hành chính nhà nước, tạo sự liên thông trong

đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp. Tuy nhiên, chỉ chuyển sang chế độ công chức nhà nước đối với những chức danh thực sự cần thiết và có đủ tiêu chuẩn. Cụ thể là:

+ Một số chức danh cán bộ chuyên trách ở xã, phường, thị trấn có đủ điều kiện và tiêu chuẩn của công chức nhà nước theo quy định của Chính phủ thì được xem xét để chuyển thành công chức nhà nước. Số cán bộ này hưởng lương chuyên môn, được nâng lương theo quy định chung và hưởng phụ cấp trách nhiệm theo chức danh.

+ Các chức danh cán bộ chuyên trách không đủ tiêu chuẩn, điều kiện để trở thành công chức nhà nước thì thực hiện theo chế độ hiện hành. Khi được giữ chức vụ do bầu cử thì hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm và thực hiện chế độ bảo hiểm, khi thôi đảm nhiệm chức vụ thì thôi hưởng phụ cấp và được đóng bảo hiểm tự nguyện.

+ Đối với cán bộ không chuyên trách (cả cấp xã và thôn) thì thực hiện cơ chế khoán kinh phí và đóng bảo hiểm tự nguyện. Chính phủ hướng dẫn khung phụ cấp để các địa phương thực hiện thống nhất.

b) Về thực hiện 10% biên chế dự phòng

Nhiều ý kiến cho rằng quy định một tỷ lệ nhất định về biên chế dự phòng là cần thiết. Cũng có ý kiến đề nghị không nên quy định cứng tỷ lệ biên chế dự phòng 10%, vì như vậy là quá cao và không phù hợp với tình hình cụ thể của các địa phương có đặc điểm khác nhau.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến này và thể hiện trong nghị quyết theo hướng: hằng năm, dành một số biên chế dự

phòng theo quy định của Chính phủ để các địa phương thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ.

8. Về thực hiện thí điểm chủ trương "nhất thể hóa" cán bộ chủ chốt ở cơ sở và đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư và phó bí thư

Trong thảo luận, đa số ý kiến cho rằng cần mạnh dạn thực hiện chủ trương "nhất thể hóa" hai chức danh cán bộ chủ chốt (đảng, chính quyền) ở cơ sở và đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng bộ đối với tất cả các loại hình cơ sở; và khi một trong hai chức danh không được tín nhiệm thì phải thay đổi chức danh kia. Tuy nhiên, có ý kiến còn băn khoăn, đề nghị chủ trương này cần thực hiện từng bước thận trọng, chỉ nên áp dụng đối với một số loại hình tổ chức cơ sở đảng có điều kiện thuận lợi; hiện nay ở nông thôn còn có tư tưởng cục bộ làng xóm, dòng họ; trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn còn hạn chế, khó đáp ứng được cả hai chức vụ này, và nếu kiêm nhiệm hai chức vụ thì cán bộ dễ độc đoán, gia trưởng.

- Về vấn đề này, Bộ Chính trị nhận thấy, cấp cơ sở không phải là cấp ban hành chủ trương, chính sách lớn mà chủ yếu là tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên. Vì vậy, để tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở, đề án nêu chủ trương thực hiện thí điểm việc "nhất thể hóa" hai chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Khi một trong hai chức danh đó không được tín nhiệm thì phải xem xét thay đổi chức danh kia (Nghị quyết Trung ương 5 về "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng" đã đồng ý thực hiện thí điểm việc đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở các cấp không còn hội đồng nhân dân để rút kinh nghiệm, nếu phù hợp thì nhân ra diện rộng).

- Về chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư và phó bí thư đảng bộ, Bộ Chính trị nhận thấy đây là vấn đề lớn và mới, chưa được quy định trong Điều lệ Đảng nên cần thực hiện thí điểm từng bước thận trọng. Trên cơ sở thí điểm mà rút kinh nghiệm, nếu kết quả tốt thì trình Đại hội XI của Đảng bổ sung vào Điều lệ Đảng.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao Bộ Chính trị nghiên cứu tiếp thu ý kiến Trung ương để hoàn chỉnh đề án, nghị quyết và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Trình Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.71-88.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 22-NQ/TW, ngày 2 tháng 2 năm 2008

Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên

I- TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Quán triệt chủ trương và thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, công tác xây dựng Đảng ở cơ sở đã có một số chuyển biến tiến bộ, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đất nước.

Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên;

thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai và bước đầu đem lại kết quả tích cực, dân chủ trong Đảng và trong xã hội được mở rộng hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở được chăm lo. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở được tăng thêm về số lượng và chất lượng; trình độ, kiến thức các mặt được nâng lên.

Nhiều cấp ủy viên và cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách, trưởng thành qua thực tiễn công tác; kiên định lập trường giai cấp công nhân, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng; gương mẫu thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ được giao; trong đó, nhiều cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có phẩm chất, năng lực tốt, từng bước thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Công tác kết nạp đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả tích cực.

Có được những chuyển biến tiến bộ trên là do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đã có những nghị quyết, chỉ thị, quy định và giải pháp lớn về xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiều cấp ủy cấp trên đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, củng cố cơ sở yếu kém; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy cơ sở đã nhận thức đầy đủ hơn vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và chăm lo công tác xây dựng Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện,

thử thách qua thực tiễn. Cơ sở vật chất, phương tiện và điều kiện làm việc của cơ sở từng bước được trang bị tốt hơn trước.

Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên còn một số khuyết điểm, yếu kém:

Nhiều cấp ủy chưa thực sự coi trọng vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng; chưa dành thời gian, công sức để tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Không ít tổ chức cơ sở đảng chưa nhận thức và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa đúng mức, tính định hướng, tính chiến đấu và tính giáo dục, thuyết phục chưa cao. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, khả năng nhận thức, vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của cấp ủy cấp trên của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn yếu, chưa đủ sức phát hiện, giải quyết những vấn đề phức tạp xảy ra ở cơ sở; có tổ chức cơ sở đảng bị mất sức chiến đấu.

Nhiều cấp ủy, đảng bộ, chi bộ chưa thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; chưa thực hiện có nền nếp chế độ sinh hoạt đảng, nội dung sinh hoạt chi bộ chậm đổi mới; chưa coi trọng đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách, lề lối làm việc; bệnh thành tích còn nặng và khá phổ biến. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, vi phạm nguyên tắc Đảng, tự phê bình và phê bình yếu. Tình thương yêu đồng chí bị giảm sút. Tình trạng suy thoái về phẩm chất chính trị,

đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên rất đáng lo ngại; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn xảy ra ở nhiều nơi nhưng chậm được phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả.

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên còn bị buông lỏng. Cấp ủy và chi bộ chưa nắm chắc tình hình tư tưởng và phẩm chất của cán bộ, đảng viên; chưa chủ động dự báo và chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên trước những diễn biến phức tạp và những vấn đề mới; chưa có biện pháp hữu hiệu ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý kịp thời những đảng viên vi phạm. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm còn hình thức, kết quả chưa phản ánh đúng thực chất. Công tác kết nạp đảng viên còn chú ý nhiều đến số lượng, chưa chú trọng đúng mức đến chất lượng. Số đảng viên kết nạp ở địa bàn dân cư, là công nhân trong các thành phần kinh tế còn ít.

Những khuyết điểm, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan, song chủ yếu là do một số nguyên nhân chủ quan sau:

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, do chưa lường hết tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường nên công tác xây dựng Đảng nói chung, xây dựng Đảng ở cơ sở nói riêng tuy đã được đổi mới nhưng chưa theo kịp sự biến đổi của tình hình; chưa quan tâm đúng mức đến công tác nghiên cứu lý luận, thiếu dự báo về công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới để đề ra nội dung, biện pháp thiết thực.

Chưa nhận thức đúng, đầy đủ nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng; chưa quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò

và chức năng, nhiệm vụ của chi bộ, của tổ chức cơ sở đảng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cơ sở chưa thường xuyên; việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm chưa kịp thời, thiếu kiên quyết.

Việc ban hành các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác xây dựng Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ, một số quy định, hướng dẫn chưa sát thực tế. Chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở còn bất cập; đội ngũ cấp ủy viên ít được bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng và cập nhật những kiến thức mới, nhất là về kinh tế, xã hội và pháp luật.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quan điểm

- Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là cầu nối giữa Đảng với dân, có vị trí rất quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng. Toàn Đảng phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội ở cơ sở, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực trọng yếu, có nhiều khó khăn. Lấy hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở làm thước đo kết quả tổng hợp của công tác xây dựng Đảng.

- Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc tham gia xây dựng Đảng. Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ

của nhân dân; tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên phải chịu sự giám sát của nhân dân.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng phải kết hợp chặt chẽ với thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", với xây dựng chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở vững mạnh, với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là bí thư đảng bộ, chi bộ, người đứng đầu và các cấp ủy viên.

2. Mục tiêu

Trong 5 năm tới, cần phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Tập trung sức để xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo được sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, làm cho tổ chức đảng ở cơ sở vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và kịp thời giải quyết những vấn đề xảy ra ở cơ sở.

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị đồng bộ, thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức đảng và kết nạp đảng viên ở những nơi chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên. Bảo đảm các loại hình tổ chức cơ sở đảng đều có quy định về chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc phù hợp.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, trước hết là bí thư cấp ủy và cán bộ, đảng viên thật sự tiền phong gương mẫu, có phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật,

hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kiên quyết thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong thời gian tới

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

3.1- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thực sự tiền phong gương mẫu, đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các cấp ủy phải quan tâm làm tốt công tác chính trị tư tưởng, chủ động dự báo tình hình để kịp thời trang bị những thông tin có định hướng của Đảng cho cán bộ, đảng viên. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và học tập lý luận chính trị; chú ý bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên kỹ năng lãnh đạo, giải quyết những tình huống cụ thể xảy ra ở cơ sở. Chủ động khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng; chống chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, vụ lợi, cá nhân, trung bình chủ nghĩa; kiên quyết đấu tranh với những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, phản động, góp phần làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong cấp ủy, chi bộ, đảng bộ trên cơ sở Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chính sách của Đảng và tình đồng chí. Cấp ủy phải nắm chắc tình hình tư tưởng, phát hiện kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm về đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí

và các tiêu cực khác; có biện pháp cụ thể để phòng ngừa, giáo dục, giúp đỡ và xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên sai phạm.

3.2- Hoàn thiện mô hình tổ chức của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng gắn tổ chức cơ sở đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; chăm lo kết nạp đảng viên, nhất là ở những địa bàn, đơn vị chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên.

Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức của các tổ chức cơ sở đảng cho đồng bộ, thống nhất với các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đồng thời, xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với những tổ chức cơ sở đảng có tính đặc thù, vừa tạo sự thống nhất chung, vừa phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng địa phương, đơn vị.

Đối với khu vực xã, phường, thị trấn, tiến hành sắp xếp mô hình tổ chức của đảng bộ, chi bộ, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn dân cư theo hướng: dưới đảng bộ xã là chi bộ thôn (ấp, bản); dưới đảng bộ phường, thị trấn nói chung là chi bộ tổ dân phố. Những thôn, tổ dân phố có đông đảng viên thì thành lập đảng bộ bộ phận, có các chi bộ trực thuộc. Đối với những đảng bộ cơ sở trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng trực thuộc nhiều cấp trên khác nhau, cần sắp xếp lại cho phù hợp, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội.

Đối với tổ chức cơ sở đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

và các tổng công ty hạng đặc biệt có nhiệm vụ chính trị thống nhất, có cùng ngành nghề và sản phẩm chính, gắn bó và chi phối lẫn nhau, thì trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm những mô hình đã có để từng bước thực hiện chủ trương thành lập tổ chức đảng toàn tập đoàn, toàn tổng công ty; đồng thời cũng cho phép có một số mô hình có tính đặc thù. Gắn công tác xây dựng Đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ của doanh nghiệp; có quy định cụ thể về mối quan hệ giữa đảng ủy tập đoàn, đảng ủy tổng công ty với các cấp ủy địa phương có liên quan.

Đối với các tỉnh, thành phố có nhiều khu công nghiệp tập trung thì thành lập đảng bộ cơ sở khu công nghiệp, đặt trực thuộc cấp ủy cấp trên trực tiếp phù hợp. Những doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, đông công nhân và đông đảng viên thì thành lập tổ chức cơ sở đảng; những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, số lượng công nhân và đảng viên ít thì thành lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở phù hợp. Những địa phương còn nhiều thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, trường học, doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên, cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở phân công cấp ủy viên và các ban, ngành, đoàn thể phụ trách từng đơn vị để chỉ đạo công tác kết nạp đảng viên, xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội. Những đảng viên làm việc ổn định trong các doanh nghiệp phải chuyển sinh hoạt đảng về nơi làm việc hoặc tổ chức đảng phù hợp. Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên mới, khắc phục bệnh thành tích, chỉ chú ý nhiều đến số lượng mà hạ thấp tiêu chuẩn.

3.3- Thực hiện mạnh mẽ chủ trương trẻ hóa, tiêu chuẩn hóa, thể chế hóa và từng bước nhất thể hóa chức danh cán bộ; tạo bước chuyển có tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

Để trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở, cần sớm ban hành chính sách thu hút để thực hiện chủ trương đưa sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp; có cơ chế, chính sách để giải quyết đối với những cán bộ chưa được chuẩn hóa nhưng chưa đủ tuổi, đủ năm công tác để nghỉ theo chế độ. Đối với các tỉnh miền núi, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, cần tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường thiếu sinh quân; phối hợp với các quân khu lựa chọn những thanh niên người dân tộc thiểu số đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự đưa đi đào tạo nâng cao trình độ học vấn, lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để tạo nguồn cán bộ cho cơ sở.

Xây dựng hệ thống chính sách phù hợp và đồng bộ đối với cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn theo hướng: Một số chức danh cán bộ chuyên trách ở xã, phường, thị trấn cần và có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ thì được xem xét chuyển thành công chức nhà nước để tạo sự liên thông trong đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp; các chức danh cán bộ chuyên trách khác không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để trở thành công chức nhà nước thì thực hiện theo chế độ hiện hành, khi được giữ chức vụ do bầu cử thì hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm và thực hiện chế độ bảo hiểm, khi thôi đảm nhiệm chức vụ thì thôi hưởng

phụ cấp và đóng bảo hiểm tự nguyện. Cán bộ không chuyên trách thì thực hiện theo hướng khoán kinh phí hoạt động và đóng bảo hiểm tự nguyện. Chính phủ quy định khung số lượng và khung mức phụ cấp để các địa phương thực hiện phù hợp với tình hình cụ thể. Thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp như đối với đại biểu hội đồng nhân dân cùng cấp; có chế độ phụ cấp thu hút đối với cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Hằng năm, dành một số biên chế dự phòng để các địa phương thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và tăng cường cán bộ cho cơ sở. Kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn do Chính phủ quy định phù hợp với Luật ngân sách nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn theo chức danh cán bộ; chú ý bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ và kinh nghiệm giải quyết những tình huống cụ thể ở cơ sở. Hằng năm, cán bộ chuyên trách, cấp ủy viên cơ sở xã, phường, thị trấn phải được bồi dưỡng để cập nhật kiến thức mới tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hoặc trường chính trị tỉnh, thành phố.

Bổ sung, sửa đổi một số quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng nhằm xác định rõ hơn vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ. Bổ sung, sửa đổi các quy định, hướng dẫn về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên theo hướng đánh giá đúng thực chất. Ban hành hướng dẫn về đảng viên làm kinh tế tư nhân, việc kết nạp chủ doanh

nghiệp tư nhân vào Đảng; xử lý đối với đảng viên có liên quan đến yếu tố nước ngoài... để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

Thực hiện thí điểm chủ trương nhất thể hóa hai chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Thực hiện thí điểm từng bước việc đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư và phó bí thư. Đối với những nơi có khó khăn về cán bộ, có thể vận dụng linh hoạt hơn chủ trương chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn không giữ một chức vụ quá hai nhiệm kỳ.

Các tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, thực hiện thống nhất chủ trương thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc một đồng chí lãnh đạo của cơ quan, đơn vị trực tiếp làm bí thư cấp ủy. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện thống nhất chủ trương chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc (giám đốc) đồng thời là bí thư cấp ủy. Đối với những công ty cổ phần có vốn nhà nước, cấp ủy và lãnh đạo cấp trên của doanh nghiệp cần lựa chọn những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực và có đủ điều kiện đại diện phần vốn của Nhà nước để tham gia cấp ủy và hội đồng quản trị của công ty.

Trong các đơn vị cơ sở thuộc Công an nhân dân, thực hiện chế độ thủ trưởng đơn vị đồng thời làm bí thư cấp ủy, đồng chí lãnh đạo cấp phó làm phó bí thư và phụ trách công tác xây dựng lực lượng. Đồng thời, nghiên cứu việc thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên ở một số đơn vị cơ động, chiến đấu tập trung và có tính đặc thù. Trong các học viện, trường đại học thuộc Bộ Công an cần có khoa chuyên ngành để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác

chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an nhân dân.

3.4- Nâng cao chất lượng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật; khắc phục tính hình thức, đơn điệu trong sinh hoạt, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Tập trung sức củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ nghiêm kỷ luật, tăng cường đoàn kết trong Đảng. Thường xuyên giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ, kiến thức và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở thực hiện nghiêm túc, có nền nếp chế độ sinh hoạt đảng định kỳ. Nội dung sinh hoạt chi bộ phải cụ thể, thiết thực, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc xảy ra ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Mỗi quý, các chi bộ phải sinh hoạt chuyên đề ít nhất một lần để bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đảng viên trong chi bộ.

Việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng cần tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, thiết thực, nhất là trong các đợt tự phê bình và phê bình trong quá trình thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; kịp thời phát hiện và nêu gương những đảng viên tiền phong gương mẫu, có thành tích xuất sắc và giáo dục, giúp đỡ những đảng viên có sai phạm. Thi hành kỷ luật

nghiêm minh đối với đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Động viên những đảng viên không còn tác dụng tự nguyện xin ra Đảng.

Định kỳ sáu tháng một lần, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng kiểm tra việc thực hiện nền nếp, nội dung, chất lượng sinh hoạt của các chi bộ và thông báo kết quả kiểm tra trong toàn đảng bộ. Các cấp ủy viên, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị và đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp phải chăm lo chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở nơi mình đang sinh hoạt và phải chịu trách nhiệm khi tổ chức cơ sở đảng nơi mình sinh hoạt yếu kém.

Thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy về kỹ năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên; về biện pháp quy tụ, tập hợp quần chúng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị ở cơ sở để thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Những cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có đủ số lượng đảng viên để bố trí cán bộ chuyên trách thì phân công những đảng viên có phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm làm chuyên trách và hưởng lương từ ngân sách đảng.

3.5- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên; dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Các cấp ủy cấp trên phải nắm chắc tình hình cơ sở, phân công cấp ủy viên trực tiếp phụ trách cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, giải quyết những vấn đề xảy ra ở cơ sở. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên phải có nội dung

ngắn gọn và dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ quy trách nhiệm. Cán bộ lãnh đạo, quản lý và các cấp ủy viên cấp trên của tổ chức cơ sở đảng phải bố trí thời gian để gặp gỡ đảng viên và nhân dân tại cơ sở, giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của đảng viên và quần chúng; bảo vệ những cán bộ tốt, những người trung thực, thẳng thắn đấu tranh chống tiêu cực.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; Quy định của Bộ Chính trị về xử lý đảng viên vi phạm; về những điều đảng viên không được làm. Cấp ủy cơ sở phải giám sát đảng viên về các mặt, kể cả đảng viên là cán bộ do cấp ủy cấp trên quản lý. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc vận động nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên ở địa bàn dân cư; tổ chức tốt việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do hội đồng nhân dân cấp xã bầu ra.

Các chi bộ phải thực hiện tốt việc phân công công tác cho đảng viên, bảo đảm mọi đảng viên trong chi bộ đều được phân công công tác phù hợp. Đối với những đảng viên là cán bộ nghỉ hưu, sức khỏe yếu và tự nguyện, được chi bộ và cấp ủy cơ sở đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xem xét, cấp giấy chứng nhận miễn sinh hoạt và công tác. Những đảng viên hai năm liền xếp loại vi phạm tư cách thì đưa ra khỏi Đảng bằng hình thức phù hợp.

Hằng năm, các tổ chức cơ sở đảng phải đăng ký phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ với cấp ủy cấp trên, trong đó có nội dung cam kết không có cán bộ, đảng viên tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng,

lãng phí, tiêu cực. Cuối năm, cấp ủy cấp trên căn cứ vào nội dung đăng ký để đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, sự vững mạnh của các tổ chức trong hệ thống chính trị và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời thông báo để cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia ý kiến. Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng phải kiểm tra, thẩm định chặt chẽ và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Biểu dương, khen thưởng những tổ chức cơ sở đảng, đảng viên có thành tích xuất sắc và tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm để nhân rộng.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành các đề án và chỉ đạo xây dựng, ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn để thực hiện.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và xây dựng kế hoạch hoặc chương trình hành động cụ thể để thực hiện phù hợp với tình hình, đặc điểm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, bổ sung, sửa đổi một số văn bản pháp luật có liên quan tới nội dung Nghị quyết.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các ban của Trung ương Đảng nghiên cứu bổ sung, sửa đổi một số điểm trong các Nghị định 114, 121/NĐ-CP của Chính phủ và một số quy định khác có liên quan tới nội dung Nghị quyết.

5. Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở Trung ương nghiên cứu, ban hành các quy định và hướng dẫn để chỉ đạo cấp dưới thực hiện theo yêu cầu của Nghị quyết này.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ở Trung ương hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết.

7. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban, cơ quan đảng ở Trung ương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.89-110.

GIẢI TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 117/TLHN, ngày 21 tháng 1 năm 2008

Về ý kiến thảo luận của Trung ương đối với đề án "Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012"

(Trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)

Căn cứ các ý kiến thảo luận của Trung ương và các đại biểu dự hội nghị ở tổ và ở hội trường về đề án "Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012", Bộ Chính trị xin tiếp thu và giải trình như sau:

I - VỀ ĐỊNH HƯỚNG CẢI CÁCH CỦA ĐỀ ÁN

Đa số ý kiến của Trung ương đồng tình với đề án và tờ trình của Bộ Chính trị, một số ý kiến cho rằng đề án chủ yếu thực hiện việc điều chỉnh tiền lương, tính cải cách còn mờ nhạt.

Bộ Chính trị báo cáo giải trình rõ hơn với Trung ương định hướng cải cách của đề án như sau:

1. Từng bước tách chính sách bảo hiểm xã hội và chính sách ưu đãi người có công độc lập tương đối với chính sách tiền lương.

a) Đối với chính sách bảo hiểm xã hội

Căn cứ vào lộ trình điều chỉnh mức lương tối thiểu chung, hằng năm điều chỉnh lương hưu theo quy định tại Điều 53 của Luật bảo hiểm xã hội*: "Lương hưu được điều chỉnh trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá sinh hoạt và tăng trưởng kinh tế"*, bảo đảm đời sống của người nghỉ hưu trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước và mức tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội.

b) Đối với chính sách ưu đãi người có công

Căn cứ vào mức tiêu dùng bình quân của xã hội do Tổng cục Thống kê công bố và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, hằng năm điều chỉnh tăng thêm mức trợ cấp (mức chuẩn), bảo đảm đời sống của người có công bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của xã hội.

2. Tách rõ tiền lương của khu vực hành chính với khu vực sự nghiệp; tiền lương của khu vực hành chính (Nhà nước, Đảng, Mặt trận, các đoàn thể) và lực lượng vũ trang do ngân sách nhà nước bảo đảm.

3. Đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương) đối với khu vực sự nghiệp công lập theo hướng đơn vị sự nghiệp được thu phí (giá) dịch vụ tính đủ tiền lương và từng bước tính đủ các chi phí khác; đơn vị sự nghiệp thực hiện hạch toán thu - chi (không vì mục đích lợi nhuận), trên cơ sở đó nâng cao chất lượng, phát triển hoạt

động để vừa phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội, vừa tự cân đối nguồn thu (*nguồn từ ngân sách nhà nước thanh toán cho các đối tượng chính sách và cho các dịch vụ không có thu mà Nhà nước phải bảo đảm; nguồn do đối tượng thụ hưởng chi trả*) để trả lương bằng hoặc cao hơn (nếu nguồn thu tăng) so với chế độ nhà nước quy định. Đây là cuộc cải cách lớn trong lĩnh vực này.

4. Nâng dần mức lương tối thiểu chung nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động. Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng đối với khu vực doanh nghiệp, tiến tới thực hiện mức lương tối thiểu thống nhất giữa các loại hình doanh nghiệp theo các cam kết quốc tế (WTO).

5. Mở rộng quan hệ mức lương tối thiểu - trung bình - tối đa; thu gọn thang, bảng, ngạch, bậc lương và hoàn thiện các chế độ phụ cấp, tiến tới tiền lương (gồm cả phụ cấp) của cán bộ, công chức đạt mức trung bình khá trên thị trường lao động.

Thực hiện đồng bộ những nội dung nêu trên, tuy có thể có vấn đề về mức độ và bước đi chưa được như mong muốn, nhưng trong điều kiện và khả năng thực tế của nước ta hiện nay thì đây thực sự là một cuộc cải cách có quy mô rộng lớn, ảnh hưởng sâu rộng trong nhiều năm đến các mặt kinh tế, xã hội của đất nước; tác động trực tiếp đến đời sống của hàng triệu người hưởng lương và hưởng trợ cấp xã hội, đến ổn định chính trị - xã hội, động lực phát triển kinh tế và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Do đó, cải cách phải được thực hiện từng bước vững chắc trên cơ sở khả năng của nền kinh tế, mức tăng năng suất lao động xã hội, bảo đảm các cân đối kinh tế vĩ mô và quan hệ thu nhập chung trong xã hội, không thể thực hiện được ngay tại một thời điểm tất cả

các mục tiêu và nội dung của cải cách (đề án của Bộ Chính trị đã thể hiện rõ tinh thần này).

II- VỀ VẤN ĐỀ TIỀN LƯƠNG TỐI THIỂU

Có ý kiến cho rằng, mức lương tối thiểu hiện nay còn thấp và thuộc nhóm nước có mức lương thấp; tăng lương nhưng giá cả tăng nên mức cải thiện không nhiều; việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với doanh nghiệp cần phải tính toán để bảo đảm sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp và để tránh lợi dụng trả lương thấp, nhất là doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI); không nên quy định mức tăng cụ thể mà chỉ nêu nguyên tắc hằng năm điều chỉnh cao hơn chỉ số giá sinh hoạt, bảo đảm tương quan với mức thu nhập chung trong xã hội.

Bộ Chính trị giải trình như sau:

1. Về mức lương tối thiểu chung

Trong giai đoạn 2003 - 2007, Chính phủ đã ba lần điều chỉnh mức lương tối thiểu chung từ 210.000 đồng lên 450.000 đồng/tháng, bằng 2,14 lần. Theo dự kiến giai đoạn 2008 - 2012 điều chỉnh từ 450.000 đồng lên 990.000 đồng/tháng, bằng 2,2 lần (từ ngày 1-1-2008 đã điều chỉnh từ 450.000 đồng lên 540.000 đồng/tháng, chưa tính bổ sung các chế độ phụ cấp trong giai đoạn 2008 - 2012).

Việc điều chỉnh mức lương tối thiểu chung nêu trên dựa trên cơ sở tính toán từ mức sống tối thiểu của người lao động, khả năng của nền kinh tế (GDP), dự báo mức tăng tiền công trên thị trường lao động, chỉ số giá sinh hoạt; đồng thời có

tính đến quan hệ với thu nhập bình quân dân cư, quan hệ thu nhập cánh kéo với nông dân, ảnh hưởng của mức tăng tiền lương đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

Tuy mức lương tối thiểu chung theo lộ trình của đề án giai đoạn 2008 - 2012 còn thấp nhưng do xuất phát điểm nền kinh tế và năng suất lao động xã hội ở nước ta chưa cao, khả năng thu ngân sách nhà nước còn hạn hẹp. Trong điều kiện vừa thực hiện cải cách tiền lương vừa phải bảo đảm mức chi đầu tư, chi trả nợ, chi thường xuyên cho các lĩnh vực thì mức điều chỉnh lương tối thiểu chung nêu trên là phù hợp.

2. Về mức lương tối thiểu trong doanh nghiệp

Năm 2008, Chính phủ đã quy định mức lương tối thiểu đối với các doanh nghiệp trong nước theo vùng như doanh nghiệp FDI. Việc xác định lương tối thiểu vùng dựa trên sự phát triển kinh tế - xã hội, mức độ phát triển của thị trường lao động và chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư của từng vùng. Đến nay, mức lương tối thiểu vùng còn có sự chênh lệch giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI là do yếu tố lịch sử, vì vậy việc xác định lộ trình thực hiện thống nhất mức lương tối thiểu vùng là đòi hỏi khách quan theo các cam kết quốc tế (WTO) và bảo đảm sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp khi thực hiện Luật doanh nghiệp chung.

3. Việc quy định cụ thể về mức và % tăng lương tối thiểu hằng năm là dùng để tính nguồn bảo đảm thực hiện đề án. Trên cơ sở đó, đề nghị Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Chính phủ hằng năm căn cứ vào chỉ số giá sinh hoạt, mức

tăng trưởng kinh tế, mức tăng tiền công trên thị trường lao động và lộ trình thống nhất mức lương tối thiểu giữa các loại hình doanh nghiệp để quy định mức điều chỉnh từng năm cho phù hợp.

III- VỀ QUAN HỆ MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU - TRUNG BÌNH - TỐI ĐA; HỆ THỐNG THANG, BẢNG, NGẠCH, BẬC LƯƠNG VÀ CÁC CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP

Có ý kiến cho rằng quan hệ tiền lương còn bình quân, các chế độ phụ cấp còn chưa hợp lý giữa các khu vực, các ngành, nghề; chưa khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi; chưa chú ý đúng mức đến đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở; chưa bảo đảm quyền lợi của người lao động trong các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp FDI.

Bộ Chính trị giải trình như sau:

1. Năm 2004 đã mở rộng quan hệ mức lương tối thiểu - trung bình - tối đa từ 1 - 1,78 - 8,5 lên 1 - 2,34 - 10 (mức lương trung bình tăng thêm 31,5%), trên cơ sở đó đã thu gọn một bước thang, bảng, ngạch, bậc lương và mở rộng khoảng cách giữa các bậc. Trong giai đoạn 2008 - 2012, tiếp tục xem xét, sửa đổi những bất hợp lý phát sinh trong quan hệ tiền lương giữa các loại cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể); tiến tới thực hiện chế độ đánh giá và đãi ngộ cán bộ, công chức theo kết quả thực hiện công việc. Đến năm 2011, thực hiện mở rộng quan hệ mức lương tối thiểu - trung bình - tối đa, thu gọn hơn nữa thang, bảng, ngạch, bậc lương; từng bước thực hiện chế độ xếp lương và trả

lương trên cơ sở giao biên chế theo vị trí công việc, thực hiện chế độ thi vào các vị trí để tuyển chọn được những người tài, người làm việc giỏi vào đội ngũ cán bộ, công chức.

2. Đối với các doanh nghiệp: Để hạn chế việc trả lương thấp cho người lao động thì ngoài việc quy định mức lương tối thiểu, Bộ Chính trị đồng tình với ý kiến cho rằng phải quy định các nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương để người lao động và người sử dụng lao động có cơ sở xác định tiền lương, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra để bảo đảm quyền lợi của người lao động.

3. Về tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, công chức cơ sở: Đây là vấn đề lớn, sau khi có Nghị quyết của Trung ương về đề án nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách (trong đó có tiền lương và phụ cấp) đối với cán bộ, công chức cơ sở cho phù hợp.

4. Tiếp tục hoàn thiện các chế độ phụ cấp bảo đảm tương quan hợp lý giữa các ngành, nghề, giữa các vùng.

5. Đối với mức lương, bậc lương một số chức danh trong hệ thống chính trị đã bộc lộ bất hợp lý, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo nghiên cứu, điều chỉnh kịp thời sau khi có kết luận của Trung ương lần này.

IV- VỀ CÁC GIẢI PHÁP TẠO NGUỒN

Có ý kiến băn khoăn về giải pháp đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp công lập; giải pháp sử dụng 50% số tăng thu ngân sách của địa phương

và tiết kiệm 10% kinh phí quản lý hành chính đối với các địa phương mà ngân sách phụ thuộc vào nguồn từ ngân sách trung ương sẽ không khuyến khích địa phương. Đối với giải pháp cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, có ý kiến đề nghị nhấn mạnh phải dành 25% chi ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển.

Bộ Chính trị giải trình như sau:

1. Giải pháp đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp công lập là giải pháp đặc biệt quan trọng, có tính đột phá và quyết định (ảnh hưởng tới 35% tổng quỹ lương hiện hành) cho việc thực hiện đề án tiền lương giai đoạn 2008 - 2012. Thực hiện giải pháp này, khu vực sự nghiệp công lập vừa có điều kiện phát triển phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội, vừa nâng cao khả năng bảo đảm nguồn để trả lương cao hơn cho người lao động. Trường hợp nâng thêm được khả năng bảo đảm nguồn thực hiện cải cách tiền lương của khu vực sự nghiệp công lập từ 6,4% đã dự tính trong đề án lên mức 10% - 15% thì sẽ có thêm nguồn khoảng 15.000 - 35.000 tỉ đồng cho thực hiện đề án.

2. Giải pháp cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước phải bảo đảm chi đầu tư từ ngân sách hằng năm khoảng trên dưới 25% để cùng với các nguồn trái phiếu chính phủ, xổ số kiến thiết đạt mức 30% tổng chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển. Tập trung vào đầu tư cho cơ sở hạ tầng không có khả năng thu hồi vốn, đồng thời có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, thì thực chất nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển có tăng lên.

3. Về đa dạng hóa nguồn bảo đảm tiền lương.

Thực hiện cải cách tiền lương giai đoạn 2003 - 2007 cho thấy phải đa dạng hóa nguồn bảo đảm tiền lương (từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và tiết kiệm chi của các cơ quan, đơn vị), trong đó việc sử dụng 50% số tăng thu ngân sách địa phương có ý nghĩa lớn, nhất là khi giải pháp đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính trong khu vực sự nghiệp chưa đạt hiệu quả cao. Đồng thời, phải tăng cường kiểm soát thu nhập ngoài lương; đối với phần thu nhập ngoài lương có nguồn gốc chính đáng thì có cơ chế để quản lý đưa vào lương, đối với phần còn lại (có nguồn gốc không chính đáng) thì phải thu hồi vào ngân sách nhà nước.

Từ những giải trình nêu trên, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho thông qua kết luận về một số vấn đề có tính nguyên tắc về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012; giao Chính phủ điều hành thực hiện đề án với những nội dung chủ yếu như dự thảo kết luận (kèm theo).

Trên đây là báo cáo giải trình và tiếp thu những ý kiến của Trung ương về đề án "Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012". Bộ Chính trị trình Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Sđd,* tr.160-169.

KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 20-KL/TW, ngày 28 tháng 1 năm 2008

Về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp từ ngày 14 đến ngày 22-1-2008, sau khi nghiên cứu Đề án và Tờ trình của Bộ Chính trị về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012, đã thảo luận và kết luận:

I- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG GIAI ĐOẠN 2003 - 2007

1. Ban Chấp hành Trung ương cơ bản thống nhất với các nội dung đánh giá của Bộ Chính trị, đồng thời nhấn mạnh một số điểm

- Chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công giai đoạn 2003 - 2007 đã tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng về chính sách tiền lương và phát triển an sinh xã hội trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo đảm các cân đối kinh tế vĩ mô, có tác động tích cực đến quốc phòng, an ninh và cải thiện đáng kể đời sống của người lao động hưởng lương, người về hưu và người có công với cách mạng.

- Hình thành ngày càng rõ cơ chế tiền lương riêng cho từng khu vực: hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Luật bảo hiểm xã hội đã được ban hành nhằm từng bước thực hiện nguyên tắc đóng - hưởng; đồng thời ngân sách nhà nước tiếp tục hỗ trợ để bảo đảm tương quan hợp lý về thu nhập giữa người nghỉ hưu và cán bộ, công chức tại chức; quy định chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện và chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

- Chính sách ưu đãi người có công ngày càng được hoàn thiện theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng các chế độ ưu đãi, bổ sung thêm chế độ ưu đãi mới, khắc phục những bất hợp lý giữa các mức trợ cấp, điều chỉnh trợ cấp ưu đãi (mức chuẩn) theo mức sống trung bình của xã hội.

2. Tuy nhiên, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công còn bộc lộ nhiều hạn chế

- Chính sách tiền lương chưa bảo đảm cho người lao động, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức sống được bằng tiền lương ở mức trung bình khá trong xã hội; chưa khuyến khích

và thu hút được người tài, người làm việc giỏi; chưa góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và của hệ thống chính trị.

- Trong từng khu vực và giữa các khu vực (hành chính, sự nghiệp công lập, doanh nghiệp) tương quan tiền lương còn chưa hợp lý; mức lương trung bình của công chức (Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể) còn thấp so với mức thu nhập trung bình của lao động xã hội; thực hiện chế độ tự chủ trong khu vực sự nghiệp công lập chưa đạt hiệu quả cao.

- Chính sách bảo hiểm xã hội còn phụ thuộc vào chính sách tiền lương, mức chuẩn dùng để tính các mức trợ cấp ưu đãi người có công chưa được điều chỉnh bằng mức sống trung bình của xã hội.

3. Những yếu kém trên do các nguyên nhân chủ yếu sau

- *Một là,* nền kinh tế tuy có phát triển nhưng thu ngân sách nhà nước còn hạn hẹp trong khi đối tượng hưởng lương và trợ cấp từ ngân sách nhà nước ngày càng tăng; đồng thời phải giải quyết nhiều mục tiêu để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo... nên khó khăn cho bố trí nguồn cải cách tiền lương.

- *Hai là,* chưa tính được sự tác động của thị trường lao động dẫn đến dịch chuyển lao động từ khu vực nhà nước sang các khu vực khác có tiền lương cao hơn.

- *Ba là,* thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức hoạt động, tài chính, biên chế và trả lương đối với khu vực sự nghiệp công lập đạt kết quả thấp; chính sách học phí,

viện phí chậm được sửa đổi... nên chưa tác động tích cực đến cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho cải cách tiền lương.

- *Bốn là,* cơ chế phân cấp quản lý ngân sách đối với các địa phương, bên cạnh những kết quả tích cực cũng có hạn chế trong việc điều hòa nguồn lực giữa các địa phương có khả năng ngân sách và địa phương khó khăn. Chưa có giải pháp có tính đột phá (đặc biệt là trong khu vực sự nghiệp công lập) để tạo nguồn cho cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công.

II- VỀ QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất với các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc nêu trong Đề án, đồng thời nhấn mạnh một số điểm:

1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng: "*Coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực để kinh tế phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ công, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước*". Từ đó, nghiên cứu thực hiện các giải pháp có tính đột phá trong tạo nguồn cho cải cách chính sách tiền lương.

2. Cải cách chính sách tiền lương phải tiến tới bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức sống được bằng tiền lương ở mức trung bình khá trong xã hội. Trên cơ sở đó, hình thành các cơ chế tiền lương (hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp) ngày càng phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo động lực nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

3. Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công phải khắc phục được những bất hợp lý về quan hệ tiền lương trong từng khu vực và giữa các khu vực: hành chính, sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang.

4. Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công phải gắn với việc bảo đảm tốt hơn đời sống của người nghèo, đồng bào dân tộc, các đối tượng chính sách xã hội nhằm đạt được mục tiêu của Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng đã đề ra là*: "Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển".*

III- VỀ NỘI DUNG CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI, TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2008 - 2012

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất với nội dung cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012 nêu trong Đề án, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Về tiền lương tối thiểu

a) Cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang áp dụng mức lương tối thiểu chung. Các loại hình doanh nghiệp áp dụng mức lương tối thiểu vùng, trong đó mức lương tối thiểu ở vùng thấp nhất bằng mức lương tối thiểu chung (doanh nghiệp được quyền trả cao hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định).

b) Thực hiện lộ trình thống nhất mức lương tối thiểu giữa các loại hình doanh nghiệp theo các cam kết quốc tế (WTO).

c) Điều chỉnh mức lương tối thiểu chung và mức lương tối thiểu vùng không thấp hơn mức tăng giá sinh hoạt, phù hợp với sự phát triển của đất nước và bảo đảm tương quan hợp lý với mức tăng thu nhập chung trong xã hội.

2. Về quan hệ mức lương tối thiểu - trung bình - tối đa; hệ thống thang, bảng, ngạch, bậc lương và các chế độ phụ cấp

a) Thực hiện mở rộng quan hệ mức lương tối thiểu - trung bình - tối đa vào năm 2011; trên cơ sở đó, tiếp tục thu gọn thang, bảng, ngạch, bậc lương và hoàn thiện các chế độ phụ cấp, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi.

b) Xem xét, sửa đổi kịp thời những bất hợp lý phát sinh trong tương quan tiền lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo giữa các chức danh cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể).

c) Thực hiện chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang; nghiên cứu áp dụng chế độ phụ cấp thâm niên nghề cho phù hợp đối với một số ngành, nghề, bảo đảm tương quan tiền lương giữa lực lượng vũ trang so với công chức hành chính như hiện nay.

3. Đổi mới cơ chế đối với khu vực sự nghiệp công lập

a) Đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương) đối với khu vực sự nghiệp công lập theo hướng

đơn vị sự nghiệp được thu phí (giá) dịch vụ tính đủ tiền lương và từng bước tính đủ các chi phí khác; đơn vị sự nghiệp thực hiện hạch toán thu - chi (không vì mục đích lợi nhuận), trên cơ sở đó nâng cao chất lượng, phát triển hoạt động để vừa phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội, vừa tự cân đối nguồn thu (*nguồn từ ngân sách nhà nước thanh toán cho các đối tượng chính sách và cho các dịch vụ không có thu mà Nhà nước phải bảo đảm; nguồn do đối tượng thụ hưởng chi trả*) để trả lương bằng hoặc cao hơn (nếu có nguồn thu tăng) so với chế độ Nhà nước quy định.

b) Trong năm 2008, Chính phủ ban hành khung giá dịch vụ cơ bản (giá dịch vụ về giáo dục, đào tạo, dạy nghề, khám chữa bệnh...) theo định hướng nêu trên để triển khai thực hiện. Khung giá dịch vụ điều chỉnh hằng năm cho phù hợp với tình hình thực tế.

4. Về điều chỉnh lương hưu

Từ năm 2009, tiếp tục điều chỉnh lương hưu theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, bảo đảm đời sống của người nghỉ hưu trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước và mức tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội.

5. Về trợ cấp ưu đãi người có công

Từ năm 2009, tiếp tục điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công (mức chuẩn) trên cơ sở mức tiêu dùng bình quân của xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm đời sống của người có công bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của xã hội.

6. Về giải pháp tạo nguồn thực hiện Đề án

a) Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước bảo đảm tổng mức đầu tư toàn xã hội ở mức 42% - 43% GDP, trong đó chi đầu tư từ ngân sách nhà nước hằng năm khoảng trên dưới 25% để cùng với các nguồn trái phiếu chính phủ, xổ số kiến thiết... đạt mức khoảng 30% tổng chi ngân sách nhà nước để bảo đảm mức GDP tăng trưởng từ 8,5% - 9%/năm.

b) Thực hiện đa dạng nguồn trả lương: từ tiết kiệm 10% chi hành chính (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương); từ 35% - 40% nguồn thu được để lại cơ quan, đơn vị; từ 50% số tăng thu ngân sách địa phương và từ ngân sách trung ương. Vay phần tiền nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm xã hội để cùng với cân đối từ ngân sách nhà nước bảo đảm chi đủ lương hưu đối với những người nghỉ hưu trước tháng 10-1995 (đối tượng do ngân sách nhà nước bảo đảm).

c) Thực hiện đồng bộ các giải pháp thu ngân sách nhà nước để bảo đảm nguồn thu ngân sách hằng năm; đồng thời tăng cường quản lý giá cả, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối vĩ mô của nền kinh tế.

7. Về bước đi thực hiện Đề án

Các nội dung cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công nêu trên được thực hiện từng bước và hoàn thành trong 5 năm, từ năm 2008 đến năm 2012. Tuy nhiên, nếu có điều kiện thuận lợi về kinh tế và ngân sách nhà nước thì đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ trên cơ sở Kết luận này tổ chức triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.170-178.

KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 19-KL/TW, ngày 28 tháng 1 năm 2008

Về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp từ ngày 14 đến ngày 22-1-2008, sau khi nghe Bộ Chính trị trình bày Tờ trình và Đề án về "Mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội", các ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương về nội dung trên, kết luận:

1. Đồng ý chủ trương mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của tỉnh Hà Tây; điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc; toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của bốn xã: Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình vào Thủ đô Hà Nội.

2. Giao cho Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Thành ủy Hà Nội, Tỉnh ủy Hà Tây, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Tỉnh ủy Hòa Bình chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo trình tự, đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện, phải thường xuyên báo cáo kết quả với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 22 tháng 1 năm 2008

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự hội nghị,

Sau 9 ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị toàn thể lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã hoàn thành chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận dân chủ, sôi nổi và tích cực, đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc vào các đề án và báo cáo mà Bộ Chính trị đã trình. Hội nghị đánh giá cao công tác chuẩn bị, đồng tình với những nội dung tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, nhất trí ra nghị quyết, kết luận về những nội dung đã trình tại hội nghị.

Về vấn đề ***Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước,*** đây là một nội dung quan trọng của Nghị quyết

Đại hội X của Đảng. Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc; là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc; luôn phát huy bản chất giai cấp công nhân, đặt niềm tin vào giai cấp công nhân, quan tâm lãnh đạo xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp công nhân trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua hơn 20 năm đổi mới, giai cấp công nhân nước ta đã tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã đóng góp trực tiếp, to lớn vào quá trình phát triển của đất nước, cùng với các giai cấp, tầng lớp và thành phần xã hội khác, giai cấp công nhân nước ta là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc làm và đời sống của giai cấp công nhân có cải thiện nhất định. Tuy nhiên, sự phát triển của giai cấp công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cả về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; thiếu các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; phần lớn công nhân xuất thân từ nông dân, chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống. Một bộ phận công nhân chậm thích nghi với cơ chế thị trường. Giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của công nhân không đồng đều; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân đang có nhiều khó khăn,

bức xúc. Thực tiễn tình hình giai cấp công nhân nói trên cho thấy quá trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối của Đảng đã mở ra một giai đoạn lịch sử mới trong sự phát triển của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, những hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm, đời sống và tư tưởng, tình cảm của công nhân. Đảng có chú trọng xây dựng giai cấp công nhân nhưng quan tâm chưa đầy đủ, chưa ngang tầm với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách và luật pháp xây dựng giai cấp công nhân, nhưng những chính sách, luật pháp này còn nhiều hạn chế, bất cập. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đóng góp tích cực vào việc xây dựng giai cấp công nhân, nhưng hiệu quả chưa cao, còn nhiều yếu kém. Bản thân giai cấp công nhân có nhiều nỗ lực vươn lên, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các doanh nghiệp và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế đóng góp tích cực vào tạo việc làm và thu nhập cho công nhân nhưng không ít trường hợp còn vi phạm chính sách, pháp luật đối với người lao động.

Sự nghiệp cách mạng nước ta hiện nay đòi hỏi phải xây dựng giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh; coi sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng ta phấn đấu để đến năm 2020 đạt được mục tiêu: Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc;

nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết hợp tác quốc tế; xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh theo hướng phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước là cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Đó là giai cấp công nhân ngày càng được trí thức hóa, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Để thực hiện được mục tiêu đó, trong thời gian tới, chúng ta cần nghiên cứu để tiếp tục phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân; quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho giai cấp công nhân; bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống chính sách, pháp luật để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, chăm lo

đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân gắn với tăng năng suất lao động; xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh, phát huy vai trò của công đoàn trong xây dựng giai cấp công nhân; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong xây dựng giai cấp công nhân.

Trong những năm trước mắt, cần hình thành và triển khai thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân; đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu mới; tăng cường giáo dục, nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật, xây dựng tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, lối sống lành mạnh cho công nhân. Tích cực phát triển đảng viên mới từ công nhân, xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp; đẩy mạnh phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong các loại hình doanh nghiệp. Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi công nhân và của toàn dân tộc.

Về ***Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên,*** với vị trí là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, vai trò của tổ chức cơ sở đảng rất quan trọng. Để toàn Đảng mạnh thì từng đảng viên và từng cơ sở đảng phải mạnh. Trong những năm qua, chúng ta đã có nhiều nghị quyết, đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp hướng về cơ sở, xây dựng cơ sở vững mạnh. Đến nay, nhiều tổ

chức cơ sở đảng đã giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến về lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu có kết quả, công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở được quan tâm hơn, nhiều đồng chí được tôi luyện trưởng thành trong thực tiễn, được nhân dân tín nhiệm.

Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của không ít tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều mặt yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nhiều tổ chức cơ sở đảng, chi bộ chưa thực hiện đúng và đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định. Việc phổ biến, quán triệt, khả năng vận dụng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Chất lượng sinh hoạt đảng thấp, chậm đổi mới, có nơi còn hình thức, vi phạm nguyên tắc, chạy theo thành tích. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên nhìn chung còn nhiều hạn chế. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, giáo dục cán bộ, đảng viên có nơi bị buông lỏng. Mô hình tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi chưa đồng bộ, thống nhất với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, việc xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên ở một số địa bàn, lĩnh vực trọng yếu còn khó khăn. Chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở còn bất cập, thiếu đồng bộ.

Thực tiễn đó đòi hỏi Đảng ta phải tập trung sức xây dựng, củng cố, nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo được sự chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình cơ sở đảng, làm cho tổ

chức cơ sở đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, đủ sức lãnh đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp xảy ra ở cơ sở. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị đồng bộ, thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên ở những nơi chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên. Bảo đảm các loại hình tổ chức cơ sở đảng đều có quy định về chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc phù hợp. Chăm lo xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, trước hết là bí thư cấp ủy và cán bộ, đảng viên thật sự tiền phong, gương mẫu, có phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, có uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kiên quyết thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, không được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm; đồng thời kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Để thực hiện tốt mục tiêu đó, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất và năng lực, đủ sức hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Công tác chính trị, tư tưởng phải được tiến hành một cách tích cực, chủ động, trang bị kịp thời những thông tin chính thống có định hướng, kiên quyết đấu tranh với các luận điệu sai trái, độc hại của các thế lực thù địch và phần tử xấu; lý giải kịp thời các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, củng cố niềm tin vào đường lối của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng sự đoàn kết thống nhất có nguyên tắc trong chi bộ, đơn vị.

Về mặt tổ chức, chúng ta phải hoàn thiện mô hình tổ chức trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng gắn tổ chức cơ sở đảng với trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; chăm lo phát triển đảng viên, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên.

Thực hiện mạnh mẽ chủ trương trẻ hóa, tiêu chuẩn hóa và thí điểm từng bước "nhất thể hóa" một số chức danh cán bộ; tạo bằng được bước chuyển có tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, chất lượng sinh hoạt của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật; khắc phục tính hình thức, đơn điệu, tăng cường sức sống mới, tính chiến đấu, tính giáo dục để nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng.

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên, thực hiện tự phê bình và phê bình sâu sắc, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

Thưa các đồng chí,

Về ***Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***, đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước. Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp trước đây sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hóa thành *Hiến pháp,* pháp luật, tạo hành lang

pháp lý cho kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ hình thức sở hữu toàn dân và tập thể là chủ yếu sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen hỗn hợp, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, xóa bỏ phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho khai thác tiềm năng trong nước và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội. Các loại thị trường đã ra đời và từng bước phát triển theo hướng thông suốt và thống nhất trong cả nước, mở rộng ra khu vực và thế giới. Quyền tự do, bình đẳng trong kinh doanh đã thực sự đi vào cuộc sống. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã cơ bản thay thế cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trước đây trong việc vận hành nền kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô, cả đối với lĩnh vực sản xuất và phân phối. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh sang quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác. Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta còn chậm, lúng túng, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện và hội nhập kinh tế quốc tế, chưa hình thành một cách có hệ thống lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chưa xác định rõ và tạo được sự nhất trí cao về

những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chưa lường hết tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, nhất là trong lĩnh vực xã hội để có biện pháp hữu hiệu hạn chế và ngăn ngừa.

Nghị quyết Đại hội X xác định, để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải nắm vững đặc trưng cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện tính ưu việt là gắn kết chặt chẽ kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước; phát triển đồng bộ và có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh; phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là: Thứ nhất, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn. Hai là, phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Ba là, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục...,

giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn của các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Bốn là, phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Theo định hướng đó, Đảng ta đề ra mục tiêu tổng quát: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường là nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu cụ thể cho giai đoạn từ nay đến năm 2010 là hoàn thành cơ bản việc xây dựng hệ thống pháp luật bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu theo mô hình công ty mẹ - công ty con, áp dụng mô hình quản lý hiện đại; đổi mới cơ bản tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; hình thành, phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả quản lý của

Nhà nước, phát huy vai trò của nhân dân trong quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2010 đến năm 2020, tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế, thực hiện về cơ bản mục tiêu tổng quát trên.

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là công việc hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ. Quá trình thực hiện phải nắm chắc quan điểm, tôn trọng và vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật khách quan, đồng thời phải phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của nền kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường; chủ động, tích cực với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết kinh nghiệm, kế thừa và chọn lọc thành tựu của nhân loại và kinh nghiệm từ thực tiễn ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong suốt quá trình thực hiện.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này biểu thị sự nhất trí cao với các tờ trình của Bộ Chính trị "Về cải cách chính sách tiền lương,

bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012", về chủ trương "Mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội". Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng chuẩn bị đề án trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung ba thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng khóa X; nhất trí cao với Tờ trình của Bộ Chính trị về việc thành lập hai tiểu ban: Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới; Tiểu ban tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và chuẩn bị xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020); nhất trí bổ sung đề án tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào Chương trình toàn khóa và sẽ trình Hội nghị Trung ương 8 xem xét, quyết định.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng nhằm tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Hội nghị kết thúc vào dịp kỷ niệm 78 năm thành lập Đảng, cả nước chuẩn bị đón Xuân mới, các cấp, các ngành đang ra sức triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2008, năm bản lề có ý nghĩa rất quan trọng đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Tôi mong rằng, mỗi đồng chí Trung ương, mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta nêu gương trong việc tổ chức đón Tết vui Xuân lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, không lãng phí.

Nhân dịp này, tôi xin gửi đến toàn thể các đồng chí tham dự hội nghị, đến đồng chí, đồng bào và chiến sĩ trong cả nước,

đồng bào ta ở nước ngoài lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất. Chúc mọi người mạnh khỏe, hạnh phúc, năm mới tiến bộ mới, thắng lợi mới.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.179-194.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 22 tháng 1 năm 2008

Tiếp tục triển khai Chương trình làm việc toàn khóa nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, trong các ngày từ 14 đến 22-1-2008, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã họp Hội nghị lần thứ sáu. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo và thảo luận các đề án: *Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012; Về việc mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội;* nghe và cho ý kiến về các vấn đề: thành lập Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện *Cương lĩnh 1991,* bổ sung và phát triển *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới,* Tiểu ban tổng kết tình hình

thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010)* và chuẩn bị xây dựng *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020)*; bổ sung đề án tổng kết 10 năm thực hiện *Chiến lược cán bộ* tại Hội nghị Trung ương 8 sắp tới; bầu bổ sung ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; *Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007, trọng tâm công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008; Báo cáo kết quả những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6; Báo cáo công tác tài chính, ngân sách Đảng năm 2007*.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công, hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; là lực lượng nòng cốt trong liên minh công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Qua hơn 20 năm đổi mới, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân Việt Nam đã có những chuyển biến quan trọng: tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đã hình thành ngày càng đông bộ phận công nhân trí thức; đang tiếp tục phát huy vai trò của mình và có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đời sống của giai cấp công nhân có được cải

thiện nhất định cùng với sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, số lượng, cơ cấu, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; thiếu trầm trọng các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; địa vị chính trị của giai cấp công nhân chưa thể hiện đầy đủ, ý thức giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của giai cấp công nhân không đồng đều; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân còn nhiều khó khăn, lợi ích mà một bộ phận công nhân được hưởng chưa tương xứng với thành tựu của công cuộc đổi mới và sự đóng góp của chính họ.

Sự nghiệp cách mạng nước ta đòi hỏi phải xây dựng giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật lao động cao, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, có cơ cấu đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước. Để thực hiện mục tiêu này, cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Chăm lo đào tạo nghề, từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân. Coi trọng việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho giai cấp công nhân. Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công

nhân gắn với tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng giai cấp công nhân. Ban Chấp hành Trung ương đã ra Nghị quyết *Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

Trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiều tổ chức cơ sở đảng giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị được giao. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở được chăm lo. Chất lượng, trình độ các mặt của đội ngũ cấp ủy viên và cán bộ, đảng viên ở cơ sở được nâng lên. Công tác kết nạp đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của không ít tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở còn nhiều mặt yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Việc vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của các tổ chức cơ sở đảng còn yếu, chưa đủ sức giải quyết nhiều vấn đề phức tạp xảy ra ở cơ sở. Nhiều cấp ủy, đảng bộ, chi bộ chưa thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; chưa thực hiện có nền nếp chế độ sinh hoạt đảng, nội dung sinh hoạt còn nghèo nàn. Chất lượng đội ngũ đảng viên còn nhiều hạn chế; một bộ phận không nhỏ đảng viên phai nhạt lý tưởng, suy thoái về

phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống rất đáng lo ngại. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở còn bị buông lỏng. Công tác kết nạp đảng viên mới còn chạy theo số lượng, xem nhẹ chất lượng. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm còn hình thức, chưa phản ánh đúng thực chất.

Để xây dựng, củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, Đảng ta phải tập trung, dồn sức hướng mạnh về cơ sở. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thực sự tiền phong gương mẫu, có đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hoàn thiện mô hình tổ chức trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng gắn tổ chức cơ sở đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; chăm lo phát triển đảng viên, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực chưa có tổ chức đảng và đảng viên. Thực hiện mạnh mẽ chủ trương trẻ hóa, thể chế hóa và thí điểm từng bước "nhất thể hóa" một số chức danh cán bộ; tạo bằng được bước chuyển mang tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở. Nâng cao chất lượng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật; giảm tính hình thức, đơn điệu, tăng cường sức sống mới, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên; dựa vào dân để xây dựng Đảng. Ban Chấp hành

Trung ương đã ra Nghị quyết về *Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*.

Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp trước đây sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tư duy và đường lối đổi mới của Đảng từng bước được thể chế hóa thành *Hiến pháp*, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ hình thức sở hữu toàn dân và tập thể là chủ yếu sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen hỗn hợp, cùng bình đẳng và phát triển, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội. Chế độ phân phối nặng tính bình quân, "cào bằng" đã được đổi mới theo hướng đa dạng, công bằng, dựa trên đóng góp kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp về vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh. Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển. Quyền tự do, bình đẳng trong kinh doanh đã đi vào cuộc sống. Quản lý nhà nước về kinh tế từng bước được đổi mới. Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội được coi trọng, đạt nhiều kết quả tích cực. Song, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta còn chậm, lúng túng, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới. Hệ thống pháp luật còn chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ; các chính sách có liên quan đến đất đai còn nhiều bất cập; quan hệ sở hữu, phân phối trong các doanh

nghiệp nhà nước chưa được xử lý tốt. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trên thực tế có lúc, có nơi còn bị phân biệt đối xử. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ. Cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội đổi mới chậm. Nhiều vấn đề bức xúc trong lĩnh vực xã hội và bảo vệ môi trường chưa được giải quyết tốt. Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, chưa lường hết để có biện pháp hữu hiệu ngăn ngừa tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, nhất là trong lĩnh vực xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có sự thống nhất cao về nhận thức trong Đảng và trong xã hội về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là về những đặc trưng định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế; phải tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh; hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường; gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước, tăng cường sự tham gia của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Ban Chấp hành Trung ương đã ra Nghị quyết về *Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2003 - 2007 đã tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng về tiền lương và an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặt trong tổng thể bảo đảm các cân đối kinh tế vĩ mô, có tác động tích cực đến quốc phòng, an ninh và cải thiện đáng kể đời sống người hưởng lương, người nghỉ hưu và người có công với cách mạng. Tuy nhiên, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế. Tiền lương chưa bảo đảm cho người lao động, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức sống được bằng tiền lương ở mức trung bình khá trong xã hội; chưa khuyến khích, thu hút được người tài, người làm việc giỏi; chưa góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và của hệ thống chính trị.

Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012 được thực hiện theo các mục tiêu và quan điểm: coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; cải cách chính sách tiền lương phải tiến tới bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức sống được bằng tiền lương ở mức trung bình khá trong xã hội. Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công phải gắn với việc kiềm chế tốc độ tăng giá, bảo đảm tốt hơn đời sống của người nghèo, đồng bào dân tộc, đối tượng chính sách xã hội nhằm đạt mục tiêu Đại hội X của Đảng đã đề ra là: "Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong

từng bước và từng chính sách phát triển". Ban Chấp hành Trung ương đã ra Kết luận *Về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012*.

Về chủ trương mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương khẳng định: Hà Nội là trái tim của cả nước, trung tâm đầu não về chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, cần thiết phải có quy mô phù hợp, bảo đảm cho sự phát triển bền vững, lâu dài. Việc mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội phải đáp ứng đầy đủ các chức năng và vị thế của một thủ đô hiện đại; phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển vùng Hà Nội, phù hợp với các điều kiện địa lý - lịch sử - văn hóa truyền thống. Ban Chấp hành Trung ương đã cho ý kiến về vấn đề này, giao Bộ Chính trị chỉ đạo thực hiện theo đúng trình tự và quy định của pháp luật, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Tại hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương đã nghe và thảo luận các nội dung khác do Bộ Chính trị trình và đã bầu bổ sung ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy thành tựu, ưu điểm đã đạt được trong năm 2007, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nghị quyết các hội nghị của Trung ương; đưa sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vững bước tiến lên. Trước mắt, tổ chức đón Tết, vui Xuân Mậu Tý lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; chăm lo đời sống gia đình liệt sĩ,

thương binh, người có công, người có hoàn cảnh khó khăn; đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng sôi nổi, triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 ngay từ tháng đầu, quý đầu; lập thành tích chào mừng 78 năm Ngày thành lập Đảng 3-2, kỷ niệm tròn 40 năm cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.195-205.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 133-TB/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2008

Về dự án Pháp lệnh cảnh sát biển (sửa đổi) và dự án Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng

Tại phiên họp ngày 19-1-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Pháp lệnh cảnh sát biển (sửa đổi) và dự án Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về dự án Pháp lệnh cảnh sát biển (sửa đổi):

Đồng ý sửa đổi Pháp lệnh cảnh sát biển Việt Nam theo hướng quy định cho phép lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Giao cho Chính phủ quy định cụ thể lực lượng nào có trách nhiệm chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn ở các khu vực biển và cần phải phù hợp với các luật hiện hành.

2. Về dự án Pháp lệnh công nghiệp quốc phòng:

Đồng ý với báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội về việc ban

hành Pháp lệnh công nghiệp quốc phòng, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết 27-NQ/TW của Bộ Chính trị (Báo cáo số 94/ĐĐQH12, ngày 11-01-2008).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 122-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Văn phòng Trung ương Đảng trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Văn phòng Trung ương Đảng trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với

Văn phòng Trung ương Đảng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với văn phòng cấp ủy tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp tỉnh, thành phố.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với văn phòng cấp ủy tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 122-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp trong việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng,

bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến cán bộ,

đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, tài chính, tài sản của Đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong việc xây dựng các đề án, báo cáo, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình (gọi chung là báo cáo) về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Thực hiện các nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Trao đổi, cung cấp tài liệu, hồ sơ các vụ việc kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng; về lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, tài chính, tài sản của Đảng có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; các đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những việc có liên quan đến chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, nhân sự cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Trung ương; đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong tặng danh hiệu, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến Văn phòng Trung ương Đảng thì gửi văn bản đề nghị Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng trong việc kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, tài chính, tài sản của Đảng.

d) Tham gia ý kiến với Văn phòng Trung ương Đảng trong việc giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những việc có liên quan đến chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương,

cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Trung ương; đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong tặng danh hiệu, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

đ) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Văn phòng Trung ương Đảng thì chủ động phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng để thực hiện.

e) Khi có nhu cầu về tài liệu, hồ sơ các vụ việc kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng; về lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, tài chính, tài sản của Đảng có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì gửi văn bản đề nghị Văn phòng Trung ương Đảng trao đổi hoặc cung cấp.

Tiếp nhận, xem xét giải quyết theo thẩm quyền các đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng do Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao.

g) Hằng năm trao đổi với Văn phòng Trung ương Đảng về tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

h) Khi tiến hành các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để thảo luận hoặc thông qua các báo cáo trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì gửi giấy mời hoặc thông báo cho Văn phòng Trung ương Đảng cử lãnh đạo Văn phòng, cán bộ theo dõi tham dự.

2. Văn phòng Trung ương Đảng

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu hiệu vi phạm, hoặc khi nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, tài chính, tài sản của Đảng.

d) Qua làm việc với các cấp ủy địa phương, với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương, nếu phát hiện có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm đơn, thư tố cáo hoặc văn bản kiến nghị (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

e) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện

các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật hoặc có khiếu nại kỷ luật đảng.

g) Trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ các vụ việc kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng; về lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, tài chính, tài sản của Đảng có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo văn bản đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

h) Khi thẩm định các đề án, tài liệu về lĩnh vực công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, nếu còn vấn đề chưa rõ thì trao đổi, thống nhất với Ủy ban Kiểm tra Trung ương để văn bản trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bảo đảm chặt chẽ về nội dung và đúng quy định.

i) Các báo cáo của Văn phòng Trung ương Đảng có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

k) Khi tiến hành các kỳ họp có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì Văn phòng Trung ương Đảng gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi cùng dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị

chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo tài liệu cần thiết). Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn trên thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về nội dung cần trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ đã được thẩm tra, xác minh, kết luận.

4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương gửi Văn phòng Trung ương Đảng những báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định đúng thời gian quy định.

Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo với Thường trực Ban Bí thư để đưa vào chương trình họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định các báo cáo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trình đúng thời gian quy định.

5. Những vấn đề quan trọng, cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan để trao đổi, thống nhất trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan vẫn còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Văn phòng Trung ương Đảng phân công đồng chí Phó Chánh Văn phòng chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp này.

Giao các vụ chức năng của hai cơ quan chủ động và thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu và phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Văn phòng Trung ương Đảng chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm và bàn biện pháp thực hiện Quy chế trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 123-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng đoàn Quốc hội trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X), Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng đoàn Quốc hội trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2. Các cơ quan có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI ĐẢNG ĐOÀN QUỐC HỘI TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 123-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Đảng đoàn Quốc hội phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, bảo đảm

các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và công tác cán bộ; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ

liên quan đến cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung công tác có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định những vấn đề về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Đảng đoàn Quốc hội.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến Đảng đoàn Quốc hội thì gửi văn bản đề nghị Đảng đoàn Quốc hội phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Khi tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Đảng đoàn Quốc hội thì chủ động phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội để thực hiện.

d) Thông báo bằng văn bản đến Đảng đoàn Quốc hội về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng đoàn Quốc hội.

đ) Trao đổi với Đảng đoàn Quốc hội về tổ chức bộ máy và cán bộ của Đảng đoàn Quốc hội trước khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét hoặc xử lý kỷ luật, hay cho ý kiến xử lý.

2. Đảng đoàn Quốc hội

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu hiệu vi phạm, hoặc nhận được đơn, thư tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề cần phối hợp thực hiện thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện.

Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc xem xét, thi hành kỷ luật đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý về kỷ luật chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng.

c) Qua làm việc với các địa phương, các cơ quan Trung ương, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm theo đơn, thư khiếu nại, tố cáo (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

e) Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội thường kỳ và đột xuất, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

g) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ, đột xuất có liên quan đến công tác kiểm tra, kỷ luật đảng thì Đảng đoàn Quốc hội gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi cùng dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến, phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó trao đổi bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ, hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng, cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan vẫn còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định hoặc cho ý kiến chỉ đạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Đảng đoàn Quốc hội phân công đồng chí Phó Bí thư Đảng đoàn chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Đảng đoàn Quốc hội chủ động phối hợp thực hiện, hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần dự họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 124-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X), Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2. Các cơ quan có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI BAN CÁN SỰ ĐẢNG CHÍNH PHỦ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 124-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Cán sự Đảng Chính phủ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, bảo đảm

các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và công tác cán bộ; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ

liên quan đến nhiều cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung công tác có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định những vấn đề về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự Đảng Chính phủ thì gửi văn bản đề nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

Trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật có giữ chức vụ ở các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương thuộc phạm vi phụ trách của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cùng Ban Cán sự Đảng Chính phủ trao đổi, đánh giá, thống nhất nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm và hình thức xử lý trước khi Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định hoặc đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định thi hành kỷ luật đảng theo thẩm quyền.

c) Khi tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự Đảng Chính phủ thì chủ động phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ để thực hiện.

d) Thông báo bằng văn bản đến Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

đ) Trao đổi với Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tổ chức bộ máy và cán bộ của Ban Cán sự Đảng Chính phủ trước khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định hoặc xử lý kỷ luật, hay cho ý kiến xử lý.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu hiệu vi phạm, hoặc nhận được đơn, thư tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề cần lấy ý kiến hoặc phối hợp thực hiện thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến hoặc cử cán bộ phối hợp thực hiện.

c) Qua làm việc với các địa phương, cơ quan Trung ương, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm theo đơn, thư khiếu nại, tố cáo (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, thi hành kỷ luật đảng; chỉ đạo hoặc đề nghị kỷ luật chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, báo cáo (thường kỳ và đột xuất) của Ban Cán sự Đảng Chính phủ khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

e) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ, đột xuất liên quan đến công tác kiểm tra, kỷ luật đảng của Ban Cán sự Đảng Chính phủ thì Ban Cán sự Đảng Chính phủ gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi cùng dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó trao đổi bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan vẫn còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Cán sự Đảng Chính phủ phân công đồng chí Phó Bí thư chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 125-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Tổ chức Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Tổ chức Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra của

cấp ủy trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với ban tổ chức của cấp ủy cùng cấp tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp mình.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với ban tổ chức ở địa phương.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 125-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, công tác cán bộ; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị,

Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung công tác có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và công tác cán bộ.

a) Tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng và ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của mỗi cơ quan; trong công tác tham mưu, nhận xét, đánh giá cán bộ hằng năm.

b) Xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ ngành kiểm tra đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chuẩn bị nhân sự cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Trung ương; trong việc đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong hàm, phong tặng danh hiệu, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, phát hiện cán bộ, đảng viên vi phạm tiêu chuẩn chính trị thì thông báo bằng văn bản và cung cấp tài liệu có liên quan hoặc gửi văn bản đề nghị Ban Tổ chức Trung ương phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương trong việc giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chuẩn bị nhân sự cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Trung ương; trong việc đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong tặng danh hiệu, khen thưởng đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

d) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Tổ chức Trung ương thì chủ động phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương để thực hiện.

đ) Định kỳ (sáu tháng, hằng năm, cuối nhiệm kỳ) thông báo bằng văn bản cho Ban Tổ chức Trung ương tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Tổ chức Trung ương.

Các thông báo kết luận kiểm tra, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, quyết định thi hành kỷ luật đảng đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ban Tổ chức Trung ương.

e) Trao đổi về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ ngành kiểm tra đảng trước khi quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

g) Hằng năm, trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương về tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Ban Tổ chức Trung ương

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu hiệu vi phạm hoặc khi nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng,

đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện.

c) Qua làm việc với các địa phương, đơn vị, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm đơn, thư khiếu nại, tố cáo (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành giám sát, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Hằng năm, trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương về tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

e) Các hướng dẫn, đề án, báo cáo liên quan đến nội dung phối hợp giữa hai cơ quan của Ban Tổ chức Trung ương khi

ban hành hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

g) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ, đột xuất có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì Ban Tổ chức Trung ương gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi cùng dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến cần gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định trên thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải trao đổi bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản thông tin, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần phải trực tiếp họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan vẫn còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, kết luận.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Tổ chức Trung ương phân công đồng chí Phó trưởng Ban chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Giao các vụ chức năng của hai cơ quan chủ động và thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu và phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Tổ chức Trung ương chủ động phối

hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp cần thiết do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 126-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng ủy Quân sự Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X), Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng ủy Quân sự Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương trong việc chỉ đạo, hướng dẫn

ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với đảng ủy quân sự, đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp tỉnh, thành phố.

Chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra đảng ủy các quân khu, bộ đội biên phòng xây dựng quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng với ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy trong địa bàn quân khu.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy với đảng ủy quân sự, đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ TRUNG ƯƠNG TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 126-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Đảng ủy Quân sự Trung ương phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, bảo đảm

các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến cán bộ,

đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể, truy cứu trách nhiệm hình sự được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những nội dung công tác có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Cùng các ban của Đảng tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định những vấn đề liên quan đến công tác xây dựng Đảng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Đảng bộ Quân đội theo quy định của Đảng.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến

Đảng ủy Quân sự Trung ương thì gửi văn bản đề nghị Đảng ủy Quân sự Trung ương phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

- Phối hợp trong việc xem xét, giải quyết tố cáo và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên trong Đảng bộ Quân đội thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

- Hướng dẫn việc giải quyết tố cáo, xử lý kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Đảng ủy Quân sự Trung ương quản lý.

c) Khi tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Đảng ủy Quân sự Trung ương thì chủ động phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương để thực hiện.

d) Thông báo bằng văn bản đến Đảng ủy Quân sự Trung ương về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

đ) Trao đổi với Đảng ủy Quân sự Trung ương về tổ chức bộ máy và cán bộ của Đảng ủy Quân sự Trung ương trước khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, hoặc xử lý kỷ luật hay cho ý kiến xử lý.

2. Đảng ủy Quân sự Trung ương

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu hiệu vi phạm, hoặc nhận được đơn, thư tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề cần lấy ý kiến hoặc phối hợp thực hiện thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến hoặc cử cán bộ phối hợp thực hiện.

c) Qua làm việc với các địa phương, đơn vị, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm theo đơn, thư tố cáo hoặc bản kiến nghị (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến, hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, xem xét, thi hành kỷ luật đảng; chỉ đạo, hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Đảng ủy Quân sự Trung ương khi chuẩn bị nhân sự để bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, thay đổi chủ nhiệm phải trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định; thay đổi các thành viên của ủy ban kiểm tra cấp mình thì phải trao đổi, thống nhất với Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

e) Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, đề án, báo cáo (thường kỳ và đột xuất) của Ban Thường vụ, Đảng ủy Quân sự Trung ương, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương (trừ những báo cáo riêng có liên quan đến bí mật quốc phòng, an ninh quốc gia).

g) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ và đột xuất thì Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi tham dự để thực hiện chức năng giám sát (trừ những cuộc họp riêng có liên quan đến bí mật quốc phòng, an ninh quốc gia).

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những văn bản dự thảo cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm trao đổi bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản thông tin, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ, hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng, cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan vẫn còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, kết luận hoặc cho ý kiến chỉ đạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Đảng ủy Quân sự Trung ương phân

công đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Giao các đơn vị chức năng của hai cơ quan chủ động và thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu và phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Đảng ủy Quân sự Trung ương chủ động phối hợp thực hiện, hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 127-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X), Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao trong việc chỉ đạo,

hướng dẫn ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với ban cán sự đảng tòa án nhân dân tỉnh, thành phố tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp tỉnh, thành phố.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy với ban cán sự đảng tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI BAN CÁN SỰ ĐẢNG TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 127-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng,

bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến cán bộ,

đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung công tác có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định những vấn đề về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao thì gửi văn bản đề nghị Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên trong ngành Tòa án thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao thì chủ động phối hợp với Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao để thực hiện.

d) Phối hợp với Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao trong việc kiểm tra, kỷ luật đảng đối với cán bộ tòa án không thuộc diện Ban Bí thư quản lý khi có đề nghị của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao.

đ) Thông báo bằng văn bản đến Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao.

e) Trao đổi với Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao về tổ chức bộ máy và cán bộ của Tòa án nhân dân tối cao trước khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định, thay đổi, hoặc xử lý kỷ luật, hay cho ý kiến xử lý.

2. Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu

hiệu vi phạm, hoặc khi nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi tiến hành công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện.

c) Qua làm việc với các địa phương, đơn vị, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm đơn, thư tố cáo hoặc văn bản kiến nghị (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến, hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Các nghị quyết, hướng dẫn, đề án, báo cáo có liên quan đến công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

e) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ, đột xuất liên quan đến công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng thì Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi cùng dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo các tài liệu cần thiết, nếu có). Trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến cần gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh cần thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản thông tin, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành

kỷ luật đảng, công tác cán bộ, hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng, cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, kết luận hoặc cho ý kiến chỉ đạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao phân công đồng chí Ủy viên Ban Cán sự Đảng chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao chủ động phối hợp thực hiện, hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 128-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng ủy Công an Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng ủy Công an Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương trong việc chỉ đạo, hướng dẫn

ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với đảng ủy công an tỉnh, thành phố tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp tỉnh, thành phố.

Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương xây dựng quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng với ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy với đảng ủy công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI ĐẢNG ỦY CÔNG AN TRUNG ƯƠNG TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 128-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, bảo đảm

các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để

xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể, truy cứu trách nhiệm hình sự được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung công tác có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Cùng các ban của Đảng tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định những vấn đề liên quan đến công tác xây dựng Đảng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Đảng ủy Công an Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương theo quy định của Đảng.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến Đảng ủy Công an Trung ương thì gửi văn bản đề nghị Đảng ủy Công an Trung ương phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

Phối hợp trong việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên trong lực lượng công an nhân dân thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Đảng ủy Công an Trung ương thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

c) Khi tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Đảng ủy Công an Trung ương thì chủ động phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương để thực hiện.

d) Thông báo bằng văn bản đến Đảng ủy Công an Trung ương về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng ủy Công an Trung ương.

đ) Trao đổi với Đảng ủy Công an Trung ương về tổ chức bộ máy và cán bộ của Đảng ủy Công an Trung ương trước khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, hoặc xử lý kỷ luật, hay cho ý kiến xử lý.

2. Đảng ủy Công an Trung ương

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu hiệu vi phạm hoặc nhận được đơn, thư tố cáo đối với tổ chức đảng,

đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chủ động trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi tiến hành kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề cần lấy ý kiến hoặc phối hợp thực hiện thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến hoặc cử cán bộ phối hợp thực hiện.

c) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, xem xét, thi hành kỷ luật đảng; chỉ đạo, hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

d) Đảng ủy Công an Trung ương khi chuẩn bị nhân sự để bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, thay đổi chủ nhiệm phải trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định; thay đổi các thành viên của ủy ban kiểm tra cấp mình thì phải trao đổi, thống nhất với Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

đ) Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, đề án, báo cáo (thường kỳ và đột xuất) của Ban Thường vụ, Đảng ủy Công an Trung ương khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương (trừ những báo cáo riêng về

nghiệp vụ và những báo cáo có liên quan đến bí mật an ninh quốc gia).

e) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ và đột xuất thì Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử lãnh đạo Ủy ban, cán bộ theo dõi tham dự để thực hiện chức năng giám sát (trừ những cuộc họp riêng bàn về công tác nghiệp vụ và các cuộc họp có liên quan đến bí mật an ninh quốc gia).

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những văn bản dự thảo cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm trao đổi bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản thông tin, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất, thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan vẫn còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, kết luận hoặc cho ý kiến chỉ đạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Đảng ủy Công an Trung ương phân công đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Giao các đơn vị chức năng của hai cơ quan chủ động và thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu và phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác

kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Đảng ủy Công an Trung ương chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 129-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ trong việc chỉ đạo ủy ban

kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với thanh tra tỉnh, thành phố tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp tỉnh, thành phố.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy với ban cán sự đảng thanh tra nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI BAN CÁN SỰ ĐẢNG THANH TRA CHÍNH PHỦ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 129-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng,

bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến cán bộ, đảng viên

vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung công tác có liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định những vấn đề về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ thì có văn bản đề nghị Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên trong ngành Thanh tra thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ thì chủ động phối hợp với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ để thực hiện.

d) Thông báo bằng văn bản đến Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ.

đ) Trao đổi với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ về tổ chức bộ máy và cán bộ của Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ trước khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét hoặc cho ý kiến xử lý.

2. Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu hiệu vi phạm hoặc khi nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi tiến hành công tác kiểm tra, chỉ đạo thực hiện công tác thanh tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn;

tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện hoặc cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra.

c) Qua làm việc với các địa phương, đơn vị hoặc tiến hành thanh tra, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm đơn, thư tố cáo hoặc văn bản kiến nghị (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến, hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Các nghị quyết, hướng dẫn, đề án, báo cáo (thường kỳ và đột xuất) của Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ có liên quan đến công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

e) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ, đột xuất có liên quan đến công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng thì Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi cùng dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản thông tin, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng, cần phải họp để trao đổi, thống nhất, thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, kết luận hoặc cho ý kiến chỉ đạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ phân công đồng chí Ủy viên Ban Cán sự Đảng chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 130-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X), Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong việc chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp tỉnh, thành phố.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy với ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VỚI BAN CÁN SỰ ĐẢNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 130-QĐ/TW, ngày 24-1-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, bảo đảm

các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Những văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến cán bộ, đảng viên

vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những nội dung công tác có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định những vấn đề về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì gửi văn bản đề nghị Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên trong ngành Kiểm sát thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì chủ động phối hợp với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để thực hiện.

d) Phối hợp với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong việc kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng đối với cán bộ kiểm sát không thuộc diện Ban Bí thư quản lý khi có đề nghị của Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

đ) Thông báo bằng văn bản đến Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

e) Trao đổi với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về tổ chức bộ máy và cán bộ của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trước khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định, thay đổi, hoặc xử lý kỷ luật, hay cho ý kiến xử lý.

2. Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Trung ương quản lý có dấu hiệu

vi phạm, hoặc khi nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi tiến hành công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thực hiện thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện hoặc cử cán bộ tham gia.

c) Qua làm việc với các địa phương, đơn vị, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm đơn, thư tố cáo hoặc văn bản kiến nghị (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến, hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Các nghị quyết, hướng dẫn, đề án, báo cáo (thường kỳ và đột xuất) có liên quan đến công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật đảng của Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

e) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ, đột xuất liên quan đến công tác kiểm tra, kỷ luật đảng thì Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi cùng dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến cần gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh cần thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải trao đổi bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản thông tin, tài liệu đã được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi

hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ, hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, kết luận hoặc cho ý kiến chỉ đạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phân công đồng chí Ủy viên Ban Cán sự Đảng chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ động phối hợp thực hiện, hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Hằng năm, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 136-TB/TW ngày 25 tháng 1 năm 2008

Về tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2007

Ngày 7 – 8-1-2008, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2007. Sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra tình hình thực hiện một số nghị quyết và chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo Chương trình kiểm tra số 37-CTr/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007 và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại Hội nghị, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

I- KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG NĂM 2007

- Năm 2007, Trung ương đã ban hành nhiều văn bản có liên quan đến công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra,

giám sát, kỷ luật của Đảng, như Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, các quy định, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác này; các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã thực hiện khá toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, với chất lượng, hiệu quả ngày càng được nâng cao, có tác dụng rõ rệt trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế các vi phạm, góp phần tăng cường kỷ cương, kỷ luật, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong toàn Đảng và ở từng địa phương, đơn vị; góp phần tích cực vào thành công của cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII và sự phát triển chung của đất nước.

Các địa phương, đơn vị đều chấp hành nghiêm Chương trình kiểm tra năm 2007 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; qua kiểm tra đã giúp tổ chức đảng và đảng viên phát huy ưu điểm, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, đề ra biện pháp sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm. Mặt khác, đã chú trọng tập trung kiểm tra vào những lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, đang gây bức xúc trong dư luận; qua những kết quả này được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ. Cấp ủy các cấp cũng đã quan tâm chỉ đạo các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm. Qua đó tạo chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, góp phần ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, hạn chế tình trạng khiếu kiện vượt cấp, kéo dài.

Qua các cuộc kiểm tra của Bộ Chính trị cho thấy: Việc Bộ Chính trị ban hành một số nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đối với các vùng và một số thành phố là những chủ trương hết sức đúng đắn, phù hợp với thực tiễn, tạo ra những cơ hội, động lực to lớn cho các tỉnh trong vùng và ba thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ phát triển về mọi mặt; được Đảng bộ và nhân dân các địa phương trong vùng và ba thành phố phấn khởi đón nhận, tổ chức triển khai thực hiện với quyết tâm cao nên đã đạt được những kết quả quan trọng. Kinh tế của các vùng đều có mức tăng trưởng khá, nhiều tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; một số tiềm năng, lợi thế bước đầu đã được phát huy; kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư xây dựng. Văn hóa - xã hội có tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội bảo đảm; chủ quyền lãnh thổ quốc gia được giữ vững; các hoạt động đối ngoại ngày càng củng cố và mở rộng. Hệ thống chính trị các cấp từng bước được kiện toàn, chất lượng và hiệu quả hoạt động được nâng lên; khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố, nhân dân các dân tộc trong vùng vững tin vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đối với các cuộc kiểm tra của Ban Bí thư và tự kiểm tra của các địa phương, đơn vị cho thấy: Chất lượng của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, hoạt động của Hội Đông y Việt Nam và hoạt động của các hội quần chúng đạt nhiều kết quả, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng và sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân ở từng địa phương

cũng như cả nước. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công, nhiều địa phương, đơn vị thực hiện tốt hơn trước. Các dự án đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng, bước đầu phát huy hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về đất đai có bước chuyển biến, tiến bộ. Việc lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và việc giao đất cho nhiều dự án bảo đảm đúng quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Nhiều dự án sau khi được giao đất, cho thuê đất đã được các nhà đầu tư triển khai thực hiện đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến đất đai, xử lý kiên quyết các trường hợp vi phạm, thu hồi đất đai, tiền bị chiếm dụng cho Nhà nước. Qua công tác kiểm tra, các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo Nhà nước nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách, chế độ, quy định cho phù hợp với thực tiễn. Vừa qua, Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về tình hình khiếu kiện của nhân dân và đã cho ý kiến chỉ đạo để giải quyết trong thời gian tới.

- Giám sát là một chức năng, nhiệm vụ mới, nhưng các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ đã coi trọng việc thực hiện, đạt kết quả bước đầu. Nội dung giám sát đã bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của từng địa phương, đơn vị và cơ sở. Thông qua giám sát, đã có tác dụng nhắc nhở, cảnh báo, uốn nắn, phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, kịp thời rút kinh nghiệm để có biện pháp sửa chữa, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm.

Bên cạnh những mặt ưu điểm trên, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong năm 2007 cũng còn những khuyết điểm, hạn chế:

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, chưa gắn chức năng lãnh đạo với chức năng kiểm tra, giám sát; thực hiện công tác kiểm tra chưa bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục theo quy định, chất lượng, hiệu quả chưa cao. Một số ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa thường xuyên quan tâm đến công tác kiểm tra nên kết quả đạt được còn hạn chế. Việc phát hiện, xem xét, xử lý vi phạm ở một số địa phương, đơn vị chưa kịp thời; thực hiện nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật ở một số cơ sở chưa đúng thẩm quyền, chưa bảo đảm dân chủ; xử lý kỷ luật về chính quyền thiếu đồng bộ với kỷ luật đảng. Một số cấp ủy chưa kịp thời, kiên quyết trong chỉ đạo tập thể, cá nhân có trách nhiệm thu hồi tiền, tài sản bị chiếm dụng, thất thoát, tham nhũng.

- Phương pháp công tác, trình độ của một số cán bộ kiểm tra còn bất cập, chưa ngang tầm và theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới; tác phong, phương pháp công tác của một số cán bộ kiểm tra, giám sát chưa tốt, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Một số tổ chức đảng nhất là ở cơ sở thực hiện công tác giám sát còn lúng túng, chất lượng chưa cao. Công tác tham mưu, giúp cấp ủy, tổ chức đảng về công tác này của ủy ban kiểm tra các cấp ở một số nơi chưa tốt, chưa chủ động đề xuất những vấn đề cơ bản, cấp bách, nổi cộm để cấp ủy tập trung chỉ đạo, giải quyết.

- Việc thực hiện một số nghị quyết của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở một số vùng và thành phố bên cạnh những kết quả, tiến bộ, trong một số nội dung còn chưa đạt yêu cầu, chưa phát huy cao độ nội lực, chưa tạo được sự chuyển biến cơ bản về chất để tạo ra bước đột phá nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển như mục tiêu các nghị quyết đã đề ra.

- Tình hình tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa giảm, tập trung ở các lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý tài nguyên và khoáng sản, trong thực hiện các chương trình, dự án, chi tiêu ngân sách, sử dụng tài chính, trích lập và sử dụng quỹ ở cơ quan, đoàn thể; quản lý và sử dụng tài sản công... Ở một số địa phương, đơn vị, tình trạng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, thiếu tính chiến đấu, hữu khuynh, bao che, giấu giếm khuyết điểm, việc kiểm điểm, xử lý kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên sai phạm còn nể nang, né tránh, sợ ảnh hưởng đến thành tích của tập thể chậm được khắc phục. Còn một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, quan liêu, tham nhũng, chưa thực sự gương mẫu, thiếu trách nhiệm trước công việc được giao; tình trạng mất đoàn kết nội bộ còn xảy ra ở một số cấp ủy, tổ chức đảng.

II- VỀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG NĂM 2008

Để tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát năm 2008, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm làm tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Cấp ủy các cấp tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng nhằm quán triệt và thực hiện tốt quan điểm mà Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) đề ra là: *Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng, là chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, do cấp ủy trực tiếp tiến hành. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây là chính. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải kiên quyết xử lý nghiêm minh để răn đe và giáo dục. Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp cần có quyết tâm lớn, tạo chuyển biến mạnh mẽ tình hình trong thời gian tới.*

2. Năm 2008, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình công tác kiểm tra, giám sát, gồm: *Việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng đất đai đã giao cho các dự án đối với ban thường vụ một số tỉnh ủy, thành ủy, như Vĩnh Phúc, Nam Định, thành phố Đà Nẵng; trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong chi tiêu, mua sắm tài sản đối với Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Hậu cần, Bộ Công an; trong việc tổ chức các đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài và xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản đối với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng và Vĩnh Long; kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan báo chí về nội dung, tôn chỉ, mục đích, việc quản lý tài chính, công tác cán bộ. Đồng thời, xem xét để tiếp tục chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện một số nghị quyết của Đảng về lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, cải cách tư pháp... Căn cứ chương trình này, các cấp ủy, tổ chức đảng cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo để triển khai tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác đã đề ra.*

3. Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, chương trình công tác kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008 và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2008 của cấp mình; tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, đạt kết quả cao; trong đó bao gồm cả chương trình kiểm tra của cấp ủy cấp mình theo Điều 30, Điều lệ Đảng và Điều 32 đối với ủy ban kiểm tra các cấp.

4. Trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Trung ương, cấp ủy các cấp kịp thời ban hành các quy trình tiến hành công tác kiểm tra của cấp mình để tổ chức thực hiện, bảo đảm công tác kiểm tra đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ. Chỉ đạo thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng có liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Cấp ủy các cấp tăng cường chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp mình nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tham mưu, giúp cấp ủy trong việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế về công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật đảng; trong việc sơ kết, tổng kết thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; rút kinh nghiệm sau mỗi cuộc kiểm tra, giám sát và coi trọng hơn nữa công tác phúc tra sau kiểm tra. Rà soát các báo cáo về kết quả kiểm tra, việc gì chưa xử lý xong trong năm 2007 thì cần tiếp tục xử lý trong đầu năm 2008, bảo đảm công bằng và nghiêm minh của kỷ luật đảng.

6. Phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra các cấp tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng kết hợp với tổng kết thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

7. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương chuẩn bị đề án sớm trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định về mô hình tổ chức bộ máy và cán bộ cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp để tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ kiểm tra đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ (trừ bộ máy cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã quyết định); đề xuất chế độ phụ cấp cho cán bộ ủy ban kiểm tra, xây dựng nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra đảng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

8. Nhằm tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương, Ủy

ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung, chương trình, kế hoạch, giúp Ban Bí thư tổ chức hội nghị với các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, các tập đoàn, tổng công ty... vào quý I-2008.

9. Ủy ban Kiểm tra Trung ương tổng hợp các kiến nghị, đề xuất sau các cuộc kiểm tra, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư để chỉ đạo các cơ quan đảng và nhà nước sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới những quy định, cơ chế, chính sách, luật pháp không còn phù hợp với cuộc sống.

10. Cấp ủy các cấp chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp mình xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ về công tác kiểm tra, giám sát đã đề ra, đồng thời quan tâm, động viên, giáo dục, rèn luyện cán bộ kiểm tra phấn đấu, quyết tâm thực hiện hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao gắn với việc thực hiện *cuộc vận động* "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và phong trào thi đua lập thành tích chào mừng 60 năm Ngày thành lập Ngành Kiểm tra Đảng (16-10-1948 – 16-10-2008), góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ Thông báo kết luận này của Ban Bí thư, cụ thể hóa thành chương trình kiểm tra, giám sát và triển khai tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến tích cực trong thời gian tới.

- Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan hữu quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông báo này, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 131-QĐ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 2008

Về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 114-QĐ/TW, ngày 7-12-2007 về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X);

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí Nguyễn Thanh Hòa, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội làm Ủy viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án về "Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với vấn đề xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế" trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) thay đồng chí Huỳnh Thị Nhân.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng đề án, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Nguyễn Thanh Hòa và đồng chí Huỳnh Thị Nhân chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 132-QĐ/TW, ngày 1 tháng 2 năm 2008

Bổ sung thành viên Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Căn cứ kết luận của Ban Bí thư tại Công văn số 114-CV/TW, ngày 15-8-2007;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an, làm Ủy viên Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại. Nhiệm vụ cụ thể do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại phân công.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại, Đảng

ủy Công an Trung ương và đồng chí Nguyễn Văn Hưởng thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 133-QĐ/TW, ngày 4 tháng 2 năm 2008

Về việc thành lập Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới (gọi tắt là Tiểu ban Cương lĩnh). Tiểu ban này đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng. Tiểu ban gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Tiểu ban;

2- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước;

3- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ;

4- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội;

5- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư;

6- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

7- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

8- Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội;

9- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

10- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;

11- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương;

12- Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

13- Đồng chí Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;

14- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng;

15- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương;

16- Đồng chí Trần Văn Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương;

17- Đồng chí Nguyễn Văn Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội;

18- Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

19- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh;

20- Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân dân;

21- Đồng chí Tạ Ngọc Tấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản;

22- Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam;

23- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam;

24- Đồng chí Nguyễn Văn Hiện, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương;

25- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương;

26- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương;

27- Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

28- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

29- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

30- Đồng chí Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an;

31- Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

32- Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hòa, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

33- Đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;

34- Đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Thường trực Tiểu ban gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nông Đức Mạnh;

2- Đồng chí Nguyễn Minh Triết;

3- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng;

4- Đồng chí Trương Tấn Sang;

5- Đồng chí Tô Huy Rứa;

6- Đồng chí Ngô Văn Dụ;

7- Đồng chí Phùng Hữu Phú.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng làm Phó Trưởng Tiểu ban Thường trực.

Điều 2. Tiểu ban Cương lĩnh có nhiệm vụ chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991; nghiên cứu, đề xuất và chuẩn bị dự thảo bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây

dựng đất nước trong thời kỳ mới; soạn thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Điều 3. Tiểu ban Cương lĩnh có bộ phận thường trực và được thành lập các tổ giúp việc, tổ chức nghiên cứu các chuyên đề có liên quan. Bộ phận Thường trực Tiểu ban đề xuất nhân sự các tổ giúp việc để Ban Bí thư xem xét, quyết định (tham gia các tổ giúp việc có một số đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, một số cán bộ, chuyên gia ở các cơ quan Trung ương, các cơ sở nghiên cứu).

Tiểu ban được nhận các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, các quyết định của Chính phủ, Quốc hội và làm việc với các cấp, các ngành về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ tổng kết, nghiên cứu, chuẩn bị dự thảo bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước và dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng.

Điều 4. Các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm kinh phí, nơi làm việc, trang thiết bị và phương tiện hoạt động cho Tiểu ban.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 134-QĐ/TW, ngày 4 tháng 2 năm 2008

Về việc thành lập Tiểu ban tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tiểu ban tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) (gọi tắt là Tiểu ban Chiến lược). Tiểu ban này đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo về kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015) trình Đại hội XI của Đảng. Tiểu ban gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Tiểu ban;

2- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư;

3- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ;

4- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

5- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

6- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an;

7- Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

8- Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh;

9- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

10- Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

11- Đồng chí Nguyễn Đức Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;

12- Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

13- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

14- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

15- Đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

16- Đồng chí Hà Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;

17- Đồng chí Phùng Quốc Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;

18- Đồng chí Đào Trọng Thi, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội;

19- Đồng chí Đặng Vũ Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, công nghệ và môi trường của Quốc hội;

20- Đồng chí Ksor Phước, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;

21- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

22- Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

23- Đồng chí Vũ Văn Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính;

24- Đồng chí Vũ Huy Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công thương;

25- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

26- Đồng chí Hoàng Văn Phong, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

27- Đồng chí Cao Đức Phát, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

28- Đồng chí Phạm Khôi Nguyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

29- Đồng chí Nguyễn Quốc Triệu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế;

30- Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

31- Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

32- Đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

33- Đồng chí Lê Doãn Hợp, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

34- Đồng chí Hoàng Tuấn Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

35- Đồng chí Hà Hùng Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

36- Đồng chí Nguyễn Văn Giàu, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

37- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam;

38- Đồng chí Lê Đức Thúy, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia;

39- Đồng chí Nguyễn Văn Đẳng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng;

40- Đồng chí Nguyễn Thế Thảo, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

41- Đồng chí Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

42- Đồng chí Nguyễn Bá Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

43- Đồng chí Nguyễn Văn Thuận, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

44- Đồng chí Nguyễn Tấn Quyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ;

45- Đồng chí Mai Văn Năm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;

46- Đồng chí Sơn Song Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;

47- Đồng chí Đào Ngọc Dung, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Bắc.

Thường trực Tiểu ban gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng;

2- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng;

3- Đồng chí Phạm Gia Khiêm;

4- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng;

5- Đồng chí Hoàng Trung Hải;

6- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân;

7- Đồng chí Võ Hồng Phúc;

8- Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc.

Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng làm Phó Trưởng Tiểu ban Thường trực.

Điều 2. Tiểu ban Chiến lược có nhiệm vụ chỉ đạo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010), soạn thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020), soạn thảo Báo cáo về kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015) trình Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Điều 3. Tiểu ban Chiến lược có Bộ phận Thường trực và được thành lập các tổ giúp việc, tổ chức nghiên cứu các chuyên đề có liên quan. Bộ phận Thường trực Tiểu ban đề xuất nhân sự các tổ giúp việc để Ban Bí thư xem xét, quyết định (tham gia các tổ giúp việc có một số đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, một số cán bộ, chuyên gia ở các cơ quan Trung ương, các cơ sở nghiên cứu).

Tiểu ban được nhận các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, các quyết định của Chính phủ, Quốc hội và làm việc với các cấp, các ngành về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ tổng kết, nghiên cứu, chuẩn bị dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) và dự thảo Báo cáo kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015) trình Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Điều 4. Các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Văn phòng Chính phủ bảo đảm kinh phí, nơi làm việc, trang thiết bị và phương tiện hoạt động cho Tiểu ban.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 135-QĐ/TW, ngày 28 tháng 2 năm 2008

Thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Quyết định số 133-QĐ/TW, ngày 4-2-2008 của Ban Chấp hành Trung ương về việc thành lập Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới (Tiểu ban Cương lĩnh),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Cương lĩnh gồm 25 đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Phó Trưởng Tiểu ban Thường trực, Tổ trưởng;

2- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổ phó;

3- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ phó;

4- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên;

5- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên;

6- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên;

7- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên;

8- Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên;

9- Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Ủy viên;

10- Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Ủy viên;

11- Đồng chí Tạ Ngọc Tấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ủy viên;

12- Đồng chí Trần Văn Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên;

13- Đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao, Ủy viên;

14- Đồng chí Nguyễn Minh Thuyết, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội, Ủy viên;

15- Đồng chí Đặng Như Lợi, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, Ủy viên;

16- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên;

17- Đồng chí Nguyễn Văn Quyền, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên;

18- Đồng chí Trần Quốc Toản, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên;

19- Đồng chí Nguyễn Văn Đặng, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên;

20- Đồng chí Hoàng Chí Bảo, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên;

21- Đồng chí Đinh Xuân Dũng, Vụ trưởng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên;

22- Đồng chí Ngô Doãn Vịnh, Viện trưởng Viện Chiến lược, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên;

23- Đồng chí Nguyễn Viết Thảo, Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu lý luận thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên;

24- Một đồng chí do Bộ Quốc phòng cử tham gia Tổ Biên tập, Ủy viên;

25- Một đồng chí do Bộ Công an cử tham gia Tổ Biên tập, Ủy viên.

Thường trực Tổ Biên tập gồm 9 đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Phó Trưởng Tiểu ban Thường trực, Tổ trưởng;

2- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổ phó;

3- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ phó;

4- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên;

5- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên;

6- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên;

7- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên;

8- Đồng chí Nguyễn Văn Đặng, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên;

9- Đồng chí Hoàng Chí Bảo, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

Điều 2. Tổ Biên tập và Thường trực Tổ Biên tập thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Tiểu ban Cương lĩnh giao.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 137-TB/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2008

Về việc tôn tạo, hoàn thiện Khu di tích tưởng niệm Bác Hồ đã xây dựng tại tỉnh Cà Mau và những nơi khác có trường hợp tương tự

Tại phiên họp ngày 27-2-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo thực trạng Khu di tích tưởng niệm Bác Hồ đã xây dựng tại tỉnh Cà Mau và những nơi khác có trường hợp tương tự (Công văn số 10-BC/BCS, ngày 26-12-2007), Ban Bí thư cơ bản tán thành nội dung các kiến nghị nêu trong Công văn và kết luận như sau:

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Công văn số 175-CV/TW, ngày 8-9-2003 về việc dựng tượng, xây đền thờ Bác Hồ hoặc đưa ảnh, tượng Bác vào thờ trong đình, đền, chùa.

2. Không đặt vấn đề tiếp tục xếp hạng quốc gia đối với những địa điểm là phủ, đền thờ Bác còn lại của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đối với 4 di tích phủ, đền thờ Bác Hồ

đã được xếp hạng quốc gia tại các tỉnh Hậu Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng và 3 nhà sàn Bác Hồ đã và đang chuẩn bị xây dựng tại các tỉnh Cà Mau, Đồng Tháp, Trà Vinh, cần được xây dựng, tu bổ, tôn tạo bảo đảm sự tôn nghiêm, trang trọng, nhưng không phô trương, hình thức, lãng phí.

3. Giao Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các địa phương và cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng, tu bổ, tôn tạo các khu di tích tưởng niệm, nhà sàn Bác Hồ, tổ chức các địa điểm này thành những trung tâm văn hóa phục vụ cho các hoạt động tưởng niệm, kỷ niệm, sinh hoạt chính trị, giáo dục truyền thống, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng và tình cảm của nhân dân đối với Bác.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 136-QĐ/TW, ngày 7 tháng 3 năm 2008

Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư năm 2008

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008 (số 67-CTr/TW, ngày 3-1-2008);

- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư năm 2008 về kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với một số địa phương, đơn vị, gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng Ban.

2- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Phó Trưởng Ban.

3- Đồng chí Trịnh Long Biên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

4- Đồng chí Nguyễn Đình Phách, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

5- Đồng chí Trần Hòa, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

6- Đồng chí Nguyễn Minh Quang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

7- Đồng chí Lê Hồng Liêm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

8- Đồng chí Phạm Thị Hòe, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

9- Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng thường trực Văn phòng Trung ương Đảng, thành viên.

10- Đồng chí Phạm Chí Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

11- Đồng chí Lê Văn Giảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

12- Đồng chí Bùi Văn Thể, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

13- Đồng chí Nguyễn Văn Đảm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

14- Đồng chí Sa Như Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

15- Đồng chí Tô Quang Thu, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

16- Đồng chí Nguyễn Công Học, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra của Ban Bí thư theo Chương trình kiểm tra số 67-CTr/TW, ngày 3-1-2008 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 3. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 137-QĐ/TW, ngày 14 tháng 3 năm 2008

Về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 114-QĐ/TW, ngày 7-12-2007 về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X);
- Xét đề nghị của Ban Cán sự Đảng Viện Khoa học xã hội Việt Nam,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí PGS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam làm Ủy viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) thay đồng chí PGS.TS. Trần Đức Cường.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng đề án, Ban Cán sự Đảng Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Văn phòng Trung ương Đảng,

đồng chí Nguyễn Xuân Thắng và đồng chí Trần Đức Cường chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 138-QĐ/TW, ngày 17 tháng 3 năm 2008

Về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 90-QĐ/TW, ngày 8-10-2007 thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn";

- Xét đề nghị của Ban Cán sự Đảng Viện Khoa học xã hội Việt Nam,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí GS.TS. Trịnh Duy Luân, Viện trưởng Viện Xã hội học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam làm Ủy viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn" trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) thay đồng chí PGS.TS. Trần Đức Cường.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng đề án, Ban Cán sự Đảng Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Văn phòng Trung ương Đảng,

đồng chí Trịnh Duy Luân và đồng chí Trần Đức Cường chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 139-QĐ/TW, ngày 17 tháng 3 năm 2008

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) "Về chiến lược cán bộ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) "Về chiến lược cán bộ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" gồm các đồng chí sau:

1- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

3- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

4- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

5- Đồng chí Trần Văn Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên.

7- Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.

8- Đồng chí Phạm Minh Tuyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Ủy viên.

9- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

10- Đồng chí Tạ Ngọc Tấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ủy viên.

11- Đồng chí Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Ủy viên.

12- Đồng chí Hoàng Xuân Cừ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương, Ủy viên.

13- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

14- Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

15- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

16- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

17- Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) "Về chiến lược cán bộ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo tổng kết.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 140-QĐ/TW, ngày 20 tháng 3 năm 2008

Bổ sung thành viên Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Căn cứ kết luận của Ban Bí thư tại Công văn số 114-CV/TW, ngày 15-8-2007;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Nguyễn Khắc Nghiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam làm Ủy viên Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại. Nhiệm vụ cụ thể do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại phân công.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại, Đảng ủy

Quân sự Trung ương và đồng chí Nguyễn Khắc Nghiên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 142-QĐ/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2008

Về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư về việc thành lập Tổ Biên tập Tiểu ban tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991;
- Xét đề nghị của Bộ Quốc phòng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí Trung tướng Lê Minh Vụ, Giám đốc Học viện Chính trị quân sự làm Ủy viên Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Cương lĩnh.

Điều 2. Tổ Biên tập, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Trung ương Đảng và đồng chí Lê Minh Vụ chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 143-QĐ/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2008

Về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư về việc thành lập Tổ Biên tập Tiểu ban tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991;
- Xét đề nghị của Bộ Công an,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí Thượng tá Nguyễn Bình Ban, Phó Chủ nhiệm Khoa Mác - Lênin và khoa học xã hội nhân văn, Học viện An ninh nhân dân làm Ủy viên Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Cương lĩnh.

Điều 2. Tổ Biên tập, Bộ Công an, Văn phòng Trung ương Đảng và đồng chí Nguyễn Bình Ban chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 144-QĐ/TW, ngày 25 tháng 3 năm 2008

Về việc cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 24-QĐ/TW, ngày 16-11-2006 của Ban Bí thư thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào;

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương (số 1594-CV/BTGTW, ngày 24-3-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí Trung tướng Nguyễn Tuấn Dũng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, thay đồng chí Trung tướng Phạm Hồng Thanh nghỉ hưu.

Điều 2. Ban Chỉ đạo, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Văn phòng Trung ương Đảng và đồng chí Nguyễn Tuấn Dũng chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 145-QĐ/TW, ngày 25 tháng 3 năm 2008

Về việc cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 24-QĐ/TW, ngày 16-11-2006 của Ban Bí thư thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào;

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương (số 1594-CV/BTGTW, ngày 24-3-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí Phùng Trần Hương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, thay đồng chí Tạ Xuân Đại nghỉ hưu.

Điều 2. Ban Chỉ đạo, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và đồng

chí Phùng Trần Hương chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 146-QĐ/TW, ngày 25 tháng 3 năm 2008

Về việc cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử giai đoạn 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 26-QĐ/TW, ngày 30-11-2006 của Ban Bí thư thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử giai đoạn 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia;

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương (số 1594-CV/BTGTW, ngày 24-3-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí Trung tướng Nguyễn Tuấn Dũng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử giai đoạn 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia thay đồng chí Trung tướng Phạm Hồng Thanh nghỉ hưu.

Điều 2. Ban Chỉ đạo, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Văn phòng Trung ương Đảng và đồng chí Nguyễn Tuấn Dũng chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 21-CT/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008

Về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới

Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa của các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới; là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh tội phạm, tệ nạn xã hội và lây nhiễm HIV/AIDS. Hậu quả, tác hại do tệ nạn ma túy gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội và an ninh trật tự của đất nước.

Bộ Chính trị (khóa VIII) đã ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 30-11-1996 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Qua 10 năm tổ chức thực hiện, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị, qua đó đã nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành; phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và đông đảo nhân dân tham gia phòng, chống ma túy; đấu tranh xử lý nhiều vụ phạm tội về ma túy và tổ chức

cai nghiện với nhiều phương thức khác nhau, góp phần ngăn chặn, kiềm chế sự gia tăng tội phạm và tệ nạn ma túy.

Tuy nhiên, tệ nạn ma túy vẫn diễn biến phức tạp. Nguồn ma túy chủ yếu thẩm lậu từ nước ngoài vào nước ta vẫn chưa được ngăn chặn; ở trong nước, tình trạng tái trồng cây có chứa chất ma túy ở một số địa phương chưa được xóa bỏ triệt để, còn nhiều tụ điểm phức tạp về ma túy, tình hình tội phạm và tình trạng sử dụng trái phép chất ma túy vẫn có xu hướng gia tăng, lan rộng tại một số địa bàn. Kết quả cai nghiện chưa cao, kinh phí đầu tư cho phòng, chống ma túy còn hạn chế.

Thực trạng trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do cấp ủy đảng, chính quyền ở một số đơn vị, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác phòng, chống ma túy; chưa thực sự quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Bộ Chính trị, còn cho đây là trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách. Vì vậy, chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp và huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị, xã hội tham gia vào công tác phòng, chống ma túy. Một số đơn vị chuyên trách phòng, chống ma túy hoạt động kém hiệu quả.

Để tạo chuyển biến mạnh mẽ công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục thực hiện tốt các nội dung sau:

I- MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về hậu quả, tác hại của ma túy để mỗi người tích cực

tham gia và tự phòng, chống ma túy; tạo nên phong trào hành động phòng, chống ma túy rộng khắp trong cả nước, làm giảm thiểu tệ nạn ma túy.

2. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, đồng thời kiên trì sử dụng đồng bộ các biện pháp, giải pháp, huy động sức mạnh tổng hợp và tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong phòng, chống ma túy, nhằm từng bước kiềm chế, ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi cho được tệ nạn ma túy; tạo môi trường lành mạnh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân.

3. Kiểm soát, ngăn chặn có hiệu quả nguồn ma túy thẩm lậu vào nước ta; phát hiện, bắt giữ tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới bằng mọi biện pháp; xóa bỏ triệt để các tổ chức, tụ điểm sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy ở trong nước. Không để tái trồng cây có chất ma túy.

4. Kiểm soát và quản lý chặt chẽ các loại tiền chất của ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần.

5. Tổ chức cai nghiện cho tất cả những người nghiện ma túy, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cai nghiện, đồng thời coi trọng và nhân rộng các mô hình cai nghiện có hiệu quả; chặn đứng tình trạng gia tăng số người nghiện mới, từng bước làm giảm dần số người nghiện ma túy ở các địa bàn dân cư.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các cấp ủy đảng và chính quyền phải nghiêm túc kiểm điểm,

đánh giá tình hình, kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy của địa phương, đơn vị mình; có kế hoạch và biện pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém, bất cập trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

Tập trung chỉ đạo trực tiếp, quyết liệt đối với công tác phòng, chống ma túy; đưa nội dung này vào chương trình hoạt động, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền bằng việc cụ thể hóa thành các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng đơn vị, địa phương. Trước mắt, cần rà soát, bổ sung nội dung, kế hoạch để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Chính phủ đề ra trong "Kế hoạch và chương trình quốc gia về phòng, chống ma túy đến năm 2010". Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống ma túy và kịp thời chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện ở từng đơn vị, địa phương.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật phòng, chống ma túy; coi kết quả thực hiện nhiệm vụ này ở các đơn vị, cơ quan, chi bộ đảng v.v. là một tiêu chí để bình xét thi đua, phân loại tổ chức đảng và khen thưởng hằng năm; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật phòng, chống ma túy.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo bổ sung, sửa đổi một số điều của Luật phòng, chống ma túy; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy. Trước mắt, cần tập trung vào lĩnh vực điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về ma túy, triệt phá các tụ điểm tệ nạn ma túy, công tác cai nghiện ma túy.

3. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan phòng, chống ma túy từ Trung ương đến cơ sở đủ khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả. Tăng cường năng lực cho lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy ở cơ sở và cán bộ làm công tác thường trực, tham mưu và quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy đủ mạnh và thật sự trong sạch, có trách nhiệm và quyết tâm cao trong kiểm soát, ngăn chặn ma túy. Ưu tiên đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cho các lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy. Coi trọng và xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành trong phòng, chống ma túy; đồng thời quan tâm đến hoàn thiện công tác tổ chức và cơ chế phòng, chống tệ nạn xã hội ở cơ sở xã, phường.

4. Đổi mới nội dung và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy trong Đảng, cơ quan nhà nước và nhân dân với nhiều hình thức thích hợp, phong phú để mọi người nhận thức rõ mối hiểm họa từ ma túy, tính cấp bách của công tác phòng, chống ma túy ở nước ta hiện nay. Từ đó, tự giác, tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy; hỗ trợ, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phòng, chống ma túy; có chính sách khuyến khích các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức phi chính phủ và cá nhân tham gia vào công tác phòng, chống ma túy, đặc biệt là công tác cai nghiện, dạy văn hóa, dạy nghề và tạo việc làm cho người sau cai nghiện. Phát huy truyền thống tương thân, tương ái, chăm sóc, giúp đỡ, không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nghiện ma túy.

Tổ chức thực hiện các hình thức cam kết thi đua xây dựng từng gia đình, từng địa bàn, thôn, xóm, phường, xã, cơ quan,

đơn vị, trường học, chi bộ không có ma túy. Xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến thực hiện tốt công tác phòng, chống ma túy.

Kịp thời động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc trong phòng, chống ma túy.

5. Tăng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước, đồng thời tích cực tranh thủ các nguồn viện trợ quốc tế; huy động sự đóng góp của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, doanh nhân và nhân dân, bảo đảm đủ kinh phí cho công tác tuyên truyền, giáo dục, đấu tranh phòng, chống tội phạm và cai nghiện ma túy.

Hoàn thiện chế độ, chính sách hỗ trợ cho người nghiện trong quá trình cai nghiện và tạo việc làm cho những người đã hoàn thành cai nghiện; chế độ, chính sách đối với các cán bộ làm công tác chuyên trách, trực tiếp, kiêm nhiệm và những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia công tác phòng, chống ma túy.

6. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong từng thời kỳ, từng khu vực để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

7. Chú trọng tổ chức các dịch vụ tiêu thụ nông sản thực phẩm và nâng cao hiệu quả các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho đồng bào trước đây trồng cây thuốc phiện để họ có cuộc sống tốt hơn, tự nguyện xóa bỏ việc trồng và tái trồng cây có chất ma túy.

8. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy, đặc biệt với các nước có chung đường biên giới, các nước trong khu vực nhằm kiểm soát, ngăn chặn có hiệu quả nguồn ma túy thẩm lậu vào nước ta.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ban, ngành, đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội tổ chức phổ biến Chỉ thị này đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng và triển khai chương trình hành động, đồng thời tích cực kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị.

2. Ban cán sự đảng các bộ, ngành triển khai thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu quốc gia, kế hoạch phòng, chống ma túy của Chính phủ và thực hiện tốt các công việc sau:

- Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể có liên quan chỉ đạo tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và ban cán sự đảng các bộ, ngành tập trung chỉ đạo, triển khai việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ quan, công sở, doanh nghiệp, trường học và khu dân cư, đẩy mạnh phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện, phát triển và nhân rộng những mô hình cai nghiện có hiệu quả.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế chỉ đạo việc nghiên cứu thống nhất ban hành phác đồ, quy trình cai nghiện, sản xuất các loại thuốc phục vụ cai nghiện có hiệu quả.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tập trung chỉ đạo thực

hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy trong trường học và các cơ sở giáo dục.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc và các địa phương chỉ đạo kiên quyết xóa bỏ tình trạng trồng, tái trồng cây có chất ma túy.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính chủ trì nghiên cứu xây dựng và sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách đối với công tác phòng, chống ma túy.

- Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương chỉ đạo công tác đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng ma túy thẩm lậu vào nước ta; triệt xóa các tụ điểm, tổ chức, đường dây tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới và trong nội địa.

3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

- Từng cán bộ, đảng viên và người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền nếu để xảy ra tình hình phức tạp kéo dài về tệ nạn ma túy ở địa phương, đơn vị do mình phụ trách thì phải chịu trách nhiệm và có các hình thức kỷ luật về Đảng và chính quyền.

- Mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân, trước hết là người thân trong gia đình thực hiện nghiêm túc pháp luật phòng, chống ma túy, coi đây là một tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đối với cán bộ lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nếu để người thân

trong gia đình (vợ, chồng, con) nghiện ma túy hoặc có các hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống ma túy phải chịu trách nhiệm liên đới và tùy theo mức độ phải xem xét không được đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo hoặc xem xét miễn nhiệm, cách chức...

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên xây dựng chương trình hành động, tổ chức phát động phong trào phòng, chống ma túy, phòng chống tệ nạn xã hội gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và xây dựng xã, phường, thôn, xóm, làng, bản, tổ dân phố lành mạnh, không có tệ nạn ma túy.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì xây dựng các chương trình, kế hoạch và giải pháp để đẩy mạnh phong trào phòng, chống tệ nạn xã hội nói chung và ma túy nói riêng trong thanh, thiếu niên.

5. Giao Đảng ủy Công an Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 138-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008

Về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 18-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010

Thực hiện Chương trình kiểm tra số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007, đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị do đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên làm Trưởng đoàn đã báo cáo với Bộ Chính trị về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW. Bộ Chính trị hoan nghênh tinh thần nghiêm túc, khẩn trương với trách nhiệm cao của đoàn kiểm tra, của các tỉnh ủy vùng Tây Nguyên và các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp tổ chức tốt cuộc kiểm tra. Bộ Chính trị cơ bản đồng tình với Báo cáo của đoàn kiểm tra và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị ở các tỉnh vùng Tây Nguyên

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 10-NQ/TW, cấp ủy các tỉnh Tây Nguyên và các bộ, ban, ngành Trung ương đã nghiên cứu, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc với nhiều chủ trương và biện pháp cụ thể. Đến nay, hầu hết các nội dung, nhiệm vụ ghi trong Nghị quyết đều được triển khai thực hiện có kết quả. *Sau hơn 5 năm đã có những chuyển biến cơ bản trên nhiều lĩnh vực, thế trận quốc phòng, an ninh được xây dựng đồng bộ cả về lực lượng và thế trận lòng dân, giữ vững sự ổn định chính trị; kinh tế - xã hội từng bước phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ nét; đã tạo được thế và lực mới để phát triển ổn định.* Nổi bật là:

- Về kinh tế, đã duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao và liên tục (bình quân 9,7%/năm), năm 2006 tăng hơn 12%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; GDP bình quân đầu người gấp hơn 2,2 lần. Tập trung phát triển mạnh các dự án về giao thông, thủy điện, thủy lợi, bưu chính - viễn thông, đã góp phần cải thiện đáng kể kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật của vùng Tây Nguyên. Công tác quy hoạch, kế hoạch tổng thể được quan tâm, nhất là rà soát, bổ sung, xây dựng các đề án, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngành, lĩnh vực và lãnh thổ; có sự đổi mới nhận thức về khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, chú trọng yếu tố phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, tạo điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển.

- Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là việc đầu tư sản xuất, giải quyết việc làm, đặc biệt là việc tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số có sự chuyển biến tích cực (giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt), có ý nghĩa kinh tế, xã hội sâu sắc. Đã tích cực bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc; phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, quan tâm chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả khá, riêng vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến nay đã giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đói triền miên và giảm hộ nghèo từ 63,7% năm 2005 xuống còn 51% năm 2006 (theo tiêu chí mới).

- Tây Nguyên là địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh chính trị, các thế lực thù địch tập trung chống phá. Công tác quốc phòng, an ninh đã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, có chiều sâu; hình thành lại thế bố trí chiến lược gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, nhất là trên những địa bàn trọng yếu; an ninh biên giới được đẩy mạnh, phối hợp chặt chẽ trong phòng chống vượt biên, xâm nhập, phân giới cắm mốc, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn.

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trên địa bàn đã chủ động xử lý vấn đề tôn giáo, dân tộc, bảo đảm nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, các hoạt động tôn giáo được quản lý bằng pháp luật, động viên được đông đảo chức sắc, tín đồ tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần làm thất bại âm mưu tuyên truyền xuyên tạc, lợi dụng tôn giáo, dân tộc của các thế lực thù địch; củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

- Cấp ủy đảng, chính quyền đã tập trung xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng,

hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền; đổi mới phương thức và nội dung hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; gắn việc củng cố hệ thống chính trị cơ sở với công tác phát động nhân dân, chuyển trọng tâm chỉ đạo, hoạt động của hệ thống chính trị xuống địa bàn dân cư, góp phần ổn định an ninh chính trị ở những địa bàn trọng điểm phức tạp và khu vực biên giới.

Những kết quả đạt được sau hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị tuy mới là bước đầu, song có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện và tiền đề mới để xây dựng vùng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững về chính trị, phát triển nhanh về văn hóa - xã hội, mạnh về quốc phòng, an ninh.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết *cũng nổi lên một số hạn chế, yếu kém.* Đáng chú ý là:

- Chưa tập trung cao độ để lãnh đạo, chỉ đạo khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực và lợi thế, nhất là nguồn lực tại chỗ; huy động vốn đầu tư phát triển còn hạn chế, phân tán, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước; chưa tạo được những bứt phá mới trong đầu tư, phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiếu đồng bộ.

- Tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa vững chắc; nông nghiệp phát triển mất cân đối và chuyển dịch cơ cấu chưa mạnh, đặc biệt là kinh tế rừng có tiềm năng nhưng chưa phát huy được hiệu quả. Sản xuất công nghiệp quy mô còn nhỏ, sức thu hút kém; thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, nhất là du lịch và xuất khẩu. Việc tổ chức thực hiện các chính sách về

đất đai, nhà ở, việc làm, chuyển đổi tập quán sản xuất ở nhiều địa bàn nông thôn đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm và lúng túng, chưa thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt và lâu dài; việc nâng cao dân trí, cải thiện đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số còn yếu kém. Giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, các tệ nạn xã hội còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân chưa được chăm lo đúng mức; xây dựng mối quan hệ Kinh - Thượng và đoàn kết dân tộc trên từng địa bàn chưa đáp ứng được yêu cầu. Đấu tranh giải quyết vấn đề Fulrô và "Tin lành Đêga" chưa triệt để, còn bị động đối phó với âm mưu, thủ đoạn hoạt động của bọn phản động, chưa loại trừ được yếu tố mất ổn định chính trị - xã hội và nguy cơ biểu tình, bạo loạn, vượt biên có tổ chức.

- Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ còn nhiều yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là trong các lĩnh vực quản lý nhà nước (tài nguyên, đất đai, nhà ở, xây dựng cơ bản...). Công tác xây dựng, kiện toàn, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và phát triển đảng còn yếu, nhất là ở vùng có đạo, vùng dân tộc thiểu số; công tác cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị ở các bộ, ban, ngành Trung ương

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong Nghị quyết, các bộ, ban, ngành Trung ương đã

phối hợp, hỗ trợ các tỉnh vùng Tây Nguyên hoặc trực tiếp triển khai, đạt được một số kết quả:

- Hầu hết các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan đã phân công một đồng chí lãnh đạo tham gia Ban Chỉ đạo Tây Nguyên để trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện; đồng thời đã phối hợp với địa phương, bộ, ban, ngành khác từng bước cụ thể hóa nội dung Nghị quyết vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hằng năm và từng giai đoạn.

- Đã giúp các tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể, quy hoạch chung của tỉnh và một số quy hoạch phát triển ngành, vùng liên quan. Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ xây dựng và ban hành một số cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi đối với các tỉnh và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để thực hiện Nghị quyết. Với sự chủ trì, giúp đỡ của các bộ, ban, ngành, đến nay, nhiều dự án ghi trong Nghị quyết đã được triển khai thực hiện có kết quả ở mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ chưa thực hiện tốt việc triển khai, nhất là trong những năm đầu thực hiện Nghị quyết, một số nội dung triển khai thực hiện chậm. Chưa tạo được nền tảng căn bản để Tây Nguyên vươn lên trở thành vùng kinh tế động lực, chưa tạo được bước đột phá để có sự thay đổi cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất...

Bộ Chính trị đồng tình với những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, yếu kém nêu trong Báo cáo, song, nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan, đó là: sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các

tỉnh và một số bộ, ngành Trung ương có lúc, có nơi chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn lực của Nhà nước, nhất là ở cấp dưới vẫn còn nặng nề.

3. Một số vấn đề đảng bộ các tỉnh vùng Tây Nguyên và các bộ, ban, ngành Trung ương cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới

Bộ Chính trị tán thành những công việc thuộc trách nhiệm của đảng bộ các tỉnh vùng Tây Nguyên và các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới đã nêu trong Báo cáo của đoàn kiểm tra, đồng thời nhấn mạnh:

Đối với các tỉnh ủy:

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn các nội dung của Nghị quyết, từ đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ việc thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới.

- Trên cơ sở nhận thức đầy đủ tiềm năng, lợi thế, những thuận lợi, khó khăn, đảng bộ và nhân dân các tỉnh cần tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, đổi mới tư duy, năng động, sáng tạo, tăng cường đoàn kết để phát huy mọi nguồn lực, mọi tiềm năng và lợi thế vốn có, coi đó là giải pháp quan trọng có tính chất quyết định để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Phải tích cực, chủ động hơn trong phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã ghi trong Nghị quyết; có nghị quyết chuyên đề về công tác vận động nhân dân trong tình hình mới. Căn cứ kết luận

của Bộ Chính trị, các tỉnh cần làm việc cụ thể với các bộ, ban, ngành Trung ương để xử lý các kiến nghị cụ thể. Đẩy mạnh hơn sự hợp tác, liên kết với các địa phương trong vùng để cùng phát huy tiềm năng, lợi thế vì sự phát triển chung. Tăng cường hợp tác với các tỉnh giáp biên giới của Lào và Campuchia, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Các tỉnh trong vùng cần rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình mới để triển khai thực hiện.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, làm tốt công tác cán bộ. Đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Đối với các bộ, ban, ngành Trung ương:

- Cần tiếp tục rà soát những công việc đã được Bộ Chính trị và Chính phủ giao, nhất là những mặt thực hiện còn chậm, những vấn đề đang vướng mắc để tập trung chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời, với tinh thần tích cực, khẩn trương nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị của ngành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể; chủ động, thường xuyên phối hợp với các tỉnh để cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Các kiến nghị của đoàn kiểm tra và các tỉnh (nêu trong Báo cáo) cơ bản là hợp lý, căn cứ vào chức năng và thẩm quyền, các bộ, ban, ngành Trung ương cần khẩn trương nghiên cứu, xử lý và trả lời sớm, nhất là các vấn đề về cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng Tây Nguyên, cho vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số để đẩy nhanh quá trình thực hiện; xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; ưu tiên phân

bổ nguồn lực, tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì tham mưu, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý.

4. Về một số kiến nghị của đoàn kiểm tra đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ

- Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc tổng kết, sơ kết Quyết định 134/2004/QĐ-TTg, Quyết định 304/2005/QĐ-TTg, Quyết định 231/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để xem xét, điều chỉnh, bổ sung bảo đảm thực hiện tốt trong thời gian tới; nghiên cứu hình thức góp vốn bằng quyền sử dụng đất của nhân dân khi thu hồi đất để xây dựng các công trình công nghiệp, nhất là thủy điện; nghiên cứu ban hành một số cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù, nhất là trên các lĩnh vực có nhiều tiềm năng như công nghiệp thủy điện, khai khoáng, chế biến nông - lâm sản, kinh tế rừng, chăn nuôi gia súc và nông nghiệp kỹ thuật cao.

- Ban hành cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại khu vực biên giới ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia gắn với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; tổ chức xuất khẩu lao động đối với lao động dân tộc thiểu số, tăng cường công tác đào tạo cử tuyển đối với con em đồng bào dân tộc thiểu số; có quy định riêng về tiêu chuẩn công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số, chính sách ưu đãi thu hút cán bộ đến công tác tại các vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn; có chính sách đặc thù để tranh thủ chức sắc tôn giáo.

Bộ Chính trị tin tưởng rằng, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, sự năng động, sáng tạo của các địa phương, sự

phối hợp, giúp đỡ tích cực của các bộ, ban, ngành Trung ương, Đảng bộ và nhân dân các tỉnh vùng Tây Nguyên nhất định sẽ khắc phục được những mặt khó khăn, yếu kém, thực hiện thắng lợi Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa vùng Tây Nguyên phát triển nhanh và bền vững, trở thành vùng kinh tế động lực, để xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững về chính trị, phát triển nhanh về văn hóa - xã hội, mạnh về quốc phòng, an ninh.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 139-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008

Về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20-1-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010

Thực hiện Chương trình kiểm tra số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007, đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị do đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ làm Trưởng đoàn, đã báo cáo với Bộ Chính trị về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW. Bộ Chính trị hoan nghênh tinh thần nghiêm túc, khẩn trương với trách nhiệm cao của đoàn kiểm tra, của các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long và các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp tổ chức tốt cuộc kiểm tra. Bộ Chính trị đồng tình với báo cáo của đoàn kiểm tra và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 21-NQ/TW, công tác nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết đã được các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ với tinh thần chủ động và khẩn trương. Đến nay, hầu hết các nội dung, nhiệm vụ ghi trong Nghị quyết đều được triển khai thực hiện ở các mức độ khác nhau. Sau 5 năm thực hiện đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng, đưa các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long có bước phát triển mới và toàn diện hơn trên nhiều lĩnh vực. Nổi bật là:

- Qua 5 năm (2003 - 2007) triển khai thực hiện Nghị quyết, các tỉnh trong vùng đã đạt được những thành tựu khá toàn diện, kinh tế tăng trưởng khá và liên tục, chất lượng và số lượng nông sản phẩm ngày càng được nâng cao, bảo đảm an ninh lương thực cho đất nước và góp phần xuất khẩu; thu nhập bình quân đầu người năm 2007 ước tăng 1,64 lần so với năm 2003; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; giảm chi phí sản xuất, giá thành; góp phần tăng sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước chuyển biến nhất định. Hạ tầng về giao thông tuy chưa đáp ứng được yêu cầu và tiến độ, nhưng đã được quan tâm đầu tư. Công tác xóa đói, giảm nghèo, các vấn đề bức xúc về xã hội được giải quyết tốt hơn, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, một bộ phận đồng bào dân tộc Khơme, đồng bào nghèo và nhân dân vùng ngập lũ có cuộc sống ổn định và phát triển khá hơn trước.

- Quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long gắn với tuyến biên giới trên bộ, trên biển được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và sự ổn định chính trị trên toàn vùng được giữ vững.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền; đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong vùng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo chuyển biến mới. Những kết quả đạt được sau 5 năm thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị tuy mới là bước đầu, song có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện và tiền đề mới để các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết còn một số hạn chế, yếu kém. Đáng chú ý là:

- Tình hình kinh tế - xã hội của vùng có phát triển nhưng vẫn còn chậm. Tăng trưởng kinh tế chưa ổn định, vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng của vùng, sức cạnh tranh thấp, thu hút đầu tư còn hạn chế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng còn chậm; công nghiệp chiếm tỷ trọng còn nhỏ trong GDP; tốc độ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thấp. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội còn thấp so với bình quân chung cả nước và các vùng, miền khác. Việc đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu phát triển và chỉ tiêu của Nghị quyết đề ra.

- Chất lượng nguồn nhân lực và hệ thống hạ tầng giáo dục còn thấp kém so với các vùng khác; giáo dục ngành nghề yếu, có tới 80% lực lượng lao động chưa qua đào tạo.

- Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ còn nhiều yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước còn hạn chế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ đầu ngành có trình độ cao, chuyên sâu về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước còn yếu, tình trạng hụt hẫng cán bộ vẫn còn.

Bộ Chính trị đồng tình với những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, yếu kém nêu trong Báo cáo. Song, nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan, đó là: sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long và một số bộ, ban, ngành Trung ương có lúc, có nơi chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn lực của Nhà nước, nhất là ở cấp dưới còn nặng nề.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị ở các bộ, ban, ngành Trung ương

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong Nghị quyết, các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp, hỗ trợ các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long và trực tiếp triển khai, đã đạt một số kết quả cụ thể:

- Hầu hết các bộ, ban, ngành Trung ương đã phân công một đồng chí lãnh đạo để chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các đơn vị liên quan trực tiếp nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện; đồng thời đã phối hợp với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long từng bước cụ thể hóa nội dung

Nghị quyết 21-NQ/TW vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

- Đã giúp các tỉnh trong vùng rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể và một số quy hoạch phát triển từng ngành, huyện, thành phố, thị xã. Với sự chủ trì và giúp đỡ của các bộ, ngành liên quan, đến nay, nhiều dự án ghi trong Nghị quyết đã được triển khai thực hiện ở mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ chưa thực hiện tốt việc triển khai, nhất là trong những năm đầu thực hiện Nghị quyết. Chưa khẩn trương chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển tổng thể vùng đồng bằng sông Cửu Long theo kịp những chuyển biến của tình hình mới.

3. Một số vấn đề các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long và các bộ, ban, ngành Trung ương cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới

Đối với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long:

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc hơn về các nội dung của Nghị quyết, để tạo sự chuyển biến mới trong quá trình thực hiện tốt Nghị quyết ở từng địa phương, đơn vị. Trên cơ sở nhận thức đầy đủ về tiềm năng, lợi thế, những thuận lợi, khó khăn của cả vùng, đảng bộ và nhân dân các tỉnh trong vùng cần tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, tăng cường đoàn kết để phát huy mọi nguồn lực và tiềm năng sẵn có, coi đó là giải pháp có tính quyết định để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng các tỉnh trong vùng xứng đáng là vùng trọng điểm thứ tư của cả nước, trong đó Cần Thơ, An Giang,

Kiên Giang và Cà Mau là tứ giác phát triển và Cần Thơ là trung tâm động lực phát triển của vùng.

- Phải tích cực, chủ động trong phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã ghi trong Nghị quyết. Đẩy mạnh sự hợp tác, liên kết với các địa phương khác trong vùng để cùng phát huy tiềm năng, lợi thế vì sự phát triển chung. Tăng cường hợp tác với các tỉnh giáp biên giới của Campuchia, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm tốt công tác cán bộ, thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị.

Đối với các bộ, ban, ngành Trung ương:

- Cần tiếp tục rà soát những công việc đã được Bộ Chính trị và Chính phủ giao, nhất là những mặt còn chậm, những vấn đề đang còn vướng mắc để tập trung chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời với tinh thần tích cực, khẩn trương nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết.

- Khẩn trương nghiên cứu về cơ chế, chính sách đặc thù tập trung cho một số tiểu vùng nhằm tạo ra bước đột phá trong phát triển cả vùng. Tập trung giải quyết dứt điểm các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án đã được ghi trong Nghị quyết 21-NQ/TW, Quyết định 173/2001/QĐ-TTg và Chỉ thị 14/2002/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Về một số kiến nghị của đoàn kiểm tra với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ

Đồng ý về mặt chủ trương để Chính phủ chỉ đạo và khẩn trương rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển tổng thể vùng đồng bằng sông Cửu Long, sớm bổ sung, sửa đổi Quyết định 173/2001/QĐ-TTg và Chỉ thị 14/2002/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long; nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để tập trung cho một vài tiểu vùng trở thành hạt nhân, động lực nhằm tạo ra bước đột phá trong phát triển của vùng. Tăng cường phân cấp hơn nữa cho chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện, bao gồm trách nhiệm và quyền hạn đi đôi với nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của hệ thống chính trị cơ sở.

Bộ Chính trị tin tưởng rằng, với truyền thống cách mạng, với sự năng động, sáng tạo, sự phối hợp, giúp đỡ có trách nhiệm của các bộ, ban, ngành Trung ương, đảng bộ và nhân dân các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long nhất định sẽ khắc phục được những mặt khó khăn, yếu kém, thực hiện thắng lợi Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị, đưa các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh và bền vững, xứng đáng là vùng kinh tế trọng điểm thứ tư của cả nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 140-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008

Về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 1-7-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010

Thực hiện Chương trình kiểm tra số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007, đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị do đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Bắc làm Trưởng đoàn đã báo cáo với Bộ Chính trị về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW. Bộ Chính trị hoan nghênh tinh thần nghiêm túc, khẩn trương với trách nhiệm cao của đoàn kiểm tra, của các tỉnh ủy vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp tổ chức tốt cuộc kiểm tra; Bộ Chính trị cơ bản đồng tình với Báo cáo của đoàn kiểm tra và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị ở các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết, công tác nghiên cứu, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện đã được các tỉnh ủy và các cấp ủy vùng trung du và miền núi Bắc Bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ với tinh thần chủ động và khẩn trương. Sau ba năm thực hiện đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng, hầu hết các nội dung, nhiệm vụ ghi trong Nghị quyết đều được triển khai thực hiện ở các mức độ khác nhau, đưa các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có bước phát triển mới và toàn diện hơn trên nhiều lĩnh vực. Nổi bật là:

- Đã phát huy tốt các nguồn lực và lợi thế của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ cho đầu tư phát triển. Trong ba năm qua, GDP tăng trưởng liên tục, năm sau cao hơn năm trước, năm 2007 đạt 12,38%, cao hơn mức đề ra trong Nghị quyết (từ 9 - 10%); GDP bình quân đầu người tăng khá, năm 2007 đạt 6,08 triệu đồng, gấp 2,41 lần so với năm 2000; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2007 so với năm 2004 tỷ trọng công nghiệp tăng 2,23%, dịch vụ tăng 5,75%, nông nghiệp giảm gần 8%; công nghiệp được quan tâm đầu tư và đạt mức tăng trưởng cao, giá trị sản xuất công nghiệp hằng năm tăng trên 18%, các tiềm năng lợi thế của vùng được tập trung khai thác (các dự án thủy điện, khai thác và chế biến khoáng sản) đạt một số kết quả bước đầu, công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm được quan tâm; tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống được khôi phục và phát triển; chính sách trợ giá, trợ cước các mặt hàng

thiết yếu và tiêu thụ nông sản cho nông dân vùng cao được quan tâm chỉ đạo và thực hiện; lợi thế về kinh tế cửa khẩu được tập trung đầu tư, từng bước nâng cao hiệu quả; hoạt động xúc tiến du lịch của nhiều địa phương đạt kết quả khá.

- Công tác quy hoạch đô thị, bố trí lại dân cư và xây dựng nông thôn mới có chuyển biến tích cực. Một số thành phố, thị xã, thị trấn được quy hoạch, mở rộng, nâng cấp khang trang. Một số tỉnh lỵ, như: Việt Trì, Thái Nguyên, Yên Bái, Lạng Sơn, Lào Cai, Hòa Bình đang từng bước được xây dựng trở thành trung tâm kinh tế của địa phương và của vùng; đã tích cực triển khai nhiều dự án định canh, định cư đạt một số kết quả, nhìn chung, tư tưởng, đời sống nhân dân ở các khu định cư mới bước đầu ổn định, nhiều nơi có đời sống tốt hơn.

- Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân; giải quyết các chính sách xã hội... có những tiến bộ mới. Công tác xóa đói, giảm nghèo được chú trọng, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được tăng cường hơn.

- Quốc phòng, an ninh gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, nhất là trên những địa bàn trọng yếu của vùng được tăng cường; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; chủ quyền lãnh thổ quốc gia được giữ vững; hoạt động đối ngoại được củng cố và mở rộng.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đạt kết quả tích cực, một số nơi đã có chính sách thu hút cán bộ, sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp đến công tác tại các địa phương;

hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân các cấp trong vùng có nhiều tiến bộ.

Những kết quả đạt được sau ba năm thực hiện Nghị quyết tuy mới là bước đầu, song có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện và tiền đề mới để các địa phương trong vùng tiếp tục đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Song, quá trình triển khai Nghị quyết cũng nổi lên một số hạn chế, yếu kém. Đáng chú ý là:

- Chưa tập trung cao độ để lãnh đạo, chỉ đạo khai thác và phát huy tốt các nguồn lực và lợi thế của vùng, nhất là chưa phát huy tốt nội lực. Quy mô nền kinh tế của các tỉnh trong vùng nhìn chung vẫn còn nhỏ, chất lượng, hiệu quả thấp, nhiều chỉ tiêu cơ bản đạt được còn thấp so với yêu cầu, mục tiêu của Nghị quyết và mức bình quân của cả nước.

- Kết cấu hạ tầng tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, yếu kém; nhiều công trình lớn, dự án quan trọng phải thực hiện đến năm 2010 đã ghi trong Nghị quyết và chương trình hành động của Chính phủ, quyết định đến sự phát triển của từng địa phương và cả vùng nhưng chưa được triển khai, hoặc đã triển khai song không bảo đảm tiến độ.

- Nhiều dự án đầu tư ở những ngành, lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế so sánh chưa được tập trung đầu tư đúng mức. Công tác di dân, tái định cư phục vụ xây dựng các dự án thủy điện thực hiện chậm so với yêu cầu.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, kết quả xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, diện cận nghèo còn lớn; tình trạng di cư tự do và hoạt động tôn giáo trái pháp luật

vẫn diễn biến phức tạp; các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy chưa được kiềm chế; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định.

- Công tác xây dựng Đảng, năng lực hoạt động và hiệu quả công tác của hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở, vùng sâu, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ cán bộ ở cơ sở, nhiều thôn, bản chưa có chi bộ, một số thôn, bản chưa có đảng viên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bộ Chính trị đồng tình với những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, yếu kém nêu trong Báo cáo; song, nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan, đó là: sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các tỉnh và của một số bộ, ngành Trung ương có lúc, có nơi chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn lực của Nhà nước, nhất là ở cấp cơ sở vẫn còn rất nặng nề.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị ở các bộ, ban, ngành Trung ương

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong Nghị quyết, các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp, hỗ trợ các tỉnh trong vùng hoặc trực tiếp triển khai, đạt được một số kết quả cụ thể:

- Hầu hết các bộ, ban, ngành Trung ương đã phân công một đồng chí lãnh đạo để chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các

đơn vị có liên quan trực tiếp nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện; đồng thời đã phối hợp với các tỉnh từng bước cụ thể hóa nội dung Nghị quyết 37-NQ/TW vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

- Đã giúp nhiều tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và một số quy hoạch phát triển ngành của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc cho chủ trương.

- Đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách ưu đãi, phê duyệt các chương trình, dự án; hoặc theo thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, các thông tư hướng dẫn để thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW tại các tỉnh trong vùng.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các tỉnh trong quá trình triển khai và thực hiện các chương trình, dự án, các chế độ, chính sách cũng được các bộ, ngành quan tâm. Đến nay, nhiều dự án ghi trong Nghị quyết đã được triển khai thực hiện ở mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ, ngành đề ra chương trình hành động thực hiện nghị quyết với nội dung còn chung chung, chưa cụ thể. Một số nhiệm vụ quan trọng như: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020; chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài; quy hoạch phát triển vùng chuyên canh tập trung sản xuất hàng hóa và chăn nuôi đại gia súc; quy hoạch phát triển lâm nghiệp, thủy lợi; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp... chậm được triển khai. Một số dự án phát triển hệ thống giao thông đường bộ,

đường sắt, trong đó có các cầu qua biên giới Việt - Trung, Việt - Lào... thực hiện chậm.

3. Một số vấn đề đảng bộ các tỉnh và các bộ, ban, ngành Trung ương cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới

Bộ Chính trị tán thành những công việc thuộc trách nhiệm của đảng bộ các tỉnh và các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới đã nêu trong Báo cáo, đồng thời nhấn mạnh:

Đối với các tỉnh:

- Cần tiếp tục tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc hơn về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết đề ra, từ đó bổ sung chương trình hành động của địa phương sát với tình hình, có tính khả thi cao, tạo ra sự chuyển biến mới trong hành động thực hiện Nghị quyết ngay ở từng địa phương, cơ sở và người dân; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại.

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, từ đó định hướng đúng cho đầu tư; lựa chọn có trọng tâm, trọng điểm những lĩnh vực, dự án cần ưu tiên đầu tư; khắc phục tình trạng dàn trải, lãng phí, thất thoát trong đầu tư.

- Quan tâm hơn nữa khai thác, thu hút các nguồn lực cho phát triển. Chú trọng xây dựng và thực hiện tốt công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; trước mắt cần rà soát lại cơ cấu lao động để đẩy mạnh việc đào tạo nghề, kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chủ động tạo nhiều cơ hội việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động

trong nông nghiệp, nông thôn. Trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cần phối hợp với các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Các địa phương cần quan tâm làm tốt công tác cán bộ, nhất là các khâu quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, đánh giá và bố trí cán bộ; tăng cường đội ngũ cán bộ cho các huyện, xã, cho các vùng trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng; thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; kiện toàn hệ thống chính trị ở cấp xã; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, gắn việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hằng năm với việc kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là với người đứng đầu trong việc thực hiện Nghị quyết.

Đối với các bộ, ban, ngành Trung ương:

- Cần tiếp tục rà soát những công việc đã được Bộ Chính trị và Chính phủ giao, nhất là những mặt còn chậm, những vấn đề đang còn vướng mắc để tập trung chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời, với tinh thần tích cực, khẩn trương hơn nhằm đẩy mạnh tiến độ thực hiện Nghị quyết. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị của bộ, ngành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể; chủ động, thường xuyên phối hợp với các tỉnh để cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Các kiến nghị của đoàn kiểm tra (nêu trong Báo cáo) cơ bản là hợp lý, căn cứ vào chức năng và thẩm quyền, các bộ,

ban, ngành Trung ương cần khẩn trương nghiên cứu xử lý; ưu tiên phân bổ nguồn lực, tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình, dự án; sớm có kế hoạch, giải pháp phòng, chống rét, chống hạn trong sản xuất và đời sống trên địa bàn. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì tham mưu, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết.

4. Về một số kiến nghị của đoàn kiểm tra với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ

- Đồng ý về mặt chủ trương để Chính phủ chỉ đạo sớm hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng đến năm 2020, làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực và từng tỉnh; sớm nghiên cứu, điều chỉnh mức tăng trưởng GDP, thu nhập bình quân đầu người hằng năm của vùng và từng tỉnh, thành phố cao hơn chỉ tiêu đã ghi trong Nghị quyết 37-NQ/TW; phê duyệt kịp thời các đề án và xử lý các kiến nghị của Ban Chỉ đạo Tây Bắc, của các địa phương và các bộ, ngành có liên quan; một số dự án trọng điểm, có tính đặc thù như: khai thác, chế biến khoáng sản; xây dựng thủy điện vừa và nhỏ; xây dựng khu kinh tế cửa khẩu, Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng cơ chế đặc thù; có chính sách thu hút cán bộ, nhất là giáo viên, bác sĩ lên công tác ở vùng cao; đầu tư giải quyết dứt điểm tình trạng các trụ sở xã còn là nhà tạm; phân công các tỉnh, thành phố phát triển khá, các tổng công ty lớn giúp đỡ các địa phương trong vùng phát triển kinh tế - xã hội; chỉ đạo đánh giá ba năm thực hiện Quyết định 79/2005/QĐ-TTg về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW;

sớm nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút các nguồn vốn và có giải pháp tăng mạnh mức đầu tư hằng năm để phát triển cơ sở hạ tầng, phòng, tránh lũ quét, sạt lở đất ở những nơi có nguy cơ cao, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các mục tiêu đã ghi trong Nghị quyết.

Bộ Chính trị tin tưởng rằng, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, năng động, sáng tạo, sự phối hợp, giúp đỡ có trách nhiệm của các bộ, ban, ngành Trung ương, Đảng bộ và nhân dân các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ nhất định sẽ khắc phục được những khó khăn, yếu kém, thực hiện thắng lợi Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị, đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển nhanh và bền vững, cùng cả nước đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 141-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008

Về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 16-8-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010

Thực hiện Chương trình kiểm tra số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007 của Bộ Chính trị, đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị do đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương làm Trưởng đoàn đã báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 16-8-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010.

Bộ Chính trị đánh giá cao tinh thần nghiêm túc, khẩn trương với trách nhiệm cao của đoàn kiểm tra, của các tỉnh ủy, các bộ, ban, ngành đã phối hợp tổ chức tốt cuộc kiểm tra. Bộ Chính trị đồng tình với Báo cáo của đoàn kiểm tra và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 16-8-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) ở các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

Sau khi Nghị quyết được ban hành, tỉnh ủy các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt và nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết; tập trung chỉ đạo xây dựng chương trình hành động và lập ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết. Các tỉnh đã chủ động làm việc với các bộ, ban, ngành ở Trung ương nhằm tranh thủ sự đồng thuận và phối hợp trong việc thực hiện Nghị quyết.

Đến nay, hầu hết các nội dung, nhiệm vụ ghi trong Nghị quyết đều được triển khai thực hiện và hoàn thành ở các mức độ khác nhau, đã đưa các tỉnh trong vùng có bước phát triển mới và toàn diện hơn. Tốc độ tăng trưởng GDP toàn vùng năm sau cao hơn năm trước, đã vượt mục tiêu mà Nghị quyết đề ra: năm 2004 tăng 9,9%; năm 2005 tăng 10,4%; năm 2006 tăng 11,9%; năm 2007 tăng 12,24%. GDP bình quân đầu người tăng từ 4,8 triệu đồng năm 2004 lên 8,75 triệu đồng năm 2007, tăng 2,3 lần (chỉ tiêu đến năm 2010 tăng 2,2 lần).

Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch đúng hướng, tăng dần tỉ trọng công nghiệp - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đẩy mạnh đầu tư, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân; văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; kết hợp tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và

trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng hệ thống chính trị được tăng cường, đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chuẩn hóa, nâng cao trình độ. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được củng cố, chất lượng hoạt động được nâng lên.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, còn một số hạn chế, yếu kém, đáng chú ý là:

- Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, công nghệ sản xuất nói chung lạc hậu; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn ít. Nhiều địa phương chưa cân đối được thu, chi ngân sách; chất lượng công tác quy hoạch còn thấp, thiếu tính đồng bộ, tính hiện đại chưa rõ. Một số dự án lớn, chủ trương quan trọng triển khai thực hiện chậm, còn gặp nhiều khó khăn.

- Cơ chế, chính sách về văn hóa - xã hội chậm được đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển.

- Nhận thức về kết hợp giữa phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh ở một số địa phương chưa toàn diện, sâu sắc.

- Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới. Một số cấp ủy đảng chưa thật sự quan tâm thực hiện tốt công tác cán bộ; chính sách cán bộ còn bất cập.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị ở các bộ, ban, ngành Trung ương

Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành xây dựng chương trình hành động cụ thể, chú trọng những vấn đề, dự án có tính chất quan trọng, then chốt cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Lãnh đạo, ban cán sự

đảng các bộ, ban, ngành có liên quan đã tổ chức quán triệt Nghị quyết và từng bước cụ thể hóa nhiệm vụ được giao bằng chương trình, kế hoạch hằng năm phù hợp với nhiệm vụ và tình hình chung; đã giúp các tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể và một số quy hoạch phát triển ngành, vùng.

Tuy nhiên, một số bộ, ngành tổ chức thực hiện và cụ thể hóa Nghị quyết còn chậm, nhất là những năm đầu nên kết quả đạt được còn nhiều hạn chế.

Bộ Chính trị đồng tình với đánh giá về nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, yếu kém nêu trong Báo cáo, song nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan là: sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các tỉnh và một số bộ, ngành Trung ương có lúc, có nơi chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết; tư tưởng ỷ lại, trông chờ, nhất là ở cấp dưới còn nặng nề.

3. Một số vấn đề đảng bộ các tỉnh và các bộ, ban, ngành Trung ương cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới

Bộ Chính trị tán thành những công việc thuộc trách nhiệm của đảng bộ các tỉnh trong vùng, của ban cán sự đảng các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới mà Báo cáo đã nêu, đồng thời nhấn mạnh:

Đối với các tỉnh:

- Trên cơ sở nhận thức đầy đủ tiềm năng, lợi thế, những thuận lợi, khó khăn của địa phương, cần tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường; tiếp tục đổi mới tư duy, năng động và sáng tạo; củng cố tốt hơn sự đoàn kết

trong Đảng, trong dân để phát huy mọi nguồn lực, mọi tiềm năng và lợi thế vốn có và sẽ có; coi đó là giải pháp cực kỳ quan trọng, có tính chất quyết định để thực hiện Nghị quyết.

- Các tỉnh trong vùng cần rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, chú trọng việc khai thác, thu hút nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển, có định hướng đúng cho đầu tư; tăng cường hợp tác với các địa phương trong vùng; lựa chọn có trọng tâm, trọng điểm những lĩnh vực, dự án cần ưu tiên đầu tư, khắc phục tình trạng dàn trải, lãng phí, thất thoát.

- Tiếp tục quán triệt sâu rộng hơn tinh thần Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, nhân dân để nhận thức sâu sắc hơn về những định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đề ra; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng; quan tâm toàn diện đến công tác cán bộ, nhất là các khâu quy hoạch, đào tạo, đánh giá và bố trí cán bộ. Đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao.

Đối với các bộ, ban, ngành Trung ương:

- Cần đánh giá, kiểm điểm những việc đã làm được, chưa làm được trong việc thực hiện Nghị quyết để tập trung chỉ đạo thực hiện; giúp các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp với yêu cầu mới; xem xét, xử lý kịp thời những kiến nghị về cơ chế, chính sách.

- Các kiến nghị của đoàn kiểm tra (nêu trong Báo cáo) cơ bản là hợp lý. Căn cứ vào chức năng và thẩm quyền, các bộ, ban, ngành Trung ương cần khẩn trương nghiên cứu xử lý;

ưu tiên phân bổ nguồn lực, tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì đề xuất, kiến nghị với Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ để xem xét, xử lý.

4. Về một số kiến nghị của các tỉnh trong vùng với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ

Bộ Chính trị đồng ý về mặt chủ trương để Chính phủ sớm nghiên cứu, điều chỉnh và xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển các vùng kinh tế và khu kinh tế trọng điểm ở miền Trung.

Tập trung đầu tư và sớm có đề án tổng thể về hạ tầng cơ sở để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; củng cố an ninh, quốc phòng; ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

Chính phủ sớm xây dựng đề án tổng thể nhằm chủ động phòng, chống thiên tai, trước mắt bố trí đủ vốn để xây dựng, tu bổ các công trình đê, kè chắn sóng, âu bãi tránh bão cho tàu, thuyền; xây dựng hệ thống hồ chứa nước, trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn; tổ chức di dân ra khỏi những khu vực thường xảy ra thiên tai nguy hiểm; có cơ chế phối hợp, vận hành trong mọi tình huống thiên tai xảy ra.

Bộ Chính trị tin tưởng rằng, với truyền thống cách mạng vẻ vang, sự năng động, sáng tạo, sự phối hợp giúp đỡ của các bộ, ban, ngành Trung ương, đảng bộ và nhân dân các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nhất định sẽ khắc phục được những khó khăn, yếu kém; thực hiện thành công, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, yêu cầu nhiệm vụ

mà Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra; đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn trong giai đoạn mới; các tỉnh trong vùng sẽ phát triển nhanh hơn, bền vững hơn vì sự phát triển chung của toàn vùng và cả nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 143-TB/TW, ngày 27 tháng 3 năm 2008

Về kết quả kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 118-CT/TW, ngày 30-9-1981 của Ban Bí thư (khóa IV) về hoạt động của Hội Đông y Việt Nam

Thực hiện Chương trình kiểm tra số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007, Ban Bí thư đã thành lập đoàn kiểm tra Chỉ thị số 118-CT/TW, ngày 30-9-1981 của Ban Bí thư (khóa IV) về hoạt động của Hội Đông y Việt Nam do đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương làm Trưởng đoàn. Ban Bí thư hoan nghênh tinh thần nghiêm túc, khẩn trương với trách nhiệm cao của đoàn kiểm tra, các địa phương, đơn vị trong quá trình tiến hành kiểm tra Chỉ thị này. Ban Bí thư cơ bản đồng ý với Báo cáo của đoàn kiểm tra và nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Kết quả thực hiện Chỉ thị 118-CT/TW của Ban Bí thư

Từ sau khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị 118-CT/TW, các cấp, các ngành đã quan tâm triển khai thực hiện. Hội Đông y

các cấp đã được thành lập, tổ chức hội ngày càng được củng cố. Hoạt động của hội bước đầu có sự phát triển, góp phần đáng kể vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Sự phát triển của hội Đông y các cấp ngày càng khẳng định vị trí, vai trò của hội trong sự phát triển nền Đông y Việt Nam - một bộ phận di sản văn hóa dân tộc cần được bảo tồn, phát huy, phát triển. Một số kết quả nổi bật trong thực hiện Chỉ thị 118-CT/TW thời gian qua:

- Hệ thống tổ chức của Hội Đông y đã hình thành ở bốn cấp, với trên 5 vạn hội viên. Cả nước hiện có gần 20 nghìn phòng chẩn trị tư nhân, phòng khám Đông y của hội viên và các cấp hội; gần 500 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc đông y. Hằng năm, các cơ sở đông y (của Nhà nước và các cấp hội) đã khám và chữa bệnh cho trên 30% tổng số bệnh nhân. Mạng lưới khám chữa bệnh bằng đông y trong các cơ sở y tế nhà nước hiện có 51/64 tỉnh có bệnh viện y học cổ truyền; 93% viện, bệnh viện đa khoa có khoa y học cổ truyền hoặc tổ y học cổ truyền; 58,8% trạm y tế xã, phường có khám chữa bệnh bằng đông y. Từ năm 2002 - 2006, các cấp hội đã khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho hàng triệu lượt người bệnh với tổng số tiền hàng chục tỉ đồng. Hầu hết các tỉnh, thành hội đã có trụ sở làm việc; khoảng 30% huyện, thị hội có trụ sở; các hội đông y phường, xã chủ yếu hoạt động ở trạm y tế phường, xã hoặc nhà riêng của hội viên.

- Hội Đông y Việt Nam mở được hàng chục khóa đông y chuyên sâu cho trên 2 vạn hội viên. Hội Đông y các địa phương đã mở được hàng nghìn lớp bồi dưỡng chuyên đề cho gần 10 vạn lượt người; tổ chức tập huấn, phổ biến cho nhân dân kiến thức chữa bệnh thông thường bằng những cây thuốc

sẵn có ở địa phương. Các cấp hội đã thực hiện hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học; hàng nghìn chế phẩm thuốc đông y đã được cho phép sản xuất và lưu hành trên thị trường trong và ngoài nước; sưu tầm được hàng chục ngàn bài thuốc và loại cây thuốc ở địa phương; biên soạn, biên dịch nhiều tài liệu có giá trị phục vụ chữa bệnh. Việc nuôi, trồng, khai thác, bào chế, sản xuất thuốc và dược liệu góp phần đáp ứng nhu cầu chữa bệnh cho nhân dân và xuất khẩu, bảo tồn gien các loại dược liệu quý hiếm.

- Hội Đông y đã có nhiều hoạt động phối hợp với ngành y tế để củng cố tổ chức hội, khám, chữa bệnh, quản lý nhà nước về hành nghề đông y tư nhân; đào tạo, bồi dưỡng đông y, phát triển dược liệu, hợp tác quốc tế, xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã (trong đó có chuẩn đông y)... Hội Đông y từng bước mở rộng quan hệ với nhiều nước để trao đổi kinh nghiệm, đào tạo cán bộ.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, đảng viên và cán bộ trong ngành y tế về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của đông y trong bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân chưa đầy đủ; thiếu những chính sách, cơ chế khuyến khích để kế thừa, bảo tồn và phát triển đông y. Chỉ thị 118-CT/TW được triển khai thực hiện trong 26 năm, nhưng thiếu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết định kỳ của các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở. Việc triển khai các mặt công tác đông y và chính sách quốc gia về y học dân tộc cổ truyền ở một số địa phương còn chậm và kém hiệu quả; mạng lưới khám, chữa bệnh bằng đông y còn nhiều bất cập, chất lượng khám, chữa bệnh và chất lượng thuốc đông y chưa thật tốt; công tác quản lý thị trường

về thuốc đông y còn nhiều yếu kém, chưa bảo vệ và khuyến khích hợp lý để phát triển sản xuất thuốc đông y Việt Nam; đội ngũ cán bộ đông y còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa cao, nhất là cán bộ chuyên môn giỏi; đến nay vẫn chưa có mã ngạch lương, mã ngành đào tạo lương y, lương dược. Sự phát triển của Hội Đông y chưa xứng với tiềm năng vốn có, chưa ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ mới; còn một số tỉnh chưa có tổ chức hội, nhiều nơi chưa chú trọng phát triển cấp hội cơ sở. Hoạt động của các cấp hội và hội viên vẫn mang nặng tính cá thể, thiếu sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau. Hoạt động của hội chưa gắn được với quyền lợi của hội viên; việc tập hợp hội viên, lương y giỏi gặp nhiều khó khăn, thậm chí ở một số địa phương, số hội viên có xu hướng giảm dần. Việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn, phát huy, phát triển đông y, đông dược, những bài thuốc hay, cây thuốc quý còn nhiều hạn chế, có nguy cơ thất truyền những bài thuốc dân gian; mất nguồn gien một số cây, con làm thuốc quý hiếm. Dược liệu trong nước ngày càng khan hiếm, có nguy cơ lệ thuộc vào nguồn dược liệu của nước ngoài. Nhìn chung, trang thiết bị ở các trung tâm và phòng chẩn trị của các cấp hội còn sơ sài và thiếu thốn; hằng năm ngân sách nhà nước chi cho hoạt động đông y chỉ đạt 1,2% đến 1,6% tổng chi ngân sách nhà nước cho y tế.

2. Một số nhiệm vụ cần quan tâm thực hiện trong thời gian tới

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần tiếp tục tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ về phát triển

nền Đông y Việt Nam vì mục tiêu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân để góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ sớm chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng cơ chế chính sách và những quy định cụ thể để xây dựng và phát triển Hội Đông y và nền đông y Việt Nam.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế phối hợp với Hội Đông y tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức, hệ thống khám, chữa bệnh bằng đông y, thống nhất, hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở, để kết hợp với ngành y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; phối hợp với Hội Đông y, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống, chương trình đào tạo các loại hình cán bộ chuyên ngành đông y đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Hội Đông y phối hợp với các ngành chức năng đẩy mạnh việc sưu tầm, phát hiện, tập hợp các cây, con làm thuốc, quy hoạch bảo tồn gien các cây, con làm thuốc, đặc biệt với những cây, con quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Nghiên cứu quy trình sản xuất thuốc, áp dụng khoa học công nghệ trong chế biến và sản xuất thuốc đồng bộ, tạo ra nhiều thuốc, nâng cao hiệu quả chữa bệnh.

3. Về kiến nghị của đoàn kiểm tra

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển y, dược học cổ truyền thành một chuyên ngành khoa học, phục vụ đắc lực cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; xác định đông y, đông dược Việt Nam là một

bộ phận văn hóa phi vật thể cần được gìn giữ, bảo tồn, phát huy và phát triển; đồng thời trước yêu cầu mới, đòi hỏi hoạt động của hội Đông y phải đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và có khả năng cạnh tranh; Ban Bí thư đồng ý với kiến nghị của đoàn kiểm tra về việc ban hành một chỉ thị mới về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới. Giao cho Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế, Hội Đông y Việt Nam xây dựng chỉ thị này, trình Ban Bí thư trong quý II-2008.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 147-QĐ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2008

Ban hành Quy chế làm việc của Đảng đoàn Quốc hội

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;
- Xét đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế làm việc của Đảng đoàn Quốc hội.

Điều 2. Đảng đoàn Quốc hội, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẢNG ĐOÀN QUỐC HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 147-QĐ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2008)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng của Đảng đoàn Quốc hội

Đảng đoàn Quốc hội là tổ chức đảng trong Quốc hội do Bộ Chính trị thành lập, có chức năng lãnh đạo Quốc hội thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng đoàn Quốc hội

Đảng đoàn Quốc hội trực thuộc Bộ Chính trị, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện chức năng, nhiệm vụ và những đề xuất, quyết định của mình.

Đảng đoàn Quốc hội hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Điều 3. Mối quan hệ công tác của Đảng đoàn Quốc hội

Quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các ban của Đảng, ban cán sự đảng các bộ, ngành, đảng ủy trực thuộc Trung ương và cấp ủy địa phương được thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐẢNG ĐOÀN QUỐC HỘI

Điều 4. Lãnh đạo Quốc hội trong hoạt động lập hiến, lập pháp

1. Lãnh đạo hoạt động lập hiến theo chủ trương, định hướng nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp đã được Ban Chấp hành Trung ương xác định.

2. Lãnh đạo việc quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm và cả nhiệm kỳ của Quốc hội.

3. Lãnh đạo việc thể chế hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng, thẩm tra, thảo luận và thông qua các dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết; lãnh đạo việc công bố, tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự án luật, pháp lệnh có nội dung quan trọng liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Điều 5. Lãnh đạo Quốc hội trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước

Lãnh đạo việc xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước theo chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tập trung chủ yếu vào các nội dung: phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối nội, đối ngoại.

Điều 6. Lãnh đạo Quốc hội trong hoạt động giám sát đối với hoạt động của bộ máy nhà nước

1. Lãnh đạo việc xây dựng, xem xét, thông qua và việc thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội.

2. Định hướng trọng tâm giám sát và đề ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội và của các đoàn đại biểu Quốc hội.

3. Xem xét và cho ý kiến về những vấn đề quan trọng trong dự thảo báo cáo kết quả giám sát của đoàn giám sát của Quốc hội và của các cơ quan của Quốc hội trước khi trình Quốc hội.

4. Lãnh đạo hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội; bảo đảm chất lượng, hiệu quả của hoạt động chất vấn, đánh giá việc thực hiện lời hứa của người đứng đầu các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm trước Quốc hội; lãnh đạo việc Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

Điều 7. Lãnh đạo Quốc hội trong việc quyết định tổ chức bộ máy nhà nước

1. Lãnh đạo việc phối hợp chuẩn bị cơ cấu, tổ chức của Quốc hội, số lượng thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng Dân tộc, số phó chủ nhiệm và thành viên các ủy ban của Quốc hội, cơ quan trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định hoặc báo cáo để Bộ Chính trị, Ban Bí thư trình Ban Chấp hành Trung ương quyết định; đồng thời lãnh đạo việc triển khai thực hiện.

2. Lãnh đạo việc xem xét, quyết định cơ cấu, tổ chức của Chính phủ theo nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 8. Lãnh đạo Quốc hội trong công tác nhân sự

1. Lãnh đạo việc phối hợp chuẩn bị dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần, tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách, tỷ lệ đảng viên ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. Lãnh đạo Quốc hội thực hiện các chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc giới thiệu người ứng cử và việc bầu, phê chuẩn hoặc miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo cấp cao của Nhà nước. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Đảng về chính sách cán bộ và công tác cán bộ theo thẩm quyền.

3. Đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về quy hoạch, nhận xét, đánh giá, bố trí, phân công công tác, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử các

chức danh cán bộ trong bộ máy của Quốc hội thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và người đứng đầu các cơ quan trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp dự kiến giới thiệu nhân sự ứng cử làm đại biểu Quốc hội chuyên trách tại các cơ quan của Quốc hội, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến chỉ đạo; cho ý kiến về dự kiến phân bổ ứng cử viên là đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương về địa phương; phối hợp với cấp ủy địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bầu cử; thảo luận và quyết định việc tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách và cán bộ thuộc diện Đảng đoàn Quốc hội được phân cấp quản lý theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và người đứng đầu các cơ quan trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Cho ý kiến về dự kiến danh sách nhân sự Ủy viên Hội đồng Dân tộc, ủy viên các ủy ban của Quốc hội, thành viên Đoàn Thư ký kỳ họp Quốc hội để Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, Chủ tịch Quốc hội trình Quốc hội quyết định.

6. Quyết định thành lập tổ đảng; chỉ định tổ trưởng tổ đảng ở các đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện

ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng chuẩn bị nguồn nhân sự đại biểu Quốc hội chuyên trách tại các đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 9. Công tác kiểm tra Đảng của Đảng đoàn Quốc hội

1. Phối hợp với ủy ban kiểm tra của các cấp ủy đảng kiểm tra đảng viên là đại biểu Quốc hội theo phân cấp quản lý có dấu hiệu vi phạm kỷ luật Đảng trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội; đề nghị cấp ủy có thẩm quyền xử lý đối với những đảng viên là đại biểu Quốc hội vi phạm kỷ luật Đảng trong hoạt động của Quốc hội; báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương về dấu hiệu vi phạm của đảng viên là đại biểu Quốc hội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và cán bộ các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không phải là đại biểu Quốc hội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

2. Phối hợp với ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương kiểm tra các tổ đảng ở các đoàn đại biểu Quốc hội khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong hoạt động của Quốc hội.

Điều 10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Đảng đoàn Quốc hội

1. Lãnh đạo đảng viên là đại biểu Quốc hội thực hiện đường lối đối nội, đối ngoại, chủ trương, nghị quyết của Đảng,

ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác tổ chức cán bộ, các nội dung quan trọng tại kỳ họp Quốc hội; quản lý đảng viên là đại biểu Quốc hội tham gia các hoạt động của Quốc hội ở nước ngoài.

2. Quy định về sinh hoạt đảng, quản lý đảng viên là đại biểu Quốc hội tại kỳ họp, cung cấp thông tin về các nghị quyết, quyết định, định hướng chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng đoàn Quốc hội để đảng viên là đại biểu Quốc hội quán triệt khi thực hiện trách nhiệm đại biểu.

3. Quyết định việc triệu tập hội nghị, gửi phiếu lấy ý kiến đảng viên hoặc tổ trưởng tổ đảng để bàn biện pháp thực hiện các nghị quyết của Đảng về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

4. Góp ý kiến về việc xây dựng Đảng bộ cơ quan Văn phòng Quốc hội trong sạch, vững mạnh; định hướng xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, đảng viên và phương hướng, nhiệm vụ của cơ quan Văn phòng Quốc hội; cho ý kiến hoặc quyết định về nhân sự của các cơ quan thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ĐẢNG ĐOÀN QUỐC HỘI

Điều 11. Xây dựng và thực hiện chương trình công tác

Trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ý kiến đề xuất của các

thành viên Đảng đoàn, của các cơ quan, tổ chức hữu quan, Đảng đoàn Quốc hội xem xét, quyết định chương trình công tác ba tháng, sáu tháng, cả năm và định hướng chương trình công tác cả nhiệm kỳ.

Sáu tháng và hằng năm, Đảng đoàn Quốc hội đánh giá tình hình và kết quả thực hiện chương trình công tác.

Điều 12. Chế độ họp

1. Đảng đoàn Quốc hội họp định kỳ ba tháng một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường theo đề nghị của Bí thư Đảng đoàn hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên Đảng đoàn yêu cầu.

2. Trước, trong các kỳ họp Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội có thể họp để bàn về những nội dung cần lãnh đạo tại kỳ họp.

3. Đảng đoàn Quốc hội tiến hành cuộc họp khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Đảng đoàn tham dự. Đảng đoàn Quốc hội ra nghị quyết khi xét thấy cần thiết. Nghị quyết của Đảng đoàn Quốc hội được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Đảng đoàn biểu quyết tán thành. Hình thức biểu quyết do Đảng đoàn quyết định. Các thành viên không tham dự cuộc họp được thông báo kết quả cuộc họp.

4. Căn cứ nội dung cuộc họp, Đảng đoàn Quốc hội có thể mời đại diện các cơ quan, tổ chức hữu quan tham dự. Đại diện các cơ quan dự họp được phát biểu ý kiến về vấn đề có liên quan, nhưng không tham gia biểu quyết.

5. Tài liệu phục vụ cuộc họp được gửi đến thành viên Đảng đoàn chậm nhất là ba ngày trước ngày họp, trừ những cuộc họp bất thường. Ý kiến thảo luận và kết luận tại cuộc họp được ghi đầy đủ vào biên bản.

Điều 13. Chế độ báo cáo và xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư

1. Trước mỗi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội: Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị việc dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần, tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách, tỷ lệ đảng viên ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. Trong hoạt động lập hiến, lập pháp: Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị về dự kiến những định hướng nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm và cả nhiệm kỳ của Quốc hội trước khi trình Quốc hội thông qua; báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến định hướng chính trị đối với những nội dung lớn, quan trọng trong các dự án luật, dự án pháp lệnh.

3. Trong hoạt động giám sát tối cao: Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả giám sát, các kiến nghị, đề xuất sau giám sát đối với việc triển khai thực hiện các công trình trọng điểm quốc gia, các chủ trương lớn của Đảng có ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối nội, đối ngoại của đất nước, kiến nghị xử lý các vi phạm và trách nhiệm của cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

4. Trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước: Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, cho ý kiến chỉ đạo đối với các vấn đề quan trọng, có tác động sâu rộng tới đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối nội, đối ngoại.

5. Trong việc xem xét, quyết định tổ chức bộ máy nhà nước và công tác nhân sự: khi trong Quốc hội có nhiều ý kiến khác với định hướng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì Đảng đoàn Quốc hội kịp thời báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị.

6. Định kỳ sáu tháng, hằng năm hoặc trong trường hợp cần thiết Đảng đoàn báo cáo Bộ Chính trị về tình hình, kết quả lãnh đạo việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, tổ chức bộ máy và công tác nhân sự theo các nghị quyết của Đảng trong phạm vi hoạt động của Quốc hội.

7. Trước mỗi kỳ họp Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị nội dung của kỳ họp và những vấn đề lớn cần xin ý kiến. Chậm nhất là sau ba tuần kể từ ngày kết thúc kỳ họp, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị về kết quả kỳ họp.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên Đảng đoàn Quốc hội

1. Bí thư Đảng đoàn:

a) Chỉ đạo chung, chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và trước Đảng đoàn Quốc hội về công tác của Đảng đoàn.

b) Phụ trách công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp quản lý của Bộ Chính trị và công tác đối ngoại.

c) Trong thời gian giữa hai cuộc họp thường kỳ của Đảng đoàn Quốc hội, nếu không có điều kiện tổ chức cuộc họp bất thường, Bí thư Đảng đoàn có thể trao đổi với các thành viên Đảng đoàn là các Phó Chủ tịch Quốc hội giải quyết các công việc của Đảng đoàn Quốc hội và báo cáo Đảng đoàn Quốc hội tại phiên họp gần nhất.

d) Trực tiếp báo cáo, ký tờ trình và các văn bản khác gửi Bộ Chính trị.

đ) Triệu tập và chủ tọa phiên họp của Đảng đoàn Quốc hội.

e) Trong kỳ họp Quốc hội, khi cần thiết, Bí thư Đảng đoàn triệu tập hội nghị tổ trưởng tổ đảng hoặc hội nghị đảng viên là đại biểu Quốc hội để quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng.

g) Giữ mối liên hệ với tổ trưởng tổ đảng.

2. Phó Bí thư Đảng đoàn:

a) Giúp Bí thư Đảng đoàn tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện chương trình công tác của Đảng đoàn Quốc hội.

b) Thay mặt Bí thư Đảng đoàn giải quyết công việc khi Bí thư vắng mặt.

c) Chịu trách nhiệm trước Đảng đoàn Quốc hội về những công việc được Đảng đoàn Quốc hội phân công. Chịu trách nhiệm trước Bí thư về những công việc được Bí thư ủy quyền thực hiện.

3. Các thành viên khác của Đảng đoàn:

a) Phụ trách các công tác được Đảng đoàn Quốc hội phân công, chủ yếu theo lĩnh vực được phân công trong Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Theo dõi và bảo đảm chất lượng nội dung các dự thảo báo cáo, tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội thuộc lĩnh vực được phân công; chịu trách nhiệm về các kiến nghị, đề xuất của mình đối với công tác của Đảng đoàn Quốc hội.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Bí thư Đảng đoàn phân công.

4. Các thành viên Đảng đoàn chịu trách nhiệm trước Đảng đoàn Quốc hội, Bí thư Đảng đoàn về những công việc được Đảng đoàn Quốc hội, Bí thư Đảng đoàn phân công.

Điều 15. Công tác phục vụ hoạt động của Đảng đoàn

1. Đảng đoàn Quốc hội có bộ máy giúp việc do Đảng đoàn Quốc hội thành lập. Văn phòng Quốc hội và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phục vụ hoạt động của Đảng đoàn Quốc hội theo nhiệm vụ được giao.

2. Kinh phí hoạt động Đảng đoàn Quốc hội là một khoản trong kinh phí hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Đảng đoàn Quốc hội, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Đảng đoàn Quốc hội định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị về việc thực hiện Quy chế.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 146-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2008

Về việc sắp xếp các doanh nghiệp làm kinh tế đảng ở Trung ương

Tại phiên họp ngày 26-3-2008, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo "Đề án sắp xếp doanh nghiệp làm kinh tế đảng ở Trung ương", ý kiến phát biểu của Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Đồng ý kiến nghị của Văn phòng Trung ương Đảng về việc sắp xếp 3 doanh nghiệp làm kinh tế đảng ở Trung ương theo phương án 1 với nội dung chủ yếu là: Tiếp tục ổn định mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên An Phú, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hồ Tây và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Tiến Bộ; đồng thời cơ cấu, tổ chức lại từng doanh nghiệp theo hướng giao, bán hoặc cổ phần hóa một số bộ phận, doanh nghiệp thành viên làm kinh tế đơn thuần, kinh doanh gặp khó khăn.

2. Giao Văn phòng Trung ương Đảng chỉ đạo cụ thể việc sắp xếp lại các bộ phận và doanh nghiệp thành viên nói trên, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cán bộ, công nhân viên, người lao động và giải quyết các trường hợp lao động dôi dư theo đúng chính sách, chế độ quy định; đồng thời chỉ đạo các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, sớm xây dựng phương án quy hoạch, quản lý và sử dụng tốt, có hiệu quả tài sản của Đảng, đặc biệt là về đất đai.

3. Giao Văn phòng Trung ương Đảng tiến hành rà soát, kiểm tra tình hình sắp xếp lại doanh nghiệp của Đảng ở các địa phương và báo cáo đồng chí Thường trực Ban Bí thư để có văn bản hướng dẫn chỉ đạo về vấn đề này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 148-QĐ/TW, ngày 2 tháng 4 năm 2008

Thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Quyết định số 134-QĐ/TW, ngày 4-2-2008 của Ban Chấp hành Trung ương về việc thành lập Tiểu ban tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) (Tiểu ban Chiến lược),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Chiến lược gồm 37 đồng chí:

1- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thường trực Tiểu ban, Tổ trưởng.

2- Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thường trực Tiểu ban, Tổ phó.

3- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Tổ phó.

4- Đồng chí Huỳnh Thị Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy viên.

5- Đồng chí Lê Đức Thúy, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, Ủy viên.

6- Đồng chí Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

7- Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng Thường trực, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

8- Đồng chí Trần Quốc Toản, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

9- Đồng chí Đào Việt Trung, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Ủy viên.

10- Đồng chí Trần Hữu Thắng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.

11- Đồng chí Hoàng Thế Liên, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên.

12- Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.

13- Đồng chí Đỗ Hữu Hào, Thứ trưởng Bộ Công Thương, Ủy viên.

14- Đồng chí Nguyễn Việt Thắng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên.

15- Đồng chí Trần Doãn Thọ, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy viên.

16- Đồng chí Nguyễn Văn Liên, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên.

17- Đồng chí Trần Thế Ngọc, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy viên.

18- Đồng chí Trần Đức Lai, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.

19- Đồng chí Huỳnh Vĩnh Ái, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.

20- Đồng chí Lê Đình Tiến, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy viên.

21- Đồng chí Bành Tiến Long, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy viên.

22- Đồng chí Trần Chí Liêm, Thứ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên.

23- Đồng chí Bế Trường Thành, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Ủy viên.

24- Đồng chí Nguyễn Toàn Thắng, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên.

25- Đồng chí Mai Quốc Bình, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên.

26- Một đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an do Bộ Công an cử tham gia Tổ Biên tập, Ủy viên.

27- Đồng chí Trần Thái Bình, Viện trưởng Viện Chiến lược quân sự, Ủy viên.

28- Đồng chí Đỗ Thức, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Ủy viên.

29- Đồng chí Vũ Hải Triều, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, Bộ Công an, Ủy viên.

30- Đồng chí Phạm Văn Phượng, Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

31- Đồng chí Ngô Doãn Vịnh, Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

32- Đồng chí Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

33- Đồng chí Nguyễn Bá Ân, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

34- Đồng chí Bùi Hà, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

35- Đồng chí Hồ Quang Minh, Vụ trưởng Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

36- Đồng chí Trần Đình Thiên, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

37- Đồng chí Hoàng Xuân Lâm, nguyên Phó Viện trưởng Viện Chiến lược quân sự, Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

Thường trực Tổ Biên tập gồm 14 đồng chí:

1- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

3- Đồng chí Lê Đức Thúy, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia.

4- Đồng chí Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5- Đồng chí Trần Quốc Toản, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

6- Đồng chí Đào Việt Trung, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

7- Đồng chí Vũ Hải Triều, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, Bộ Công an.

8- Đồng chí Hoàng Xuân Lâm, nguyên Phó Viện trưởng Viện Chiến lược quân sự, Bộ Quốc phòng.

9- Đồng chí Phạm Văn Phượng, Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Chính phủ.

10- Đồng chí Ngô Doãn Vịnh, Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

11- Đồng chí Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

12- Đồng chí Nguyễn Bá Ân, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

13- Đồng chí Bùi Hà, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

14- Đồng chí Trần Đình Thiên, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Điều 2. Tổ Biên tập và Thường trực Tổ Biên tập thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Tiểu ban Chiến lược giao.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 22-KL/TW, ngày 4 tháng 4 năm 2008

Về một số vấn đề về kinh tế - xã hội quý I-2008 cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo

Tại phiên họp ngày 29-3-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được sự ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo "Về những vấn đề lớn nổi lên trong quý I-2008 và các giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế và ổn định đời sống" (số 146-BC/BCSĐ, ngày 27-3-2008), ý kiến thẩm định của Văn phòng Trung ương Đảng (số 230-BC/VPTW, ngày 28-3-2008), của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đồng ý về cơ bản báo cáo của Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Văn phòng Trung ương Đảng và kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về tình hình

Trong quý I-2008, bên cạnh một số kết quả đạt được,

tình hình kinh tế - xã hội đang nổi lên những vấn đề đáng lưu ý sau đây:

1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy vẫn tiếp tục giữ ở mức cao nhưng đã có biểu hiện chậm lại. Đáng lưu ý, tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng thấp hơn kế hoạch và mức tăng cùng kỳ năm 2007, tháng sau thấp hơn tháng trước. Xuất khẩu tuy tiếp tục tăng nhưng đã gặp một số khó khăn và có dấu hiệu chậm lại, trong khi đó, nhập siêu tăng quá cao, cao nhất từ trước đến nay. Vốn thực hiện đầu tư toàn xã hội, kể cả vốn thực hiện FDI đều thấp hơn so cùng kỳ năm trước. Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh ở một số địa phương.

2) Lạm phát tiếp tục tăng cao, vượt xa mức dự báo. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3-2008 so với tháng 12-2007 tăng 9,19%, so với tháng 3-2007 tăng 19,39%. Đó là mức lạm phát cao nhất trong nhiều năm gần đây và cao hơn các nước trong khu vực. Lạm phát cao đã tác động lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân, nhất là ở các vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, người làm công ăn lương, lao động ở các khu công nghiệp và bộ phận dân cư có thu nhập thấp.

3) Thị trường tài chính, tiền tệ có nhiều biến động. Hệ thống ngân hàng bộc lộ những yếu kém trong việc bảo đảm tính thanh khoản, huy động và cho vay; vốn khả dụng của các ngân hàng thương mại thiếu, ở một số thời điểm đã để xảy ra tình trạng chạy đua lãi suất trên thị trường. Cơ cấu vốn của các ngân hàng còn chưa phù hợp, tỷ lệ sử dụng vốn vay ngắn hạn để cho vay dài hạn quá lớn (vượt quá mức an toàn 25%) và khá phổ biến ở các ngân hàng thương mại cổ phần nhưng chậm được kiểm soát chặt chẽ. Thị trường chứng

khoán suy giảm mặc dù Nhà nước đã có biện pháp hỗ trợ. Thị trường bất động sản tiếp tục có những diễn biến phức tạp. Các công cụ can thiệp thị trường để giảm áp lực nhập siêu triển khai chậm, không đồng bộ. Thực hành tiết kiệm trong chi tiêu và đầu tư công còn kém hiệu quả.

4) Đã xuất hiện những yếu tố gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Giá cả nguyên, nhiên vật liệu, chi phí đầu vào tăng khá cao gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp. Nhiều dự án của các doanh nghiệp phải điều chỉnh dự toán, tạm dừng hoặc giảm tiến độ. Việc đồng đôla Mỹ giảm giá, có lúc ngân hàng hạn chế mua ngoại tệ của các đơn vị xuất khẩu, lãi suất cho vay tăng cao gây khó khăn cho các đơn vị sản xuất, xuất khẩu.

5) Tình hình lạm phát và những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đời sống nhân dân tác động đến tư tưởng, tâm lý xã hội; đã xuất hiện tâm lý lo lắng về lạm phát cao quay trở lại, ảnh hưởng đến lòng tin của nhà đầu tư và các doanh nghiệp về sự ổn định kinh tế vĩ mô.

Nhìn tổng quát, tình hình kinh tế - xã hội quý I năm nay tuy tiếp tục đạt được những kết quả nhất định, nhưng đã có những yếu tố khó khăn vượt quá những dự báo kế hoạch, nếu không có biện pháp xử lý kịp thời và đồng bộ để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy sản xuất phát triển thì sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2008 và mục tiêu Đại hội X của Đảng đã đề ra cho cả nhiệm kỳ.

2. Về nguyên nhân

1) Nguyên nhân khách quan: Những tác động mạnh từ bên ngoài do giá cả nhiều mặt hàng trên thế giới tăng cao,

kinh tế Mỹ suy giảm, đồng USD tiếp tục mất giá; thiên tai, dịch bệnh có ảnh hưởng nhất định đến sản xuất và đời sống nhân dân.

2) Nguyên nhân chủ quan:

- Những yếu kém vốn có của nền kinh tế đã dồn tích từ nhiều năm nhưng chậm được xử lý, khắc phục. Cơ cấu kinh tế chậm cải thiện; công nghiệp khai thác tài nguyên và gia công vẫn chiếm tỷ trọng lớn, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển, phần lớn vật tư, nguyên liệu trung gian cho sản xuất phải nhập khẩu; giá trị gia tăng sản xuất công nghiệp thấp. Tình trạng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước vẫn còn dàn trải, không bảo đảm tiến độ, còn nhiều thất thoát, hiệu quả thấp... kéo dài, chậm được khắc phục. Quản lý tài chính, tiền tệ, thị trường, giá cả, xuất nhập khẩu chưa chặt chẽ.

- Công tác dự báo và dự kiến các biện pháp, kế hoạch ứng phó với những tác động tiêu cực của kinh tế thế giới trong điều kiện hội nhập chưa được quan tâm đúng mức; các cơ quan nghiên cứu, tham mưu của Đảng và Nhà nước phát hiện tình hình còn chậm; khi tình huống xảy ra, do chưa có kinh nghiệm và chủ động trong việc ứng phó nên chỉ đạo, xử lý của một số ngành chức năng có lúc còn lúng túng, chưa kịp thời, thiếu phối hợp đồng bộ, thiếu linh hoạt. Có chính sách, giải pháp chưa tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giải thích tình hình không kịp thời, nhất là trong những trường hợp ban hành các chính sách, giải pháp mới có tính nhạy cảm, ảnh hưởng đến lợi ích của nhân dân và nhà đầu tư, gây tâm lý lo lắng trong xã hội.

Những nguyên nhân cụ thể ảnh hưởng trực tiếp:

1) Chính sách tài chính, tiền tệ nới lỏng đã thực hiện trong nhiều năm liền nhưng quản lý chưa chặt chẽ.

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng, từ những năm sau cuộc khủng hoảng kinh tế ở châu Á (1997 - 1998), chúng ta đã thực hiện chính sách kích cầu bằng việc nới lỏng tín dụng, tăng chi tiêu ngân sách cho đầu tư... Chính sách này đã có tác dụng tích cực trong thời kỳ "thiểu phát", nhưng chưa được điều chỉnh kịp thời khi tình hình trong nước và thế giới đã thay đổi, nước ta gia nhập WTO, hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, nhất là khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) có dấu hiệu tăng cao dần.

- *Chính sách tiền tệ:*

+ Chính sách tiền tệ nới lỏng liên tục trong nhiều năm, nhất là trong năm 2007, làm tổng phương tiện thanh toán và tổng dư nợ tín dụng trong nền kinh tế tăng mạnh. Năng lực kiểm tra, giám sát của ngân hàng nhà nước chậm được tăng cường, không theo kịp tình hình khi các tổ chức tín dụng chuyển mạnh sang hoạt động theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; không kiểm soát có hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại, nhất là các ngân hàng thương mại cổ phần trong việc cho vay kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bất động sản; để tiền của hệ thống kho bạc và tiền phát hành trái phiếu đầu tư của ngân hàng phát triển gửi tại các ngân hàng thương mại, không tập trung vào ngân hàng nhà nước trong nhiều năm.

+ Thị trường tiền tệ có nhiều diễn biến bất thường nhưng việc phát hiện và cảnh báo còn chưa kịp thời. Hệ thống thông tin, số liệu phục vụ việc hoạch định chính sách còn yếu và chưa đủ độ chuẩn xác.

+ Chính sách tỷ giá thấp để khuyến khích xuất khẩu trong nhiều năm không kịp điều chỉnh phù hợp khi nền kinh tế Mỹ bắt đầu suy giảm, đồng USD giảm giá mạnh. Việc đồng tiền VND được giữ giá trị cao cùng với lãi suất trong nước cao... đã khuyến khích dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài đổ vào khá lớn nhưng chưa có biện pháp hấp thụ có hiệu quả. Việc ngân hàng nhà nước dùng VND để mua USD tăng dự trữ ngoại tệ nhà nước đồng thời để chống đôla hóa nền kinh tế (chủ yếu trong nửa đầu năm 2007) là đúng và cần thiết, nhưng lại thiếu biện pháp thu hồi kịp thời lượng tiền đã đưa vào lưu thông.

+ Khi có tình hình xảy ra, việc ngân hàng nhà nước thực hiện đồng thời các giải pháp mạnh vào cùng một thời điểm: Tăng dự trữ bắt buộc, điều chỉnh tỷ lệ nợ cho vay đầu tư kinh doanh chứng khoán và bất động sản, tăng lãi suất chỉ đạo, phát hành tín phiếu bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại, hạn chế mua, bán USD của tổ chức và cá nhân có nhu cầu... nhưng lại thiếu đồng bộ với các biện pháp khác... tuy có góp phần ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực trên thị trường tiền tệ, nhưng cũng gây khó khăn cho ngân hàng thương mại, tạo ra việc chạy đua nâng lãi suất huy động vốn, gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh và xuất khẩu, ảnh hưởng đến tâm lý xã hội. Nhờ thực hiện một số biện pháp điều chỉnh, những ảnh hưởng tiêu cực này đã được khắc phục một phần.

- *Chính sách tài chính:* Chi tiêu ngân sách chưa thực sự tiết kiệm, bội chi còn cao, hiệu quả đầu tư từ khu vực nhà nước còn thấp.

+ Bội chi ngân sách trong nhiều năm liền liên tục giữ ở mức 5% GDP trong khi quy mô nền kinh tế ngày càng lớn.

+ Tỷ lệ chi đầu tư từ khu vực nhà nước (ngân sách nhà nước, tín dụng nhà nước, doanh nghiệp nhà nước) lớn, nhưng hiệu quả thấp. Tình trạng đầu tư dàn trải, để nhiều công trình dở dang, chậm đưa vào khai thác, sử dụng còn nhiều thất thoát, kém hiệu quả khá phổ biến đã kéo dài nhiều năm ở cả trung ương và địa phương chậm được khắc phục. Hệ số ICOR của nền kinh tế có xu hướng ngày càng cao.

+ Chủ trương thí điểm thành lập tập đoàn đa ngành chưa được nhận thức thống nhất để thực hiện tốt. Bên cạnh những kết quả đạt được về nhiều mặt, một số tập đoàn đã đầu tư rộng sang nhiều ngành, nghề, lĩnh vực không thuộc chuyên ngành, thế mạnh của mình, nhất là vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán... Những hoạt động đầu tư này đã gây khó khăn cho quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tập đoàn, khó khăn cho ngân hàng nhà nước trong quản lý lưu thông tiền tệ, nếu không được khắc phục sẽ làm tăng tính đầu cơ trên thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, góp phần tăng thêm tình hình lạm phát nền kinh tế.

2) Vai trò của Nhà nước trong quản lý thị trường, giá cả, xuất nhập khẩu còn hạn chế, chưa có biện pháp điều chỉnh hợp lý

- Quản lý thị trường, giá cả, việc dự báo, điều hòa cung cầu, giá cả một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống trên thị trường chưa kịp thời, chưa đồng bộ, kém hiệu quả, dẫn tới tình trạng đầu cơ tăng giá.

- Những hạn chế, yếu kém trong cơ cấu, chất lượng, sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu Việt Nam (chủ yếu xuất nguyên liệu, nông sản chưa qua chế biến sâu; sản phẩm công

nghiệp phần lớn là gia công, lắp ráp trên cơ sở nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị nhập khẩu, giá trị gia tăng thấp) chậm được khắc phục, bộc lộ sự yếu kém rõ hơn khi nền kinh tế thế giới có biến động, đồng USD mất giá, lãi suất cho vay trong nước cao...

- Trong điều kiện phải thực hiện giảm thuế, mở cửa thị trường theo cam kết với WTO, nhưng cơ cấu sản xuất hàng xuất khẩu chậm được thay đổi, chưa có chính sách hướng dẫn tiêu dùng hợp lý, chưa tận dụng đầy đủ các hàng rào kỹ thuật và các công cụ thị trường cần thiết, kể cả công cụ thuế để hạn chế nhập khẩu những mặt hàng cần phải hạn chế, đã làm tăng thêm nhập siêu.

3) Hoạt động của thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản còn nhiều hạn chế, vướng mắc

- Thị trường chứng khoán phát triển thiếu bền vững; số lượng doanh nghiệp niêm yết chưa nhiều, quy mô doanh nghiệp nhỏ, nhưng mức vốn hóa quá lớn (gần bằng 40% GDP), không phản ánh đúng giá trị thật của doanh nghiệp, đem lại những khoản lợi rất lớn cho công ty phát hành và nhà đầu tư chứng khoán lớn, đồng thời gây thiệt hại cho nhà đầu tư chứng khoán nhỏ, không chuyên nghiệp (chiếm số đông). Các biện pháp can thiệp để khắc phục đà tụt điểm sau thời kỳ tăng trưởng quá nóng của thị trường chứng khoán chậm phát huy tác dụng và chưa đem lại kết quả vững chắc. Nguồn vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài (FII) đổ vào rất lớn nhưng chưa được kiểm soát chặt chẽ.

- Việc vay vốn của các tổ chức tín dụng và sự tham gia vào đầu tư bất động sản của nhiều tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp lớn với nguồn vốn khá lớn chưa

được kiểm soát chặt chẽ. Việc chống đầu cơ, đồng thời tháo gỡ vướng mắc cho sự phát triển lành mạnh thị trường bất động sản còn kém hiệu quả nên giá cả bất động sản, nhất là ở các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đã ở mức quá cao, vượt xa hơn nhiều giá trị thực, gây cản trở phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, phát triển công nghiệp và góp phần đẩy chỉ số giá tăng cao.

Nhờ việc tập trung chỉ đạo, điều hành, rút kinh nghiệm kịp thời của Chính phủ và các ngành chức năng, một số khó khăn, vướng mắc về kinh tế - xã hội trong quý I-2008 như nêu trên đang được xử lý, nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp, đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp để tiếp tục khắc phục có hiệu quả.

II- VỀ MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Về mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội

Mục tiêu ưu tiên hàng đầu hiện nay là kiềm chế lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đặc biệt quan tâm tới an sinh xã hội, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, người làm công ăn lương chịu ảnh hưởng nhiều của lạm phát, để những năm tới tiếp tục phấn đấu đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện thắng lợi mục tiêu Đại hội X đề ra cho cả nhiệm kỳ. Đồng ý trình Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội cho điều chỉnh tốc độ tăng giá

cả năm 2008 ở mức không cao hơn năm 2007 và tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2008 ở mức khoảng 7%.

Trong tình hình hiện nay, đây là mục tiêu nhiệm vụ rất cao, đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ của toàn dân, sự điều hành tập trung, thống nhất bằng những giải pháp đồng bộ, phù hợp với cơ chế thị trường và có hiệu quả của Chính phủ.

2. Về các giải pháp chủ yếu

Bộ Chính trị cơ bản tán thành với các nhóm giải pháp nêu trong báo cáo của Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ý kiến thẩm định của Văn phòng Trung ương Đảng và nhấn mạnh một số giải pháp sau:

1) Chính sách tài chính. Cùng với các biện pháp để tăng thu cho ngân sách nhà nước, cần thực hiện chính sách tài chính chặt chẽ, tiết kiệm chi tiêu thường xuyên, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Tăng thuế xuất khẩu ở mức phù hợp đối với một số loại tài nguyên, khoáng sản, thuế nhập khẩu và thuế nội địa một số mặt hàng tiêu dùng không thiết yếu, xa xỉ; chống thất thu thuế.

- Thực hiện chính sách tiết kiệm đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm ngặt trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đưa nội dung thực hành tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách, trong sản xuất và đời sống vào chương trình cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong năm 2008 và những năm tiếp theo để giảm bội chi ngân sách xuống mức thấp hơn 5% GDP.

Ngoài việc tiết kiệm 10% chi thường xuyên, cần cắt giảm thêm việc mua sắm những thứ chưa cần thiết; giảm triệu tập các hội nghị toàn quốc; giảm các khoản chi tiếp khách, các

đoàn công tác trong nước và nước ngoài bằng vốn ngân sách mà không thiết thực. Giảm các hoạt động lễ hội, lễ kỷ niệm, đón nhận huân chương, danh hiệu thi đua gây tốn kém, lãng phí...; tiết kiệm năng lượng, phương tiện triệt để hơn nữa. Không bổ sung chi ngân sách ngoài dự toán, trừ những khoản chi hết sức cần thiết.

Nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng. Rà soát và kiên quyết cắt giảm, không bố trí vốn đầu tư các công trình chưa thật sự cấp bách trong năm 2008 hoặc hiệu quả đầu tư thấp. Tập trung các nguồn vốn để bảo đảm hoàn thành các công trình trọng điểm quốc gia, các công trình hoàn thành vào năm 2008, 2009 đúng tiến độ, không để kéo dài. Điều chỉnh kịp thời giá đầu vào các công trình đầu tư từ ngân sách để bảo đảm đúng tiến độ.

- Rà soát, chấn chỉnh hoạt động đầu tư của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn. Sơ kết mô hình tập đoàn kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) trước khi nhân rộng.

2) Chính sách tiền tệ. Thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, chủ động, linh hoạt, phối hợp đồng bộ.

- Ngân hàng nhà nước nắm chắc thông tin, kiểm soát chặt chẽ tổng phương tiện thanh toán, dư nợ tín dụng trong toàn bộ nền kinh tế, việc cho vay kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán của các ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh doanh tiền tệ khác; chuyển hết số dư tiền gửi của kho bạc tại ngân hàng thương mại, tiền phát hành trái phiếu tại ngân hàng phát triển về ngân hàng nhà nước. Điều chỉnh linh hoạt chính sách tiền tệ, bảo đảm tốc độ tăng trưởng hợp lý dư nợ tín dụng, khả năng thanh khoản cho các

tổ chức tín dụng và kiềm chế lạm phát. Tăng cường công tác giám sát các tổ chức tín dụng, bổ sung các công cụ giám sát theo cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để chủ động cảnh báo và xử lý tốt hơn những biến động trên thị trường tín dụng, tiền tệ.

Quản lý chặt chẽ việc thành lập mới, việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của các ngân hàng, các tổ chức tài chính, tiền tệ, chứng khoán, bất động sản, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty lớn của Nhà nước, các ngân hàng thương mại theo hướng đề ra những yêu cầu, tiêu chí theo thông lệ của nền kinh tế thị trường để các chủ thể kinh doanh tiền tệ phải thật sự lành mạnh, bảo đảm lợi ích của mình và của cả nền kinh tế.

- *Kiểm soát vốn đầu tư nước ngoài và tỷ giá.* Điều hành tỷ giá giữa VND với USD và các loại ngoại tệ nói chung với biên độ hợp lý. Sớm áp dụng các biện pháp quản lý nguồn vốn đầu tư gián tiếp (FII) như nhiều nước đã áp dụng thành công. Tiếp tục có giải pháp tích cực, có hiệu quả chống đôla hóa nền kinh tế.

3) Quản lý thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản

- Quản lý chặt chẽ các nguồn vốn vay ngân hàng của các công ty để đầu tư vào thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản; từng bước lành mạnh hóa hai loại thị trường này, khắc phục tình trạng đầu cơ, đẩy giá lên cao như thời gian qua.

- Chỉ đạo, rà soát để những đơn vị có đủ điều kiện và năng lực kinh doanh chứng khoán hoạt động lành mạnh; kiên quyết không cho thành lập, hoạt động đối với những đơn vị không đủ điều kiện kinh doanh. Tiếp tục thực hiện tốt

chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cung cấp hàng hóa có chất lượng cho thị trường.

- Sớm ban hành chính sách thuế chống đầu cơ bất động sản; các chính sách và thủ tục hành chính thông thoáng để thị trường chứng khoán và bất động sản phát triển một cách lành mạnh.

4) Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân, chống đầu cơ, trục lợi nâng giá. Khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát và hạn chế nhập siêu

- Rà soát và có chính sách, giải pháp để bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, đặc biệt là các mặt hàng chiến lược phục vụ cho sản xuất và đời sống, có kế hoạch chủ động nhập khẩu bù đắp thiếu hụt. Có cơ chế, chính sách để các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn kinh doanh các mặt hàng chủ lực của nền kinh tế được hình thành quỹ bảo hiểm rủi ro theo nguyên tắc thị trường, lấy lãi bù lỗ. Có biện pháp ngăn ngừa việc kinh doanh chồng chéo của những đơn vị này để tránh dẫn đến tăng cung, cầu giả tạo, cạnh tranh không lành mạnh, đẩy giá thị trường lên cao, sử dụng vốn nhà nước không hiệu quả.

Tăng cường hơn nữa vai trò nhà nước về quản lý giá, yêu cầu các doanh nghiệp chưa tăng giá một số mặt hàng chiến lược có ảnh hưởng tới giá cả chung trên thị trường, tới sản xuất và đời sống nhân dân (điện, xăng dầu, xi măng, sắt, thép, than, nước,...) cho đến khi kiểm soát được tình hình giá cả (ít nhất là đến hết tháng 6-2008, sau đó sẽ xử lý tiếp). Tăng cường các biện pháp kiểm soát, chống đầu cơ tích trữ và xử lý nghiêm khắc, kịp thời những trường hợp đầu cơ trục lợi, buôn lậu, lợi dụng tình hình để tăng giá, kiếm lời. Phát huy

vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong việc vận động, tổ chức các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm cung cấp đủ hàng hóa, góp phần ổn định thị trường, giá cả.

- Trước mắt, cần có chính sách và tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu, duy trì và thúc đẩy được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu: nghiên cứu việc giảm thuế thu nhập cho doanh nghiệp xuất khẩu; điều hành chính sách tài chính, tiền tệ chủ động, linh hoạt, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp có hợp đồng sản xuất, xuất khẩu có hiệu quả, đa dạng các hình thức thanh toán... Về lâu dài, cần có chiến lược, kế hoạch, cơ chế, chính sách để cơ cấu lại việc sản xuất hàng xuất khẩu, giảm nhanh xuất khẩu khoáng sản và giảm dần xuất khẩu sản phẩm nguyên liệu thô, hàng gia công lắp ráp, tăng dần xuất khẩu sản phẩm tinh chế, có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao; mở rộng quan hệ thương mại với các đối tác mới, các thị trường mới...

- Quản lý chặt chẽ, có hiệu quả các hoạt động nhập khẩu. Sử dụng các biện pháp không trái với các quy định của WTO để hạn chế nhập khẩu các sản phẩm không nhất thiết phải nhập khẩu, nhất là việc nhập các mặt hàng xa xỉ (ôtô, rượu ngoại đắt tiền...), giảm tối đa việc nhập siêu. Thực hiện các biện pháp tổng hợp, nghiêm ngặt, đủ mạnh để chống nhập lậu, gian lận thương mại.

5) Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển đi đôi với việc tăng cường các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân

- Triển khai tốt cơ chế, chính sách và hỗ trợ kịp thời những địa phương, nhân dân vùng gặp thiên tai, dịch bệnh để nhanh chóng khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh,

ổn định đời sống. Có chính sách khuyến khích đầu tư cho nông nghiệp, phát triển chăn nuôi, thu hút đầu tư vào khu vực nông thôn.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản, công khai, minh bạch về thủ tục, đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, giảm phiền hà, tiêu cực, tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn để thu hút đầu tư và hoạt động doanh nghiệp. Có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng do giá nguyên nhiên liệu tăng cao. Điều chỉnh kịp thời giá dự toán các công trình đang triển khai có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước có khả năng phát huy hiệu quả nhanh để sớm hoàn thành và đưa vào hoạt động. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho những doanh nghiệp gặp khó khăn trong một thời hạn nhất định.

- Tăng cường thực hiện các chương trình hỗ trợ người nghèo. Tiết kiệm chi tiêu, dành ngân sách và đẩy mạnh việc huy động từ các nguồn lực xã hội bổ sung cho các chương trình trợ giúp người nghèo, vùng nghèo bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Điều chỉnh lộ trình tăng lương sớm hơn theo đề án để giảm bớt khó khăn cho cán bộ, công nhân viên khu vực hành chính sự nghiệp, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và công nhân sản xuất trong các doanh nghiệp.

6) Đẩy mạnh công tác tư tưởng, chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền để thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân về đánh giá tình hình, nguyên nhân, giải pháp; nêu cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của nhân dân trong việc khắc phục những khó khăn hiện nay

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, cán bộ,

đảng viên, các tầng lớp nhân dân hiểu rõ tình hình, những giải pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước, giữ vững niềm tin vào sự ổn định và phát triển của đất nước.

Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, các ngành, các địa phương quán triệt Kết luận của Bộ Chính trị, thống nhất nhận thức theo chức năng, nhiệm vụ của mình, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo trong Kết luận của Bộ Chính trị; động viên các tầng lớp nhân dân, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển sản xuất, kinh doanh, đồng tâm hiệp lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức trước mắt, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2008 và cả 5 năm 2006 - 2010 theo Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy theo chức năng, nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị. Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi tình hình thực hiện Kết luận, báo cáo kết quả với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 147-TB/TW, ngày 4 tháng 4 năm 2008

Về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân

Ngày 14-3-2008, Bộ Chính trị đã nghe Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo Đề án về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân. Sau khi nghe ý kiến của Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chủ trương: "Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ", "Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội".

Cần sớm ban hành các văn bản cần thiết để triển khai thực hiện tốt chủ trương này của Đại hội X.

2. Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị yêu cầu Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan xây dựng một số quy chế sau:

- Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên.

- Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cán bộ, công chức của các cơ quan này và đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

- Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước các cấp.

Các quy chế giám sát và phản biện xã hội cần nêu rõ quan điểm chỉ đạo, mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, khái niệm, phạm vi, nội dung, phương thức... thực hiện theo tinh thần: hoạt động giám sát tiến hành trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và về công tác tổ chức, cán bộ; phản biện xã hội thực hiện đối với dự thảo đường lối, chủ trương,

chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và về công tác tổ chức, cán bộ.

Nội dung các quy chế về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân cần phù hợp với những quy định về giám sát và phản biện xã hội theo quy định của pháp luật.

Các dự thảo quy chế cần hoàn thành để trình Bộ Chính trị vào quý III-2008.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 23-KL/TW, ngày 8 tháng 4 năm 2008

Về những công việc cần cụ thể hóa để triển khai thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X), phân công chỉ đạo chuẩn bị và thời gian hoàn thành các đề án

Tại phiên họp ngày 28-3-2008, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng (theo chỉ đạo của Ban Bí thư) báo cáo về những công việc cần được cụ thể hóa và dự kiến phân công các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách, chỉ đạo chuẩn bị từng đề án để triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa X), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

A- VỀ NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN CỤ THỂ HÓA ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (KHÓA X)

I- Đối với Nghị quyết về "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"

1. Hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản

mới, như: trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước, khoáng sản.

2. Tiếp tục đổi mới, củng cố, phát huy vai trò của mô hình công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.

3. Bổ sung, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, các tổ hợp tác, hợp tác xã.

4. Quy định về quyền sở hữu của doanh nghiệp, cá nhân người nước ngoài, điều kiện để người nước ngoài có quyền được mua, được sở hữu nhà gắn với quyền sử dụng đất và tài sản khác tại Việt Nam.

5. Bổ sung cơ chế, chính sách ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước, chính sách bán cổ phiếu cho người lao động tại doanh nghiệp trong quá trình cổ phần hóa và đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước sau cổ phần hóa.

6. Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới các nông lâm trường quốc doanh.

7. Đề án phát triển thị trường bất động sản; tạo quỹ đất của Nhà nước phục vụ các mục tiêu công ích, chính sách xã hội, hỗ trợ điều tiết thị trường đất đai và hỗ trợ tái định cư.

8. Xây dựng cơ chế tài phán giải quyết những khiếu kiện liên quan đến đất đai.

9. Xây dựng kế hoạch phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu.

II- Đối với Đề án "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"

1. Đề án chiến lược xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn tới.

2. Đề án "Tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận về giai cấp công nhân".

3. Xây dựng chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển dạy nghề, đổi mới hệ thống dạy nghề và nâng cao trình độ văn hóa cho công nhân; chính sách phát triển nhà ở cho công nhân, nơi sinh hoạt văn hóa, cơ sở phúc lợi xã hội tại các khu công nghiệp tập trung.

4. Ban hành khuôn khổ pháp lý để hình thành các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

5. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về quan hệ lao động và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, chủ doanh nghiệp, công đoàn để giải quyết vấn đề tranh chấp lao động; vấn đề bảo hiểm xã hội, vấn đề Luật tiền lương tối thiểu.

6. Ban hành quy định về Quy chế dân chủ ở cơ sở trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

7. Chính sách đối với đội ngũ cán bộ đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại các doanh nghiệp.

III- Đối với Nghị quyết về "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên"

1. Đề án về thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên đối với một số đơn vị cơ động, chiến đấu tập trung và có tổ chức đặc thù trong lực lượng công an nhân dân.

2. Đề án về đối tượng, điều kiện để xem xét chuyển một số chức danh cán bộ, công chức chuyên trách cơ sở xã, phường, thị trấn thành công chức nhà nước; về chính sách

thu hút đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp; về chế độ phụ cấp đối với cán bộ ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị và các đoàn thể quần chúng trong các trường thuộc Bộ Công an.

4. Đề án xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức; sửa đổi, bổ sung một số quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

5. Đề án thực hiện thí điểm chủ trương "nhất thể hóa" chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở (bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân); chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư và phó bí thư.

6. Hướng dẫn về đảng viên làm kinh tế tư nhân.

7. Đề án về xử lý và giải quyết đối với đảng viên có liên quan đến yếu tố nước ngoài.

B- PHÂN CÔNG CHỈ ĐẠO CHUẨN BỊ VÀ THỜI GIAN HOÀN THÀNH CÁC ĐỀ ÁN (như trong phụ lục kèm theo).

Căn cứ vào việc phân công của Bộ Chính trị, các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách, chỉ đạo chuẩn bị từng đề án, phổ biến đến các cơ quan chủ trì để triển khai thực hiện và hoàn thành đề án đúng thời gian quy định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

A- PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (KHÓA X) VỀ TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
	Đề án trình Bộ Chính trị			
1	Hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như: trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước, khoáng sản	Nguyễn Phú Trọng Trương Vĩnh Trọng	- Đảng đoàn Quốc hội - Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp	Quý I-2009
2	Tiếp tục đổi mới, củng cố, phát huy vai trò của mô hình công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước	Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính	Quý IV-2008
3	Bổ sung, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, các tổ hợp tác, hợp tác xã	Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV-2008
4	Quy định về quyền sở hữu của doanh nghiệp, cá nhân người nước ngoài, điều kiện để người nước ngoài có quyền được mua, được sở hữu nhà gắn với quyền sử dụng đất và tài sản khác tại Việt Nam	Nguyễn Sinh Hùng	- Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính	Quý III-2008

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
5	Bổ sung cơ chế, chính sách ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước, chính sách bán cổ phiếu cho người lao động tại doanh nghiệp trong quá trình cổ phần hóa và đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước sau cổ phần hóa	Nguyễn Tấn Dũng	- Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính	Quý III-2008
6	Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới các nông, lâm trường quốc doanh	Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý IV-2008
7	Đề án phát triển thị trường bất động sản; tạo quỹ đất của Nhà nước phục vụ các mục tiêu công ích, chính sách xã hội, hỗ trợ điều tiết thị trường đất đai và hỗ trợ tái định cư	Nguyễn Sinh Hùng	- Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính - Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quý III-2008
8	Xây dựng cơ chế tài phán giải quyết những khiếu kiện liên quan đến đất đai	Trương Vĩnh Trọng	- Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp - Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Quý III-2008
9	Xây dựng kế hoạch phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu	Nguyễn Sinh Hùng	- Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quý III-2008

B- PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (KHÓA X) VỀ TIẾP TỤC XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
	Đề án trình Bộ Chính trị			
1	Đề án chiến lược xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn tới	Trương Tấn Sang	Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Quý I-2009
2	Đề án "Tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận về giai cấp công nhân"	Tô Huy Rứa	Hội đồng Lý luận Trung ương	Quý II-2009
3	Xây dựng chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển dạy nghề, đổi mới hệ thống dạy nghề và nâng cao trình độ văn hóa cho công nhân; chính sách phát triển nhà ở cho công nhân, nơi sinh hoạt văn hóa, cơ sở phúc lợi xã hội tại các khu công nghệ tập trung	Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quý IV-2008
4	Ban hành khuôn khổ pháp lý để hình thành các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế	Nguyễn Tấn Dũng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Quý IV-2008

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
5	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về quan hệ lao động và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, chủ doanh nghiệp, công đoàn để giải quyết vấn đề tranh chấp lao động; vấn đề bảo hiểm xã hội, vấn đề Luật tiền lương tối thiểu	Nguyễn Phú Trọng	Đảng đoàn Quốc hội	Quý I-2009
	Đề án trình Ban Bí thư			
1	Ban hành quy định về Quy chế dân chủ ở cơ sở trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước	Trương Vĩnh Trọng	- Ban Dân vận Trung ương, - Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quý I-2009
2	Chính sách đối với đội ngũ cán bộ đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại các doanh nghiệp	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Quý IV-2008

C- PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (KHÓA X) VỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
	Đề án trình Bộ Chính trị			
1	Đề án về thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên đối với một số đơn vị cơ động, chiến đấu tập trung và có tổ chức đặc thù trong lực lượng công an nhân dân	Lê Hồng Anh	Đảng ủy Công an Trung ương	Quý IV-2008
	Đề án trình Ban Bí thư			
1	Đề án về đối tượng, điều kiện để xem xét chuyển một số chức danh cán bộ, công chức chuyên trách cơ sở xã, phường, thị trấn thành công chức nhà nước; về chính sách thu hút đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp; về chế độ phụ cấp đối với cán bộ ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số	Nguyễn Sinh Hùng	- Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ - Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính	Quý I-2009

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
2	Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị và các đoàn thể quần chúng trong các trường thuộc Bộ Công an	Lê Hồng Anh	Đảng ủy Công an Trung ương	Quý IV-2008
3	Đề án xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức; sửa đổi, bổ sung một số quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các loại hình tổ chức cơ sở đảng	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Quý I-2009
4	Đề án thực hiện thí điểm chủ trương "nhất thể hóa" chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở (bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân); chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư và phó bí thư	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Quý III-2008
5	Hướng dẫn về đảng viên làm kinh tế tư nhân	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Quý III-2008
6	Đề án về xử lý và giải quyết đối với đảng viên có liên quan đến yếu tố nước ngoài	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Quý IV-2008

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 07-BC/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2008

Về tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương năm 2007, phương hướng, nhiệm vụ năm 2008

Trong thời gian qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X; sự nghiệp đổi mới của đất nước đạt được những thành tựu quan trọng, nền kinh tế tiếp tục phát triển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm, quan hệ đối ngoại ngày càng được mở rộng... Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn một số khó khăn, thách thức: tệ quan liêu, tham nhũng, sử dụng lãng phí ngân sách và tài sản công còn diễn ra ở nhiều nơi; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Trước tình hình đó, đòi hỏi cần tiếp tục tăng cường và nâng cao hơn chất lượng công tác kiểm tra, giám sát

của Đảng nói chung, của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương nói riêng.

Thực hiện Thông báo kết luận số 136-TB/TW, ngày 25-1-2008, Ban Bí thư giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ban Bí thư tổ chức hội nghị tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương năm 2007 và đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2008.

I- KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng và Nhà nước, một số cơ quan ở Trung ương đã được hợp nhất, sáp nhập, sắp xếp, kiện toàn. Tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương hiện nay bao gồm: các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và các đảng ủy trực thuộc Trung ương. Đây là các tổ chức đảng trong những cơ quan, tổ chức tham mưu chiến lược và quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô, có vai trò hết sức quan trọng trong việc hoạch định, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoạt động của các cơ quan, tổ chức này có ảnh hưởng trực tiếp, toàn diện và sâu sắc đến chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Các ban đảng ở Trung ương (Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ban Đối ngoại, Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng Trung ương Đảng) là các cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên từng lĩnh vực công tác xây dựng Đảng. Ngoài Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cơ quan chuyên trách của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, các ban đảng ở Trung ương đều có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng đối với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương trên các lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

- Ban cán sự đảng, đảng đoàn được lập ở cơ quan Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, gồm có 30 ban cán sự đảng ở các bộ, ngành, 15 đảng đoàn ở các đoàn thể chính trị - xã hội. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn có nhiệm vụ lãnh đạo bộ, ngành, đoàn thể thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp kiểm tra thực hiện đường lối chủ trương, nghị quyết của Đảng trong hoạt động của đơn vị, phối hợp với đảng ủy khối và đảng ủy cơ quan xây dựng đảng bộ cơ quan trong sạch, vững mạnh. Nội dung, đối tượng và phương pháp tiến hành kiểm tra được quy định tại Quyết định số 25-NQ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị về việc ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. So với các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực

thuộc Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn có điểm khác là không có bộ máy tham mưu, giúp việc về công tác kiểm tra, không có biên chế cán bộ kiểm tra chuyên trách.

- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương và Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương được thành lập trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các đảng ủy khối cơ quan Trung ương, là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; có nhiệm vụ lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ luật đảng, đoàn kết nội bộ; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những biểu hiện sai trái với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, suy thoái về tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống, quan liêu, lãng phí...

Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương hiện có 75 tổ chức đảng trực thuộc (5 đảng bộ cấp trên cơ sở, 25 đảng bộ được giao quyền cấp trên cơ sở, 33 đảng bộ cơ sở và 12 chi bộ cơ sở), với 279 đảng bộ cơ sở, 433 đảng bộ bộ phận, 467 chi bộ cơ sở và 3.971 chi bộ trực thuộc; gần 50.000 đảng viên (trong nước trên 40.000, ngoài nước hơn 7.000). Lực lượng cán bộ chuyên trách công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Đảng bộ mỏng (25 người, trong đó ở cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối có 11 cán bộ).

Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương hiện có 31 đảng bộ trực thuộc, gồm các đảng bộ của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, trong đó có 23 đảng bộ cấp trên cơ sở, 8 đảng bộ cơ sở, 3 đảng bộ toàn ngành (Đường sắt, Hàng không,

Công nghiệp Tàu thủy) với gần 41.000 đảng viên. Lực lượng cán bộ chuyên trách công tác kiểm tra trong toàn Đảng bộ ít (24 người, trong đó ở cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối có 7 cán bộ).

Đảng ủy Quân sự Trung ương: Hệ thống tổ chức đảng trong Đảng bộ Quân đội được thành lập từ cấp cơ sở đến cấp toàn quân, tương ứng với tổ chức hành chính quân sự, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn cả nước. Ủy ban kiểm tra được thành lập bốn cấp từ Đảng ủy Quân sự Trung ương đến cấp cơ sở (cấp toàn quân; cấp quân khu, quân chủng và tương đương; cấp sư đoàn, lữ đoàn và tương đương; cấp trung đoàn và tương đương). Đảng bộ Quân đội có trên 240.000 đảng viên, nhưng số cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra còn thiếu (cấp trung đoàn và sư đoàn có 1 đồng chí phó chủ nhiệm chuyên trách; cấp quân khu, quân chủng và tương đương có từ 5 - 7 đồng chí; cấp toàn quân có trên 30 đồng chí).

Đảng ủy Công an Trung ương có trên 26.800 đảng viên, ủy ban kiểm tra của Đảng bộ được thành lập ở ba cấp gồm: Đảng ủy Công an Trung ương, đảng ủy các tổng cục và tương đương, cấp cục và tương tương; số cán bộ làm công tác chuyên trách ít (Đảng ủy Công an Trung ương có gần 40 đồng chí, cấp tổng cục có từ 4 - 6 đồng chí, cấp cục có 1 đồng chí).

2. Thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương

2.1. Thuận lợi

- Từ sau Đại hội X của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và các quy định, hướng dẫn khác; đồng thời được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, đã tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đảng, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đảng; vị thế, vai trò của công tác kiểm tra, giám sát, của đội ngũ cán bộ kiểm tra ngày càng được nâng lên.

- Hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước được bổ sung, hoàn thiện, đặc biệt là Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật đất đai; Pháp lệnh cán bộ, công chức, các luật về quản lý tài chính, thuế, quản lý tài nguyên...; một số cơ quan chức năng mới của Nhà nước được thành lập như Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng ở Trung ương và địa phương; các cục phòng, chống tham nhũng ở Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Thanh tra Chính phủ, tạo thuận lợi, hỗ trợ, phối hợp nhiều cho công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, cho hoạt động chuyên môn của ủy ban kiểm tra các cấp.

- Các đảng ủy trực thuộc Trung ương có cơ cấu tổ chức và bộ máy tương đối hoàn chỉnh. Đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác đảng và công tác kiểm tra, giám sát có tinh thần

làm việc tận tụy, nhiệt tình, trách nhiệm cao; đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác nghiên cứu, tham mưu, quản lý ở cấp vĩ mô, được đào tạo cơ bản có trình độ cao về chuyên môn, lý luận chính trị, am hiểu pháp luật, có nhiều kinh nghiệm hoạt động thực tiễn về công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát.

2.2. Khó khăn

- Các quy định, hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, trong đó có các quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra còn chưa rõ; các ban cán sự đảng, đảng đoàn được giao thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, nhưng không có bộ máy tham mưu, giúp việc; nhận thức về công tác này chưa đầy đủ.

- Các đảng bộ khối gồm nhiều tổ chức đảng ở các cơ quan, doanh nghiệp có nhiệm vụ chính trị khác nhau; không lãnh đạo trực tiếp nhiệm vụ chính trị, không trực tiếp quyết định công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị; quan hệ giữa đảng ủy khối với ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan... là mối quan hệ phối hợp, nhưng chưa có quy định cụ thể của Trung ương về sự phối hợp này. Đảng ủy khối phần lớn là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan, doanh nghiệp kiêm nhiệm công tác đảng, bộ máy giúp việc và cán bộ chuyên trách (trong đó có cán bộ kiểm tra) của cấp ủy so với yêu cầu nhiệm vụ còn bất cập cả về số lượng và chất lượng.

- Hệ thống tổ chức đảng trong một số bộ, ngành và hai đảng bộ khối chưa được tổ chức thống nhất như: trực thuộc nhiều cấp ủy (có nơi thuộc đảng ủy cơ quan bộ, ngành, có nơi

thuộc đảng ủy địa phương); tổ chức cơ sở đảng còn chồng chéo (đảng ủy cơ sở nằm trong đảng ủy cơ sở) ảnh hưởng đến công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát.

- Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương là tổ chức đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt đối với quân đội và công an, với số lượng các tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên nhiều nhưng chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp đều là kiêm nhiệm, đồng chí phó chủ nhiệm thường trực không có cơ cấu tham gia cấp ủy cùng cấp.

- Chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác kiểm tra, nhất là cán bộ kiểm tra chuyên trách chưa được quan tâm đúng mức, trong khi đó yêu cầu đối với nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đòi hỏi ngày càng cao, tính chất phức tạp, nên rất khó tuyển dụng cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao và tâm huyết làm công tác kiểm tra, giám sát chuyên trách ở các tổ chức đảng các cơ quan Trung ương.

- Biên chế cán bộ chuyên trách công tác đảng nói chung, công tác kiểm tra nói riêng ở các đảng ủy trực thuộc Trung ương thấp.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương

1.1. Kết quả thực hiện

- Về công tác kiểm tra: Theo báo cáo của hai đảng ủy khối, năm 2007 các tổ chức đảng thuộc hai đảng bộ khối đã kiểm tra 3.325 tổ chức; 6.353 đảng viên (có 400 cấp ủy viên

các cấp). Trong đó, các tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương kiểm tra 1.608 đảng viên về chấp hành Điều lệ Đảng; 1.765 tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thi hành kỷ luật trong Đảng và việc chấp hành chế độ sinh hoạt đảng; kiểm tra việc thu nộp, quản lý và sử dụng đảng phí đối với 313 tổ chức đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp của đảng bộ kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 40 tổ chức đảng và 36 đảng viên (có 1 cấp ủy viên); các tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương đã kiểm tra được 1.083 tổ chức đảng và 3.501 đảng viên (có 390 cấp ủy viên). Ủy ban kiểm tra các cấp của đảng bộ đã kiểm tra 99 tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và 61 đảng viên có dấu hiệu vi phạm (có 9 cấp ủy viên); kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng đối với 25 tổ chức đảng; kiểm tra 1.147 tổ chức đảng cấp dưới trong việc quản lý, sử dụng tài chính đảng.

- Về công tác giám sát: Các tổ chức đảng thuộc hai đảng bộ khối đã giám sát đối với 317 tổ chức đảng và 1.731 đảng viên (có 340 cấp ủy viên các cấp). Trong đó, Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương đã trực tiếp giám sát đối với 8 đảng bộ; các đảng ủy trực thuộc đã giám sát đối với 176 đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng và 161 tổ chức đảng cấp dưới về thực hiện nhiệm vụ chính trị, về nền nếp sinh hoạt chi bộ và thu nộp, quản lý, sử dụng đảng phí. Ủy ban kiểm tra và các ban tham mưu của Đảng ủy Khối đã giám sát theo chuyên đề 10 đảng ủy trực thuộc trong diện hợp nhất, sắp xếp lại theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X); các tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương đã giám sát 138 tổ chức đảng và 1.555 đảng viên

(có 340 cấp ủy viên các cấp). Thông qua giám sát đã phát hiện một tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm, chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm theo quy trình.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát đã kết luận 3 tổ chức đảng và 89 đảng viên vi phạm (có 15 cấp ủy viên các cấp). Trong đó, phải thi hành kỷ luật 78 đảng viên; đã thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách 44, cảnh cáo 18, cách chức 2 và khai trừ 14.

- Ngoài ra, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương tập trung chỉ đạo Đảng ủy Tổng Công ty Hàng không Việt Nam kiểm điểm, xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền và đã thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách đối với Ban Thường vụ Đảng ủy; khiển trách và cảnh cáo 8 đảng viên là cấp ủy viên của Đảng ủy Tổng Công ty. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương đã thi hành kỷ luật 5 tổ chức đảng bằng hình thức khiển trách và 54 đảng viên, trong đó: khiển trách 35, cảnh cáo 8, cách chức 2, khai trừ ra khỏi Đảng 9 và đình chỉ sinh hoạt đảng đối với 17 đảng viên để phục vụ công tác điều tra của cơ quan pháp luật.

1.2. Ưu điểm

Tuy mới được kiện toàn nhưng đảng ủy các khối đã tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và các quy định, quyết định, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ.

Đảng ủy, trực tiếp là ban thường vụ đảng ủy đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra việc xây dựng triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp trong đảng bộ. Qua đó làm chuyển biến về nhận thức đối với các cấp ủy đảng về vai trò, vị trí công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới. Nhiều tổ chức đảng đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm cả về nội dung và đối tượng. Qua công tác kiểm tra, giám sát đã phát hiện nhiều tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm, kịp thời xử lý theo đúng nguyên tắc, phương hướng, phương châm, góp phần ngăn chặn vi phạm, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

1.3. Khuyết điểm, hạn chế

- Trong quá trình tổ chức kiểm tra, một số cuộc nội dung còn dàn trải, mới tập trung vào kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc sinh hoạt đảng, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên, chưa bám sát nhiệm vụ chính trị được giao, để kiểm tra đảng viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công, nên hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát chưa cao. Tình trạng vi phạm pháp luật của cán bộ, đảng viên ở một số tổ chức, đơn vị, nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính, sản xuất, kinh doanh còn xảy ra ở nhiều nơi, nhưng công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng cùng cấp chưa phát hiện, ngăn chặn kịp thời, mà chủ yếu do cơ quan pháp luật hoặc qua thanh tra, kiểm tra của cấp trên phát hiện, xử lý.

- Một số cấp ủy thuộc hai đảng bộ khối, nhất là đảng ủy các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, do đang trong giai đoạn điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại mô hình tổ chức, nên chưa thực hiện được nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát đúng quy định.

- Một số đảng ủy trực thuộc các khối chưa bám sát nhiệm vụ chính trị trọng tâm để xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của cấp mình; chủ yếu mới triển khai thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát theo chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Bí thư và đảng ủy khối.

- Một số cấp ủy viên là cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhận thức chưa đầy đủ và quan tâm đúng mức về vị trí, vai trò công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; còn cho công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra; chưa thấy hết được mục đích công tác kiểm tra, giám sát là ngăn ngừa từ xa những khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

- Việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm còn có biểu hiện hữu khuynh, né tránh, bao che, giấu giếm khuyết điểm và đùn đẩy trách nhiệm lên cấp trên, một số nơi qua thanh tra, kiểm tra kết luận có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, thậm chí cá nhân có khuyết điểm trong kiểm điểm đã tự nhận hình thức kỷ luật, nhưng khi biểu quyết bằng phiếu kín ở tổ chức đảng lại không tập trung, không xác định được hình thức kỷ luật với mức quá bán theo quy định, phải báo cáo cấp trên xem xét.

- Sự phối kết hợp giữa các cơ quan đảng, chính quyền và cơ quan chức năng chưa chặt chẽ; chưa phát huy sức mạnh tổng hợp giữa các cấp, các ngành, nên chất lượng công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật chưa cao. Thực tế có trường hợp thanh tra, điều tra kết luận tổ chức, cá nhân có vi phạm phải xử lý kỷ luật, nhưng không có sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra, điều tra với đơn vị trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật, nên khi cấp có thẩm quyền ra thông báo kết luận chỉ vi phạm ở mức độ nhất định.

1.4. Nguyên nhân

Thứ nhất, một số cấp ủy, tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, chưa gắn quá trình lãnh đạo với quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, nên chưa chủ động triển khai hoặc giao cho ủy ban kiểm tra thực hiện.

Thứ hai, công tác tham mưu, giúp cấp ủy, tổ chức đảng về nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra có nơi chưa tốt, chưa chủ động đề xuất những vấn đề cơ bản, cấp bách, nổi cộm để cấp ủy tập trung chỉ đạo, giải quyết. Công tác giám sát là vấn đề mới, song việc hướng dẫn tổ chức thực hiện chưa kịp thời nên đã hạn chế đến kết quả công tác này. Phương pháp công tác, trình độ năng lực và việc ứng xử của một số cán bộ kiểm tra còn bất cập, chưa ngang tầm và theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Thứ ba, sự phối hợp giữa các cấp ủy, tổ chức đảng với chính quyền, đoàn thể và các cơ quan chức năng chưa chặt

chẽ, nên chất lượng công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng còn hạn chế.

Thứ tư, chưa phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, chậm ban hành quy chế phối hợp trong công tác giữa các tổ chức này; chính sách, chế độ; tổ chức bộ máy và định biên cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn chậm được tổng kết để từ đó bổ sung chức năng cho phù hợp. Những vấn đề này đã ảnh hưởng đến kết quả, chất lượng công tác đảng nói chung, công tác kiểm tra giám sát nói riêng.

2. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn

2.1. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

Tại điểm 2.4, Điều 30 Hướng dẫn thực hiện các quy định công tác kiểm tra giám sát và kỷ luật của Đảng trong Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị, công tác kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn được quy định như sau: *Các ban cán sự đảng, đảng đoàn tham gia các cuộc kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp hoặc chủ trì kiểm tra khi được cấp ủy cấp trên trực tiếp giao; xây dựng chương trình, kế hoạch và chủ động tiến hành kiểm tra...*

Nội dung bao gồm: việc tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phương hướng, nhiệm vụ chính trị; công tác tổ chức, cán bộ; những nhiệm vụ liên quan đến chức trách, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ

trách và những nội dung do cấp ủy giao. Đối tượng kiểm tra gồm các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống quản lý trực tiếp.

Cách tiến hành: chủ trì hoặc phối hợp với đảng ủy cơ quan, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp hoặc sử dụng bộ máy của bộ, ban, ngành để tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, các ban cán sự đảng, đảng đoàn kết luận về những nội dung được kiểm tra báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp, đồng thời gửi báo cáo cho ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp.

Theo báo cáo của 24 ban cán sự đảng, đảng đoàn, năm qua các ban cán sự đảng, đảng đoàn đã phối hợp với đảng ủy cơ quan bộ, ngành tổ chức triển khai học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác này, đồng thời triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đạt một số kết quả như sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo chương trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Hằng năm, căn cứ chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và kế hoạch kiểm tra của Ban Chỉ đạo Kiểm tra Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn đã phối hợp với đảng ủy cơ quan thành lập ban chỉ đạo tổ chức thực hiện và lập các đoàn kiểm tra để kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách, quản lý đất đai... Kết quả kiểm tra được tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ đạo Kiểm tra của Trung ương theo đúng tiến độ; những đơn vị được Bộ

Chính trị, Ban Bí thư chọn kiểm tra điểm đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong quá trình tiến hành kiểm tra.

- Phối hợp với đảng ủy cơ quan tiến hành kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

b) Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo kế hoạch của ban cán sự đảng, đảng đoàn

Theo báo cáo, có 2 ban cán sự đảng đã sử dụng cơ quan chức năng của bộ, ngành tiến hành kiểm tra đối với một số tổ chức đảng trong hệ thống quản lý (Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn, phóng xạ hạt nhân; Ban Cán sự Đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức, cán bộ).

2.2. Ưu điểm

Ban cán sự đảng, đảng đoàn đã xây dựng quy chế làm việc; phối hợp với đảng ủy cơ quan tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước và tổ chức kiểm tra theo chương trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Một số ban cán sự đảng đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong một số lĩnh vực của bộ, ngành quản lý.

2.3. Khuyết điểm, hạn chế

- Nhìn chung, các ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa quan tâm đúng mức, chưa chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

theo quy định tại điểm 2.4 nêu trên; chủ yếu tập trung xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ.

- Hầu hết các ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo chương trình, kế hoạch hằng năm. Một số ban cán sự đảng khi tiến hành kiểm tra chưa nắm vững quy trình, phương pháp kiểm tra, nội dung kiểm tra còn chung chung, chủ yếu kiểm tra việc triển khai học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng, việc tự kiểm tra theo chương trình của Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa bám sát vào việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của tổ chức đảng, đảng viên nên chất lượng, hiệu quả kiểm tra chưa cao, chưa phát hiện được dấu hiệu vi phạm để ngăn ngừa. Cá biệt có trường hợp sau khi đã tự kiểm tra, nhưng các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra vẫn phát hiện có vi phạm phải xử lý.

- Một số ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa chủ động phối hợp với đảng ủy cơ quan hoặc sử dụng thanh tra chuyên ngành, thanh tra nhân dân để tiến hành công tác kiểm tra. Chưa xây dựng được cơ chế phối hợp với các tổ chức này để tiến hành công tác kiểm tra.

- Một số ban cán sự đảng, đảng đoàn và lãnh đạo cơ quan, đơn vị có biểu hiện chưa tôn trọng vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng trong công tác tổ chức, cán bộ, khi tiến hành quy trình đề bạt, bổ nhiệm cán bộ không lấy ý kiến của cấp ủy mà chỉ tham khảo ý kiến đồng chí bí thư cấp ủy hoặc quyết định rồi mới lấy ý kiến cấp ủy đảng.

- Việc phối hợp giữa ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành với các cấp ủy địa phương chưa tốt, nên một số cán bộ thuộc diện quản lý của bộ, ngành công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương thường chậm phát hiện được sai phạm, khi có

vi phạm chậm được xem xét, xử lý đồng bộ về chính quyền và về Đảng.

2.4. Nguyên nhân

- Nhận thức của các ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa thật đầy đủ về vị trí vai trò, nhiệm vụ công tác kiểm tra theo nội dung quy định tại các Quyết định số 46-QĐ/TW và 48-QĐ/TW, ngày 14-11-1992 của Bộ Chính trị và các văn bản quy định, hướng dẫn khác về công tác kiểm tra.

- Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của ban cán sự đảng, đảng đoàn được ban hành từ năm 1992 nhưng chưa được tổng kết để sửa đổi, bổ sung phù hợp. Ban cán sự đảng, đảng đoàn không có cơ quan giúp việc, hầu hết mỗi đơn vị có một đồng chí cán bộ giúp việc kiêm nhiệm, nên không có điều kiện để tham mưu trong việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng, đảng đoàn nói chung, công tác kiểm tra nói riêng.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chưa chủ động hướng dẫn việc tiến hành kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn. Chưa kịp thời đề xuất Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổng kết hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức này.

3. Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương

3.1. Kết quả thực hiện

- Trong việc thực hiện chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cho mua sắm vật tư, trang thiết bị, tài sản và xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng đất giao cho các dự án..., Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương đã trực tiếp tổ chức kiểm tra đối với 4 tổ chức đảng; các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương kiểm tra 52 cấp ủy cấp trên cơ sở và 428 cấp ủy cơ sở; Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương kiểm tra 17 tổ chức đảng.

- Thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương đã chỉ đạo các cấp ủy đảng trực thuộc xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp triển khai thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, đồng thời phân công đồng chí ủy viên thường vụ đảng ủy theo dõi, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát của đảng bộ và trực tiếp chỉ đạo hoạt động của ủy ban kiểm tra cấp mình; quan tâm kiện toàn tổ chức, bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp trong đảng bộ.

Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương chỉ đạo cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ thực hiện các quyết định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

+ Về công tác kiểm tra:

Tổ chức đảng các cấp thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương đã kiểm tra 5.061 tổ chức đảng và 82.594 đảng viên (có 17.157 cấp ủy viên các cấp), trong đó, Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương trực tiếp kiểm tra 4 tổ chức

đảng và 19 đảng viên. Qua kiểm tra, kết luận 408 đảng viên có vi phạm, trong đó có 22 trường hợp vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 19 trường hợp; 27 tổ chức đảng có vi phạm nhưng chưa đến mức thi hành kỷ luật.

Ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng ủy Quân sự Trung ương đã kiểm tra 1.560 đảng viên và 90 tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm (có 401 cấp ủy viên các cấp); kiểm tra 2.520 tổ chức đảng về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, 1.491 tổ chức đảng về thi hành kỷ luật đảng, 2.798 tổ chức đảng về thu nộp, quản lý, sử dụng đảng phí. Qua kiểm tra, phát hiện 127 tổ chức đảng chưa thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; 46 tổ chức đảng có vi phạm về thu nộp, quản lý, sử dụng đảng phí, nhưng chưa đến mức phải thi hành kỷ luật.

Ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng ủy Công an Trung ương: kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 48 đảng viên (31 cấp ủy viên) và 10 tổ chức đảng, qua kiểm tra kết luận 10 đảng viên, 5 tổ chức đảng có vi phạm, đã thi hành kỷ luật 6 đảng viên và 1 tổ chức đảng; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đối với 167 tổ chức, kiểm tra việc thi hành kỷ luật đảng đối với 155 tổ chức đảng.

+ Về công tác giám sát:

Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương đã tiến hành giám sát theo chuyên đề đối với Ban Thường vụ Đảng ủy Quân khu 3 và Ban Thường vụ Đảng ủy Học viện Quân y; Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Trung ương giám sát

đối với các Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đội Biên phòng, Binh chủng Công binh và Đoàn 969. Một số tổ chức đảng trực thuộc đã làm tốt công tác giám sát, như: Đảng ủy Quân khu 1, Đảng ủy Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng. Nội dung giám sát tập trung chủ yếu vào việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của cấp ủy cấp trên và cấp mình; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ, thực hiện chức trách nhiệm vụ và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

3.2. Ưu điểm

- Hai Đảng ủy Quân sự Trung ương và Công an Trung ương đã nghiêm túc tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết và quy định của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, đã ban hành nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát; chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng. Chấp hành và triển khai tổ chức thực hiện đầy đủ các cuộc kiểm tra theo chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Các cuộc kiểm tra cơ bản được thực hiện theo quy trình, quy định; nội dung kiểm tra bám sát nhiệm vụ chính trị trọng tâm của từng đảng bộ; đã tiến hành triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát.

- Ủy ban kiểm tra và đội ngũ cán bộ kiểm tra đã tham mưu và thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm, góp phần giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, ngăn ngừa sai phạm; tích cực thu hồi những tài sản bị thất thoát.

3.3. Khuyết điểm, hạn chế

- Nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy đảng trực thuộc trong đảng bộ chưa đầy đủ, chưa thực sự coi trọng công tác kiểm tra, giám sát; chưa thực hiện tốt quy chế phối hợp trong kiểm tra, xem xét xử lý một số vụ việc sai phạm có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; việc thực hiện quy trình, phương pháp kiểm tra còn lúng túng.

- Chất lượng kiểm tra và tự kiểm tra theo chương trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn thấp; số tổ chức đảng được kiểm tra còn ít.

- Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương chưa tập trung chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Một số cấp ủy trực thuộc chưa trực tiếp tổ chức các cuộc kiểm tra, mà giao cho ủy ban kiểm tra tổ chức thực hiện, chưa tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định. Việc chỉ đạo, xử lý kỷ luật một số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ còn chậm, có một số trường hợp giải quyết chưa đúng quy định, quy trình, để khiếu nại kéo dài.

3.4. Nguyên nhân

- Một số cấp ủy chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác kiểm tra, giám sát, có biểu hiện né tránh, ngại va chạm,

nhất là kiểm tra, xử lý các vấn đề có liên quan đến những đảng viên là cán bộ lãnh đạo.

- Cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra còn bất cập, đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp còn kiêm nhiệm, năng lực, nghiệp vụ chuyên môn có bộ phận chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chính sách đối với đội ngũ làm công tác kiểm tra chưa được quan tâm đúng mức (về chức vụ, trần quân hàm, phụ cấp nghề, phó chủ nhiệm thường trực ủy ban kiểm tra chưa có cơ cấu trong cấp ủy cùng cấp...); cơ sở vật chất, trang bị phương tiện, kinh phí, đầu tư cho hoạt động công tác kiểm tra, giám sát chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Công tác phối hợp giữa các đảng ủy, tổ chức đảng quân đội và công an với cấp ủy, ủy ban kiểm tra của cấp ủy đảng địa phương trong thực hiện kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

4. Đối với các ban đảng ở Trung ương

4.1. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

Tại điểm 2.3, Điều 30, Hướng dẫn thực hiện các quy định công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, kèm theo Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị, công tác kiểm tra của các ban của cấp ủy được quy định như sau: *Các ban của cấp ủy phối hợp với ủy ban kiểm tra tham mưu, giúp cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra hằng năm thuộc lĩnh vực ban mình phụ trách; tham gia các cuộc kiểm tra của cấp ủy hoặc chủ trì kiểm tra khi được cấp ủy giao; xây dựng chương trình, kế hoạch và chủ động tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới...*

Nội dung kiểm tra là những nội dung liên quan đến chức trách, nhiệm vụ, lĩnh vực công tác của ban mình và những nội dung do cấp ủy giao.

Cách tiến hành là sử dụng bộ máy của ban để kiểm tra hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra...

Năm 2007, cùng với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các ban đảng Trung ương đã phối hợp tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Chương trình số 37-Ctr/TW, ngày 26-3-2007), trực tiếp giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư triển khai các cuộc kiểm tra theo kế hoạch, cụ thể:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu, giúp Ban Bí thư chỉ đạo 11 cuộc kiểm tra, trong đó, Ban Bí thư giao đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm Trưởng Ban Chỉ đạo và chủ trì kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý, sử dụng đất đai đã được cấp cho các dự án tại các Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Bắc Giang, Thanh Hóa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau; Ban Thường vụ Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 thuộc Bộ Quốc phòng; kiểm tra về quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách đối với Ban Cán sự Đảng Đài Truyền hình Việt Nam; kiểm tra việc thực hiện Thông báo kết luận của Ban Bí thư (khóa IX) đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương ngoài việc thực hiện chức năng của cơ quan kiểm tra chuyên trách theo quy định của Điều lệ Đảng, đã giúp Ban Bí thư đánh giá kết quả thực hiện

nhiệm vụ của 7 đoàn kiểm tra về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

- Ban Tuyên giáo Trung ương giúp đồng chí Ủy viên Ban Bí thư chỉ đạo, tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra về việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị (khóa X) về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và Chỉ thị số 118-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IV) về hoạt động của Hội Đông y Việt Nam.

- Ban Dân vận Trung ương giúp đồng chí Ủy viên Ban Bí thư chỉ đạo, tổ chức tiến hành cuộc kiểm tra về việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 6-10-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng.

- Ban Tổ chức Trung ương giúp các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 16-10-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Văn phòng Trung ương Đảng giúp các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 5-8-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, giúp các ban chỉ đạo kiểm tra, tổng hợp kết quả của các cuộc kiểm tra, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ đã phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết số 10, 21, 37 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các vùng Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Lãnh đạo các ban đảng ở Trung ương đã phối hợp với đảng ủy cơ quan tiến hành kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

4.2. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát

Công tác giám sát của các ban của cấp ủy được quy định tại điểm 2.3, Điều 30, Hướng dẫn thực hiện các quy định công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng..., kèm theo Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị: "*Các ban của cấp ủy phối hợp với ủy ban kiểm tra tham mưu, giúp cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm thuộc lĩnh vực ban mình phụ trách; xây dựng chương trình, kế hoạch và chủ động tiến hành giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên...",* trong đó, quy định cụ thể về nội dung giám sát, đối tượng giám sát, phương pháp tiến hành và quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát. Nhưng nhìn chung, các ban đảng Trung ương chưa xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định trên.

4.3. Ưu điểm

- Đã phối hợp với đảng ủy cơ quan tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao nhận thức và hành động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công tác này; phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát và tổ chức kiểm tra theo chương trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lĩnh vực ban mình được phân công phụ trách.

- Các ban đảng ở Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình đã phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu giúp các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư triển khai các cuộc kiểm tra.

4.4. Khuyết điểm, hạn chế

- Nhìn chung các ban đảng ở Trung ương chưa quan tâm, chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định tại điểm 2.3 nêu trên; chủ yếu tập trung vào công tác chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.

- Chưa xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; chủ yếu mới làm chức năng tham mưu tổng hợp phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4.5. Nguyên nhân

- Nhận thức về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các ban đảng ở Trung ương chưa đầy đủ, còn coi công

tác kiểm tra là của ủy ban kiểm tra, nên chưa chủ động tổ chức thực hiện kiểm tra theo quy định.

- Các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát của các ban tham mưu của cấp ủy còn chưa đầy đủ, cụ thể.

III- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG NĂM 2008

1. Phương hướng, nhiệm vụ

Trong những năm tới, để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, giữ gìn đoàn kết, thống nhất thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật đảng; phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, cần tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức trong các tổ chức đảng, trước hết là trách nhiệm của người đứng đầu (bí thư) và của cán bộ kiểm tra chuyên trách. Công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức

đảng ở Trung ương năm 2008 cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả các nhiệm vụ sau:

1) Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng, là chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, do cấp ủy trực tiếp tiến hành. Vì vậy, các cấp ủy, tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương cần tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực để cấp ủy, các tổ chức đảng, đảng viên nhận thức đúng, đầy đủ về các mục tiêu, quan điểm và nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát, trên cơ sở đó, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ, có tính đột phá trong thực hiện nhiệm vụ công tác này.

2) Căn cứ Thông báo kết luận số 136-TB/TW, ngày 25-1-2008 của Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2007, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X của tổ chức mình, các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương cần cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2008 và những năm tiếp theo phù hợp với tình hình của đơn vị và tổ chức chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, đạt kết quả cao.

3) Hằng năm, Ban Bí thư sẽ chủ trì tổng kết đánh giá công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương và chỉ đạo tiến hành nội dung này ở cấp tỉnh, thành phố.

4) Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương, các đảng ủy khối, Đảng ủy Quân sự Trung ương,

Đảng ủy Công an Trung ương chủ động tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; chấp hành nghiêm các yêu cầu, nhiệm vụ khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; nâng cao chất lượng tự kiểm tra theo chương trình kiểm tra năm 2008 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Đối tượng kiểm tra, giám sát tập trung vào những đơn vị có vị trí trọng yếu, cán bộ, đảng viên giữ vị trí quan trọng, cơ mật ở các cấp để chủ động ngăn ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, mất đoàn kết nội bộ, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ tham mưu, nhất là tham mưu chiến lược có đủ bản lĩnh, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về: lĩnh vực tư tưởng chính trị, quản lý báo chí; về chấp hành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; lĩnh vực kinh tế - tài chính; hành chính, tư pháp, công tác tổ chức cán bộ; quản lý và sử dụng đất đai, tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công; mua sắm trang thiết bị, quân trang, quân dụng trong lực lượng vũ trang; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của đảng viên, nhân dân, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh...

Qua kiểm tra, cần xử lý nghiêm minh, kịp thời, đồng bộ về kỷ luật đảng và kỷ luật về chính quyền, kể cả xử lý bằng

pháp luật đối với tổ chức, cá nhân vi phạm, củng cố lòng tin của nhân dân; kiên quyết xử lý nghiêm khắc những nơi để kéo dài, chậm xử lý và khắc phục hậu quả sai phạm. Kịp thời phát hiện, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chủ trương, chính sách cho phù hợp với thực tiễn.

5) Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, giám sát trong Đảng với thanh tra của Nhà nước, thanh tra nhân dân và giám sát của các tổ chức trong hệ thống chính trị và giám sát của nhân dân. Có biện pháp phát huy mạnh mẽ vai trò trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí và quần chúng trong cơ quan, tổ chức mình tham gia giám sát tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên để làm tốt công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

6) Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các tổ chức đảng liên quan, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiến hành tổng kết các Quyết định 46-QĐ/TW, 48-QĐ/TW, ngày 14-11-1992 của Bộ Chính trị về việc thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, đoàn thể ở cấp Trung ương, nghiên cứu bổ sung các quy định và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy cơ quan; đồng thời nghiên cứu việc sắp xếp tổ chức đảng trong các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế và tổ chức bộ máy, biên chế chuyên trách, bán chuyên trách làm công tác kiểm tra; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra và xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác kiểm tra...

để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định trong quý III-2008.

7) Các đảng ủy khối, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương tăng cường chỉ đạo tạo điều kiện để ủy ban kiểm tra các cấp nâng cao hơn nữa chất lượng tham mưu, giúp cấp ủy trong việc ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Căn cứ các quy định, quy chế do Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành để sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế đã ban hành ở cấp mình hoặc ban hành mới cho phù hợp và chỉ đạo, tổ chức thực hiện có kết quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

8) Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan nghiên cứu xây dựng, ban hành, hướng dẫn về nội dung, phương pháp, quy trình thực hiện công tác kiểm tra của đảng đoàn, ban cán sự đảng; quy chế phối hợp công tác kiểm tra giữa ban cán sự đảng, đảng đoàn với đảng ủy các cơ quan Trung ương.

9) Các đảng ủy khối, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương chỉ đạo ủy ban kiểm tra của cấp mình, thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ cấp ủy giao gắn với việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; thực hiện tốt phong trào thi đua lập thành tích chào mừng 60 năm ngày thành lập ngành Kiểm tra Đảng (16-10-1948 - 16-10-2008), góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 2008.

2. Một số giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương

2.1. Giải pháp chung

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và đảng viên, nhất là các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên ở các cơ quan Trung ương (các đồng chí cán bộ lãnh đạo, thành viên các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, đoàn thể, đặc biệt là các đồng chí bí thư ban cán sự đảng, bí thư đảng đoàn, bí thư đảng ủy trực thuộc Trung ương...) về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, tạo sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động đối với công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trong các đảng bộ trực thuộc Trung ương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong đảng bộ mình; quan tâm tạo điều kiện về biên chế, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra; nghiên cứu cơ chế để thu hút cán bộ về làm công tác kiểm tra.

- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ động thực hiện nhiệm vụ theo quy định, xây dựng và tổ chức triển khai các cuộc kiểm tra theo chương trình, kế hoạch, thực hiện đúng quy định về nội dung, đối tượng, phương pháp, quy trình, sau kiểm tra phải có kết luận cụ thể, rõ ràng...; nếu phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo hoặc chuyển tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý. Chủ động phối hợp với đảng ủy cơ quan tiến hành công tác kiểm tra để

góp phần tạo chuyển biến cơ bản về công tác kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn trong năm 2008 và những năm tiếp theo.

- Các ban đảng Trung ương tiếp tục tham mưu, trực tiếp giúp các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư triển khai thực hiện các cuộc kiểm tra được phân công, tổng hợp kết quả để báo cáo theo quy định. Đồng thời, hằng năm phải chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện việc kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

- Xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện tốt quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng, như: giữa các đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Trung ương với các ban đảng Trung ương và ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, đoàn thể, nhất là với các Ban Cán sự Đảng: Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; giữa các đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc, các ban cán sự đảng, đảng đoàn; giữa ban cán sự đảng, đảng đoàn với lãnh đạo bộ, ngành, đoàn thể và đảng ủy cơ quan; sự phối hợp giữa các tổ chức đảng ở Trung ương với cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra các cấp ở các địa phương.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương tăng cường chỉ đạo công tác nghiên cứu, xây dựng các quy định, hướng dẫn cụ thể hóa về quy trình nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, phù hợp với đặc điểm tổ chức bộ máy của từng tổ chức đảng; tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng đối với các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương, trọng tâm là kiểm tra việc

thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương.

- Ủy ban kiểm tra các cấp trong các tổ chức đảng ở Trung ương tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra, quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng, các đoàn thể về thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Chủ động triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thông tin, nhất là những địa bàn có vấn đề phức tạp dễ nảy sinh sai phạm để tham mưu, giúp cấp ủy có giải pháp giải quyết kịp thời.

- Tiếp tục nghiên cứu, quy định thống nhất về tổ chức đảng ở cơ quan Trung ương, hoàn thiện tổ chức bộ máy và cán bộ, thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc cho các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát...; quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý cho công tác kiểm tra, giám sát nói chung, cho hoạt động của đội ngũ cán bộ kiểm tra nói riêng. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn và tính chuyên nghiệp, ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Định kỳ sáu tháng, một năm, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, tổ chức hội nghị trao đổi, rút kinh nghiệm về công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

2.2. Một số giải pháp cụ thể

- Ban Bí thư chỉ đạo thực hiện việc tổng kết, đánh giá về

công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương vào nền nếp theo định kỳ hằng năm. Trên cơ sở đó, chỉ đạo các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng trực thuộc cấp tỉnh, thành phố (các ban tham mưu của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối cơ quan dân chính đảng, đảng ủy quân sự, công an tỉnh, thành phố...).

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi các Quyết định số 46-QĐ/TW và 48-QĐ/TW, ngày 14-11-1992 của Bộ Chính trị về việc thành lập các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương cho phù hợp với tình hình hiện nay. Quy định cụ thể hơn về tổ chức bộ máy (cơ cấu, thành phần tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn), chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động, các mối quan hệ công tác...; quy định về tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu, giúp cho các ban cán sự đảng, đảng đoàn, trong đó có cán bộ giúp việc, tham mưu, tổng hợp về công tác kiểm tra (trên cơ sở sử dụng tổ chức bộ máy, cán bộ của vụ tổ chức - cán bộ, đảng ủy cơ quan, văn phòng của bộ, ngành...).

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn nội dung, đối tượng, phương pháp, quy trình thực hiện công tác kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn... Tổ chức nghiên cứu, quán triệt về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của ban cán sự đảng, đảng đoàn trong đó có trách nhiệm của ban cán sự, đảng đoàn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Chỉ đạo nghiên cứu, bổ sung về cơ cấu tổ chức bộ máy của Ủy ban Kiểm tra của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương theo hướng không phụ thuộc nhiều vào cơ cấu tổ chức, bộ máy của Tổng cục Chính trị của Bộ Quốc phòng và Tổng cục III của Bộ Công an. Quy định rõ hơn cấp hàm tương xứng với nhiệm vụ được giao đối với các đồng chí làm công tác kiểm tra, như chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên kiểm tra chuyên trách các cấp; chế độ phụ cấp nghề cho các đồng chí làm công tác kiểm tra; nghiên cứu tăng thêm số lượng thành viên ủy ban, biên chế cán bộ làm công tác kiểm tra và việc cơ cấu phó chủ nhiệm thường trực ủy ban kiểm tra tham gia cấp ủy cùng cấp trong Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương. Sớm có hướng dẫn cụ thể về biên chế cán bộ chuyên trách công tác đảng, chuyên trách công tác kiểm tra trong các đảng bộ ở cơ quan Trung ương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X); bảo đảm đủ số lượng cán bộ chuyên trách công tác kiểm tra đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng, trình Ban Bí thư đề án về chế độ, chính sách cho cán bộ kiểm tra chuyên trách, kiêm nhiệm (như chế độ đãi ngộ, phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp tái cử, các quy định để bảo vệ cán bộ làm công tác kiểm tra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ); phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu xây dựng

chế độ, thang bảng lương và các phụ cấp ưu đãi nghề của cán bộ kiểm tra thống nhất với các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước (kiểm toán, thanh tra, kiểm sát, tòa án...).

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, quy định thống nhất về một số nội dung còn bất cập, chưa phù hợp trong một số văn bản quy định, hướng dẫn về công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói riêng, như: quy định về việc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật đảng và kỷ luật chính quyền, về thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng, về công tác phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, xét xử trong xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên, về xử lý kỷ luật đảng viên đã nghỉ hưu, chuyển công tác nhưng vi phạm xảy ra trong thời gian còn đang công tác; quy định về sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở có đông đảng viên, sinh hoạt phân tán; quy định về công tác kiểm tra, giám sát của các ban tham mưu của cấp ủy; quy định về những điều đảng viên không được làm và một số điều trong Pháp lệnh cán bộ, công chức có điểm còn bất cập, chưa cụ thể, thiếu tính định lượng; quy định về hệ thống mẫu biểu báo cáo, thống kê, phiếu biểu quyết; về chế độ khen thưởng đột xuất cho cán bộ kiểm tra...

- Quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác kiểm tra. Có chương trình tập huấn về công tác kiểm tra, giám sát cho các thành viên ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy viên, ủy viên ủy ban kiểm tra của các cấp ủy.

- Đưa việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra của tập thể, của các thành viên và nhất là của đồng chí bí thư ban

cán sự đảng, đảng đoàn là một nội dung kiểm điểm, tự phê bình hằng năm.

Trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trên, các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, đảng ủy các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch công tác cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị mình, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 149-QĐ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2008

Về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/TW, ngày 16-1-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh";

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương (số 1694-CV/BTGTW, ngày 10-4-2008),

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", thay đồng chí Phạm Thế Duyệt đã nghỉ hưu.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Huỳnh Đảm và đồng chí Phạm Thế Duyệt chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 150-QĐ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2008

Về việc thay đổi thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 36-QĐ/TW, ngày 17-1-2007 của Ban Bí thư (khóa X) thành lập bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh";

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương (số 1693-CV/BTGTW, ngày 10-4-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Phùng Khắc Đăng, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam làm thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", thay đồng chí Trịnh Đình Thắng đã nghỉ công tác.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Trung ương và Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Phùng Khắc Đăng và đồng chí Trịnh Đình Thắng chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 151-QĐ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2008

Về việc thay đổi thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 36-QĐ/TW, ngày 17-1-2007 của Ban Bí thư (khóa X) thành lập bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh";

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương (số 1693-CV/BTGTW, ngày 10-4-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Lâm Phương Thanh, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", thay đồng chí Lê Mạnh Hùng chuyển công tác khác.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Trung ương và Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Lâm Phương Thanh và đồng chí Lê Mạnh Hùng chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 152-QĐ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2008

Về việc thay đổi thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 36-QĐ/TW, ngày 17-1-2007 của Ban Bí thư (khóa X) thành lập bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh";

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương (số 1693-CV/BTGTW, ngày 10-4-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Nguyễn Tuấn Dũng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam làm thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", thay đồng chí Phạm Hồng Thanh đã nghỉ hưu.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Trung ương và Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Nguyễn Tuấn Dũng và đồng chí Phạm Hồng Thanh chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 153-QĐ/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Tuyên giáo Trung ương với ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các cơ quan liên quan

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các cơ quan liên quan;
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Tuyên giáo Trung ương với ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các cơ quan liên quan.

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG VỚI BAN CÁN SỰ ĐẢNG, ĐẢNG ĐOÀN CÁC BỘ, NGÀNH, CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THUỘC LĨNH VỰC TUYÊN GIÁO VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 153-QĐ/TW, ngày 21-4-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định các mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ban Tuyên giáo Trung ương với ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các cơ quan liên quan; trách nhiệm của các cơ quan trong quan hệ phối hợp.

Điều 2. Mục đích của phối hợp công tác

1. Củng cố, tăng cường công tác tuyên giáo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng, tuyên truyền chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự thống nhất về chính trị, tư tưởng trong Đảng và trong toàn xã hội.

2. Tăng cường và nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện nhiệm vụ về các lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, văn hóa, văn nghệ, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, môi trường, các vấn đề xã hội và các nhiệm vụ khác của công tác tuyên giáo, phục vụ tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Nâng cao hiệu quả công tác tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương thuộc lĩnh vực tuyên giáo.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Phối hợp trên cơ sở các quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các văn bản thỏa thuận giữa lãnh đạo các cơ quan.

2. Mỗi quan hệ phối hợp trong từng lĩnh vực đều phải xác định rõ cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính và các cơ quan tham gia; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong quan hệ phối hợp.

3. Mỗi cơ quan đều phải tích cực, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của mình, hỗ trợ, hợp tác tốt với các cơ quan khác trong quan hệ phối hợp.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 4. Phối hợp trong công tác lý luận

1. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Viện Khoa học xã hội Việt Nam và các cơ quan nghiên cứu lý luận, thông tin, tuyên truyền về lý luận (Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam...) thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, giáo dục, tuyên truyền lý luận, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thống nhất chủ trương và biện pháp đấu tranh chống các quan điểm sai trái và âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân tộc", "dân chủ", "nhân quyền", "tự do tôn giáo", "tự do báo chí" của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị hòng làm thay đổi chế độ chính trị nước ta. Thường xuyên thông báo cho nhau kết quả nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục lý luận, bàn kế hoạch, cơ chế phối hợp công tác trong lĩnh vực này.

2. Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển lý luận đáp ứng yêu cầu mới.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo nội dung tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm chỉ đạo nội dung, chương trình giảng dạy lý luận chính trị, kiến thức quản lý hành chính nhà nước ở trường chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các ngành, đoàn thể ở Trung ương. Ban Tuyên giáo Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo nội dung, chương trình đối với các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và đảng ủy khối trực thuộc Trung ương. Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo nội dung, chương trình giáo dục phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học, sau đại học.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan kiểm tra về nội dung chính trị, tư tưởng trong giảng dạy lý luận chính trị thuộc hệ thống trường chính trị, hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống các trường thuộc các ngành, đoàn thể; chỉ đạo định hướng về đổi mới việc giảng dạy, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức công dân cho học sinh, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân ở các cấp học.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan tổ chức nghiên cứu, quán triệt và chỉ đạo các

cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương tuyên truyền nghị quyết của Đảng.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận... theo phân cấp của Trung ương.

Điều 5. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, nghiên cứu dư luận xã hội và thông tin đối ngoại

1. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan báo, đài của Trung ương để tuyên truyền sâu rộng và thiết thực các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các sự kiện nổi bật về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong nước và quốc tế; hướng dẫn kỷ niệm các ngày lễ lớn, các ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước bảo đảm đổi mới về nội dung và hình thức. Đồng thời, phát huy có hiệu quả phương thức tuyên truyền miệng của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ Trung ương đến cơ sở.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các đoàn thể chính trị - xã hội nghiên cứu thực trạng tình hình tư tưởng, dư luận trong Đảng và trong xã hội để tham mưu, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao,

Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan hữu quan mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền thông tin đối ngoại để chính phủ, nhân dân các nước, đồng bào ta đang sinh sống ở nước ngoài hiểu đúng tình hình Việt Nam, không để các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc tình hình đất nước, bôi nhọ Đảng, Nhà nước ta; tạo sự gắn bó của đồng bào sinh sống ở nước ngoài với đất nước, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của chính phủ và nhân dân các nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 6. Phối hợp trong công tác báo chí, xuất bản

1. Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức hệ thống báo chí, xuất bản trong cả nước.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chịu trách nhiệm định hướng về chính trị, tư tưởng trong hoạt động báo chí, xuất bản; theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong hoạt động báo chí, xuất bản.

3. Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam tổ chức giao ban báo chí hằng tuần và giao ban lãnh đạo các cơ quan chủ quản báo chí, xuất bản hằng quý; tham gia chỉ đạo, giám sát cơ quan chủ quản báo chí, xuất bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức tổng biên tập, phó tổng biên tập, giám đốc, phó giám đốc các cơ quan báo chí, xuất bản theo quy định

hiện hành; chịu trách nhiệm về việc cấp phép, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí, xuất bản sau khi trao đổi thống nhất ý kiến với Ban Tuyên giáo Trung ương.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương là cơ quan đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo thông tin những vấn đề nhạy cảm, phức tạp về đối nội, đối ngoại trên báo chí. Thông tấn xã Việt Nam là cơ quan phát ngôn các thông tin chính thức về hoạt động của Đảng và Nhà nước; bác bỏ những thông tin sai trái, xuyên tạc, thù địch.

5. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí, xuất bản.

6. Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và Đảng đoàn Hội Xuất bản Việt Nam trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề xuất chính sách, chế độ đối với các cơ quan báo chí, xuất bản.

Điều 7. Phối hợp trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ

1. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các cơ quan chức năng xây dựng các đề án tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo định hướng chính trị, tư tưởng và phối hợp hướng dẫn,

kiểm tra, định hướng tuyên truyền trong hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật.

3. Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các hội chuyên ngành biểu dương, khen thưởng những tác giả, tác phẩm xuất sắc, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp đổi mới, đồng thời phối hợp thẩm định nội dung chính trị, tư tưởng, kịp thời xử lý những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, những khuynh hướng lệch lạc trong sáng tác, biểu diễn và truyền bá văn hóa, văn nghệ.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì hoặc phối hợp cùng các cơ quan chức năng xây dựng các chương trình, đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề liên quan đến chỉ đạo hoạt động, tổ chức bộ máy, nhân sự của các hội văn học, nghệ thuật theo Quyết định số 80-QĐ/TW, ngày 28-8-2007 của Bộ Chính trị (khóa X).

Điều 8. Phối hợp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường

1. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các Ban Cán sự Đảng: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam và một số cơ quan liên quan tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng các nghị quyết, chỉ thị về khoa học, công nghệ và môi trường; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương thẩm định về quan điểm chính trị, tư tưởng các đề án, văn bản của các cơ quan khoa học, công nghệ và môi trường, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương có ý kiến về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ thuộc diện Ban Bí thư quản lý trong lĩnh vực này.

Điều 9. Phối hợp trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề

1. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các Ban Cán sự Đảng: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ... tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng các nghị quyết, chỉ thị về giáo dục, đào tạo, dạy nghề; hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương thẩm định về quan điểm chính trị, tư tưởng các đề án, văn bản của ban cán sự đảng các bộ, ngành về các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương có ý kiến về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị và Ban Bí thư quản lý trong lĩnh vực này.

Điều 10. Phối hợp trong lĩnh vực các vấn đề xã hội

1. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các Ban Cán sự Đảng: Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường

và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng các nghị quyết, chỉ thị về các vấn đề xã hội; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương thẩm định về quan điểm chính trị, tư tưởng các đề án, văn bản của ban cán sự đảng của các bộ, ngành về các vấn đề xã hội trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương có ý kiến về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ thuộc diện Ban Bí thư quản lý trong lĩnh vực này.

Chương III

PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP

Điều 11. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch giao ban định kỳ sáu tháng một lần hoặc đột xuất với ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các cơ quan liên quan để thông báo tình hình, chỉ đạo giải quyết kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ công tác tuyên giáo.

Điều 12. Cơ quan chủ trì chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức sự phối hợp với các cơ quan có liên quan. Các cơ quan tham gia phối hợp nêu cao ý thức trách nhiệm, thể hiện rõ quan điểm về những vấn đề đặt ra.

Điều 13. Đại diện Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương tham dự các buổi làm việc của lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương với

ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo để nắm tình hình và phối hợp về công tác xây dựng Đảng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13[1]**.** Ban Tuyên giáo Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề mới nảy sinh, Ban Tuyên giáo Trung ương cùng với ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành và các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo trao đổi để thống nhất trình Ban Bí thư bổ sung cho phù hợp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1. Văn bản gốc lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng có ghi hai lần "Điều 13". Chúng tôi giữ nguyên như văn bản gốc (*B.T).*

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 154-QĐ/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2008

Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 17-10-2000 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Căn cứ Quyết định số 06-QĐ/TW, ngày 19-6-2006 của Ban Bí thư về việc ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010;

- Căn cứ Thông báo số 106-TB/TW, ngày 5-11-2007 của Ban Bí thư về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng Trung ương; Quyết định số 622-QĐNS/TW, ngày 6-11-2007 và Quyết định số 629-QĐNS/TW, ngày 9-11-2007 của Ban Bí thư về nhân sự Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng; kết luận của Ban Bí thư tại cuộc họp ngày 27-2-2008;

- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng (văn bản kèm theo).

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với các quy định trong Quy chế này đều không còn hiệu lực.

Điều 3. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CƠ QUAN ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 154-QĐ/TW, ngày 21-4-2008)

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Điều 1. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng có chức năng giúp Ban Bí thư chỉ đạo việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng, chỉ đạo việc thực hiện các đề án tin học hóa hoạt động của cơ quan đảng và góp phần tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề liên quan đến chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của đất nước.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng có các nhiệm vụ sau đây:

1. Chỉ đạo việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng theo chủ trương, chính sách và các quy định chung của Nhà nước.

2. Chỉ đạo việc thực hiện Đề án tin học hóa hoạt động của cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010 đã được Ban Bí thư phê duyệt (Đề án 06):

a) Chỉ đạo việc xây dựng và điều chỉnh các dự án; xem xét, phê duyệt các dự án về mặt khoa học và công nghệ.

b) Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng, văn phòng các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan chức năng nhà nước có liên quan để tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí các dự án thuộc Đề án 06 của các cơ quan đảng ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy theo đúng các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

c) Chỉ đạo việc tổ chức bồi dưỡng, đào tạo phổ cập và nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống cơ quan đảng.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan chỉ đạo việc hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ kỹ thuật đối với các cơ quan đảng ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy.

đ) Chỉ đạo việc hướng dẫn, bồi dưỡng và phối hợp các bộ phận liên quan đến chỉ đạo, quản lý công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng.

e) Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết.

3. Phối hợp với các ban đảng và các bộ, ngành liên quan tổ chức quán triệt, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị; góp phần tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề liên quan đến định hướng chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của đất nước.

II- QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC

Điều 3. Về quan hệ công tác

1. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng giúp đồng chí Thường trực Ban Bí thư chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng; chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án tin học hóa hoạt động của cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010; thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến chiến lược phát triển công nghệ thông tin của đất nước do Ban Bí thư, Bộ Chính trị giao; định kỳ hằng quý và đột xuất, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Thường trực Ban Bí thư và báo cáo xin ý kiến các đồng chí trong Ban Bí thư được phân công theo dõi về công nghệ thông tin.

2. Kết hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan nghiên cứu, kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước về các giải pháp, chính sách nhằm giải quyết các vấn đề trong hệ thống cơ quan đảng và những vấn đề chung có liên quan tới trao đổi thông tin, an ninh thông tin, tích hợp hệ thống các hệ thống thông tin phục vụ sự điều hành, quản lý của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) trên phạm vi toàn quốc.

3. Các cơ quan đảng chịu sự hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, đôn đốc của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng trong việc triển khai các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng, thực hiện Đề án 06; có trách nhiệm báo cáo về Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng định kỳ sáu tháng,

hằng năm hoặc khi có yêu cầu của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng.

4. Các cơ quan và bộ phận liên quan đến chỉ đạo và quản lý công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng.

5. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng thông qua các thành viên Ban Chỉ đạo đại diện cho các ban và cơ quan Trung ương để phối hợp triển khai các nội dung công tác liên quan đã được Ban Bí thư phân công cho từng cơ quan chủ trì theo vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đó trong việc tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng.

Điều 4. Về lề lối làm việc và phân định trách nhiệm trong Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng quyết định tập thể theo đa số các việc sau:

a) Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án 06 và kế hoạch kinh phí cho cả giai đoạn cũng như từng năm.

b) Quy định liên quan đến cả hệ thống (kỹ thuật, đào tạo nghiệp vụ, tài chính...).

c) Các giải pháp mới, chung cho cả hệ thống về công nghệ, về an toàn và bảo mật thông tin, về các phần mềm và cơ sở dữ liệu dùng chung, về kế hoạch và chương trình đào tạo cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, về tích hợp hệ thống thông tin của Đảng và Nhà nước.

d) Báo cáo tổng kết hằng năm của Ban Chỉ đạo.

đ) Các vấn đề về tổ chức bộ máy và về cơ cấu, tiêu chuẩn đội ngũ cán bộ của Ban Chỉ đạo và Ban Thư ký.

e) Những vấn đề cần xin chủ trương và ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư.

2. Trưởng ban phụ trách chung chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về toàn bộ công việc của Ban Chỉ đạo.

3. Phó trưởng ban thường trực chuyên trách có nhiệm vụ giúp đồng chí Trưởng ban xử lý công việc hằng ngày; chỉ đạo chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; tổ chức thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo; tổ chức công tác hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy và cơ quan đảng triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện Đề án 06; thay mặt Trưởng ban ký các văn bản của Ban; trực tiếp phụ trách Ban Thư ký và Văn phòng Ban Chỉ đạo; thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công; cùng với Trưởng Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về toàn bộ hoạt động của Ban Chỉ đạo.

4. Các ủy viên Ban Chỉ đạo cho ý kiến, tham gia quyết định tập thể và cùng chịu trách nhiệm về các công việc chung của Ban Chỉ đạo nêu tại Điều 4, mục 1; chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng và cơ quan chủ quản về kết quả chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công việc cụ thể do Ban Chỉ đạo phân công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mà ủy viên đó đại diện. Cụ thể:

a) Ủy viên, đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, phụ trách về công nghệ thông tin của Văn phòng Trung ương Đảng, chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn: tổ chức thực hiện các dự án do Văn phòng Trung ương Đảng là chủ đầu tư thuộc Đề án 06; Quy chế về trao đổi thông tin điện tử giữa các cơ quan đảng và các cơ quan thuộc

hệ thống chính trị; Quy chế về hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp; Quy chế về triển khai hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng; Quy chế về quản lý các cơ sở dữ liệu Văn kiện Đảng, Mục lục hồ sơ lưu trữ và các kho lưu trữ điện tử của Đảng và về quản lý mạng thông tin diện rộng của Đảng.

b) Ủy viên, đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, phụ trách về tài chính đảng chịu trách nhiệm về kế hoạch, cấp phát và thanh quyết toán vốn thực hiện Đề án theo phân kỳ hằng năm theo đúng yêu cầu, tiến độ của Đề án 06 và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý tài chính. Chủ trì việc xây dựng Quy chế quản lý tài chính của Đề án tin học hóa hoạt động của cơ quan đảng.

c) Ủy viên, đại diện Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng, tham mưu cho Ban Tổ chức Trung ương về các vấn đề tổ chức, chính sách cán bộ và nhân lực có liên quan tới việc thực hiện Đề án 06; chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức thực hiện các dự án thuộc Đề án 06 do Ban Tổ chức Trung ương là chủ đầu tư, đặc biệt là dự án xây dựng và tổ chức triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành công tác tổ chức - cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ trong toàn bộ hệ thống các ban tổ chức của Đảng, trong đó có việc giúp lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương tổ chức cập nhật, khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu đảng viên.

d) Ủy viên, đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương chịu trách nhiệm về các vấn đề nâng cao nhận thức, huấn luyện, bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho các ban chỉ đạo

công nghệ thông tin thuộc hệ thống các cơ quan đảng; đồng thời chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức thực hiện các dự án thuộc Đề án 06 do Ban Tuyên giáo Trung ương là chủ đầu tư, đặc biệt là dự án xây dựng và tổ chức triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành công tác tuyên giáo trong toàn bộ hệ thống các ban tuyên giáo của Đảng.

đ) Các ủy viên, đại diện lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức thực hiện các dự án thuộc Đề án 06 do cơ quan mình là chủ đầu tư, đặc biệt là dự án xây dựng và triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành hoặc cơ sở dữ liệu dùng chung.

e) Ủy viên, đại diện lãnh đạo Ban Cơ yếu Chính phủ chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức thực hiện dự án xây dựng hệ thống xác thực điện tử thuộc Đề án 06, đồng thời tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo phối hợp với ngành cơ yếu giải quyết các vấn đề liên quan tới an toàn mạng, bảo mật thông tin điện tử trong hệ thống các cơ quan đảng.

g) Ủy viên, đại diện lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo phối hợp với ngành thông tin và truyền thông triển khai các hoạt động liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, bao gồm: giải quyết các vấn đề về bảo đảm chất lượng đường truyền và giá cước viễn thông hợp lý, bảo đảm thống nhất các kiến trúc tổng thể, chuẩn công nghệ, chuẩn thông tin, các chế độ, chính sách thúc đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong các cơ quan đảng, nhà nước.

5. Các ủy viên Ban Chỉ đạo được sử dụng bộ máy và nguồn lực của cơ quan mà ủy viên đó đại diện để thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Ban Bí thư giao và Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng phân công.

6. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng định kỳ mỗi tháng họp một lần và họp đột xuất khi cần thiết.

7. Khi cần thiết, Thường trực Ban Chỉ đạo có thể xin ý kiến của các ủy viên bằng văn bản, bằng phiếu hoặc qua thư điện tử.

III- TỔ CHỨC BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 5. Về bộ máy giúp việc

Ban Thư ký là cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban Thư ký có Trưởng ban, các Phó trưởng ban và các ủy viên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Khi cần thiết, Ban Thư ký được mời các chuyên gia, tư vấn và các cộng tác viên.

Văn phòng Ban Chỉ đạo gồm các thành viên chuyên trách của Ban Thư ký và một số chuyên viên, nhân viên.

Điều 6. Về bảo đảm điều kiện làm việc và công tác cán bộ

1. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng có con dấu và tài khoản riêng để phục vụ các hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo; được bảo đảm điều kiện và phương tiện làm việc bằng ngân sách nhà nước; được cung cấp các

thông tin cần thiết theo quy định chung đối với các ban Trung ương Đảng.

2. Đồng chí Phó trưởng ban thường trực và các cán bộ, chuyên viên Văn phòng Ban Chỉ đạo thuộc biên chế của Văn phòng Trung ương Đảng.

3. Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện chính sách tiền lương, chính sách cán bộ, bảo đảm điều kiện và phương tiện làm việc đối với đồng chí Phó trưởng ban thường trực và Văn phòng Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 150-TB/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2008

Về việc tổ chức kỷ niệm 190 năm ngày sinh Các Mác (5-5-1818 - 5-5-2008)

Các Mác là người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, nhà cách mạng vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong hơn 20 năm đổi mới đất nước. Do đó, kỷ niệm 190 năm ngày sinh Các Mác (5-5-1818 - 5-5-2008) là việc có ý nghĩa to lớn, cần được tổ chức trọng thể.

1. Mục đích, yêu cầu

- Thông qua các hoạt động kỷ niệm nhằm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân,

toàn quân, nhất là trong cán bộ, đảng viên và đoàn viên, thanh niên về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Các Mác; nêu bật tính cách mạng, tính khoa học và giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Đảng ta vào Việt Nam.

- Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và xã hội ta; tính đúng đắn và sự kiên định con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn; kiên quyết đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và tổng kết thực tiễn nhằm làm sáng tỏ nhận thức, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; làm rõ những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, những vấn đề cần bổ sung và phát triển cho phù hợp với thực tiễn đất nước và thời đại.

2. Nội dung và hình thức tổ chức kỷ niệm

- Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể các cấp, các ngành, các địa phương, bằng nhiều hình thức phong phú tăng cường công tác giáo dục chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản khoa học cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên; bồi dưỡng nâng cao tinh thần cách mạng, kết hợp lý luận với thực tiễn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta

để thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn đề cương tuyên truyền về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Các Mác, phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo, đài định hướng tuyên truyền, mở chuyên trang, chuyên mục đăng các bài nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Các Mác, tổ chức tọa đàm về những cống hiến của Các Mác đối với lịch sử nhân loại.

- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với thành phố Hà Nội tổ chức lễ míttinh, mời đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các ban, bộ, ngành, thành phố Hà Nội dự; chủ trì, phối hợp với Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học về giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Các cơ quan nghiên cứu, các trường chính trị, các trường đại học, tùy điều kiện cụ thể tổ chức hội thảo, tọa đàm về cuộc đời, sự nghiệp vĩ đại của Các Mác; khẳng định tính cách mạng, tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam hiện nay.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các hình thức tuyên truyền, cổ động, triển lãm sinh động, hấp dẫn về cuộc đời và sự nghiệp của Các Mác.

- Ngân sách nhà nước các cấp bảo đảm kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm.

Giao Ban Tuyên giáo Trung ương giúp Ban Bí thư hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông báo này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 151-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 2008

Về việc điều chỉnh một số điểm có liên quan tới mục tiêu, nội dung và tiến độ thực hiện của Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010

Tại phiên họp ngày 27-2-2008, xem xét Tờ trình số 06-TTr/CNTT, ngày 4-2-2008 của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng về việc xin điều chỉnh một số điểm có liên quan tới mục tiêu, nội dung và tiến độ thực hiện của Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

Ngày 19-6-2006, Ban Bí thư đã ra Quyết định số 06-QĐ/TW về việc ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng, giai đoạn 2006 - 2010 (gọi tắt là Đề án 06). Thực hiện Quyết định số 06-QĐ/TW của Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng cùng với các cơ quan liên quan đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Đề án 06, tổng kết Đề án 47.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, có một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến việc thực hiện Đề án 06, đó là:

1. Thời gian thực hiện Đề án 06 bị chậm hai năm do có sự thay đổi về tổ chức các cơ quan đảng ở Trung ương sau Hội nghị Trung ương 4, các dự án của Đề án 06 cần được xác định và điều chỉnh lại cho phù hợp với yêu cầu và tổ chức bộ máy mới.

2. Một số điều kiện cần thiết cho việc thực hiện Đề án đúng mục tiêu, yêu cầu, tiến độ đề ra chưa theo kịp

Các dự án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước, các dự án tin học hóa hoạt động của Quốc hội, dự án xây dựng mạng truyền số liệu chuyên dụng của các cơ quan đảng và nhà nước, việc bảo đảm cấp kinh phí cho các dự án thuộc Đề án 06... không theo kịp tiến độ dẫn đến một số chỉ tiêu đề ra của Đề án 06 không phù hợp cho giai đoạn đến năm 2010, như: tích hợp các hệ thống thông tin của Đảng với các hệ thống thông tin của Chính phủ, Quốc hội, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở dữ liệu quốc gia; kết nối mạng diện rộng tốc độ cao tới xã, phường, kết nối trực tuyến các mạng LAN với internet.

Một số chỉ tiêu về đường truyền số liệu tốc độ cao, về trang bị máy tính và kết nối đến cấp xã, phường và triển khai hệ thống xác thực điện tử, kết nối mạng của Đảng và Nhà nước... dự kiến thông qua đầu tư từ Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước chưa thực hiện được. Nhiều địa phương không có đối ứng kinh phí để bổ sung máy tính cho các ban đảng tỉnh, đặc biệt là các huyện ủy, thị ủy, nên việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin ở các cấp ủy, nhất là ở cấp huyện ủy chưa đồng bộ, chưa hiệu quả.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, thay đổi thói quen và lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ (đặc biệt là của các cán bộ lãnh đạo) trong các cơ quan đảng là một vấn đề lâu dài, cần có sự chỉ đạo trực tiếp, thống nhất của Ban Bí thư và sự nỗ lực của tất cả các cấp ủy đảng, chứ không chỉ phụ thuộc vào việc tin học hóa.

3. Đề án 06 cần tiếp tục thực hiện một số chỉ tiêu, nhiệm vụ còn lại của Đề án 47

Do kinh phí Đề án 47 cấp chậm, việc giải ngân nguồn vốn đầu tư phát triển đợt cuối và nguồn vốn sự nghiệp của Đề án 47 kéo dài đến hết năm 2007. Một số đơn vị chưa hoàn thành báo cáo quyết toán toàn bộ dự án thuộc Đề án 47 theo dự kiến dẫn đến việc chưa thể hoàn thành báo cáo tổng hợp quyết toán toàn bộ Đề án 47.

4. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần được định hướng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng, nhưng đến nay vẫn chưa có hướng dẫn việc xây dựng và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của tổ chức, đoàn thể.

Từ những lý do khách quan nêu trên và từ thực tiễn tổ chức triển khai thực hiện Đề án 06, Ban Bí thư đồng ý với nội dung Tờ trình của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng về việc đề nghị điều chỉnh một số điểm có liên quan tới mục tiêu, nội dung và tiến độ thực hiện của Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010 với một số nội dung chính như sau:

a) Về mục tiêu

Điều chỉnh lại mục tiêu chung như sau: "Đến năm 2011, tiếp tục xây dựng và đưa vào sử dụng một cách hiệu quả các

hệ thống thông tin điện tử đã được xây dựng của Đảng trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại nhằm góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả, chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của các cấp ủy và cơ quan đảng".

Điều chỉnh lại mục tiêu 1 như sau: "1) Nâng cấp và mở rộng mạng thông tin diện rộng của Đảng tới ít nhất 50% đảng ủy xã, phường trong cả nước, từng bước kết nối với mạng của Nhà nước, với đường truyền chuyên dụng tốc độ cao, dung lượng lớn và giá cước hợp lý; hoàn thiện các mạng LAN trong các cơ quan đảng và các trung tâm tích hợp dữ liệu, ưu tiên bổ sung, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đến cấp huyện, nhất là các huyện miền núi, các huyện khó khăn. Bảo đảm việc kết nối các mạng LAN của các cơ quan đảng với mạng internet an toàn, hiệu quả. Triển khai các giải pháp chứng thực điện tử và chữ ký điện tử, bảo mật thông tin, giải pháp về an ninh, an toàn mạng, bảo đảm cho việc áp dụng một cách an toàn và phổ biến giao dịch điện tử trên mạng thông tin diện rộng của các cơ quan đảng".

Điều chỉnh lại mục tiêu 2 như sau: "2) Hoàn thành việc xây dựng các phần mềm cơ bản và tiếp tục cập nhật các cơ sở dữ liệu cho hệ thống thông tin điện tử của Đảng, bao gồm một hệ thống các cơ sở dữ liệu dùng chung của Đảng, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tạo điều kiện về hạ tầng và năng lực sử dụng công nghệ cho bước chuyển trong lề lối làm việc trên cơ sở áp dụng thống nhất hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, sử dụng phổ biến các thông tin, tài liệu điện tử, phát triển các hình thức làm việc từ xa: hội nghị từ xa, văn phòng điện tử, đào tạo từ xa, giảm đáng

kể giấy tờ, giảm bớt các cuộc họp tập trung và thời gian hội họp, cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin cho lãnh đạo Đảng các cấp.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, đồng thời bổ sung chức năng cổng giao tiếp điện tử của Đảng, thiết lập một kênh thông tin trên cổng giao tiếp điện tử để nhân dân góp ý xây dựng Đảng, cho Website Đảng Cộng sản Việt Nam. Các cơ quan Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy có các trang tin điện tử liên kết với cổng thông tin điện tử của Đảng là Website Đảng Cộng sản Việt Nam".

Điều chỉnh lại mục tiêu 4 như sau: "4) Hầu hết các cán bộ, chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ có liên quan tới xử lý thông tin trong các cơ quan đảng đều có máy tính và sử dụng máy tính, mạng máy tính để làm việc với các hệ thống thông tin điện tử theo chức năng, nhiệm vụ được giao".

b) Về nội dung

Đối với các dự án nhóm 1:

Điều chỉnh gộp các dự án nâng cấp, mở rộng, bảo đảm an toàn an ninh mạng, triển khai các ứng dụng và phần mềm dùng chung của các cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Nội chính Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương trước đây thành một dự án "Nâng cấp, mở rộng, bảo đảm an toàn an ninh mạng, triển khai các ứng dụng và phần mềm dùng chung của Văn phòng Trung ương Đảng".

Điều chỉnh gộp các dự án nâng cấp, mở rộng, bảo đảm an toàn an ninh mạng, triển khai các ứng dụng và phần mềm dùng chung của các cơ quan Ban Tổ chức Trung ương,

Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương trước đây thành một dự án "Nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm an toàn an ninh mạng, triển khai các ứng dụng và phần mềm dùng chung của Ban Tổ chức Trung ương".

Điều chỉnh gộp các dự án nâng cấp, mở rộng, bảo đảm an toàn an ninh mạng, triển khai các ứng dụng và phần mềm dùng chung của các cơ quan Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam trước đây thành một dự án "Nâng cấp, mở rộng, bảo đảm an toàn an ninh mạng, triển khai các ứng dụng và phần mềm dùng chung của Ban Tuyên giáo Trung ương".

Điều chỉnh mỗi cơ quan và đảng ủy khối trực thuộc Trung ương xây dựng một dự án "Nâng cấp, mở rộng, bảo đảm an toàn an ninh mạng, triển khai các ứng dụng và phần mềm dùng chung của cơ quan".

Đối với các dự án nhóm 2:

Điều chỉnh gộp các dự án xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành tổ chức - cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ thành một dự án "Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành tổ chức xây dựng Đảng" do Ban Tổ chức Trung ương là chủ đầu tư.

Điều chỉnh gộp các dự án xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành tư tưởng - văn hóa, tuyên giáo và dự án nâng cấp Website Đảng Cộng sản Việt Nam thành một dự án "Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành tuyên giáo" do Ban Tuyên giáo Trung ương là chủ đầu tư.

Điều chỉnh ngừng triển khai xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành nội chính, kinh tế - xã hội và dự án xây dựng hệ thống thông tin quản lý trực tuyến tài chính -

tài sản toàn Đảng do các cơ quan chủ đề án đã sáp nhập vào Văn phòng Trung ương Đảng.

Đồng ý cần có định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đến cấp tỉnh phù hợp với định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng. Theo tinh thần đó, các đảng đoàn trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội khẩn trương xây dựng các dự án, trình Chính phủ phê duyệt để thực hiện việc kết nối mạng và trao đổi thông tin giữa các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan đảng.

c) Về tiến độ

Điều chỉnh tiến độ thực hiện Đề án 06 đến hết năm 2011, kéo dài thêm một năm so với dự kiến để khắc phục việc chậm tiến độ vừa qua và phù hợp với nhiệm kỳ đại hội Đảng.

Thông báo để các cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan liên quan thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 155-QĐ/TW, ngày 23 tháng 4 năm 2008

Ban hành Quy định về sự phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan Đảng, Nhà nước trong công tác chỉ đạo, quản lý báo chí

- Căn cứ Điều lệ Đảng; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới; Thông báo kết luận số 41-TB/TW và Thông báo kết luận số 68-TB/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về một số biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí;

- Căn cứ Luật báo chí (1989) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật báo chí (1999);

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về sự phối hợp giữa Ban

Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan của Đảng, Nhà nước trong việc phối hợp chỉ đạo, quản lý công tác báo chí (kèm theo).

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
VỀ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG, BAN CÁN SỰ ĐẢNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, ĐẢNG ĐOÀN HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM VÀ CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ BÁO CHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 155-QĐ/TW, ngày 23-4-2008)

Điều 1. Nguyên tắc phối hợp

1. Phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể, các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan chủ quản báo chí theo nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia.

2. Phối hợp trên tinh thần đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo điều kiện để các bên tham gia hoàn thành tốt nhiệm vụ chung cũng như nhiệm vụ của từng đơn vị (ban, bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan chủ quản); góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý báo chí.

Điều 2. Các công việc chính và cơ chế phối hợp

1. Tham mưu xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng về công tác báo chí

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể; cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan chủ quản báo chí.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy.

- Cơ quan phối hợp: đảng ủy sở thông tin và truyền thông, cấp ủy hội nhà báo, các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, thành phố; các cơ quan chủ quản báo chí ở tỉnh, thành phố.

Nội dung: tham mưu xây dựng chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cấp ủy đảng về định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí; định hướng phát triển báo chí; công tác cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí, công tác xây dựng Đảng; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong cơ quan báo chí.

2. Tham mưu xây dựng pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển báo chí

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ban, ngành, đoàn thể; cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan chủ quản báo chí.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (đảng ủy sở thông tin và truyền thông là cơ quan được ủy quyền).

- Cơ quan phối hợp: ban tuyên giáo, cấp ủy hội nhà báo tỉnh, thành phố.

Nội dung: tham mưu xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh pháp luật, chính sách về báo chí; chiến lược và quy hoạch phát triển báo chí cho nhiều năm; cấp phép hoặc thu hồi giấy phép hoạt động báo chí (có sự tham gia của cơ quan chủ quản và Ban Tuyên giáo Trung ương); kiểm tra, thanh tra, xử lý các cơ quan báo chí và nhà báo vi phạm các quy định của pháp luật.

3. Tham mưu xây dựng và thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước về hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ban, ngành, đoàn thể; cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan chủ quản báo chí.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: cấp ủy hội nhà báo tỉnh, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, cấp ủy các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan chủ quản báo chí và tổ chức đảng cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố.

Nội dung: tham mưu xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Hội Nhà báo, quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ các cấp hội và hội viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; coi trọng việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho hội viên.

Điều 3. Tổ chức giao ban báo chí hằng tuần

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam; có sự tham gia của đại diện một số ban, bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan chủ quản báo chí.

b) Ở địa phương

Tùy theo điều kiện cụ thể, cơ quan chủ trì có thể là ban tuyên giáo hoặc sở thông tin và truyền thông; cơ quan phối hợp là hội nhà báo, các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan chủ quản và các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố.

- Nội dung:

+ Ban Tuyên giáo Trung ương (ở địa phương là ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy) nhận xét, đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền; nhận xét, định hướng về chính trị, tư tưởng trong nội dung thông tin của báo chí; lưu ý những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong thông tin, tuyên truyền.

+ Bộ Thông tin và Truyền thông (ở địa phương là sở thông tin và truyền thông) nhận xét, đánh giá nội dung thông tin trên báo, đài dưới góc độ quản lý nhà nước; lưu ý, nhắc nhở, xử lý các cơ quan báo chí vi phạm pháp luật trong hoạt động báo chí.

+ Hội Nhà báo Việt Nam (ở địa phương là hội nhà báo tỉnh, thành phố) tùy điều kiện cụ thể, phát biểu ý kiến về công tác phối hợp quản lý báo chí và một số hoạt động nổi bật của hội; về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho hội viên; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; phê bình, xử lý những sai phạm của tổ chức hội và hội viên.

+ Các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, theo yêu cầu cụ thể, đề xuất và được sự đồng ý của các đơn vị, tổ chức giao ban báo chí, báo cáo một số vấn đề, chuyên đề liên quan đến nội dung thông tin trên báo chí, nhất là những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm.

+ Lãnh đạo các cơ quan báo chí nêu vấn đề hoặc câu hỏi để trao đổi, thảo luận.

+ Đại diện các cơ quan chủ trì giao ban (hoặc cơ quan báo cáo chuyên đề) trao đổi, giải đáp những vấn đề được nêu ra tại cuộc giao ban.

+ Đại diện cơ quan chủ trì giao ban kết luận.

Điều 4. Tổ chức giao ban hằng quý giữa các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí với các cơ quan chủ quản báo chí

a) Ở Trung ương

- Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam và sự tham gia của các cơ quan chủ quản báo chí.

b) Ở địa phương

- Cơ quan chủ trì: sở thông tin và truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: ban tuyên giáo, hội nhà báo, các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cơ quan chủ quản báo chí của tỉnh, thành phố.

- Nội dung:

+ Ban Tuyên giáo Trung ương (ở địa phương là ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy) nhận xét, đánh giá về việc các cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng về hoạt động báo chí; định hướng chính trị, tư tưởng trong nội dung thông tin của các cơ quan báo chí; sự phối hợp của các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí với các cơ quan chủ quản báo chí...

+ Bộ Thông tin và Truyền thông (ở địa phương là sở thông tin và truyền thông) nhận xét, đánh giá công tác thực thi pháp luật, chính sách về báo chí của các cơ quan chủ quản; biểu dương các cơ quan báo chí có ưu điểm, thành tích nổi bật, đồng thời phê bình, nhắc nhở, nêu kết quả xử lý các cơ quan báo chí vi phạm pháp luật.

+ Hội Nhà báo Việt Nam (ở địa phương là hội nhà báo tỉnh, thành phố) tham gia phát biểu ý kiến về các hoạt động báo chí; thông báo những hoạt động nổi bật của hội, một số tổ chức hội và hội viên; kiến nghị các cơ quan chủ quản những vấn đề liên quan đến hoạt động của hội, hội nhà báo cấp tỉnh và các liên chi hội trực thuộc.

+ Lãnh đạo các cơ quan chủ quản báo chí nêu ý kiến, vấn đề để trao đổi, thảo luận.

+ Đại diện cơ quan chủ trì giao ban kết luận.

Điều 5. Sự phối hợp trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí; khen thưởng, kỷ luật cơ quan báo chí (về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chủ quản và lãnh đạo cơ quan báo chí; tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm; khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí thực hiện theo Quyết định số 75-QĐ/TW, ngày 21-8-2007 của Ban Bí thư).

- Ở Trung ương, chủ trì là cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan chủ quản báo chí; cơ quan phối hợp là Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương, có sự tham gia trong những trường hợp cụ thể của Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Nội vụ, Hội Nhà báo Việt Nam và các ban, ngành, đoàn thể hữu quan.

- Ở địa phương, chủ trì là cấp ủy cơ quan chủ quản báo chí địa phương, các cơ quan phối hợp là sở thông tin và truyền thông, ban tuyên giáo, ban tổ chức, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, sở nội vụ, hội nhà báo và các ban, ngành, đoàn thể hữu quan.

- Nội dung:

+ Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí: cơ quan chủ quản làm công văn, hồ sơ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương; Bộ Thông tin và Truyền thông hiệp y với Ban Tuyên giáo Trung ương về các điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng; Bộ Thông tin và Truyền thông thay mặt hai cơ quan làm công tác chỉ đạo, quản lý báo chí gửi công văn trả lời cơ quan chủ quản báo chí; cơ quan chủ quản báo chí ra quyết định.

Trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì lãnh đạo ban và bộ trực tiếp (hoặc gửi công văn) trao đổi ý kiến, sau đó Bộ Thông tin và Truyền thông thay mặt hai cơ quan gửi công văn trả lời cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản chỉ ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí thuộc quyền khi có sự thống nhất của Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trường hợp bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, Ban Tổ chức Trung ương làm công văn, hồ sơ kèm theo hiệp y với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, sau đó Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

+ Việc khen thưởng cơ quan báo chí hoặc cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí thực hiện tương tự như quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí: cơ quan chủ quản làm công văn, hồ sơ gửi Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông (và Hội Nhà báo Việt Nam, nếu đối tượng được đề nghị khen thưởng là tổ chức hội hoặc cán bộ thuộc Hội Nhà báo Việt Nam), đồng thời gửi Bộ Nội vụ; Bộ Nội vụ gửi công văn hiệp y với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông (hoặc Hội Nhà báo Việt Nam, nếu đối tượng được đề nghị khen thưởng là tổ chức hội hoặc cán bộ, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam); ban và bộ (hoặc hội) gửi công văn trả lời Bộ Nội vụ; sau khi có sự thống nhất của Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ tổng hợp ý kiến, tham mưu để Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch nước ra quyết định khen thưởng. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì lãnh đạo ba cơ quan Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ trực tiếp (hoặc gửi công văn) trao đổi ý kiến.

+ Khi cơ quan báo chí sai phạm nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng về chính trị, tư tưởng trong nội dung thông tin, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp khẩn trương với Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan Đảng, Nhà nước liên quan yêu cầu cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan chủ quản báo chí xử lý kịp thời, nghiêm khắc tập thể, cá nhân sai phạm, báo cáo bằng văn bản với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông thu hồi giấy phép, đình chỉ hoạt động báo chí đối với tổ chức, cá nhân sai phạm.

+ Việc xử lý kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên thuộc diện quản lý của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan hữu quan xem xét, xử lý theo Điều lệ Đảng.

Điều 6. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì khảo sát, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; xây dựng và thẩm định các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cơ quan làm công tác chỉ đạo,

quản lý báo chí; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí; theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí. Cơ quan phối hợp là Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan. Ở địa phương, cơ quan chủ trì là ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan phối hợp là cấp ủy đảng sở thông tin và truyền thông, hội nhà báo, trường chính trị tỉnh, thành phố và các cơ quan hữu quan.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì khảo sát, lập kế hoạch bồi dưỡng kiến thức pháp luật, chính sách của Nhà nước, nhất là những nội dung liên quan đến hoạt động báo chí; tuyên truyền, phổ biến, theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách về báo chí. Cơ quan phối hợp là Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ, Hội Nhà báo Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan. Ở địa phương, cơ quan chủ trì là sở thông tin và truyền thông (giúp ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố); cơ quan phối hợp là ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, sở nội vụ, hội nhà báo, trường chính trị tỉnh, thành phố và các cơ quan hữu quan.

- Hội Nhà báo Việt Nam, hội nhà báo các tỉnh, thành phố, các liên chi hội nhà báo chăm lo, bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ công tác hội, nghiệp vụ báo chí, nhận thức chính trị, kiến thức pháp luật, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, hội viên. Cơ quan phối hợp là Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan hữu quan.

- Các cơ quan phối hợp trong việc mở lớp đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm.

Điều 7. Cấp phép, thu hồi giấy phép, đình chỉ hoạt động báo chí

- Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương.
- Nội dung bao gồm:

a) Cấp phép hoạt động báo chí

Cơ quan chủ quản làm công văn, tờ trình, hồ sơ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban Tuyên giáo Trung ương; Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét các tiêu chuẩn cấp phép hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật, chiến lược thông tin quốc gia và quy hoạch phát triển báo chí của cả nước, gửi công văn hiệp y với Ban Tuyên giáo Trung ương. Ban Tuyên giáo Trung ương xem xét, gửi công văn trả lời Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau, lãnh đạo Ban và Bộ trực tiếp (hoặc gửi công văn) trao đổi ý kiến. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ ra quyết định cấp phép hoạt động báo chí khi có sự thống nhất ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương.

b) Thu hồi giấy phép, đình chỉ hoạt động báo chí

Căn cứ mức độ sai phạm của cơ quan báo chí theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng, Bộ Thông tin và Truyền thông tham khảo ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam và cơ quan chủ quản báo chí trước khi ra quyết định thu hồi giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động báo chí. Trong trường hợp cần tiến hành khẩn trương

để tránh hậu quả lớn có thể xảy ra, Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định thu hồi giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động báo chí; thông báo ngay cho Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam và cơ quan chủ quản báo chí.

Điều 8. Cấp hoặc thu hồi thẻ nhà báo, thẻ hội viên hội nhà báo

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì việc cấp (hoặc thu hồi) thẻ nhà báo cho phóng viên báo chí.

Hội Nhà báo Việt Nam cấp (hoặc thu hồi) thẻ hội viên hội nhà báo theo thẩm quyền.

Trường hợp cần cân nhắc, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam tham khảo ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan hữu quan.

Điều 9. Kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí trong việc thi hành Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng về hoạt động báo chí

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và cấp ủy các cơ quan hữu quan.

- Ở địa phương, cơ quan chủ trì là ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan phối hợp là ban tuyên giáo, sở thông tin và truyền thông, hội nhà báo tỉnh, thành phố và cấp ủy các cơ quan hữu quan.

- Nội dung: Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các ban đảng ở Trung ương, cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn; chỉ đạo ủy ban kiểm tra các cấp tăng cường kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhất là các nội dung liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện kỷ luật của Đảng trong các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí. Phát hiện kịp thời và nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố mới; đồng thời nhắc nhở, xử lý kỷ luật những tổ chức đảng và đảng viên chấp hành không nghiêm hoặc vi phạm kỷ luật đảng.

Điều 10. Phối hợp các cơ quan báo chí chủ lực trong công tác thông tin, tuyên truyền

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, các ban của Đảng, cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể; cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan chủ quản báo chí chủ lực.

- Ở địa phương, cơ quan chủ trì là ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan phối hợp là sở thông tin và truyền thông, hội nhà báo, các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, thành phố; các cơ quan chủ quản báo chí ở tỉnh, thành phố.

Nội dung: định kỳ hai tháng (hoặc đột xuất), Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì cuộc họp với các cơ quan báo chí chủ lực ở Trung ương: Báo Nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, Báo Quân đội nhân dân, Báo Công an nhân dân,

Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Website Chính phủ..., đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền trong thời gian qua, chỉ rõ mặt mạnh, mặt yếu, bàn giải pháp nâng cao chất lượng nội dung, hình thức, tăng tính định hướng, tính hấp dẫn, tăng số lượng phát hành, phạm vi phủ sóng, thực sự làm chủ trận địa tư tưởng.

Điều 11. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính với các loại hình báo chí; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông, Kiểm toán Nhà nước, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan hữu quan.

- Ở địa phương, cơ quan chủ trì là sở tài chính; cơ quan phối hợp là sở thông tin và truyền thông, kiểm toán nhà nước khu vực, ban tuyên giáo, văn phòng tỉnh ủy, thành ủy, hội nhà báo tỉnh, thành phố và các cơ quan hữu quan.

- Nội dung: xây dựng, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính; kiểm tra, thanh tra công tác quản lý tài chính đối với các loại hình báo chí, các cơ quan báo chí.

Điều 12. Tổ chức giải báo chí quốc gia hằng năm và hội báo xuân cấp quốc gia, cấp địa phương

- Cơ quan chủ trì: Hội Nhà báo Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và các ban, ngành, đoàn thể, địa phương.

- Ở địa phương, cơ quan chủ trì là hội nhà báo tỉnh, thành phố; cơ quan phối hợp là ban tuyên giáo, sở thông tin và truyền thông, các ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thị.

Điều 13. Quản lý văn phòng đại diện cơ quan báo chí, phóng viên báo chí thường trú tại địa phương

- Cơ quan chủ trì: ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam, các cơ quan chủ quản báo chí, các cơ quan báo chí có văn phòng đại diện hoặc phóng viên thường trú tại địa phương. Các cơ quan ở địa phương bao gồm: sở thông tin và truyền thông, ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, hội nhà báo địa phương và các cơ quan hữu quan.

- Nội dung: Thực hiện theo quy chế cơ quan đại diện, phóng viên thường trú báo chí tại các địa phương. Định kỳ ba tháng một lần (hoặc đột xuất), các cơ quan ở địa phương bao gồm: ban tuyên giáo, sở thông tin và truyền thông và hội nhà báo địa phương gửi công văn hoặc gặp mặt cơ quan báo chí để đánh giá, nhận xét, bàn kế hoạch phối hợp quản lý hoạt động của văn phòng đại diện, phóng viên, hội viên thường trú của cơ quan báo chí tại địa phương. Tập trung vào các vấn đề: thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan báo chí và của địa phương, góp phần xây dựng địa phương và cơ quan báo chí vững mạnh về mọi mặt. Biểu dương, khen thưởng văn phòng đại diện, phóng viên, hội viên thường trú có thành tích nổi bật trong hoạt động báo chí;

nhắc nhở, phê bình, xử lý kịp thời các sai phạm, yếu kém, khuyết điểm.

Điều 14. Quy định về quan hệ và lề lối làm việc

1. Sáu tháng một lần (hoặc họp đột xuất khi có nội dung quan trọng, cấp bách), Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan đã nêu ở phần II của Quy định này họp đánh giá, nhận xét việc thực hiện Quy định. Sau cuộc họp, có thông báo về nội dung, kết quả; xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, quản lý báo chí cho thời gian tiếp theo. Thông báo được gửi cho tất cả các cơ quan tham gia. Ở địa phương, việc thực hiện được tiến hành đúng như quy định với các cơ quan Trung ương.

2. Các vấn đề cần trao đổi để đi đến thống nhất, cơ quan được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời trong thời hạn không quá 15 ngày, nếu không thể trả lời đúng thời hạn thì có công văn phúc đáp, nêu rõ lý do, đề xuất ý kiến. Những trường hợp cần thống nhất ý kiến xử lý nhanh, lãnh đạo các cơ quan tham gia thực hiện Quy định này có thể trao đổi trực tiếp hoặc bằng hình thức thông tin phù hợp.

3. Các cơ quan tham gia thực hiện Quy định này trao đổi các văn bản do cơ quan mình ban hành liên quan đến nội dung Quy định để các bên cùng biết và phối hợp thực hiện.

4. Lãnh đạo các đơn vị tham gia thực hiện Quy định có chế độ liên hệ, trao đổi, thông báo kịp thời các vấn đề cần phối hợp, nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, quản lý báo chí.

5. Hằng năm, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì cùng Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan hữu quan tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy định, xác định nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tiếp theo. Ở địa phương, việc sơ kết thực hiện Quy định do ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy chủ trì với các thành phần như ở Trung ương.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 156-QĐ/TW, ngày 29 tháng 4 năm 2008

Bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"

- Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;

- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương và các cơ quan Trung ương có liên quan,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, tham gia Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Điều 2. Ban Dân vận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan có liên quan và đồng chí Đinh Hữu Cường thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 152-TB/TW, ngày 29 tháng 4 năm 2008

Về dự kiến chương trình kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XII và một số dự án luật chuẩn bị trình Quốc hội

Tại phiên họp ngày 25-4-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự kiến Chương trình kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XII và một số dự án luật chuẩn bị trình Quốc hội tại kỳ họp này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về dự kiến Chương trình kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XII

Đồng ý với báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội về dự kiến nội dung và thời gian tiến hành kỳ họp (Báo cáo số 113-BC/ĐĐQHXII, ngày 16-4-2008). Trong thời gian tiến hành kỳ họp, căn cứ vào tình hình thực tế có thể điều chỉnh cho phù hợp; tiếp tục cải tiến cách thức tổ chức, điều hành hợp lý, quán triệt, lãnh đạo thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng của Trung ương, bảo đảm các điều kiện cần thiết để Quốc hội làm

việc có hiệu quả, thiết thực, đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn.

2. Về 5 dự án luật đã được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ hai (dự án Luật năng lượng nguyên tử; dự án Luật hoạt động chữ thập đỏ; dự án Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi); dự án Luật quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước; dự án Luật trưng mua, trưng dụng tài sản).

Cơ bản đồng ý với báo cáo và đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội (Báo cáo số 107, 108, 109, 110-BC/ĐĐQHXII, ngày 7-4-2008).

Lưu ý: Trong dự án Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần tiếp tục duy trì quy định Chính phủ ban hành nghị định độc lập để quy định những vấn đề nhạy cảm về chính trị chưa cần thiết xây dựng thành luật, pháp lệnh hoặc những vấn đề mới, cần thiết nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước nhưng chưa đủ điều kiện để xây dựng thành luật, pháp lệnh (điểm c, khoản 2, Điều 17 dự thảo luật trình Quốc hội).

3. Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (Tờ trình số 116-TTr/ĐĐQHXII, ngày 22-4-2008)

- *Về chức vụ của sĩ quan (Điều 11),* đồng ý với quy định tại khoản 1, Điều 11 của dự thảo Luật do Chính phủ trình: chức vụ cơ bản của sĩ quan gồm 11 loại; bổ sung chức vụ chính ủy, chính trị viên vào hệ thống chức vụ cơ bản của sĩ quan; đổi tên tỉnh đội trưởng thành chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh, huyện đội trưởng thành chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự huyện.

- *Về tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan (Điều 13),* đồng ý với đề nghị của Chính phủ và ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về việc nâng hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm cấp úy và cấp tá ở mỗi bậc lên 2 tuổi và bổ sung quy định cụ thể về tuổi phục vụ của nữ sĩ quan ở các cấp còn lại, quy định rõ hạn tuổi của nam và nữ sĩ quan ở mỗi cấp bậc quân hàm làm căn cứ để triển khai thực hiện Luật.

- *Về quy định các trường hợp có trần quân hàm cao hơn một bậc (khoản 3, Điều 15),* đồng ý với quy định của dự thảo Luật do Chính phủ trình: "Sĩ quan ở đơn vị ở lực lượng quân sự tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã thuộc địa bàn trọng yếu về quân sự, quốc phòng theo quy định của Chính phủ hoặc sĩ quan ở đơn vị có nhiệm vụ đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và có quá trình cống hiến xuất sắc thì được thăng quân hàm cao hơn một bậc so với cấp bậc quân hàm cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này".

- *Về việc bổ sung vào khoản 1, Điều 31 cụm từ "là ngành lao động đặc biệt" để khẳng định tính chất, nhiệm vụ của quân đội,* đồng ý với quy định của dự thảo Luật do Chính phủ trình: "Chế độ tiền lương và phụ cấp do Chính phủ quy định; bảng lương của sĩ quan căn cứ vào cấp bậc quân hàm và chức vụ được quy định phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của quân đội là ngành lao động đặc biệt; thâm niên tính theo mức lương hiện hưởng và thời gian phục vụ tại ngũ...".

- *Về bảo đảm nhà ở cho sĩ quan (khoản 7, Điều 31),* nên giữ nguyên quy định về việc sĩ quan tại ngũ được bảo đảm về nhà ở như luật hiện hành. Giao Chính phủ quy định cụ thể

chế độ nhà công vụ và chính sách phụ cấp hoặc trợ cấp hỗ trợ sĩ quan tự lo nhà ở phù hợp với tình hình thực tế.

4. Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua - khen thưởng (Mục I và II, Báo cáo số 118-BC/ĐĐQHXII, ngày 24-4-2008)

Chưa nên trình 2 dự án luật này tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XII, cần tiếp tục nghiên cứu, chuẩn bị kỹ để trình Quốc hội xem xét vào thời điểm thích hợp.

5. Về dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); dự án Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi); dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất bản; dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dầu khí; dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy

Đồng ý với báo cáo và đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình các dự án luật nêu trên để Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ ba (Báo cáo số 117-BC/ĐĐQHXII, ngày 22-4-2008; Báo cáo số 118-BC/ĐĐQHXII, ngày 24-4-2008 và Báo cáo số 119-BC/ĐĐQHXII, ngày 25-4-2008).

Lưu ý: trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, cần nghiên cứu, tiếp thu những kết quả được rút ra từ việc tổng kết thực hiện Nghị quyết 16/2003/QHXI về việc thí điểm tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy; luật hóa những biện pháp quản lý sau cai nghiện có hiệu quả; có cơ chế hợp lý để các địa phương có cơ sở vận dụng quản lý chặt chẽ người nghiện ma túy và huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác phòng, chống ma túy.

6. Về dự án Luật quốc tịch (sửa đổi)

Đồng ý với báo cáo và đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội (mục III, Báo cáo số 118-BC/ĐĐQHXII, ngày 24-4-2008) về việc trình dự án luật để xin ý kiến đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ ba; cung cấp đầy đủ thông tin về những thuận lợi, khó khăn khi xử lý xung đột pháp luật trong những trường hợp cụ thể nếu luật quy định một số trường hợp đặc biệt công dân có hai quốc tịch để đại biểu Quốc hội có cơ sở thảo luận.

Lưu ý: Đây là vấn đề nhạy cảm, phức tạp, cần lãnh đạo chặt chẽ việc thảo luận và nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, xem xét các nội dung của kỳ họp, nếu có vấn đề gì cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội kịp thời báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 154-TB/TW, ngày 2 tháng 5 năm 2008

Về phương án kiến trúc, tiến độ dự án và phương án triển khai xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D khu trung tâm chính trị Ba Đình

Tại phiên họp ngày 25-4-2008, sau khi nghe báo cáo của Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng được ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội, của các cơ quan hữu quan về phương án kiến trúc, tiến độ dự án và phương án triển khai xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D, khu trung tâm chính trị Ba Đình, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc Nhà Quốc hội đã được thực hiện nghiêm túc, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị nêu trong Thông báo kết luận số 62-TB/TW, ngày 2-3-2007. Bộ Chính trị đồng ý lựa chọn phương án kiến trúc Nhà Quốc hội là phương án đoạt giải A (đã được nâng cấp) trong cuộc thi tuyển, nhưng cần tiếp tục cùng tác giả nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh thêm những chi tiết cần thiết để hoàn thiện cho tốt hơn, đẹp hơn. Nhà Quốc hội xây dựng

tại lô D, với diện tích mặt bằng 102m x 102m, vị trí xây dựng công trình cho phép lùi không quá 20m về phía đông khuôn viên Hội trường Ba Đình hiện nay, đồng thời nếu có phát lộ các di tích khảo cổ sẽ được lựa chọn để đưa vào bảo tàng.

2. Nhà Quốc hội là trụ sở làm việc của Quốc hội, nơi tổ chức lễ kỷ niệm những ngày trọng đại của quốc gia, nơi đón tiếp khách quốc tế cấp cao của Đảng và Nhà nước, đồng thời phục vụ nhu cầu tham quan, hưởng thụ văn hóa của nhân dân cả nước và du khách quốc tế. Do vậy, Nhà Quốc hội phải là công trình tiêu biểu của đất nước, tượng trưng ý chí quyền lực của nhân dân, có thẩm mỹ, kiến trúc đẹp, hiện đại và bền vững.

3. Trong năm 2008 thực hiện các bước chuẩn bị để có thể sớm khởi công xây dựng Nhà Quốc hội, phấn đấu hoàn thành vào đầu năm 2011, nhưng phải bảo đảm chất lượng tốt nhất, an toàn tuyệt đối và không để xảy ra tiêu cực.

Đồng ý phương pháp thực hiện dự án theo hình thức chỉ định thầu, song phải chọn được các đơn vị thi công, tư vấn giám sát và các nhà tư vấn khác có năng lực, uy tín thực hiện.

4. Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội và các cơ quan có liên quan, căn cứ kết luận của Bộ Chính trị, tổ chức triển khai thực hiện tốt công trình xây dựng Nhà Quốc hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 158-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2008

Ban hành Quy chế chất vấn trong Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế chất vấn trong Đảng".

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
CHẤT VẤN TRONG ĐẢNG

(Kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 158-QĐ/TW, ngày 12-5-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Khái niệm, phạm vi điều chỉnh của chất vấn và trả lời chất vấn

1. Chất vấn và trả lời chất vấn trong Đảng là việc đảng viên hỏi và được trả lời về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn đảng viên, cấp ủy viên, trừ những vấn đề bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Quy chế này quy định việc chất vấn và trả lời chất vấn trong hội nghị cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, được áp dụng đối với đảng viên, cấp ủy viên, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu của chất vấn và trả lời chất vấn

1. Chất vấn và trả lời chất vấn nhằm phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của

các tổ chức đảng và đảng viên, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của đảng viên.

2. Chất vấn và trả lời chất vấn nhằm tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Điều 3. Nguyên tắc chất vấn và trả lời chất vấn

1. Việc chất vấn và trả lời chất vấn phải tuân theo Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý của tổ chức đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu tổ chức đảng.

2. Đảng viên có quyền chất vấn hoạt động của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, đảng viên trong phạm vi cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, đảng bộ mà mình là thành viên và phải chịu trách nhiệm về nội dung chất vấn của mình. Tổ chức đảng, đảng viên là đối tượng chất vấn có trách nhiệm trả lời chất vấn và phải chịu trách nhiệm về nội dung trả lời chất vấn của mình.

3. Chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thẳng thắn, trên tinh thần xây dựng, đúng nguyên tắc sinh hoạt đảng, pháp luật của Nhà nước và những quy định tại Quy chế này.

4. Không được lợi dụng chất vấn và trả lời chất vấn để gây mất đoàn kết nội bộ hoặc đưa ra những thông tin không có căn cứ, làm mất uy tín của tổ chức đảng và đảng viên; không được tự ý tuyên truyền, phổ biến nội dung chất vấn và trả lời chất vấn cho các tổ chức, cá nhân không liên quan.

Chương II

CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN

Điều 4. Chủ thể chất vấn: đảng viên, cấp ủy viên.

Điều 5. Đối tượng chất vấn

1. Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

2. Đảng viên, cấp ủy viên.

Điều 6. Nội dung chất vấn

Nội dung chất vấn chủ yếu là những vấn đề có trong chương trình hội nghị được thông báo trước; tập trung vào những vấn đề cụ thể có liên quan như sau:

1. Đối với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy

a) Việc lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của cấp trên và của cấp mình.

b) Việc chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức đảng cấp dưới quán triệt, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy và công tác cán bộ.

c) Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn, công tác xây dựng Đảng của cấp mình và của tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

2. Đối với đảng viên

Việc thực hiện tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên, tiêu chuẩn và nhiệm vụ cấp ủy viên (nếu là cấp ủy viên), nhiệm vụ được giao.

Về việc giữ gìn phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên và người thân trong gia đình.

Điều 7. Phương pháp chất vấn và trả lời chất vấn

1. Chất vấn

Chất vấn được tiến hành tại hội nghị cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy bằng hình thức hỏi trực tiếp hoặc bằng văn bản. Người chất vấn gửi ý kiến chất vấn trước khi tổ chức hội nghị từ 3 đến 5 ngày để ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị xem xét, quyết định việc tổ chức trả lời chất vấn.

Trong chương trình hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tùy thuộc vào số lượng và nội dung chất vấn mà dành thời gian thích hợp để chất vấn và trả lời chất vấn.

2. Trả lời chất vấn

- Ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị công bố trình tự những vấn đề chất vấn và trả lời chất vấn.

- Đối tượng chất vấn là cá nhân đảng viên thì đảng viên đó trực tiếp trả lời chất vấn. Đối tượng chất vấn là cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy thì cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trao đổi, thống nhất ý kiến và phân công người trực tiếp trả lời. Người trả lời là người đứng đầu hoặc cấp phó nhưng đều phải chịu trách nhiệm về nội dung trả lời chất vấn.

- Nếu người chất vấn chưa đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì đặt thêm câu hỏi để người trả lời chất vấn trả lời trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Vấn đề hỏi thêm phải liên quan đến nội dung trả lời chất vấn, có nội dung cụ thể, địa chỉ rõ ràng và ngắn gọn.

- Trường hợp không có điều kiện trả lời chất vấn ngay trong hội nghị thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày được chất vấn, đối tượng chất vấn phải trả lời chất vấn bằng văn bản hoặc đề nghị được trả lời tại kỳ họp sau. Văn bản trả lời chất vấn phải gửi cho người chủ trì hội nghị.

Chương III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHẤT VẤN VÀ NGƯỜI TRẢ LỜI CHẤT VẤN

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của người chất vấn

1. Quyền của người chất vấn

a) Yêu cầu người trả lời chất vấn trả lời những nội dung chất vấn theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

b) Nếu người trả lời chất vấn không trả lời đúng nội dung chất vấn thì người chất vấn được đề nghị ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì chỉ đạo để đối tượng chất vấn thực hiện.

2. Trách nhiệm của người chất vấn

a) Chất vấn đúng đối tượng, nội dung và các quy định tại Quy chế này.

b) Công khai rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ của mình, nêu rõ nội dung chất vấn và tổ chức đảng hoặc đảng viên có trách nhiệm trả lời chất vấn.

c) Gửi nội dung chất vấn cho người trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

d) Cung cấp tài liệu có liên quan đến nội dung chất vấn (nếu có).

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của người trả lời chất vấn

1. Quyền của người trả lời chất vấn

a) Đề nghị người chất vấn giải thích những nội dung chất vấn chưa rõ.

b) Chọn hình thức trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

c) Từ chối trả lời nếu nội dung chất vấn là những vấn đề thuộc bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước, những vấn đề không có nội dung và địa chỉ cụ thể, không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn.

2. Trách nhiệm của người trả lời chất vấn

a) Trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

b) Tiếp nhận và trả lời chất vấn một cách khách quan, trung thực; không được từ chối hoặc đùn đẩy, né tránh trả lời chất vấn về những vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của mình. Nếu cố tình không thực hiện thì tùy mức độ sai phạm mà tổ chức đảng xem xét trách nhiệm.

Điều 10. Trách nhiệm lãnh đạo, thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn

1. Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghiêm túc quyền và trách nhiệm trong hoạt động chất vấn.

a) Lãnh đạo tạo điều kiện cho đảng viên, cấp ủy viên thực hiện quyền và trách nhiệm chất vấn, trả lời chất vấn.

b) Lưu trữ văn bản, tài liệu chất vấn và trả lời chất vấn.

2. Ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị:

a) Nhận các đề nghị chất vấn của đảng viên, cấp ủy viên.

b) Phân loại, xử lý các nội dung chất vấn để bố trí thời gian và yêu cầu đối tượng chất vấn trả lời bằng hình thức thích hợp.

c) Nhận trả lời chất vấn theo quy định (nếu tại kỳ họp người trả lời chất vấn chưa trả lời được) và thông báo cho người chất vấn biết.

3. Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, đảng viên nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình; nâng cao nhận thức, nắm bắt thông tin chính xác để thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn đúng quy định.

4. Xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế chất vấn với dụng ý xấu, làm mất uy tín của tổ chức đảng, đảng viên; trù dập người chất vấn hoặc đùn đẩy, né tránh, không trả lời chất vấn những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Các cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, quán triệt thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế và báo cáo kết quả thực hiện cho cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp.

Điều 12. Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện Quy chế. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Quy chế này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 159-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2008

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"; "Về công tác dân tộc"; "Về công tác tôn giáo"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008 (số 71-CTr/TW, ngày 29-2-2008);
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương và các cơ quan có liên quan,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"; "Về công tác dân tộc"; "Về công tác tôn giáo", gồm các đồng chí sau:

1- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chỉ đạo chung.

2- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.

3- Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

4- Đồng chí Hoàng Công Hoàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

5- Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Kiều Đình Thụ, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

7- Đồng chí Trần Đình Phùng, Ủy viên thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.

8- Đồng chí Bế Trường Thành, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Dân tộc, Ủy viên.

9- Đồng chí Mã Điền Cư, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Quốc hội, Ủy viên.

10- Đồng chí Nguyễn Thanh Xuân, Phó trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy viên.

11- Đồng chí H'Ngăm Niê KĐăm, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy viên.

12- Đồng chí Nguyễn Hoàng Hiệp, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

13- Đồng chí Lê Hoàng Minh, Phó Chủ tịch Thường trực Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên.

14- Đồng chí Hoàng Ngọc Thanh, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy viên.

15- Đồng chí Phạm Hữu Bồng, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các tỉnh ủy, thành ủy, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tổng kết 5 năm thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"; "Về công tác dân tộc"; "Về công tác tôn giáo" và xây dựng báo cáo tổng kết để báo cáo Bộ Chính trị.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 160-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2008

Thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008;

- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí (Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 21-8-2006), gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Trưởng đoàn.

2- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Phó Trưởng đoàn.

3- Đồng chí Vũ Tiến Chiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường trực, Chánh Văn phòng chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Phó Trưởng đoàn.

4- Đồng chí Trần Văn Truyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thanh tra Chính phủ, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thành viên.

5- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thành viên.

6- Đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thành viên.

7- Đồng chí Lê Doãn Hợp, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thành viên.

8- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thành viên.

9- Đồng chí Nguyễn Văn Được, Ủy viên Trung ương Đảng, thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thành viên.

10- Đồng chí Dương Thành Bắc, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, thành viên.

11- Đồng chí Kiều Đình Thụ, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, thành viên.

12- Nguyễn Việt Thành, Phó Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thành viên.

13- Đồng chí Lê Mạnh Luân, Phó Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thành viên.

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nội dung nêu trong Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008 (Chương trình số 67-CTr/TW, ngày 3-1-2008).

Đoàn kiểm tra và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng xây dựng kế hoạch kiểm tra và đề cương báo cáo, gửi các tỉnh ủy, thành ủy và các bộ, ngành có liên quan để thực hiện, tổng hợp thành báo cáo chung để trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Đoàn kiểm tra quyết định thành lập tổ công tác giúp việc phục vụ nhiệm vụ kiểm tra; kinh phí hoạt động của đoàn kiểm tra và các tổ công tác do Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm.

Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đoàn kiểm tra được sử dụng con dấu của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng cho đến khi kết thúc.

Điều 3. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 155-TB/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2008

Về quy hoạch khu trụ sở các cơ quan của Trung ương Đảng tại Thành phố Hồ Chí Minh; về chủ trương đầu tư, xây dựng Nhà khách T.78 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Ngày 22-4-2008, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo quy hoạch phân khu sử dụng đất khu trụ sở các cơ quan Trung ương Đảng tại T.78, Thành phố Hồ Chí Minh và phương án đầu tư, xây dựng Nhà khách T.78 thuộc Cục Quản trị T.78 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; được sự ủy nhiệm của Ban Bí thư, đồng chí Thường trực Ban Bí thư đã kết luận như sau:

I- VỀ QUY HOẠCH KHU VỰC T.78

1. Việc nghiên cứu, lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch kiến trúc khu trụ sở các cơ quan của Trung ương Đảng tại khu vực T.78 là một yêu cầu cấp thiết, cần sớm được triển khai và phân kỳ tổ chức thực hiện nhằm đầu tư, xây dựng

đồng bộ cơ sở vật chất - kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về tổ chức làm việc khoa học, hiện đại của các cơ quan Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương phía Nam. Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch kiến trúc khu vực T.78 cần tận dụng tối đa diện tích và các công trình kiến trúc hiện có; tuân thủ quy hoạch kiến trúc phường 7, quận 3 và quy hoạch khu trung tâm chính trị của Thành phố Hồ Chí Minh. Khu vực T.78 phải trở thành một khu vực có cảnh quan đẹp, văn minh và hiện đại.

2. Đồng ý quy hoạch phân khu sử dụng đất theo phương án 1 và phân kỳ, nguồn vốn thực hiện quy hoạch từ năm 2008 đến năm 2015 nêu tại Tờ trình số 03-TTr/VPTW/nb, ngày 21-4-2008 của Văn phòng Trung ương Đảng, trong đó:

- Vị trí để xây dựng nhà khách mới là diện tích mặt bằng nhà số 147 và nhà số 149 đường Lý Chính Thắng, quận 3.

- Vị trí để xây dựng nhà làm việc liên cơ quan mới là diện tích mặt bằng nhà số 141 và nhà số 143 đường Lý Chính Thắng, quận 3.

3. Đồng ý để Văn phòng Trung ương Đảng chuyển đổi quyền sử dụng diện tích đất tại các nhà số 66 và 68 đường Trương Định, quận 3 cho Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và theo giá thị trường. Văn phòng Trung ương Đảng được sử dụng nguồn thu này để đầu tư xây dựng nhà khách mới theo quy hoạch khu vực T.78.

4. Bộ Tư lệnh Cảnh vệ (Phòng 180) bàn giao cho Văn phòng Trung ương Đảng các nhà số 106, 108 đường Trần Quốc Toản; nhà số 149 đường Lý Chính Thắng, quận 3 để Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện quy hoạch. Văn phòng Trung ương Đảng sử dụng diện tích mặt bằng các số

nhà 111, 130 và diện tích sân bóng chuyền tại nhà số 109 đường Trần Quốc Toản, quận 3 để bố trí nơi làm việc và doanh trại cho cán bộ, chiến sĩ Bộ Tư lệnh Cảnh vệ.

- Chuyển giao quyền quản lý, sử dụng nhà số 141 đường Lý Chính Thắng từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên An Phú, thuộc Văn phòng Trung ương Đảng về Cục Quản trị T.78, thuộc Văn phòng Trung ương Đảng để quản lý, sử dụng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà làm việc liên cơ quan mới.

- Chuyển tất cả các hộ gia đình hiện đang cư trú tại các số nhà 74, 76 đường Trần Quốc Thảo; số 103A, 116, 120 và 120A đường Trần Quốc Toản ra diện tích đất tái định cư theo phương án quy hoạch trên đường Trần Quốc Toản.

II- VỀ PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ NHÀ KHÁCH T.78 TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Đồng ý chủ trương đầu tư, xây dựng Nhà khách T.78 thuộc Cục Quản trị T.78, Văn phòng Trung ương Đảng tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa như phương án 2 nêu tại Tờ trình số 04-TTr/VPTW, ngày 21-4-2008 của Văn phòng Trung ương Đảng. Cụ thể:

- Văn phòng Trung ương Đảng tiến hành đấu giá giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên diện tích đất của nhà số 24 đường Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg, ngày 19-1-2007 của Thủ tướng Chính phủ "Về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước" và theo các quy định pháp luật hiện hành. Số tiền thu được do đấu giá

tài sản và quyền sử dụng đất, Văn phòng Trung ương Đảng được sử dụng để đầu tư, nâng cấp Nhà khách T.78 tại số nhà 44 đường Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Văn phòng Trung ương Đảng được phép liên doanh với doanh nghiệp trong nước có chức năng kinh doanh khách sạn, du lịch để đầu tư, khai thác phần diện tích đất chưa có công trình xây dựng tại nhà số 44 đường Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (đất trống, khoảng 9.000m^2).

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ phương án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp chặt chẽ với Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khẩn trương nghiên cứu, lập quy hoạch kiến trúc khu vực T.78; với Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất của nhà số 24 đường Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (theo đề nghị tại Công văn số 582-CV/TU, ngày 29-2-2008 của Tỉnh ủy Khánh Hòa).

Quá trình tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch khu vực T.78 tại Thành phố Hồ Chí Minh, đầu tư Nhà khách T.78 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cần bảo đảm sự thống nhất giữa các cơ quan có liên quan và đúng quy định pháp luật hiện hành; quán triệt tinh thần triệt để tiết kiệm, chống lạm phát trong bố trí và sử dụng nguồn vốn đầu tư;

quản lý chặt chẽ quy trình đầu tư, thực hiện quy hoạch, không để xảy ra tiêu cực, gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung trên.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 156-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2008

Về việc điều chỉnh tiến độ triển khai một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản của các cơ quan đảng ở Trung ương

Ngày 8-5-2008, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tình hình triển khai và đề xuất việc điều chỉnh tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn đầu tư tập trung từ ngân sách nhà nước của các cơ quan đảng ở Trung ương, phục vụ mục tiêu kiềm chế lạm phát; Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Tạm dừng khởi công đến sau năm 2010 dự án đầu tư, xây dựng mới nhà điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải, xã Ngọc Thanh, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (tổng mức đầu tư dự kiến 72 tỉ đồng) và dự án đầu tư xây dựng nhà làm việc liên cơ quan tại ngõ Nguyễn Cảnh Chân, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (tổng mức đầu tư dự kiến 338,6 tỉ đồng).

2. Tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng Nhà nghỉ Tuần Châu tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo đúng tinh thần chỉ đạo của

đồng chí Tổng Bí thư và của Ban Bí thư đã nêu tại các văn bản số 7576-CV/VPTW, ngày 10-8-2005 và số 1835-CV/VPTW, ngày 21-3-2007 của Văn phòng Trung ương Đảng. Khẩn trương lập, trình phê duyệt dự án trước tháng 10-2008, đưa vào kế hoạch vốn thực hiện năm 2009 và năm 2010.

Hoàn thành thủ tục giao đất, nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng nhà nghỉ dưỡng tại Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án được tổ chức thực hiện khi đủ điều kiện.

3. Tập trung bố trí vốn đầu tư, đẩy nhanh tiến độ triển khai 8 dự án đang thực hiện nêu tại điểm 2, mục II, Tờ trình số 07-TTr/VPTW/nb, ngày 6-5-2008 của Văn phòng Trung ương Đảng để sớm đưa các công trình vào sử dụng.

Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung trên.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 161-QĐ/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2008

Về việc thay đổi thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 36-QĐ/TW, ngày 17-1-2007 của Ban Bí thư (khóa X) thành lập bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh";

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương (số 1846-CV/BTGTW, ngày 8-5-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Hoàng Ngọc Thanh, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam làm thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", thay đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Phó Chủ tịch Thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 2. Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Ngọc Thanh và đồng chí Nguyễn Hòa Bình chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 162-QĐ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 2008

Bổ sung nội dung triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Căn cứ Kết luận của Bộ Chính trị tại phiên họp ngày 28-3-2008 (số 23-KL/TW, ngày 8-4-2008);

- Xét đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung nội dung: Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý của Nhà nước và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công vào các chuyên đề cụ thể hóa triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ là cơ quan chủ trì, đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ phụ trách thực hiện đề án, hoàn thành trình Bộ Chính trị vào quý IV năm 2008.

Điều 3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ và đồng chí Nguyễn Sinh Hùng thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 163-QĐ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 2008

Về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"; "Về công tác dân tộc"; "Về công tác tôn giáo"

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008 (số 71-CTr/TW, ngày 29-2-2008);

- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Nguyễn Duy Việt, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương làm Ủy viên Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"; "Về công tác dân tộc"; "Về công tác tôn giáo".

Điều 2. Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và đồng chí Nguyễn Duy Việt thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 158-TB/TW, ngày 23 tháng 5 năm 2008

Về chủ trương kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 2009 của tỉnh Điện Biên, gắn với thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng

Ngày 22-4-2008, tại Hà Nội, Ban Bí thư đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên "Về chủ trương kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 2009 của tỉnh Điện Biên, gắn với thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng". Cùng dự buổi làm việc có đại diện lãnh đạo một số bộ, ban, ngành Trung ương.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên báo cáo và ý kiến phát biểu của các bộ, ban, ngành Trung ương, Ban Bí thư đánh giá cao quá trình chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc của Ban Thường vụ về các nội dung trình Hội nghị, đồng thời đã thảo luận và kết luận một số vấn đề chủ yếu sau đây:

I- KẾT QUẢ SAU HƠN HAI NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XI ĐẢNG BỘ TỈNH

Những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Điện Biên đã phát huy thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, nỗ lực, chủ động tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, đã thông qua 10 nghị quyết chuyên đề, xây dựng thành chương trình hành động thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm và có tính khả thi, đạt được những kết quả bước đầu quan trọng.

- Kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá cao (GDP bình quân năm 2006 - 2007 đạt 10,86%/năm); cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Nguồn vốn đầu tư phát triển không ngừng tăng, năm 2007 đạt trên 2.000 tỉ đồng, tăng 54% so với năm 2006; kết cấu hạ tầng ngày càng cải thiện.

- Văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực, quy mô và chất lượng giáo dục được nâng lên, hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân có những tiến bộ mới; tỷ lệ hộ nghèo giảm; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

- Tình hình chính trị - xã hội cơ bản được bảo đảm ổn định, biên giới quốc gia được giữ vững, các tệ nạn xã hội giảm so với năm 2006. Quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào ngày càng được củng cố.

- Về xây dựng hệ thống chính trị: thực hiện có kết quả bước đầu công tác cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chú trọng công tác xây dựng Đảng..., nội bộ đoàn kết, triển khai thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và

làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác vận động quần chúng được quan tâm chỉ đạo.

Tuy nhiên, kết quả hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, Điện Biên vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, cần nỗ lực phấn đấu, đáng chú ý là:

- Quy mô kinh tế còn nhỏ bé; tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa vững chắc; thu ngân sách còn ở mức thấp, mới bảo đảm khoảng 10% kế hoạch chi. Điện Biên vẫn là một tỉnh nghèo (tỷ lệ hộ nghèo có huyện trên 50%) và còn rất nhiều khó khăn.

- Kết cấu hạ tầng còn nhiều yếu kém, bất cập, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo thấp; tiến độ triển khai dự án di dân tái định cư Thủy điện Sơn La còn chậm.

- Lĩnh vực an ninh, trật tự xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố diễn biến phức tạp, tác động từ các tỉnh Bắc Lào, tình hình dân di cư tự do, truyền đạo trái phép, buôn bán ma túy vẫn còn diễn ra ở mức độ cao.

- Năng lực lãnh đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết ở một số cấp ủy còn hạn chế; trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là trình độ chuyên môn, quản lý còn nhiều bất cập.

II- MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2010

Ban Bí thư tán thành với phương hướng, mục tiêu cơ bản do Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh:

1. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt từ 11 - 12%/năm. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: giao thông, thủy lợi, điện, nước, trường học, trạm xá... Cần nghiên cứu kỹ tiềm năng và lợi thế của tỉnh để xây dựng quy hoạch phát triển bền vững về thủy điện vừa và nhỏ, khai thác và chế biến khoáng sản. Việc triển khai dự án trồng cây cao su phải trên cơ sở quy hoạch phù hợp với từng vùng đất, có bước đi thích hợp, đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội.

2. Tăng cường lãnh đạo, đặc biệt giải quyết tốt các vấn đề về xã hội: giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo; hoàn thành cơ bản tái định cư Thủy điện Sơn La đi liền với tổ chức sản xuất cho nhân dân.

3. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền biên giới quốc gia, trật tự xã hội. Tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

4. Củng cố tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; tập trung chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới, giảm nhanh số bản chưa có đảng viên; đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; làm tốt công tác quy hoạch, đánh giá, bồi dưỡng, luân chuyển và chính sách cán bộ.

III- VỀ CHỦ TRƯƠNG KỶ NIỆM BA NGÀY LỄ LỚN TRONG NĂM 2009 VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA TỈNH

1. Ban Bí thư cơ bản đồng ý về chủ trương để tỉnh Điện Biên tổ chức kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 2009 (55 năm

chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, 60 năm thành lập Đảng bộ tỉnh, 100 năm thành lập tỉnh), nên chọn mốc kỷ niệm 55 năm chiến thắng Điện Biên Phủ làm ngày kỷ niệm chính, hai ngày lễ còn lại được kết hợp tổ chức vào ngày này. Lễ kỷ niệm 55 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ tại Điện Biên được tổ chức theo cấp quốc gia vào dịp ngày 7-5-2009, với quy mô thích hợp, trang trọng (quy mô tương tự như Lễ kỷ niệm 45 năm), có biểu diễn văn nghệ, diễu binh, diễu hành... Việc bắn pháo hoa tùy thuộc vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 để quyết định. Thông qua việc tổ chức kỷ niệm để giáo dục, tôn vinh truyền thống cách mạng, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống vẻ vang trong quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ tỉnh; củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc; nâng cao ý chí quyết tâm, tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo; mở rộng quan hệ đối ngoại; phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh. Việc tổ chức kỷ niệm phải bảo đảm chu đáo, thiết thực, tiết kiệm, an toàn, chất lượng, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

2. Một số đề nghị của tỉnh, Ban Bí thư cơ bản đồng ý về chủ trương:

- Tập trung làm tốt công tác tổ chức tuyên truyền, bảo đảm ý nghĩa giáo dục sâu sắc, toàn diện về kỷ niệm 55 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ cả ở Trung ương (tổ chức tuần phim, tuần văn hóa - du lịch Điện Biên...) và địa phương (biên soạn một số sách, tài liệu, hội thảo khoa học...) bằng nhiều hình thức phong phú và đa dạng; gắn ý nghĩa lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ với những thành tựu của tỉnh sau 100 năm thành lập và 60 năm thành lập Đảng bộ tỉnh.

- Đồng ý đưa Lễ kỷ niệm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (ngày 7 tháng 5) hằng năm là ngày lễ quốc gia. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tỉnh Điện Biên xây dựng đề án, báo cáo Chính phủ để Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị cho ý kiến và trình Quốc hội quyết định.

- Về bổ sung vốn cho các dự án trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Điện Biên Phủ để kịp hoàn thành phục vụ Lễ kỷ niệm 55 năm cần phải đặt trong tình hình mới. Giao Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan của Trung ương xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Giao Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng các bộ, ngành có liên quan của Trung ương phối hợp giúp tỉnh Điện Biên chuẩn bị ngay đề án xây dựng bảo tàng, cụm di tích lịch sử tiêu biểu của Điện Biên Phủ để trình các cơ quan chức năng phê duyệt, khẩn trương triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành vào dịp kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Về đầu tư, hỗ trợ vốn cho các dự án: xây dựng một số thị trấn mới; các tuyến giao thông (đường tránh ngập lòng hồ Thủy điện Sơn La; đường ra biên giới, đường tuần tra...); đưa du lịch Điện Biên vào điểm du lịch quốc gia... nhằm giúp Điện Biên đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh cho những năm tới, giao Ban Cán sự Đảng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giao thông vận tải; Quốc phòng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng các bộ, ban, ngành liên quan phối hợp giúp tỉnh Điện Biên triển khai

rà soát quy hoạch từng lĩnh vực, xây dựng các dự án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, tỉnh Điện Biên cụ thể hóa các nội dung thành các đề án, kế hoạch, báo cáo trình xin ý kiến Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương theo thẩm quyền, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi các công việc, các nhiệm vụ mà Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ giao.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 164-QĐ/TW, ngày 27 tháng 5 năm 2008

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề án "Kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa X

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế và Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề án "Kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Điều 2. Ban Chỉ đạo gồm 21 đồng chí, do đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư làm Trưởng ban (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
BAN CHỈ ĐẠO CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN "KIỂM ĐIỂM HAI NĂM RƯỠI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG" TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

(Kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 164-QĐ/TW, ngày 27-5-2008)

1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban;

2- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ;

3- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

4- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

5- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

6- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

7- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an;

8- Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

9- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;

10- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương;

11- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

12- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng;

13- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

14- Đồng chí Vũ Văn Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính;

15- Đồng chí Hà Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;

16- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương;

17- Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

18- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

19- Đồng chí Nguyễn Quốc Triệu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế;

20- Đồng chí Hoàng Tuấn Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

21- Đồng chí Phạm Khôi Nguyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 165-QĐ/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2008

Về việc thành lập Tổ Biên tập đề án trình Hội nghị Trung ương 8 về kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng

- Căn cứ Quyết định số 164-QĐ/TW, ngày 27-5-2008 về việc thành lập Ban Chỉ đạo soạn thảo đề án trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa X về kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng;

- Xét yêu cầu công tác và năng lực cán bộ,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Biên tập đề án trình Hội nghị Trung ương 8 về kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, gồm 15 đồng chí do đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng làm Tổ trưởng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ Biên tập có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án:

1. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 8.

2. Xây dựng dự thảo Đề cương báo cáo và Báo cáo kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

3. Giúp Ban Chỉ đạo tổng hợp ý kiến đóng góp vào dự thảo Báo cáo, tiếp thu ý kiến đóng góp để chỉnh sửa dự thảo Báo cáo.

4. Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng để phục vụ về mặt nội dung Hội nghị Trung ương 8 về kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X và bảo đảm kinh phí cho công tác chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 8.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách kèm theo thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH TỔ BIÊN TẬP SOẠN THẢO ĐỀ ÁN TRÌNH HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 8 VỀ KIỂM ĐIỂM HAI NĂM RƯỠI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

(Kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 165-QĐ/TW, ngày 29-5-2008)

1- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ trưởng.

2- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ phó.

3- Đồng chí Trần Quốc Huy, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

4- Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương.

5- Đồng chí Tạ Minh Châu, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.

6- Đồng chí Vũ Văn Phúc, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

7- Đồng chí Trần Quốc Toản, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

8- Đồng chí Nguyễn Đức Hiền, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

9- Đồng chí Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

10- Đồng chí Lê Minh Vụ, Trung tướng, Giám đốc Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

11- Đồng chí Nguyễn Bình Ban, Thượng tá, Phó Chủ nhiệm Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Học viện An ninh, Bộ Công an.

12- Đồng chí Nguyễn Viết Thông, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương.

13- Đồng chí Nguyễn Hữu Từ, Vụ trưởng Vụ Kinh tế, Văn phòng Trung ương Đảng.

14- Đồng chí Bùi Văn Thạch, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương Đảng.

15- Đồng chí Bùi Quang Liễu, Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Văn phòng Trung ương Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 160-TB/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2008

Về tình hình thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình và một số giải pháp cấp bách

Tại phiên họp ngày 27-5-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế báo cáo về tình hình thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình hiện nay và một số giải pháp cấp bách; ý kiến phát biểu của các ban, ngành liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Về đánh giá tình hình

Ban Bí thư cơ bản nhất trí với những đánh giá về kết quả, thành tựu, nguyên nhân đã nêu trong báo cáo và nhấn mạnh một số điểm sau:

Từ khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về "chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình" và Nghị quyết số 47-NQ/TW, ngày 22-3-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về "tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình",

công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã đạt được những kết quả quan trọng:

- Nhận thức của toàn xã hội đã có bước chuyển biến rõ rệt, quy mô gia đình có một hoặc hai con được chấp nhận ngày càng rộng rãi; tốc độ gia tăng dân số nhanh đã được khống chế, số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã giảm mạnh từ trên 3,8 con (năm 1990) xuống 2,2 con (năm 2000) và đến nay đạt tiệm cận mức sinh thay thế (mỗi cặp vợ chồng có khoảng 2,1 con); tỷ lệ phát triển dân số giảm tương ứng từ hơn 2% xuống còn 1,25%.

- Kết quả công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đã góp phần rất quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu nhập bình quân đầu người hằng năm, xóa đói giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân (với những thành tựu của công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, năm 1999, Việt Nam đã được nhận giải thưởng Dân số của Liên hợp quốc).

- Tuy nhiên, những năm gần đây, đặc biệt từ năm 2003, Pháp lệnh dân số của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XI) (số 06/2003/PL-UBTVQH) được ban hành còn có chỗ thiếu chặt chẽ, làm cho tình hình dân số có diễn biến phức tạp, mức sinh và tỷ lệ sinh con thứ ba tăng trở lại, nhất là trong cán bộ, đảng viên, làm ảnh hưởng tiêu cực đến phong trào thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Năm 2007, tỷ lệ sinh con thứ ba tăng hơn nhiều so với năm 2006, nhiều chỉ tiêu về thực hiện các biện pháp tránh thai đạt kết quả thấp. Quý I năm 2008, số trẻ sinh ra tăng 7,2%, tỷ lệ sinh con thứ ba tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2007, kết quả thực hiện các biện pháp tránh thai giảm nhiều so với kế hoạch,

đây là thách thức gay gắt đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong giai đoạn tới.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan về tâm lý, tập quán, điều kiện kinh tế, dịch vụ xã hội chưa phát triển, cơ cấu dân số trẻ, số phụ nữ bước vào tuổi sinh đẻ hằng năm lớn; còn có những nguyên nhân chủ quan là:

2.1- Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp còn có tư tưởng chủ quan, thỏa mãn, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; chưa quán triệt đầy đủ các nội dung Nghị quyết số 47-NQ/TW, ngày 22-3-2005 của Bộ Chính trị về "tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình".

2.2- Các cơ quan cấp Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện mô hình tổ chức bộ máy mới còn chậm, dẫn tới việc mỗi địa phương hiểu và thực hiện rất khác nhau. Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh dân số thiếu chặt chẽ. Các cấp, các ngành chưa xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thiếu gương mẫu, vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, đã có tác động tiêu cực đến phong trào toàn dân thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

2.3- Hệ thống tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong những năm qua có nhiều thay đổi, không ổn định. Đặc biệt, vừa qua nhiều tỉnh, thành phố đã triển khai, xử lý việc giải thể Ủy ban Dân số - gia đình và trẻ em địa phương không đúng với tinh thần chỉ đạo của Trung ương.

2.4- Một bộ phận nhân dân, trong đó có cả cán bộ, đảng viên cho rằng, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã kết thúc, dẫn tới việc coi nhẹ công tác này, tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước mà hậu quả sẽ tăng sinh vào cuối năm nay và những năm tiếp theo.

3. Về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp

Để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình theo tinh thần Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu:

- Các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp tiếp tục quán triệt sâu sắc để thống nhất quan điểm, nhận thức và hành động, nghiêm túc tổ chức kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW, đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ những yếu kém, phân tích nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết đã đề ra, trong đó cần chú ý:

+ Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển của đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu của nước ta và là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi con người, của từng gia đình và toàn xã hội.

+ Việc sáp nhập tổ chức dân số vào ngành y tế là một chủ trương đúng đắn nhằm thực hiện công tác cải cách hành chính và đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình cả về quy mô, cơ cấu và đặc biệt là chất lượng dân số, gắn với bảo vệ chăm sóc bà mẹ, trẻ em một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giống nòi người Việt Nam.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc ban hành Luật dân số, trước mắt cần sớm sửa ngay Điều 10 Pháp lệnh dân số trong năm 2008, khắc phục nhanh chóng những thiếu sót của Pháp lệnh dân số năm 2003.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo sớm kiện toàn và ổn định tổ chức, bộ máy chuyên trách làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đủ mạnh, đủ cơ sở vật chất từ Trung ương đến địa phương.

- Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế, ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy sơ kết tình hình ba năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình từ cơ sở đến cấp tỉnh trong quý III-2008; tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân để hiểu và thực hiện đúng chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình của Đảng và Nhà nước ta. Ban Bí thư sẽ tổ chức Hội nghị sơ kết vào cuối quý III-2008 và báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ

CỦA BAN BÍ THƯ

Số 22-CT/TW, ngày 5 tháng 6 năm 2008

Về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong những năm qua, nền kinh tế nước ta liên tục tăng trưởng cao; vốn đầu tư trong nước và nước ngoài tăng nhanh; cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực; hằng năm tạo việc làm cho hàng triệu lao động; thu nhập và đời sống của người lao động trong các doanh nghiệp được cải thiện; từng bước hình thành quan hệ lao động lành mạnh trong doanh nghiệp, xuất hiện nhiều mô hình, nhiều doanh nghiệp có quan hệ lao động tốt.

Đạt được kết quả trên là do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện; công tác quản lý nhà nước về đầu tư và lao động có chuyển biến tích cực; nhiều tổ chức công đoàn trong các loại hình doanh nghiệp đã trở thành người đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, góp phần giúp doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, tình trạng tranh chấp lao động dẫn đến đình công không đúng trình tự pháp luật lao động có xu hướng gia tăng với quy mô lớn, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội và môi trường đầu tư, làm thiệt hại cho người lao động, cho doanh nghiệp và cho cả nền kinh tế.

Nguyên nhân của tình hình trên chủ yếu là do người sử dụng lao động chưa thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật lao động, chưa quan tâm đúng mức đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần của người lao động trong nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất chưa được bảo đảm; công tác quản lý nhà nước về lao động còn bất cập; nhiều doanh nghiệp ngoài nhà nước chưa có tổ chức công đoàn hoặc có tổ chức công đoàn nhưng hoạt động chưa hiệu quả, chưa trở thành người đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong doanh nghiệp; hầu hết các doanh nghiệp ngoài nhà nước chưa có tổ chức đảng, đoàn thanh niên để lãnh đạo, tập hợp, vận động, giáo dục người lao động; đa số người lao động xuất thân từ nông thôn nên nhận thức, hiểu biết về chính sách, pháp luật lao động còn hạn chế; quan hệ cung - cầu về lao động còn mất cân đối.

Để khắc phục tình trạng trên, từ đó góp phần ổn định môi trường đầu tư, bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân

Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có chương trình, kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật cho công nhân; chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; hoàn thiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quy hoạch các khu công nghiệp và khu chế xuất gắn với quy hoạch khu dân cư; có giải pháp phát triển nhà ở và hạ tầng xã hội nhằm cải thiện đời sống của người lao động.

2. Tổ chức tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23-11-1996 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; đánh giá những việc làm được, chưa làm được, rút ra những kinh nghiệm, những mô hình tổ chức cơ sở đảng hoạt động có hiệu quả để nhân rộng trong các doanh nghiệp khác. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và chỉ đạo kiên quyết việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp.

3. Các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 06/2006/CT-TTg, ngày 6-3-2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấp hành pháp luật lao động, xác định đúng trách nhiệm của các cấp chính quyền ở địa phương theo quy định của pháp luật đối với các cuộc đình công của công nhân xảy ra không đúng trình tự của pháp luật trên địa bàn, từ đó đề ra những biện pháp thiết thực để tiếp tục chỉ đạo trong thời gian tới nhằm hạn chế xảy ra tranh chấp lao động.

4. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách lao động và tổ chức triển khai thực hiện đến tận doanh nghiệp và người lao động; bổ sung số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ thanh tra lao động nhằm tăng cường công tác thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật lao động trong doanh nghiệp; hoàn thiện thể chế và chính sách để thị trường lao động phát triển lành mạnh, bảo đảm cân đối cung - cầu lao động giữa các ngành, các vùng, giữa thành thị, nông thôn và cơ cấu trình độ tay nghề.

5. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và tạo lập môi trường để đại diện người sử dụng lao động, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề hoạt động có hiệu quả nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật và chính sách về lao động, nâng cao trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc chăm lo lợi ích, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt cơ chế phối hợp ba bên ở cấp ngành và địa phương về quan hệ lao động, thúc đẩy ký kết thỏa ước lao động tập thể cấp ngành, cấp khu vực.

6. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có kế hoạch cụ thể củng cố, phát triển và đổi mới cơ chế hoạt động của tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp để tổ chức công đoàn thực sự là người đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, xây dựng quan hệ lao động lành mạnh trên tinh thần hợp tác, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà đầu tư, người lao động và Nhà nước; nghiên cứu, đề xuất chính sách đào tạo, bồi dưỡng và có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng và phát triển mô hình hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên trong doanh nghiệp ngoài nhà nước để tập hợp, tuyên truyền, vận động, giáo dục về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động.

Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nâng cao hiệu quả công tác nữ công của công đoàn tại các doanh nghiệp và các khu công nghiệp.

7. Các cơ quan thông tin, truyền thông tổ chức tốt việc tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế, thu hút đầu tư để phản ánh trung thực, khách quan những việc làm được, chưa làm được, tránh thông tin, đưa tin một chiều tạo nên những phản ứng không tốt trong quan hệ lao động và dư luận xã hội.

8. Các cấp ủy, tổ chức đảng có hình thức phù hợp quán triệt nội dung của Chỉ thị này trong toàn hệ thống chính trị; coi nội dung xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài để thực hiện cho được mục tiêu ổn định chính trị - xã hội, đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, tạo việc làm, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Các ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động

Việt Nam, Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 161-TB/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2008

Về việc xây dựng nhà thờ và Khu tưởng niệm đồng chí Phùng Chí Kiên

Về việc Đảng ủy Quân sự Trung ương xin chủ trương xây dựng nhà thờ và Khu tưởng niệm đồng chí Phùng Chí Kiên (Công văn số 141-CV/ĐU, ngày 28-3-2008), sau khi lấy ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Bí thư đã xem xét và có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng chí Phùng Chí Kiên là chiến sĩ cách mạng tiêu biểu, là một trong các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng, có nhiều công lao to lớn đóng góp vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Việc xây dựng nhà thờ và Khu tưởng niệm đồng chí Phùng Chí Kiên là để tôn vinh công lao đóng góp của đồng chí, thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc ta, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa giáo dục truyền thống cách mạng cho nhân dân, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang, đặc biệt là thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay và mai sau.

2. Ban Bí thư cơ bản đồng ý chủ trương xây dựng nhà thờ và Khu tưởng niệm đồng chí Phùng Chí Kiên tại nơi đồng chí được sinh ra. Giao Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Tỉnh ủy Nghệ An, Bộ Tư lệnh Quân khu 4, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương xây dựng thiết kế, dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện, bảo đảm đúng các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước về các hình thức tưởng niệm, lưu niệm danh nhân. Chính phủ bảo đảm kinh phí chủ yếu cho việc xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Bộ Quốc phòng hỗ trợ một phần.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 162-TB/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2008

Về sắp xếp tổ chức các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy, sự nghiệp của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các ban đảng ở Trung ương

1. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 60-QĐ/TW, ngày 7-5-2007 về hợp nhất Học viện Hành chính quốc gia và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thành Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và Quyết định số 100-QĐ/TW, ngày 22-10-2007 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, trong đó đã xác định 14 đơn vị như sau:

- 8 đơn vị chức năng ở trung tâm Học viện: Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ Quản lý đào tạo, Vụ Quản lý khoa học, Vụ Các trường chính trị, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ban Thanh tra, Văn phòng Học viện.

- 4 học viện khu vực: Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực II, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực IV.

- 2 học viện chuyên ngành: Học viện Hành chính, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

2. Tại phiên họp ngày 27-5-2008, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ và một số ban đảng liên quan báo cáo Đề án về sắp xếp tổ chức các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy, sự nghiệp của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các ban đảng Trung ương (Tờ trình số 215-TTr/BTCTW, ngày 20-5-2008), Ban Bí thư đồng ý chủ trương sắp xếp như sau:

- Hợp nhất ba viện: Viện Kinh tế chính trị học, Viện Quản lý kinh tế, Viện Kinh tế và phát triển thành Viện Kinh tế.

- Hợp nhất Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Viện Nghiên cứu tôn giáo và tín ngưỡng thành Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Đưa bộ môn Tâm lý học lãnh đạo quản lý của Viện Xã hội học và tâm lý lãnh đạo, quản lý; bộ môn Khoa học quản lý của Viện Quản lý kinh tế hiện nay về Viện Chính trị học.

- Giao Viện Nhà nước và pháp luật nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành chính cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp.

- Trên cơ sở chuyển các đơn vị nghiên cứu của các ban đảng Trung ương về Học viện, cùng với Viện Xây dựng Đảng hiện nay của Học viện để tổ chức lại thành Học viện Xây dựng Đảng trực thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia

Hồ Chí Minh làm nhiệm vụ nghiên cứu và đào tạo, bồi dưỡng cả lý luận và thực tiễn về các chuyên ngành xây dựng Đảng, đặc biệt là bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu về xây dựng Đảng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan ở Trung ương và các cấp, các ngành.

Riêng đề án trước đây của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương) về lập Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo thì giao Học viện Báo chí và Tuyên truyền đảm nhiệm, với sự phối hợp của Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Chuyển nhiệm vụ nghiên cứu lý luận kinh điển Mác - Lênin thuộc Viện Kinh điển Mác - Lênin về các viện chuyên ngành (như các viện: Triết học, Kinh tế, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xây dựng Đảng và các viện khác).

- Giao Vụ Quản lý đào tạo đảm nhiệm nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo và khảo thí.

- Đổi tên Viện Xã hội học và tâm lý lãnh đạo, quản lý thành Viện Xã hội học.

- Đổi tên Viện Thông tin khoa học thành Trung tâm Thông tin khoa học.

- Đổi tên Nhà xuất bản Lý luận chính trị thành Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính.

Như vậy, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh có 15 đơn vị nghiên cứu, giảng dạy, sự nghiệp tại trung tâm Học viện là:

1- Viện Triết học

2- Viện Kinh tế

3- Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học

4- Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

5- Viện Lịch sử Đảng

6- Học viện Xây dựng Đảng

7- Viện Chính trị học

8- Viện Nhà nước và pháp luật

9- Viện Xã hội học

10- Viện Văn hóa và phát triển

11- Viện Quan hệ quốc tế

12- Viện Nghiên cứu quyền con người

13- Trung tâm Thông tin khoa học

14- Tạp chí Lý luận chính trị

15- Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính.

Học viện có tổng số 29 đơn vị trực thuộc.

3. Về tổ chức thực hiện: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm bàn giao Viện Khoa học tổ chức, Trung tâm Nghiên cứu khoa học dân vận về Học viện để tổ chức lại Viện Xây dựng Đảng thành Học viện Xây dựng Đảng. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các ban đảng Trung ương xây dựng đề án tổ chức Học viện Xây dựng Đảng, ban hành quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Xây dựng Đảng thuộc Học viện; phối hợp với các ban đảng Trung ương xây dựng quy chế phối hợp về công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng.

Giao Giám đốc Học viện xây dựng lộ trình phù hợp tiếp tục sắp xếp đội ngũ cán bộ, giảng viên của Học viện. Triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế, đồng thời, cần có giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có và có kế hoạch để tuyển chọn, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ trẻ.

Học viện chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng quy định về chế độ giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng và kế hoạch luân chuyển cán bộ giảng dạy của Học viện có định kỳ đi cơ sở để nắm bắt thực tiễn, báo cáo Ban Bí thư.

- Trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, đồng ý bảo lưu chế độ, chính sách đối với cán bộ lãnh đạo các viện. Đối với cán bộ cấp trưởng, khi sắp xếp sang đơn vị mới không giữ chức danh trưởng đơn vị thì được giữ hàm trưởng đơn vị và các chế độ, chính sách hiện hưởng (ví dụ: hàm Viện trưởng...).

- Nguyên tắc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh đồng thời cũng là căn cứ để sắp xếp, kiện toàn các đơn vị ở các học viện trực thuộc, để bảo đảm tính thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy tổ chức.

- Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng ở Trung ương và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra triển khai thực hiện Kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 166-QĐ/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2008

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị sự nghiệp thuộc Công an nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa X);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 88-QĐ/TW, ngày 1-10-2007 của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Công an nhân dân;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Công an nhân dân như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Công an nhân dân là hạt nhân chính trị, lãnh đạo trực tiếp, mọi mặt công tác của đơn vị; lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng,

pháp luật của Nhà nước, các quy định của cấp trên; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đảng viên và cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Đối với các học viện, trường công an nhân dân

1.1- Quán triệt và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên, lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học của học viện, trường công an nhân dân (gọi chung là nhà trường).

1.2- Nghiên cứu, đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những chủ trương, phương hướng, mục tiêu, yêu cầu về công tác giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Công an. Định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm, cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Khi có yêu cầu đột xuất và những nhiệm vụ quan trọng, cấp ủy ra nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo nhà trường thực hiện.

1.3- Đề ra chủ trương, biện pháp đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học, nghiên cứu khoa học, quản lý học sinh, sinh viên trong nhà trường; gắn chặt

nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học với thực tiễn công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng của Công an nhân dân.

1.4- Lãnh đạo xây dựng nhà trường chính quy, tiên tiến, mẫu mực, tham gia giữ gìn an ninh, trật tự ở địa phương nơi đóng quân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giáo viên, chiến sĩ, học sinh, sinh viên và công nhân viên; bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, công bằng trong thực hiện chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước và của ngành trong nhà trường.

2. Đối với các bệnh viện

2.1- Quán triệt và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ.

2.2- Nghiên cứu, đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định mục tiêu, phương hướng về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; trang bị vật tư thiết bị nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ. Định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm, cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của bệnh viện. Khi có yêu cầu đột xuất và những nhiệm vụ quan trọng, cấp ủy ra nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo đơn vị thực hiện.

2.3- Đề ra chủ trương, biện pháp để tổ chức thực hiện tốt việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe với nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe phục vụ tốt yêu cầu chiến đấu, công tác, học tập của cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên trong lực lượng Công an nhân dân.

2.4- Lãnh đạo xây dựng bệnh viện vững mạnh toàn diện theo hướng chính quy; tham gia giữ gìn an ninh trật tự, phòng, chữa bệnh ở địa phương nơi đóng quân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên; bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, công bằng trong thực hiện chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước và của ngành trong bệnh viện.

3. Đối với các viện nghiên cứu

3.1- Quán triệt và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong Công an nhân dân.

3.2- Nghiên cứu, đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học - công nghệ trong công an, phục vụ yêu cầu công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm, cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị. Khi có yêu cầu đột xuất và những nhiệm vụ quan trọng, cấp ủy ra nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo đơn vị thực hiện.

3.3- Đề ra chủ trương, biện pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả và cải tiến phương pháp nghiên cứu; bám sát thực tiễn phục vụ thiết thực nhiệm vụ công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

3.4- Lãnh đạo xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ; bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, công bằng trong thực hiện chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước và của ngành trong đơn vị.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên và cán bộ, chiến sĩ; thực hiện nghiêm 5 lời thề danh dự, 10 điều kỷ luật của Công an nhân dân, 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân; phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của Công an nhân dân và của đơn vị; kịp thời nắm tâm tư, nguyện vọng của đảng viên và cán bộ, chiến sĩ để xem xét giải quyết hoặc báo cáo lên cấp trên.

2. Kịp thời phổ biến, quán triệt để đảng viên và cán bộ, chiến sĩ nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức về mọi mặt và năng lực công tác cho đảng viên và cán bộ, chiến sĩ.

3. Lãnh đạo đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật, giảm sút ý chí chiến đấu; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên và cán bộ, chiến sĩ.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện đúng quy chế, quy định về công tác tổ chức; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ của đơn vị.

2. Cấp ủy nhận xét, đánh giá cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị; ra nghị quyết về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, thực hiện chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ, chiến sĩ thuộc thẩm quyền và lãnh đạo thực hiện các nghị quyết đó trong đơn vị.

3. Cấp ủy đề nghị cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ của đơn vị thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong đơn vị xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động, đổi mới, nâng cao hiệu quả phong trào quần chúng góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị.

2. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong đơn vị thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; chấp hành và tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của cấp ủy và nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân và các tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện

đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp ủy xây dựng và thực hiện kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện nghiêm túc việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Đồng chí thủ trưởng đơn vị cơ cấu làm bí thư cấp ủy, đồng chí lãnh đạo cấp phó làm phó bí thư và phụ trách công tác xây dựng lực lượng.

6. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định về những điều đảng viên, cán bộ công an không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, cấp ủy và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng đơn vị

1. Quan hệ giữa cấp ủy với thủ trưởng đơn vị là quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng. Cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị và tạo điều kiện để thủ trưởng đơn vị thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm và đại hội đảng bộ, chi bộ), thủ trưởng đơn vị báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và những phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Cấp ủy hoặc đại hội thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, cán bộ, chiến sĩ thực hiện. Thủ trưởng đơn vị quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của cấp ủy, của đại hội thành chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh công tác và chỉ đạo, điều hành thực hiện.

2. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm báo cáo với cấp ủy những chủ trương, kế hoạch công tác lớn của cấp trên giao. Cấp ủy thảo luận, quán triệt và ra nghị quyết để lãnh đạo đảng viên và cán bộ, chiến sĩ thực hiện.

3. Cấp ủy thường xuyên thông báo với thủ trưởng đơn vị tình hình tư tưởng, những ý kiến, nguyện vọng của đảng viên và cán bộ, chiến sĩ về việc thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chế độ, chính sách trong đơn vị. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo kết quả với cấp ủy.

4. Bí thư cấp ủy, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, pháp luật khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và tiêu cực trong đơn vị.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng

Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với tổ chức đảng và chính quyền địa phương

Cấp ủy (trừ các đơn vị do yêu cầu công tác cần giữ bí mật) xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi có trụ sở của đơn vị và có đảng viên của đảng bộ, chi bộ đang cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có

trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Công an nhân dân xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 167-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 2008

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan thuộc Công an nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa X);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 88-QĐ/TW, ngày 1-10-2007 của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Công an nhân dân;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan thuộc Công an nhân dân như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan thuộc Công an nhân dân là hạt nhân chính trị, lãnh đạo trực tiếp, mọi mặt công tác của đơn vị; lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật

của Nhà nước, các quy định của cấp trên; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong cơ quan.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Quán triệt và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ tham mưu trên lĩnh vực công tác do cơ quan đảm nhiệm.

2. Nghiên cứu, đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những chủ trương, phương hướng, đề án công tác; nâng cao chất lượng, hiệu quả tham mưu, đề xuất và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các nội dung công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan. Định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm, cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ của cơ quan mình. Khi có yêu cầu đột xuất và những nhiệm vụ quan trọng, cấp ủy ra nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo cơ quan thực hiện.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong cơ quan thực hiện tốt chế độ thông tin tình hình; sơ kết, tổng kết; cải tiến lề lối, phương pháp công tác; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu, đề xuất và kiến nghị với lãnh đạo cấp trên những vấn đề cần thiết thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

4. Lãnh đạo xây dựng cơ quan vững mạnh toàn diện, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ; bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng trong thực hiện chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước và của ngành trong cơ quan.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên và cán bộ, chiến sĩ; thực hiện nghiêm 5 lời thề danh dự, 10 điều kỷ luật của Công an nhân dân, 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân; phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của Công an nhân dân và của cơ quan; kịp thời nắm tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ để xem xét, giải quyết hoặc báo cáo lên cấp trên.

2. Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên, chiến sĩ nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức về mọi mặt và năng lực công tác cho đảng viên và cán bộ, chiến sĩ.

3. Lãnh đạo đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật, giảm sút ý chí chiến đấu; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên và cán bộ, chiến sĩ.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện đúng quy chế, quy định về công tác tổ chức, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ của cơ quan.

2. Cấp ủy nhận xét, đánh giá cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan; ra nghị quyết về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, thực hiện chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ, chiến sĩ thuộc thẩm quyền và lãnh đạo thực hiện các nghị quyết đó trong cơ quan.

3. Cấp ủy đề nghị cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề tổ chức, cán bộ của cơ quan thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong cơ quan xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động, nâng cao hiệu quả phong trào quần chúng, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

2. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong cơ quan thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; chấp hành và tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của cấp ủy và nhiệm vụ của cơ quan.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực

lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân và các tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp ủy xây dựng và thực hiện kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện nghiêm túc việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Đồng chí thủ trưởng cơ quan cơ cấu làm bí thư cấp ủy, đồng chí lãnh đạo cấp phó làm phó bí thư và phụ trách công tác xây dựng lực lượng.

6. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định về những điều đảng viên, cán bộ, chiến sĩ công an không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, cấp ủy và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng cơ quan

1. Quan hệ giữa cấp ủy với thủ trưởng cơ quan là quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng. Cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị và tạo điều kiện để thủ trưởng cơ quan thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm và đại hội đảng bộ, chi bộ), thủ trưởng cơ quan báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ của cơ quan và những phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Cấp ủy hoặc đại hội thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên và cán bộ, chiến sĩ thực hiện. Thủ trưởng cơ quan quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của đại hội, của

cấp ủy thành chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh công tác và chỉ đạo, điều hành thực hiện.

2. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm báo cáo với cấp ủy những chủ trương, kế hoạch công tác lớn của cấp trên giao. Cấp ủy thảo luận, quán triệt và ra nghị quyết để lãnh đạo cán bộ, đảng viên và chiến sĩ thực hiện.

3. Cấp ủy thường xuyên thông báo với thủ trưởng cơ quan tình hình tư tưởng, những ý kiến, nguyện vọng của đảng viên và cán bộ, chiến sĩ về việc thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chế độ, chính sách trong cơ quan. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo kết quả với cấp ủy.

4. Bí thư cấp ủy, thủ trưởng cơ quan phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, pháp luật khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực trong cơ quan.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng

Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của cơ quan.

Điều 9. Đối với tổ chức đảng và chính quyền địa phương

Cấp ủy (trừ các đơn vị do yêu cầu công tác cần giữ bí mật) xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi có trụ sở của cơ quan và có đảng viên của đảng bộ, chi bộ đang cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các cơ quan thuộc Công an nhân dân xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 23-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2008

Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) của Đảng ta đã nêu lên mục tiêu và những nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó, văn học, nghệ thuật là một bộ phận rất quan trọng.

Trong thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, phấn đấu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, văn học, nghệ thuật nước nhà đứng trước những thời cơ, vận hội lớn, đồng thời cũng đứng trước những thách thức mới gay gắt.

Nhằm phát huy vai trò, sứ mệnh cao quý của văn học, nghệ thuật và của đội ngũ văn nghệ sĩ, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

I- TÌNH HÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT THỜI GIAN QUA

Thời gian qua (1998 - 2008), trong bối cảnh tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước, trình độ dân trí của nhân dân ta từng bước được nâng cao, nhu cầu văn hóa ngày càng phong phú, đa dạng, các phương tiện truyền bá ngày càng hiện đại, văn học, nghệ thuật Việt Nam có bước phát triển mới, có những biến đổi sâu sắc, những đặc điểm mới, đạt được nhiều thành tựu, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém đan xen nhau.

1. Thành tựu

- Nhìn tổng thể, văn học, nghệ thuật đã nắm bắt được dòng mạch chính là chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với dân tộc, nỗ lực phản ánh chân thật cuộc sống đấu tranh cách mạng và lao động sáng tạo của nhân dân, có nhiều tác phẩm tốt trong tất cả các loại hình nghệ thuật từ văn học, sân khấu, điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật đến nhiếp ảnh, múa, kiến trúc... thể hiện qua những đề tài lịch sử, chiến tranh cách mạng và những vấn đề thời sự của đất nước. Chủ nghĩa nhân văn, phẩm chất nhân đạo được phát huy và đề cao. Văn học, nghệ thuật đã cố gắng phát hiện, khẳng định các nhân tố mới, tham gia cuộc đấu tranh lên án cái xấu, cái ác, sự biến chất, thoái hóa về nhân cách, lối sống và đạo đức trong một bộ phận xã hội. Tự do trong sáng tạo nghệ thuật và sự đa dạng về nội dung, phong cách sáng tác, phương thức biểu hiện được tôn trọng; dấu ấn cá nhân, cá tính sáng tạo được khẳng định. Lực lượng văn nghệ sĩ và văn nghệ các dân tộc thiểu số có bước phát triển. Công tác sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn học, nghệ thuật của các dân tộc đạt được những kết quả thiết thực. Sự xuất hiện lực lượng sáng tác trẻ với những khả năng sáng tạo và sự đa dạng về phong cách là dấu hiệu mới đáng trân trọng. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển; nhiều câu lạc bộ văn học, nghệ thuật ra đời, góp phần cổ vũ, động viên quần chúng sáng tạo, khai thác, truyền bá các giá trị nghệ thuật cổ truyền và thưởng thức văn học, nghệ thuật, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân ở cơ sở.

- Công tác lý luận văn học, nghệ thuật có bước đổi mới, lý giải khoa học hơn quan hệ giữa văn học, nghệ thuật với chính trị, giữa hiện thực và nghệ thuật. Tư tưởng văn học, nghệ thuật truyền thống của cha ông được quan tâm nghiên cứu. Các thành tựu văn học, nghệ thuật thế kỷ XX được đánh giá lại thỏa đáng. Một số phương pháp nghiên cứu văn học, nghệ thuật phi truyền thống được vận dụng, bước đầu đem lại kết quả tốt. Phê bình văn học, nghệ thuật trong thời kỳ đổi mới có tác dụng tích cực đối với sáng tác, phát hiện cái tốt, ủng hộ cái mới, tiến bộ trong hoạt động sáng tạo.

- Các phương tiện, phương thức sản xuất, trình diễn, sử dụng, truyền bá sản phẩm văn học, nghệ thuật phát triển khá mạnh đã đưa được nhiều tác phẩm đến với công chúng, góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân. Đã hình thành một thị trường hàng hóa và dịch vụ các sản phẩm văn học, nghệ thuật ở trong nước; đưa các sản phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng ra nước ngoài, góp phần khẳng định nước ta là địa chỉ giao lưu văn hóa quốc tế trong thời kỳ mới.

- Đội ngũ văn nghệ sĩ được hình thành, phát triển và rèn luyện trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc, là lực lượng tin cậy, trung thành của đất nước, của Đảng và nhân dân, có lòng yêu nước nồng nàn, tự hào dân tộc, tâm huyết với nghề nghiệp, xứng đáng với danh hiệu cao quý nghệ sĩ - chiến sĩ, là lực lượng nòng cốt trực tiếp tạo nên nền văn học, nghệ thuật cách mạng của dân tộc trong thời kỳ mới. Hiện nay, đội ngũ này gồm nhiều thế hệ nối tiếp và gắn bó với nhau. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế cận có bước phát triển về quy mô, loại hình, mạng lưới. Đội ngũ giảng viên về văn học, nghệ thuật được bổ sung, trình độ được nâng cao, có khả năng đào tạo hầu hết các ngành, nghề trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Cơ sở vật chất, kỹ thuật, một số điều kiện đặc thù cho dạy và học từng bước được đầu tư, nâng cấp.

- Tư duy lý luận và quan điểm của Đảng về văn học, nghệ thuật tiếp tục đổi mới, bổ sung, phát triển, góp phần cổ vũ, khích lệ, tạo niềm tin cho văn nghệ sĩ. Các cấp ủy đảng có nhiều cố gắng theo sát thực tiễn văn nghệ, nâng cao năng lực lãnh đạo và tìm tòi các phương thức chỉ đạo phù hợp, thiết thực.

Các cơ quan quản lý nhà nước đã cố gắng nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, chú trọng thể chế hóa, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho hoạt động văn học, nghệ thuật; bước đầu xã hội hóa có kết quả một số hoạt động trong nhiều lĩnh vực.

Các hội văn học, nghệ thuật từ Trung ương đến địa phương tiếp tục giữ vững định hướng chính trị, cố gắng tập hợp, đoàn kết đội ngũ, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo.

2. Yếu kém, khuyết điểm

So với yêu cầu phát triển đất nước và những định hướng được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), hoạt động văn học, nghệ thuật thời gian qua còn bộc lộ một số yếu kém, khuyết điểm:

- Trong sáng tác, biểu diễn, truyền bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật còn không ít tác phẩm và hoạt động chưa thể hiện được tính chất tiên tiến và bản sắc dân tộc. Số lượng tác phẩm ngày càng nhiều song còn ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Trong một số tác phẩm, lý tưởng xã hội - thẩm mỹ không rõ nét, ý nghĩa xã hội còn hạn hẹp. Một số văn nghệ sĩ còn hạn chế trong tiếp cận và nhận thức những vấn đề mới của cuộc sống, chưa cảm nhận đầy đủ ý nghĩa, chiều sâu và tính phức tạp của quá trình chuyển biến mang tính lịch sử trong thời kỳ mới của đất nước. Có biểu hiện xa lánh những vấn đề lớn lao của đất nước, chạy theo các đề tài nhỏ nhặt, tầm thường, chiều theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng, hạ thấp chức năng giáo dục, nhấn mạnh một chiều chức năng giải trí. Trong một số trường hợp, có biểu hiện cực đoan, chỉ tập trung tô đậm mặt đen tối, tiêu cực của cuộc sống hiện tại, thậm chí xuyên tạc, bóp méo lịch sử hoặc bị các thế lực thù địch lôi kéo, đã sáng tác và truyền bá các tác phẩm độc hại, đi ngược lại với lợi ích của nhân dân và đất nước... Tình trạng nghiệp dư hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp có chiều hướng tăng lên.

- Hoạt động lý luận văn học, nghệ thuật còn lạc hậu về nhiều mặt, chưa giải đáp được nhiều vấn đề của đời sống,

còn xa rời thực tiễn sáng tác, có biểu hiện xơ cứng, kém năng động, giảm sút tác dụng tích cực đối với sáng tác. Lý luận văn nghệ và mỹ học mácxít chưa được nghiên cứu và phát huy tương xứng với vai trò và giá trị của nó.

Hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật có biểu hiện tụt hậu so với yêu cầu, thực hiện chưa tốt chức năng hướng dẫn, điều chỉnh và đồng hành với sáng tác. Chất lượng khoa học và tính chuyên nghiệp của phê bình bị xem nhẹ; xuất hiện lối phê bình cảm tính, thiếu một hệ thống tiêu chí tin cậy để đánh giá tác giả và tác phẩm; văn hóa phê bình bị hạ thấp...

- Một số sản phẩm văn học, nghệ thuật tầm thường, chất lượng kém được phát hành, truyền bá gây tác hại, ảnh hưởng xấu tới công chúng, nhất là thế hệ trẻ. Một số đài truyền hình đã phát những chương trình ca nhạc, phim... không lành mạnh, gây tác động tiêu cực đến tư tưởng, thẩm mỹ của công chúng. Nhìn chung, còn ít sản phẩm văn hóa đến được các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Số tác phẩm có giá trị của ta được giới thiệu ra nước ngoài còn hạn chế; trong khi đó, một số sản phẩm không phù hợp với truyền thống đạo đức, văn hóa của dân tộc, thậm chí độc hại, phản động của nước ngoài lại xâm nhập vào nước ta, gây nên nhiều tác động tiêu cực.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ còn nhiều bất cập, yếu kém: chương trình, nội dung lạc hậu; chất lượng đào tạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, chuyên môn, đạo đức, thể chất không bảo đảm; chưa chú trọng đúng mức tính đặc thù, chuyên biệt và yêu cầu đào tạo tài năng; không quan tâm gửi giảng viên và sinh viên các ngành nghệ thuật đào tạo ở nước ngoài; đội ngũ giáo viên đầu đàn, có trình độ

chuyên môn cao bị thiếu hụt ngày càng nhiều; điều kiện và phương tiện phục vụ dạy và học vẫn còn nghèo nàn, lạc hậu. Đội ngũ lý luận, phê bình vừa thiếu, vừa bị hụt hẫng thế hệ kế cận, phân bố không đều ở các ngành nghệ thuật.

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế; nội dung và phương thức lãnh đạo chậm đổi mới; chưa lường hết được tác động phức tạp, tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, dẫn tới sự lúng túng, thụ động khi định hướng và xử lý những vấn đề mới phát sinh. Việc thể chế hóa các nghị quyết, quan điểm của Đảng còn chậm; một số cơ chế, chính sách rất quan trọng được nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đến nay vẫn chưa được cụ thể hóa để thực hiện. Nhiều chính sách đối với văn nghệ và văn nghệ sĩ đã lạc hậu nhưng chậm được sửa đổi. Thiếu định hướng và tiêu chí cụ thể cho việc chọn lọc, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống cũng như chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trong thời gian qua còn nhiều bất cập, có lúc không rõ tiêu chí, thiếu định hướng. Chưa xây dựng được những công trình trung tâm lớn cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật, tương xứng với vị thế của đất nước thời kỳ mới.

Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, tham mưu, quản lý văn nghệ thiếu hiểu biết về văn học, nghệ thuật, ít học tập, ngại tiếp xúc nên hiệu quả lãnh đạo, quản lý còn thấp, có sự hẫng hụt đội ngũ này ở cả tầm vĩ mô và ở các đơn vị cơ sở.

Một số hội văn học, nghệ thuật chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, lúng túng trong việc tập hợp và phát huy tiềm năng của đội ngũ, xác lập các chuẩn mực đánh giá, thẩm định tác phẩm. Đáng chú ý là thiếu sự phối hợp chặt

chẽ giữa các cơ quan chỉ đạo, quản lý văn học, nghệ thuật của Đảng, Nhà nước với các hội văn học, nghệ thuật trong việc thực hiện đường lối, chính sách phát triển văn học, nghệ thuật của Đảng và Nhà nước.

Nguyên nhân của những bất cập, yếu kém nêu trên có nhiều, chủ yếu là những nguyên nhân chủ quan.

Sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về quan điểm, chủ trương, chính sách, về đầu tư kinh phí, ngân sách cho lĩnh vực văn học, nghệ thuật chưa đúng tầm và đúng mức. Một số vấn đề cốt lõi và mới đặt ra trong lĩnh vực này chưa được lý giải thấu đáo, thiếu thống nhất. Công tác tổng kết thực tiễn chưa theo kịp sự phát triển, vì thế có lúc lúng túng, thiếu những quyết sách cơ bản, chủ động; có biểu hiện vừa buông lỏng, hữu khuynh, vừa áp đặt, chủ quan, thiếu tầm nhìn xa.

Chủ trương tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, văn nghệ - nền tảng tinh thần của xã hội - chưa được quán triệt và thực hiện nghiêm túc. Một số cấp ủy, chính quyền chưa coi trọng và thiếu hiểu biết đầy đủ về vai trò, tính đặc thù của văn học, nghệ thuật, chậm thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng. Đầu tư cho văn hóa, văn nghệ chưa tương xứng với yêu cầu mới, chưa hợp lý và kém hiệu quả.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, CHỦ TRƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG THỜI KỲ MỚI

Trong những năm tới, văn học, nghệ thuật Việt Nam đứng trước thời cơ lớn và những thách thức mới.

Để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải tiến hành một cuộc đấu tranh gian khổ và phức tạp giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa tốt và xấu, cao thượng và thấp hèn... Hiện thực đó là mảnh đất giàu tiềm năng cho những tìm tòi, sáng tạo của văn nghệ sĩ để tiếp tục xây đắp một nền văn học, nghệ thuật ngày càng lớn mạnh với những tác giả, tác phẩm có tầm vóc xứng đáng với dân tộc.

Quá trình hội nhập quốc tế, giao lưu văn hóa có khả năng tạo ra những biến đổi lớn về diện mạo, đặc điểm, loại hình văn nghệ nước nhà, đồng thời, sự bùng nổ của các phương tiện truyền bá sản phẩm văn nghệ, của công nghệ giải trí cũng có thể tác động cả tích cực và tiêu cực đến đời sống và công chúng văn nghệ. Mặt khác, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình", nhằm tạo ra sự tự diễn biến trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đạo đức trong nội bộ ta.

1. Mục tiêu

- Tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ của các tầng lớp nhân dân; phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam một cách toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu loại hình, có các thế hệ nối tiếp nhau vững chắc, có tình yêu Tổ quốc nồng nàn, gắn bó sâu sắc với nhân dân, với sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo, có năng lực sáng tạo phong phú, đa dạng, đoàn kết, gắn bó cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc anh em trên đất nước ta.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, bảo đảm yêu cầu phát triển của lĩnh vực văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

2. Quan điểm chỉ đạo

Trên cơ sở tiếp tục quán triệt và thực hiện 5 quan điểm chỉ đạo chung đối với nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), riêng đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật, cần nhấn mạnh và bổ sung các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam.

- Văn học, nghệ thuật Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế phải phát triển toàn diện và mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ. Phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, có tác dụng to lớn xây dựng con người; vừa có tác dụng định hướng,

vừa đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng cao của nhân dân. Phát triển sâu rộng văn nghệ quần chúng, đồng thời với tập trung xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp. Trên cơ sở giữ gìn, phát triển, phát huy những giá trị của văn học, nghệ thuật dân tộc, tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiến bộ của nước ngoài, đồng thời kiên quyết ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn áp đặt, xâm lăng văn hóa của các thế lực thù địch.

- Tài năng văn học, nghệ thuật là vốn quý của dân tộc. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tính độc lập, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ, người chiến sĩ xây dựng và phát triển nền văn nghệ tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cần phát huy lòng yêu nước nồng nàn, gắn bó máu thịt với nhân dân, nêu cao trách nhiệm công dân, sáng tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị phụng sự đất nước và dân tộc.

3. Chủ trương và các giải pháp

Trên cơ sở tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển văn học, nghệ thuật đã được nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII), Bộ Chính trị xác định các chủ trương, giải pháp lớn phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới:

- Tiếp tục đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng của văn học, nghệ thuật về đề tài,

nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, sự tìm tòi, thể nghiệm, nâng cao chất lượng toàn diện nền văn học, nghệ thuật nước nhà. Trên nền tảng mỹ học mácxít, tư tưởng Hồ Chí Minh, khuyến khích văn nghệ sĩ bám sát thực tiễn của đất nước, gắn bó với cuộc sống của nhân dân, bảo vệ, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; lên án, phê phán không khoan nhượng những tiêu cực, xấu xa đang cản trở sự phát triển của đất nước và con người Việt Nam.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo của Đảng đối với văn học, nghệ thuật; bồi dưỡng nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, đặc trưng của văn học, nghệ thuật cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, cán bộ trực tiếp chỉ đạo, quản lý lĩnh vực này; xây dựng và đưa vào chương trình đào tạo cán bộ thuộc các trường đảng nội dung về văn học, nghệ thuật. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải đưa nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật vào quy hoạch, kế hoạch phát triển, của từng địa phương, từng ngành. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý khoa học, bảo đảm được định hướng chính trị; khắc phục những hiện tượng mất dân chủ hoặc can thiệp thô bạo đối với hoạt động văn học, nghệ thuật, cũng như xu hướng thả nổi, không phê phán những tác giả, tác phẩm đi ngược lại các giá trị chân, thiện, mỹ, những giá trị tốt đẹp của dân tộc và cách mạng. Cấp ủy đảng các cấp có kế hoạch định kỳ làm việc với lực lượng sáng tạo và hoạt động văn học, nghệ thuật.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật. Hoàn thành cơ bản việc thể chế hóa các

quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng về văn học, nghệ thuật. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển dài hạn các lĩnh vực văn học, nghệ thuật; rà soát, bổ sung và xây dựng mới các chế độ, chính sách đối với hoạt động văn học, nghệ thuật, như chế độ lương, nhuận bút, đãi ngộ tài năng, bồi dưỡng lao động nghề nghiệp, chế độ hưu. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật, làm rõ các lĩnh vực cần xã hội hóa, lĩnh vực Nhà nước và nhân dân cùng làm, lĩnh vực Nhà nước phải đầu tư bảo tồn, xây dựng và phát triển. Tăng mức đầu tư cho văn học, nghệ thuật; bảo đảm kinh phí cho các chương trình mục tiêu lớn, cho hoạt động sáng tạo của các hội văn học, nghệ thuật, xác định việc đầu tư này là đầu tư cho phát triển. Xây dựng đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số. Có kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, nghệ thuật; nâng cấp, cải tạo và xây mới một số nhà hát, rạp chiếu phim, trung tâm triển lãm văn học, nghệ thuật có chất lượng cao, tầm cỡ lớn, tính chất hiện đại ở các thành phố, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của đất nước.

Các cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình phối hợp chặt chẽ với các hội văn học, nghệ thuật nhằm công bố, giới thiệu, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng tốt, định hướng thẩm mỹ cho công chúng.

- Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, phát triển lý luận văn học, nghệ thuật. Kiên quyết khắc phục những yếu kém kéo dài của hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật, nâng cao

tính khoa học, tính thuyết phục, góp phần hướng dẫn, điều chỉnh sáng tác, phê bình văn nghệ. Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hoạt động công bố, giới thiệu, truyền bá các sản phẩm tốt phục vụ đông đảo nhân dân ở mọi miền đất nước.

Tổ chức nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc thành quả lý luận văn học, nghệ thuật của ông cha ta và của thế giới, vận dụng sáng tạo, làm phong phú lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho mọi năng lực sáng tạo có cơ hội phát huy, phát triển, khích lệ những tìm tòi, tôn trọng những ý kiến khác nhau về lý luận và phê bình văn nghệ vì lợi ích chung và sự phát triển lành mạnh của văn nghệ.

Xây dựng cơ chế quản lý và chế tài ngăn chặn, xử lý các hoạt động sáng tác, truyền bá những sản phẩm văn học, nghệ thuật có nội dung, tư tưởng nghệ thuật thấp, ảnh hưởng xấu tới xã hội; xây dựng các đạo luật điều chỉnh lĩnh vực văn học, nghệ thuật, trước mắt sửa đổi, bổ sung Luật báo chí, Luật xuất bản..., có những chế tài nâng cao trách nhiệm trong việc thẩm định, đánh giá, quyết định công bố, trình diễn, truyền bá các tác phẩm, đặc biệt trên hệ thống thông tin đại chúng, phát thanh, truyền hình, dịch vụ biểu diễn nghệ thuật.

Phối hợp tốt các lực lượng làm công tác văn hóa đối ngoại, coi trọng xây dựng, phát triển lực lượng dịch giả văn học, nghệ thuật để nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc đưa các tác phẩm văn nghệ Việt Nam ra nước ngoài phục vụ đồng bào ta và bạn bè quốc tế. Xây dựng cơ chế thẩm định, lựa chọn tác phẩm (cả sáng tác, lý luận, nghiên cứu, phê bình) của nước ngoài đưa vào nước ta.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ đáp ứng yêu cầu tiếp tục phát triển mạnh mẽ nền văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ mới.

Nâng cao chất lượng các trường đào tạo văn học, nghệ thuật; hoàn thiện chương trình, nội dung, giáo trình trong các trường cao đẳng, đại học, giảng dạy các ngành đào tạo văn học, nghệ thuật (sáng tác, nghiên cứu, lý luận, phê bình, biểu diễn, chỉ huy, đạo diễn...); rà soát, sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng văn nghệ sĩ, đáp ứng yêu cầu đào tạo đặc thù trong lĩnh vực này. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài các năng khiếu, tài năng văn học, nghệ thuật. Xây dựng tiêu chuẩn và cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu lĩnh vực văn học, nghệ thuật có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đảm đương công việc. Xây dựng và thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến, có nhiều tác phẩm tốt, ảnh hưởng tích cực trong xã hội.

- Củng cố, đổi mới hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và các địa phương nhằm nâng cao khả năng tập hợp, động viên phát huy tiềm năng sáng tạo và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ của hội. Các hội văn học, nghệ thuật phải làm tốt vai trò tập hợp, đoàn kết, phát huy tính chủ động, tích cực xã hội và tài năng sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của các hội phù hợp với thời kỳ mới, khuyến khích tìm tòi các phương thức hoạt động gắn chặt với thực tiễn cuộc sống. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện Luật sở hữu trí tuệ, bảo vệ bản quyền tác giả văn học, nghệ thuật.

Chính phủ xây dựng nghị định về các hội văn học, nghệ thuật, khẳng định các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp phục vụ sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, được đầu tư, chăm lo cho sự phát triển. Nghiên cứu phương thức huy động các nguồn lực cho hoạt động của các hội theo hướng đa dạng hóa và việc sử dụng nguồn lực các hội một cách hợp lý, tạo cơ hội cho ra đời các tác phẩm tốt. Xây dựng và đổi mới cơ chế, chính sách, chế tài điều chỉnh việc Nhà nước đặt hàng mua tác phẩm, tổ chức sản xuất, xuất bản, công diễn, trình chiếu, triển lãm, tặng giải thưởng các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của đảng đoàn các hội, hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng trong các đơn vị hoạt động văn nghệ, quan tâm bồi dưỡng, kết nạp vào Đoàn, vào Đảng những văn nghệ sĩ trẻ tuổi.

- Tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống của dân tộc.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, học tập Nghị quyết, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách thiết thực, có hiệu quả.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn, biên soạn tài liệu phục vụ triển khai Nghị quyết,

chỉ đạo công tác tuyên truyền sâu rộng các nội dung cơ bản của Nghị quyết, phối hợp với các hội văn học, nghệ thuật và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức nghiên cứu, quán triệt cho đội ngũ văn nghệ sĩ.

- Cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các cơ quan hữu quan theo chức năng, khẩn trương triển khai các nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết.

- Phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng đề án đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa, nghệ thuật trong cả nước theo các chủ trương, giải pháp đã xác định trong Nghị quyết.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng tiêu chuẩn, cơ chế, lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn học, nghệ thuật; phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh trong việc xây dựng chương trình, nội dung đào tạo về văn học, nghệ thuật cho học viên trong hệ thống các trường chính trị.

3. Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, các cơ quan hữu quan xây dựng các cơ chế, chính sách, các quy định và thực hiện các nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết về quản lý nhà nước đối với văn học, nghệ thuật.

4. Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các cơ quan hữu quan nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với lực lượng hoạt động và sáng tạo văn học, nghệ thuật, kế hoạch xây dựng các công trình, trung tâm hoạt động văn học, nghệ thuật.

5. Hội đồng Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tham gia thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ của lĩnh vực lý luận, phê bình.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp định kỳ kiểm tra thực hiện Nghị quyết và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 168-QĐ/TW, ngày 23 tháng 6 năm 2008

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp tổ chức, cán bộ của Hà Nội sau khi điều chỉnh địa giới hành chính

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết số 15/2008/QH12, ngày 29-5-2008 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Cán sự Đảng Chính phủ,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp tổ chức, cán bộ của Hà Nội sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, gồm các đồng chí sau:

1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo;

2- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó trưởng Ban Chỉ đạo;

3- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên;

4- Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Ủy viên;

5- Đồng chí Đại tướng Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên;

6- Đồng chí Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên;

7- Đồng chí Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên;

8- Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên;

9- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên;

10- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên;

11- Đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Ủy viên;

12- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên;

13- Đồng chí Bùi Duy Nhâm, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tây, Ủy viên;

14- Đồng chí Trịnh Đình Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Ủy viên;

15- Đồng chí Hoàng Việt Cường, Bí thư Tỉnh ủy Hòa Bình, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức, cán bộ của Thành phố Hà Nội (mới) theo kết luận của Bộ Chính trị; trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề xét thấy cần thiết.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 163-TB/TW, ngày 23 tháng 6 năm 2008

Về phương hướng sắp xếp tổ chức, cán bộ của Hà Nội sau khi điều chỉnh địa giới hành chính

Tại phiên họp ngày 19-6-2008, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về phương hướng sắp xếp tổ chức, cán bộ của Hà Nội theo Nghị quyết số 15/2008/QH12, ngày 29-5-2008 của Quốc hội (các Tờ trình số 226-TTr/BTCTW, ngày 16-6-2008; số 217/BCS, ngày 12-6-2008) và ý kiến của các bộ, ban, ngành, địa phương có liên quan, Bộ Chính trị đồng ý cơ bản các đề xuất của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ nêu trong các tờ trình. Bộ Chính trị yêu cầu:

- Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2008/QH12, ngày 29-5-2008 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính Thành phố Hà Nội và một số tỉnh, các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý chủ động chuẩn bị các công việc về sắp xếp tổ chức, cán bộ của bộ máy mới. Việc sắp xếp tổ chức, cán bộ thực hiện đúng quy định

của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội.

- Bộ Chính trị sẽ có quyết định thành lập Đảng bộ Thành phố Hà Nội (mới); chỉ định Bí thư, Phó Bí thư, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, Ủy ban Kiểm tra của Đảng bộ Thành phố Hà Nội bao gồm: các đồng chí thành ủy viên, tỉnh ủy viên, ủy viên ủy ban kiểm tra của Thành ủy Hà Nội, Tỉnh ủy Hà Tây đương nhiệm (trừ các đồng chí chuyển công tác ra ngoài phạm vi Hà Nội (mới)), các đồng chí được điều động từ Trung ương hoặc các địa phương khác về Hà Nội cần tham gia Thành ủy.

- Việc hợp nhất Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội và Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây thành Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội (mới) thực hiện theo Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân. Đồng ý số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội (mới) nhiều hơn so với quy định. Giao các cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo hoặc ban hành văn bản theo thẩm quyền cho phép tăng số phó bí thư và số phó chủ tịch ủy ban nhân dân tại một số quận, huyện thuộc Thành phố Hà Nội (mới) để thực hiện luân chuyển cán bộ.

- Các cơ quan chức năng sớm trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định chỉ định hoặc giới thiệu để bầu các chức danh cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

- Đồng ý để Bộ Quốc phòng xây dựng và trình Bộ Chính trị đề án về tổ chức quân đội (sắp xếp lại các đơn vị: Quân khu Thủ đô, Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố Hà Nội, Bộ Chỉ huy

Quân sự tỉnh Hà Tây) phù hợp với việc điều chỉnh địa giới hành chính Thành phố Hà Nội.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, ban cán sự đảng một số bộ liên quan, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội (mới) triển khai kiện toàn, hướng dẫn tổ chức, hoạt động của ngành hoặc tổ chức mình theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội và quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

- Trong quá trình sắp xếp tổ chức, cán bộ, đồng ý bảo lưu chế độ, chính sách đối với cán bộ lãnh đạo. Đối với những cán bộ cấp trưởng khi sắp xếp vào đơn vị mới không giữ chức danh cấp trưởng thì được giữ nguyên các chế độ, chính sách của cấp trưởng cho đến hết thời hạn bổ nhiệm.

- Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương để chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức, cán bộ của Hà Nội sau khi điều chỉnh địa giới hành chính. Bộ Chính trị phân công đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư làm Trưởng ban và đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ làm Phó trưởng Ban Chỉ đạo, các thành viên khác là đại diện lãnh đạo các cơ quan: Đảng đoàn Quốc hội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng,

Ban Dân vận Trung ương, đại diện một số bộ, ngành liên quan và đại diện lãnh đạo Thành phố Hà Nội, các tỉnh Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hòa Bình.

Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện Kết luận này của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 169-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2008

Về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa X);

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X);

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUY ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng được hưởng phụ cấp trách nhiệm

Là những đảng viên được bầu cử hoặc chỉ định (theo quy định của Điều lệ Đảng) vào ban chấp hành đảng bộ, chi bộ các cấp từ Trung ương đến cấp cơ sở (đảng bộ cơ sở và chi bộ cơ sở).

Đối với các cấp ủy đảng trong lực lượng vũ trang có hướng dẫn riêng.

Điều 2. Mức phụ cấp trách nhiệm

- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (kể cả Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng) hưởng hệ số 1,0 mức lương tối thiểu.

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương hưởng hệ số 0,5 mức lương tối thiểu.

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp quận, huyện, thị xã và tương đương hưởng hệ số 0,4 mức lương tối thiểu.

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chi bộ cấp xã và tương đương hưởng hệ số 0,3 mức lương tối thiểu.

Điều 3. Nguyên tắc phụ cấp và nguồn kinh phí

1. Nguyên tắc phụ cấp

- Cấp ủy viên các cấp hằng tháng được hưởng phụ cấp trách nhiệm cấp ủy viên; khi thôi tham gia cấp ủy thì thôi hưởng phụ cấp.

- Trường hợp một đồng chí là cấp ủy viên nhiều cấp thì chỉ hưởng một mức phụ cấp trách nhiệm của cấp ủy cao nhất mà đồng chí đó tham gia.

- Phụ cấp trách nhiệm không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội.

2. Nguồn kinh phí

- Đối với khu vực hành chính, sự nghiệp, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp:

Kinh phí chi trả phụ cấp đối với cấp ủy viên được hạch toán vào chi phí hoạt động của các tổ chức đảng tại Quy định về chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp ban hành kèm theo Quyết định số 84-QĐ/TW, ngày 1-10-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX).

- Đối với khu vực doanh nghiệp:

+ Trong các doanh nghiệp nhà nước, kinh phí chi trả phụ cấp đối với cấp ủy viên được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

+ Trong các doanh nghiệp khác, kinh phí chi trả phụ cấp đối với cấp ủy viên được tính vào chi phí hoạt động của các tổ chức đảng tại Quy định về chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp ban hành kèm theo Quyết định số 84-QĐ/TW, ngày 1-10-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng cấp ủy mỗi cấp có trách nhiệm chi trả phụ cấp đối với các đồng chí cấp ủy viên cấp đó (theo kỳ họp).

2. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Tổng cục Xây dựng lực lượng Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương căn cứ quy định này hướng dẫn thực hiện đối với các tổ chức đảng trong lực lượng vũ trang.

3. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quy định này.

4. Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp được thực hiện từ ngày 1-1-2009.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 170-QĐ/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008

Kết thúc hoạt động của đảng đoàn một số hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và tổ chức lại Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của Đảng đoàn Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Đảng đoàn Hội Mỹ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Hội Điện ảnh Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Đảng đoàn Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Đảng đoàn Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Đảng đoàn Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức lại Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam theo cơ cấu thành viên đảng đoàn bao gồm chủ tịch hoặc phó chủ tịch các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương là đảng viên. Nhiệm vụ của đảng đoàn các hội văn học, nghệ thuật kết thúc hoạt động giao cho Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam thực hiện.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn việc tổ chức lại Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và kết thúc hoạt động của đảng đoàn các hội văn học, nghệ thuật Trung ương nêu tại Điều 1, bàn giao tài liệu, hồ sơ lưu trữ, con dấu theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 23-CT/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008

Về tổ chức kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng (3-3-1959 – 3-3-2009), 20 năm Ngày biên phòng toàn dân (1989 - 2009) và 50 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống Bộ đội Trường Sơn (19-5-1959 – 19-5-2009)

Kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng (3-3-1959 – 3-3-2009), 20 năm Ngày biên phòng toàn dân (1989 - 2009) và 50 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống Bộ đội Trường Sơn (19-5-1959 – 19-5-2009) là dịp để ôn lại và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, củng cố, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm cần đạt được mục đích, yêu cầu và tập trung vào một số nội dung sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về truyền thống yêu nước, ý chí độc lập, tự cường, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ của quân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh làm nên "con đường huyền thoại", đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh để chi viện sức người, sức của cho các chiến trường miền Nam; những chiến công, truyền thống quang vinh của Bộ đội Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; về truyền thống vẻ vang, những đóng góp to lớn của Bộ đội Biên phòng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, vào xây dựng khu vực biên giới phát triển toàn diện, quản lý và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới, biển, đảo, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Thông qua các hoạt động kỷ niệm, đẩy mạnh giới thiệu các thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta với bạn bè quốc tế nhằm mở rộng, phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Nhà nước, nhân dân ta với nhà nước và nhân dân các nước trên thế giới.

3. Kết hợp chặt chẽ việc kỷ niệm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng, Bộ đội Trường Sơn với kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước trong năm 2009. Việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm cần chuẩn bị chu đáo, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, an toàn, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức lễ míttinh trọng thể kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng, 20 năm Ngày biên phòng toàn dân, 50 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống Bộ đội Trường Sơn tại Hà Nội. Các tỉnh có đường biên giới trên bộ, nơi có biển, đảo tổ chức míttinh kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng, 20 năm Ngày biên phòng toàn dân.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì biên soạn các tài liệu tuyên truyền; phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo hướng dẫn tuyên truyền sâu rộng trong cả nước về hai sự kiện trên.

Bộ Quốc phòng hướng dẫn các đơn vị trong toàn quân, nhất là Bộ đội Biên phòng, Bộ đội Trường Sơn tổ chức các hoạt động kỷ niệm một cách thiết thực, hiệu quả; chăm lo củng cố, xây dựng lực lượng Bộ đội Biên phòng, Bộ đội Trường Sơn vững mạnh về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Các bộ, ngành, đoàn thể và địa phương có kế hoạch phối hợp với Bộ Quốc phòng và các đơn vị trong quân đội tổ chức các hoạt động kỷ niệm phong phú, sáng tạo, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc; tích cực tham gia và động viên các tầng lớp nhân dân giúp đỡ về vật chất và tinh thần cho nhân dân và các lực lượng vũ trang đang làm nhiệm vụ ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đồng thời thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

4. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán báo cáo Chính phủ đảm bảo kinh phí cho các hoạt động kỷ niệm.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 171-QĐ/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan hội quần chúng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên;
- Căn cứ đặc điểm của các hội quần chúng,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan hội quần chúng như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan hội quần chúng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và hội viên trong cơ quan thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của hội; lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị

của hội; xây dựng đảng bộ, chi bộ cơ quan hội trong sạch, vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và hội viên trong cơ quan chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của hội; đề cao tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của cơ quan hội.

2. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, hội viên trong cơ quan tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác hội; sâu sát cơ sở, gắn bó với hội viên, góp phần thực hiện công tác vận động quần chúng, công tác đối ngoại nhân dân của Đảng và Nhà nước. Lãnh đạo chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, hội viên trong cơ quan.

3. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan hội. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và hội viên phát huy quyền làm chủ, thực hiện nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của hội; ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi tham ô, tham nhũng; giữ gìn bí mật, bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định của Đảng và Nhà nước, bảo vệ tài sản của cơ quan.

Điều 3. Lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng

1. Tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và hội viên; xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong

công tác và đời sống; nắm bắt kịp thời tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, hội viên để giải quyết hoặc báo cáo lên cấp có thẩm quyền giải quyết.

2. Thường xuyên phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị để cán bộ, đảng viên và hội viên trong cơ quan nắm vững và thực hiện có hiệu quả. Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên, hội viên được học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, hội viên đề cao cảnh giác, chủ động ngăn ngừa và đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp ủy cùng với đảng đoàn, thường vụ hội lãnh đạo thực hiện chủ trương, giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của cơ quan; tham gia về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ là đảng viên trong đảng bộ, chi bộ cơ quan hội.

2. Cấp ủy tham gia, đề xuất với cấp ủy cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ, đảng viên của hội thuộc thẩm quyền của cấp trên khi có yêu cầu.

Điều 5. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; không ngừng nâng cao

năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

2. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; làm tốt công tác quản lý đảng viên, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, chống những biểu hiện tiêu cực, vi phạm đạo đức, tư cách của người đảng viên.

3. Thường xuyên bồi dưỡng quần chúng ưu tú để tạo nguồn kết nạp đảng viên mới; làm tốt công tác phát triển Đảng, bảo đảm tiêu chuẩn, quy trình theo quy định.

4. Xây dựng cấp ủy có uy tín, năng lực, phẩm chất, hoạt động hiệu quả, tiêu biểu cho trí tuệ của đảng bộ, chi bộ.

5. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội

1. Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong cơ quan vững mạnh, hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của từng tổ chức, tham gia công tác xây dựng Đảng; đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo các đoàn thể làm tốt công tác quản lý, giáo dục đoàn viên, hội viên; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cơ quan.

3. Định kỳ sáu tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy nghe các đoàn thể chính trị - xã hội báo cáo tình hình hoạt động và có chủ trương lãnh đạo hoạt động của từng đoàn thể.

III- QUAN HỆ GIỮA CẤP ỦY VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với đảng đoàn và lãnh đạo hội

1. Cấp ủy lãnh đạo cán bộ, đảng viên, hội viên thực hiện các chủ trương, quyết định của đảng đoàn, lãnh đạo hội; phối hợp chặt chẽ với đảng đoàn, lãnh đạo hội để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Cấp ủy xây dựng quy chế phối hợp công tác với đảng đoàn và lãnh đạo hội. Định kỳ hoặc đột xuất, thông báo với đảng đoàn, lãnh đạo hội, thủ trưởng cơ quan ý kiến của đảng viên và quần chúng về việc thực hiện các nhiệm vụ, chính sách, chế độ trong đơn vị để phối hợp giải quyết.

3. Đảng đoàn, lãnh đạo hội có trách nhiệm tạo điều kiện để cấp ủy và đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này. Định kỳ hoặc khi có yêu cầu, đại diện đảng đoàn, lãnh đạo hội thông báo với cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ về các chủ trương công tác lớn của hội để cấp ủy lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện.

Điều 8. Đối với cấp ủy cấp trên trực tiếp

1. Đảng bộ, chi bộ chịu sự lãnh đạo của cấp ủy cấp trên trực tiếp để xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của cấp ủy và cơ quan, tổ chức cấp trên.

2. Cấp ủy cấp trên trực tiếp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với đảng bộ, chi bộ cơ sở hội; phối hợp với đảng đoàn tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ.

Điều 9. Đối với cấp ủy và chính quyền địa phương

Cấp ủy xây dựng mối quan hệ với cấp ủy địa phương nơi có trụ sở của hội đóng và nơi đảng viên cư trú để phối hợp công tác, quản lý đảng viên; tạo điều kiện để đảng viên thường xuyên giữ mối liên hệ với cấp ủy địa phương, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan hội có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, các đảng bộ, chi bộ trong cơ quan hội xây dựng quy chế hoạt động phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 164-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008

Về Đề án "Chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị"

Tại phiên họp ngày 19-6-2008, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương, Ban soạn thảo trình bày Đề án "Chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị" (Tờ trình số 212-TTr/BTCTW, ngày 8-5-2008), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đề án "Chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị" được chuẩn bị công phu, đã đề ra được các giải pháp giải quyết về nhà ở đối với cán bộ, công chức. Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay việc giải quyết về nhà ở đối với cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị cần được thực hiện đồng bộ với việc giải quyết về nhà ở cho các đối tượng khác mà Nhà nước phải chăm lo, như nhà ở cho các hộ đặc biệt nghèo, nhà ở cho gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, nhà ở cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp tập trung.

Đối với cán bộ, công chức, trước mắt tập trung triển khai Đề án tiền lương đã được thông qua đồng thời với việc đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội để cho các đối tượng có thu nhập thấp thuê và thuê mua, hình thành các cơ chế tài chính, tín dụng nhà ở phù hợp để hỗ trợ cải thiện nhà ở.

Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ trên cơ sở Đề án "Chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị" này cùng với các đề án về nhà ở mà Chính phủ đang chỉ đạo chuẩn bị (đề án phát triển nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngân sách, đề án hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở, đề án nhà ở cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp tập trung, đề án phát triển nhà ở công vụ), chuẩn bị thành một đề án chung về chính sách nhà ở cho các đối tượng xã hội có nhu cầu phải giải quyết về nhà ở, trình Bộ Chính trị thông qua làm cơ sở xây dựng thành chính sách giải quyết nhà ở cho các đối tượng này một cách cơ bản, lâu dài và có tính khả thi.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 165-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008

Về Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước"

Tại phiên họp ngày 20-6-2008, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo về Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước" (Tờ trình số 211-TTr/BTCTW, ngày 8-5-2008) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương triển khai Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước" như đề xuất của Ban Tổ chức Trung ương; đồng thời lưu ý một số điểm:

- Đồng ý giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì triển khai Đề án. Tuy nhiên, cần phân cấp cho các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của bộ, ngành, địa phương theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng là cán bộ lãnh đạo, quản lý của cả hệ thống chính trị (bao gồm cả cán bộ khối lực lượng vũ trang, tư pháp...). Đồng ý tuyển chọn cả một số

sinh viên trẻ tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc của các trường đại học và cán bộ trẻ đã qua thực tiễn công tác một vài năm.

- Cùng với đưa cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, cần coi trọng việc mời chuyên gia nước ngoài vào đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các cơ sở trong nước. Xem xét, cân nhắc thêm về các nước gửi cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, chú ý tập trung vào các nước phát triển, các nước nói tiếng Anh, Nga, Trung Quốc.

- Công tác tuyển chọn, quản lý cán bộ trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng sau đào tạo, bồi dưỡng cần làm chặt chẽ, đúng với các quy định của Đảng, Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

2. Nguồn tài chính để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài chủ yếu là ngân sách nhà nước, đồng thời huy động thêm các nguồn tài trợ quốc tế và của cơ quan có người đi học. Chính phủ cân đối ngân sách hằng năm cho thực hiện Đề án theo hướng tăng hơn so với dự kiến nêu trong Đề án.

3. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan và các tỉnh ủy, thành ủy thực hiện các bước tiếp theo để sớm triển khai đề án. Sau từng năm, từng giai đoạn, Ban Tổ chức Trung ương chủ trì tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư để có sự chỉ đạo kịp thời.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 24-CT/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2008

Về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới

Thực hiện Chỉ thị số 118-CT/TW, ngày 30-9-1981 của Ban Bí thư khóa IV, Hội Đông y Việt Nam đã có những bước phát triển quan trọng. Hệ thống tổ chức Hội Đông y Việt Nam được hình thành ở bốn cấp và đã thành lập ở 61 tỉnh, thành phố, 90% huyện, thị và 80% xã, phường. Số lượng hội viên ngày càng tăng. Hoạt động của Hội Đông y Việt Nam ở các cấp đã góp phần quan trọng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển nền đông y nước nhà: việc khám, chữa bệnh bằng đông y được mở rộng, số lượng cán bộ ngành đông y tăng, trình độ chuyên môn được nâng cao; thuốc đông y Việt Nam đa dạng về chủng loại; hoạt động xã hội hóa và công tác quản lý hành nghề đông y có những tiến bộ đáng kể.

Tuy nhiên, sự phát triển của nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng vốn có, chưa ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những hạn chế này song hành với những yếu kém và hạn chế trong sự phát triển của nền đông y Việt Nam và trong triển khai chính sách quốc gia về y dược học cổ truyền. Hiện nay, nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của đông y; chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng và phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong chính sách y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Trước tình hình đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quán triệt và thực hiện tốt những nội dung sau đây:

1. Quan điểm chỉ đạo

1.1- Phát triển nền đông y Việt Nam vì mục tiêu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là trách nhiệm các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn xã hội.

1.2- Phát triển nền đông y Việt Nam là góp phần bảo tồn bản sắc, phát huy và phát triển một bộ phận văn hóa của dân tộc Việt Nam, thể hiện tinh thần độc lập và tự cường của dân tộc Việt Nam.

1.3- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tăng cường ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, giữ gìn tính đặc thù của nền đông y Việt Nam, đưa nền đông y Việt Nam thành một ngành khoa học mạnh, góp phần tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ đông y.

1.4- Phát triển nền đông y Việt Nam theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa đông y và tây y trên tất cả các khâu: tổ chức, đào tạo, kế thừa, nghiên cứu, áp dụng vào phòng bệnh và khám, chữa bệnh, nuôi trồng dược liệu, bảo tồn các cây, con quý hiếm làm thuốc, sản xuất thuốc; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động đông y.

1.5- Củng cố, phát triển Hội Đông y Việt Nam là thực hiện công tác dân vận của Đảng và góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Hội Đông y Việt Nam và các tổ chức thành viên là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự chủ, năng động và sáng tạo, đại diện hợp pháp về quyền lợi và trách nhiệm của những người hành nghề đông y. Hội Đông y có vai trò nòng cốt trong phát triển nền đông y Việt Nam.

2. Mục tiêu phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam

2.1- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển đông y; kết hợp đông y với tây y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; xây dựng nền y dược học Việt Nam hiện đại, khoa học, dân tộc và đại chúng, ngang tầm khu vực và thế giới; từng bước quảng bá nền đông y Việt Nam ra nước ngoài.

2.2- Hoàn thiện hệ thống tổ chức chuyên ngành đông y từ Trung ương đến địa phương; tiếp tục triển khai thực hiện "chính sách quốc gia về y dược học cổ truyền đến năm 2010" và những năm tiếp theo. Xây dựng đội ngũ thầy thuốc đông y đông đảo về số lượng, giỏi về chuyên môn và trong sáng về y đức, đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành.

2.3- Củng cố tổ chức, phát triển hội viên, đẩy mạnh hoạt động của Hội Đông y Việt Nam và các tổ chức thành viên ở các cấp để Hội thực sự đóng vai trò nòng cốt trong sự nghiệp

phát triển nền đông y Việt Nam, góp phần đắc lực vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1- Nâng cao nhận thức về vai trò của đông y, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc phát triển nền đông y Việt Nam.

3.2- Tiếp tục kiện toàn hệ thống khám, chữa bệnh bằng đông y và quản lý nhà nước về đông y, đông dược từ Trung ương đến cơ sở. Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý giữa các ngành và các cấp trong nhiệm vụ phát triển nền đông y và Hội Đông y Việt Nam.

3.3- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng cơ chế, chính sách và những quy định cụ thể để thực hiện việc kết hợp giữa đông y và tây y một cách hài hòa và hiệu quả. Cần có chính sách đặc thù trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để các lương y chuyển giao những bài thuốc hay, cây thuốc quý và những kinh nghiệm phòng, chữa bệnh bằng đông y, khuyến khích truyền nghề cho thế hệ sau. Xây dựng các chế tài để xử lý nghiêm đối với những trường hợp hành nghề đông y, đông dược trái pháp luật.

3.4- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống mã ngành đào tạo thầy thuốc đông y, kể cả lương y, lương dược ở các bậc học khác nhau; tăng cường đầu tư, hoàn thiện hệ thống các cơ sở đào tạo, bao gồm trường đại học, trung học và dạy nghề đông y theo quy định của pháp luật, chú trọng đào tạo chuyên gia đầu ngành.

3.5- Xây dựng quy hoạch tổng thể vùng chuyên nuôi trồng dược liệu; đẩy mạnh nghiên cứu, điều tra, bảo tồn

nguồn quỹ gen về dược liệu Việt Nam, xác định nhu cầu sử dụng dược liệu phục vụ công tác khám, chữa bệnh và xuất khẩu. Kết hợp chặt chẽ giữa việc khuyến khích "trồng cây thuốc tại vườn, tại nhà" với việc hình thành các vùng chuyên nuôi trồng, chế biến cây, con làm thuốc theo hướng công nghiệp.

3.6- Ưu tiên đầu tư và có chính sách đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chú trọng việc giữ gìn bản sắc truyền thống và tính đặc thù của nền đông y Việt Nam từ kế thừa, bảo tồn, nuôi trồng, khai thác, chế biến dược liệu đến các phương pháp khám, chữa bệnh.

3.7- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thành lập các cơ sở khám chữa bệnh, đào tạo nhân lực, sản xuất kinh doanh thuốc đông y, phát triển các vùng dược liệu; sớm xây dựng các tập đoàn đông dược đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

3.8- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học, khám, chữa bệnh, nuôi trồng, chế biến dược liệu và trao đổi chuyên gia về đông y.

3.9- Để tăng cường vai trò nòng cốt của Hội Đông y trong phát triển nền đông y Việt Nam, cần thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Các cấp ủy đảng và chính quyền cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của Hội Đông y, trực tiếp chỉ đạo các cấp hội kiện toàn tổ chức ở bốn cấp; chú trọng việc đẩy mạnh hoạt động hội, phát triển hội viên, nhất là ở cấp cơ sở. Nhà nước có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho Hội Đông y hoạt động và phát triển. Hội Đông y Việt Nam và các tổ chức thành viên chủ

động xây dựng kế hoạch hoạt động, bao gồm việc củng cố tổ chức, phát triển hội viên, kết hợp chặt chẽ với ngành y tế trong các hoạt động chuyên môn, thực hiện đầy đủ trách nhiệm của thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, tham gia xây dựng và phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế chủ động phối hợp với Hội Đông y Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức, chương trình đào tạo các loại hình cán bộ chuyên ngành đông y, trong đó có lương y, lương dược theo các quy định của Chính phủ.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Hội Đông y Việt Nam chỉ đạo xây dựng các ngạch viên chức về lương y, lương dược.

- Nhà nước có cơ chế, chính sách tăng cường vai trò của Hội Đông y trong quản lý hành nghề (cấp chứng chỉ, kiểm tra hành nghề đông y) phù hợp với năng lực, khả năng hoạt động của Hội Đông y Việt Nam, các tổ chức thành viên và theo quy định của pháp luật.

- Hội Đông y Việt Nam chủ động phối hợp với các ngành chức năng đẩy mạnh sưu tầm, phát hiện, tập hợp và quy hoạch bảo tồn nguồn quỹ gien các cây, con làm thuốc; đặc biệt những cây, con quý hiếm có nguy cơ tiệt chủng; nghiên cứu quy trình sản xuất thuốc, từng bước ứng dụng khoa học và công nghệ trong chế biến, sản xuất thuốc đông dược, tạo ra nhiều thuốc thành phẩm chữa bệnh có hiệu quả cao, nhưng vẫn giữ được tính đặc thù của thuốc đông dược.

Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam và Trung ương Hội Đông y Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và định kỳ báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 172-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2008

Thành lập Ban Chỉ đạo Hội thảo lý luận lần thứ 4 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);

- Căn cứ Quyết định số 39-QĐ/TW, ngày 15-3-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương;

- Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Hội thảo lý luận lần thứ 4 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc gồm các đồng chí có tên sau đây:

1- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2- Đồng chí Trần Văn Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

3- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

4- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

5- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

7- Đồng chí Mai Trực, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Khánh Hòa, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức Hội thảo lý luận lần thứ 4 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc đạt kết quả, chất lượng tốt, an toàn, tiết kiệm; định kỳ báo cáo Thường trực Ban Bí thư về quá trình chuẩn bị và tổng hợp kết quả Hội thảo báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 3. Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tiểu ban nội dung và Tiểu ban tổ chức hội thảo do Ban Chỉ đạo quyết định thành lập; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo lấy trong kinh phí của Hội thảo.

Điều 4. Các đồng chí có tên ở Điều 1, Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 173-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2008

Ban hành Quy trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để ban hành quy trình kiểm tra của cấp mình cho phù hợp và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các đồng chí Ủy viên: Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương; lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng; các tỉnh ủy,

thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương có liên quan, có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY TRÌNH
KIỂM TRA CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 173-QĐ/TW, ngày 8-7-2008)

A- BƯỚC CHUẨN BỊ

1. Căn cứ chương trình kiểm tra toàn khóa, hằng năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các tổ chức đảng được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, chủ trì, phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng kế hoạch kiểm tra (bao gồm mục đích, yêu cầu, nội dung, đối tượng, phương pháp tiến hành, thời gian, lực lượng kiểm tra...).

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định kế hoạch kiểm tra, lập ban chỉ đạo kiểm tra, hoặc lập đoàn kiểm tra, phân công cơ quan thường trực của ban chỉ đạo hoặc đoàn kiểm tra. Cơ quan được phân công là thường trực của ban chỉ đạo kiểm tra hoặc là trưởng đoàn kiểm tra dùng con dấu của cơ quan mình để thực hiện các giao dịch.

3. Ban chỉ đạo kiểm tra hoặc đoàn kiểm tra xây dựng kế hoạch kiểm tra, lập tổ thư ký giúp việc; họp phổ biến quy chế hoạt động; phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

4. Ban chỉ đạo hoặc đoàn kiểm tra thông báo kế hoạch, chương trình kiểm tra, những văn bản hướng dẫn (nếu có) đến các tổ chức đảng được kiểm tra.

B- BƯỚC TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Đoàn kiểm tra làm việc với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra để triển khai thông báo quyết định, kế hoạch, đề cương báo cáo và chương trình kiểm tra; thống nhất lịch kiểm tra; thông báo để tổ chức đảng được kiểm tra chuẩn bị báo cáo tự kiểm tra theo nội dung cuộc kiểm tra (báo cáo tự kiểm tra trước khi nộp cho đoàn kiểm tra phải được thông qua hội nghị ban thường vụ cấp ủy hoặc ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... nơi được kiểm tra), yêu cầu cung cấp tài liệu và phối hợp trong quá trình kiểm tra.

2. Thu thập, nghiên cứu tài liệu, văn bản, báo cáo tự kiểm tra của tổ chức đảng được kiểm tra.

3. Tiến hành thẩm tra, xác minh; khảo sát, nắm tình hình hoặc kiểm tra thực tế ở một số địa phương, đơn vị cần thiết; xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh của đoàn kiểm tra.

4. Tổ chức Hội nghị:

- *Thành phần:*

+ Đoàn kiểm tra của Trung ương.

+ Ban thường vụ cấp ủy (hoặc ban cán sự đảng, đảng đoàn...) nơi được kiểm tra.

+ Tổ thư ký của văn phòng cấp ủy (hoặc ban cán sự đảng, đảng đoàn...).

- *Nội dung:*

+ Đoàn kiểm tra thông báo dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản.

+ Hội nghị thảo luận, cho ý kiến. Nếu có ý kiến khác nhau thì tổ thư ký ghi đầy đủ vào biên bản hội nghị.

5. Tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung cần được làm rõ.

6. Dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh. Các đoàn kiểm tra gửi báo cáo kết quả kiểm tra về cơ quan thường trực của ban chỉ đạo hoặc đoàn kiểm tra để tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra.

7. Tổ chức hội nghị ban chỉ đạo kiểm tra, đoàn kiểm tra.

Mời tổ thư ký dự để thảo luận, góp ý vào báo cáo kết quả kiểm tra.

8. Ban chỉ đạo kiểm tra, đoàn kiểm tra hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra để trình hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

C- BƯỚC KẾT THÚC

1. Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư:

a) Thành phần hội nghị:

Mời đại diện ban chỉ đạo hoặc đoàn kiểm tra và đại diện các cơ quan có liên quan.

b) Nội dung hội nghị gồm:

- Đại diện ban chỉ đạo, đoàn kiểm tra hoặc cơ quan thường trực cuộc kiểm tra trình báo cáo kết quả kiểm tra.

- Hội nghị thảo luận, kết luận cuộc kiểm tra. Nếu thấy tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc đã vi

phạm thì giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành kiểm tra, làm rõ.

2. Đồng chí thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư ký, thông báo kết luận kiểm tra đến các tổ chức đảng đã được kiểm tra bằng hình thức thích hợp; giao các cơ quan chức năng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kết luận, quyết định, thông báo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Ban chỉ đạo kiểm tra, đoàn kiểm tra họp rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo và việc thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra.

4. Văn phòng Trung ương Đảng lập và lưu trữ hồ sơ kiểm tra.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 174-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2008

Ban hành Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các quy trình xem xét, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào các quy trình của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để ban hành quy

trình xem xét, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của cấp mình cho phù hợp và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các đồng chí Ủy viên: Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương; lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng; các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương có liên quan, có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY TRÌNH
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG XEM XÉT, THI HÀNH KỶ LUẬT VỚI ĐẢNG VIÊN LÀ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

(*Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 174-QĐ/TW, ngày 08-7-2008*)

A- BƯỚC CHUẨN BỊ

1. Tổng Bí thư giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành xem xét, xử lý theo quy trình đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (kể cả Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị) có vi phạm (trừ trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra theo Điều 32 Điều lệ Đảng).

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương gửi Bộ Chính trị báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị (gọi tắt là đảng viên) có vi phạm kỷ luật đảng (qua Văn phòng Trung ương Đảng để đưa vào chương trình kỳ họp của Bộ Chính trị).

Văn phòng Trung ương Đảng sao, gửi báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị trước kỳ họp Bộ Chính trị ít nhất 3 ngày.

3. Bộ Chính trị ủy nhiệm cho đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra

Trung ương nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến trước khi Bộ Chính trị họp. Trường hợp đảng viên là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư có vi phạm thì đồng chí Tổng Bí thư hoặc Thường trực Ban Bí thư nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến trước khi Bộ Chính trị họp.

4. Bộ Chính trị họp nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đối với đảng viên vi phạm; thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định thi hành kỷ luật.

5. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng giúp Bộ Chính trị hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương.

6. Văn phòng Trung ương Đảng gửi báo cáo của Bộ Chính trị về việc đề nghị thi hành kỷ luật đến các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương trước kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương ít nhất 3 ngày.

B- BƯỚC TIẾN HÀNH

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương:

Thành phần:

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

- Đại diện tổ chức đảng nơi đảng viên vi phạm công tác (ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn).

- Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương.

Nội dung:

1. Đại diện Bộ Chính trị đọc tờ trình đề nghị thi hành kỷ luật đối với đảng viên có vi phạm.

2. Nghe đảng viên và đại diện tổ chức đảng nơi đảng viên vi phạm công tác trình bày ý kiến bằng văn bản.

3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo làm rõ thêm những ý kiến khác với kết luận và đề nghị của Bộ Chính trị, khác với ý kiến của đảng viên vi phạm (nếu có).

4. Ban Chấp hành Trung ương họp riêng (có đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương dự) thảo luận, kết luận, biểu quyết hình thức kỷ luật bằng phiếu kín.

C- BƯỚC KẾT THÚC

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Chấp hành Trung ương hoàn chỉnh thông báo kết luận, quyết định kỷ luật, trình đồng chí Tổng Bí thư ký ban hành.

2. Bộ Chính trị ủy quyền cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương triển khai các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành kỷ luật đối với đảng viên; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan thực hiện quyết định đó.

Trường hợp cần thiết, đại diện Bộ Chính trị trực tiếp triển khai quyết định thi hành kỷ luật đối với đảng viên.

3. Văn phòng Trung ương Đảng lập và lưu trữ hồ sơ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY TRÌNH
BỘ CHÍNH TRỊ XEM XÉT, THI HÀNH KỶ LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐẢNG HOẶC ĐẢNG VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 174-QĐ/TW, ngày 8-7-2008)

A- BƯỚC CHUẨN BỊ

1. Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành xem xét, xử lý theo quy trình đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị quản lý có vi phạm (trừ trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra theo Điều 32 Điều lệ Đảng).

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương gửi Bộ Chính trị báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên có vi phạm (qua Văn phòng Trung ương Đảng để đưa vào chương trình kỳ họp của Bộ Chính trị).

3. Văn phòng Trung ương Đảng sao, gửi báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị trước kỳ họp Bộ Chính trị ít nhất 3 ngày.

4. Bộ Chính trị ủy nhiệm cho đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương nghe tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm trình bày ý kiến trước khi Bộ Chính trị họp xem xét, quyết định.

B- BƯỚC TIẾN HÀNH

Hội nghị Bộ Chính trị:

Thành phần:

- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị.

- Trường hợp xử lý kỷ luật tổ chức đảng thì mời các thành viên của tổ chức đảng đó (ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn).

- Trường hợp xử lý kỷ luật đảng viên thì mời đảng viên đó, đại diện tổ chức đảng nơi đảng viên công tác (ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn).

- Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương.

Nội dung:

1. Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương trình bày báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên có vi phạm.

2. Đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm và đại diện tổ chức đảng nơi đảng viên công tác trình bày ý kiến bằng văn bản.

3. Bộ Chính trị họp riêng để thảo luận, kết luận, biểu quyết hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm bằng phiếu kín.

- Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo kết quả cuộc gặp và làm việc với tổ chức đảng hoặc đảng viên có vi phạm bằng văn bản.

- Trường hợp qua xem xét, Bộ Chính trị quyết định không xử lý kỷ luật thì Bộ Chính trị thông báo bằng văn bản

cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương và tổ chức đảng hoặc đảng viên có liên quan biết.

- Trường hợp Bộ Chính trị biểu quyết có quá nửa số phiếu đề nghị thi hành kỷ luật, nhưng không có hình thức kỷ luật nào quá bán thì Bộ Chính trị thảo luận kỹ và biểu quyết lại, nếu vẫn không đạt đa số phiếu cho một hình thức kỷ luật thì Bộ Chính trị có tờ trình đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

C- BƯỚC KẾT THÚC

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng giúp Bộ Chính trị xây dựng và hoàn chỉnh thông báo kết luận, quyết định kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên, trình đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư ký ban hành.

2. Bộ Chính trị ủy nhiệm cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương triển khai các thông báo, kết luận, quyết định của Bộ Chính trị về thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên; giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có liên quan thực hiện kết luận và quyết định thi hành kỷ luật của Bộ Chính trị.

Trường hợp cần thiết, đại diện Bộ Chính trị trực tiếp triển khai quyết định thi hành kỷ luật.

3. Văn phòng Trung ương Đảng lập và lưu trữ hồ sơ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY TRÌNH
BAN BÍ THƯ XEM XÉT, THI HÀNH KỶ LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐẢNG HOẶC ĐẢNG VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 174-QĐ/TW, ngày 8-7-2008)

A- BƯỚC CHUẨN BỊ

1. Thường trực Ban Bí thư giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành xem xét, xử lý theo quy trình đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên thuộc diện Ban Bí thư quản lý có vi phạm (trừ trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra theo Điều 32 Điều lệ Đảng).

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương gửi Ban Bí thư báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên có vi phạm (qua Văn phòng Trung ương Đảng để đưa vào chương trình kỳ họp của Ban Bí thư).

3. Văn phòng Trung ương Đảng sao, gửi báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến các đồng chí Ủy viên Ban Bí thư trước kỳ họp Ban Bí thư ít nhất 3 ngày.

4. Ban Bí thư ủy nhiệm cho đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương nghe tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm trình bày ý kiến trước khi Ban Bí thư họp xem xét, quyết định.

B- BƯỚC TIẾN HÀNH

Hội nghị Ban Bí thư:

Thành phần:

- Các đồng chí Ủy viên Ban Bí thư.

- Trường hợp xử lý kỷ luật tổ chức đảng thì mời các thành viên của tổ chức đảng đó (ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn).

- Trường hợp xử lý đảng viên thì mời đảng viên đó, đại diện tổ chức đảng nơi đảng viên công tác (ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn).

- Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương và tổ chức đảng có liên quan.

Nội dung:

1. Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương trình bày báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên có vi phạm.

2. Đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm và đại diện tổ chức đảng nơi đảng viên công tác trình bày ý kiến bằng văn bản.

3. Ban Bí thư họp riêng để thảo luận, xem xét, biểu quyết hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên bằng phiếu kín.

- Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương thay mặt Ban Bí thư báo cáo kết quả cuộc gặp và làm việc với tổ chức đảng hoặc đảng viên có vi phạm bằng văn bản.

- Trường hợp Ban Bí thư quyết định không xử lý kỷ luật thì Ban Bí thư thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương và tổ chức đảng hoặc đảng viên có liên quan biết.

- Trường hợp tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm thuộc thẩm quyền của Ban Bí thư quyết định nhưng khi Ban Bí thư họp xem xét, biểu quyết kỷ luật kết quả không có hình thức nào quá bán thì Ban Bí thư báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

- Trường hợp tổ chức đảng vi phạm thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị quyết định thì Ban Bí thư báo cáo, đề nghị Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

C- BƯỚC KẾT THÚC

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư hoàn chỉnh thông báo kết luận, quyết định kỷ luật hoặc đề nghị Bộ Chính trị xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên, trình đồng chí Thường trực Ban Bí thư ký ban hành.

2. Ban Bí thư ủy nhiệm cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương triển khai các kết luận, quyết định của Ban Bí thư về thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên; giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan thực hiện kết luận và quyết định thi hành kỷ luật của Ban Bí thư.

Trường hợp cần thiết, đại diện Ban Bí thư trực tiếp triển khai quyết định thi hành kỷ luật.

3. Văn phòng Trung ương Đảng lập và lưu trữ hồ sơ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY TRÌNH
BAN BÍ THƯ, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT ĐẢNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG HOẶC ĐẢNG VIÊN

(*Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 174-QĐ/TW, ngày 8-7-2008*)

A- BƯỚC CHUẨN BỊ

1. Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định thành lập đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật để giúp Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng hoặc đảng viên (sau đây gọi tắt là đoàn kiểm tra).

2. Đoàn kiểm tra xây dựng kế hoạch giải quyết khiếu nại (bao gồm nội quy hoạt động, lịch trình giải quyết); họp đoàn phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên đoàn kiểm tra.

3. Đoàn kiểm tra yêu cầu tổ chức đảng có thẩm quyền trước đây đã thi hành kỷ luật hoặc đã giải quyết khiếu nại kỷ luật cung cấp đầy đủ hồ sơ thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật; phân công thành viên nghiên cứu hồ sơ khiếu nại kỷ luật đảng.

B- BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Đoàn kiểm tra làm việc với đại diện tổ chức đảng đã thi hành kỷ luật hoặc đã giải quyết khiếu nại trước đây để triển khai kế hoạch và yêu cầu cử cán bộ phối hợp giải quyết.

2. Đoàn kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh.

- Làm việc với đại diện tổ chức đảng khiếu nại hoặc đảng viên khiếu nại.

- Thu thập chứng cứ, tài liệu liên quan.

- Làm việc với các tổ chức đảng cấp dưới đã đề nghị thi hành kỷ luật để làm rõ vụ việc và yêu cầu các tổ chức đảng đó nêu rõ chính kiến về nội dung và hình thức kỷ luật bằng văn bản.

- Làm việc với đại diện tổ chức đảng đã thi hành kỷ luật hoặc đã giải quyết khiếu nại để trao đổi về nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân của vi phạm dẫn đến việc thi hành kỷ luật; làm rõ những điểm khác nhau giữa nội dung khiếu nại kỷ luật với quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại; việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục trong xem xét thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại.

3. Tổ chức hội nghị với tổ chức đảng đã thi hành kỷ luật hoặc đã giải quyết khiếu nại kỷ luật trước khi khiếu nại lên cấp Trung ương, đoàn kiểm tra trao đổi dự kiến kết quả giải quyết khiếu nại để hội nghị thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín về việc đề nghị chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đã áp dụng.

4. Thẩm tra, xác minh, bổ sung những vấn đề chưa rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau giữa đoàn kiểm tra với đối tượng khiếu nại; hoàn chỉnh hồ sơ giải quyết khiếu nại để

chuẩn bị trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Đoàn kiểm tra gửi Thường trực Ban Bí thư báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại (qua Văn phòng Trung ương Đảng) để đưa vào chương trình kỳ họp; Văn phòng Trung ương Đảng sao, gửi các đồng chí Ủy viên Ban Bí thư (nếu Ban Bí thư họp xét khiếu nại), các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị (nếu Bộ Chính trị họp xét khiếu nại) hoặc gửi các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (nếu Ban Chấp hành Trung ương họp xét khiếu nại) trước kỳ họp ít nhất 3 ngày.

C- BƯỚC KẾT THÚC

1. Hội nghị Ban Bí thư hoặc hội nghị Bộ Chính trị, hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

a) Thành phần các hội nghị này có mời

+ Đoàn kiểm tra.

+ Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương và tổ chức đảng có liên quan.

b) Nội dung

- Đại diện đoàn kiểm tra báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại với Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương: trình bày đầy đủ kết quả thẩm tra, xác minh; ý kiến của tổ chức đảng hoặc của đảng viên khiếu nại; ý kiến và đề nghị của tổ chức đảng các cấp có liên quan (kể cả những ý kiến khác nhau) và ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Trường hợp khiếu nại do bị kỷ luật khai trừ thì báo cáo thêm về phẩm chất, đạo đức, trách nhiệm công tác và việc chấp hành chính sách, pháp luật của người khiếu nại từ sau khi bị khai trừ đến thời điểm giải quyết khiếu nại kỷ luật.

- Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Đoàn kiểm tra giúp Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật gửi Văn phòng Trung ương Đảng để hoàn thiện quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật, trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương ký, ban hành.

2. Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương ủy quyền cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương thông báo các quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đến đối tượng khiếu nại và các tổ chức đảng có liên quan để thực hiện. Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật của Trung ương.

3. Văn phòng Trung ương Đảng lập và lưu trữ hồ sơ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 175-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2008

Kết thúc hoạt động của Đảng bộ Thành phố Hà Nội, Đảng bộ tỉnh Hà Tây, thành lập Đảng bộ Thành phố Hà Nội (mới) trực thuộc Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của Đảng bộ Thành phố Hà Nội, Đảng bộ tỉnh Hà Tây. Thành lập Đảng bộ Thành phố Hà Nội (mới) trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Đảng bộ Thành phố Hà Nội (mới) bao gồm các tổ chức đảng hiện nay đang trực thuộc Thành ủy Hà Nội, Tỉnh ủy Hà Tây; Đảng bộ huyện Mê Linh trực thuộc Tỉnh ủy Vĩnh Phúc; đảng bộ các xã: Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung trực thuộc Huyện ủy Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình chuyển về.

Điều 3. Chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội (mới) gồm 99 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 23 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra gồm 19 đồng chí (có quyết định riêng).

Điều 4. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc chuyển giao tổ chức đảng, đảng viên; cán bộ chuyên trách công tác đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của Đảng bộ Thành phố Hà Nội, Đảng bộ tỉnh Hà Tây; Đảng bộ huyện Mê Linh trực thuộc Tỉnh ủy Vĩnh Phúc; Đảng bộ các xã: Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung trực thuộc Huyện ủy Lương Sơn (tỉnh Hòa Bình) về Đảng bộ Thành phố Hà Nội (mới).

Điều 5. Thành ủy Hà Nội, Tỉnh ủy Hà Tây, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Tỉnh ủy Hòa Bình có trách nhiệm bàn giao tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ chuyên trách, tài liệu, tài sản, tài chính cho Thành ủy Hà Nội (mới); hồ sơ lưu trữ, con dấu nộp về Kho Lưu trữ Trung ương Đảng theo quy định.

Thành ủy Hà Nội (mới) có trách nhiệm tiếp nhận tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ chuyên trách, tài sản, tài chính và lãnh đạo mọi mặt công tác của Đảng bộ theo quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 6. Các tổ chức đảng nêu tại Điều 2, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 176-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2008

Về kết thúc hoạt động của Đảng bộ Quân khu Thủ đô và thành lập Đảng bộ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

- Căn cứ Điều lệ Đảng; Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 20-11-2007 của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);

- Xét đề nghị của Đảng ủy Quân sự Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của Đảng bộ Quân khu Thủ đô, trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Điều 2. Giao Thành ủy Hà Nội:

- Thành lập Đảng bộ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Chỉ định Đảng ủy Đảng bộ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; đồng chí Bí thư Thành ủy Hà Nội trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Đảng bộ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội:

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định tại điểm II, III, mục B, Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 20-11-2007 của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân.

2. Cơ cấu tổ chức:

- Ban Chấp hành Đảng bộ có từ 11 đến 15 đồng chí.

- Các đảng bộ, chi bộ ở cơ quan Bộ Tư lệnh và đơn vị trực thuộc.

Điều 4. Việc kiện toàn Đảng bộ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành trong tháng 7 và đi vào hoạt động từ ngày 1-8-2008.

Điều 5. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Thành ủy Hà Nội và Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 177-QĐ/TW, ngày 11 tháng 7 năm 2008

Về việc thành lập
Ban Tổ chức Lễ míttinh kỷ niệm 120 năm
Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng
(20-8-1888 – 20-8-2008)

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Kế hoạch số 06-KH/TW, ngày 1-7-2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20-8-1888 – 20-8-2008);

- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Tổ chức Lễ míttinh cấp nhà nước kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20-8-1888 – 20-8-2008), gồm 11 thành viên, do đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng làm Trưởng ban (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Tổ chức Lễ míttinh cấp nhà nước kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng có các nhiệm vụ:

- Xây dựng Chương trình Lễ míttinh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác chuẩn bị và tổ chức Lễ míttinh kỷ niệm trọng thể, an toàn, tiết kiệm.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Ban Tổ chức Lễ míttinh kỷ niệm do đồng chí Trưởng ban phân công.

Ban Tổ chức Lễ míttinh kỷ niệm kết thúc nhiệm vụ sau khi tổ chức xong Lễ míttinh.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
BAN TỔ CHỨC LỄ MÍTTINH KỶ NIỆM 120 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG

1- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng ban.

2- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó trưởng ban.

3- Đồng chí Nguyễn Văn Quynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

4- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

5- Đồng chí Nguyễn Hữu Lục, Phó Chánh Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy viên.

6- Đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.

7- Đồng chí Đỗ Quý Doãn, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.

8- Đồng chí Nguyễn Đăng Thành, Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

9- Đồng chí Hoàng Ngọc Thanh, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Ủy viên.

10- Đồng chí Lê Bá Trình, Ủy viên Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.

11- Đồng chí Ngô Thị Thanh Hằng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Ủy viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU

CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X*

Ngày 9 tháng 7 năm 2008

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Theo chương trình làm việc toàn khóa, hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) họp Hội nghị toàn thể lần thứ bảy. Thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự Hội nghị; chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thành tích trên các cương vị công tác của mình.

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và thông qua các đề án về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"; "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế

---

* Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp từ ngày 9-7 đến ngày 17-7-2008 (*B.T*).

quốc tế"; "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn". Cũng tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ nghe báo cáo, thảo luận và cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm, nhiệm vụ sáu tháng cuối năm 2008 và một số vấn đề khác.

Thưa các đồng chí,

Các đề án và báo cáo trình Hội nghị lần này đã được gửi tới các đồng chí, tôi chỉ xin phát biểu một số điểm trước khi Trung ương đi vào thảo luận và cho ý kiến:

1. Sau hơn 20 năm đổi mới và phát triển đất nước, nhất là sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII), tình hình thanh niên và công tác thanh niên đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là xây dựng một thế hệ thanh niên thời kỳ mới có đạo đức, có tri thức, sức khỏe và tư duy phát triển năng động; tiếp nối truyền thống hào hùng của dân tộc, của Đảng, nêu cao lòng yêu nước, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; sẵn sàng phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, tình nguyện vì cộng đồng; sống có trách nhiệm, có ý chí vươn lên, mong muốn được cống hiến và trưởng thành, làm giàu chính đáng, góp phần đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Tuy nhiên, trong thanh niên và phong trào thanh niên vẫn còn không ít hạn chế, thiếu sót và khuyết điểm. Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, thanh niên nước ta đang đứng trước nhiều cơ hội mới và cả những thách thức mới.

Tương lai của thanh niên gắn liền với vận mệnh và tương lai của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. "*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*". Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên lúc này chẳng những là trách nhiệm và tình cảm của Đảng, của thế hệ đi trước đối với thanh niên, mà còn nhằm bồi dưỡng thế hệ chủ nhân của hiện tại và tương lai đất nước, lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

2. Trong những năm qua, đội ngũ trí thức nước ta đã có bước phát triển nhanh về số lượng và chuyển biến tích cực về chất lượng; đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đất nước, dân tộc. Đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, trí thức Việt Nam đã góp phần trực tiếp cùng toàn dân đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước thoát khỏi tình trạng kém phát triển và đạt được những thành tựu đáng trân trọng trên nhiều lĩnh vực. Đội ngũ trí thức đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước ta; đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; tạo ra những công trình có giá trị về tư tưởng, nghệ thuật, nhiều sản phẩm

chất lượng cao có sức cạnh tranh; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới. Trí thức người Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc, có những đóng góp tích cực trong nhiều lĩnh vực, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, số lượng, chất lượng và cơ cấu của đội ngũ trí thức chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển. Số chuyên gia đầu ngành còn thiếu, đội ngũ kế cận hẫng hụt. Trong nước chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh. Hoạt động nghiên cứu khoa học còn nhiều mặt thiếu gắn bó mật thiết với thực tiễn. Các thành tựu nghiên cứu và ứng dụng đạt được rất đáng trân trọng, song so với tầm thế giới và khu vực còn khoảng cách khá xa. Công tác xây dựng đội ngũ trí thức có nhiều kết quả, nhưng cũng còn không ít hạn chế, khuyết điểm.

Trước sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình quốc tế và trong nước, trí thức ngày càng giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước và đang đứng trước những đòi hỏi cao và yêu cầu mới, cả thời cơ lớn và những thách thức gay gắt. Đảng cần tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo đối với trí thức. Chúng ta phấn đấu để đến năm 2020, xây dựng được đội ngũ trí thức có chất lượng cao, số lượng đông đảo và cơ cấu hợp lý, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức trong khu vực và thế giới. Gắn bó vững chắc giữa Đảng với trí thức, giữa trí thức với Đảng, bồi đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí. Trong những năm trước mắt, chúng ta phải vừa hoàn thiện các cơ chế, chính sách đã ban hành, xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng của đội

ngũ trí thức hiện có, vừa xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020 đáp ứng nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, trong nhiều năm qua, đặc biệt là trong hơn 20 năm đổi mới, tình hình nông nghiệp, nông thôn và đời sống của nông dân đã có những bước tiến bộ khá toàn diện và to lớn: nông nghiệp tiếp tục phát triển với nhịp độ khá cao theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm; xuất khẩu nông - lâm - thủy sản tăng nhanh. Tiến bộ kỹ thuật được áp dụng rộng rãi, công nghiệp chế biến được tiếp tục phát triển, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề đã góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho cư dân nông thôn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tăng cường, nhất là giao thông, thủy lợi, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn tiếp tục được đổi mới. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện; xóa đói, giảm nghèo đạt thành tựu to lớn. Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở nông thôn được tăng cường, dân chủ cơ sở được phát huy, an ninh, trật tự được giữ vững. Vị thế chính trị của giai cấp nông dân được nâng cao, cùng với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức tạo nên nền tảng chính trị vững chắc.

Tuy nhiên, thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển, vẫn tồn tại nhiều khó khăn, yếu kém, khuyết điểm. Nông nghiệp phát triển kém

bền vững, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt các nguồn lực; chuyển dịch cơ cấu và đổi mới cách thức sản xuất còn chậm, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán. Công nghiệp, dịch vụ nông thôn phát triển chậm, thiếu quy hoạch, quy mô nhỏ, chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn. Các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu giải phóng nguồn lực, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa ở nông thôn. Nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu, môi trường ngày càng ô nhiễm, khả năng thích ứng, đối phó với thiên tai còn hạn chế. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn còn thấp, chênh lệch giàu nghèo đang có xu hướng doãng ra; số hộ nghèo còn lớn; phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

Trước thực tế nói trên cũng như trước thời cơ và thách thức đối với nông nghiệp nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cùng những vấn đề mang tính toàn cầu, như biến đổi khí hậu, khan hiếm năng lượng, gia tăng nhu cầu về lương thực và thực phẩm trên thế giới, chúng ta càng thấy rõ hơn ý nghĩa to lớn và yêu cầu bức thiết của vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong giai đoạn mới. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn là nhiệm vụ chiến lược của Đảng ta. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp, nông dân, nông thôn tiếp tục giữ vị trí quan trọng: nông nghiệp là cơ sở, nông thôn là địa bàn, nông dân là lực lượng đông đảo góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, ổn định chính trị - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân,

nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải hỗ trợ mạnh mẽ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản, hiện đại hóa nông nghiệp là khâu then chốt. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải dựa trên cơ sở phát huy cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện địa lý của từng vùng của nước ta; giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là đất đai, lao động, rừng và biển, phát huy sức mạnh hội nhập quốc tế, đồng thời tăng mạnh sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước, kết hợp ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, phải huy động sức mạnh của cả nước, đồng thời phải khởi động tinh thần yêu nước, phát huy nỗ lực to lớn trong cư dân nông thôn; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú làm động lực cho quá trình phát triển.

4. Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm và nhiệm vụ sáu tháng cuối năm 2008 trình Ban Chấp hành Trung ương lần này để Trung ương thảo luận và đóng góp thêm ý kiến đánh giá một cách toàn diện và chính xác cả về những kết quả đã đạt được, những tồn tại và yếu kém về các mặt, từ chủ trương đến việc chỉ đạo, điều hành, quản lý, dự báo và xử lý các vấn đề

kinh tế - xã hội nhất là các vấn đề mới nảy sinh từ cuối năm 2007 và trong nửa đầu năm nay; xác định rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhất là các nguyên nhân chủ quan. Qua đó, làm rõ trách nhiệm của từng tập thể, từng bộ, ngành, địa phương, đơn vị, tạo sự nhất trí và quyết tâm cao trong toàn hệ thống chính trị, trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, tổ chức thực hiện đồng bộ và có hiệu quả cao những giải pháp do Đảng, Nhà nước đề ra, nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị để tiếp tục phát triển bền vững. Trước mắt, tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong sáu tháng cuối năm và những năm tiếp theo.

Thưa các đồng chí,

Những vấn đề đặt ra tại Hội nghị lần này đều rất quan trọng và có ý nghĩa to lớn, sâu sắc cả trước mắt và lâu dài. Hội nghị họp trong lúc chúng ta đang có nhiều việc phải làm, thời gian họp có hạn, vì vậy, tôi đề nghị các đồng chí phát huy cao độ ý thức trách nhiệm, trí tuệ tập thể, tập trung tinh thần làm việc tích cực, khẩn trương, dân chủ thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến vào các đề án và báo cáo nhằm làm cho Hội nghị thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.5-14.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 24-NQ/TW, ngày 17 tháng 7 năm 2008

Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 9-7 đến ngày 17-7-2008 tại Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận các tờ trình, đề án và các báo cáo của Bộ Chính trị, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

1. Nhất trí thông qua nội dung các dự thảo văn kiện sau đây của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

- Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nghị quyết về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Giao Bộ Chính trị căn cứ Báo cáo giải trình, ý kiến thảo luận, đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hoàn chỉnh các văn kiện nói trên và ban hành chính thức để tổ chức thực hiện.

2. Ban Chấp hành Trung ương đã nghe và thảo luận Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm và các giải pháp chủ yếu trong sáu tháng cuối năm 2008.

Giao Bộ Chính trị ra kết luận và chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ căn cứ vào báo cáo và ý kiến thảo luận, đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương để tiếp thu, bổ sung hoàn chỉnh báo cáo, tập trung chỉ đạo thực hiện với tinh thần quyết tâm cao, đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững.

Căn cứ Quy chế làm việc và tình hình thực tế, Ban Chấp hành Trung ương tán thành với đề nghị của Bộ Chính trị về việc tổ chức thêm một hội nghị Trung ương vào đầu tháng 10-2008 để cho ý kiến về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 trước khi Chính phủ trình Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp thứ tư vào cuối năm 2008.

3. Ban Chấp hành Trung ương đã góp ý kiến vào Báo cáo kết quả những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 6 đến Hội nghị Trung ương 7 (khóa X).

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào Báo cáo và tiếp thu ý kiến đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong sáu tháng cuối năm 2008.

4. Ban Chấp hành Trung ương quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo về Đảng, đề nghị cơ quan nhà nước cảnh cáo về chính quyền đối với đồng chí Võ Thanh Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008, tạo tiền đề quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội X của Đảng đề ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
GIẢI TRÌNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 139/TLHN, ngày 16 tháng 7 năm 2008

Tiếp thu ý kiến Trung ương về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"

Chiều ngày 9, chiều ngày 10 và cả ngày 11-7-2008, Trung ương thảo luận ở tổ và hội trường về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Có 131 lượt ý kiến phát biểu ở tổ và 15 ý kiến phát biểu tại hội trường.

Đa số ý kiến Trung ương đồng tình với các nội dung của Tờ trình và Đề án, cho rằng Đề án được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, thể hiện đúng thực chất, nhiều vấn đề sát thực tế. Đề án đã chỉ ra được những ưu điểm, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của tình hình thanh niên; đề ra quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc ban hành Nghị quyết về công tác thanh niên lần này đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo thanh niên, cán bộ, đảng viên,

nhân dân và mỗi gia đình nên sẽ có tác động tốt trong xã hội. Đồng thời, nhiều ý kiến của Trung ương góp ý bổ sung, nhấn mạnh, làm rõ hơn nhiều vấn đề của Đề án. Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến hợp lý, xác đáng của Trung ương để bổ sung, hoàn chỉnh Đề án và dự thảo Nghị quyết trước khi ban hành.

Sau đây Bộ Chính trị xin giải trình một số ý kiến Trung ương nêu ra trong thảo luận:

1. Một số ý kiến cho rằng, *cần bổ sung thêm nội dung giáo dục thiếu niên, nhi đồng vào phạm vi, chủ đề của Đề án, trên cơ sở đó cần nói đậm nét hơn vấn đề này trong Đề án.*

Bộ Chính trị xin được trình bày như sau: Thế hệ trẻ Việt Nam bao gồm thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, trong đó thanh niên là lực lượng xung kích cách mạng, một trong những nhân tố quan trọng quyết định đến tương lai, vận mệnh của dân tộc. Xuất phát từ vai trò, vị trí quan trọng của thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và để có thể đề cập tập trung vào đối tượng này, cũng là để gắn với việc đánh giá thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về "Công tác thanh niên trong thời kỳ mới", nên trong quá trình chuẩn bị Đề án, Bộ Chính trị đã chỉ đạo phạm vi, chủ đề của Đề án là *"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa".* Việc chuẩn bị các nội dung của Đề án đã thể hiện theo tinh thần nêu trên.

Tuy nhiên, với ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục đội ngũ thiếu niên, nhi đồng, mặc dù không thuộc phạm vi của Đề án, nhưng tại nhiệm vụ, giải pháp thứ 4 và thứ 6 đã dành nội dung đề cập đến việc chăm lo xây dựng

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng; nhấn mạnh việc xây dựng các trung tâm hoạt động cho thanh, thiếu nhi và nhà thiếu nhi trên phạm vi cả nước.

Qua tổng hợp ý kiến thảo luận, hầu hết ý kiến Trung ương tán thành với phạm vi và chủ đề của Đề án. Vì vậy, đề nghị Trung ương cho giữ phạm vi, chủ đề của Đề án như đã nêu trong Tờ trình của Bộ Chính trị.

2. Một số ý kiến đề nghị, *cần đánh giá rõ hơn nhận thức và thái độ chính trị của thanh niên về chủ nghĩa xã hội, về trách nhiệm của thanh niên đối với dân tộc, đối với Tổ quốc, vì cho rằng vấn đề này có liên quan đến thế giới quan, nhân sinh quan và lý tưởng của thanh niên.*

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Trong Đề án trình Trung ương, phần đánh giá về nhận thức và thái độ chính trị của thanh niên đã nêu rõ những ưu điểm cũng như những hạn chế, khuyết điểm về lập trường tư tưởng, về bản lĩnh chính trị của thanh niên. Trong đó nhấn mạnh "*Đất nước ổn định, kinh tế - xã hội phát triển, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, một phần quan trọng là do nhận thức và thái độ chính trị đúng đắn của thanh niên. Đại bộ phận thanh niên quan tâm tới các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước; lo lắng, băn khoăn trước các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội; bất bình trước những sai phạm của cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm pháp luật*" (trang 2 - Đề án). Qua nghiên cứu kết quả điều tra về tình hình thanh niên để phục vụ cho công tác xây dựng Đề án cho thấy, đa số thanh niên đều có thái độ tích cực đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, ý thức được trách nhiệm

của mình và sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khoảng 82% thanh niên được hỏi đã khẳng định đồng ý phấn đấu cho mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; khoảng 80% thanh niên mong muốn đất nước không thua kém các nước trên thế giới và thanh niên được cống hiến nhiều hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh đó, kết quả điều tra cũng cho thấy, khoảng 52% thanh niên có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng và thực tế trong năm 2007 có trên 65% tổng số đảng viên mới được kết nạp là thanh niên. Điều đó chứng tỏ phần lớn thanh niên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và có niềm tin vào quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước.

Bộ Chính trị thấy rằng, đánh giá như trên là sát với nhận thức và thái độ của thanh niên về chủ nghĩa xã hội, về trách nhiệm của thanh niên đối với dân tộc, đối với Tổ quốc và cũng sát với tình hình thực tế hiện nay.

3. Một số ý kiến cho rằng, trong phần đánh giá tổng quát cần làm rõ "*Tình hình thanh niên và công tác thanh niên đã có những chuyển biến mạnh mẽ, đan xen cả những yếu tố tích cực và tiêu cực*". *Vậy yếu tố tích cực hay tiêu cực là chủ yếu? Có ý kiến đề nghị làm rõ đánh giá "Một bộ phận thanh niên suy giảm niềm tin, thiếu lý tưởng, hoài bão...*". Vậy bộ phận này là nhiều hay ít?

Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Trong Đề án đã phân tích rõ những mặt tích cực và tiêu cực của tình hình thanh niên, trong đó nhấn mạnh yếu tố tích cực là chủ yếu, nhưng chưa khái quát thật rõ ý nhấn mạnh này. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị xin đề nghị sửa đoạn "Tình hình thanh niên và công tác thanh niên đã có những chuyển biến

mạnh mẽ, đan xen cả những yếu tố tích cực và tiêu cực" (trang 11 - Đề án) thành "*Tình hình thanh niên có những chuyển biến mạnh mẽ, đan xen cả những yếu tố tích cực và tiêu cực,* ***trong đó yếu tố tích cực giữ vai trò chủ đạo***".

Qua nghiên cứu điều tra về tình hình thanh niên để phục vụ cho công tác xây dựng Đề án cho thấy, có khoảng 5% thanh niên băn khoăn, lo lắng, chưa tin tưởng vào sự phát triển của đất nước; khoảng 24% thanh niên ít quan tâm đến tình hình của đất nước. Như vậy, có thể khẳng định **một bộ phận** thanh niên giảm sút niềm tin vào sự phát triển của đất nước, sống thiếu lý tưởng, ít quan tâm đối với tình hình đất nước. Một số ý khác có nêu trong Đề án như: *thanh niên chưa được thử thách về bản lĩnh chính trị, dao động về lập trường...* chủ yếu là do đặc điểm của lứa tuổi thanh niên, không nên coi đó là mặt yếu kém như một số ý kiến Trung ương đã phân tích.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho sửa đoạn "Một bộ phận thanh niên suy giảm niềm tin, thiếu lý tưởng, hoài bão, chưa được thử thách về bản lĩnh chính trị, dao động về lập trường, thờ ơ với vận mệnh của đất nước..." (trang 12 - Đề án) thành "*Một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng,* ***giảm sút*** *niềm tin và* ***ít quan tâm đến tình hình đất nước****...*".

4. Một số ý kiến đề nghị, cần cân nhắc câu "*Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) ra đời là một chủ trương quan trọng, có tính quyết định, làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình thanh niên...*", *vì trên thực tế nhiều cấp ủy triển khai thực hiện không nghiêm túc Nghị quyết này, thậm chí một số cấp ủy còn không nhớ tên của Nghị quyết.*

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Trong thời điểm từ 1989 - 1993, tình hình thế giới và trong nước diễn ra phức tạp, với nhiều điểm bất lợi, đặc biệt là sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã tác động mạnh mẽ đến tình hình thanh niên nước ta, số lượng đoàn viên giảm sút nghiêm trọng, nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn bộc lộ nhiều lúng túng; công tác Đoàn và phong trào thanh niên có chiều hướng đi xuống.

Vào thời điểm khó khăn đó, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII - năm 1993) ra đời là định hướng chính trị quan trọng, có tác dụng thiết thực, tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ của tình hình thanh niên và công tác đoàn. Ngay từ khi có Nghị quyết, các cấp ủy đảng đã quan tâm chăm lo nhiều hơn đến thanh niên và công tác thanh niên; Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách bồi dưỡng, đào tạo, phát triển thanh niên, dành nhiều chương trình trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, lao động - việc làm, văn hóa - thể thao tạo cơ hội cho thanh niên tham gia phát triển đất nước, tạo môi trường thuận lợi để thanh niên rèn luyện, cống hiến, trưởng thành; tạo điều kiện cho Đoàn Thanh niên củng cố tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động; công tác đoàn và phong trào thanh niên từng bước được phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, như trong Đề án đã nêu, việc đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện Nghị quyết của một số cấp ủy đảng chưa được thường xuyên, kịp thời, nên kết quả còn những mặt hạn chế nhất định. Dù vậy, cần khẳng định rằng, những thành tựu của phong trào thanh niên và công tác thanh niên thời gian qua là bắt nguồn từ sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII).

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ như nhận định trong Đề án.

5. Một số ý kiến đề nghị, thay cụm từ "*đội dự bị tin cậy của Đảng*" *thành "đội hậu bị tin cậy của Đảng" cho đúng với vai trò, vị trí quan trọng của thanh niên.*

Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Nghị quyết số 181-NQ/TƯ, ngày 25-9-1968 của Ban Bí thư về "Công tác vận động thanh niên" đã khẳng định, Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam là tổ chức thanh niên cộng sản, là tổ chức gần Đảng nhất; Đoàn là cánh tay đắc lực và là đội hậu bị của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dùng thuật ngữ "*hậu bị*" để nói về Đoàn với tư cách là một tổ chức cộng sản trẻ tuổi. Hiểu theo nghĩa rộng "*dự bị*" là để chuẩn bị, dự phòng, thay thế khi cần thiết, chỉ mối quan hệ chính - phụ; còn "*hậu bị*" chỉ mối quan hệ trước - sau, phản ánh tính tất yếu trong sự kế tục, phát triển của một tổ chức, lớp sau tất yếu phải thay thế lớp trước. Điều lệ Đảng (khóa X) ghi rõ: "Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội *dự bị* tin cậy của Đảng".

Vì vậy, đề nghị Trung ương cho sử dụng cụm từ "**dự bị**" như đã nêu trong Đề án.

6. Một số ý kiến cho rằng, *mục tiêu tổng quát (đến năm 2020) nêu trong Tờ trình và Đề án còn chung chung, mang tính khẩu hiệu, cần phải làm rõ hơn, cụ thể hơn, sát với yêu cầu thực tiễn của cuộc sống (trên cả hai mặt: Đảng cần gì ở thanh niên và thanh niên mong muốn gì ở Đảng); đề nghị thêm cụm từ "tiếp tục" để thành "Tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam..." cho phù hợp với lịch sử lâu dài mà Đảng và Nhà nước đã quan tâm xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam; cân nhắc cụm từ "Xây dựng thế hệ thanh niên...*

trở thành những công dân tiêu biểu của đất nước", vì đặt ra như vậy là quá cao, khó có thể thực hiện được.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh của dân tộc. Việc xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới chính là góp phần "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc rất quan trọng và rất cần thiết". Mục tiêu chung mà Đề án đã nêu, chính là định hướng chính trị cho thanh niên phấn đấu. Vì vậy, tuy mục tiêu chung xác định đến năm 2020, song cũng bao hàm cả những nội dung đòi hỏi thanh niên phải phấn đấu lâu dài, nhất là những vấn đề về lý tưởng, hoài bão, sự cống hiến của thanh niên cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Tuy nhiên, Bộ Chính trị cũng nhận thấy rằng, trong mục tiêu chung của Đề án mới chỉ nhấn mạnh yêu cầu **Đảng cần gì ở thanh niên**, còn yêu cầu **Thanh niên mong muốn gì ở Đảng** thì nêu chưa được rõ.

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị xin đề nghị được diễn đạt lại mục tiêu chung như sau: ***Tiếp tục*** *xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hóa, vì cộng đồng; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng và tác phong lao động tập thể, trở thành những công dân* ***tốt*** *của đất nước. Cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ được khoa học - công nghệ, vươn lên ngang tầm thời đại. Hình thành một lớp thanh niên*

ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục ***trung thành*** *và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; phấn đấu cho mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; góp phần to lớn vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và* ***bảo vệ Tổ quốc*** *Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.*

Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm lo, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thanh niên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành; được học tập, có việc làm, nâng cao thu nhập, có đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh.

7. Một số ý kiến đề nghị, *cần làm rõ thời gian thực hiện "Mục tiêu cụ thể trong những năm trước mắt" là đến khi nào? Làm rõ chỉ tiêu 70% cán bộ đoàn chuyên trách trong độ tuổi thanh niên, vì hiện nay nhiều nơi chỉ đạt 30%, hơn nữa cán bộ chủ chốt của tổ chức đoàn không nhất thiết phải trong độ tuổi thanh niên, mà có thể cao tuổi hơn.*

Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Đề án đã nêu năm mục tiêu cụ thể cho những năm trước mắt, nhằm từ nay đến khoảng 5 năm tới phải tạo ra được những chuyển biến ban đầu, quan trọng, bằng những việc làm cụ thể, thiết thực khi triển khai, thực hiện Nghị quyết, nhất là ở những năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội X. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, để làm rõ thời gian thực hiện các mục tiêu cụ thể nêu trong Đề án, Bộ Chính trị đề nghị sửa đoạn "Mục tiêu cụ thể trong những năm trước mắt" (trang 19 - Đề án) thành "*Mục tiêu cụ thể trong những năm trước mắt,* ***trọng tâm là từ nay đến năm 2010***".

Về chỉ tiêu 70% cán bộ đoàn chuyên trách trong độ tuổi thanh niên, theo số liệu thống kê của Trung ương Đoàn, hiện nay cả nước có gần 11.000 cán bộ đoàn chuyên trách cấp cơ sở (chưa kể 11.000 cán bộ đoàn bán chuyên trách); 3.871 cán bộ đoàn chuyên trách cấp huyện; 2.378 cán bộ đoàn chuyên trách cấp tỉnh và 130 cán bộ chuyên trách làm công tác phong trào ở Trung ương Đoàn. Cán bộ đoàn chuyên trách trong độ tuổi thanh niên đến nay bình quân cả nước là 52%, trong đó tập trung chủ yếu ở cấp xã, cán bộ chuyên trách ở các ban, đơn vị chuyên môn thuộc tỉnh, thành Đoàn và Trung ương Đoàn. Là lĩnh vực hoạt động đặc thù nên cán bộ đoàn cần trẻ tuổi, có đặc điểm tâm, sinh lý phù hợp với thanh niên; phải thực sự là người bạn gần gũi, gắn bó, hiểu và chia sẻ được tâm tư, nguyện vọng của thanh niên. Chính vì vậy, phần đông cán bộ đoàn chuyên trách nên trong độ tuổi thanh niên. Mục tiêu 70% cán bộ đoàn chuyên trách trong độ tuổi thanh niên là mục tiêu phấn đấu chung cho cả nước và chủ yếu trong đội ngũ cán bộ đoàn chuyên trách ở cơ sở, cán bộ chuyên trách ở các đơn vị chuyên môn của Đoàn cấp tỉnh và một số ít ở Trung ương Đoàn. Thực hiện mục tiêu này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng để từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ đoàn, bổ sung cán bộ cho Đảng và cho hệ thống chính trị.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ chỉ tiêu như trong Đề án đã trình.

8. Một số ý kiến cho rằng, *các nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Tờ trình và Đề án còn dàn trải, chưa thật cụ thể, chưa có nhiều điểm mới, thiếu giải pháp mang tính đột phá; cần có giải pháp riêng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên.*

Bộ Chính trị xin trình bày như sau: chín nhóm nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Đề án là những vấn đề rất cấp thiết và quan trọng, có tính toàn diện và hệ thống, có mối quan hệ mật thiết với nhau và phải được tổ chức thực hiện đồng bộ, cùng một lúc mới tạo được những chuyển biến thực sự mạnh mẽ đối với tình hình thanh niên và công tác thanh niên. Hơn nữa, đã là nghị quyết của Đảng, thì chỉ nêu những chủ trương, định hướng lớn, còn những vấn đề cụ thể phải được Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các tổ chức đảng cụ thể hóa, thể chế hóa bằng các chương trình hành động, chiến lược, chính sách đối với công tác thanh niên.

Các nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Đề án đã thể hiện được sự kế thừa những nội dung của Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) và các chủ trương của Đảng về công tác thanh niên, trong đó có nhắc lại một số vấn đề mặc dù đã có chủ trương nhưng chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt. Đồng thời, cùng với quan điểm mới về "*Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh là bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước*", Đề án đã nhấn mạnh và đề xuất thêm một số vấn đề mới trong các nhiệm vụ, giải pháp như:

- Tập trung ban hành các chính sách và huy động mọi nguồn lực xã hội để đào tạo, nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho thanh niên (chính sách về tín dụng học tập, chính sách khuyến khích thanh niên đi lao động có thời hạn ở nước ngoài; chiến lược truyền thông quốc gia về định hướng nghề nghiệp và việc làm cho thanh niên...).

- Sớm hoàn thiện quy hoạch và thực hiện việc xây dựng mạng lưới các trung tâm hoạt động thanh, thiếu nhi; trung tâm sinh hoạt dã ngoại, nhà thiếu nhi trên phạm vi toàn quốc và đẩy mạnh xã hội hóa các loại hình giải trí tích cực phục vụ thanh, thiếu niên.

- Tạo cơ chế, chính sách để mọi tài năng trẻ đều được tham gia vào các lĩnh vực của đất nước; mạnh dạn bố trí cán bộ trẻ đảm nhận các vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị, nâng cao tỷ lệ cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành. Coi đây là một nội dung quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng để lựa chọn cán bộ lãnh đạo cho tương lai.

- Tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn huy động, tổ chức cho thanh niên tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách đối với đội ngũ cán bộ đoàn, ban hành quy chế cán bộ đoàn.

- Giao một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thanh niên cho Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam; thành lập Hội đồng công tác thanh niên ở các tỉnh, thành phố; nghiên cứu ban hành Luật việc làm. Xác định chỉ số về thanh niên và công tác thanh niên là một trong các chỉ số thống kê quốc gia, các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp,...

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên là tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các mặt của công tác thanh niên và của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Chính vì thế, chín nhóm nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Đề án đều gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, tại nhóm nhiệm vụ và giải pháp thứ nhất, đã dành một khổ nói rõ vai trò của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ chín nhóm nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Đề án, không nhất thiết phải bổ sung thêm giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên.

9. Về cơ quan quản lý nhà nước về công tác thanh niên, nhiều ý kiến đồng tình với Tờ trình của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng *nếu theo phương án nêu trong Tờ trình và Đề án thì sẽ làm tăng thêm tổ chức, bộ máy ở các bộ, ngành Trung ương và tỉnh, thành phố; một số ý kiến đề nghị nên giao chức năng này cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo hay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đảm nhiệm; một số ý kiến khác cho rằng chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh niên thuộc phần việc của bộ nào thì giao cho bộ đó đảm nhiệm, không nhất thiết phải thành lập cơ quan chuyên trách; một số ít ý kiến đề nghị nên thành lập Bộ Thanh niên hoặc Tổng cục Thanh niên...*

Vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Công tác thanh niên là vấn đề hệ trọng của Đảng, là một trong những nhân tố quyết định thành bại của cách mạng, trong đó quản lý nhà nước về công tác thanh niên là một trong những nội dung rất quan trọng. Trước sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thanh niên và trước yêu cầu phát huy tiềm năng, trí tuệ to lớn của thanh niên vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; cùng với việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cũng đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa vai trò quản lý của

Nhà nước đối với công tác thanh niên theo kịp với sự vận động của tình hình mới.

Hiện nay, nội dung quản lý nhà nước và trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác thanh niên đã được thể hiện trong một số văn bản quy phạm pháp luật.

Luật thanh niên (hiện hành), tại Điều 5 có ghi *nội dung quản lý nhà nước về công tác thanh niên bao gồm*: 1- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, chương trình phát triển thanh niên và công tác thanh niên; 2- Đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên; 3- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên; 4- Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về công tác thanh niên. *Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác thanh niên được quy định như sau*: 1- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thanh niên; 2- Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh niên theo sự phân công của Chính phủ; 3- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh niên ở địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ. Tại Điều 6 có ghi *Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam là cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh niên.*

Nghị định số 120/2007/NĐ-CP, ngày 23-7-2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh niên, tại Điều 21 có ghi: *thành lập Hội đồng công tác thanh niên làm công tác tư vấn giúp chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác thanh niên. Tổ chức hoạt động của Hội đồng do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam.* Tại Điều 22 có ghi *trách nhiệm của Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam*: 1- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng quy chế phối hợp quản lý nhà nước về công tác thanh niên trong cả nước; 2- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật thanh niên và các quy định tại Nghị định này; 3- Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan thống kê, tổng hợp và định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên và công tác thanh niên trong cả nước.

Với các quy định trên, nội dung quản lý nhà nước về công tác thanh niên là tương đối rõ, nhưng về trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thanh niên còn phân tán, không có cơ quan làm đầu mối. Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam chỉ là cơ quan **tư vấn** cho Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, trên thực tế những năm qua, Ủy ban này cũng đã chủ trì hoặc tham gia phối hợp tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Luật thanh niên, các chương trình, chiến lược quốc gia, các cơ chế, chính sách về thanh niên, công tác thanh niên và các hoạt động hợp tác quốc tế về công tác thanh niên.

Tiếp thu ý kiến của Trung ương và căn cứ vào tình hình thực tiễn, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương nhất trí cho thực hiện mô hình quản lý nhà nước về công tác thanh niên theo hướng: *Củng cố, kiện toàn Ủy ban Quốc gia về thanh niên*

Việt Nam đủ mạnh và giao cho Ủy ban một số nhiệm vụ, quyền hạn để tham mưu cho Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thanh niên. Ở các bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh niên theo lĩnh vực, địa bàn và theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ. Thành lập hội đồng công tác thanh niên ở tỉnh, thành phố làm nhiệm vụ tham mưu cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh niên. Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện mô hình này.

Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.15-34.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 25-NQ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2008

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo. Thanh niên là độ tuổi sung sức nhất về thể chất và phát triển trí tuệ, luôn năng động, sáng tạo, muốn tự khẳng định mình. Song, do còn trẻ, thiếu kinh nghiệm nên thanh niên cần được sự giúp đỡ, chăm lo của các thế hệ đi trước và toàn xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn đề cao vai trò, vị trí của thanh niên, xác định thanh niên là lực lượng xung kích cách mạng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc. Đồng thời, Đảng đã đề ra

nhiều chủ trương giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức thanh niên thành lực lượng hùng hậu, trung thành, kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Qua mỗi thời kỳ, dù bất cứ hoàn cảnh nào các thế hệ thanh niên đều hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình.

Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thanh niên, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên nhằm chăm lo, bồi dưỡng và phát huy cao nhất vai trò, sức mạnh của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

I- TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

Sau hơn 20 năm đổi mới và phát triển đất nước, nhất là sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII), tình hình thanh niên có những chuyển biến mạnh mẽ, đan xen cả những yếu tố tích cực và tiêu cực, trong đó yếu tố tích cực giữ vai trò chủ đạo.

Một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước là đã xây dựng được thế hệ thanh niên thời kỳ mới có đạo đức, nhân cách, tri thức, sức khỏe, tư duy năng động và hành động sáng tạo; tiếp nối truyền thống hào hùng của Đảng và dân tộc, nêu cao lòng yêu nước, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; không ngại khó khăn, gian khổ, tình nguyện vì cộng đồng; có trách nhiệm với gia đình,

xã hội; có ý chí vươn lên trong học tập, lao động, lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu; mong muốn được tin tưởng, được cống hiến cho đất nước, có việc làm, thu nhập ổn định, đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú, môi trường sống an toàn. Dù còn nhiều tâm trạng khác nhau, song đa số thanh niên luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và phát triển của đất nước.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) là một chủ trương quan trọng, có tính quyết định, làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình thanh niên, công tác đoàn và phong trào thanh niên. Các cấp ủy đảng đã lãnh đạo hệ thống chính trị, toàn xã hội thực hiện tốt hơn công tác thanh niên và chăm lo xây dựng Đoàn. Nhà nước đã ban hành Luật thanh niên, Chiến lược phát triển thanh niên và nhiều chính sách về công tác thanh niên, tạo điều kiện, cơ hội cho thanh niên rèn luyện, cống hiến, trưởng thành. Công tác đoàn và phong trào thanh niên từng bước phát triển, mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên được mở rộng; số thanh niên trở thành đoàn viên, đảng viên ngày càng tăng. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, gia đình, nhà trường và xã hội đối với thanh niên, công tác thanh niên đã có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc. Học vấn của một bộ phận thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số còn thấp; nhiều thanh niên thiếu kiến thức và kỹ năng trong

hội nhập quốc tế. Tính độc lập, chủ động, sáng tạo, năng lực thực hành sau đào tạo của thanh niên còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh niên đang gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp. Tỷ lệ thanh niên nhiễm HIV/AIDS còn cao.

Một số cấp ủy đảng chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo công tác thanh niên; việc đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên không thường xuyên, kịp thời; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trẻ chưa thực sự được coi trọng; chưa làm tốt công tác phát triển đảng trong thanh niên. Nhà nước chậm thể chế hóa và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên; thiếu những chính sách nhất quán, đồng bộ, lâu dài đối với thanh niên; chưa có chính sách cụ thể để bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng tài năng trẻ; việc thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên còn hạn chế. Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa làm tốt trách nhiệm chăm lo, bồi dưỡng, phát huy thanh niên thuộc lĩnh vực được phân công. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam chưa theo kịp sự phát triển của tình hình thanh niên; khả năng chi phối và ảnh hưởng của Đoàn, Hội trong thanh niên chưa sâu rộng, tỷ lệ tập hợp thanh niên thấp; tính tiền phong, gương mẫu của cán bộ đoàn, hội và đoàn viên, hội viên chưa cao. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhiều địa phương chưa phối hợp chặt chẽ, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp trong công tác thanh niên; sự kết hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục thanh niên còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do:

- Nhận thức của một bộ phận không ít cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên về thanh niên và công tác thanh niên chưa đầy đủ, nhiều mặt còn khoán trắng cho Đoàn; tổ chức chỉ đạo thiếu tập trung; đánh giá thanh niên còn theo kinh nghiệm, cảm tính, gia trưởng, thiếu tin tưởng thanh niên; một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất không là tấm gương để thanh niên học tập và noi theo. Một bộ phận gia đình ít quan tâm, thiếu giáo dục và nêu gương đối với con cháu.

- Quản lý nhà nước về công tác thanh niên còn nhiều bất cập; bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên và cơ chế phối hợp liên ngành trong công tác thanh niên chưa rõ ràng. Chưa gắn kết mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh với mục tiêu phát triển thanh niên.

- Công tác giáo dục - đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, phòng, chống tệ nạn xã hội, hoạt động văn hóa, thể thao, báo chí, xuất bản có nhiều khuyết điểm, yếu kém nhưng chậm được khắc phục đã ảnh hưởng không nhỏ đến các thế hệ thanh niên.

- Công tác giáo dục, ngăn ngừa và đấu tranh với những tác động, lôi kéo thanh niên của các thế lực thù địch, sự truyền bá lối sống nước ngoài không phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc còn nhiều yếu kém, thậm chí bị buông lỏng.

- Việc quản lý, tập hợp thanh niên trong tình hình mới khó khăn hơn. Điều kiện, phương tiện hoạt động của Đoàn, Hội, chính sách cho cán bộ đoàn, nhất là cán bộ đoàn cơ sở

còn bất cập. Năng lực, trình độ của không ít cán bộ đoàn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; khả năng tập hợp, tổ chức phong trào thanh niên; tham mưu cho Đảng, chính quyền, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong công tác thanh niên còn hạn chế.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH NIÊN THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1. Quan điểm chỉ đạo

- Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước.

- Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người "vừa hồng, vừa chuyên" theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội.

- Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng

Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Đảng đề ra đường lối, chủ trương định hướng cho thanh niên hành động; xác định các chuẩn mực cho thanh niên phấn đấu; xây dựng các tấm gương điển hình tiêu biểu cho thanh niên học tập và noi theo.

- Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật, chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hằng năm của các cấp, các ngành.

- Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của thanh niên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới. Mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên là nội dung quan trọng của công tác đoàn để giáo dục, bồi dưỡng, động viên và phát huy vai trò thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu

Mục tiêu chung:

Tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hóa, vì cộng đồng; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng và tác phong công nghiệp trong lao động tập thể, trở thành những công dân tốt của đất nước. Cổ vũ thanh niên

nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, vươn lên ngang tầm thời đại. Hình thành một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; phấn đấu cho mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; góp phần to lớn vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới. Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm lo, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thanh niên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành; được học tập, có việc làm, nâng cao thu nhập, có đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh.

Mục tiêu cụ thể trong những năm trước mắt, trọng tâm từ nay đến năm 2010 là:

- Nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên, nhất là học sinh, sinh viên. Tập trung giáo dục, định hướng, cổ vũ thanh niên thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", tạo chuyển biến thực sự trong đạo đức, lối sống và hành động của thanh niên.

- Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh để thanh niên rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác thanh niên trong thời kỳ mới. Tập trung nguồn lực, thực hiện thành công Chiến lược thanh niên đến năm 2010.

- Có chính sách mang tính đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao đáp ứng quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với giải quyết

việc làm, tăng thu nhập, hưởng thụ văn hóa, vui chơi, giải trí của thanh niên.

- Tạo bước chuyển biến mới về chất lượng tổ chức và hoạt động của Đoàn, Hội; phát triển các loại hình tổ chức tập hợp thanh niên nhằm tăng tỷ lệ thanh niên được tập hợp; thu hẹp cơ sở yếu kém, tăng tỷ lệ thanh niên vào Đoàn, Hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn, hội, nhất là cán bộ chuyên trách có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực, gương mẫu, có khả năng vận động, đoàn kết, tập hợp thanh niên. Bảo đảm đủ số lượng cán bộ đoàn chuyên trách theo quy định, ít nhất 70% đội ngũ cán bộ đoàn chuyên trách trong độ tuổi thanh niên.

- Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên từ đoàn viên, phấn đấu đạt tỷ lệ ít nhất 70% đảng viên mới được kết nạp từ đoàn viên. Bố trí, sử dụng cán bộ trẻ có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực nhằm tăng nhanh tỷ lệ cán bộ trẻ trong cơ cấu các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ Trung ương đến các cấp ở địa phương so với hiện nay.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Đầu tư hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về thanh niên và công tác thanh niên trong tình hình mới; dự báo xu hướng phát triển, nhận thức, thái độ của thanh niên để có luận cứ khoa học, thực tiễn, kịp thời đề ra

các chủ trương, chính sách giáo dục, bồi dưỡng thanh niên trở thành lực lượng to lớn, xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đổi mới nội dung và phương thức giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử của Đảng và dân tộc, lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Coi trọng giáo dục thanh niên trong hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước.

- Xây dựng chuẩn mực đạo đức và định hướng giá trị mới cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ động hơn công tác chính trị, tư tưởng; nắm bắt và dự báo tình hình tư tưởng thanh niên; kịp thời đấu tranh, tuyên truyền, làm rõ các âm mưu, luận điệu sai trái, giúp thanh niên hiểu và tích cực đấu tranh với âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

- Bảo đảm tính chính trị, sự định hướng của Đảng, làm phong phú và sâu sắc hơn các nội dung giáo dục, nhất là về lý tưởng, đạo đức, lối sống, trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, hướng thanh niên vươn tới giá trị chân - thiện - mỹ. Chấn chỉnh, đổi mới hoạt động và quản lý báo chí, xuất bản nói chung, nhất là báo chí, xuất bản trong hệ thống Đoàn, Hội, thực sự là phương tiện hữu hiệu giáo dục thanh niên.

- Mọi cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu thường xuyên nắm tình hình, định hướng và kiểm tra việc thực hiện công tác thanh niên; phân công đảng viên phụ trách công tác Đoàn, Hội; lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp định kỳ gặp gỡ, đối thoại với thanh niên. Kết quả công tác thanh niên,

công tác đoàn và phong trào thanh niên là một tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng hằng năm. Mỗi đảng viên phải là tấm gương sáng cho thanh niên noi theo.

3.2. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo cơ hội cho mọi thanh niên được học tập, không ngừng nâng cao trình độ, có tri thức và kỹ năng, vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến trên thế giới

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; xây dựng một số cơ sở giáo dục - đào tạo đạt trình độ quốc tế; khuyến khích thành lập các cơ sở đào tạo nước ngoài tại Việt Nam đối với một số ngành, lĩnh vực cần thiết đáp ứng sự nghiệp phát triển đất nước. Xác định rõ mục tiêu đào tạo từng cấp học, bảo đảm giáo dục toàn diện về đức - trí - thể - mỹ nhằm hình thành lớp thanh niên có đủ bản lĩnh và năng lực, có tri thức và kỹ năng vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến. Xây dựng cho thanh niên ý thức tự học, học tập suốt đời, phương pháp tư duy sáng tạo, độc lập, khả năng làm việc tập thể, kỹ năng thích nghi và tự tin trong cuộc sống.

- Tạo cơ hội cho thanh niên được thụ hưởng chính sách giáo dục, chú trọng tới nữ thanh niên, thanh niên dân tộc thiểu số, thanh niên nông thôn, thanh niên khuyết tật. Sớm có biện pháp khắc phục tình trạng bỏ học trong thanh thiếu nhi. Phấn đấu hoàn thành phổ cập bậc trung học cơ sở cho thanh niên. Mở rộng chính sách tín dụng ưu đãi cho thanh niên vay để học tập trong các cơ sở đào tạo sau giáo dục phổ thông.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên học tập ở nước ngoài bằng nhiều nguồn lực khác nhau. Nhà nước dành ngân

sách thỏa đáng để lựa chọn sinh viên giỏi, cán bộ trẻ có năng lực để đưa đi đào tạo ở các nước phát triển. Quản lý, giúp đỡ thanh niên học tập ở nước ngoài. Chú trọng công tác tư vấn, lựa chọn ngành học; bố trí, sử dụng có hiệu quả số thanh niên du học về nước.

3.3. Nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên

- Huy động nhiều nguồn lực xã hội, đầu tư ngân sách thỏa đáng để đẩy mạnh dạy nghề, phổ cập sơ cấp nghề cho thanh niên. Hoàn thiện chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm; có chính sách tín dụng ưu đãi cho các cơ sở dạy nghề, đặc biệt các nghề kỹ thuật cao; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ thị trường lao động; tín dụng ưu đãi cho thanh niên vay tạo việc làm, lập nghiệp; khuyến khích thanh niên đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

- Xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia về định hướng nghề nghiệp, việc làm cho thanh niên. Bảo đảm cơ cấu hợp lý trong đào tạo công nhân kỹ thuật, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.

- Tập trung đào tạo hình thành nguồn nhân lực khoa học - công nghệ có chất lượng cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức, tạo mũi nhọn phát triển kinh tế, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung dạy nghề cho thanh niên nông thôn, bộ đội xuất ngũ, thanh niên dân tộc thiểu số. Khuyến khích đào tạo nghề tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Chú trọng giáo dục ý thức kỷ luật, kỹ năng lao động, tay nghề cho thanh niên đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

đồng thời có biện pháp quản lý, giáo dục, giúp đỡ số thanh niên này.

- Tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm mới và tăng thu nhập cho thanh niên, cải thiện đời sống. Phát triển thị trường lao động lành mạnh, năng động. Khuyến khích thanh niên làm giàu chính đáng. Nhà nước hỗ trợ để chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tổ chức sản xuất kinh doanh cho thanh niên nông thôn; biểu dương, tôn vinh thanh niên làm kinh tế giỏi. Phát huy thế mạnh lao động nông nghiệp để đưa đi lao động ở một số quốc gia có địa bàn phù hợp.

3.4. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Xây dựng, chỉnh đốn Đảng", "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn với xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm pháp luật, tạo môi trường chính trị và đạo đức lành mạnh, củng cố niềm tin cho thanh niên. Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, tạo chuyển biến trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội (nhất là ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan), an toàn giao thông, bảo vệ môi trường sống..., góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hình thành lối sống văn hóa trong thanh niên.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ quan văn hóa, văn học nghệ thuật, xuất bản, báo chí sáng tác và phổ biến nhiều công trình, tác phẩm có giá trị cao để giáo dục thế hệ trẻ. Tăng cường quản lý văn hóa, xử lý nghiêm các sai phạm, kịp thời ngăn chặn các sản phẩm không lành mạnh tác động

xấu đến thanh niên, nhất là qua internet và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Sớm hoàn thiện quy hoạch mạng lưới và từng bước xây dựng các trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, trung tâm sinh hoạt dã ngoại, nhà thiếu nhi trong toàn quốc. Sớm có chính sách để các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao, phát triển các loại hình giải trí lành mạnh cho thanh niên.

- Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục về vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong nâng cao chất lượng dân số, hôn nhân và xây dựng gia đình hạnh phúc, biết chăm lo và nâng cao sức khỏe bản thân. Chú trọng giáo dục tiền hôn nhân, kiến thức và kinh nghiệm sống cho thanh niên. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về dân số, chăm sóc sức khỏe, phòng, chống HIV/AIDS, trong đó tập trung là đối tượng thanh niên.

- Đầu tư, đổi mới nội dung giáo dục thể chất trong nhà trường. Đẩy mạnh xã hội hóa các phong trào thể dục, thể thao quần chúng, huy động và tạo điều kiện để thanh niên luyện tập thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe.

3.5. Coi trọng hơn nữa việc trọng dụng tài năng trẻ, tạo bước chuyển có tính đột phá trong bố trí và sử dụng cán bộ trẻ trên tất cả các lĩnh vực

- Tạo cơ chế, chính sách công bằng, thuận lợi để mọi tài năng trẻ đều được tham gia phát triển đất nước; bố trí cán bộ trẻ có tài năng đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng, phù hợp trong hệ thống chính trị, nâng cao tỷ lệ cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành. Tạo bước đột phá trong việc bố trí, sử dụng cán bộ trẻ, cán bộ trong độ tuổi

thanh niên ở tất cả các cấp, coi đây là một nội dung quan trọng về công tác cán bộ của Đảng để lựa chọn cán bộ lãnh đạo cho tương lai.

- Xác định tiêu chí và phương pháp khoa học để phát hiện, theo dõi quá trình phát triển các tài năng trẻ, nhất là số học sinh, sinh viên xuất sắc, cá nhân điển hình trong các phong trào thanh niên. Xây dựng chương trình đào tạo thích hợp để hình thành đội ngũ tài năng trẻ trên mọi lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Có chính sách sử dụng và đãi ngộ hợp lý để thu hút tài năng trẻ đang học tập, công tác, sinh sống ở nước ngoài tham gia phát triển đất nước.

3.6. Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đội dự bị tin cậy của Đảng

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng Đoàn thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thu hẹp nhanh các cơ sở đoàn yếu kém. Nâng cao sức hấp dẫn các phong trào thanh niên do Đoàn tổ chức, qua đó tạo môi trường giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện, khơi dậy và phát huy tính xung kích của tuổi trẻ; xây dựng các điển hình thanh niên tiên tiến; chăm lo lợi ích chính đáng của thanh niên; phát hiện, lựa chọn đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên và đào tạo cán bộ trẻ.

- Bảo đảm vai trò nòng cốt của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam vững mạnh; đổi mới phương thức vận động, đa dạng hóa các loại hình tập hợp để thu hút rộng rãi các đối tượng thanh niên. Tăng cường xây dựng

lực lượng thanh niên nòng cốt để thành lập tổ chức cơ sở của Đoàn, Hội ở mọi lĩnh vực.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn các cấp thực sự có trình độ, năng lực, nhiệt tình, có khả năng vận động quần chúng, độ tuổi sát với tuổi thanh niên, thực sự tiêu biểu trong thanh niên. Ban hành quy chế cán bộ đoàn, xác định rõ trách nhiệm các cấp ủy đảng trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, luân chuyển cán bộ đoàn. Thực hiện định biên cán bộ đoàn chuyên trách khối cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp. Xây dựng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nằm trong hệ thống đại học quốc dân và trường Đoàn các khu vực thực sự trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn.

- Tạo mọi điều kiện để Đoàn huy động, tổ chức cho thanh niên tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, tích cực bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác thiếu nhi, chuẩn hóa tổng phụ trách Đội, phụ trách thiếu nhi trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, nhà thiếu nhi.

- Có nội dung, phương thức vận động phù hợp để tập hợp thanh niên đang học tập, lao động ở nước ngoài, thanh niên Việt kiều; cung cấp kịp thời các thông tin về tình hình đất nước, có các hình thức hỗ trợ kịp thời, động viên thanh niên không ngừng học tập, lao động, hướng về Tổ quốc.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với các tổ chức thanh niên các

nước trong khu vực và thế giới, cùng phấn đấu cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tích cực hợp tác trên mọi lĩnh vực với các tổ chức thanh niên tiến bộ trên thế giới.

3.7. Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội và gia đình, phối hợp giáo dục, bồi dưỡng, phát huy thanh niên

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác thanh niên, mỗi đoàn thể phải có chương trình cụ thể về công tác thanh niên, quy chế phối hợp hoạt động với Đoàn và các tổ chức thanh niên, chú trọng công tác nữ thanh niên; phân công cán bộ làm công tác thanh niên; vận động đoàn viên, hội viên thuộc đoàn thể mình tham gia tập hợp, giáo dục thanh thiếu nhi; tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể nhân dân, các bậc lão thành cách mạng, các nhà hoạt động văn hóa, xã hội, nhân sĩ, trí thức, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, doanh nghiệp và gia đình với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh để chăm lo giáo dục, xây dựng ước mơ, hoài bão, bồi dưỡng và phát huy thanh niên.

- Đề cao trách nhiệm của gia đình trong giáo dục, quản lý thanh niên, xây dựng gia đình hạnh phúc, là môi trường quan trọng hình thành nhân cách, giáo dục ý thức công dân, giữ gìn và phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc cho thanh thiếu nhi. Biểu dương các gia đình nuôi dạy con tốt, phê phán các gia đình không làm tốt nghĩa vụ giáo dục, quản lý con em. Gia đình tạo điều kiện, động viên

con em là thanh niên tham gia hoạt động xã hội và cống hiến cho đất nước.

3.8. Phát huy sự nỗ lực phấn đấu của mỗi thanh niên trong học tập, lao động và cuộc sống; không ngừng rèn luyện đạo đức, lối sống, hoàn thiện nhân cách, trở thành công dân hữu ích, thành viên tốt trong gia đình, tích cực đóng góp cho sự phát triển của đất nước

- Mỗi thanh niên phải luôn rèn luyện, phấn đấu, vươn lên trong học tập, lao động và cuộc sống; nhận thức rõ vị trí, vai trò, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thanh niên với Tổ quốc; tích cực tham gia sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" và cho chính tương lai của thanh niên.

- Thanh niên luôn chủ động và không ngừng học tập, nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn, tay nghề; cần cù, chịu khó, sáng tạo, có tác phong công nghiệp trong lao động; vươn lên lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng.

- Thanh niên phải thường xuyên rèn luyện đạo đức, lối sống, nếp sống văn minh, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc; có thái độ và hành vi ứng xử cao đẹp trong tình bạn, tình yêu; yêu thương con người, chăm lo hạnh phúc gia đình; kính trọng ông bà, cha mẹ, thầy, cô giáo và người lớn tuổi; tích cực rèn luyện, nâng cao sức khỏe, trở thành công dân hữu ích, thành viên tốt của gia đình; hăng hái tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Thanh niên luôn xung kích, tình nguyện, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; đảm nhận những việc khó khăn, gian khổ khi Đảng, Tổ quốc và nhân dân yêu cầu.

3.9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên và công tác thanh niên

- Củng cố, kiện toàn Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam đủ mạnh và giao cho Ủy ban một số nhiệm vụ, quyền hạn để tham mưu cho Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thanh niên. Các bộ, ngành và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh niên theo lĩnh vực, địa bàn và theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ. Thành lập hội đồng công tác thanh niên ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm nhiệm vụ tham mưu cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh niên. Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện mô hình này.

- Xác định chỉ số về thanh niên và công tác thanh niên trong chỉ số thống kê quốc gia, trong chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp.

- Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Đoàn, các tổ chức thanh niên đối với việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về thanh niên, công tác thanh niên.

- Thực hiện tốt Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, tạo điều kiện để thiếu nhi phát triển toàn diện, trở thành những thanh niên tốt.

- Tập trung chỉ đạo để hoàn thành các mục tiêu trong Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2010; xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2020, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; cụ thể hóa các chủ trương của Đảng trong giáo dục, bồi dưỡng, phát huy thanh niên.

- Sửa đổi, bổ sung Luật thanh niên phù hợp với tình hình mới. Ban hành Luật việc làm. Sớm ban hành cơ chế, chính sách để giải quyết chỗ ở, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao cho thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và học sinh, sinh viên đang học tập.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo cụ thể hóa nội dung, phương hướng công tác thanh niên thành các đề án và chỉ đạo xây dựng, ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn để thực hiện.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình, đặc điểm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới một số văn bản pháp luật có liên quan tới thanh niên và công tác thanh niên.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hóa nội dung công tác thanh niên thành chính sách cụ thể; xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện. Củng cố, kiện toàn Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam; xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về công tác thanh niên ở các bộ, ngành và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động, tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết này trong đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Bí thư Trung ương Đoàn và các cơ quan liên quan ở Trung ương hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập nội dung Nghị quyết; tuyên truyền quá trình thực hiện Nghị quyết này.

7. Ban Dân vận Trung ương và Ban Bí thư Trung ương Đoàn chủ trì, phối hợp với các ban, cơ quan đảng ở Trung ương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.35-60.

BÁO CÁO
GIẢI TRÌNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 140/TLHN, ngày 16 tháng 7 năm 2008

Tiếp thu ý kiến Trung ương về Đề án "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế"

Trong hai ngày 10 – 11-7-2008, Trung ương đã thảo luận Đề án "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế". Đây là lần đầu tiên Trung ương bàn để ban hành Nghị quyết về trí thức, do đó Hội nghị đã thảo luận rất sôi nổi, nhiều ý kiến tâm huyết và sâu sắc. Đã có 108 lượt ý kiến phát biểu. Đa số ý kiến của Trung ương đồng tình với các nội dung trong Tờ trình và Đề án của Bộ Chính trị, khẳng định Đề án được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, khá đầy đủ, đã tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp của các cấp, các ngành và nhiều nhà trí thức. Nội dung của Đề án có luận cứ khoa học, các đánh giá trong Đề án tương đối sát, khá trực diện và cụ thể, phù hợp với thực tiễn. Nhiều ý kiến cho rằng, Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và ra Nghị quyết về xây dựng

đội ngũ trí thức vào thời điểm hiện nay là hết sức cần thiết, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi mới của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhiều ý kiến bổ sung, nhấn mạnh, làm rõ hơn, sâu và cụ thể hơn một số nội dung quan trọng trong Đề án.

Bộ Chính trị xin tiếp thu nghiêm túc các ý kiến xác đáng của Trung ương để bổ sung, hoàn chỉnh Đề án và dự thảo Nghị quyết, đồng thời xin trình bày rõ thêm một số vấn đề sau:

1. Về tên gọi Đề án

Trong quá trình chỉ đạo chuẩn bị Đề án, Bộ Chính trị đề xuất đổi tên Đề án đã ghi trong Chương trình toàn khóa là "Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế" thành tên như hiện nay. Bộ Chính trị đã có văn bản xin ý kiến các đồng chí Ủy viên Trung ương và được tuyệt đại đa số nhất trí với tên gọi trên.

Tuy vậy, trong quá trình thảo luận tại Hội nghị, Trung ương có ba loại ý kiến: giữ nguyên tên gọi Đề án, đề nghị bỏ cả cụm từ "*hội nhập kinh tế quốc tế*" hoặc đề nghị bỏ từ "*kinh tế*" để chỉ ghi "*hội nhập quốc tế*", trong đó đa số ý kiến đề nghị bỏ cả cụm từ "hội nhập kinh tế quốc tế".

Tiếp thu và cân nhắc các đề xuất trên, Bộ Chính trị đồng tình với nhiều ý kiến của Trung ương cho rằng, bản thân sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, về khách quan đã bao hàm yêu cầu, nội dung hội nhập kinh tế quốc tế. Trong Hội nghị Trung ương 6 về tiếp tục xây dựng

giai cấp công nhân cũng như khi bàn về thanh niên; về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Hội nghị lần này Trung ương cũng nhìn nhận theo hướng trên, nên không cần thiết đưa cụm từ "hội nhập kinh tế quốc tế" hay "hội nhập quốc tế" vào tiêu đề của các Đề án.

Với những lý do trên, Bộ Chính trị đề nghị tên gọi của Đề án là "***Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước***".

2. Về phạm vi nội dung của Đề án

Trí thức là vấn đề rất rộng lớn, gắn với toàn bộ tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của chúng ta. Đề án không thể bao quát, đề cập toàn bộ nội dung liên quan. Để phù hợp với mục tiêu của Hội nghị Trung ương, trong quá trình chỉ đạo, Bộ Chính trị yêu cầu Đề án tập trung đánh giá tình hình đội ngũ trí thức nước ta và công tác xây dựng đội ngũ trí thức của Đảng và Nhà nước *từ đổi mới đến nay;* xác định mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và các giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đề án đã triển khai theo hướng chỉ đạo trên. Đa số ý kiến của Trung ương nhất trí với phạm vi nội dung của Đề án.

Tuy vậy, có ý kiến cho rằng, phạm vi của Đề án cần bao quát rộng hơn (dân trí, nhân lực, nhân tài) và chú ý đến trí thức trong lãnh đạo, quản lý, trí thức trong doanh nghiệp, không nên bó hẹp phạm vi trí thức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và văn học, nghệ thuật.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau: Ở phần đánh giá đóng góp của đội ngũ trí thức, Đề án đã đề cập đến

vai trò của trí thức trong đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài và chỉ ra những đóng góp nổi bật nhất của trí thức thuộc các lĩnh vực: lý luận - chính trị, khoa học xã hội; văn hóa, văn nghệ; khoa học tự nhiên, công nghệ; công tác lãnh đạo, quản lý; an ninh và quốc phòng, đối ngoại; doanh nghiệp và trí thức Việt Nam ở nước ngoài.

Nhưng việc đề cập đó chưa đủ mức làm rõ vai trò, đặc điểm của trí thức hoạt động trong doanh nghiệp - lực lượng ngày càng giữ vị trí quan trọng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (mặc dù đến nay, tỷ lệ trí thức trong doanh nghiệp chỉ chiếm khoảng 6 - 7% trí thức cả nước). Bộ Chính trị xin tiếp thu để thể hiện đậm nét hơn vai trò trí thức trong doanh nghiệp, đảm bảo tính toàn diện, cân đối của Đề án.

3. Về khái niệm trí thức

Đây là nội dung rất quan trọng của Đề án, vì xác định trúng nội dung cơ bản của khái niệm trí thức ở nước ta sẽ là cơ sở để đánh giá tình hình và đề ra mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trung ương đã thảo luận sôi nổi, đa số đồng tình với khái niệm nêu trong Đề án, đồng thời đề xuất nhiều ý kiến bổ sung cụ thể, có cả những ý kiến băn khoăn, đề nghị cân nhắc một số ý trong khái niệm.

Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương, lược bớt từ "*phương pháp*" trong cụm từ "*có phương pháp tư duy độc lập*", chuyển từ "*năng lực*" lên trước cụm từ "*tư duy độc lập*", thêm từ "*đối với*" trước từ "*xã hội*" trong cụm từ "*có giá trị xã hội*".

Như vậy khái niệm về trí thức được trình bày như sau:

Trí thức *là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có* ***năng lực*** *tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất* ***có giá trị đối với xã hội****.*

Khái niệm trên chỉ khái quát những *đặc trưng và tiêu chí cơ bản* nhất của trí thức Việt Nam hiện nay; các nội dung của khái niệm gắn bó chặt chẽ với nhau, không tách rời khi nhìn nhận trí thức. Đồng thời, do sự phong phú và rất đa dạng của trí thức trong thực tiễn, khái niệm trên không thể bao quát được hết các đối tượng trí thức cụ thể và những trường hợp ngoại lệ (được đào tạo hay tự đào tạo, trí thức ở các thời kỳ lịch sử trước đây,...). Mục đích của khái niệm nhằm xác định một số đặc điểm *cơ bản, phổ quát nhất* làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức, do vậy, Bộ Chính trị tán thành nhiều ý kiến của Trung ương cho rằng: trên cơ sở khái niệm này, khi xây dựng chính sách, chế độ... cần phải cụ thể hóa, xác định rõ các tiêu chí đối với trí thức trong các lĩnh vực khác nhau, các thời kỳ khác nhau...

4. Về đóng góp của trí thức

Đa số ý kiến đồng tình với đánh giá trong Đề án, đồng thời nhiều ý kiến đề nghị làm rõ, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung.

- Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến của Trung ương để làm rõ hơn sự đóng góp to lớn của trí thức không những trong hơn 20 năm đổi mới mà cả trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nội dung đánh giá trong Đề án

(trang 4) *"Đội ngũ trí thức Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển đất nước, dân tộc"* được sửa lại như sau: "*Đội ngũ trí thức Việt Nam đã có những đóng góp to lớn, quan trọng vào* ***thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".***

- Nhận định "*Trí thức Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc"* trình bày ở trang 5 của Đề án được điều chỉnh thành: "*Đa số trí thức Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc".*

5. Những hạn chế và yếu kém của đội ngũ trí thức

Nhiều ý kiến của Trung ương đã làm rõ, cụ thể hóa những đánh giá trong Đề án về hạn chế và yếu kém của đội ngũ trí thức, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến hạn chế về *chất lượng* của đội ngũ và hiệu quả lao động của trí thức, như: trình độ chưa tương xứng với bằng cấp; sản phẩm có hàm lượng chất xám cao còn ít; tách rời nghiên cứu với đào tạo, sản xuất; giảng viên các trường đại học vừa thiếu, vừa yếu... Những nội dung trên đã có trong Đề án, nhưng chưa được nhấn mạnh và cụ thể hóa.

Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến trên của Trung ương để làm rõ hơn trong Đề án, đồng thời, xin điều chỉnh hai nội dung sau:

- Điều chỉnh mức độ đánh giá: "Đội ngũ trí thức trong các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học *tụt hậu rõ rệt* so với yêu cầu phát triển của đất nước và so với trình độ của trí thức ở một số nước tiên tiến trong khu vực..." (Đề án, trang 6 và Tờ trình, trang 4) thành: "Trình độ của đội ngũ trí thức

trong **nhiều** cơ quan nghiên cứu, trường đại học *tụt hậu* so với yêu cầu phát triển của đất nước và so với một số nước tiên tiến trong khu vực...". Đánh giá như trên là bảo đảm tính lôgíc và phù hợp với thực tế của nước ta hiện nay.

- Về đánh giá trí thức trẻ, Đề án viết: "**Một số không ít,** do ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện kém cộng với tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, những luận điểm tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch... **đã bị tha hóa, thiếu** trách nhiệm công dân và xa rời lý tưởng của Đảng", Bộ Chính trị xin được điều chỉnh như sau: "**Một bộ phận**, do ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện kém cộng với tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, những luận điểm tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch... đã **có những biểu hiện lệch lạc, sai trái về quan điểm, thiếu say mê, tâm huyết với nghề nghiệp, thiếu ý thức** trách nhiệm công dân và xa rời lý tưởng của Đảng".

6. Về hạn chế, khuyết điểm của công tác xây dựng đội ngũ trí thức của Đảng, Nhà nước và nguyên nhân

Với thái độ tự phê bình khách quan và nghiêm khắc, nhiều ý kiến của Trung ương tập trung đánh giá hạn chế, khuyết điểm trong công tác xây dựng đội ngũ trí thức của Đảng và Nhà nước thời gian qua. Bộ Chính trị tiếp thu và bổ sung vào Đề án các đánh giá rất xác đáng sau: cơ chế, chính sách về tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội chậm được đổi mới, nặng tính hành chính, bình quân; đánh giá trí thức còn khắt khe; buông lỏng việc giáo dục lòng yêu nước, trách nhiệm xã hội, nặng về tuyên truyền; lúng túng trong công tác tập hợp, tổ chức đội ngũ trí thức và một số ý kiến về cơ chế,

chính sách cụ thể đối với khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và với trí thức...

- Nhiều ý kiến không tán thành với đánh giá "**Nhiều** cấp ủy đảng và chính quyền từ Trung ương đến cơ sở chưa nhận thức đúng về vai trò, vị trí của trí thức... **Nhiều cán bộ lãnh đạo còn tư tưởng ngại dùng người tài...**" (Đề án, trang 11). Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến trên, bỏ cụm từ "Nhiều cấp ủy đảng và chính quyền" và cụm từ "có tư tưởng ngại dùng người tài"; điều chỉnh mức độ đánh giá như sau: "**Một số** cán bộ lãnh đạo các cấp chưa nhận thức đúng về vai trò, vị trí của trí thức, còn ngại tiếp xúc, đối thoại với trí thức".

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc đánh giá "môi trường làm việc thiếu dân chủ, thiếu tự do tư tưởng, tự do sáng tạo, đặc biệt với trí thức khoa học xã hội và trí thức văn nghệ sĩ" (Đề án, trang 11). Bộ Chính trị cho rằng, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước rất quan tâm cải thiện môi trường dân chủ cho hoạt động của trí thức. Tuy vậy, yêu cầu mới của đất nước đòi hỏi cần phải giải phóng nhiều hơn nữa tiềm năng sáng tạo của đội ngũ này. Trong thực tế, có nơi, có lúc vẫn còn nảy sinh một số hiện tượng thiếu dân chủ, thiếu khuyến khích sáng tạo. Đây là vấn đề quan trọng ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, tâm trạng của trí thức. Trong các cuộc hội thảo, nhiều trí thức thể hiện bức xúc về tình trạng này. Theo kết quả điều tra dư luận xã hội, có 53% số trí thức được hỏi, cho rằng nguyên nhân chủ yếu cản trở năng lực sáng tạo là chưa có môi trường dân chủ cần thiết. Trong thảo luận của Trung ương, một số ý kiến đề nghị cần quan tâm đến vấn đề thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy hơn nữa tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu

dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị giữ lại đánh giá trên, nhưng có điều chỉnh lại là: "môi trường làm việc **ở một số nơi** thiếu dân chủ, thiếu tự do tư tưởng, tự do sáng tạo...".

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc khi nêu hiện tượng "Một số nhà khoa học, kể cả một số nhà khoa học có trình độ cao đã tìm sự thành đạt thông qua con đường quan chức hoặc con đường sản xuất kinh doanh". Bộ Chính trị xin tiếp thu, bỏ nhận định trên và điều chỉnh lại như sau: "*Còn thiếu chính sách, cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức chuyên tâm cống hiến, phát triển và được xã hội tôn vinh bằng chính kết quả hoạt động nghề nghiệp của mình*".

- Về nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm của đội ngũ trí thức và công tác trí thức, tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị xin điều chỉnh hai nội dung sau đây:

+ Bỏ cụm từ "... các mặt hạn chế của tư tưởng Nho giáo" thay bằng "hệ tư tưởng phong kiến" để thành: "*còn chịu ảnh hưởng các mặt hạn chế của hệ tư tưởng phong kiến, của nền kinh tế tiểu nông và cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp kéo dài...*".

+ Bỏ cụm từ "Quan điểm giai cấp theo tư duy cũ" (Đề án, trang 13) để thành câu: "*Định kiến và chủ nghĩa kinh nghiệm trong một bộ phận cán bộ, đã và đang dẫn đến thái độ thiếu tin tưởng, thiếu dân chủ trong quan hệ với trí thức, thậm chí xem thường trí thức*".

7. Về mục tiêu, quan điểm chỉ đạo

- Về mục tiêu, nhiều ý kiến đồng tình với nội dung trong Đề án. Ngoài ra còn có một số ý kiến cụ thể:

Có ý kiến đề nghị cân nhắc ý: "*Gắn bó vững chắc giữa Đảng với trí thức, giữa trí thức với Đảng*" vì cho rằng, viết như vậy dễ bị hiểu Đảng và trí thức như là hai lực lượng hoàn toàn khác biệt. Bộ Chính trị xin được giữ lại nội dung này với những lý do sau đây:

+ *Thứ nhất,* tuy trong Đảng có nhiều trí thức và trong đội ngũ trí thức có nhiều đảng viên, nhưng "Đảng" và "trí thức" là hai thực thể. Việc xây dựng sự gắn bó mật thiết giữa hai thực thể này là một yêu cầu khách quan như xây dựng sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, nhân dân với Đảng.

+ *Thứ hai,* trên thực tế, nhiều trí thức vẫn cho rằng Đảng chưa quan tâm, sử dụng trí thức vào những việc quan trọng và còn một bộ phận trí thức chưa gắn bó thực sự với Đảng.

- Về quan điểm chỉ đạo, các ý kiến thống nhất cao với nội dung Đề án. Ngoài ra còn có một số đề xuất cụ thể:

+ Có ý kiến đề nghị cần xem lại đoạn đầu của quan điểm 2: "*Xây dựng đội ngũ trí thức là trọng trách của Đảng, Nhà nước; trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội*", vì cho rằng, viết như vậy sẽ hiểu Đảng và Nhà nước nằm ngoài hệ thống chính trị. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến trên và sửa lại như sau: *"Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định"*. Thay cụm từ "*trọng trách của Đảng, Nhà nước"* bằng "*Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định"* để đảm bảo chính xác và chặt chẽ hơn.

+ Có nhiều ý kiến đề nghị bỏ đoạn "Phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức", vì viết như vậy người đọc dễ cho rằng trí thức của ta không được tự do tư tưởng. Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Thứ nhất, trí thức của ta, nhất là một số trí thức hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nghiên cứu lý luận vẫn còn tư tưởng e ngại khi trình bày những vấn đề có liên quan đến đường lối chính trị của Đảng và Nhà nước, cần thiết phải xóa mặc cảm này.

Thứ hai, Đề án nêu rõ: "Phát huy tự do tư tưởng" trong khuôn khổ "hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức" và "vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", chứ không phải "phát huy tự do tư tưởng" ở bất cứ nơi đâu và vì bất cứ mục đích nào.

Vì những lý do trên, Bộ Chính trị xin đề nghị giữ lại nội dung này trong quan điểm chỉ đạo thứ hai.

8. Về nhiệm vụ và giải pháp

Đa số ý kiến Trung ương đồng tình với năm nhóm nhiệm vụ và các giải pháp nêu trong Đề án và cho rằng thực hiện tốt các nhóm nhiệm vụ và giải pháp này sẽ tạo nên những chuyển biến thực sự trong xây dựng đội ngũ trí thức. Đồng thời nhiều ý kiến bổ sung một số giải pháp cụ thể và đặc biệt quan tâm đến yêu cầu cụ thể hóa các giải pháp trong từng nhiệm vụ.

Các đề xuất đó là đúng đắn và cần thiết, Bộ Chính trị xin tiếp thu, bổ sung vào Đề án, Nghị quyết, đồng thời tổng hợp các ý kiến của Trung ương để chuyển đến các cơ quan liên quan trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết. Sau đây, Bộ Chính trị giải trình, tiếp thu một số nội dung sau:

- Có một số ý kiến đề nghị tách riêng nhiệm vụ và giải pháp để làm rõ từng vấn đề, tạo điều kiện thuận lợi cho việc

triển khai. Về điểm này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, gắn nhiệm vụ với một hệ thống các giải pháp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo và triển khai nghị quyết trong thực tiễn. Do vậy, đề nghị Trung ương cho giữ lại cách trình bày như Đề án.

- Có một số ý kiến đề nghị nhập nhiệm vụ, giải pháp thứ nhất với nhiệm vụ và giải pháp thứ hai thành một nhóm. Về điểm này, Bộ Chính trị xin đề nghị Trung ương cho tách thành hai nhiệm vụ và giải pháp như trong Đề án. Bởi vì: khi đề cập đến "môi trường" là muốn nhấn mạnh tới môi trường làm việc và cống hiến, bao gồm không gian sáng tạo, quy chế, mối quan hệ giao lưu, điều kiện cơ sở vật chất. Đây là những vấn đề mà trí thức có nhiều bức xúc nhất hiện nay. Nhiều trí thức cho rằng điều mà họ đòi hỏi trước hết là bầu không khí dân chủ, cởi mở, tôn trọng ý kiến của nhau bằng cách xem xét, thẳng thắn trao đổi và áp dụng những sáng kiến có tính khả thi. Hơn nữa vấn đề tạo môi trường mang tính vĩ mô của công tác tổ chức. Trong khi đó nhiệm vụ và giải pháp thứ hai "xây dựng chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức" lại dựa trên cơ sở đánh giá kết quả cống hiến cụ thể của mỗi cá nhân hoặc tập thể và là một bộ phận của công tác cán bộ. Vì vậy "trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh" mang yêu cầu riêng, khác với tạo "môi trường".

- Có ý kiến đề nghị đưa nhiệm vụ và giải pháp thứ năm lên vị trí thứ nhất và đổi tên thành "Đổi mới nhận thức và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức". Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau: Toàn bộ mục tiêu, quan điểm, các nhiệm vụ và giải pháp đã trình bày trong Đề án là thể hiện tổng thể sự đổi mới nhận thức và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức.

Do đó đưa yêu cầu đổi mới nhận thức và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức thành một nội dung trong nhóm nhiệm vụ giải pháp thứ năm: "*Nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức*" là phù hợp với mức độ và nội dung cần thể hiện. Đặt công tác lãnh đạo của Đảng ở nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ năm còn hàm ý nhóm nhiệm vụ, giải pháp này có ý nghĩa quyết định đối với bốn nhóm nhiệm vụ, giải pháp trình bày ở trên. Điều này cũng phù hợp với trình tự trình bày của nhiều nghị quyết và chỉ thị khác của Đảng.

- Trong nhiệm vụ và giải pháp thứ nhất, có ý kiến cho rằng cần tạo nhiều diễn đàn để đội ngũ trí thức có điều kiện được tham gia, góp ý cho các chủ trương, chính sách, dự án kinh tế - xã hội... Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Nội dung này đã được nêu trong nhiệm vụ và giải pháp thứ tư "*Củng cố và nâng cao chất lượng các hội của trí thức*". Tuy vậy, Bộ Chính trị thấy rằng việc tổ chức diễn đàn để đội ngũ trí thức có điều kiện tham gia góp ý cho các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội... không chỉ là nhiệm vụ của các hội trí thức mà là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị đưa nội dung này vào nhiệm vụ và giải pháp thứ nhất "*Hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức*" và bổ sung thêm một giải pháp: "*Tổ chức nhiều diễn đàn để đội ngũ trí thức có điều kiện tham gia, trao đổi góp ý cho các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội*".

- Trong nhiệm vụ và giải pháp thứ hai, có ý kiến đề nghị cần có những hình thức khen thưởng vật chất và tinh thần

mang tính đột phá và phù hợp với sản phẩm của từng loại hình công việc của trí thức. Giải pháp này đã được nói đến trong nhiệm vụ và giải pháp thứ nhất. Song, Bộ Chính trị thấy rằng, cần phải nhấn mạnh hơn nội dung của ý kiến trên, vì vậy xin đề nghị chuyển một phần nội dung của nhóm nhiệm vụ và giải pháp thứ nhất xuống nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ hai và viết lại như sau:

"Rà soát lại các chính sách hiện có và ban hành các chế độ, chính sách mới bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần tương xứng với giá trị lao động và loại hình công việc của trí thức, để trí thức được hưởng đầy đủ, xứng đáng từ kết quả lao động sáng tạo của mình".

Phần còn lại trong nhiệm vụ và giải pháp thứ nhất được viết như sau: "*Hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với sản phẩm sáng tạo và bảo đảm lợi ích của trí thức khi chuyển giao phát minh, sáng kiến".*

- Có ý kiến đề nghị nên kết hợp việc xây dựng chính sách thu hút trí thức kiều bào với thu hút trí thức trong nước làm một (nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ hai, Đề án, trang 17). Bộ Chính trị tiếp thu và sửa thành: "*Xây dựng chính sách thu hút trí thức Việt Nam ở trong nước và nước ngoài tích cực tham gia hiến kế, triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học...".*

- Có một số ý kiến đề nghị ghi cụ thể trong Nghị quyết việc xác định "*Ngày Trí thức Việt Nam*" hay danh hiệu "*Vinh danh trí thức đất Việt*". Bộ Chính trị nhận thấy đây là những công việc cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, vì vậy xin không đưa các nội dung này vào Nghị quyết.

- Về nhiệm vụ và giải pháp thứ tư, có nhiều ý kiến đề nghị sửa tiêu đề "*Củng cố và phát triển các hội của trí thức*" thành "*Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hội của trí thức*". Đồng thời có nhiều ý kiến đề nghị bổ sung nhiệm vụ và giải pháp mới thể hiện việc đề cao trách nhiệm của bản thân trí thức trong xây dựng đội ngũ của mình. Bộ Chính trị xin tiếp thu, điều chỉnh tiêu đề của nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ tư thành: "*Đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hội của trí thức*", đồng thời bổ sung các giải pháp đề cao trách nhiệm của trí thức như:

"Xây dựng những quy chế giúp trí thức kịp thời nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của đất nước và địa phương".

"Tăng cường sinh hoạt tư tưởng và xây dựng quy chế phát huy trách nhiệm đội ngũ trí thức trong rèn luyện và phấn đấu, bồi đắp phát huy những phẩm chất tốt đẹp về lòng yêu nước, tính tích cực xã hội, tính nhân văn và sự gương mẫu về đạo đức".

"Tạo mọi điều kiện và cơ hội để trí thức đi đầu trong việc truyền bá, áp dụng những tri thức tiến bộ vào sản xuất và đời sống, góp phần thiết thực nâng cao dân trí".

"Có cơ chế giao nhiệm vụ và huy động trí thức, đặc biệt là trí thức đầu ngành, trực tiếp chăm lo việc đào tạo đội ngũ kế cận".

- Về vấn đề trí thức tham gia công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội, có nhiều ý kiến nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác tổ chức để trí thức phát huy khả năng

trong lĩnh vực này. Cũng có một số ý kiến băn khoăn cụm từ "*tiến tới giám sát độc lập*" (Đề án, trang 19). Bộ Chính trị xin trình bày với Trung ương như sau:

Vấn đề tư vấn, phản biện và giám định là một nội dung mới trong đời sống và sinh hoạt xã hội ở nước ta, vì vậy cần coi việc quan tâm và tổ chức tốt công việc này là một giải pháp cần thiết. Nội dung của giải pháp này xin được viết lại như sau: *"Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi và xây dựng cơ chế để khuyến khích và bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Phê phán và xóa bỏ sự coi nhẹ, thành kiến và quy chụp đối với những ý kiến phản biện mang tính xây dựng".* Giải pháp này được sắp xếp vào nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ nhất.

- Để nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức, có ý kiến nhấn mạnh việc các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thể chế hóa để thực hiện Nghị quyết này. Đồng thời cũng có ý kiến nhấn mạnh sự cần thiết đổi mới phương thức quản lý trí thức, không rập khuôn theo kiểu quản lý hành chính như đối với công chức nhà nước. Bộ Chính trị xin tiếp thu và bổ sung hai giải pháp thuộc nhiệm vụ và giải pháp thứ năm, như sau:

"Trong quản lý và sử dụng trí thức, các cấp ủy đảng cần nghiên cứu và áp dụng các phương thức phù hợp để phát huy cao nhất năng lực cống hiến của trí thức, không áp dụng cách quản lý hành chính, máy móc".

"Các cấp ủy đảng từ trung ương đến cơ sở có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thể chế hóa các nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết để thực hiện thắng lợi Nghị quyết này".

Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.61-80.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 27-NQ/TW, ngày 6 tháng 8 năm 2008

Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Trong mọi thời đại, tri thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển.

Mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 đòi hỏi phải lựa chọn con đường phát triển rút ngắn, phát huy đến mức cao nhất mọi nguồn lực, tiềm năng trí tuệ của dân tộc, đặc biệt là năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức.

Trí thức *là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực*

tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội.

Trí thức Việt Nam xuất thân từ nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội, nhất là từ công nhân và nông dân; phần lớn trưởng thành trong xã hội mới, được hình thành từ nhiều nguồn đào tạo ở trong và ngoài nước, với nhiều thế hệ nối tiếp nhau, trong đó có bộ phận trí thức người Việt Nam ở nước ngoài. Đội ngũ trí thức nước ta có tinh thần yêu nước, có lòng tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc, luôn gắn bó với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Bằng hoạt động sáng tạo, trí thức nước ta đã có đóng góp to lớn trên tất cả các lĩnh vực xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trí thức nước ta còn nhiều mặt hạn chế cần sớm được khắc phục để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

I- THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TỪ ĐỔI MỚI (NĂM 1986) ĐẾN NAY

1. Sự phát triển và đóng góp của đội ngũ trí thức

Cùng với sự phát triển của đất nước, đội ngũ trí thức đã tăng nhanh về số lượng, nâng lên về chất lượng; góp phần trực tiếp cùng toàn dân đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước xóa đói, giảm nghèo, phát triển đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đội ngũ trí thức đã đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho

việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới phát sinh trong sự nghiệp đổi mới; trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; sáng tạo những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, nhiều sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới.

Bộ phận trí thức tham gia công tác lãnh đạo, quản lý đã phát huy tốt vai trò và khả năng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, trình độ quản lý của Nhà nước. Đội ngũ trí thức trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh là lực lượng nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nhiều trí thức trẻ thể hiện tính năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Đa số trí thức Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc; nhiều người đã về nước làm việc, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển đất nước.

2. Công tác xây dựng đội ngũ trí thức

Trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách để đội ngũ trí thức phát triển nhanh về số lượng và nâng lên về chất lượng, phát huy vai trò trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, đặc biệt là các nghị quyết chuyên đề về giáo dục và đào tạo, khoa học và

công nghệ, văn hóa và văn nghệ, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài... để tạo động lực thúc đẩy sự sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức.

Nhà nước đã thực hiện các chính sách xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống đào tạo, nghiên cứu; đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa và văn nghệ; các chính sách sử dụng và tạo môi trường phát huy vai trò của trí thức; chính sách đãi ngộ, tôn vinh trí thức, lập các giải thưởng quốc gia, phong tặng các chức danh khoa học và các danh hiệu cao quý; thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài...

Nhìn chung, công tác trí thức của Đảng và Nhà nước trong những năm qua đã thể hiện coi trọng vị trí, vai trò của trí thức, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức và các hội của trí thức hoạt động, phát triển.

3. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Trước yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, đội ngũ trí thức nước ta còn bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém.

Số lượng và chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển đất nước. Cơ cấu đội ngũ trí thức có những mặt bất hợp lý về ngành nghề, độ tuổi, giới tính... Trí thức tinh hoa và hiền tài còn ít, chuyên gia đầu ngành còn thiếu nghiêm trọng, đội ngũ kế cận hẫng hụt; chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế. Nhìn chung, hoạt động nghiên cứu khoa học chưa xuất phát và gắn bó mật thiết với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Trong khoa học tự nhiên và công nghệ, số công trình được công bố ở các tạp chí có uy tín trên thế giới, số sáng chế được đăng ký quốc tế còn quá ít. Trong khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu lý luận còn thiếu khả năng dự báo và định hướng, chưa giải đáp được nhiều vấn đề do thực tiễn đổi mới đặt ra, chưa có những công trình sáng tạo lớn, nhiều công trình còn sơ lược, sao chép. Trong văn hóa, văn nghệ còn ít tác phẩm có giá trị xứng tầm với những thành tựu vẻ vang của đất nước, sự sáng tạo và hy sinh lớn lao của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật còn nhiều hạn chế.

Trình độ của trí thức ở nhiều cơ quan nghiên cứu, trường đại học tụt hậu so với yêu cầu phát triển đất nước và so với một số nước tiên tiến trong khu vực, nhất là về năng lực sáng tạo, khả năng thực hành và ứng dụng, khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ và sử dụng công nghệ thông tin.

Một bộ phận trí thức, kể cả người có trình độ học vấn cao, còn thiếu tự tin, e ngại, sợ bị quy kết về quan điểm, né tránh những vấn đề có liên quan đến chính trị. Một số giảm sút đạo đức nghề nghiệp, thiếu ý thức trách nhiệm và lòng tự trọng, có biểu hiện chạy theo bằng cấp, thiếu trung thực và tinh thần hợp tác. Một số trí thức không thường xuyên học hỏi, tìm tòi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, thiếu chí khí và hoài bão. Nhiều trí thức trẻ có tâm trạng thiếu phấn khởi, chạy theo lợi ích trước mắt, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên về chuyên môn.

Những hạn chế, yếu kém của đội ngũ trí thức do nhiều nguyên nhân. Nền kinh tế nước ta vẫn trong tình trạng lạc hậu, trình độ khoa học và công nghệ còn thấp; việc áp dụng

khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa cao; thị trường khoa học và công nghệ, văn hóa và văn nghệ đang trong quá trình hình thành... Về khách quan, chưa có đầy đủ điều kiện để phát huy hết năng lực sáng tạo của trí thức. Một bộ phận trí thức, ở mức độ khác nhau còn chịu ảnh hưởng các mặt hạn chế của tư tưởng phong kiến, của nền kinh tế tiểu nông và cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp kéo dài, của mặt trái cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn kinh tế đang chuyển đổi.

Công tác trí thức của Đảng và Nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Đến nay vẫn chưa có chiến lược tổng thể về đội ngũ trí thức. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chưa thể hiện quan điểm lấy khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo làm "quốc sách hàng đầu", chưa gắn với các giải pháp phát huy vai trò đội ngũ trí thức trên nhiều lĩnh vực. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác trí thức chậm đi vào cuộc sống; có nơi, có lúc thực hiện thiếu nghiêm túc. Một số chủ trương, chính sách không sát với thực tế; có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng thiếu những chế tài đủ mạnh đảm bảo cho việc thực hiện có kết quả. Nhìn chung, các chính sách đối với trí thức còn thiếu đồng bộ, còn nặng tính hành chính và dấu ấn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chậm đổi mới.

Một số cán bộ đảng và chính quyền chưa nhận thức đúng về vai trò, vị trí của trí thức; đánh giá, sử dụng trí thức không đúng năng lực và trình độ, ngay cả với những trí thức đầu ngành, dẫn đến tâm tư nặng nề trong đội ngũ trí thức. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chỉ chú trọng đến vốn tiền, vật chất mà chưa coi trọng nguồn nhân lực có trình độ cao.

Vẫn còn hiện tượng ngại tiếp xúc, đối thoại, không thực sự lắng nghe, thậm chí quy chụp, nhất là khi trí thức phản biện những chủ trương, chính sách, những đề án, dự án do các cơ quan lãnh đạo và quản lý đưa ra.

Hệ thống chính sách về trí thức còn thiếu và chưa phù hợp; tổ chức các hội của trí thức ở Trung ương và địa phương chưa đủ mạnh để tập hợp trí thức. Công tác tổ chức cán bộ, công tác quản lý, nhất là khâu đánh giá, sử dụng trí thức còn nhiều điểm không hợp lý, thiếu chính sách và cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức chuyên tâm cống hiến, phát triển và được xã hội tôn vinh bằng chính kết quả hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp; thiếu những cơ chế thích hợp để phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài.

Các chủ trương, chính sách đào tạo đội ngũ trí thức chưa đồng bộ. Hệ thống giáo dục còn lạc hậu, chưa đủ sức đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao. Thiếu chính sách đủ mạnh thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giải quyết những vấn đề của đất nước và tạo điều kiện để trí thức trong nước được giao lưu, hợp tác, làm việc ở các trung tâm khoa học và văn hóa lớn trên thế giới.

Cơ chế và chính sách tài chính hiện hành trong các hoạt động khoa học và công nghệ, văn hóa và văn nghệ còn nhiều bất cập, gây khó khăn, dẫn đến một số trường hợp trí thức phải tìm cách đối phó, làm giảm chất lượng của các công trình sáng tạo, lãng phí thời gian, công sức, tiền của, ảnh hưởng tới uy tín và danh dự của trí thức.

Những hạn chế, khuyết điểm trên là do sự yếu kém của một số cấp ủy đảng, chính quyền trong lãnh đạo và chỉ đạo

thực hiện công tác trí thức; sự thiếu đồng bộ của hành lang pháp lý bảo đảm môi trường dân chủ cho các hoạt động sáng tạo; những định kiến và chủ nghĩa kinh nghiệm trong một bộ phận cán bộ đã dẫn đến thái độ thiếu tin tưởng, thiếu dân chủ trong quan hệ với trí thức, thậm chí xem thường trí thức.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

A- Mục tiêu

Đến năm 2020, xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Gắn bó vững chắc giữa Đảng và Nhà nước với trí thức, giữa trí thức với Đảng và Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí.

Trong những năm trước mắt, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đã ban hành, xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng của đội ngũ trí thức; xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020.

B- Quan điểm chỉ đạo

1. Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế

tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.

2. Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định. Trí thức có vinh dự và bổn phận trước Tổ quốc và dân tộc, không ngừng phấn đấu nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

3. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến; có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước.

C- Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

1. Hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức

- Ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và văn nghệ;

bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để trí thức tự khẳng định, phát triển, cống hiến và được xã hội tôn vinh. Tăng đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau cho các lĩnh vực nói trên, đặc biệt khuyến khích doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển khoa học.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với các sản phẩm sáng tạo, nhằm bảo đảm lợi ích của trí thức khi chuyển giao phát minh, sáng kiến và khuyến khích đội ngũ trí thức gia tăng sự cống hiến.

- Ban hành quy định về quyền hạn, điều kiện làm việc để phát huy năng lực và trách nhiệm của trí thức đầu ngành, các nhà khoa học và công nghệ có trình độ cao, các tổng công trình sư trong điều hành chuyên môn, nghiệp vụ.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi và xây dựng cơ chế hoạt động, tổ chức nhiều diễn đàn để khuyến khích và bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định các chủ trương, chính sách, các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Phê phán và xóa bỏ sự coi nhẹ, thành kiến và quy chụp đối với những ý kiến phản biện mang tính xây dựng.

- Nhà nước đầu tư xây dựng một số khu đô thị khoa học, khu công nghệ cao, tổ hợp khoa học - sản xuất, trường đại học trọng điểm, các trung tâm văn hóa hiện đại để thúc đẩy hoạt động sáng tạo của trí thức trong và ngoài nước.

- Mở rộng hợp tác và giao lưu quốc tế về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và văn nghệ.

2. Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức

- Đổi mới công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong việc tiến cử và sử dụng cán bộ là trí thức, khắc phục tình trạng hành chính hóa, thiếu công khai, minh bạch trong các khâu tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ quản lý. Xây dựng và thực hiện cơ chế tạo điều kiện để trí thức phát triển bằng chính phẩm chất, tài năng và những kết quả cống hiến của mình cho đất nước.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chủ trương phân cấp và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học trên cơ sở các tiêu chuẩn của Nhà nước; trong việc sử dụng kinh phí, sử dụng trí thức đầu ngành theo nhu cầu của đơn vị, nghiên cứu ban hành quy định tuổi lao động cho phù hợp.

- Rà soát các chính sách hiện có và ban hành các cơ chế, chính sách mới bảo đảm để trí thức được hưởng đầy đủ lợi ích vật chất, tinh thần tương xứng với giá trị từ kết quả lao động sáng tạo của mình.

- Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các cơ chế, chính sách để động viên và tiếp tục sử dụng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với những trí thức có trình độ cao, năng lực và sức khỏe đã hết tuổi lao động.

- Có chính sách ưu đãi cụ thể về lương, điều kiện làm việc, sinh hoạt... đối với trí thức làm việc ở vùng kinh tế, xã hội khó khăn, trí thức là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...; đổi mới, nâng cao chất lượng xét chọn và nâng mức

thưởng đối với các danh hiệu cao quý và các giải thưởng Nhà nước dành cho trí thức.

- Xây dựng chính sách thu hút, tập hợp trí thức Việt Nam ở trong và ngoài nước tích cực tham gia hiến kế, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ mới... Trọng dụng, tôn vinh những trí thức có đóng góp thiết thực, hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

3. Tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng trí thức

- Tiến hành cải cách giáo dục từ cơ cấu hệ thống đến chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo đại học; thực hiện các biện pháp gắn đào tạo với nhu cầu của người học và nhu cầu của xã hội. Thực hiện tốt kiểm định chất lượng đào tạo, tăng cường vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Gắn đào tạo đại học và sau đại học với nghiên cứu khoa học, với sản xuất kinh doanh. Xây dựng một số trường đại học ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Tạo điều kiện để các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu của các nước phát triển đầu tư mở cơ sở đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam.

- Thực hiện tốt việc đưa cán bộ, học sinh, sinh viên có đạo đức và triển vọng đi đào tạo ở nước ngoài, chú trọng các chuyên ngành mà đất nước có nhu cầu bức thiết.

- Trên cơ sở bảo đảm chất lượng đào tạo đại trà, xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện có hiệu quả đào tạo tài năng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ trí thức và phát triển nhân tài cho đất nước.

- Có chính sách và kế hoạch cụ thể để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ, trí thức là những người đã có cống hiến trong hoạt động thực tiễn, trí thức người dân tộc thiểu số và trí thức nữ.

- Áp dụng chính sách định kỳ và cơ chế bảo đảm chất lượng bồi dưỡng, đào tạo lại chuyên môn cho đội ngũ trí thức; khuyến khích trí thức thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của thực tiễn.

4. Đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hội của trí thức

- Xây dựng quy chế, cơ chế thông tin giúp trí thức kịp thời nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của đất nước và địa phương.

- Tăng cường sinh hoạt tư tưởng, phát huy trách nhiệm đội ngũ trí thức trong rèn luyện, phấn đấu, bồi đắp, phát huy những phẩm chất tốt đẹp, như lòng yêu nước, tính tích cực xã hội, tính nhân văn, đạo đức, lối sống...

- Tạo cơ hội để trí thức tự nguyện đi đầu trong việc truyền bá những tri thức tiến bộ trong cộng đồng, áp dụng có hiệu quả những tiến bộ đó vào sản xuất và đời sống, góp phần thiết thực nâng cao dân trí.

- Có cơ chế, chính sách huy động trí thức, đặc biệt là trí thức đầu ngành, trực tiếp chăm lo và thực hiện việc đào tạo đội ngũ kế cận.

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc về vị trí, vai trò của các hội trí thức, đặc biệt là Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật, Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật, trong việc vận động, tập hợp, đoàn kết trí thức ở trong nước và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài.

- Củng cố, phát triển, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức thành viên Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam từ Trung ương đến địa phương, tạo môi trường lành mạnh để phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ trí thức.

- Tạo điều kiện để các hội trí thức thực hiện các dịch vụ công, tham gia cấp chứng chỉ hành nghề, giám sát hoạt động nghề nghiệp, thực hiện tự chủ về tài chính.

5. Nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò, vị trí quan trọng của trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; xác định công tác trí thức là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

- Làm tốt công tác tư tưởng để toàn xã hội hiểu đúng và đề cao vai trò của trí thức; để đội ngũ trí thức nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với đất nước, dân tộc, đoàn kết phấn đấu, lao động sáng tạo, hoàn thành tốt trọng trách trong thời kỳ mới. Hình thành ý thức và tâm lý xã hội tôn trọng, tôn vinh trí thức, coi "hiền tài là nguyên khí của quốc gia", phát huy truyền thống "tôn sư trọng đạo".

- Phát huy tài năng và trọng dụng những trí thức có phẩm chất tốt, có năng lực quản lý là đảng viên và không phải là đảng viên trong các cơ quan nhà nước và tổ chức sự nghiệp.

- Trong quản lý và sử dụng trí thức, các cấp ủy đảng và chính quyền nghiên cứu, thực hiện các phương thức phù hợp, không áp dụng máy móc cách quản lý hành chính để phát huy cao nhất năng lực cống hiến của trí thức.

- Những người đứng đầu cấp ủy đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm định kỳ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, đối thoại với trí thức về những vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng.

- Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thể chế hóa các nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết thành các chính sách, chế độ, chế tài, quy chế cụ thể để thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh tuyên truyền trong nhân dân; có chương trình hành động cụ thể đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo kịp thời thể chế hóa và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, xây dựng đội ngũ trí thức từ nay đến năm 2020, đồng thời rà soát hệ thống luật pháp và các văn bản liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới phù hợp với Nghị quyết.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các bộ, ngành liên quan có chương trình hành động cụ thể, tổ chức thực hiện Nghị quyết nhằm xây dựng đội ngũ trí thức có chất lượng thuộc bộ, ngành của mình.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm đầu mối hướng dẫn, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, báo cáo tình hình và đề xuất ý kiến bổ sung, điều chỉnh các chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.81-100.

BÁO CÁO
TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 141/TLHN, ngày 17 tháng 7 năm 2008

Ý kiến của Trung ương về Đề án "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn"

Trong các ngày 11, 14, 15-7-2008, Trung ương đã thảo luận Đề án về "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn", có 63 ý kiến ở các tổ và 20 ý kiến phát biểu tại hội trường. Hầu hết ý kiến đều cho rằng Đề án được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, khá đầy đủ, có chất lượng tốt, đánh giá khá rõ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta; các quan điểm, mục tiêu và giải pháp nêu ra khá đầy đủ, toàn diện. Việc Hội nghị Trung ương bàn và ra Nghị quyết về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tình hình hiện nay là kịp thời và rất cần thiết, đáp ứng được sự mong đợi của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đa số ý kiến đồng tình với nội dung, bố cục Đề án và Tờ trình của Bộ Chính trị trình Trung ương, đồng thời cũng có nhiều ý kiến đề nghị nhấn mạnh và bổ sung để làm rõ thêm một số nội dung về đánh giá tình hình, quan điểm, mục tiêu, giải pháp trong Đề án.

Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến xác đáng của Trung ương để hoàn chỉnh Đề án và trình bày thêm một số vấn đề Trung ương đã nêu lên như sau:

I- VỀ TÊN GỌI VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

Đa số ý kiến tán thành với tên gọi và phạm vi của Đề án về "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn". *Tuy vậy, một số ý kiến cho rằng tên gọi của Đề án không gắn với giai đoạn lịch sử; nên cân nhắc tên gọi là: "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa", vì vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay khác với trước đây và cho rằng "vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba vấn đề lớn, có quan hệ mật thiết với nhau nhưng có đặc thù riêng, nên cần tách ra để giải quyết từng vấn đề để phân tích sâu hơn"; hay "Đề án và Nghị quyết lần này chỉ nên tập trung vào ba vấn đề: giao đất cho nông dân, áp dụng cơ chế thị trường, phát huy vai trò của kinh tế hộ".* Có ý kiến đề nghị sắp xếp lại thứ tự ba vấn đề trong tên gọi của Đề án là "nông nghiệp, nông thôn, nông dân".

Bộ Chính trị xin giải trình về những vấn đề này như sau:

Việc xây dựng Đề án "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn" đã được Ban Chấp hành Trung ương khóa X xác định trong Chương trình làm việc toàn khóa; trong quá trình chuẩn bị, Bộ Chính trị cũng đã cân nhắc kỹ cả về nội dung và trình tự các vấn đề theo hướng hiện đại hóa nông nghiệp là trọng tâm, nông dân là chủ thể, nông thôn là địa bàn. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn tuy đặc thù riêng,

nhưng giữa các vấn đề này có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, không tách rời. Tách riêng từng vấn đề thì có điều kiện phân tích sâu hơn, song xem xét đồng thời cả ba lĩnh vực để có đánh giá và giải pháp tổng thể là rất cần thiết và quan trọng trong điều kiện hiện nay; trong đó, vừa có đánh giá và giải pháp chung, vừa có đánh giá và giải pháp cho từng lĩnh vực là phù hợp. Đề án đã xây dựng theo hướng này.

Quy mô, tính chất của vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày nay rộng lớn và rất phức tạp đặt ra nhiều vấn đề mới nên Đề án và Nghị quyết lần này không chỉ dừng lại ở ba nội dung: giao đất cho nông dân, áp dụng cơ chế thị trường và phát triển kinh tế hộ mà phải bao quát nhiều vấn đề như Đề án đã trình bày.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề chiến lược có ý nghĩa lâu dài. Trong giai đoạn hiện nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì thế, trong Đề án có nêu các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2010, 2020, tương ứng với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời nêu cả các quan điểm và mục tiêu tổng quát, có ý nghĩa lâu dài cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta...

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho chấp nhận tên gọi Đề án "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn" với thứ tự, phạm vi các vấn đề như đã trình Trung ương, nhưng tên Nghị quyết là ***"Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn"*** (không có hai từ "vấn đề").

II- VỀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN

1. Về thành tựu

Đa số các ý kiến phát biểu đều đồng tình với các thành tựu đã nêu trong Đề án. Đồng thời, một số ý kiến đề nghị bổ sung, nhấn mạnh thêm một số thành tựu đạt được của nông nghiệp, nông thôn, nông dân nhiều năm qua. Đề nghị cần đánh giá theo từng vùng, theo tác động của từng nguồn lực (do tác động của công nghiệp, dịch vụ, do đầu tư của Nhà nước, do bản thân nông nghiệp). Cần đánh giá rõ hơn vai trò của nông dân, của kinh tế hộ. Trong đánh giá tổng quát nên bỏ từ "khá", thành tựu đạt được phải là "toàn diện và to lớn", thậm chí có ý kiến còn cho rằng thành tựu đạt được là "rất to lớn và vĩ đại", nhưng cũng có ý kiến đề nghị đánh giá thành tựu đạt được chỉ nên là "khá toàn diện" (không nên nói là "và to lớn").

Bộ Chính trị xin được tiếp thu và giải trình về những ý kiến nêu trên của Trung ương như sau:

Trong Đề án và Tờ trình Trung ương, đã có những đánh giá khá đầy đủ thành tựu đạt được trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn những năm vừa qua, trong đó có những đánh giá thành tựu của các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ nông thôn, các vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, miền núi phía Bắc, Tây Nguyên...; đã đánh giá tình hình phát triển và vai trò của kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp trong nông nghiệp. Tuy nhiên, do nội dung và phạm vi của vấn đề rộng lớn, nên Đề án còn chưa phản ánh, thể hiện đầy

đủ hết những thành tựu đạt được, một số lĩnh vực chưa được phân tích sâu. Bộ Chính trị xin tiếp thu những góp ý cụ thể của Trung ương nêu lên trong quá trình thảo luận để hoàn thiện Đề án, thể hiện đầy đủ hơn những thành tựu đạt được.

Về đánh giá tổng quát, có thể khẳng định những thành tựu đạt được của nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta những năm qua là to lớn và toàn diện. Tuy nhiên, do bên cạnh đó cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu, một số lĩnh vực phát triển còn chậm, thiếu vững chắc, còn nhiều vấn đề bức xúc đặt ra phải giải quyết. Vì vậy, không thể đánh giá những thành tựu đó là "rất to lớn và vĩ đại", nhưng cũng không thể chỉ đánh giá những thành tựu đó là "khá toàn diện" (mà không nói là to lớn). Bộ Chính trị đã cân nhắc nhiều mặt và đánh giá những thành tựu đó là "khá toàn diện và to lớn". Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng những thành tựu đạt được và những khó khăn, tồn tại là không đồng đều giữa các vùng.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương chấp nhận đánh giá như vậy là phù hợp.

Một số ý kiến còn băn khoăn về tính chính xác của một số số liệu thể hiện một số thành tựu, đề nghị xem xét lại các số liệu này.

Bộ Chính trị xin báo cáo Trung ương: Các số liệu sử dụng trong Đề án là kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 2006 của Tổng cục Thống kê, các số liệu điều tra chuyên ngành và báo cáo của các bộ, ngành Trung ương. Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo kiểm tra lại các số liệu cho chính xác.

2. Về những yếu kém, khuyết điểm

Đa số ý kiến đồng tình với năm khuyết điểm, yếu kém như đã nêu trong Đề án và Tờ trình; tuy nhiên có nhiều ý kiến nhấn mạnh, làm rõ thêm về những mặt còn yếu kém rất cụ thể trong phạm vi cả nước nói chung cũng như của các khu vực, các lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói riêng, như yếu kém trong khai thác và phát huy nguồn lực (nhất là lĩnh vực rừng và thủy sản), sản xuất thiếu quy hoạch, công nghiệp chưa phục vụ tốt cho nông nghiệp; quan hệ sản xuất ở nông thôn, đời sống nhân dân và an sinh xã hội còn nhiều bất cập...

Bộ Chính trị thấy rằng, mặc dù Đề án đã cố gắng phản ánh rõ những khuyết điểm, yếu kém của nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta, nhất là những vấn đề lớn, nhưng chưa thể phản ánh đầy đủ những vấn đề cụ thể. Một số ý kiến phát biểu của Trung ương nhấn mạnh thêm những nội dung đã nêu trong Đề án. Đồng thời nhiều khuyết điểm, yếu kém mà Trung ương bổ sung, làm rõ thêm là xác đáng, đúng với thực trạng. Bộ Chính trị xin tiếp thu hoàn thiện Đề án và chỉ đạo Chính phủ có kế hoạch, giải pháp khắc phục những yếu kém, cụ thể là tăng cường công tác quy hoạch, khai thác và phát huy nguồn lực về rừng, biển, thủy sản, phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, đổi mới quan hệ sản xuất ở nông thôn, đời sống nhân dân và an sinh xã hội, nhất là nông dân ở khu vực bị thu hồi đất...

3. Về nguyên nhân

Đa số ý kiến đồng tình với ba nguyên nhân mà Đề án đã nêu. Có một số ý kiến đề nghị bổ sung nguyên nhân khách quan: nước ta đất chật, người đông nên bình quân diện tích đất đai/đầu người thấp, dẫn tới manh mún. Có ý kiến cho rằng, nguyên nhân "tư duy, nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn nhiều bất cập so với thực tiễn" là tư duy, nhận thức của ai? Viết không khéo sẽ là đổ lỗi cho địa phương. Đề nghị bổ sung nguyên nhân "nông dân còn mặc cảm, tự ti, thụ động và an phận".

Bộ Chính trị xin báo cáo với Trung ương như sau: Trong Đề án khi phân tích các nguyên nhân của yếu kém, khuyết điểm, đã nêu cả nguyên nhân khách quan và chủ quan; về khách quan có những yếu tố như Trung ương đã nêu: nước ta đất chật, người đông, bình quân đất trên đầu người thấp, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta. Trong Tờ trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị chỉ nhấn mạnh các nguyên nhân chủ quan để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Trong Đề án đã nêu nguyên nhân của những khuyết điểm, yếu kém có vấn đề thuộc tư duy, có vấn đề thuộc nhận thức, có vấn đề thuộc cơ chế, chính sách và có cả vấn đề thuộc tổ chức thực hiện. Khi nêu "tư duy và nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn bất cập so với thực tiễn", Đề án đã nêu cả ở cấp Trung ương và cấp địa phương. Cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước thiếu đồng bộ, thiếu tính đột phá, một số không hợp lý nhưng chậm được điều chỉnh; việc chậm nghiên cứu để hình thành lý luận và xây dựng mô hình về nền nông nghiệp hiện đại... là trách nhiệm của Trung ương. Song ở địa phương cũng có tình trạng một số cán bộ, đảng viên các cấp còn tập trung vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế chủ yếu thông qua phát

triển công nghiệp, dịch vụ, xem nhẹ phát triển nông nghiệp, nông thôn và giải quyết các bức xúc của nông dân.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương không bổ sung thêm nguyên nhân thứ tư "nông dân còn mặc cảm, tự ti, thụ động và an phận" vì điều này không phải là phổ biến của nông dân nước ta.

4. Về bài học kinh nghiệm

Đa số ý kiến đều đồng tình với năm bài học kinh nghiệm đã nêu trong Tờ trình của Bộ Chính trị. Có một số ý kiến góp ý cụ thể, như: đề nghị bỏ đoạn "và mối quan hệ gắn bó hữu cơ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn" vì các yếu tố này đã gắn bó một cách tự thân của bài học thứ nhất; thay phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" bằng "nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ" của bài học thứ hai; sửa lại đoạn "tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho dân cư nông thôn" thành "tập trung đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn" của bài học thứ tư; và thêm cụm từ "gắn với an sinh xã hội" sau mệnh đề "... luôn chú trọng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia" của bài học thứ năm. Có ý kiến đề nghị bổ sung một số bài học, như: khoán sản phẩm, tự do lưu thông hàng hóa, mở rộng sản xuất vùng nguyên liệu gắn với chế biến, trợ giúp người nghèo, vùng nghèo trong cơ chế thị trường...

Bộ Chính trị xin tiếp thu, giải trình về những ý kiến này của Trung ương như sau:

Trong bài học thứ nhất: "phải luôn xác định đúng vị trí, vai trò quan trọng có tính chất chiến lược và mối quan hệ gắn bó hữu cơ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn..." có hàm ý

khẳng định vai trò quan trọng có tính chất chiến lược của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với sự phát triển của đất nước và mối quan hệ gắn bó hữu cơ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn với các lĩnh vực khác, với công nghiệp, dịch vụ, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, với sự ổn định và phát triển của đất nước. Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị sẽ thể hiện rõ hơn nội dung này.

Về đề nghị thay phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" bằng "nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ"; Bộ Chính trị thấy rằng "nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ" là một nội dung, một cách làm cụ thể của phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", hơn nữa phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" đã trở thành quen thuộc, được xã hội chấp nhận. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho chấp nhận như Đề án. Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị xin sửa lại đoạn "tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho dân cư nông thôn" thành "tập trung đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn" cho đúng và chính xác hơn; tiếp thu đưa thêm cụm từ "gắn với an sinh xã hội" vào bài học thứ năm cho đầy đủ hơn.

Những bài học Trung ương đề nghị bổ sung thêm, nội dung về những vấn đề này đã được thể hiện trong năm bài học nêu trong Đề án, tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị sẽ thể hiện đậm nét hơn các nội dung này.

III- VỀ QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Về quan điểm

Đa số ý kiến đồng tình với bốn quan điểm đã nêu trong Đề án và Tờ trình của Bộ Chính trị. Có một số ý kiến nêu:

Đề nghị đưa quan điểm thứ nhất lên phần Lời nói đầu hoặc tách quan điểm thứ nhất làm hai quan điểm để rõ hơn. Đối với quan điểm thứ hai, có ý kiến không tán thành xác định "công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là trọng tâm", cho rằng, đây có phải là thay đổi quan điểm của Đảng và Nhà nước ta không? Hiện nay các nước đang đi vào công nghiệp công nghệ cao, ta có như vậy không hay chỉ coi nông nghiệp là trọng tâm. Quan điểm thứ ba cần xác định nội dung chính, trước tiên là cần tạo môi trường thuận lợi cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước, giảm đóng góp để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân. Đề nghị đưa sự gắn kết "bốn nhà" vào phần quan điểm.

Về những ý kiến trên, Bộ Chính trị xin được báo cáo Trung ương như sau:

- Đề án nêu bốn quan điểm, mỗi quan điểm có nội dung, vai trò, vị trí riêng nhưng có mối quan hệ với nhau, tạo thành một chỉnh thể hoàn chỉnh.

- Quan điểm thứ nhất khẳng định vị trí quan trọng có ý nghĩa chiến lược lâu dài của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái, đối với sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước ta, dân tộc ta. Vì vậy, những nội dung này để ở phần quan điểm có ý nghĩa hơn và phù hợp hơn là đưa lên phần mở đầu của Đề án và cũng không nên tách thành hai quan điểm riêng.

- Quan điểm thứ hai là quan điểm đòi hỏi giải quyết đồng bộ các vấn đề của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong quan hệ với công nghiệp hóa, hiện đại hóa chung của đất nước, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) đã xác định "công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Bộ Chính trị xin tiếp thu để sửa lại nội dung này cho nhất quán với các quan điểm của Trung ương.

- Quan điểm thứ ba là quan điểm về phương hướng giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong điều kiện mới, phải trên cơ sở phát huy cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện từng vùng và cả nước, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội... Những ý kiến góp ý của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ nghiên cứu tiếp thu để thể hiện rõ và đầy đủ hơn quan điểm này.

- Liên kết "bốn nhà" là một giải pháp đang được Chính phủ triển khai thí điểm, hiện nay còn chưa được sơ kết, tổng kết, đánh giá, kết luận nên Bộ Chính trị đề nghị không đưa vào quan điểm và đã thể hiện trong phần giải pháp.

2. Về mục tiêu

Hầu hết các ý kiến đều thống nhất với mục tiêu nêu trong Đề án và Tờ trình của Bộ Chính trị. Tuy vậy, có một số ý kiến cho rằng: Đề án đưa ra một số mục tiêu quá cao, khó thực hiện, không khả thi, như "nông dân có trình độ sản xuất ngang bằng các nước tiên tiến trong khu vực" (trong mục tiêu tổng quát); "giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn lên gấp trên 2,5 lần so với hiện nay",

"lao động nông nghiệp được chuyển dịch còn 30% trong tổng lực lượng lao động" và băn khoăn "về khả năng đến năm 2020 đảm bảo có đường ôtô đi lại đến hầu hết các thôn, bản"; và "đảm bảo cơ bản điều kiện học tập, chữa bệnh, văn hóa, xã hội ở hầu hết các vùng nông thôn bằng mức các đô thị trung bình" và băn khoăn về nguồn lực để bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu đề ra. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng, mục tiêu "nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn lên gấp trên 2,5 lần so với hiện nay" là quá thấp, cần tính toán kỹ thêm vì nếu như vậy, đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn mới chỉ khoảng 1.000 USD/năm.

Có ý kiến đề nghị làm rõ cơ sở khoa học của việc bảo vệ 3,8 triệu hécta đất lúa; đề nghị "phải bảo tồn được ít nhất 4 triệu hécta đất lúa; tốc độ tăng trưởng nông - lâm - thủy sản bình quân phải 4%/năm trở lên"; chỉ nên "căn bản xóa nhà tạm" thay cho "không còn nhà tạm" ở các vùng khó khăn... Đề nghị bổ sung nội dung "thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa của nhân dân giữa khu vực nông thôn và thành thị" vào mục tiêu tổng quát.

Bộ Chính trị xin giải trình, tiếp thu các ý kiến của Trung ương nêu trên như sau:

Các mục tiêu nêu trong Đề án có mục tiêu lâu dài, mục tiêu đến năm 2020 và mục tiêu đến năm 2010. Trong quá trình chuẩn bị Đề án, các mục tiêu đó đều được cân nhắc, tính toán kỹ từ tình hình thực tế, tiềm năng, lợi thế của nông nghiệp nước ta, yêu cầu, thời cơ, thách thức đặt ra với nông nghiệp nước ta nói riêng, đất nước ta nói chung. Để thực hiện được những mục tiêu đó đòi hỏi phải huy động và

sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhà nước, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, của toàn xã hội, nguồn lực trong và ngoài nước và sự nỗ lực phấn đấu cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhưng có thể đạt được, có như vậy mới thực hiện được mục tiêu tổng quát sớm đưa nước ta ra khỏi nước kém phát triển trước năm 2010 và trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Tiếp thu ý kiến Trung ương, trong quá trình triển khai, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Chính phủ có bước đi phù hợp.

Nguồn lực là yếu tố hết sức quan trọng để thực hiện các mục tiêu đề ra. Trong quá trình xây dựng Đề án, Bộ Chính trị đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan xem xét, nghiên cứu về vấn đề này. Trong những năm tới, Đảng, Nhà nước ta sẽ tập trung đầu tư cao hơn cho nông nghiệp, nông dân. Nhà nước sẽ có cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực xã hội trong, ngoài nước đầu tư vào những công trình, dự án trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, để tập trung nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đồng thời có chính sách đủ mạnh khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Việc đặt ra chỉ tiêu tăng trưởng nông - lâm - ngư nghiệp bình quân 3,5 - 4%/năm là hợp lý. Quy mô và trình độ phát triển nông - lâm - ngư nghiệp trong những năm tới đã cao hơn trước, môi trường quốc tế và trong nước có nhiều biến động khó lường, phấn đấu đạt được tốc độ tăng trưởng 3,5 - 4%/năm cũng là một cố gắng lớn. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến Trung ương, trong chỉ đạo điều hành, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo phấn đấu để đạt và vượt chỉ tiêu này.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến Trung ương xác định "căn bản xóa nhà tạm" thay cho "không còn nhà tạm" ở vùng khó khăn đến năm 2010.

- Về việc bảo vệ 3,8 triệu hécta đất lúa: Việc xác định diện tích đất lúa cần phải giữ lại bao nhiêu để bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia về lâu dài phải trên cơ sở hiện trạng đất nông nghiệp, đất lúa, nhất là diện tích đất trồng lúa nước; khả năng áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, dự báo mức dân số ổn định lâu dài; dự báo nhu cầu dinh dưỡng trong khẩu phần ăn của từng người dân để cân đối giữa sản lượng lương thực sản xuất ra với nhu cầu tiêu dùng trong nước, dự trữ và xuất khẩu; đồng thời phải đảm bảo nhu cầu hợp lý diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, khu công nghiệp, đô thị và khu dân cư nông thôn, có tính tới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong tương lai. Tuy nhiên, hiện nay số liệu cụ thể cần phải được đánh giá lại một cách chính xác hơn để có đầy đủ căn cứ khoa học và tính khả thi. Bộ Chính trị trình Trung ương cho phép không quy định diện tích cần giữ cụ thể trong nghị quyết mà chỉ nêu nguyên tắc: Bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia lâu dài, trong mọi tình huống; đồng thời bảo đảm cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, công nghiệp, dịch vụ đô thị, các khu dân cư; có cơ chế, chính sách ưu đãi bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa, vùng trồng lúa tương ứng với sự phát triển, nâng cao thu nhập chung của đất nước; việc sử dụng đất lúa phải theo tinh thần tiết kiệm, hiệu quả. Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Chính phủ xây dựng đề án cụ thể, có chính sách bảo vệ đất lúa chung cho cả nước và phù hợp với đặc điểm từng vùng phù hợp.

3. Về nhiệm vụ và giải pháp

Đa số ý kiến đồng tình với tám giải pháp nêu trong Đề án và Tờ trình của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, một số ý kiến đề nghị làm rõ giải pháp nào là giải pháp đột phá và đề nghị trong Nghị quyết này tập trung vào hai giải pháp đột phá là đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Có ý kiến đề nghị xem lại chủ trương "điều chỉnh giá đất bồi thường cho người bị thu hồi đất theo nguyên tắc không phân biệt mục đích sử dụng đất". Đồng thời, nhiều ý kiến góp ý vào nhiều nội dung cụ thể trong từng giải pháp.

Bộ Chính trị xin được giải trình và tiếp thu những ý kiến này của Trung ương như sau:

Tám nhóm nhiệm vụ, giải pháp với rất nhiều nội dung cụ thể nêu trong Đề án là một hệ thống có quan hệ chặt chẽ với nhau đều đòi hỏi phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, trong đó, trong nhiệm vụ và giải pháp thứ tám có nêu rõ năm nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện tới năm 2010. Các giải pháp có tính chất đột phá mà Trung ương nêu đã được đề cập trong Đề án.

Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị chưa đưa chủ trương "điều chỉnh giá đất bồi thường cho người bị thu hồi đất theo nguyên tắc không phân biệt mục đích sử dụng đất" vào Đề án và Nghị quyết, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Chính phủ tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn về vấn đề này, chuẩn bị cho việc sửa Luật đất đai.

Nhiều ý kiến góp ý của Trung ương về những nội dung cụ thể trong các giải pháp là phân tích, nhấn mạnh thêm những nội dung đã có trong Đề án; nhiều ý kiến bổ sung, lưu ý thêm những khía cạnh mới. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến Trung ương, nhấn mạnh, bổ sung thêm những nội dung này theo góp ý của Trung ương và sẽ chú ý trong quá trình chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết.

IV- VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhiều ý kiến đề nghị thành lập ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Trung ương và cấp tỉnh. Tuy nhiên, cũng có nhiều ý kiến đề nghị không nên thành lập ban chỉ đạo, vì hiện nay đã có quá nhiều ban chỉ đạo, mà phải phát huy trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức hệ thống chính trị.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin có ý kiến như sau:

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương "Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn" là nhiệm vụ quan trọng, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo mạnh mẽ, thường xuyên, quyết liệt của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị. Mặt khác, để thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nâng cao đời sống của nhân dân, cần phối hợp tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết này đồng bộ cùng nhiều nghị quyết khác của Đảng. Do vậy, tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị không thành lập ban chỉ đạo ở Trung ương và các tỉnh, thành phố mà phát huy tối đa vai trò, trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ban, ngành, Mặt trận, các đoàn thể ở

Trung ương, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở địa phương, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết; thường xuyên sơ kết, tổng kết để bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết.

Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.101-120.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 26-NQ/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008

Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được thành tựu ***khá toàn diện và to lớn***. Nông nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá cao theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện. Xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả to lớn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường. Dân chủ cơ sở được phát huy. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Vị thế chính trị của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đồng đều giữa các vùng. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt nguồn lực cho phát triển sản xuất; nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cách thức sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán; năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng nhiều mặt hàng thấp. Công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề phát triển chậm, chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn. Các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh sản xuất hàng hóa. Nông nghiệp và nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, môi trường ngày càng ô nhiễm; năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai còn nhiều hạn chế. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; chênh lệch giàu, nghèo giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng còn lớn, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

Những hạn chế, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính: nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn bất cập so với thực tiễn; chưa hình thành một cách có hệ thống các quan điểm lý luận về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực này thiếu đồng bộ, thiếu tính đột phá; một số chủ trương, chính sách không hợp lý, thiếu tính khả thi nhưng chậm

được điều chỉnh, bổ sung kịp thời; đầu tư từ ngân sách nhà nước và các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tổ chức chỉ đạo thực hiện và công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, yếu kém; vai trò của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở nhiều nơi còn hạn chế.

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

- Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là **chủ thể** của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là **căn bản**; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là **then chốt**.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng và biển; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

- Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát:

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. Xây dựng **nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại**, bền vững,

sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng **nông thôn mới** có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu đến năm 2020:

- Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt 3,5 - 4%/năm; sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm và hiệu quả; duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Phát triển nông nghiệp kết hợp với phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay.

- Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trước hết là hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích đất lúa hai vụ, mở rộng diện tích tưới cho rau màu, cây công nghiệp, cấp thoát nước chủ

động cho diện tích nuôi trồng thủy sản, làm muối; đảm bảo giao thông thông suốt bốn mùa tới hầu hết các xã và cơ bản có đường ôtô tới các thôn, bản; xây dựng cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và hạ tầng nghề cá; cấp điện sinh hoạt cho hầu hết dân cư, các cơ sở công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đảm bảo cơ bản điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao ở hầu hết các vùng nông thôn tiến gần tới mức các đô thị trung bình.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo; nâng cao trình độ giác ngộ và vị thế chính trị của giai cấp nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Mục tiêu đến năm 2010:

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân trên cơ sở đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là ở các vùng còn nhiều khó khăn;

tăng cường nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ tiên tiến, tạo bước đột phá trong đào tạo nhân lực; tăng cường công tác xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt ở các huyện còn trên 50% hộ nghèo, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn. Triển khai một bước chương trình xây dựng nông thôn mới. Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản 3 - 3,5%/năm. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn không thấp hơn mức bình quân của cả nước. Lao động nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội. Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới, cơ bản không còn hộ dân ở nhà tạm, tăng tỷ lệ che phủ rừng và tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên cơ sở nhu cầu thị trường và lợi thế từng vùng, sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm, có hiệu quả, duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến và thị trường. Phát triển sản xuất với quy mô hợp lý các loại nông sản hàng hóa xuất khẩu có lợi thế, nông sản thay thế nhập khẩu. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, công nghệ sinh học, thủy lợi hóa, cơ giới hóa, thông tin hóa, thay thế lao động thủ công,

thay đổi tập quán canh tác lạc hậu để sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên, lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản.

Phát triển ngành trồng trọt, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các giống và quy trình sản xuất mới có năng suất, chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống tưới tiêu; đẩy nhanh cơ giới hóa đồng bộ các khâu sản xuất; hiện đại hóa công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa. Bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh phù hợp với điều kiện của từng vùng. Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài là ưu tiên hàng đầu trong phát triển nông nghiệp. Có chính sách bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa, địa phương và vùng trồng lúa. Xây dựng các vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa hàng hóa tập trung, trước hết là các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, phù hợp với lợi thế của từng vùng; chú trọng phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở trung du, miền núi và Tây Nguyên; tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng giống, áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả; tăng cường công tác thú y, phòng, chống dịch bệnh; phát triển sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp; tổ chức lại và hiện đại hóa cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm.

Phát triển lâm nghiệp toàn diện từ quản lý, bảo vệ, trồng, cải tạo, làm giàu rừng đến khai thác, chế biến lâm sản, bảo vệ môi trường cho du lịch sinh thái. Có cơ chế, chính sách phù hợp, tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia bảo vệ, phát triển rừng. Cho phép khai thác lợi ích kinh tế từ rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo nguyên tắc bền vững, lấy nguồn thu từ rừng để bảo vệ, phát triển rừng và làm giàu từ rừng. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trồng rừng thâm canh, hiện đại hóa công nghệ khai thác, chế biến nhằm nâng cao giá trị lâm sản, chú trọng phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Triển khai có kết quả chương trình khai thác hải sản trong chiến lược phát triển kinh tế biển, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Cơ cấu lại lực lượng đánh bắt gần bờ, đồng thời có chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống của ngư dân ven biển. Phát triển nhanh lực lượng khai thác xa bờ theo hướng đầu tư trang bị phương tiện và công nghệ hiện đại, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu tàu thuyền theo quy hoạch, hệ thống thông tin liên lạc, tìm kiếm cứu nạn. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng, theo quy hoạch, phát huy lợi thế của từng vùng gắn với thị trường; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi, trồng, trước hết là thủy lợi; áp dụng rộng rãi các quy trình công nghệ sinh sản nhân tạo; xây dựng hệ thống thú y thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống, thức ăn, môi trường nuôi; hiện đại hóa các cơ sở chế biến, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn theo quy hoạch. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu và thị trường; đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp, triển khai chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng các loại dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống của dân cư nông thôn.

2. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị

Tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng, trước hết cho lúa, nuôi trồng thủy sản và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, cấp nước sinh hoạt cho dân cư và công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Xây dựng hồ chứa nước ở vùng thường xuyên bị khô hạn, phát triển thủy lợi nhỏ kết hợp thủy điện ở miền núi. Củng cố, xây dựng hệ thống đê sông, đê biển, hệ thống ngăn lũ, thoát lũ. Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý thủy lợi có hiệu quả, nâng hiệu suất sử dụng các công trình thủy lợi lên trên 80%.

Phát triển giao thông nông thôn bền vững gắn với mạng lưới giao thông quốc gia, bảo đảm thông suốt bốn mùa tới các xã và cơ bản có đường ôtô đến thôn, bản. Ưu tiên phát triển giao thông ở các vùng khó khăn để có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống đường đến các vùng trung du, miền núi và ven biển để phát triển công nghiệp và đô thị. Từng bước nâng cao chất lượng đường nông thôn; có cơ chế, chính sách đảm bảo duy tu, bảo dưỡng thường xuyên. Phát triển giao thông thủy,

xây dựng các cảng sông, nạo vét luồng lạch và các phương tiện vận tải sông, biển an toàn.

Cải tạo và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện, bảo đảm đủ điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; nâng cao chất lượng điện phục vụ sinh hoạt của dân cư nông thôn. Phát triển hệ thống bưu chính - viễn thông, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin cho mọi vùng nông thôn, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Xây dựng hệ thống chợ nông sản phù hợp với từng vùng.

Tập trung đầu tư cho các viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở chuyển giao khoa học - công nghệ nông nghiệp đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; phát triển nhanh các trung tâm, trạm giống, cơ sở khuyến nông ở các huyện, xã. Nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến huyện, các trung tâm y tế vùng, các cơ sở y tế chuyên sâu; hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường học; xây dựng các trung tâm, nhà văn hóa - thể thao tại thôn, xã.

Quy hoạch bố trí lại dân cư nông thôn gắn với việc quy hoạch xây dựng công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị ở các vùng. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với các tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng vùng, chú ý các xã còn nhiều khó khăn ở miền núi, biên giới, bãi ngang, hải đảo. Phát triển mạng lưới thị trấn, thị tứ theo quy hoạch; tiếp tục thực hiện phương châm "Nhà nước và nông dân cùng làm", khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, xóa nhà tạm ở nông thôn, thực hiện chương trình

nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí lại dân cư ra khỏi vùng bão, lũ, vùng sạt lở núi, ven sông, ven biển.

Nâng cao năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; chủ động triển khai một bước các công trình giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn, ngăn chặn và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đang ngày càng gia tăng.

3. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn

Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; bảo đảm hài hòa giữa các vùng, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị. Có kế hoạch cụ thể về đào tạo nghề và chính sách đảm bảo việc làm cho nông dân, nhất là ở các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động từ nông thôn; triển khai kế hoạch hợp tác sản xuất nông nghiệp với một số quốc gia có nhu cầu.

Tập trung nguồn lực và tăng cường chỉ đạo thực hiện đồng bộ chiến lược về tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo. Đặc biệt quan tâm tới miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long và các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%, các hải đảo, vùng bãi ngang. Nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, dân số, giảm tỷ lệ sinh ở nông thôn. Ưu tiên đầu tư phát triển

giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Nâng cao chất lượng Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng các hương ước, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo. Thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, bảo đảm mức sống tối thiểu cho cư dân nông thôn. Rà soát, giảm thiểu các khoản đóng góp có tính chất bắt buộc đối với nông dân. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và thực hiện đầy đủ quy chế dân chủ cơ sở.

Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện của nhân dân, không để gây thành những điểm nóng ở nông thôn. Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, năng lực và vị thế của phụ nữ ở nông thôn.

4. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn

Tiếp tục tổng kết, đổi mới và xây dựng các mô hình kinh tế, hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn. Có chính sách khuyến khích phát triển các mối liên kết giữa hộ nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm để hỗ trợ

kinh tế hộ phát triển theo hướng gia trại, trang trại có quy mô phù hợp, sản xuất hàng hóa lớn.

Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với nguyên tắc tổ chức của hợp tác xã và cơ chế thị trường; hỗ trợ kinh tế tập thể về đào tạo cán bộ quản lý, lao động; tiếp cận các nguồn vốn, trợ giúp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và các dự án phát triển nông thôn; hợp tác xã phải làm tốt các dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong nông nghiệp. Đổi mới căn bản việc tổ chức quản lý nông, lâm trường quốc doanh. Thực hiện tốt việc giao khoán đất, vườn cây cho người lao động, nông, lâm trường quốc doanh chuyển sang làm tốt các dịch vụ cho người nhận khoán và nông dân trong vùng, nhất là hướng dẫn kỹ thuật, dịch vụ vật tư, tiêu thụ và chế biến sản phẩm. Rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi đất rừng sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý của đơn vị, giao lại cho chính quyền địa phương để cho các tổ chức, cá nhân thuê sử dụng có hiệu quả.

Tạo môi trường thuận lợi để hình thành và phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp nông thôn, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động nông nghiệp tại chỗ, doanh nghiệp dịch vụ vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản cho nông dân. Phát triển mạnh doanh nghiệp công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu... phục vụ nông nghiệp.

5. Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn

Tăng đầu tư ngân sách cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ để nông nghiệp sớm đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực; ưu tiên đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học để chọn, tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình nuôi trồng, bảo quản, chế biến, tạo đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Xây dựng các chính sách đãi ngộ thỏa đáng để khai thác, phát huy tốt các nguồn lực khoa học - công nghệ, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ; thu hút thanh niên, trí thức trẻ về nông thôn, nhất là các ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa. Tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ khác ở nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất nông sản an toàn, công nghệ cao.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại cho nông dân; đào tạo nghề cho bộ phận con em nông dân để chuyển nghề, xuất khẩu lao động; đồng thời tập trung đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở. Hình thành chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực; đảm bảo hằng năm đào tạo khoảng một triệu lao động nông thôn. Thực hiện tốt việc xã hội hóa công tác đào tạo nghề.

6. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân

Sửa đổi Luật đất đai theo hướng: Tiếp tục khẳng định đất đai là sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch để sử dụng có hiệu quả; giao đất cho hộ gia đình sử dụng lâu dài; mở rộng hạn mức sử dụng đất; thúc đẩy quá trình tích tụ đất đai; công nhận quyền sử dụng đất được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất, kinh doanh. Ban hành chính sách định giá bảo đảm hài hòa quyền lợi của người sử dụng đất, của nhà đầu tư và của Nhà nước trong quá trình giải tỏa, thu hồi đất. Có cơ chế khuyến khích những tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thành lập công ty, vào các dự án đầu tư, kinh doanh khi có đất bị thu hồi. Có chính sách giải quyết tốt vấn đề đất ở, nhà ở, việc làm cho người bị thu hồi đất; có quy hoạch và cơ chế bảo vệ vững chắc đất trồng lúa.

Rà soát, điều chỉnh cơ cấu đầu tư ngân sách, giảm bớt đầu tư cho các công trình có thể thu hồi vốn để tạo nguồn, tăng đầu tư phát triển cho khu vực nông nghiệp, nông thôn; tăng mạnh đầu tư ngân sách nhà nước ngay từ năm 2009 và đảm bảo 5 năm sau cao gấp hai lần 5 năm trước. Có cơ chế điều tiết, phân bổ đầu tư ngân sách nhà nước đảm bảo lợi ích của các địa phương có điều kiện phát triển công nghiệp với các địa phương thuần nông, nhất là chuyên trồng lúa. Thực hiện rộng rãi cơ chế đấu thầu quyền khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên gắn với việc tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên.

Tăng cường phân cấp thu chi ngân sách cho các địa phương, bao gồm cả cấp huyện và xã; tăng cường hỗ trợ nông dân sản xuất nông sản hàng hóa; tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi và khuyến khích các ngân hàng, định chế tài chính cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, kể cả huy động vốn ODA và FDI.

Tiếp tục thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; có biện pháp bảo vệ thị trường nội địa, phát triển thị trường xuất khẩu nông sản phù hợp với luật pháp quốc tế; nghiên cứu ban hành chính sách giá cả nông sản, nhất là giá lúa phù hợp trong quan hệ so sánh với hàng công nghiệp, bảo đảm lợi ích của người sản xuất nông nghiệp, giải quyết hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường hệ thống dự trữ quốc gia, nhất là lương thực.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, nhất là hội nông dân

Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của đảng bộ, chi bộ cơ sở để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn nông thôn; củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương, nhất là cấp huyện, xã và các lĩnh vực khác ở nông thôn. Tiếp tục cải cách hành chính, tăng cường đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức xã. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn; tạo cơ chế và điều kiện thuận lợi cho

Hội Nông dân Việt Nam trong việc trực tiếp thực hiện một số chương trình, dự án phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của nông dân, hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

Chăm lo xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

8. Những nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện tới năm 2010

Để đạt được mục tiêu do Đại hội Đảng lần thứ X đề ra tới năm 2010, cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính sau đây:

- Hoàn thành cơ bản việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đất đai, quy hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp, khu công nghiệp và quy hoạch chuyên ngành theo vùng. Triển khai nhanh công tác quy hoạch xây dựng nông thôn gắn với quy hoạch phát triển đô thị.

- Hoàn thành sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 2003, Luật ngân sách nhà nước và các luật khác có liên quan. Bổ sung, hoàn thiện các chính sách về tăng cường nguồn lực cho nông nghiệp, nông thôn. Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

- Đảm bảo tiến độ các công trình xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai; thực hiện một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, nhất là nước biển dâng; khống chế, dập tắt kịp thời các dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm, thủy sản

và cây trồng. Tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nhân lực ở nông thôn.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn nông thôn, nhất là xóa đói, giảm nghèo ở các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%. Khắc phục nhanh những vấn đề bức xúc ở nông thôn, trước hết là những tồn tại liên quan tới vấn đề thu hồi đất. Triển khai chương trình "xây dựng nông thôn mới", trong đó thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng đi trước một bước.

- Tổ chức tốt việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn nông thôn; củng cố bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương phải lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, tạo sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân để giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn đồng bộ với các nghị quyết khác của Đảng trên địa bàn nông thôn.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến nội dung Nghị quyết.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào Nghị quyết triển khai các

nhiệm vụ cụ thể về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các cấp ủy, các tổ chức đoàn thể quần chúng phát động phong trào thi đua yêu nước, tham gia tích cực thực hiện Nghị quyết, xây dựng và triển khai các chương trình "xây dựng nông thôn mới"; "bảo tồn và phát triển làng nghề"; "đào tạo nguồn nhân lực"; "phát triển kinh tế hợp tác" trong nông thôn. Định kỳ sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình tốt, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích; xử lý trách nhiệm của các cấp ủy, người đứng đầu không thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.121-145.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA X)

Ngày 17 tháng 7 năm 2008

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Sau 9 ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã hoàn thành chương trình đã đề ra. Hội nghị đã tập trung trí tuệ, thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp nhiều ý kiến xác đáng và sâu sắc; đánh giá cao công tác soạn thảo các đề án, hoan nghênh các ý kiến đóng góp tâm huyết, trí tuệ của các tổ chức và cá nhân trong quá trình chuẩn bị đề án trình Hội nghị. Hội nghị Trung ương biểu thị sự đồng tình với các nội dung tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, nhất trí thông qua Nghị quyết "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"; Nghị quyết "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"; Nghị quyết "Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn"; Hội nghị cũng đã cho

ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm và các giải pháp chủ yếu trong sáu tháng cuối năm 2008 để Bộ Chính trị ra kết luận về vấn đề này.

Những nội dung thảo luận và quyết nghị tại Hội nghị Trung ương lần này rất quan trọng và cần thiết, vừa có tính chiến lược lâu dài, vừa mang tính thời sự cấp bách, đáp ứng những đòi hỏi mới của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Về công tác thanh niên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên". Lịch sử cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cho thấy, trong mọi thời kỳ, trên mọi mặt trận, bao giờ các thế hệ thanh niên cũng là đội quân xung kích. Sự cống hiến của thanh niên cho sự nghiệp cách mạng là to lớn và chính sự nghiệp cách mạng đã tôi luyện, bồi dưỡng nên những thế hệ thanh niên ngang tầm đòi hỏi của đất nước, thật sự xứng đáng với dân tộc và thời đại. Lịch sử và truyền thống tốt đẹp của thanh niên Việt Nam sẽ mãi mãi soi sáng cho nhiều thế hệ.

Kế thừa tinh hoa truyền thống của dân tộc, của các thế hệ thanh niên đi trước và thành quả của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và giao lưu quốc tế, thế hệ thanh niên hiện nay có mặt mạnh rất cơ bản, thể chất, phẩm chất, năng lực, trí tuệ không ngừng được nâng cao, có ý chí vươn lên, tự khẳng định mình, lập thân lập nghiệp, làm giàu chính đáng, có khát vọng được đóng góp tích cực cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên thực tế, thanh niên ta đã có những

đóng góp xứng đáng. Có thể nói, đất nước ta được ổn định, kinh tế - xã hội phát triển, quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, một phần quan trọng là do nhận thức, thái độ chính trị đúng đắn và hành động tích cực của thanh niên. Trong khi khẳng định mặt mạnh cơ bản của thanh niên, chúng ta không thể xem nhẹ những mặt yếu kém, khuyết điểm, thậm chí sai lầm trong một bộ phận, một số cá thể thanh niên, bởi chính đó có khi là nguyên nhân trực tiếp gây ra những tiêu cực, những tổn thất không nhỏ cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Đánh giá thanh niên phải thật sự khách quan, khoa học, biện chứng trong mối quan hệ của môi trường sống, ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện của thanh niên và trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh tình hình đất nước và quốc tế hiện nay, thanh niên nước ta đang đứng trước những cơ hội, thuận lợi lớn, nhưng cũng phải đương đầu với những khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch và kẻ xấu đang tìm mọi cách lôi kéo, tha hóa thanh niên. Trách nhiệm của chúng ta là phải định hướng, giáo dục, tạo điều kiện cho thanh niên nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, vươn lên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Chúng ta đến với thanh niên phải bằng cả lòng tin yêu, tôn trọng và trách nhiệm, phải đặt thanh niên ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng thanh niên là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò quan trọng của Đoàn Thanh niên

Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội. Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, coi nhiệm vụ xây dựng Đoàn vững mạnh là bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên, tạo điều kiện cho thanh niên phát triển và cống hiến, đồng thời khuyến khích, vận động thanh niên nỗ lực học tập, rèn luyện, tự thân phấn đấu theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ, coi đó là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới.

Từ nay đến năm 2020, chúng ta phải hướng tới mục tiêu tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hóa, vì cộng đồng; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng và tác phong lao động tập thể, trở thành công dân tốt của đất nước; cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học công nghệ, vươn lên ngang tầm thời đại; phấn đấu hình thành một lớp thanh niên ưu tú, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc trong thời kỳ mới.

Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa và ý thức công dân cho thanh niên, đặc biệt là mọi cán bộ, đảng viên, mọi người lớn tuổi phải là tấm gương mẫu mực để thanh niên noi theo; đổi mới toàn diện công tác giáo dục và đào tạo, tạo cơ hội cho thanh niên được học tập; phải có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết

việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện; coi trọng hơn nữa việc trọng dụng nhân tài trẻ trên mọi lĩnh vực; xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đội dự bị tin cậy của Đảng, chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội và gia đình, phối hợp giáo dục, bồi dưỡng thanh thiếu niên; phát huy sự nỗ lực, phấn đấu của mỗi thanh niên trong học tập, lao động và cuộc sống; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên và công tác thanh niên. Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đó chính là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thanh niên, bảo đảm cho thanh niên thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Chúng ta đều biết, tri thức là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức; xây dựng đội ngũ trí thức là yêu cầu tất yếu của phát triển xã hội. Từ trước đến nay, Bác Hồ và Đảng ta luôn coi trọng tri thức, quan tâm xây dựng đội ngũ trí thức và đã có những thành công lớn. Ngay trong thời kỳ gian khổ, ác liệt của chiến tranh, chúng ta đã hình thành và phát triển được đội ngũ trí thức mới, trí thức cách mạng đầy nhiệt huyết, có nhiều đóng góp to lớn trên nhiều lĩnh vực, góp phần xứng đáng làm nên thắng lợi vẻ vang của dân tộc.

Với tầm nhìn chiến lược, Đảng ta vừa quan tâm xây dựng đội ngũ trí thức hiện có, vừa chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức cho giai đoạn tiếp theo, thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, tạo môi trường để đội ngũ trí thức phát triển và phát huy vai trò trên mọi lĩnh vực. Cho đến nay, đội ngũ trí thức Việt Nam đã có bước phát triển nhanh về số lượng, nâng lên về chất lượng và đã có nhiều đóng góp xứng đáng vào thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay, đội ngũ trí thức nước ta còn có khoảng cách cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu; một số còn tâm tư, vướng mắc, một số chịu tác động của các mặt tiêu cực trong xã hội, có trường hợp tự hạ thấp phẩm giá của mình. Công tác xây dựng đội ngũ trí thức vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Chính vì vậy, việc ra nghị quyết vào thời điểm hiện nay là hết sức cần thiết.

Quan điểm nhất quán của Đảng ta coi trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững. Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định, đồng thời cũng là vinh dự, bổn phận của chính trí thức. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tạo điều kiện và môi trường cho hoạt động

nghề nghiệp của trí thức, trọng dụng đúng trí thức, có chính sách đặc biệt đối với nhân tài.

Từ nay đến năm 2020, chúng ta phải phấn đấu theo mục tiêu xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng đông và cơ cấu hợp lý, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Gắn bó vững chắc giữa Đảng với trí thức, giữa trí thức với Đảng, bồi đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí.

Trong những năm trước mắt, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đã ban hành, xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng của đội ngũ trí thức hiện nay, đồng thời xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020 và những năm tiếp theo đáp ứng nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Để xây dựng đội ngũ trí thức theo yêu cầu mới, chúng ta phải làm nhiều việc, trong đó cần phải tập trung hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức, có chế độ, chính sách bảo đảm lợi ích vật chất tương xứng với giá trị sức lao động để trí thức được hưởng đầy đủ quyền lợi vật chất, tinh thần từ kết quả sáng tạo của mình, tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với sản phẩm sáng tạo; thực hiện các chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức; tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức, coi trọng đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện, cơ hội cho trí thức trẻ được sáng tạo và cống hiến; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các hội trí thức; đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác

lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ, sức mạnh của đất nước, của Đảng và của cả hệ thống chính trị.

Thưa các đồng chí,

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là những vấn đề rất lớn có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Trước đây, hiện nay và cũng như sau này, Đảng ta luôn đặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở vị trí chiến lược quan trọng, coi đó là cơ sở và lực lượng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và là nhân tố bảo đảm thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công nghiệp phải hỗ trợ mạnh mẽ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch là căn bản, phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng và cả nước; khai thác thuận lợi trong hội nhập quốc tế; phát huy cao nội lực trong nông thôn, đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước; ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là

nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường, vươn lên của nông dân; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, đời sống văn hóa phong phú.

Hiện nay, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đang có nhiều thời cơ thuận lợi, nhưng cũng phải đối phó với không ít khó khăn, thách thức cả trong nước và từ quốc tế. Vấn đề đặt ra là phải giải quyết đồng bộ và có hiệu quả cao, khắc phục yếu kém, khó khăn, nắm bắt thời cơ, vượt qua thử thách, đưa nông nghiệp, nông dân, nông thôn phát triển nhanh, phấn đấu đạt đến mục tiêu: nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, đặc biệt, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn, nông dân có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực, đủ bản lĩnh chính trị, thực sự làm chủ nông thôn mới. Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ, nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công - nông - trí, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc, bảo đảm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đây là mục tiêu tổng quát. Chúng ta cần cụ thể hóa thành các mục tiêu cho các giai đoạn đến năm 2010, 2020 cả về định tính và định lượng để phấn đấu.

Trong thời gian tới, chúng ta phải tập trung xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn phù hợp với đặc điểm của từng vùng; coi trọng công tác quy hoạch sử dụng đất đai, bảo vệ lâu dài diện tích đất lúa, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế nông thôn hiện đại gắn với phát triển các đô thị; giải quyết việc làm cho nông dân, thực hiện đồng bộ chiến lược xóa đói, giảm nghèo, nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là những vùng khó khăn; tổng kết, rút kinh nghiệm, đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, tạo đột phá để công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách huy động cao các nguồn lực để phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân. Để thực hiện tốt những nhiệm vụ to lớn này, vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, nhất là Hội Nông dân Việt Nam. Phải tập trung nâng cao trình độ mọi mặt của nông dân, hình thành và thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công - nông - trí trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp, nhà khoa học với nông dân, phát huy các quan

hệ truyền thống đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng nông thôn. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề lớn, nhiều khó khăn, phức tạp. Chỉ khi vấn đề này được giải quyết một cách thỏa đáng thì sự nghiệp ổn định và phát triển của đất nước ta mới thực sự lâu dài, bền vững.

Thưa các đồng chí,

Từ đầu năm nay, tình hình kinh tế - xã hội tuy tiếp tục đạt được những kết quả nhất định nhưng đã có những yếu tố khó khăn vượt quá dự báo kế hoạch. Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 22 về một số vấn đề kinh tế - xã hội cần quan tâm chỉ đạo, đề ra mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đặc biệt quan tâm bảo đảm an sinh xã hội. Kết luận đó đã được sự đồng tình cao trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, Chính phủ đã và đang triển khai và chỉ đạo thực hiện một cách kiên quyết. Đến nay, việc thực hiện mục tiêu nói trên tuy còn chưa thực sự vững chắc, ổn định nhưng đã có kết quả bước đầu. Chỉ số giá tăng có dấu hiệu chậm lại, tỷ lệ nhập siêu giảm nhanh, thu ngân sách nhà nước tăng cao, bảo đảm nhu cầu chi, các cấp, các ngành đã tập trung thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nhất là chăm lo cho đồng bào nghèo và diện chính sách. Tốc độ tăng trưởng GDP sáu tháng đầu năm đạt 6,5%, đặc biệt là việc được mùa lúa vụ đông xuân có ý nghĩa tích cực cả về kinh tế, ổn định giá lương thực và tâm lý xã hội. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục tăng, tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm trong sáu tháng tăng gấp ba lần so với cùng kỳ năm trước.

Những kết quả đạt được bước đầu vừa qua cho thấy khó khăn đang vấp phải là khó khăn trong quá trình phát triển,

trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nếu có sự đồng tâm hiệp lực, chung sức chung lòng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thì nhất định sẽ vượt qua.

Tình hình kinh tế - xã hội hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại. Lạm phát còn cao, tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu vẫn ở mức cao; sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn; thị trường tài chính, tiền tệ vẫn còn những yếu tố chưa ổn định; tăng trưởng kinh tế giảm, đạt thấp hơn nhiều so với cùng kỳ nhiều năm trước và thấp hơn mục tiêu kế hoạch 7% đã được điều chỉnh.

Hiện nay, tình hình kinh tế thế giới còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Trong nước, các cân đối vĩ mô chưa ổn định; áp lực tăng giá đầu vào với mặt bằng giá cả còn lớn; thời tiết, thiên tai, dịch bệnh có thể có diễn biến phức tạp. Trong tình hình đó, để duy trì ổn định và phát triển đất nước, chúng ta phải tiếp tục thực hiện nghiêm túc Kết luận 22 của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững. Trong sáu tháng cuối năm, chúng ta phải tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ nhưng linh hoạt trong điều hành và chính sách tài khóa theo hướng tiết kiệm chi tiêu thường xuyên, hoãn, giãn đầu tư những công trình chưa thật sự cấp bách, đẩy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập siêu, chỉ đạo thực hiện tiết kiệm một cách kiên quyết cả trong sản xuất và tiêu dùng... nhằm kiềm chế lạm phát; phải tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy định không phù hợp cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất,

kinh doanh, khai thác thế mạnh của các ngành công nghiệp, dịch vụ, đẩy mạnh sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, áp dụng chính sách thuế linh hoạt để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, tiếp tục thu hút và đẩy mạnh việc giải ngân các nguồn vốn FDI, ODA... nhằm duy trì tăng trưởng hợp lý và bền vững. Thực hiện tốt các chính sách ổn định an sinh xã hội; giải quyết hiệu quả một số vấn đề xã hội bức xúc; xây dựng tiêu chí mới để xác định chuẩn nghèo, chủ động đề phòng thiên tai, dịch bệnh. Đi đôi với những biện pháp chủ yếu về kinh tế - xã hội, phải tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí và làm tốt công tác lãnh đạo tư tưởng, thông tin tuyên truyền, tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong toàn xã hội.

Thưa các đồng chí,

Với việc ra ba nghị quyết lần này, chúng ta đã hoàn thành việc cụ thể hóa các nội dung lãnh đạo để triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng. Các nghị quyết của Trung ương là một thể thống nhất về mục tiêu, có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng, tác động phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau nhằm thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đại hội. Vì vậy, việc triển khai thực hiện phải được tiến hành đồng bộ, đồng thời.

Có nghị quyết đúng là rất quan trọng, nhưng việc tổ chức thực hiện, đưa nghị quyết vào cuộc sống mới là điều quyết định. Tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể và các cán bộ, đảng viên theo chức trách, nhiệm vụ và phạm vi trách nhiệm của mình tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tạo sự nhất trí cao về nhận thức, tư tưởng, quan điểm, xây dựng chương trình, kế hoạch hành

động cụ thể, thiết thực để thực hiện với quyết tâm cao, biến nghị quyết thành hiện thực thắng lợi. Đặc biệt, trong những tháng cuối năm phải tập trung chỉ đạo quyết liệt, tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp đã nêu, đưa tình hình kinh tế - xã hội vượt ra khỏi khó khăn, tiếp tục phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xin cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr. 146-163.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 17 tháng 7 năm 2008

Từ ngày 9 đến ngày 17-7-2008, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã được tổ chức tại Hà Nội. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo và thảo luận các Đề án: "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"; "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế"; "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn"; nghe và thảo luận tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp sáu tháng cuối năm 2008 và một số vấn đề khác.

1. *Ban Chấp hành Trung ương nhận định:* Sau hơn 20 năm đổi mới và phát triển đất nước, nhất là sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về công tác thanh niên, tình hình thanh niên và công tác thanh niên đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Một thế hệ thanh niên có đạo đức,

nhân cách, tri thức, sức khỏe, khát khao sáng tạo, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đã được bồi dưỡng, rèn luyện, trưởng thành. Bên cạnh đó, còn có một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng, hoài bão, niềm tin, thiếu ý chí vươn lên trong học tập, lao động, công tác, thậm chí sa vào tệ nạn, tội phạm.

Ban Chấp hành Trung ương khẳng định: Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn coi thanh niên là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tương lai của dân tộc; đặt thanh niên ở vị trí trung tâm của chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực đảm bảo cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ nay đến năm 2020, tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hóa, vì cộng đồng; có năng lực và bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng và tác phong lao động tập thể, là những công dân tốt của đất nước. Đảng luôn cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, vươn lên ngang tầm thời đại, kế tục xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Trong những năm tới, phải đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo cơ hội cho thanh niên học tập, nghiên cứu. Nâng cao chất lượng nguồn lao động, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện để

thanh niên nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, phát triển toàn diện. Trọng dụng nhân tài trẻ, tạo bước chuyển có tính đột phá trong việc sử dụng, bố trí cán bộ trẻ trên tất cả các lĩnh vực. Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đội dự bị tin cậy của Đảng; chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội và gia đình trong việc phối hợp giáo dục, bồi dưỡng thanh niên. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên và công tác thanh niên. Động viên sự nỗ lực, sáng tạo, ý chí vươn lên của mỗi đoàn viên, thanh niên.

Sau khi thảo luận, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định ra Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

2. Trong suốt quá trình cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, nhất là trong hơn 20 năm đổi mới, đội ngũ trí thức nước ta đã có bước phát triển nhanh chóng về số lượng, chất lượng, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đội ngũ trí thức đã góp phần trực tiếp cùng toàn dân đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước thoát khỏi tình trạng kém phát triển; đóng góp tích cực vào việc xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; đa số trí thức Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc... Tuy nhiên, số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ trí thức chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển đất nước.

Bộ phận tinh hoa, hiền tài còn ít, chuyên gia đầu ngành thiếu, đội ngũ kế cận hẫng hụt. Hoạt động nghiên cứu khoa học thiếu gắn bó mật thiết và chưa đáp ứng yêu cầu đa dạng, phong phú của sản xuất, kinh doanh, đời sống. Số các công trình nghiên cứu, sáng chế đạt trình độ khu vực và thế giới còn ít. Một bộ phận trí thức chạy theo lối sống thực dụng, ích kỷ, thiếu trách nhiệm công dân. Đảng và Nhà nước chưa có chiến lược tổng thể xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chưa thực sự lấy khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo làm "quốc sách hàng đầu". Chưa có chủ trương, chính sách đúng tầm để đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, thu hút trí thức trong nước và trí thức Việt Nam ở nước ngoài...

Ban Chấp hành Trung ương xác định: Trong thời đại ngày nay, tri thức ngày càng giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Trí thức Việt Nam đang đứng trước những thời cơ, vận hội lớn và cả những thách thức gay gắt. Chúng ta cần phấn đấu để đến năm 2020 xây dựng được đội ngũ trí thức có chất lượng cao, số lượng đông và cơ cấu hợp lý, tiến tới ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Để phát triển đội ngũ trí thức, cần hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức; ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động khoa học, giáo dục và đào tạo, văn hóa, văn nghệ; tập trung đầu tư, tạo môi trường, điều kiện để trí thức hăng hái hoạt động và cống hiến; xây dựng và thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức, thu hút trí thức Việt Nam ở trong nước và nước ngoài tham gia phát triển đất nước; tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng trí thức.

Cần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể về vị trí, vai trò của trí thức; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi và xây dựng cơ chế để khuyến khích và bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Phê phán và xóa bỏ sự coi nhẹ, thành kiến và quy chụp đối với những ý kiến phản biện mang tính xây dựng. Đồng thời đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố và nâng cao chất lượng các hội của trí thức...

Sau khi thảo luận, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định ra Nghị quyết về "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

3. Sau hơn 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã có bước phát triển khá toàn diện và to lớn. Nông nghiệp phát triển ổn định theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; an ninh lương thực quốc gia được đảm bảo; xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng nhanh; trình độ khoa học - công nghệ được nâng cao. Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tăng cường, công tác xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh và thu được nhiều kết quả, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân được cải thiện. Hệ thống chính trị ở nông thôn do Đảng lãnh đạo được tăng cường; dân chủ cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, nông nghiệp phát triển còn kém bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm, sức cạnh tranh thấp; chuyển dịch cơ cấu sản xuất còn chậm,

chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán; năng suất, chất lượng nhiều loại nông sản thấp. Công nghiệp, dịch vụ nông thôn phát triển chậm, thiếu quy hoạch, quy mô nhỏ, chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn. Các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới. Nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, môi trường ngày càng bị ô nhiễm. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn nhìn chung còn thấp, chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng ngày càng lớn; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc...

Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh: Trong lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn có vị trí quan trọng, là cơ sở và lực lượng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng và cả nước.

Trong những năm tới phải xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả

trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; đảm bảo tốt môi trường sinh thái; hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường; nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn để không thua kém xa so với các đô thị.

Trên cơ sở phân tích, làm rõ các mục tiêu cần đạt được từ nay đến năm 2020 và trước mắt đến năm 2010, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và xác định các nhóm giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện, trong đó đặc biệt lưu ý các giải pháp về quy hoạch (đất đai, sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, xây dựng nông thôn mới); xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; tập trung đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến; đổi mới hoạt động các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ ở nông thôn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho dân cư nông thôn, nhất là những vùng còn nhiều khó khăn; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn...

Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định ra Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4. Sau khi nghe Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm và các

giải pháp chủ yếu sáu tháng cuối năm 2008, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và nhận định: Trong sáu tháng đầu năm và nhất là trong quý II năm 2008, với sự nỗ lực cao của các cấp, các ngành và của toàn dân, việc thực hiện Kết luận số 22-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 20/2008/QH12 của Quốc hội và Nghị quyết số 10-NQ/CP của Chính phủ về kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý đã thu được một số kết quả bước đầu, nhưng chưa thật ổn định và vững chắc; mức lạm phát, nhập siêu còn cao, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, mức tăng trưởng của nền kinh tế giảm, đời sống của một bộ phận nhân dân bị ảnh hưởng...

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị ra Kết luận, xác định chủ trương và các giải pháp để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những mặt còn khó khăn, yếu kém, thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong sáu tháng cuối năm 2008.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo về Đảng và đề nghị cơ quan nhà nước cảnh cáo về chức vụ chính quyền đối với đồng chí Võ Thanh Bình, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, vì đồng chí đã mắc một số sai phạm nghiêm trọng trong công tác cán bộ và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương có liên quan tiếp tục làm rõ việc đưa, nhận tiền như đồng chí Võ Thanh Bình đã báo cáo để

kết luận và xử lý theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy ưu điểm, kết quả đã đạt được trong những tháng đầu năm 2008; khắc phục hạn chế, yếu kém; tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, đưa sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thu được những thành tựu mới. Trước mắt, tập trung đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, triệt để tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững; chăm lo đời sống nhân dân, nhất là các gia đình liệt sĩ, thương binh, người có công, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, nông dân các địa phương nghèo, công nhân các khu công nghiệp; đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng sôi nổi, rộng khắp lập thành tích chào mừng Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008, tạo đà vững chắc cho các năm tiếp theo.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd,* tr.164-175.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 166-TB/TW, ngày 16 tháng 7 năm 2008

Về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"

Thực hiện Chương trình công tác năm 2008, ngày 1-7-2008, Ban Bí thư đã làm việc với Đoàn kiểm tra thực hiện Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị, Thường trực Thành ủy Đà Nẵng và đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan để nghe Báo cáo kết quả kiểm tra 4 năm thực hiện Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Sau khi nghe Đoàn kiểm tra báo cáo và ý kiến phát biểu của đồng chí Bí thư Thành ủy Đà Nẵng, lãnh đạo một số bộ, ban, ngành Trung ương, Ban Bí thư hoan nghênh tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm của Đoàn kiểm tra và Thành ủy Đà Nẵng, các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp chặt chẽ,

hoàn thành tốt cuộc kiểm tra và cơ bản thống nhất với Báo cáo của Đoàn kiểm tra, đồng thời lưu ý những ưu điểm, yếu kém và những công việc cần tập trung chỉ đạo để Đảng bộ thành phố Đà Nẵng và các bộ, ban, ngành Trung ương tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị trong thời gian tới.

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết 33 của thành phố Đà Nẵng

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết, Thành ủy Đà Nẵng đã tập trung chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai và tuyên truyền để tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố. Đồng thời, đã sớm ban hành các văn bản của Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố về cụ thể hóa, triển khai toàn diện, đồng bộ các nội dung quan trọng của Nghị quyết. Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết đã tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động trong Đảng bộ và nhân dân thành phố, tạo thuận lợi để Đà Nẵng phát triển khá nhanh và toàn diện hơn trên nhiều lĩnh vực. Nổi bật là:

- Kinh tế tăng trưởng với tốc độ khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Huy động các nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội tăng cao hơn trước. Hoạt động đầu tư của các thành phần kinh tế trên địa bàn diễn ra khá sôi động, phong phú và có bước khởi sắc. Giá trị tổng sản phẩm nội địa (GDP) theo giá thực tế năm 2007 tăng gần 2 lần so với năm 2003.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị có bước phát triển đáng kể cả về quy mô và tốc độ, tạo cơ sở phát triển các lĩnh vực khác. Đà Nẵng đã rất nỗ lực và đạt kết quả trong việc quy hoạch đô thị, giải phóng mặt bằng, đầu tư phát triển

cơ sở hạ tầng đô thị theo hướng thành phố biển, công nghiệp, văn minh, hiện đại. Các chủ trương về khai thác quỹ đất, tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng cùng với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" được thực hiện có hiệu quả, tạo nguồn lực lớn cho đầu tư phát triển, đã thể hiện sự năng động, sáng tạo của cấp ủy đảng, sự đồng thuận của cán bộ và nhân dân Đà Nẵng.

- Sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội có tiến bộ. Các chương trình xóa đói, giảm nghèo; xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân; giải quyết các chính sách xã hội... được duy trì, đạt kết quả tốt. Đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Quốc phòng, an ninh gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, nhất là trên những địa bàn trọng yếu của thành phố được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và sự ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn tiếp tục được giữ vững.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền; đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, cải cách hành chính; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, có chuyển biến tiến bộ.

Những kết quả đạt được sau 4 năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị tuy mới là bước đầu, song có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện và tiền đề mới để Đà Nẵng tiếp tục đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết cũng còn một số hạn chế, yếu kém. Đáng chú ý là:

- Kinh tế tăng trưởng khá cao, nhưng chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của thành phố và vai trò động lực có sức lan tỏa trong vùng. Công nghiệp phát triển nhanh nhưng chưa đồng bộ với sự phát triển của kết cấu hạ tầng; trình độ công nghệ vẫn thấp, quy mô sản xuất còn nhỏ nên sản phẩm chưa tăng được sức cạnh tranh. Các ngành dịch vụ tuy phát triển nhưng chưa thật sự trở thành cầu nối thúc đẩy sản xuất phát triển. Xuất khẩu chưa tạo được nguồn hàng có giá trị gia tăng cao và ổn định nên khả năng cạnh tranh còn hạn chế. Kinh tế biển chậm phát triển. Kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài còn thấp. Nguồn thu ngân sách tăng nhanh nhưng cơ cấu chưa thật hợp lý và vững chắc, thu từ chuyển quyền sử dụng đất còn chiếm tỷ trọng khá cao.

- Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thành phố văn minh, hiện đại và chưa tương xứng với yêu cầu của đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Chậm có quyết định đầu tư và triển khai xây dựng các công trình, dự án trọng điểm có tác động quan trọng đến sự phát triển của thành phố và cả vùng mà Nghị quyết đã đề ra. Đặc biệt, với yêu cầu phát triển Đà Nẵng trở thành một thành phố cảng biển, đầu mối trung chuyển, quá cảnh, giao lưu hàng hóa của khu vực miền Trung và Tây Nguyên thì tiến độ và kết quả thực hiện đến nay còn chậm, thiếu giải pháp và bước đi đồng bộ.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết một số vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội trong bối cảnh Đà Nẵng đang chuyển động mạnh theo hướng đô thị hóa còn hạn chế. An ninh, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp.

- Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ ở nhiều nơi còn yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Công tác xây dựng Đảng vẫn còn những mặt hạn chế. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể còn lúng túng, hành chính hóa, hiệu quả chưa đồng bộ.

Ban Bí thư thống nhất với những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, yếu kém nêu trong Báo cáo. Song, nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan, đó là: sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền thành phố có lúc, có nơi chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn lực của Nhà nước trong một bộ phận cán bộ, nhân dân vẫn còn nặng nề.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 33 của các bộ, ban, ngành Trung ương

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong Nghị quyết, các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp, hỗ trợ thành phố hoặc trực tiếp triển khai, đạt được một số kết quả cụ thể:

- Phần lớn các bộ, ban, ngành Trung ương đã phân công một đồng chí lãnh đạo để chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các đơn vị có liên quan trực tiếp nghiên cứu, đề xuất và tổ chức

thực hiện; đồng thời đã phối hợp với thành phố từng bước cụ thể hóa nội dung Nghị quyết vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

- Đã giúp thành phố rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể, quy hoạch chung của thành phố và một số quy hoạch phát triển ngành, vùng liên quan đến Đà Nẵng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc cho chủ trương; tham gia giúp thành phố xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành và lĩnh vực trên địa bàn.

- Đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ xây dựng và ban hành một số cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi đối với Đà Nẵng; có sự ưu tiên hơn trong phân bổ dự toán ngân sách hằng năm, nguồn vốn đối ứng ODA và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để thực hiện Nghị quyết. Với sự chủ trì hoặc giúp đỡ của các bộ, ngành liên quan, đến nay, nhiều dự án ghi trong Nghị quyết đã được triển khai thực hiện ở mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ, ngành chưa thực hiện tốt việc triển khai, nhất là trong những năm đầu thực hiện Nghị quyết. Sự quan tâm, chỉ đạo, hỗ trợ thành phố tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ, dự án, công trình trọng điểm theo tinh thần Nghị quyết, giúp thành phố vươn lên giữ vai trò trung tâm, động lực trong khu vực của các bộ, ngành Trung ương rất chậm, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm (xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quảng Trị - Huế - Đà Nẵng, đường Đà Nẵng - Hội An, nâng cấp sân bay Đà Nẵng, di dời ga đường sắt và xây dựng đường sắt hai chiều Đà Nẵng - Dung Quất, Làng Đại học Đà Nẵng, khu liên hợp thể thao; xây dựng Đà Nẵng thành một trong những trung tâm kinh tế

biển lớn của cả nước, trung tâm giáo dục - đào tạo của vùng; cho phép thành phố phát hành trái phiếu đô thị và vay vốn nước ngoài để đầu tư các công trình, dự án quan trọng, có tính khả thi cao, yêu cầu đầu tư nhanh v.v.).

3. Một số vấn đề Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới

Ban Bí thư tán thành những công việc thuộc trách nhiệm của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng và các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới đã nêu trong Báo cáo, đồng thời nhấn mạnh:

3.1- Đối với Thành ủy Đà Nẵng

Trên cơ sở nhận thức đầy đủ tiềm năng, lợi thế, những thuận lợi, khó khăn của thành phố, Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng cần tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, tăng cường đoàn kết để phát huy tất cả mọi nguồn lực, mọi tiềm năng, lợi thế vốn có và sẽ có, coi đó là giải pháp quan trọng có tính chất quyết định để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thành phố công nghiệp, văn minh, hiện đại, xứng đáng là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là một trong những thành phố trực thuộc Trung ương tiêu biểu của cả nước.

- Phải tích cực, chủ động hơn trong việc phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã ghi trong Nghị quyết. Căn cứ kết luận của Ban Bí thư, thành phố cần làm việc cụ thể với các bộ, ban, ngành Trung ương để xử lý các kiến nghị cụ thể. Đẩy mạnh hơn sự

hợp tác, liên kết với các địa phương trong vùng để cùng phát huy tiềm năng, lợi thế vì sự phát triển chung.

3.2- Đối với các bộ, ban, ngành Trung ương

- Các bộ, ban, ngành Trung ương cần tiếp tục theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và rà soát những công việc đã được Bộ Chính trị và Chính phủ giao, nhất là những mặt còn chậm, những vấn đề đang còn vướng mắc để tập trung chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời, với tinh thần tích cực, khẩn trương hơn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị của ngành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể; chủ động, thường xuyên phối hợp với thành phố Đà Nẵng để cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Các kiến nghị của thành phố (nêu trong Báo cáo) cơ bản là hợp lý. Căn cứ vào chức năng và thẩm quyền, các bộ, ban, ngành Trung ương cần khẩn trương nghiên cứu, xử lý và trả lời sớm cho thành phố, nhất là về yêu cầu hỗ trợ một phần vốn theo mục tiêu cho ngân sách thành phố để triển khai thực hiện các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ như: cầu Thuận Phước, Bệnh viện đa khoa 600 giường, đường Đà Nẵng - Hội An... Những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì tham mưu, kiến nghị với Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý.

4. Về một số kiến nghị của thành phố với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ

4.1- Đồng ý để Chính phủ nghiên cứu, ban hành:

- Các cơ chế, chính sách đặc thù đối với đô thị loại I trực thuộc Trung ương (bao gồm cả tổ chức bộ máy, cán bộ, chính

sách tài chính, ngân sách, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng...); cơ chế nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Đà Nẵng với các địa phương trong vùng, với các bộ, ban, ngành Trung ương nhằm đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới.

- Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg và Quyết định số 13/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các cơ chế, chính sách tài chính, ngân sách cho Đà Nẵng theo hướng toàn diện hơn, có mặt ưu đãi hơn, nhất là thẩm quyền quyết định đầu tư, tỷ lệ điều tiết cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa Trung ương và thành phố.

- Nghiên cứu phát triển tuyến hành lang kinh tế đông - tây mới từ Đà Nẵng đến Băng Cốc qua cửa khẩu Đắc Ốc (Quảng Nam) - Sêkông - Pakse (Lào) - ChongMek - Nakhon (Thái Lan), tạo điều kiện để Đà Nẵng phát huy vai trò là cửa ngõ ra biển của Lào và các tỉnh đông bắc Thái Lan qua tuyến hành lang kinh tế này.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án, công trình đã được ghi trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, nhất là dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, dự án đầu tư xây dựng Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc và một trường đại học quốc tế tại Đà Nẵng để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

4.2- Đồng ý về mặt chủ trương xây dựng dự án khu nghỉ dưỡng, khách sạn 5 sao, biệt thự, trung tâm hội nghị quốc tế, sân golf, khu mua sắm, trong đó có dịch vụ vui chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài tại khu vực Làng Vân,

quận Liên Chiểu. Việc triển khai thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

4.3- Đồng ý về mặt chủ trương cho thành phố Đà Nẵng thực hiện thí điểm chính quyền đô thị ở một số xã, phường, thị trấn. Thành phố Đà Nẵng triển khai thực hiện sau khi có nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vấn đề này. Trên cơ sở đó, tổng kết rút kinh nghiệm và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4.4- Đồng ý với đề nghị hai năm một lần, Ban Bí thư hoặc Thủ tướng Chính phủ có chương trình làm việc với lãnh đạo thành phố Đà Nẵng để kiểm tra việc thực hiện, chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Ban Bí thư tin tưởng rằng, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, sự năng động, sáng tạo, sự phối hợp, giúp đỡ có trách nhiệm của các bộ, ban, ngành Trung ương, Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng nhất định sẽ khắc phục được những mặt khó khăn, yếu kém, thực hiện thành công Nghị quyết, đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Đà Nẵng phát triển nhanh và bền vững, trở thành thành phố công nghiệp hiện đại trước năm 2020, để Đà Nẵng phát triển không chỉ riêng cho mình mà còn vì sự phát triển chung cho cả vùng và cả nước.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 178-QĐ/TW, ngày 21 tháng 7 năm 2008

Về việc bổ sung thành viên Tổ Biên tập Đề án kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng

- Căn cứ Quyết định số 164-QĐ/TW, ngày 27-5-2008 của Ban Bí thư về việc thành lập Ban Chỉ đạo soạn thảo chuẩn bị Đề án "Kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa X; Quyết định số 165-QĐ/TW, ngày 29-5-2008 của Ban Bí thư về việc thành lập Tổ Biên tập đề án trình Hội nghị Trung ương 8 về kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng;

- Xét đề nghị của Tổ Biên tập Đề án,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung các đồng chí sau đây vào Tổ Biên tập Đề án kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng:

1- Đồng chí Lê Đình Tiến, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2- Đồng chí Phạm Vũ Luận, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3- Đồng chí Lê Văn Giảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Nhiệm vụ của các đồng chí trong Tổ Biên tập do đồng chí Tổ trưởng phân công.

Điều 2. Tổ Biên tập, các đồng chí có tên trên và các cơ quan có liên quan thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 179-QĐ/TW, ngày 23 tháng 7 năm 2008

Về việc thành lập Hội đồng Chỉ đạo xuất bản bộ sách *Phạm Văn Đồng - Tuyển tập*

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Công văn số 63-CV/TW, ngày 21-12-2006 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chủ trương xuất bản tuyển tập 10 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta;

- Xét đề nghị của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (tại Tờ trình số 98-TTr/NXBCTQG, ngày 10-7-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Chỉ đạo xuất bản bộ sách *Phạm Văn Đồng - Tuyển tập*, gồm các đồng chí có tên sau đây:

1- PGS.TS. Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng.

2- Ngô Văn Dụ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

3- GS.TS. Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

4- PGS.TS. Trần Quốc Toản, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

5- TS. Nguyễn Duy Hùng, Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Ủy viên.

Điều 2. Hội đồng Chỉ đạo xuất bản bộ sách *Phạm Văn Đồng - Tuyển tập* có các nhiệm vụ:

- Chỉ đạo việc biên soạn bộ sách *Phạm Văn Đồng - Tuyển tập* có chất lượng cao, đạt được mục đích, yêu cầu nêu trong Tờ trình Ban Bí thư.

- Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng Chỉ đạo xuất bản bộ sách *Phạm Văn Đồng - Tuyển tập* do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 180-QĐ/TW, ngày 23 tháng 7 năm 2008

Về việc cử cán bộ tham gia Thường trực Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư (khóa X) thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới;

- Xét đề nghị của Thường trực Tổ Biên tập tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Trần Văn Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, thành viên Tiểu ban và Tổ Biên tập tham gia bộ phận Thường trực Tổ Biên tập tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991.

Điều 2. Tổ Biên tập, đồng chí Trần Văn Hằng và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 181-QĐ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2008

Thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Báo cáo trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới

- Căn cứ Quy chế và Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Theo đề nghị của đồng chí Chủ tịch nước,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Báo cáo trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới.

Điều 2. Ban Chỉ đạo gồm 8 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước làm Trưởng ban (có danh sách kèm theo).

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
BAN CHỈ ĐẠO CHUẨN BỊ BÁO CÁO TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA X) VỀ KIỂM ĐIỂM VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 8 (KHÓA IX) VỀ CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ TỔ QUỐC GẮN VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

(Kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 181-QĐ/TW, ngày 25-7-2008)

1- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, Trưởng ban.

2- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Ủy viên.

3- Đồng chí Đại tướng Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

4- Đồng chí Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

5- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Văn Chiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy viên.

7- Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Khắc Nghiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên.

8- Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thường trực Bộ Công an, Ủy viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 25-CT/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2008

Về tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí

Trong những năm qua, báo chí nước ta ngày càng thể hiện tốt vai trò là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị - xã hội và là diễn đàn của nhân dân. Báo chí tiếp tục phát triển nhanh về số lượng, loại hình, ấn phẩm, đội ngũ làm báo, số lượng người đọc; cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ, năng lực tài chính được tăng cường; tác động, ảnh hưởng của báo chí được mở rộng. Phần lớn báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, biểu dương phong trào thi đua yêu nước, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội, chống "diễn biến hòa bình"... góp phần tích cực vào thành tựu chung của đất nước. Tuy nhiên, trong hoạt động báo chí đã bộc lộ một số yếu kém, khuyết điểm mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần nhưng chậm được khắc phục; có mặt, có lúc, có nơi còn trầm trọng hơn. Một số cơ quan báo chí thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa; có biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, xa rời tôn chỉ, mục đích;

thông tin không trung thực, thiếu chính xác, phản ánh nhiều về tiêu cực và tệ nạn xã hội, ít tuyên truyền các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt...

Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm nêu trên là do công tác quản lý bị buông lỏng, chỉ đạo bị động, chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng, đa dạng, phức tạp của báo chí; công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí chưa được coi trọng đúng mức; vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, trách nhiệm, tính chiến đấu của đội ngũ đảng viên và người đứng đầu cơ quan báo chí chưa được đề cao.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) *Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới* đã xác định: "Coi trọng, chăm lo công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí. Đề cao trách nhiệm đảng viên của người làm báo, nhất là người giữ cương vị lãnh đạo. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên ở các cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý báo chí về thi hành *Điều lệ Đảng*, các quy định của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động báo chí".

Để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí phải được tăng cường mạnh mẽ nhằm bảo đảm mục đích, yêu cầu và thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Làm cho các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan báo chí nhận thức đúng đắn, sâu sắc về vai trò

quan trọng của báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị - xã hội, là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng của hoạt động báo chí.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các cơ quan báo chí vững mạnh, thực sự là hạt nhân chính trị lãnh đạo, tổ chức cho cán bộ, đảng viên, biên tập viên, phóng viên thực hiện đúng và nghiêm túc các quan điểm, chủ trương, đường lối, Điều lệ, các quy chế, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tôn chỉ, mục đích của báo chí; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan, xây dựng, rèn luyện đội ngũ những người làm báo có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có đạo đức trong sáng, góp phần tích cực xây dựng và phát triển nền báo chí cách mạng Việt Nam.

3. Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức đối với các cơ quan báo chí nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của báo chí, khắc phục những biểu hiện lệch lạc về chính trị, tư tưởng, xa rời tôn chỉ, mục đích của báo chí.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Duy trì có nền nếp, đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy trong các cơ quan báo chí

- Cần phân công công việc, sắp xếp lịch công tác của đảng viên trong cơ quan báo chí một cách hợp lý để duy trì có nền nếp

lịch sinh hoạt chi bộ, cấp ủy; bảo đảm thực hiện tốt nội dung sinh hoạt theo Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW, ngày 25-5-2007 của Ban Tổ chức Trung ương; khắc phục sự trùng lặp nội dung sinh hoạt đảng với nội dung sinh hoạt chuyên môn; tăng cường sinh hoạt theo chuyên đề trong sinh hoạt đảng, cần chú trọng nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao trách nhiệm đảng viên, trách nhiệm nghề nghiệp của người làm báo trước pháp luật, xã hội và trước sự nghiệp chung của đất nước; việc thực hiện 9 điều "Quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam"; quy định của pháp luật về nội dung các trang web, các blog; về những điều đảng viên không được làm...

- Cấp ủy cơ quan báo chí cần nghiên cứu, phổ biến đầy đủ đến mọi đảng viên và thực hiện nghiêm Quy định số 165-QĐ/TW, ngày 21-4-2006 của Ban Bí thư (khóa IX) về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan báo chí; xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

2. Kết hợp chặt chẽ công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng với công tác kiểm tra, giám sát đảng viên trong các cơ quan báo chí

- Bên cạnh việc quản lý đảng viên trong chi bộ, cần kết hợp với việc lấy ý kiến nhận xét, đánh giá về đảng viên của quần chúng trong cơ quan báo chí, của cấp ủy nơi gia đình cư trú, nơi đến cư trú hoặc ở cơ sở đào tạo...

- Giáo dục đảng viên kết hợp với công tác giáo dục đoàn viên, hội viên, quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, hội nhà báo...) trong các cơ quan báo chí. Nội dung

giáo dục cần hướng vào việc nâng cao kiến thức chính trị - xã hội, pháp luật, trách nhiệm xã hội, tác phong công tác, cách thức ứng xử tình huống...

- Có kế hoạch giáo dục, rèn luyện phóng viên, biên tập viên trẻ tuổi để họ sớm đứng trong hàng ngũ của Đảng. Tăng cường công tác phát triển đảng viên trong các cơ quan báo chí.

- Trong công tác tuyển chọn phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên và trong quy trình bố trí cấp ủy, bổ nhiệm lãnh đạo cơ quan báo chí, phải bảo đảm tiêu chuẩn, thực hiện đúng Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 3-5-2007 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng, nhất là vấn đề chính trị hiện nay.

- Xây dựng tiêu chuẩn và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn nhà báo về phẩm chất đạo đức, nghiệp vụ, trách nhiệm chính trị, trách nhiệm xã hội, ý thức chấp hành luật pháp, kiến thức xã hội, kiến thức chuyên môn và quy tắc ứng xử của nhà báo đối với các vấn đề xã hội nhạy cảm.

- Phóng viên, biên tập viên trước khi được giao việc, nhất thiết phải được bồi dưỡng một số kiến thức cơ bản về đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kinh nghiệm xử lý những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, hệ trọng, những nội dung thông tin liên quan đến bí mật quốc gia...

3. Thống nhất mô hình tổ chức cơ sở đảng và bố trí bí thư cấp ủy

- Tổ chức đảng trong các cơ quan báo chí cần được tổ chức đồng bộ, thống nhất với tổ chức hành chính của cơ quan; bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ và lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội như Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) đã đề ra.

- Thực hiện chủ trương người đứng đầu cơ quan báo chí trực tiếp làm bí thư cấp ủy; trong trường hợp không thể bố trí được thì bí thư cấp ủy phải là một đồng chí trong ban lãnh đạo cơ quan báo chí. Người được lựa chọn làm bí thư cấp ủy phải là người có năng lực, nhiệt tình với công tác đảng, nhạy bén về chính trị, nắm chắc công tác đảng, có sức tập hợp, thuyết phục đảng viên và quần chúng. Kết hợp chặt chẽ công tác chuẩn bị nhân sự cấp ủy với công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo ở cơ quan báo chí để thực hiện chủ trương này.

- Cần bố trí một cán bộ giúp bí thư cấp ủy về công tác đảng và có chế độ, chính sách phù hợp đối với cán bộ này.

4. Coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và phát triển đảng tại các cơ sở đào tạo về báo chí

- Các cơ sở đào tạo về báo chí phải thực sự coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; bố trí nội dung, chương trình học tập, nhất là về chính trị sát hợp với các định hướng của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước. Tăng cường công tác phát triển đảng trong đội ngũ sinh viên nhằm tạo nguồn cung cấp đảng viên cho các cơ quan báo chí.

- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các học viện trực thuộc; trung tâm bồi dưỡng chính trị của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương; trường chính trị các tỉnh, thành phố; các cơ sở đào tạo về báo chí; cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí của Hội Nhà báo cần xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị riêng cho lãnh đạo và những người làm báo; hằng năm mở các lớp chuyên đề cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Để phù hợp với đặc thù nghề nghiệp, việc cử cán bộ, phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí đi học tại chức về lý luận chính trị - hành chính có thể trẻ hơn 5 tuổi so với độ tuổi đang áp dụng cho các đối tượng khác. Sớm nghiên cứu hình thức học tập lý luận chính trị - hành chính qua mạng đối với cán bộ, phóng viên, biên tập viên báo chí không có điều kiện trực tiếp học tập tại cơ sở đào tạo.

5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng và cơ quan quản lý cấp trên của các cơ quan báo chí

Tổ chức đảng ở cơ quan chủ quản báo chí phải phân công một đồng chí lãnh đạo có bản lĩnh chính trị, am hiểu về báo chí, có kinh nghiệm công tác đảng để theo dõi thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan báo chí; thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về Đảng cho các đồng chí được giao nhiệm vụ giúp cấp ủy cơ quan báo chí về công tác đảng; chịu trách nhiệm về chất lượng chính trị của tổ chức đảng trong cơ quan báo chí; phổ biến kịp thời, thực hiện nghiêm túc Quy chế về bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo các cơ quan báo chí. Thực hiện nghiêm quy trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ báo chí đã đến hoặc quá thời hạn giữ chức vụ.

Tổ chức đảng ở cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chỉ đạo báo chí cần phổ biến đầy đủ, kịp thời và thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước về báo chí; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động của báo chí; làm tốt việc chỉ đạo định hướng và chỉ đạo cung cấp thông tin cho báo chí. Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý, cơ quan chỉ đạo báo chí để bảo đảm chỉ đạo thông tin nhanh nhạy, đúng định hướng.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ quan báo chí có trách nhiệm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng cơ quan báo chí, nhất là kiểm tra, giám sát về chế độ, nội dung sinh hoạt đảng, việc học tập các nghị quyết, phổ biến và thực hiện các quy chế, quy định của Đảng ở cơ quan báo chí; kịp thời khen thưởng, kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng cơ quan báo chí theo quy định của Đảng trên cơ sở nắm chắc tình hình, đánh giá đúng đảng viên và tổ chức đảng cơ quan báo chí.

6. Phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể trong công tác lãnh đạo, quản lý báo chí. Thực hiện tốt pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Đảng đối với báo chí

- Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa cơ quan chỉ đạo báo chí của Đảng, cơ quan quản lý báo chí của Nhà nước, Hội Nhà báo và cơ quan chủ quản báo chí về cung cấp thông tin cho báo chí; về định hướng chính trị, tư tưởng trong nội dung thông tin của báo chí, nhất là đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm về đối nội, đối ngoại để bảo đảm tính thống nhất và tính kịp thời của các thông tin trên báo chí. Xây dựng quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan đảng, đoàn thể; xây dựng chế tài đủ mạnh, xử lý dứt điểm, kịp thời, nghiêm minh các sai phạm.

- Nghiên cứu, xây dựng quy chế phối hợp giữa tổ chức đảng cơ quan báo chí với cấp ủy xã, phường nơi có cơ quan và phóng viên thường trú trong việc quản lý phóng viên.

- Phát huy vai trò của Hội Nhà báo Việt Nam và các cấp hội trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thực hiện 9 điều "Quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam".

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

- Ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản báo chí và cấp ủy cơ quan báo chí tổ chức nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện Chỉ thị.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 167-TB/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2008

Về Quy chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí

Tại phiên họp ngày 29-7-2008, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về Quy chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí (Tờ trình số 55-TTr/BTGTW, ngày 21-5-2008) và ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Việc ban hành Quy chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí là cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp giữa các cơ quan tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra của Đảng, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trong tình hình mới.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư, biên tập, hoàn thiện để Quy chế ngắn gọn, cụ thể hơn; làm rõ hơn phạm vi, đối tượng điều chỉnh, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương trong việc xem xét, xử lý các sai phạm của cán bộ, đảng viên, lãnh đạo các cơ quan trong lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí; đồng thời, cần bổ sung, làm rõ hơn cơ chế phối hợp và trách nhiệm của các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cơ quan chủ quản của cơ quan tư tưởng, lý luận, báo chí có sai phạm. Trên cơ sở Quy chế phối hợp giữa các cơ quan ở Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn các tỉnh ủy, thành ủy xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tuyên huấn, kiểm tra, tổ chức của cấp ủy địa phương trong lĩnh vực công tác này.

Quy chế sau khi được Ban Tuyên giáo Trung ương hoàn chỉnh, gửi lại xin ý kiến các đồng chí trong Ban Bí thư trước khi đồng chí Thường trực Ban Bí thư ký ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 169-TB/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2008

Về tổ chức triển khai nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 và Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X)

Tại phiên họp ngày 31-7-2008, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về tổ chức triển khai nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và thực hiện các nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 và Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X (Tờ trình số 70-TTr/BTGTW, ngày 30-7-2008), Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Đồng ý tổ chức triển khai nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa X); Kết luận của Bộ Chính trị về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp sáu tháng cuối năm 2008 cùng với Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới".

2. Đổi mới việc nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, kết luận và nghị quyết của Bộ Chính trị, cấp ủy đảng các địa phương, đơn vị có trách nhiệm

tổ chức triển khai nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết của Trung ương, nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị cho cán bộ lãnh đạo và thảo luận chương trình hành động thực hiện nghị quyết ở cấp mình, bảo đảm kết quả cao, thiết thực, tiết kiệm; phát huy vai trò, trách nhiệm của các đồng chí Ủy viên Trung ương, bí thư các cấp ủy trong việc chỉ đạo, truyền đạt, giới thiệu nghị quyết.

Ban Tuyên giáo Trung ương biên tập tài liệu nghiên cứu, học tập các nghị quyết của Trung ương, nghị quyết và kết luận của Bộ Chính trị phù hợp với từng đối tượng (cán bộ chủ chốt và báo cáo viên, cán bộ, đảng viên ở cơ sở; tài liệu hỏi đáp, tuyên truyền trong nhân dân); tổ chức một lớp nghiên cứu, quán triệt nội dung các nghị quyết của Trung ương, nghị quyết và kết luận của Bộ Chính trị cho các đồng chí trưởng ban tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam tổ chức nghiên cứu sâu Nghị quyết Trung ương "Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn" trong cán bộ lãnh đạo các cấp trong Bộ và cơ quan Trung ương Hội. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức nghiên cứu sâu Nghị quyết Trung ương "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam tổ chức nghiên cứu sâu Nghị quyết Trung ương về "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa" cho cán bộ lãnh đạo của các hội chuyên ngành ở

Trung ương thuộc hai Liên hiệp Hội. Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam tổ chức nghiên cứu sâu Nghị quyết của Bộ Chính trị về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới" cho lãnh đạo các hội chuyên ngành ở Trung ương thuộc Liên hiệp Hội.

Việc nghiên cứu, học tập các nghị quyết của Trung ương, nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị hoàn thành trong tháng 9-2008.

3. Trên cơ sở kết luận của Bộ Chính trị, Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng kế hoạch hướng dẫn tổ chức triển khai nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và thực hiện các nghị quyết Hội nghị Trung ương 7; Nghị quyết và Kết luận của Bộ Chính trị ở các cấp, các ngành và công tác tuyên truyền trên báo chí; phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ban Bí thư xây dựng kế hoạch phân công các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, các cơ quan chủ trì xây dựng các đề án (quy định, quy chế, nghị định...) để cụ thể hóa và thể chế hóa nội dung các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 170-TB/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2008

Về Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020

Tại phiên họp ngày 31-7-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được sự ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về "Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020" (Tờ trình số 44/TTr/BCSĐ, ngày 29-7-2008); Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan về bản dự thảo Chiến lược; ý kiến phát biểu bổ sung của các cơ quan, Bộ Chính trị thảo luận và kết luận như sau:

1. Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có nhiều cố gắng phối hợp với các cơ quan có liên quan để xây dựng Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020. Chiến lược được xây dựng công phu, bám sát các quan điểm của Đảng về lĩnh vực văn hóa.

2. Bộ Chính trị đồng ý khung thời gian Chiến lược đến năm 2020, phạm vi Chiến lược gồm năm lĩnh vực chủ yếu: tư tưởng, đạo đức, lối sống; di sản văn hóa; văn học, nghệ thuật; giao lưu văn hóa với thế giới; các thể chế và thiết chế

văn hóa. Cơ bản tán thành các nội dung trong dự thảo Chiến lược; đồng thời bổ sung và nhấn mạnh để làm rõ các vấn đề sau:

- Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 là việc cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, vì vậy cần phải nêu rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện. Tuy nhiên, cần lược bỏ các nội dung quá chi tiết, bổ sung các nội dung thuộc về quan điểm, định hướng lớn để thể hiện rõ tính chất của bản Chiến lược. Cụ thể:

+ Cần bám sát các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX), Văn kiện Đại hội X về lĩnh vực văn hóa, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới" để hoàn thiện Chiến lược.

+ Cần làm rõ hơn mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, phù hợp với từng vùng, từng tầng lớp nhân dân, từng dân tộc, tôn giáo; thể hiện rõ sự đóng góp của văn hóa vào thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" chung của đất nước.

+ Làm rõ hơn mối quan hệ giữa yêu cầu chọn lọc, giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời với phát triển, sáng tạo các giá trị văn hóa mới và tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà

bản sắc dân tộc trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của đất nước.

+ Làm rõ hơn yêu cầu, nhiệm vụ, tiêu chí xây dựng con người Việt Nam, xây dựng môi trường văn hóa Việt Nam, nền văn học, nghệ thuật Việt Nam trong giai đoạn mới, trước mắt là đến năm 2015.

+ Cần nêu rõ, đậm nét hơn nhiệm vụ, giải pháp đấu tranh phòng, chống sự "xâm lăng", áp đặt về văn hóa của các cường quốc, chống "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch trên lĩnh vực văn hóa đối với nước ta.

+ Làm rõ hơn quan điểm, cơ chế, chính sách huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển văn hóa (Nhà nước đầu tư đến đâu, làm gì, làm đến mức nào? Xã hội hóa lĩnh vực gì, đến mức nào? Nhà nước cần phải tăng cường đầu tư cho văn hóa, nhưng không nên nêu tỷ lệ % cụ thể trong chi ngân sách hằng năm cho văn hóa); cần chú ý phát huy vai trò kinh tế của văn hóa, kinh tế trong văn hóa (nhưng không được thương mại hóa mọi hoạt động văn hoá). Cùng với tăng cường đầu tư nguồn lực, cần chú ý tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của các cơ quan nhà nước ở các cấp, các ngành đối với văn hóa.

- Cần xem xét lại một số đánh giá trong dự thảo Chiến lược cho phù hợp với quan điểm của Đảng (như đánh giá nguyên nhân chậm đổi mới tư duy về văn hóa, về đóng góp của tôn giáo cho văn hóa, về coi văn hóa là yếu tố tạo nên sức mạnh mềm, bảo tồn và phát huy mọi sắc thái văn hóa...).

- Chú ý về cách viết cho gọn, rõ và đúng hơn với yêu cầu văn phong của bản Chiến lược.

Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung, hoàn thiện dự thảo "Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020" trình Chính phủ phê duyệt, ban hành và tổ chức thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 171-TB/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2008

Về việc xây dựng tượng đài Bác Hồ và Bác Tôn tại Hà Nội và tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên tại Gia Lai

Tại phiên họp ngày 1-8-2008, sau khi xem xét Công văn xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (số 3876/UBND-VX, ngày 18-6-2008) và Tờ trình của Tỉnh ủy Gia Lai (số 23-TTr/TU, ngày 30-6-2008), Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Đồng ý việc thành phố Hà Nội xây dựng tượng đài Bác Hồ và Bác Tôn tại Công viên Thống Nhất, thành phố Hà Nội, chào mừng kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội và tỉnh Gia Lai xây dựng tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, chào mừng kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-2010).

2. Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan

lựa chọn địa điểm, khuôn viên, cảnh quan, lựa chọn chất liệu, xây dựng thiết kế mẫu tượng và kế hoạch xây dựng tượng đài, báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 25-KL/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008

Về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2008 và các giải pháp chủ yếu trong sáu tháng cuối năm

Tại phiên họp ngày 1-8-2008, Bộ Chính trị đã thảo luận tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ bảy và kết luận về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2008, các giải pháp chủ yếu trong sáu tháng cuối năm như sau:

Bộ Chính trị cơ bản tán thành Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về "Tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2008 và các giải pháp chủ yếu sáu tháng cuối năm" (số 186-CV/BCSĐ-TH, ngày 3-7-2008), đồng thời lưu ý, nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

1. Về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2008

Trong sáu tháng đầu năm 2008, đặc biệt là trong quý II, triển khai thực hiện Kết luận số 22-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 20/2008/QH12 của Quốc hội và Nghị quyết

số 10-NQ/CP của Chính phủ, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương và cơ sở đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, có nhiều biện pháp cụ thể khắc phục những khó khăn do tác động của tình hình kinh tế thế giới và những khó khăn ở trong nước, đã đạt được một số kết quả bước đầu trong việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế...

Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa thật ổn định và vững chắc, tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn: Tăng trưởng kinh tế (GDP) chậm lại (chỉ đạt 6,5%, thấp hơn mục tiêu đã điều chỉnh là 7%); chỉ số giá tiêu dùng còn cao; tỷ lệ nhập siêu có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao hơn nhiều so với năm 2007; đầu tư, sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn do giá cả nguyên vật liệu nhập khẩu tăng cao, thiếu vốn, lãi suất cao, tỷ giá còn biến động, khả năng cạnh tranh giảm sút; dịch bệnh gia tăng; tình hình tài chính, tiền tệ và thị trường chứng khoán còn thiếu ổn định; an sinh xã hội còn nhiều bức xúc, tình trạng tái nghèo có xu hướng gia tăng; đời sống của nhân dân, đặc biệt những người làm công ăn lương, gia đình chính sách, nhân dân trong các vùng bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh và đồng bào dân tộc, người nghèo gặp nhiều khó khăn. Tình trạng đình công ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh diễn ra nhiều hơn so với cùng kỳ năm trước...

Nguyên nhân của những khó khăn, tồn tại nêu trên chủ yếu là do: sự suy giảm của nền kinh tế Mỹ, những khó khăn của kinh tế thế giới, giá cả nhiều hàng hóa, vật tư, nguyên liệu trên thị trường thế giới tăng cao tiếp tục ảnh hưởng lớn đến nước ta. Một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp quán

triệt Kết luận số 22-KL/TW của Bộ Chính trị về tình hình nhiệm vụ mới chưa sâu, chưa đầy đủ, chưa có chương trình hành động cụ thể, tích cực, chỉ đạo thực hiện thiếu quyết liệt và đồng bộ. Công tác tuyên truyền còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ, chưa làm cho toàn xã hội thấy được mức độ khó khăn, phức tạp của tình hình, chưa tạo được quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vượt qua khó khăn, thách thức. Một số cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, tự giác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Về các giải pháp chủ yếu cần tập trung thực hiện trong sáu tháng cuối năm

Trong sáu tháng cuối năm, tình hình kinh tế thế giới còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Ở trong nước, các cân đối vĩ mô chưa ổn định, áp lực tăng đối với mặt bằng giá cả còn rất lớn; thời tiết, thiên tai, bão, lụt và dịch bệnh dự báo còn diễn biến phức tạp; việc làm, giảm nghèo vẫn là những thách thức rất lớn. Việc thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát cùng với việc bảo đảm an sinh xã hội, duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức 7% của cả năm 2008 là hết sức khó khăn, đòi hỏi phải có sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt, đồng bộ của Chính phủ, của các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Trên cơ sở tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 22-KL/TW, ngày 4-4-2008 của Bộ Chính trị, Bộ Chính trị lưu ý và nhấn mạnh thêm các vấn đề sau đây:

Về kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô

- Tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ nhưng linh hoạt trong điều hành để vừa góp phần kiềm chế lạm phát,

ổn định kinh tế vĩ mô, vừa thúc đẩy đầu tư sản xuất, kinh doanh, ngăn chặn suy giảm kinh tế. Điều hành tỷ giá linh hoạt theo cung - cầu của thị trường để khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập siêu; chống tình trạng đầu cơ và lũng đoạn thị trường ngoại tệ trong hệ thống các tổ chức tín dụng cũng như trên thị trường; ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hoạt động lợi dụng tình hình khó khăn để kiếm lợi cục bộ. Rà soát, chấn chỉnh hoạt động của các ngân hàng thương mại; quản lý chặt chẽ việc thành lập các ngân hàng thương mại mới, bảo đảm an toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống ngân hàng.

- Thực hiện kiên quyết hơn nữa việc tiết kiệm chi tiêu trong cả khu vực nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội. Kiểm soát chặt chẽ tiết kiệm chi tiêu thường xuyên và cắt giảm chi tiêu đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước. Đối với các địa phương, ngoài việc cắt giảm chi đầu tư các công trình đã chỉ đạo, cần rà soát để cắt giảm, điều chỉnh tiếp phần kinh phí từ nguồn vượt kế hoạch Trung ương giao; nâng cao hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Phấn đấu tăng thu và tiết kiệm chi tiêu ngân sách nhà nước để giảm mức bội chi ngân sách nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ có hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, nhất là đầu tư vào các dự án không thuộc lĩnh vực sản xuất và kinh doanh chính của doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo hoàn thành các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến cung - cầu các mặt hàng trọng yếu, đáp ứng yêu cầu của sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu; điều phối cung - cầu hàng hóa hợp lý giữa các vùng, miền, không để thiếu hàng cục bộ; xem xét tăng dự trữ quốc gia một

cách hợp lý. Tăng cường quản lý giá cả, thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để ổn định giá, chống đầu cơ, buôn lậu, hạn chế tiêu dùng các mặt hàng xa xỉ, chưa phù hợp với điều kiện chung của đất nước. Xem xét điều chỉnh giá một số mặt hàng đi đôi với chính sách hỗ trợ trực tiếp cho một số đối tượng.

- Thực hiện tốt các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu; quản lý chặt chẽ và kiên quyết hơn nữa việc hạn chế nhập khẩu để giảm mạnh nhập siêu. Áp dụng chính sách thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và các chính sách phi thuế quan, chính sách tiền tệ, tín dụng, chính sách trợ cấp một cách linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với cam kết quốc tế, góp phần thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu và giảm nhập siêu.

Duy trì tăng trưởng bền vững, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng hợp lý

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bãi bỏ các quy định không phù hợp gây cản trở cho các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Tạo các điều kiện cần thiết cho phát triển mạnh các ngành công nghiệp, dịch vụ có lợi thế, có hiệu quả để nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế. Ưu tiên thực hiện các giải pháp đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu vốn (cả ngoại tệ) cho sản xuất các ngành hàng, các sản phẩm mà thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu đang có nhu cầu lớn. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh việc giải ngân các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ...; thực hiện tạm ứng vốn kịp thời cho các nhà thầu để giải quyết khó khăn về vốn cho các công trình xây dựng sắp hoàn thành, nhất là công trình kết cấu hạ tầng then chốt của nền kinh tế. Tiếp tục thu hút và đẩy mạnh việc giải ngân các nguồn vốn FDI, ODA...

Áp dụng chính sách thuế linh hoạt để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xem xét giãn thời gian nộp thuế cho những doanh nghiệp gặp khó khăn trong một thời gian nhất định.

- Sớm sơ kết tình hình thực hiện thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế, báo cáo Bộ Chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) để có giải pháp chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn và có chủ trương phát triển hợp lý trong thời gian tới. Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

Về an sinh xã hội

- Đơn giản hóa các thủ tục, chuẩn bị tốt nguồn lực và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả các chính sách đã ban hành về bảo đảm an sinh xã hội cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ cận nghèo, vùng bị thiên tai, người lao động có thu nhập thấp...

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình hỗ trợ người nghèo. Tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến hỗ trợ học sinh, sinh viên, các hộ nghèo và các đối tượng chính sách. Nâng mức hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người nghèo và cận nghèo.

- Chỉ đạo giải quyết có hiệu quả một số vấn đề xã hội bức xúc (khiếu kiện của nông dân, đình công của công nhân...). Trợ cấp cho những người hưởng lương và hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước có hoàn cảnh khó khăn; nghiên cứu chế độ trợ cấp cho những đối tượng có công còn chưa được hưởng trợ cấp. Điều chỉnh sớm mức trợ cấp hưu trí và trợ cấp xã hội. Có chính sách để các doanh nghiệp trợ cấp khó khăn cho công nhân diện thu nhập thấp.

- Chủ động trong việc dự báo, tăng dự phòng, dự trữ và tổ chức tốt các hoạt động phòng, chống thiên tai, nhất là mùa bão lũ ở khu vực miền Trung, miền núi, ngăn chặn dịch bệnh, hạn chế thiệt hại cho sản xuất và tài sản của nhân dân.

Cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng

Tiếp tục triển khai chương trình hành động về đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X), các giải pháp chỉ đạo của Bộ Chính trị về công tác phòng, chống tham nhũng; trong đó tập trung xử lý dứt điểm các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp; giải quyết các đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là các vụ việc tồn đọng, dễ phát sinh thành các vấn đề phức tạp. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội.

Lãnh đạo tư tưởng, tuyên truyền, thông tin

- Tăng cường công tác tuyên truyền trong hệ thống chính trị, trên các phương tiện thông tin đại chúng để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức đúng về những khó khăn trong quá trình phát triển hiện nay của đất nước, xây dựng niềm tin và quyết tâm tranh thủ những thuận lợi và vượt qua khó khăn, thách thức. Tổ chức tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sửa đổi lề lối làm việc, góp phần thiết thực vào thực hiện nhiệm vụ kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước ở mức phù hợp.

- Chỉ đạo chấn chỉnh công tác thông tin báo chí bảo đảm chủ động thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng định hướng, về những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tránh đưa ra những thông tin bất lợi, tạo dư luận xấu, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân. Có biện pháp đấu tranh chống lại các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, lợi dụng những khó khăn hiện nay để chống phá Đảng, Nhà nước ta.

*

* *

Căn cứ vào các kết luận nêu trên của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cấp, các ngành, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ của mình quán triệt, thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, có biện pháp triển khai cụ thể tạo sự chuyển biến tích cực, vượt qua khó khăn, thách thức trước mắt, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2008 và cả 5 năm 2006 - 2010 theo Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 173-TB/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008

Về việc hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với cán bộ cao cấp được điều động về công tác tại các cơ quan Trung ương và thực hiện chế độ chi khoán cước phí điện thoại đối với cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu

Ngày 29-7-2008, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo, đề xuất chế độ hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với cán bộ diện Trung ương quản lý được điều động về nhận công tác tại các cơ quan của Trung ương Đảng và chế độ chi hỗ trợ tiền thanh toán cước phí điện thoại đối với cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Văn phòng Trung ương Đảng trực tiếp trao đổi với các đồng chí cán bộ cao cấp được Trung ương điều động về công tác tại các cơ quan Trung ương, hiện đang tạm trú tại Nhà khách Hồ Tây và Nhà khách số 8 Chu Văn An, Hà Nội về dự kiến mức chi hỗ trợ tiền thuê nhà ở và thời hạn thực hiện; báo cáo kết quả để đồng chí Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2. Trên cơ sở ý kiến của Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương Đảng hoàn chỉnh báo cáo, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định mức chi khoán tiền cước phí điện thoại hằng tháng đối với các đồng chí nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các đồng chí nguyên lãnh đạo cấp cao khác, với các cán bộ giúp việc trực tiếp các đồng chí lãnh đạo cấp cao đương chức và nguyên chức, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan có liên quan thực hiện đúng mức chi khoán cước phí điện thoại hằng tháng được quy định tại Quyết định số 205/2004/QĐ-TTg, ngày 10-12-2004 của Thủ tướng Chính phủ và các chế độ quy định hiện hành.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 175-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2008

Về việc chuyển đổi, sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương quản lý

Tại phiên họp ngày 29-7-2008, sau khi nghe Tờ trình của Ban Chỉ đạo Đề án "Chuyển đổi, sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương quản lý" (số 230-TTr/BCĐ, ngày 22-6-2008) và ý kiến phát biểu của một số cơ quan chức năng của Chính phủ, của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý chuyển đổi, sắp xếp lại 86 doanh nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương quản lý, với nội dung chủ yếu như sau:

- Loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: 14 doanh nghiệp.
- Loại hình công ty cổ phần: 67 doanh nghiệp.
- Chuyển thành đơn vị sự nghiệp công: 1 doanh nghiệp.
- Giải thể: 4 doanh nghiệp.

(Có danh sách kèm theo).

Thời gian thực hiện: từ nay đến ngày 31-12-2010.

2. Quá trình chuyển đổi, sắp xếp lại được thực hiện theo nguyên tắc:

- Tuân thủ quy định pháp luật về thủ tục, trình tự, thẩm quyền quyết định chuyển đổi, cổ phần hóa, giải thể doanh nghiệp và chính sách, chế độ áp dụng như đối với doanh nghiệp nhà nước để xử lý các vấn đề về tài chính, tài sản, đất đai, lao động dôi dư...

- Không chuyển giao quyền chủ sở hữu vốn, tài sản về Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, mà giao cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục làm chủ sở hữu vốn và tài sản của các doanh nghiệp này. Tuyệt đối không để xảy ra thất thoát, lãng phí tài chính, tài sản. Xác lập quyền quản lý, sử dụng đất theo quy định pháp luật hiện hành.

- Sau khi sắp xếp lại, bảo đảm sản xuất, kinh doanh ngày càng có hiệu quả hơn; thu nhập, đời sống người lao động ngày càng được cải thiện.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp của Chính phủ, với cơ quan quản lý nhà nước các cấp tổ chức, thực hiện quá trình sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp của tổ chức mình đúng quy định pháp luật hiện hành.

4. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện các nội dung trên, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRUNG ƯƠNG SẮP XẾP THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 (KHÓA X)

(Kèm theo Thông báo kết luận của Ban Bí thư số 175-TB/TW, ngày 7-8-2008)

I- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: 75 doanh nghiệp

***- Giữ nguyên 3 doanh nghiệp đã cổ phần hóa*:**

1- Công ty cổ phần Du lịch Công đoàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2- Công ty In Công đoàn Việt Nam.

3- Công ty cổ phần Du lịch Công đoàn Hồ Núi Cốc.

- Giữ nguyên mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với 13 doanh nghiệp:

1- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Việt Nam.

2- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thanh Thanh.

3- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Hạ Long.

4- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công đoàn Đà Nẵng.

5- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kinh Đô.

6- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công đoàn Hà Nội.

7- Công ty Khách sạn Du lịch Công đoàn Sông Hương.

8- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Dịch vụ Công đoàn Vũng Tàu.

9- Công ty Khách sạn Du lịch Công đoàn Phú Yên.

10- Công ty trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Du lịch Công đoàn Thanh Hóa.

11- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch và Dịch vụ Công đoàn Sa Pa.

12- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Đà Lạt.

13- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Cửa Lò.

- Chuyển thành công ty cổ phần 57 doanh nghiệp, trong đó:

+ Tổng Liên đoàn giữ cổ phần chi phối 26 doanh nghiệp:

1- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Mộc Châu.

2- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Du lịch Công đoàn Thủ Đức.

3- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Dịch vụ Công đoàn Hải Phòng.

4- Công ty trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Công đoàn Hà Tĩnh.

5- Công ty trách nhiệm hữu hạn Du lịch Công đoàn Nam Định.

6- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Kim Bôi.

7- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Địa chất.

8- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Ban Mê.

9- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Bình Định.

10- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Quảng Trị.

11- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Hồ Goong.

12- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Dịch vụ Công đoàn Cà Mau.

13- Công ty trách nhiệm hữu hạn Du lịch Dịch vụ Công đoàn Giáo dục Việt Nam.

14- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Khách sạn Công đoàn Long An.

15- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Dịch vụ Công đoàn Điện Biên.

16- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Dịch vụ Công đoàn Nhật Lệ, Quảng Bình.

17- Nhà nghỉ Khách sạn Công đoàn Cần Thơ.

18- Công ty trách nhiệm hữu hạn Á Đông.

19- Công ty trách nhiệm hữu hạn Du lịch Thương mại Công đoàn Giao thông vận tải.

20- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Công đoàn Hà Tây.

21- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Bến Tre.

22- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Tiền Giang.

23- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Lạng Sơn.

24- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Quảng Ninh.

25- Công ty trách nhiệm hữu hạn Du lịch Dịch vụ Cồn Phụng.

26- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Công đoàn Than và Khoáng sản.

+ *Cổ phần hóa rộng rãi 31 doanh nghiệp:*

1- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nước khoáng Công đoàn Quang Hanh.

2- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Dịch vụ Công đoàn Điện lực Việt Nam.

3- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ kiều hối Liên đoàn.

4- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Người Lao động.

5- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nước khoáng - Bia Công đoàn Hà Tây.

6- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Công đoàn Thịnh Long.

7- Công ty Du lịch Công đoàn Quảng Ngãi.

8- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Công đoàn Cửa Tùng.

9- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Dịch vụ Công đoàn Công nghiệp.

10- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Sóc Trăng.

11- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Công đoàn Bình Dương.

12- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hỗ trợ và phát triển năng lượng.

13- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Công đoàn Thiên Cầm.

14- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Hàng không.

15- Xí nghiệp Gạch ngói Công Thành.

16- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Kon Tum.

17- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Khánh Hòa.

18- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn Du lịch Công đoàn Côn Sơn.

19- Công ty Du lịch Dịch vụ Công đoàn Phú Thọ.

20- Công ty trách nhiệm hữu hạn Du lịch Cố Đô - Lăng Cô.

21- Công ty Du lịch Khách sạn Công đoàn Sơn La.

22- Công ty Khách sạn Công đoàn Thác Bà.

23- Công ty Khách sạn Du lịch Công đoàn Hội An.

24- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công đoàn Quang Minh.

25- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch Vụ Du lịch Công đoàn Đường sắt Việt Nam.

26- Công ty trách nhiệm hữu hạn Nước khoáng Hòa Bình.

27- Công ty trách nhiệm hữu hạn Công đoàn Dầu khí Việt - Xô.

28- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Công đoàn Kiên Giang.

29- Công ty trách nhiệm hữu hạn Hỗ trợ sản xuất Du lịch Thương mại.

30- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư và Xây dựng Trường Thịnh.

31- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cung ứng lao động quốc tế.

- Giải thể 2 doanh nghiệp:

1- Công ty Thương mại Du lịch Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Công đoàn Công nghiệp Việt Nam.

2- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Công đoàn Suối Hoa.

II- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

1- Chuyển Trung tâm Du lịch Thanh niên Việt Nam thành đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25-4-2006 của Chính phủ.

2- Chuyển sang mô hình công ty cổ phần 6 doanh nghiệp, trong đó:

- Trung ương Đoàn nắm giữ cổ phần chi phối vốn điều lệ 4 doanh nghiệp là:

1- Công ty Xuất nhập khẩu tổng hợp Sài Gòn.

2- Công ty Phát triển kinh tế kỹ thuật.

3- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thanh niên Việt Nam.

4- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư và Phát triển thương mại Vạn Xuân.

- Trung ương Đoàn không nắm giữ cổ phần chi phối 2 doanh nghiệp:

1- Công ty Xuất nhập khẩu Thanh niên Việt Nam.

2- Tổng đội Thanh niên xung phong Trường Sơn.

III- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

- Giải thể 2 doanh nghiệp:

1- Công ty Xuất khẩu lao động và thương mại du lịch.

2- Công ty Xây dựng điện và Dịch vụ phát triển nông thôn.

IV- Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Chuyển Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Chấn Hưng thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

V- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Cổ phần hóa Công ty Du lịch Hoà Bình.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 182-QĐ/TW, ngày 8 tháng 8 năm 2008

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở đồn biên phòng

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa X);

- Căn cứ Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 20-11-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/TW, ngày 20-7-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của đồn biên phòng,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở đồn biên phòng như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở đồn biên phòng là hạt nhân

chính trị, lãnh đạo các mặt công tác và mọi hoạt động của đơn vị; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, chiến sĩ nắm vững nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của đơn vị.

2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ công tác biên phòng đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; thực hiện đúng các chủ trương, đối sách trong bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, vùng biển. Lãnh đạo thực hiện tốt các biện pháp nghiệp vụ công tác biên phòng; đấu tranh phòng, chống có hiệu quả các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, vùng biển. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng, tuyên truyền đặc biệt; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương và tham gia xây dựng cơ sở chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận biên phòng, nền biên phòng toàn dân ở các xã, phường biên giới, hải đảo. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống; xây dựng đơn vị chính quy, kỷ luật nghiêm.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ nhau trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để chủ động giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2. Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các hiệp ước, hiệp định, hiệp nghị, quy chế biên giới, các chủ trương, chính sách trong giải quyết, xử lý các vấn đề xảy ra trên biên giới và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên. Chú trọng bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số.

2. Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong đơn vị theo phân cấp.

3. Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế đơn vị.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính

1. Thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị và chính sách hậu phương quân đội.

2. Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị, cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, cháy nổ. Bảo đảm công khai, dân chủ và minh bạch trong đơn vị.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân

1. Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của cấp trên và điều lệ của mỗi tổ chức.

2. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân

ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú là cán bộ, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan.

5. Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI CHÍNH TRỊ VIÊN, ĐỒN TRƯỞNG ĐỒN BIÊN PHÒNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng đồn biên phòng với chính trị viên, đồn trưởng là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng

1. Chính trị viên và đồn trưởng phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi

nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy, chi bộ thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2. Cấp ủy đảng tạo điều kiện để chính trị viên và đồn trưởng thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng trong đơn vị chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của chính trị viên và đồn trưởng.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy - chính trị viên với đồn trưởng là mối quan hệ phối hợp công tác

1. Bí thư cấp ủy - chính trị viên và đồn trưởng phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy (chi bộ) quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức đảng, đảng viên, đơn vị và các tổ chức quần chúng.

2. Trường hợp có ý kiến khác nhau, phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí, phải kịp thời đưa ra cấp ủy, chi bộ thảo luận, quyết định hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

3. Trường hợp nhận nhiệm vụ chiến đấu khẩn trương hoặc có tình huống diễn biến ngoài dự kiến, không có điều kiện họp cấp ủy (chi bộ) thì người đồn trưởng phải chủ động trao đổi với bí thư - chính trị viên, quyết đoán và xử trí kịp thời để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, sau đó báo cáo và chịu trách nhiệm với cấp ủy cấp mình và cấp trên.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đồn biên phòng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng

1. Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy (chi bộ) đồn biên phòng. Cấp ủy (chi bộ) có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2. Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghị quyết của cấp ủy, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy đồn biên phòng với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác

1. Với các huyện, quận, thị ủy

- Cấp ủy đảng đồn biên phòng thường xuyên phản ánh với huyện, quận, thị ủy tình hình khu vực biên giới, vùng biển đơn vị phụ trách; các chủ trương, đối sách về công tác biên phòng. Chấp hành sự chỉ đạo của huyện, quận, thị ủy về các vấn đề có liên quan đến công tác vận động quần chúng, đối ngoại nhân dân, chính sách dân tộc, tôn giáo. Nghiên cứu, đề xuất và tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị, quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

- Huyện, quận, thị ủy thường xuyên thông báo với cấp ủy và chỉ huy đồn biên phòng các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng quốc phòng, an ninh ở các xã, phường, thị trấn biên giới. Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành,

đoàn thể và nhân dân địa phương phối hợp, giúp đỡ các đồn biên phòng thực hiện nhiệm vụ.

2. Với cấp ủy xã, phường, thị trấn biên giới

- Cấp ủy đảng đồn biên phòng có trách nhiệm thông báo với cấp ủy, chính quyền địa phương tình hình có liên quan ở khu vực biên giới, vùng biển. Tham mưu, đề xuất và tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị, quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

- Cấp ủy xã, phường, thị trấn biên giới có trách nhiệm thông báo tình hình có liên quan đến nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng, tình hình nhân dân, các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương; lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân địa phương phối hợp, giúp đỡ đồn biên phòng thực hiện nhiệm vụ; phối hợp với đồn biên phòng thực hiện nghị quyết, chủ trương của trên về những vấn đề có liên quan trong xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, xây dựng xã, phường, thị trấn biên giới vững mạnh về mọi mặt.

3. Với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn

- Cấp ủy đảng đồn biên phòng có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn và phối hợp với cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và giúp đỡ, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

- Cấp ủy đảng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, chỉ huy đồn biên phòng tình hình có liên quan đến nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng; lãnh đạo cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm các quy chế, quy định ở khu vực biên giới và phối hợp, giúp đỡ, tạo điều kiện cho đồn biên phòng thực hiện nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng đồn biên phòng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở đồn biên phòng xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 183-QĐ/TW, ngày 8 tháng 8 năm 2008

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đoàn kinh tế - quốc phòng

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa X);

- Căn cứ Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 20-11-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/TW, ngày 20-7-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của đoàn kinh tế - quốc phòng,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đoàn kinh tế - quốc phòng như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở đoàn kinh tế - quốc phòng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo các mặt công tác và mọi hoạt động của đơn vị; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế - quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, công tác và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, chiến sĩ, người lao động nắm vững nhiệm vụ kinh tế - quốc phòng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, công tác của đơn vị.

2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tham gia xây dựng kinh tế - quốc phòng; xây dựng lực lượng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống; xây dựng đơn vị chính quy, kỷ luật nghiêm. Lãnh đạo tốt công tác dân vận, tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh, góp phần củng cố thế trận quốc phòng, an ninh. Lãnh đạo sản xuất phát triển kinh tế, tham gia quản lý, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu kinh tế - quốc phòng theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ,

đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng; xây dựng tinh thần khắc phục khó khăn, gắn bó với địa bàn, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cán bộ, chiến sĩ và người lao động; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để chủ động giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2. Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị và thực hiện tốt việc tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, có tỷ lệ thích hợp cán bộ

người dân tộc thiểu số và người địa phương. Kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên.

2. Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong đơn vị theo phân cấp.

3. Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế đơn vị.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính

1. Thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống, việc làm đối với cán bộ, chiến sĩ, người lao động trong đơn vị và chính sách hậu phương quân đội.

2. Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị, cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, cháy nổ. Bảo đảm công khai, dân chủ và minh bạch trong đơn vị.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân

1. Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của cấp trên và điều lệ của mỗi tổ chức.

2. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú trong đơn vị.

5. Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI CHÍNH ỦY (CHÍNH TRỊ VIÊN), NGƯỜI CHỈ HUY ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với chính ủy (chính trị viên), người chỉ huy đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng

1. Chính ủy (chính trị viên), người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy (chi bộ) thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2. Cấp ủy đảng tạo điều kiện để chính ủy (chính trị viên), người chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng

trong đơn vị chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của chính ủy (chính trị viên), người chỉ huy.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy - chính ủy (chính trị viên) với người chỉ huy đơn vị là mối quan hệ phối hợp công tác

1. Bí thư cấp ủy - chính ủy (chính trị viên) và người chỉ huy đơn vị phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy (chi bộ) quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng thực hiện.

2. Trường hợp có ý kiến khác nhau, phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí, phải kịp thời đưa ra cấp ủy (chi bộ) thảo luận, quyết định hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

3. Trường hợp nhận nhiệm vụ chiến đấu khẩn trương hoặc có tình huống diễn biến ngoài dự kiến, không có điều kiện họp cấp ủy (chi bộ) thì người chỉ huy phải chủ động trao đổi với bí thư - chính ủy (chính trị viên) quyết đoán và xử trí kịp thời để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, sau đó báo cáo và chịu trách nhiệm với cấp ủy cấp mình và cấp trên.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng

1. Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy có trách nhiệm

lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2. Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghị quyết của cấp ủy, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác

1. Cấp ủy và chính ủy (chính trị viên), chỉ huy đơn vị có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo sự chỉ đạo của cấp trên và sự phối hợp của cấp ủy, chính quyền địa phương.

2. Cấp ủy, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, đơn vị tình hình và nhiệm vụ của địa phương có liên quan; lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể địa phương và nhân dân giúp đỡ đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng đoàn

kinh tế - quốc phòng trong Quân đội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đoàn kinh tế - quốc phòng xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 176-TB/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2008

Về việc tổ chức Đại hội X Công đoàn Việt Nam

Trong phiên họp ngày 12-8-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội X Công đoàn Việt Nam, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đại hội X Công đoàn Việt Nam là sự kiện chính trị quan trọng của giai cấp công nhân Việt Nam, người lao động và của đất nước. Thời gian qua, thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 14-6-2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "Về lãnh đạo đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam", Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cùng với các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp công đoàn, liên đoàn lao động các tỉnh, thành phố tiến hành đại hội từ cơ sở theo đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt.

2. Về nội dung các văn kiện trình Đại hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư, ý kiến góp ý của các ban đảng để điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo tại Đại hội, đề ra phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ

của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trong nhiệm kỳ tới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) "Về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

3. Về sửa đổi Điều lệ Công đoàn Việt Nam

- Giữ nguyên tên gọi của tổ chức Công đoàn Việt Nam là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, vì tên gọi này phù hợp với Hiến pháp và pháp luật, phù hợp với yêu cầu của sự phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp hiện nay và trong thời gian tới.

- Ban Bí thư đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc chưa kết nạp đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân, người lao động có quốc tịch nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam vào tổ chức công đoàn.

4. Đồng ý về số lượng Ban Chấp hành và Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa X, cụ thể là:

Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là 165 đồng chí. Đoàn Chủ tịch từ 19 - 21 đồng chí. Thường trực Đoàn Chủ tịch có 1 chủ tịch và 5 phó chủ tịch.

5. Ban Bí thư đồng ý nhân dịp Đại hội X Công đoàn Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng trao tặng bức trướng cho giai cấp công nhân Việt Nam và tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Nội dung bức trướng cần chuẩn bị theo hướng sâu sắc, gọn, dễ nhớ.

6. Đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về số lượng đại biểu, khách mời dự Đại hội, thời gian, địa điểm và các điều kiện tổ chức Đại hội X

Công đoàn Việt Nam. Đại hội cần tổ chức trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

7. Ban Bí thư đồng ý việc mời các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự Đại hội. Giao Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chuẩn bị bài phát biểu của Tổng Bí thư tại Đại hội X Công đoàn Việt Nam.

Đồng ý việc mời Thủ tướng Chính phủ dự, phát biểu về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và trao đổi ý kiến với các đại biểu dự Đại hội.

8. Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Dân vận Trung ương và các ban, ngành có liên quan phối hợp giúp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức tốt Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 177-TB/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2008

Về tổ chức Đại hội Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam lần thứ V

Tại phiên họp ngày 12-8-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhiệm kỳ V (2008 - 2013), ý kiến phát biểu của các cơ quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã chỉ đạo tốt việc chuẩn bị tổ chức Đại hội lần thứ V. Dự thảo Báo cáo công tác nhiệm kỳ IV và phương hướng, nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ V đã thể hiện khá đầy đủ những kết quả, hạn chế trong hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong nhiệm kỳ vừa qua và xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ công tác của Phòng trong thời gian tới.

- Trong nhiệm kỳ IV, Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã lãnh đạo, chỉ đạo Phòng thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, năng động và sáng tạo

trong hoạt động, thu hút sự tham gia ngày càng đông các doanh nghiệp; làm tốt trách nhiệm của tổ chức quốc gia đại diện bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, đầu tư; tăng cường công tác tham mưu cho Đảng, Nhà nước về những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, góp phần vào xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới của nước ta. Đội ngũ cán bộ trưởng thành và có bước phát triển nhanh. Vị trí và vai trò của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ngày càng được nâng cao ở trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, hoạt động của Phòng còn một số điểm hạn chế như: những nghiên cứu, đề xuất, tham mưu cho Đảng, Nhà nước về những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý doanh nghiệp, hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước, dự báo, cảnh báo về những vấn đề kinh tế trong nước và quốc tế còn hạn chế; một số hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả còn chưa cao; việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa trong doanh nghiệp triển khai còn chậm.

- Về phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, Ban Bí thư về cơ bản nhất trí với đề án của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh: cần xác định rõ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp, người sử dụng lao động và đội ngũ doanh nhân Việt Nam, có vai trò, vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế đất nước thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cần

tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đề xuất, tham mưu với Đảng, Nhà nước về quan điểm, cơ chế, chính sách xây dựng và phát triển các doanh nghiệp; làm tốt nhiệm vụ đại diện, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng đội ngũ doanh nhân Việt Nam trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có năng lực và đạo đức kinh doanh, chăm lo đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, có khả năng hội nhập và cạnh tranh thắng lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Về phương hướng sửa đổi Điều lệ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhiệm kỳ V, Ban Bí thư đồng ý với đề nghị đổi tên "Hội đồng quản trị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam" thành "Ban Chấp hành Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam" và thể hiện rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của Phòng như nêu trong Tờ trình.

3. Về một số kiến nghị của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ban Bí thư đồng ý:

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng trao tặng Đại hội V Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bức trướng với nội dung: **Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam năng động, sáng tạo, liên kết doanh nghiệp hội nhập và phát triển bền vững.**

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chuẩn bị báo cáo, tờ trình, trình Bộ Chính trị ra nghị quyết về xây dựng đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong tình hình mới.

- Trên cơ sở tổng kết Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 6-6-1998 của Ban Bí thư (khóa VIII), Ban Bí thư ra chỉ thị mới về tổ chức các hội quần chúng cho phù hợp với thời kỳ mới.

- Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các địa phương giao Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tham gia thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hướng dẫn thành lập các hiệp hội doanh nghiệp; giao các bộ, ngành Trung ương, ủy ban nhân dân các địa phương phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hướng dẫn và quản lý các hoạt động khen thưởng, tôn vinh doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

Trên cơ sở ý kiến của Ban Bí thư, đồng ý Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiếp tục chuẩn bị các nội dung để tổ chức Đại hội lần thứ V vào tháng 9-2008. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chuẩn bị nhân sự chủ chốt của Ban Lãnh đạo nhiệm kỳ V Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 178-TB/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2008

Về việc đưa pháp luật các nước ASEAN vào chương trình giáo dục của các cơ sở đào tạo luật

Tại phiên họp ngày 19-8-2008, sau khi nghe báo cáo của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Đề án "đưa pháp luật các nước ASEAN vào chương trình giáo dục của các cơ sở đào tạo luật" (Tờ trình số 21-TTr/BCSBTP-BCSBGDĐT, ngày 14-3-2008) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương đưa pháp luật các nước ASEAN vào chương trình giáo dục của các cơ sở đào tạo luật ở nước ta.

Trong những năm qua, thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành công trong hội nhập quốc tế và khu vực. Trong quan hệ hợp tác với ASEAN, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực, sáng kiến, qua đó khẳng định là thành viên tích cực, có trách nhiệm và đáng tin cậy của cộng đồng ASEAN. Trước yêu cầu thực tiễn, việc đưa pháp luật các nước ASEAN vào chương trình giáo dục

của các cơ sở đào tạo luật là hết sức cần thiết, nhằm nâng cao hiểu biết về pháp luật các nước ASEAN, thúc đẩy các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam với các nước này, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

2. Cơ bản nhất trí với những quan điểm, mục tiêu và định hướng nội dung mà Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất trong Đề án.

Việc đưa pháp luật các nước ASEAN vào chương trình giáo dục của các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam cần quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta; giữ vững độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ; phục vụ tích cực cho yêu cầu về hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập và hợp tác với ASEAN trong từng thời kỳ; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa pháp lý về pháp luật cộng đồng ASEAN và pháp luật các nước ASEAN; kế thừa, phát huy và giữ gìn bản sắc dân tộc, kết hợp tính truyền thống và tính hiện đại; bảo đảm có hiệu quả đồng bộ và phù hợp với thực tiễn.

Trong quá trình triển khai thực hiện chủ trương này, cần xây dựng lộ trình, mục tiêu và nội dung chương trình giảng dạy cụ thể cho từng giai đoạn trong khoảng thời gian từ nay đến năm 2020.

3. Để triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương này, Ban Bí thư yêu cầu:

- Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và các bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể hóa Đề án này để báo cáo trình Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền và lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan triển khai thực hiện chủ trương đưa pháp luật các nước ASEAN vào chương trình giáo dục của các cơ sở đào tạo luật và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 179-TB/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2008

Về việc phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân

Xem xét đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các cuộc kháng chiến (Công văn số 1860-BTĐKT-VI, ngày 22-7-2008), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp tục tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ mới được các ngành, địa phương, đơn vị phát hiện, chưa được xét phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Giao Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị khẩn trương rà soát, phát hiện những tập thể, cá nhân tiêu biểu có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các cuộc kháng chiến của dân tộc để xét phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ

trang nhân dân và cần phải sớm kết thúc việc phong tặng, không để kéo dài.

3. Việc xem xét phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân phải được thực hiện chặt chẽ theo đúng Luật thi đua, khen thưởng, các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 180-TB/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2008

Về sơ kết ba năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 17-2-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Ngày 19-8-2008, Ban Bí thư làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Cần Thơ để nghe báo cáo kết quả hơn ba năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Thành ủy Cần Thơ thay mặt Ban Thường vụ Thành ủy báo cáo và ý kiến phát biểu của đại diện lãnh đạo một số bộ, ban, ngành Trung ương, Ban Bí thư hoan nghênh tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm của Thành ủy Cần Thơ đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành Trung ương để hoàn thành tốt cuộc kiểm tra. Ban Bí thư cơ bản thống nhất với Báo cáo của Thành ủy Cần Thơ, đồng thời chỉ ra những nội dung cần tập trung chỉ đạo để

Đảng bộ thành phố và các bộ, ban, ngành Trung ương tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị trong thời gian tới.

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW của thành phố Cần Thơ

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết, thành phố Cần Thơ đã tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai quán triệt và tuyên truyền nội dung Nghị quyết để tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố. Đồng thời, đã ban hành các văn bản của Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố, đặc biệt là đã xây dựng 10 chương trình, 4 đề án cụ thể để cụ thể hóa, triển khai toàn diện, đồng bộ các nội dung quan trọng của Nghị quyết. Sau hơn 3 năm thực hiện, đã tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động trong Đảng bộ và nhân dân thành phố, tạo thuận lợi để Cần Thơ phát triển nhanh và toàn diện hơn trên nhiều lĩnh vực. Nổi bật là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, kinh tế phát triển và chuyển dịch theo hướng tích cực, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh từng bước được cải thiện. GDP bình quân trong 3 năm (2005 - 2007) tăng 16,09%/năm, riêng năm 2007 đạt 16,27% (sáu tháng đầu năm 2008 tăng 12,66%). Thu nhập bình quân đầu người năm 2007 đạt 18,49 triệu đồng, tương đương 1.122 USD, tăng 460 USD so với năm 2004. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch khá nhanh theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, đến năm 2007 cơ cấu GDP khu vực I: 16,52%, khu vực II: 38,53%, khu vực III: 45,15%.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị có bước phát triển đáng kể cả về quy mô và tốc độ, tạo cơ sở phát triển các

lĩnh vực khác. Cần Thơ đã nỗ lực trong việc xây dựng quy hoạch phát triển thành phố, đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo hướng thành phố đồng bằng cấp quốc gia văn minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, xứng đáng là thành phố cửa ngõ của cả vùng hạ lưu sông Mê Kông. Các chủ trương về tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng cùng với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" được thực hiện có kết quả, tạo nguồn lực lớn cho đầu tư phát triển, đã thể hiện sự năng động, sáng tạo của cấp ủy đảng, sự đồng thuận của cán bộ và nhân dân Cần Thơ.

- Sự nghiệp xây dựng văn hóa, phát triển toàn diện con người có nhiều cố gắng. Việc xây dựng con người Cần Thơ đương đại theo các chuẩn mực giá trị "trí tuệ, năng động, nhân ái, hào hiệp, thanh lịch" có tiến bộ. Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giải quyết các chính sách xã hội bức xúc được tích cực thực hiện và đạt kết quả tốt. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước.

- Quốc phòng, an ninh được bảo đảm, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tiếp tục được giữ vững.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đạt được nhiều kết quả tích cực.

Những kết quả đạt được sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị đã thể hiện sự cố gắng và quyết tâm cao của Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ. Những kết quả đó tuy mới là bước đầu, song có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện và tiền đề mới để Cần Thơ tiếp tục đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới.

Tuy nhiên, so với mục tiêu Nghị quyết đề ra là thành phố Cần Thơ phải trở thành đô thị loại I trước năm 2010 và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại trước năm 2020 thì việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của thành phố cũng còn những hạn chế, yếu kém:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, nhưng chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của thành phố và vai trò động lực có sức lan tỏa trong vùng; tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa còn chậm; công nghiệp phát triển nhanh nhưng quy mô sản xuất còn nhỏ, công nghệ còn lạc hậu, sức cạnh tranh của sản phẩm còn hạn chế, ô nhiễm môi trường chưa được giải quyết tốt, ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực chưa đủ rõ. Các ngành dịch vụ phát triển còn chậm, giá trị gia tăng thấp, chưa thật sự trở thành cầu nối thúc đẩy sản xuất phát triển. Xuất khẩu chưa tạo được nguồn hàng có giá trị gia tăng cao và ổn định. Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế, tiềm lực vốn từ nội bộ nền kinh tế thấp, môi trường đầu tư chưa thật sự thông thoáng, kém hấp dẫn, làm giảm khả năng thu hút đầu tư từ bên ngoài. Nguồn thu ngân sách chưa đáp ứng đủ nhu cầu chi xây dựng cơ bản và các mục tiêu phát triển xã hội.

- Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị chưa đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thành phố văn minh, hiện đại và chưa tương xứng với yêu cầu của đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Việc quyết định đầu tư và triển khai xây dựng các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn có tác động quan trọng đến sự phát triển của thành phố và cả vùng còn chậm. Đặc biệt, với yêu cầu phát triển Cần Thơ trở

thành một thành phố trung tâm, động lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long, là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước thì tiến độ và kết quả thực hiện đến nay còn chậm, thiếu giải pháp cụ thể và bước đi đồng bộ.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kết quả giải quyết một số vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội còn hạn chế. An ninh, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều nhân tố phức tạp.

- Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ nhiều nơi còn yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Công tác xây dựng Đảng vẫn còn những mặt hạn chế. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể còn lúng túng, hành chính hóa, hiệu quả chưa đồng bộ.

Ban Bí thư thống nhất với những nguyên nhân của những mặt hạn chế, yếu kém nêu trong Báo cáo của Thành ủy, đồng thời nhấn mạnh một số nguyên nhân chủ quan, đó là: sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền thành phố có lúc, có nơi chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn lực của Nhà nước trong một bộ phận cán bộ, nhân dân.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW của các bộ, ban, ngành Trung ương

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong Nghị quyết, các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp, hỗ trợ thành phố hoặc trực tiếp triển khai đạt được một số kết quả cụ thể:

- Phần lớn các bộ, ban, ngành Trung ương đã phân công một đồng chí lãnh đạo để chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các đơn vị có liên quan trực tiếp nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện; đồng thời phối hợp với thành phố từng bước cụ thể hóa nội dung Nghị quyết vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

- Đã giúp thành phố rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể, quy hoạch chung của thành phố và một số quy hoạch phát triển ngành, vùng liên quan đến Cần Thơ và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc cho chủ trương; giúp thành phố xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành và lĩnh vực trên địa bàn.

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ xây dựng và ban hành một số cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi đối với Cần Thơ; có sự ưu tiên hơn trong phân bổ dự toán ngân sách hằng năm, nguồn vốn đối ứng ODA và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương để thực hiện một số chủ trương trong Nghị quyết. Với sự chủ trì hoặc giúp đỡ của các bộ, ngành liên quan, đến nay, nhiều dự án ghi trong Nghị quyết đã được triển khai thực hiện ở mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ, ngành trong những năm đầu chưa tiến hành tốt việc triển khai thực hiện Nghị quyết, chưa thật sự xem việc xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ là trách nhiệm của Trung ương và của cả nước như Nghị quyết đã nêu. Sự quan tâm, chỉ đạo, hỗ trợ thành phố tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ, dự án, công trình trọng điểm theo tinh thần Nghị quyết, giúp thành phố vươn lên giữ vai trò trung tâm, động lực trong vùng đồng bằng sông Cửu Long của các bộ, ngành Trung ương còn rất chậm, cần nghiêm túc

rút kinh nghiệm (cầu Cần Thơ, sân bay Cần Thơ năm 2009 mới đưa vào sử dụng, quốc lộ 1A từ Mỹ Thuận - Cần Thơ chưa được mở rộng, luồng Định An chưa được nạo vét, cụm cảng Cần Thơ chưa phát huy hiệu quả v.v.).

3. Một số vấn đề Đảng bộ thành phố Cần Thơ, Ban Cán sự đảng Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới

Ban Bí thư tán thành những công việc thuộc trách nhiệm của Đảng bộ thành phố Cần Thơ và các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới đã nêu trong Báo cáo, đồng thời nhấn mạnh:

a) Đối với Thành ủy Cần Thơ

- Trên cơ sở nhận thức đầy đủ tiềm năng, lợi thế, những thuận lợi, khó khăn của thành phố, Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ cần tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, tăng cường đoàn kết để phát huy tất cả các nguồn lực, mọi tiềm năng, lợi thế vốn có và sẽ có, coi đó là giải pháp quan trọng có tính chất quyết định để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thành phố công nghiệp, văn minh, hiện đại, xứng đáng là thành phố cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mê Kông, là trung tâm, động lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước. Hết sức chú trọng công tác quy hoạch để thành phố trở thành thành phố cấp quốc gia, văn minh, hiện đại, là trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, trung tâm giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa, đầu mối giao lưu quốc tế, giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- Phải tích cực, chủ động hơn trong việc phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết. Căn cứ kết luận của Ban Bí thư, thành phố cần làm việc cụ thể với các bộ, ban, ngành Trung ương để xử lý các kiến nghị cụ thể. Đẩy mạnh hơn sự hợp tác, liên kết với các địa phương trong vùng và cả nước để cùng phát huy tiềm năng, lợi thế vì sự phát triển chung.

- Xây dựng và thực hiện tốt việc quy hoạch, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và luân chuyển cán bộ. Trước mắt, tập trung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và ban chấp hành đảng bộ các cấp giai đoạn 2010 - 2015 để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

b) Đối với Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành triển khai tốt chương trình thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX), có quy định rõ cơ chế, chính sách, nguồn vốn đầu tư và trách nhiệm của từng bộ, ngành, nhằm tạo điều kiện thúc đẩy thành phố Cần Thơ phát triển và sớm đạt được vai trò trung tâm, động lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Các bộ, ban, ngành Trung ương cần tiếp tục nghiên cứu quán triệt Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị, xác định trách nhiệm đối với việc xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ; đồng thời, phân công người theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và rà soát những công việc đã được Bộ Chính trị và Chính phủ giao, nhất là những mặt còn chậm, những vấn đề đang còn vướng mắc để tập trung chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời, với tinh thần tích cực, khẩn trương hơn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra

các đơn vị của ngành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể; chủ động, thường xuyên phối hợp với thành phố Cần Thơ để cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Các kiến nghị của thành phố cơ bản là hợp lý, nhất là vấn đề điều chỉnh quy hoạch mở rộng thành phố, xây dựng mới đường cao tốc, đầu tư nạo vét luồng Định An, khai thông kênh Quan Chánh Bố, đầu tư cảng Cái Cui giai đoạn 2, xây dựng mới một số trường đại học, dạy nghề, xây dựng một số bệnh viện chuyên sâu, xác định vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng kinh tế trọng điểm thứ tư của cả nước..., các bộ, ban, ngành Trung ương cần khẩn trương nghiên cứu, xử lý và trả lời sớm cho thành phố. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì tham mưu, kiến nghị với Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết.

4. Về một số kiến nghị của thành phố với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ

4.1- Đồng ý để Chính phủ nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách để xây dựng vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long, trong đó thành phố Cần Thơ là hạt nhân.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư từ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA cho thành phố. Ưu tiên bố trí vốn để trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành; tăng đầu tư hằng năm cho ngành giao thông vận tải để triển khai các dự án trọng điểm, bổ sung vốn cho các dự án đang triển khai nhưng còn thiếu vốn.

4.2- Đồng ý chủ trương xúc tiến việc nghiên cứu xây dựng tuyến đường cao tốc Mỹ Thuận - Đồng Tháp - Cần Thơ -

Kiên Giang - Cà Mau và đưa tuyến đường này vào quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ Việt Nam và trong tương lai là tuyến đường sắt Bắc - Nam; mở rộng quy hoạch phát triển thành phố về hướng Ô Môn, Thốt Nốt và trở thành khu đô thị mới đa năng.

- Nâng cấp, mở rộng cụm cảng Cần Thơ; đầu tư giai đoạn 2 cảng Cái Cui. Sớm có giải pháp phù hợp để nạo vét luồng Định An và khai thông kênh Quan Chánh Bố để tàu 20.000 tấn có thể ra vào các cảng trên sông Hậu.

4.3- Đồng ý để Chính phủ chỉ đạo các bộ, ban, ngành Trung ương xây dựng quy hoạch phát triển thêm một số trường đại học hoặc phân hiệu đại học tại thành phố Cần Thơ. Đầu tư và sớm khởi công xây dựng bệnh viện đa khoa thành phố và các bệnh viện chuyên môn phục vụ cho cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, ưu tiên đầu tư một số công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố về lĩnh vực văn hóa, thể thao để thành phố Cần Thơ tổ chức Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc vào năm 2012.

4.4- Đồng ý với đề nghị cho một số quận, huyện của thành phố Cần Thơ được bổ sung thêm một phó bí thư phụ trách xây dựng cơ sở đảng và một phó chủ tịch ủy ban nhân dân (diện cán bộ luân chuyển của thành phố; không tính vào biên chế quận, huyện) theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Ban Bí thư tin tưởng rằng, với truyền thống cách mạng, với sự năng động, sáng tạo, sự phối hợp, giúp đỡ có trách nhiệm của các bộ, ban, ngành Trung ương, Đảng bộ và nhân dân thành phố Cần Thơ nhất định sẽ khắc phục được những mặt khó khăn, yếu kém, thực hiện thắng lợi

Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị, đưa thành phố Cần Thơ phát triển nhanh và bền vững, xứng đáng là trung tâm, động lực phát triển của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 181-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2008

Về đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện

Tại phiên họp ngày 19-8-2008, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh báo cáo Tờ trình về Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các trường chính trị cấp tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, Ban Bí thư kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH VÀ TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN

1. Kết quả đạt được

Thực hiện các Quyết định (số 88-QĐ/TW, ngày 5-9-1994 về việc thành lập trường chính trị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 100-QĐ/TW, ngày 3-6-1995 về việc tổ chức trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện) của Ban Bí thư

Trung ương Đảng (khóa VII), các ban thường vụ cấp ủy địa phương đã thành lập các trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Hoạt động của các trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện trong những năm qua đã và đang đi vào nền nếp, có những chuyển biến tích cực và thu được những kết quả quan trọng.

- Đối với trường chính trị cấp tỉnh: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức cấp cơ sở đã bám sát nhiệm vụ, mục tiêu, đối tượng; quy mô đào tạo, bồi dưỡng được mở rộng. Luôn quán triệt quan điểm cơ bản của Đảng trong công tác đào tạo cán bộ; thực hiện đa dạng hóa chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng; đã từng bước đổi mới nội dung chương trình theo hướng thiết thực.

Phương pháp giảng dạy và học tập bước đầu được đổi mới, gắn lý luận với thực tiễn; hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng, phục vụ công tác giảng dạy, học tập và góp phần tổng kết một số vấn đề thực tiễn của địa phương.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở qua đào tạo, bồi dưỡng ở trường chính trị cấp tỉnh đã được nâng cao về trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi của công tác lãnh đạo, quản lý và nhiệm vụ chính trị ở các địa phương, cơ sở.

Tổ chức, bộ máy các trường chính trị cấp tỉnh từng bước được kiện toàn, ổn định. Đội ngũ giảng viên tăng lên cả về số lượng và chất lượng, nhìn chung được đào tạo cơ bản, số có học vị tiến sĩ, thạc sĩ tăng lên đáng kể. Cơ sở vật chất của các trường được nâng cấp, bổ sung và từng bước hiện đại hóa.

- Đối với trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện: Có bước chuyển biến trong tổ chức chỉ đạo, xây dựng chương trình,

kế hoạch cụ thể thực hiện nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị của địa phương; đổi mới về phương pháp công tác; chất lượng và hiệu quả hoạt động được nâng lên một bước. Nội dung, chương trình được bổ sung phong phú, đa dạng hơn; đã bám sát quan điểm, đường lối của Đảng và cơ bản phù hợp thực tiễn của đất nước, đáp ứng tốt hơn yêu cầu học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Tổ chức, bộ máy tương đối ổn định. Số lượng, chất lượng của đội ngũ giảng viên được nâng lên; đã tích cực xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm chức. Cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động của nhiều trung tâm đã được đầu tư, xây dựng phục vụ cho hoạt động dạy và học.

2. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân

Những hạn chế, vướng mắc:

- Đối với trường chính trị cấp tỉnh: Chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng tuy đã được đổi mới, bổ sung quan trọng, song còn chậm và thiếu đồng bộ. Cơ cấu nội dung, thời lượng các môn học chưa thật hợp lý, còn thiếu nhiều kiến thức về kỹ năng lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu công tác thực tiễn đối với cán bộ ở cơ sở. Hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng chưa thống nhất, một số chương trình còn chồng chéo về nội dung. Phương pháp giảng dạy chậm được đổi mới. Phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành chưa được quán triệt và thực hiện chặt chẽ; chưa phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Công tác quản lý học viên ở một số trường chưa thật chặt chẽ. Việc mở lớp đào tạo tập trung tại trường còn ít, chủ yếu là hình thức tại chức, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

Tổ chức bộ máy thực hiện chưa thống nhất. Đội ngũ giảng viên còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng. Quy định chế độ, tiêu chuẩn học tập đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở còn nhiều điểm trùng lặp, nặng về bằng cấp. Chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa được quy định thống nhất.

Có nhiều đầu mối cùng chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, nội dung và quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng. Ở một vài địa phương vẫn còn tồn tại song song những trung tâm cùng thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở dẫn đến việc tổ chức đào tạo còn phân tán, chồng chéo về đối tượng. Việc sử dụng con dấu, thể thức văn bản của các trường chính trị chưa thống nhất. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhiều trường chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Đối với trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện: Chương trình chưa đa dạng, mới chú trọng về lý luận chính trị, phổ biến chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chưa chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ. Chất lượng của một số chương trình chưa cao, chưa sát cơ sở, thiếu tính thực tiễn. Thiếu chương trình bồi dưỡng cho cán bộ đoàn thể chính trị - xã hội. Một số nơi còn rút ngắn chương trình. Hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị chưa cao, chưa tương xứng với yêu cầu. Việc tổ chức mở lớp ở nhiều nơi còn mang tính chất đại trà, hình thức, chất lượng thấp.

Tổ chức bộ máy một số trung tâm chậm được kiện toàn. Số lượng cán bộ, công chức nhìn chung còn thiếu về số lượng,

chất lượng chưa bảo đảm. Chế độ, chính sách đối với người dạy và người học chậm đổi mới, chưa thống nhất. Cơ sở vật chất và trang thiết bị của các trung tâm còn nghèo nàn, một số trung tâm chưa có trụ sở ổn định.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, vướng mắc:

Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương, giữa các cơ quan Trung ương với cấp ủy, chính quyền địa phương trong chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của các trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện chưa chặt chẽ.

Việc hướng dẫn, chỉ đạo, quản lý chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối với các trường chính trị chưa thống nhất; chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn chồng chéo, vừa thừa, vừa thiếu. Nhiều trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện chưa tích cực, chủ động trong việc cụ thể hóa nội dung chương trình, giáo trình, đề cương bài giảng, chậm đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và tổ chức quản lý đào tạo.

Tổ chức bộ máy của trường, trung tâm trên phạm vi toàn quốc chưa thống nhất, chậm được kiện toàn; đội ngũ giảng viên thiếu về số lượng, chất lượng còn hạn chế.

Chế độ, chính sách quy định chưa rõ ràng, thiếu thống nhất, chậm sửa đổi, bổ sung, nhất là chế độ, chính sách đối với người dạy và học. Quy định tiêu chuẩn, chế độ học tập đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở chưa thống nhất.

II- MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH VÀ TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN

1. Mục tiêu, phương hướng

- Mục tiêu: Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện nhằm từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng, nghiệp vụ tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó ở địa phương, cơ sở.

- Phương hướng: Tập trung xây dựng hệ thống các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thống nhất; đổi mới căn bản nội dung đào tạo, bồi dưỡng, bám sát mục tiêu, yêu cầu công tác của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở; đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng theo hướng "cơ bản, thiết thực, gắn với thực tiễn"; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của trường, trung tâm.

2. Một số giải pháp chủ yếu

2.1- Về chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng

- Đối với trường chính trị cấp tỉnh: Xây dựng hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng thống nhất, thực hiện "đào tạo

cơ bản" và "bồi dưỡng theo chức danh" cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở bảo đảm tính cơ bản, thiết thực. Hệ thống chương trình bao gồm: đào tạo cơ bản; bồi dưỡng chức danh; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác đảng, chính quyền, đoàn thể; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới; bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước để thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, công chức v.v.. Thống nhất chương trình trung cấp lý luận chính trị và trung cấp hành chính thành chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở được học chương trình đào tạo cơ bản, nếu có sự luân chuyển vị trí, chức danh công tác thì được học bổ sung chương trình bồi dưỡng theo chức danh và chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan khác.

- Đối với trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện: Đa dạng hóa nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng; bổ sung chương trình bồi dưỡng cho cán bộ đoàn thể chính trị - xã hội, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở làm công tác đảng, chính quyền, đoàn thể. Xây dựng chương trình sơ cấp lý luận chính trị - hành chính.

2.2- Về phương pháp, hình thức tổ chức quản lý đào tạo, bồi dưỡng: Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, lấy hoạt động của người học làm trung tâm, tăng cường đối thoại, hướng dẫn bài tập xử lý tình huống, thực hành lãnh đạo, quản lý nhằm trang bị cho người học vừa nắm được lý luận cơ bản, vừa nắm vững kỹ năng thực hành. Đa dạng hóa hình thức đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường mở lớp đào tạo tập trung tại trường. Tăng cường và làm tốt công tác quản lý đào tạo, nhất là quản lý chất lượng, nội dung và tổ chức các lớp tại chức.

2.3- Về tổ chức bộ máy; đào tạo, bồi dưỡng giảng viên; chế độ, chính sách: Để bảo đảm tập trung, thống nhất, tránh chồng chéo trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị cấp cơ sở, ngoài trường chính trị cấp tỉnh, các tỉnh, thành phố không lập trường hoặc trung tâm đào tạo, bồi dưỡng khác; thực hiện phân cấp, bổ sung nhiệm vụ, đối tượng đào tạo cho trường chính trị cấp tỉnh sau khi hợp nhất Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính quốc gia thành Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, xác định biên chế của trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, quy định có số dư biên chế để đưa giảng viên đi đào tạo, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên; quy định chế độ và định kỳ luân chuyển giảng viên đi thực tế cơ sở; có chính sách phù hợp để thu hút cán bộ có kinh nghiệm và sinh viên tốt nghiệp các trường đại học đạt loại khá trở lên về trường, trung tâm công tác; thực hiện chế độ giảng viên kiêm chức.

- Trên cơ sở chính sách chung, quy định chế độ, chính sách phù hợp, thống nhất cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

2.4- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự quan tâm lãnh đạo, quản lý trực tiếp của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của trường, trung tâm. Cấp ủy, chính quyền địa phương có kế hoạch định kỳ làm việc, kiểm tra hoạt động của trường, trung tâm. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

phục vụ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trước mắt và lâu dài; từng bước hiện đại hóa nhà trường và trung tâm.

2.5- Rà soát lại quy định tiêu chuẩn, chế độ học tập, tiêu chuẩn văn bằng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức của hệ thống chính trị cấp cơ sở bảo đảm thống nhất, khắc phục tình trạng học nhiều lần cùng một nội dung.

2.6- Trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện thống nhất sử dụng con dấu, thể thức văn bản là tổ chức sự nghiệp trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Hiệu trưởng trường chính trị cấp tỉnh, giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện ký và cấp các loại văn bằng, chứng chỉ của các chương trình thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; văn bằng có giá trị, đủ điều kiện xếp ngạch, bậc cán bộ, công chức.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban Tổ chức Trung ương trình Ban Bí thư ban hành Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; quy định về chế độ học tập; hướng dẫn tổ chức bộ máy và biên chế của trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; quy định tiêu chuẩn, giá trị văn bằng để xếp ngạch, bậc cho cán bộ, công chức; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan bổ sung hướng dẫn về chế độ, chính sách cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

2. Giao Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và

thống nhất quản lý việc thực hiện chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; phương pháp giảng dạy và học tập; nghiên cứu khoa học; quy chế quản lý đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng giảng viên cho các trường chính trị cấp tỉnh.

3. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn, kiểm tra về phương hướng chính trị tư tưởng trong giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị cấp tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và thống nhất quản lý việc thực hiện chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; quy chế giảng dạy và học tập của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

4. Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn chính sách có liên quan (phong chức danh khoa học, phong danh hiệu nhà giáo v.v.) đối với trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

5. Cấp ủy, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các trường, trung tâm. Tỉnh, thành phố nào có trường, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức cấp cơ sở thì hợp nhất vào trường chính trị cấp tỉnh bảo đảm thống nhất, tinh giản đầu mối, tránh chồng chéo, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 183-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2008

Về chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương

Tại phiên họp ngày 22-8-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (Tờ trình số 225/BCS, ngày 7-8-2008), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý giải quyết chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ tại Tờ trình số 225/BCS, ngày 7-8-2008. Cụ thể:

a) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương, hiện chưa được hưởng

chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hằng tháng, được thực hiện chế độ trợ cấp hằng tháng. Mức trợ cấp được tính theo số năm công tác thực tế trong quân đội, phù hợp với chính sách chung và khả năng ngân sách nhà nước; được điều chỉnh tăng dần khi Nhà nước điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp.

b) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương, hiện chưa được hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hằng tháng, được thực hiện chế độ trợ cấp một lần theo số năm thực tế công tác.

c) Quân nhân có đủ điều kiện được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại điểm a, điểm b nêu trên mà đã từ trần thì thân nhân chủ yếu của đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần.

2. Kinh phí thực hiện các chế độ nêu trên do ngân sách nhà nước bảo đảm.

3. Chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nêu trên được thực hiện từ ngày 1-1-2009 (riêng đối tượng được hưởng trợ cấp một lần nếu làm kịp thì thực hiện ngay trong năm 2008). Đây là chính sách lớn, có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc của Đảng và Nhà nước, góp phần giải quyết vấn đề an sinh xã hội. Yêu cầu các cấp, các ngành lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện ngay, bảo đảm đúng chính sách, đúng đối tượng, công bằng, công khai, không để xảy ra tiêu cực, sai sót.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác này, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đề xuất

chính sách đối với quân tình nguyện Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc và làm nhiệm vụ giúp bạn Lào sau ngày 30-4-1975, trình Bộ Chính trị cho ý kiến.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 184-QĐ/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2008

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

- Trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

- Trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; đường lối, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về pháp luật và quản lý nhà nước và một số lĩnh vực khác.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và tương đương; trưởng, phó phòng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; cán bộ dự nguồn các chức danh trên; cán bộ, công chức cấp cơ sở và một số đối tượng khác về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; về nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước và một số lĩnh vực khác.

2. Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương.

3. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở.

4. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu hội đồng nhân nhân cấp xã, cấp huyện.

5. Đào tạo tiền công vụ đối với công chức dự bị; bồi dưỡng chuyên viên và các chức danh tương đương.

6. Phối hợp với ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

7. Tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở địa phương, cơ sở.

8. Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoài các đối tượng đã nêu trên theo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng.

2. Cơ cấu tổ chức

Có 4 khoa và 3 phòng như sau:

- Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (bao gồm: Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

- Khoa Xây dựng Đảng (bao gồm: Xây dựng Đảng, Lịch sử Đảng, Đường lối cách mạng Việt Nam).

- Khoa Dân vận (bao gồm: Dân vận, Kỹ năng, nghiệp vụ lãnh đạo và quản lý).

- Khoa Nhà nước và pháp luật.

- Phòng Đào tạo.

- Phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu.

- Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị.

3. Về biên chế

Định khung biên chế: nói chung không quá 60 người. Riêng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An, tùy theo quy mô có thể nhiều hơn nhưng không quá 90 người. Trong tổng biên chế có từ 2/3 trở lên là cán bộ giảng dạy và nghiên cứu.

Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xem xét, quyết định cụ thể số biên chế cho trường.

Ngoài số biên chế theo quy định, trường chính trị tỉnh, thành phố được thực hiện chế độ giảng viên kiêm nhiệm.

Điều 4. Về con dấu, thể thức văn bản, văn bằng

- Trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sử dụng con dấu, thể thức văn bản là tổ chức sự nghiệp trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- Hiệu trưởng trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký và cấp các loại văn bằng, chứng chỉ của các chương trình thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; văn bằng có giá trị, đủ điều kiện để xếp ngạch, bậc cán bộ, công chức.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tổ chức bộ máy và biên chế; chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan Trung ương có liên quan quy định về tiêu chuẩn, giá trị văn bằng;

hướng dẫn chế độ học tập đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở; bổ sung hướng dẫn chế độ, chính sách đối với trường chính trị tỉnh, thành phố.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn, kiểm tra về phương hướng chính trị tư tưởng trong giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị tỉnh, thành phố.

3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương có liên quan hướng dẫn và thống nhất quản lý việc thực hiện chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; phương pháp giảng dạy và học tập; nghiên cứu khoa học; quy chế quản lý đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng giảng viên cho trường chính trị tỉnh, thành phố.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn chính sách có liên quan (phong chức danh khoa học, phong danh hiệu nhà giáo...) đối với trường chính trị tỉnh, thành phố.

5. Các tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp lãnh đạo thực hiện nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; về tổ chức bộ máy và biên chế; về chế độ, chính sách đối với cán bộ, giảng viên và học viên của trường chính trị tỉnh, thành phố.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện quy chế quản lý đào tạo; đầu tư, cấp kinh phí hoạt động và quản lý cơ sở vật chất của trường chính trị tỉnh, thành phố.

6. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

7. Các tỉnh ủy, thành ủy, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 185-QĐ/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2008

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

- Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện là đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy và Ủy ban nhân dân cấp huyện, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ cấp ủy cấp huyện.

- Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị - hành chính; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức, kỹ năng và chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở trên địa bàn cấp huyện, không thuộc đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Đào tạo sơ cấp lý luận chính trị - hành chính; bồi dưỡng các chương trình lý luận chính trị cho các đối tượng theo quy định; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên trên địa bàn huyện.

2. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và một số lĩnh vực khác cho cán bộ đảng (là cấp ủy viên cơ sở), cán bộ chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở.

3. Bồi dưỡng chính trị cho đối tượng phát triển đảng; lý luận chính trị cho đảng viên mới; nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên cơ sở.

4. Tổ chức thông tin về tình hình thời sự, chính sách... cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu và tình hình thực tế do chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

- Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện có đội ngũ cán bộ gồm giám đốc (giám đốc có thể là trưởng ban tuyên giáo cấp ủy cấp huyện kiêm nhiệm), 1 phó giám đốc giáo vụ, hành chính; biên chế từ 4 đến 6 người.

- Ngoài số biên chế theo quy định, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện được thực hiện chế độ giảng viên kiêm chức và cộng tác viên theo quy định.

Điều 4. Về con dấu, thể thức văn bản, văn bằng, chứng chỉ

- Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện sử dụng con dấu, thể thức văn bản là tổ chức sự nghiệp trực thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện ký và cấp các loại văn bằng, chứng chỉ của các loại chương trình thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; văn bằng có giá trị, đủ điều kiện để xếp ngạch, bậc cán bộ, công chức.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tổ chức bộ máy và biên chế; chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính, Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan Trung ương có liên quan hướng dẫn về tiêu chuẩn, giá trị văn bằng; chế độ học tập đối với cán bộ, đảng viên; chế độ, chính sách cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của trung tâm chính trị cấp huyện.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương có liên quan hướng dẫn và thống nhất

quản lý việc thực hiện các chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đề cương bài giảng; quy chế giảng dạy và học tập của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn chính sách có liên quan (phong chức danh khoa học, phong danh hiệu nhà giáo...) đối với trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

4. Cấp ủy huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) trực tiếp lãnh đạo thực hiện về nội dung, chương trình, kế hoạch bồi dưỡng; các quy định về chế độ, chính sách cho cán bộ, giảng viên, học viên.

Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) quản lý đầu tư về cơ sở vật chất, cấp kinh phí hoạt động của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

6. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 26-CT/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2008

Về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới

Trong hơn 16 năm qua, thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 13-6-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), công tác thông tin đối ngoại đã được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, mở rộng địa bàn và đối tượng thông tin, góp phần quan trọng để bạn bè quốc tế và đồng bào ta ở nước ngoài hiểu rõ hơn về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta, thành tựu đổi mới của đất nước, văn hóa và con người Việt Nam, đấu tranh chống lại các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta, đóng góp tích cực vào thành tựu đối ngoại và công cuộc đổi mới của đất nước.

Tuy nhiên, công tác thông tin đối ngoại vẫn còn nhiều hạn chế. Thông tin còn thiếu chủ động, nội dung thông tin còn chưa kịp thời, nhạy bén, chưa thật phù hợp với từng đối tượng và địa bàn khác nhau, tính hấp dẫn và thuyết phục chưa cao, năng lực phản bác các thông tin sai trái còn hạn chế,

chậm ứng dụng các thành tựu công nghệ hiện đại (mạng internet, truyền hình cáp...) vào hoạt động thông tin; công tác chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các đơn vị làm công tác thông tin đối ngoại còn chưa chặt chẽ...

Ngày nay, đất nước ta sau hơn 20 năm đổi mới giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, thế và lực, uy tín quốc tế được nâng lên, đang bước vào giai đoạn phát triển mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế với những thuận lợi, thời cơ lớn và cả những khó khăn, thách thức gay gắt. Trên thế giới, quá trình toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ diễn ra mạnh mẽ, tác động mọi mặt đến đời sống; hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế lớn nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp; các thế lực thù địch vẫn tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước, sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta. Để đáp ứng yêu cầu của đất nước trong tình hình mới, công tác thông tin đối ngoại cần phải được tiếp tục đổi mới và tăng cường mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực.

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

1. Mục đích

Công tác thông tin đối ngoại được đổi mới và tăng cường, mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng hoạt động nhằm góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, nhân dân ta trong tình hình mới, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện

thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, từng bước đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Yêu cầu

Đổi mới công tác thông tin đối ngoại cả về nội dung và phương thức hoạt động, tăng cường mạnh mẽ hoạt động thông tin đối ngoại cả về số lượng và chất lượng; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, tính linh hoạt, sự phong phú và sắc bén của các hoạt động thông tin đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các cấp, các ngành, địa phương, các lực lượng trong hoạt động thông tin đối ngoại. Công tác thông tin đối ngoại là nhiệm vụ của hệ thống chính trị với lực lượng nòng cốt là các đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ thông tin đối ngoại.

3. Phương châm

Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt phương châm "chính xác, kịp thời, sinh động, phù hợp từng đối tượng"; hết sức chú ý gắn kết chặt chẽ giữa thông tin đối nội với thông tin đối ngoại, tận dụng sức mạnh nội lực và ngoại lực trong hoạt động thông tin đối ngoại.

II- NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG VÀ LỰC LƯỢNG THAM GIA

1. Nội dung

- Tăng cường tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu đổi mới

của đất nước ta để bạn bè quốc tế và đồng bào ta ở nước ngoài có hiểu biết nhiều hơn, đầy đủ và đúng đắn hơn về sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam, tiềm năng phát triển và hợp tác của Việt Nam với cộng đồng quốc tế trên các lĩnh vực.

- Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các phần tử cơ hội, các thế lực thù địch một cách chủ động, có tính thuyết phục và hiệu quả hơn.

- Tăng cường công tác nắm bắt tình hình, nghiên cứu, dự báo để hoạt động thông tin đối ngoại chủ động, kịp thời và hiệu quả hơn.

2. Phương thức hoạt động và lực lượng tham gia

- Huy động mọi lực lượng, mọi khả năng để mở rộng và đa dạng hóa các phương thức thông tin đối ngoại; cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, nhân dân, trên cơ sở nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác thông tin đối ngoại trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, cần nâng cao trách nhiệm, tự giác tham gia hoạt động thông tin đối ngoại phù hợp với khả năng và điều kiện của mình.

- Căn cứ tình hình cụ thể trong từng thời gian, từng địa bàn, tiến hành thông tin đối ngoại một cách linh hoạt, sát hợp với từng đối tượng, hấp dẫn và hiệu quả. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại thông qua các diễn đàn song phương

và đa phương, các đoàn ra, đoàn vào, hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đối ngoại nhân dân; các hoạt động triển lãm, hội chợ, tham quan, du lịch của người Việt Nam ra nước ngoài và người nước ngoài vào Việt Nam; qua các đối tác kinh tế, văn hóa, giáo dục nước ngoài của Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài về thăm Tổ quốc, cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài, các ấn phẩm thông tin đối ngoại của Việt Nam và các phương tiện thông tin đại chúng quốc tế, nhất là truyền hình, thông tấn và các tờ báo uy tín của nước ngoài...

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động thông tin đối ngoại, phát triển các phương tiện thông tin hiện đại, nhất là internet, truyền hình cáp; đầu tư có trọng điểm cho một số báo hình, báo viết, báo mạng, bằng tiếng Việt Nam và tiếng nước ngoài, tạo ra những thương hiệu báo chí Việt Nam có uy tín quốc tế.

- Tăng cường cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại, bố trí cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về công tác thông tin đối ngoại ở các bộ, ban, ngành, địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội... Nghiên cứu, sắp xếp đội ngũ phóng viên thường trú các cơ quan báo chí ở nước ngoài một cách hợp lý; xây dựng cơ chế hoạt động của đội ngũ tùy viên văn hóa tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn giỏi, nhạy bén và linh hoạt trong xử lý các tình huống, nhất là các vấn đề nhạy cảm, phức tạp.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thống nhất chỉ đạo đối với công tác thông tin đối ngoại đã hình thành; tăng cường phân công, phối hợp giữa các lực lượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp trong hoạt động thông tin đối ngoại. Theo hướng đó, cần thực hiện một số giải pháp quan trọng sau đây:

- Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại làm tốt vai trò tham mưu giúp Ban Bí thư chỉ đạo, Chính phủ thống nhất quản lý, kiểm tra các hoạt động thông tin đối ngoại; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng chiến lược thông tin đối ngoại trình Ban Bí thư.

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng kịp thời cung cấp thông tin và phối hợp với Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại để tham mưu, đề xuất chủ trương, biện pháp xử lý những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, nhất là các vấn đề liên quan tới dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, chủ quyền lãnh thổ...

- Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan hữu quan phối hợp quản lý chặt chẽ hoạt động của các phóng viên nước ngoài và cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho họ hiểu rõ đường lối, chính sách của Việt Nam, tranh thủ những báo chí nước ngoài có thiện cảm với Việt Nam. Các đại sứ quán, văn phòng đại diện, cơ quan báo chí của ta ở nước ngoài cần chủ động, tích cực, sáng tạo các biện pháp có hiệu quả trong hoạt động thông tin đối ngoại.

- Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động

văn hóa, báo chí đối ngoại (kể cả website, web-blog). Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan chức năng khác có kế hoạch hỗ trợ phát triển các hoạt động văn hóa, các loại hình truyền thông, báo chí tích cực trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam xây dựng kế hoạch mở rộng phạm vi phủ sóng, nâng cao thời lượng, chất lượng phát sóng, cải tiến mạnh mẽ nội dung các chuyên mục và cách thức thể hiện phù hợp với các đối tượng, địa bàn nước ngoài. Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, Báo Quân đội nhân dân, các đài, báo ở Trung ương và địa phương... tăng cường chất lượng thông tin; các nhà xuất bản đẩy mạnh xuất bản các ấn phẩm bằng nhiều thứ tiếng, giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam đến nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước có đông người Việt Nam định cư.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các học viện, trường đại học, viện nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên ngành thông tin đối ngoại.

- Các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể trung ương và địa phương thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại phù hợp với điều kiện thực tế của mình.

- Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các cơ quan liên quan bảo đảm kinh phí trong ngân sách nhà nước hằng năm cho việc đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật và các hoạt động thông tin đối ngoại.

- Ban Tuyên giáo Trung ương - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, kiểm tra và hằng năm tổ chức sơ kết việc thực hiện Chỉ thị này, báo cáo Ban Bí thư, Thường trực Chính phủ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 187-QĐ/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2008

Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Thông báo kết luận số 165-TB/TW, ngày 27-6-2008 của Bộ Chính trị về Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước";
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2- Đồng chí Nguyễn Văn Quynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

3- Đồng chí Phạm Xuân Sơn, Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, thành viên.

4- Đồng chí Nguyễn Bích Đạt, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thành viên.

5- Đồng chí Phạm Sỹ Danh, Thứ trưởng Bộ Tài chính, thành viên.

6- Đồng chí Phạm Vũ Luận, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành viên.

7- Đồng chí Nguyễn Văn Bính, Phó trưởng Ban Công tác đại biểu Quốc hội, thành viên.

8- Đồng chí Ngô Xuân Lịch, Trung tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, thành viên.

9- Đồng chí Hoàng Thế Liên, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, thành viên.

10- Đồng chí Chu Văn Thành, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước, Bộ Nội vụ, thành viên.

11- Đồng chí Nguyễn Xuân Sơn, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương, thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án có nhiệm vụ: xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Giúp Ban Chỉ đạo có Văn phòng điều hành Dự án do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 185-TB/TW, ngày 16 tháng 9 năm 2008

Về việc thành lập Đảng bộ Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Tại phiên họp ngày 9-9-2008, xem xét Tờ trình (số 244-TTr/BTCTW, ngày 18-8-2008) của Ban Tổ chức Trung ương, Đề án mô hình tổ chức đảng của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (số 694/HVCT-HCQG, ngày 18-8-2008). Sau khi thảo luận thống nhất, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đảng bộ Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập theo mô hình Đảng bộ toàn Học viện. Các tổ chức đảng trực thuộc Học viện bao gồm: Đảng bộ trung tâm Học viện, Đảng bộ Học viện Hành chính, Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền; các Đảng bộ Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I, II, III, IV.

- Sau khi Đảng bộ toàn Học viện được thành lập, sẽ kết thúc hoạt động của Ban Cán sự Đảng Học viện hiện nay; Đảng ủy Học viện sẽ được giao thực hiện một số nhiệm vụ của Ban Cán sự Đảng.

- Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 27-KL/TW, ngày 17 tháng 9 năm 2008

Về Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050

Tại phiên họp ngày 5-9-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải báo cáo Đề án Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, ý kiến tham gia của một số bộ, ngành Trung ương; Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 là một trong những chiến lược quan trọng, bảo đảm sự phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, tạo cơ sở cho sự phát triển ngành đường sắt trong tương lai, để vận tải đường sắt phát huy tốt hơn lợi thế của mình, đóng góp tích cực hơn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Bộ Chính trị về cơ bản nhất trí với nhiều nội dung của Chiến lược và chủ trương sớm ban hành Chiến lược này làm cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo phát triển ngành đường sắt trong thời gian tới.

1. Về nội dung Chiến lược, Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm sau

a) Về đánh giá tình hình phát triển vận tải đường sắt

- Bộ Chính trị về cơ bản nhất trí với đánh giá thực trạng phát triển đường sắt trong thời gian qua. Vận tải đường sắt là một lĩnh vực vận tải có nhiều ưu thế, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Giao thông vận tải đường sắt nước ta đã có quá trình phát triển lâu dài, có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Trong những năm đổi mới, đường sắt tiếp tục là ngành giao thông vận tải quan trọng, đáp ứng một phần nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa của đất nước.

- Tuy nhiên, vận tải đường sắt chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, còn nhiều bất cập, yếu kém. Hệ thống kết cấu hạ tầng và phương tiện vận tải đều chậm được đổi mới, phát triển, còn lạc hậu so với vận tải đường sắt của một số nước trong khu vực và nhiều nước trên thế giới; thị phần của vận tải hành khách ngày càng giảm trong tổng lượng vận tải của cả nước. Vận tải đường sắt đô thị chưa được quan tâm đầu tư để góp phần vào việc phát triển mạng lưới giao thông công cộng. Chất lượng phục vụ của ngành đường sắt còn thấp; tổ chức bộ máy quản lý chậm đổi mới; chưa có cơ chế thu hút tốt các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển.

Về nguyên nhân:

Về khách quan, đường sắt là lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian đầu tư dài và đồng bộ giữa các bộ phận của kết cấu hạ tầng và phương tiện vận tải; yêu cầu cao về quản lý và điều hành. Do đó, trong khi nền kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, việc đáp ứng yêu cầu phát triển của vận tải đường sắt còn rất hạn chế.

Về chủ quan, nhận thức về vai trò, vị trí của giao thông đường sắt chưa đầy đủ; kết cấu hạ tầng, phương tiện vận tải đường sắt chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ cho giao thông đường sắt chưa được coi trọng, chậm đổi mới cơ chế, chính sách để phát triển giao thông đường sắt.

b) Về dự báo nhu cầu, quan điểm, mục tiêu phát triển

- *Về dự báo nhu cầu phát triển*, cần nghiên cứu, tính toán, bổ sung các số liệu dự báo về tốc độ tăng trưởng và quy mô của nền kinh tế, về nhu cầu vận tải trong nước, từ trong nước ra nước ngoài và từ nước ngoài vào nước ta... để có căn cứ đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho sát hơn, bảo đảm tính khả thi cao.

- *Về quan điểm của Chiến lược,* Bộ Chính trị nhất trí với nhiều quan điểm đã nêu trong dự thảo và nhấn mạnh một số nội dung sau:

+ Chiến lược phát triển đường sắt phải phù hợp với chiến lược tổng thể phát triển giao thông vận tải và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Đường sắt là một trong những ngành thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cần được ưu tiên phát triển

đi trước một bước, theo hướng phát triển nhanh, đi thẳng vào hiện đại, bền vững; phát huy lợi thế, phục vụ hiệu quả cao nhất cho sự phát triển đất nước.

+ Gắn kết giữa phát triển đường sắt với bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và góp phần giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông và sự phát triển của các vùng xa, vùng sâu, vùng khó khăn.

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và kinh doanh vận tải đường sắt theo quy hoạch và sự quản lý thống nhất của Nhà nước, trong đó doanh nghiệp nhà nước quản lý khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng và kinh doanh vận tải ở các tuyến đường sắt chính, quan trọng của đất nước.

Về mục tiêu tổng quát:

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với mục tiêu tổng quát của Chiến lược; đề nghị tiêu đề của phần Chiến lược phát triển sửa lại là "Mục tiêu tổng quát".

Về các mục tiêu cụ thể: cần tính toán, bảo đảm cân đối, phù hợp với từng mốc thời gian phát triển. Cân nhắc xác định thứ tự ưu tiên các mục tiêu cho hợp lý để tập trung nguồn lực cho đầu tư, phát triển.

Trước hết, ưu tiên xây dựng tuyến đường sắt đô thị ở các thành phố lớn, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (gồm tuyến tàu điện ngầm và đường sắt trên cao), tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, sau đó là đường sắt cao tốc Bắc - Nam (cần xây dựng trước đoạn Hà Nội - Vinh và Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang). Nghiên cứu để phát triển mạng lưới đường sắt ở phía tây của đất nước.

Tính toán kỹ việc cân đối nguồn lực tài chính để thực hiện Chiến lược, trong đó xác định cơ cấu nguồn vốn và phân kỳ đầu tư mang tính khả thi cao.

c) Về chính sách và giải pháp thực hiện

Bộ Chính trị về cơ bản nhất trí với các giải pháp, chính sách nêu trong dự thảo Chiến lược, đồng thời lưu ý một số chính sách và giải pháp sau:

- Tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt phù hợp với định hướng quy hoạch chung về giao thông vận tải và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian tới.

- Nghiên cứu bổ sung, xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp luật để hoàn chỉnh hệ thống pháp luật liên quan bảo đảm cho sự phát triển giao thông vận tải đường sắt.

- Đầu tư phát triển giao thông vận tải đường sắt đòi hỏi về vốn rất lớn. Vì vậy, bên cạnh việc chủ động bố trí vốn từ ngân sách nhà nước cần phải có cơ chế đặc biệt huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để thực hiện Chiến lược, nhất là các tuyến đường sắt trọng yếu.

- Tiếp tục duy trì cơ chế Nhà nước quản lý kết cấu hạ tầng cơ sở đường sắt trọng yếu và đô thị đi đôi với việc cổ phần hóa, thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào kinh doanh vận tải đường sắt theo quy hoạch và sự quản lý của Nhà nước.

- Có chính sách khuyến khích việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; khuyến khích đào tạo và thu hút các nhà chuyên môn giỏi làm việc trong lĩnh vực giao thông đường sắt.

- Tăng cường hợp tác liên kết quốc tế theo hướng hợp tác phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và thu hút vốn cho đầu tư phát triển.

- Tăng cường công tác liên kết, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch, giữ gìn quỹ đất cho phát triển đường sắt và bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt.

2. Căn cứ Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và các bộ, ngành liên quan bổ sung, hoàn chỉnh, phê duyệt Chiến lược này gắn với chiến lược tổng thể giao thông vận tải để triển khai thực hiện.

Văn phòng Trung ương Đảng theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 186-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2008

Về đề nghị tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống của lực lượng Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào

Về việc Ban Liên lạc Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào xin chủ trương tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống của lực lượng tình nguyện và Chuyên gia quân sự giúp Lào (Công văn không số, ngày 21-7-2008), sau khi lấy ý kiến của Đảng ủy Quân sự Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Hiện nay Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào không còn tồn tại với danh nghĩa là một tổ chức. Vì vậy, không đặt vấn đề tổ chức kỷ niệm cấp Nhà nước.

- Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền kỷ niệm 60 năm ngày Bộ Chính trị ra Quyết định "Các lực lượng quân sự Việt Nam

chiến đấu và công tác giúp Lào tổ chức thành hệ thống riêng và lấy danh nghĩa là Quân tình nguyện"; tập trung tuyên truyền mối quan hệ đoàn kết đặc biệt, hữu nghị tốt đẹp giữa Đảng, Nhà nước, nhân dân, Quân đội hai nước Việt Nam - Lào, sự đóng góp to lớn của Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam đối với cách mạng Lào trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và tiếp tục giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới.

- Ban Liên lạc Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào tổ chức các hoạt động kỷ niệm trong nội bộ, gọn nhẹ, tiết kiệm.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 187-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2008

Về Đề án thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã

Tại phiên họp ngày 19-9-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về Đề án thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã (Tờ trình số 240-TTr/BCSĐ, ngày 19-9-2009), ý kiến phát biểu của Đảng đoàn Quốc hội và các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với các nội dung của Đề án, đồng thời lưu ý một số vấn đề dưới đây:

- Thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã là một chủ trương mới nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, là vấn đề hệ trọng, nhạy cảm, liên quan đến tổ chức và

hoạt động của cả hệ thống chính trị, cần được tiến hành thận trọng, có bước đi thích hợp, bảo đảm đúng quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Về phạm vi và số lượng cơ sở tiến hành thí điểm:

+ Đồng ý việc thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường với số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các huyện, quận, phường ở các địa phương chọn làm thí điểm theo tỷ lệ mà Đề án nêu (trừ thành phố Cần Thơ).

+ Thực hiện thí điểm nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tỷ lệ khoảng 4% số xã của cả nước.

Những địa phương được chọn làm thí điểm cần bảo đảm tính đại diện, đặc trưng cho các vùng, miền, đủ điều kiện để triển khai và tổng kết việc thí điểm.

- Thời gian: Tiến hành thực hiện thí điểm từ năm 2009, đến năm 2011 tổng kết việc thí điểm, trên cơ sở đó đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật để triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước.

- Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo của cấp Trung ương để thực hiện Đề án thí điểm này do đồng chí Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo Chính phủ, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Tổ chức Trung ương và một số cơ quan liên quan khác.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ căn cứ kết luận của Bộ Chính trị chỉ đạo bổ sung, sửa đổi Đề án, trình Quốc hội thông qua để tổ chức thực hiện. Sau khi Quốc hội thông qua, chỉ đạo hướng dẫn việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc trình Đề án để Quốc hội thảo luận thông qua và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cần thiết có liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ này.

- Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với các cơ quan hữu quan, chủ động nghiên cứu đề xuất việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản pháp luật liên quan đến chủ trương này.

- Giao Ban Tổ chức Trung ương tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Đề án đại hội đảng bộ cơ sở trực tiếp bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư trình Bộ Chính trị quyết định để thực hiện cùng với chủ trương này.

- Đồng ý việc Bộ Chính trị ban hành chỉ thị về sự lãnh đạo thực hiện chủ trương thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã.

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp có trách nhiệm quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước và việc thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã, để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 190-QĐ/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2008

Ban hành Quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 30-7-2007 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 67-QĐ/TW, ngày 4-7-2007 của Bộ Chính trị ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý".

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 52-QĐ/TW, ngày 5-5-1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI ĐẢNG VIÊN LÀ CÁN BỘ THUỘC DIỆN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 190-QĐ/TW, ngày 29-9-2008)

Điều 1. Đối tượng và nguyên tắc giải quyết tố cáo

1. Đối tượng: Đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị.

2. Nguyên tắc:

a) Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các tổ chức đảng được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

b) Không xem xét, giải quyết đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và những tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền do Điều lệ Đảng và Luật khiếu nại, tố cáo quy định xem xét, kết luận, nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới.

c) Cơ quan, tổ chức nào chỉ đạo giải quyết, trực tiếp giải quyết hoặc chủ trì giải quyết tố cáo thì cơ quan, tổ chức đó

kết luận, đề xuất biện pháp xử lý, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư (đồng gửi cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương) và có trách nhiệm trả lời người tố cáo theo quy định.

Điều 2. Trách nhiệm giải quyết tố cáo

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương trực tiếp giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến những quy định về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn; tiêu chuẩn cán bộ, tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo xem xét, giải quyết và kết luận những nội dung tố cáo liên quan đến quản lý nhà nước trong mọi lĩnh vực.

3. Văn phòng Trung ương Đảng tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo việc phối hợp giữa các cơ quan có chức năng giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến lịch sử chính trị và chính trị hiện nay.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương trực tiếp giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến quan điểm, tư tưởng, báo chí.

6. Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ chỉ đạo giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến quản lý nhà nước trong mọi lĩnh vực theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

7. Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương chỉ đạo giải quyết và kết luận những nội dung tố cáo liên quan đến việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

8. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo giải quyết và kết luận những nội dung tố cáo liên quan về việc chấp hành điều lệ đoàn thể, tổ chức mình.

9. Trường hợp tố cáo nhiều nội dung, liên quan đến trách nhiệm giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì giải quyết. Khi giải quyết, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để cử đảng viên là cán bộ chuyên môn tham gia đoàn công tác giải quyết tố cáo.

Điều 3. Nhận và chuyển đơn, thư tố cáo

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đảng viên khi nhận đơn, thư tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tổng hợp, nghiên cứu, phân loại, đề xuất hướng xử lý; những nội dung tố cáo không thuộc trách nhiệm giải quyết trực tiếp của mình thì trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chuyển đến cơ quan, tổ chức có trách nhiệm để kịp thời xem xét, giải quyết.

Điều 4. Phối hợp giải quyết tố cáo

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì giải quyết tố cáo, trực tiếp xem xét những nội dung thuộc trách nhiệm của mình; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo; tổng hợp kết quả giải quyết tố cáo đối với cán bộ, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Các tổ chức đảng quy định tại Điều 1 trực tiếp giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết những nội dung tố cáo thuộc phạm vi, trách nhiệm của mình; có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các tổ chức đảng có liên quan chỉ đạo hoặc trực tiếp giải quyết những nội dung tố cáo đảng viên thuộc cấp mình quản lý.

Trường hợp có ý kiến khác nhau, Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

3. Khi trực tiếp giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết và sau khi kết luận về những nội dung tố cáo thuộc trách nhiệm của mình, các tổ chức đảng thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, xử lý. Ủy ban Kiểm tra Trung ương khi xem xét, giải quyết và sau khi kết luận về những nội dung tố cáo thuộc trách nhiệm của mình thì thông báo cho tổ chức đảng có liên quan.

4. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các tổ chức đảng có trách nhiệm báo cáo để Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao cho một cơ quan chủ trì, có sự phối hợp của các cơ quan có liên quan hoặc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định lập đoàn công tác để giải quyết tố cáo.

5. Qua giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết tố cáo, nếu thấy có vấn đề phải xem xét thi hành kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính hoặc xử lý bằng pháp luật, tổ chức đảng báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với tổ chức đảng có liên quan xem xét và yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới báo cáo; quyết định hoặc đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định cụ thể việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp mình quản lý.

2. Các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan chấp hành nghiêm chỉnh kết luận, thông báo, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, của cấp trên về giải quyết tố cáo và thi hành kỷ luật trong Đảng. Trường hợp có ý kiến khác được quyền khiếu nại, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Những tổ chức và cá nhân cản trở, đùn đẩy, né tránh hoặc vi phạm các quy định về việc giải quyết tố cáo phải được xem xét, xử lý nghiêm minh về trách nhiệm theo quy định của Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Định kỳ sáu tháng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì giao ban với các tổ chức đảng trực tiếp hoặc chỉ đạo giải quyết tố cáo để thông báo tình hình, bàn biện pháp phối hợp và những vấn đề khác cần thiết cho việc giải quyết tố cáo.

4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; định kỳ sáu tháng, hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU

CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X*

Ngày 2 tháng 10 năm 2008

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp Hội nghị toàn thể lần thứ tám để thảo luận và cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2008, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009, để trên cơ sở đó Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo chuẩn bị Báo cáo của Chính phủ trình kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XII xem xét, quyết định. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự Hội nghị, chúc toàn thể các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thắng lợi trên các cương vị công tác của mình.

---

* Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 2-10 đến ngày 4-10-2008, tại Hà Nội (*B.T*).

Thưa các đồng chí,

Các đề án và báo cáo trình Hội nghị lần này đã được gửi tới các đồng chí, tôi chỉ xin phát biểu một số điểm trước khi Ban Chấp hành Trung ương đi vào thảo luận và cho ý kiến:

Chúng ta đều biết, bước vào thực hiện kế hoạch năm 2008, tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp. Giá dầu, lương thực và nhiều loại vật tư tăng đột biến. Kinh tế Mỹ suy thoái đã tác động tiêu cực đến các nền kinh tế khác, gây ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế, xã hội các nước, nhất là các nước đang phát triển và kém phát triển, trong đó có nước ta.

Ở trong nước, từ cuối năm 2007, một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô có những dấu hiệu không tốt và tình hình đó đã tiếp tục tác động sang năm 2008, giá nhiều vật tư quan trọng cho sản xuất, chỉ số giá tiêu dùng, tổng kim ngạch nhập khẩu và nhập siêu đều tăng cao; các chỉ số về tổng phương tiện thanh toán, tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế tăng so với các năm trước, gây áp lực lớn về mặt bằng giá cả; thiên tai, dịch bệnh diễn ra liên tiếp gây thiệt hại lớn đối với sản xuất và đời sống nhân dân.

Trước sự tác động tiêu cực của kinh tế thế giới cùng với những khó khăn nội tại của nền kinh tế nước ta, Bộ Chính trị đã chỉ đạo và Chính phủ đã đề ra các nhóm giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững. Quốc hội đã ra Nghị quyết về một số vấn đề kinh tế - xã hội năm 2008 trong tình hình mới, theo đó điều chỉnh chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 từ 8,5% xuống 7%; phấn đấu kiềm chế lạm phát và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng trong những tháng còn lại của

năm 2008. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy vừa qua đã thảo luận, cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm và các giải pháp chủ yếu trong sáu tháng cuối năm 2008. Bộ Chính trị đã có kết luận về vấn đề này và hiện nay, chúng ta đang tiếp tục chỉ đạo thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững.

Với quyết tâm cao trong lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và sự đồng thuận của toàn dân, trong chín tháng đầu năm, việc kiềm chế lạm phát và giảm nhập siêu đạt được những kết quả bước đầu, tốc độ tăng giá chậm lại; các cân đối kinh tế vĩ mô được cải thiện, đồng thời nhiều mặt của nền kinh tế tiếp tục duy trì được sự phát triển. Chúng ta vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao (6,5 - 7%) trong điều kiện nền kinh tế gặp nhiều khó khăn; sản xuất nông nghiệp đạt nhiều kết quả tốt; sản xuất công nghiệp giữ được tốc độ tăng giá trị sản xuất gần tương đương với những năm trước, tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu gấp gần hai lần so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra; việc bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội, công tác đối ngoại đạt được những kết quả tích cực. Có thể nói kết quả mà chúng ta đạt được trong chín tháng đầu năm 2008 vừa qua là quan trọng. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước cũng còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém và đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức.

Thưa các đồng chí,

Năm 2009 là năm có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010.

Vì vậy, tại Hội nghị lần này, tôi đề nghị các đồng chí phát huy cao độ ý thức trách nhiệm, thảo luận dân chủ, tập trung phân tích, làm rõ những thành tựu chúng ta đã đạt được trong thời gian qua, mà trực tiếp là năm 2008 và ý nghĩa của những thành tựu ấy trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có những khó khăn và phức tạp mới; chỉ ra những yếu kém của nền kinh tế, những lý do khách quan và chủ quan dẫn đến những yếu kém đó, đặc biệt là những nguyên nhân chủ quan trong lãnh đạo, điều hành và quản lý để rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực. Mặt khác, khi xem xét tình hình kinh tế - xã hội những tháng qua, chúng ta cũng cần đánh giá kết quả thực hiện từ năm 2006 đến nay, xem chúng ta đã đạt được mức nào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; đồng thời, có dự báo về tình hình quốc tế và trong nước thời gian tới để cân nhắc kỹ việc quyết định các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cần thực hiện. Những kết luận quan trọng rút ra từ Hội nghị lần này cũng là cơ sở để chúng ta xem xét, đánh giá và kiểm điểm giữa nhiệm kỳ việc thực hiện các nghị quyết do Đại hội X của Đảng đã đề ra.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 28-KL/TW, ngày 4 tháng 10 năm 2008

Về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2008 và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) họp từ ngày 2-10-2008 đến ngày 4-10-2008 tại Thủ đô Hà Nội đã tập trung thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2008, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 và kết luận như sau:

1. Ban Chấp hành Trung ương tán thành Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2008, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2009.

Với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, đến nay tuy vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng tình hình

kinh tế - xã hội của đất nước đã có những chuyển biến tích cực. Việc kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã đạt được những kết quả bước đầu có ý nghĩa quan trọng; nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng khá trong điều kiện lạm phát cao; an sinh xã hội được quan tâm và triển khai thực hiện có hiệu quả; các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, bảo vệ môi trường được chú trọng và tiếp tục phát triển; cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có một số chuyển biến; hoạt động đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế đạt nhiều kết quả; chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm...

Tuy nhiên, kinh tế nước ta vẫn còn không ít những hạn chế, yếu kém. Lạm phát cao, nhập siêu lớn, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc; tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, chất lượng, hiệu quả còn thấp, sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn; đời sống nhân dân, nhất là những người lao động, cán bộ, công chức, người về hưu có thu nhập thấp; người trong diện trợ cấp xã hội; người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai còn nhiều khó khăn; việc xử lý một số vấn đề xã hội bức xúc còn nhiều hạn chế; cải cách hành chính chậm, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa đạt được kết quả như mong muốn; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên một số địa bàn vẫn còn phức tạp; công tác chỉ đạo, điều hành tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Đây là những vấn đề cần tập trung khắc phục trong thời gian tới.

Mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 là: Tiếp tục ưu tiên kiềm chế lạm phát theo hướng giảm dần, phấn đấu đến năm 2010 đưa tốc độ lạm phát xuống một con số, ổn định dần kinh tế vĩ mô; bảo đảm tốt hơn an sinh xã hội; duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý và bền vững; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động và có hiệu quả; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 do Đại hội X của Đảng đã đề ra.

2. Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp thu ý kiến thảo luận của Trung ương bổ sung, hoàn thiện Báo cáo để Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy những kết quả, ưu điểm đạt được trong năm 2008, khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2008 và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 4 tháng 10 năm 2008

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Sau gần 3 ngày làm việc khẩn trương với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã kết thúc tốt đẹp. Hội nghị đã tập trung trí tuệ thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến quan trọng trong các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2008; định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 và đã nhất trí thông qua kết luận của Hội nghị về vấn đề này. Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp thu ý kiến của Trung ương, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định.

Thưa các đồng chí,

Với sự quan tâm và thường xuyên coi nhiệm vụ lãnh đạo

phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, trong năm nay Đảng ta đã có ba kết luận về kinh tế - xã hội: Kết luận số 22-KL/TW của Bộ Chính trị sau khi xem xét các vấn đề kinh tế - xã hội nổi lên trong quý I-2008, Kết luận số 25-KL/TW của Bộ Chính trị trên cơ sở ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 7 sau khi thảo luận tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2008 và lần này là kết luận của Ban Chấp hành Trung ương sau khi xem xét tình hình kinh tế - xã hội năm 2008. Những kết luận đó là tư tưởng chỉ đạo để giải quyết kịp thời, đúng đắn những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Nhìn lại năm 2008, trước những tác động tiêu cực của kinh tế thế giới và những khó khăn, yếu kém nội tại của kinh tế trong nước, tình hình kinh tế nước ta ngay từ đầu năm đã có những diễn biến bất lợi, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển sản xuất và đời sống nhân dân, đe dọa nghiêm trọng đến sự ổn định kinh tế vĩ mô, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời xác định nhiệm vụ trọng tâm là: Phấn đấu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng hợp lý, bền vững; trong đó kiềm chế lạm phát là mục tiêu ưu tiên hàng đầu. Chúng ta đã kịp thời điều chỉnh giảm chỉ tiêu tăng trưởng cho phù hợp với tình hình thực tế và tập trung mọi nỗ lực để thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu đó.

Với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, đến nay tuy vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng tình hình kinh tế - xã hội đã có những chuyển biến tích cực. Việc kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã đạt được

những kết quả bước đầu có ý nghĩa quan trọng; nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng khá trong điều kiện lạm phát cao; an sinh xã hội được quan tâm và triển khai thực hiện có hiệu quả; các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa thông tin, bảo vệ môi trường được chú trọng và tiếp tục phát triển; cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có những chuyển biến; hoạt động đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế đạt nhiều kết quả; chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm...

Những kết quả đó đạt được trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang hội nhập ngày càng sâu vào kinh tế thế giới, trong lúc kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp, khó lường, càng cho chúng ta thêm kinh nghiệm.

Tuy nhiên, kinh tế nước ta vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém. Lạm phát cao, nhập siêu lớn, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc; nhịp độ tăng trưởng kinh tế giảm, chất lượng, hiệu quả còn thấp, sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn; đời sống nhân dân, nhất là những người lao động có thu nhập thấp, người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai còn nhiều khó khăn; việc xử lý một số vấn đề bức xúc trong các lĩnh vực xã hội còn nhiều hạn chế; cải cách hành chính chậm, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa đạt được kết quả mong đợi; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên một số địa bàn vẫn còn phức tạp; công tác chỉ đạo, điều hành tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Đây là những vấn đề cần tập trung khắc phục trong thời gian tới.

Thưa các đồng chí,

Trước những khó khăn, thách thức về kinh tế và đời sống trong một bộ phận nhân dân đã xuất hiện những lo lắng, băn khoăn, thậm chí đây đó có cả tư tưởng bi quan, dao động ở những mức độ nhất định. Thực tiễn thành công bước đầu mà chúng ta đạt được đã góp phần củng cố lòng tin và tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về đường lối phát triển đất nước.

Thực tiễn đó càng làm sâu sắc thêm bài học: Trước mọi khó khăn, thử thách, nếu có đường lối đúng, có ý chí tự lực tự cường, biết phát huy mọi nguồn lực, mọi sáng kiến của nhân dân, có giải pháp kiên quyết, đúng đắn và kịp thời, trên dưới đồng lòng hợp sức thì nhất định sẽ vượt qua được mọi khó khăn để giành thắng lợi. Chúng ta càng thấm thía bài học về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế, biết phát huy nội lực, xem nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, phát huy lợi thế so sánh, tạo môi trường cạnh tranh để phát triển, song để phát triển bền vững, bảo đảm sự ổn định, tăng khả năng độc lập tự chủ của đất nước, nhất thiết phải không ngừng tăng cường tiềm lực và bảo đảm an ninh kinh tế đi đôi với an ninh chính trị; giữ vững các cân đối vĩ mô, đặc biệt là bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, tăng dự trữ ngoại tệ và kiểm soát chặt chẽ nợ nước ngoài. Bài học về phát triển kinh tế thị trường đồng thời với chăm lo ngày càng tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm lo sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt yêu cầu gắn kết giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong chỉ đạo, điều hành, phải kiên định mục tiêu, giữ vững nguyên tắc, tăng cường năng lực dự báo,

bám sát thực tiễn, đề ra được các giải pháp phù hợp, linh hoạt, sáng tạo, không rập khuôn máy móc, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, kết hợp chặt chẽ với công tác chính trị tư tưởng, thông tin tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội. Đây là những bài học rất quan trọng đòi hỏi phải được vận dụng sát thực vào điều kiện thực tiễn của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước trong điều kiện mới. Kiên trì các bài học đó, phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, yếu kém, nhất định chúng ta sẽ vượt qua khó khăn trước mắt, tiếp tục đưa nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến cuối năm và trong năm tới, nền kinh tế nước ta vẫn còn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Trên thế giới, tình trạng trì trệ trong phát triển và lạm phát cao trên phạm vi toàn cầu, cùng những biến động phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường và những xung đột khu vực, cạnh tranh ảnh hưởng và tranh giành lợi ích của các khối, các nước lớn đang có những tác động tiêu cực đối với nền kinh tế nước ta. Ở trong nước, lạm phát vẫn còn ở mức cao, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thiên tai, dịch bệnh còn diễn biến phức tạp v.v.. Song chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản: chính trị - xã hội ổn định, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng cao, niềm tin vào triển vọng phát triển đất nước được giữ vững, tiềm năng tăng trưởng của đất nước còn nhiều và nhất là chúng ta đã thu được những kết quả và kinh nghiệm bước đầu có ý nghĩa quan trọng trong năm 2008... Đây chính là cơ sở

và là điều kiện rất quan trọng để có thể huy động mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước cho sự phát triển của nền kinh tế nước ta trong năm 2009 và những năm sau.

Mục tiêu tổng quát đặt ra cho năm 2009 là: Tiếp tục ưu tiên kiềm chế lạm phát, bảo đảm ổn định dần kinh tế vĩ mô, chăm lo tốt hơn an sinh xã hội, duy trì tăng trưởng hợp lý, bền vững, nâng cao hiệu quả hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 do Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, chúng ta phải tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chính sách tiền tệ, tín dụng và chính sách tài khóa để kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm chi phí, nâng cao chất lượng, hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý; đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, giảm nhập siêu; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; thực hiện thật tốt các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; tăng đầu tư ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hành tiết kiệm; tăng cường công tác đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, phải coi trọng và nâng cao

chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, thông tin tuyên truyền, tạo sự nhất trí, đồng thuận trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và mọi cấp, mọi ngành, quyết tâm tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đã đề ra.

Thưa các đồng chí,

Chúng ta đã đi được nửa chặng đường thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Nhiều chỉ tiêu do Đại hội đề ra đã vượt hoặc cơ bản hoàn thành, song vẫn còn một số chỉ tiêu quan trọng có liên quan mật thiết đến bảo đảm tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế đòi hỏi phải được tập trung chỉ đạo để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kế hoạch. Nhiệm vụ đặt ra trước mắt chúng ta rất nặng nề, phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải nâng cao hơn nữa trí tuệ, tính tiên phong, gương mẫu, tính chiến đấu để lãnh đạo đất nước vượt qua khó khăn, hoàn thành thắng lợi Nghị quyết đã đề ra. Phải tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", thường xuyên sâu sát, nắm bắt thực tiễn cuộc sống, giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh một cách đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển, khắc phục tệ quan liêu, thiếu sâu sát, tăng cường kỷ luật, kỷ cương; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền nhà nước các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ chí công, vô tư, một lòng vì nước, vì dân, được dân tin, dân quý. Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, nhân dân đồng lòng thì nhất định sẽ giành thắng lợi.

Thưa các đồng chí,

Với việc xử lý có kết quả bước đầu nhiệm vụ kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững, một lần nữa đất nước ta lại trải qua một thử thách mới. Qua mỗi lần thử thách, cả dân tộc lại bừng lên sức sống mới, quyết tâm mới, tỏ rõ bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chúng ta tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ do Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục phấn đấu hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ của mình.

Xin cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA X)

Từ ngày 2-10-2008 đến ngày 4-10-2008, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã họp Hội nghị lần thứ tám để thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2008, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Nước ta bước vào thực hiện kế hoạch năm 2008 trong tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp. Trên thế giới, giá dầu, lương thực và nhiều loại vật tư tăng đột biến, kinh tế Mỹ suy thoái, thị trường tài chính thế giới biến động đã tác động tiêu cực đến kinh tế các nước, nhất là các nước đang phát triển, kém phát triển, trong đó có nước ta. Ở trong nước, từ cuối năm 2007, một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô có dấu hiệu không tốt và tình hình đó đã tiếp tục tác động sang năm 2008; giá nhiều vật tư quan trọng cho sản xuất, chỉ số giá tiêu dùng, mức nhập siêu, các chỉ số về tổng

phương tiện thanh toán, tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế đều tăng cao hơn nhiều so với các năm trước. Thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh diễn ra liên tiếp gây thiệt hại lớn đối với sản xuất và đời sống nhân dân.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 22-KL/TW, ngày 4-4-2008; trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP, ngày 17-4-2008 đề ra tám nhóm giải pháp để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững; Quốc hội đã ra nghị quyết về một số vấn đề kinh tế - xã hội năm 2008 trong tình hình mới, theo đó, điều chỉnh chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 từ 8,5% xuống 7%, phấn đấu kiềm chế lạm phát trong những tháng còn lại của năm 2008. Tại Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận, cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm, các giải pháp chủ yếu trong sáu tháng cuối năm 2008. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị ra Kết luận số 25-KL/TW, ngày 5-8-2008, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 20/2008/NQ-CP, ngày 29-8-2008 tiếp tục thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững.

Với quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, sự đồng thuận và ủng hộ của toàn dân, đến nay, tuy vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng tình hình kinh tế - xã hội đất nước đã có những chuyển biến tích cực. Việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đã

đạt được những kết quả bước đầu có ý nghĩa quan trọng; nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao trong điều kiện rất nhiều khó khăn; an sinh xã hội được quan tâm và triển khai thực hiện có kết quả; các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, bảo vệ môi trường được chú trọng và tiếp tục phát triển; cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có một số chuyển biến; hoạt động đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế đạt nhiều kết quả; chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm... Từ thực tiễn và kết quả đạt được trong năm qua, Đảng, Nhà nước ta có thêm những kinh nghiệm có giá trị trong lãnh đạo, quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, kinh tế nước ta vẫn còn không ít khó khăn. Lạm phát còn cao, nhập siêu còn lớn, các cân đối vĩ mô chưa vững chắc; tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, chất lượng, hiệu quả còn thấp; sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn; đời sống nhân dân, nhất là những người lao động, cán bộ, công chức, người trong diện hưởng bảo hiểm và trợ cấp xã hội có thu nhập thấp, người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai còn nhiều khó khăn; việc xử lý một số vấn đề xã hội bức xúc còn hạn chế; cải cách hành chính chậm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hành tiết kiệm chưa đạt kết quả như mong muốn; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên một số địa bàn vẫn phức tạp; công tác chỉ đạo điều hành tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa

đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Đây là những vấn đề cần tập trung khắc phục trong thời gian tới.

Năm 2009 là năm có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức do những biến động phức tạp trên thế giới và hạn chế, yếu kém của nền kinh tế, nhưng chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản: chính trị - xã hội ổn định, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng cao, niềm tin vào triển vọng phát triển của đất nước được giữ vững, nội lực, tiềm năng phát triển của đất nước còn lớn, quá trình đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được đẩy mạnh, những kết quả và kinh nghiệm bước đầu có ý nghĩa quan trọng của năm 2008... Đây là cơ sở và điều kiện quan trọng cho sự phát triển của đất nước năm 2009 và những năm sau.

Trên cơ sở dự báo, phân tích tình hình thế giới và đất nước, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Ban Chấp hành Trung ương đã xác định mục tiêu tổng quát cho năm 2009 là: tiếp tục ưu tiên kiềm chế lạm phát theo hướng giảm dần, phấn đấu đến năm 2010 đưa tốc độ lạm phát xuống một con số, ổn định dần kinh tế vĩ mô; bảo đảm tốt hơn an sinh xã hội; duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, bền vững; nâng cao hiệu quả hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 do Đại hội X của Đảng đề ra.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, cần tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; tháo gỡ mọi khó khăn, vướng mắc, khuyến khích đầu tư, nhất là đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế; tạo mọi điều kiện để khuyến khích xuất khẩu, giảm nhập siêu và bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; thực hiện mạnh mẽ các biện pháp tạo việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội; tiếp tục tăng đầu tư ngân sách nhà nước và đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hành tiết kiệm; tăng cường hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng công tác thông tin, tư tưởng; đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy những kết quả đã đạt được trong

năm 2008, khắc phục những hạn chế, yếu kém, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2008 và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 188-TB/TW, ngày 7 tháng 10 năm 2008

Về đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020

Sau khi xem xét Báo cáo của Văn phòng Trung ương Đảng về "Một số kết quả sau một năm rưỡi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020" (số 5575-CV/VPTW, ngày 19-8-2008), để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ đạo các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả những việc sau đây:

1. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, có hệ thống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí chiến lược của biển, đảo. Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường thông tin về biển, đảo, về ý nghĩa

quan trọng của phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường biển và giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia trên biển. Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu đưa nội dung về chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam đối với các vùng biển, đảo vào các chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục các cấp.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các bộ, ngành chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về biển, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo hành lang pháp lý cho công tác điều tra, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ tăng cường đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, các địa phương thực hiện chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP, ngày 30-5-2007 của Chính phủ), các đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy các cấp, các ngành, các địa phương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 ở ngành, cấp, địa phương mình, trong đó tập trung làm tốt một số công tác sau đây:

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội biển, đảo, thể hiện được sự kết hợp giữa các ngành và địa phương, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên từng vùng biển, đảo.

- Xây dựng và thực hiện các chính sách về tài chính, tín dụng, giải quyết việc làm, xúc tiến thương mại, chuyển đổi nghề...

cho từng lĩnh vực, ngành nghề có liên quan tới kinh tế biển; khuyến khích khai thác hải sản xa bờ vừa sản xuất, vừa giữ gìn chủ quyền an ninh biển, đảo; chính sách đối với các lực lượng làm nhiệm vụ trên biển, đảo; chính sách ưu đãi đặc biệt đối với các hộ dân ra sinh sống ổn định lâu dài trên các đảo, nhất là sinh sống trên quần đảo Trường Sa; chính sách bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, học tập cho nhân dân vùng biển, đảo; chính sách khuyến khích nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế biển; chính sách và kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, thu hút lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao cho phát triển kinh tế biển.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh tế biển, đảo. Tăng tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển cơ sở hạ tầng biển, đảo. Trước mắt, tập trung đầu tư các tuyến giao thông ven biển, các công trình dân sinh kết hợp quốc phòng trên tuyến biển, đảo; cảng cá, bến cá; khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu, thuyền; khu dịch vụ hậu cần nghề cá. Tập trung đầu tư xây dựng nhanh một số cảng biển hiện đại, đồng thời phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng sau cảng. Xây dựng các nhà máy đóng tàu và sửa chữa tàu biển. Phát triển nhanh, mạnh đội tàu biển Việt Nam theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Tăng cường đầu tư hệ thống nước sinh hoạt, điện thắp sáng, trường học, trạm xá ở các khu vực ven biển, hải đảo. Hoàn thiện dự án phủ sóng thông tin di động khu vực quần đảo Trường Sa và 100% các đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Hỗ trợ ngư dân trang bị thiết bị đầu cuối thu phát tín hiệu phục vụ phòng, chống thiên tai trên biển và phát triển kinh tế biển.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu thành lập các doanh nghiệp dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển để vừa làm nhiệm vụ thu mua hải sản khai thác của ngư dân, vừa cung cấp các dịch vụ cần thiết cho tàu, thuyền hoạt động dài ngày trên biển.

- Đẩy mạnh tiến độ công tác điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển theo kế hoạch đã được phê duyệt; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên, khoáng sản, môi trường vùng biển và ven biển, nguồn lợi ngư trường xa vùng biển Đông và Tây Nam Bộ, nguồn lợi ven bờ, trên cơ sở đó xác định vùng, khu vực cấm khai thác.

- Đầu tư nâng cao năng lực về mọi mặt cho cơ quan quản lý nhà nước về biển các cấp. Tập trung nguồn vốn ngân sách đầu tư mới, nâng cấp tàu, thuyền, trang thiết bị cho các lực lượng điều tra tài nguyên, môi trường biển, lực lượng hải quân, cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, hải quan làm nhiệm vụ trên biển.

- Phân cấp quản lý về biển giữa Trung ương và địa phương, thống nhất ranh giới quản lý biển giữa các địa phương ven biển. Chỉ đạo thống nhất và tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế biển của các địa phương, sự phối hợp về quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương. Thí điểm mô hình quản lý cộng đồng một số vùng nước ven biển.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo Nhà nước về Biển Đông - Hải đảo từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố có biển; khẩn trương kiện toàn tổ chức Tổng cục Biển và Hải đảo để sớm đi vào hoạt động.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế biển, đảo, nhất là trong lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, thăm dò và khai thác dầu khí; xây dựng cơ sở hạ tầng ven biển và hải đảo.

- Tăng cường kiểm tra, kiên quyết xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường biển và vùng ven biển.

4. Giao Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 190-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2008

Về Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh

Xét đề nghị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh về việc tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Tờ trình số 06-TTr/HVCT-HCQG, ngày 11-6-2008); sau khi lấy ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh về tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm tiếp tục làm rõ và tuyên truyền mạnh mẽ về tư tưởng, sự nghiệp, cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; góp phần đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

2. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tổ chức Hội thảo, trình Ban Bí thư xem xét.

- *Về cơ quan tổ chức Hội thảo:* bổ sung đại diện Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và có thể mời UNESCO tham gia.

- *Về thành phần tham dự Hội thảo:* mời thêm một số nhà hoạt động chính trị - xã hội, nhà khoa học của Nhật Bản, một số nước trong ASEAN (Thái Lan, Malaixia, Inđônêxia, Xingapo...); một số tổ chức quốc tế và đại sứ quán một số nước tại Việt Nam có quan hệ tốt lâu nay với ta.

- *Về chương trình Hội thảo:* ngoài 2 ngày Hội thảo, nên có nội dung tham quan thực tế một số di tích lịch sử về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Hội thảo cần phải được chuẩn bị chu đáo, tổ chức trang trọng, có chất lượng cao, hiệu quả, tiết kiệm. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng dự toán kinh phí, Bộ Tài chính thẩm định, phê duyệt, cấp từ nguồn ngân sách nhà nước cho Hội thảo.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 191-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2008

Về triển khai xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D khu trung tâm chính trị Ba Đình

Tại phiên họp ngày 9-10-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng được sự ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về việc triển khai xây dựng Nhà Quốc hội (số 33-BC/BCSĐ, ngày 23-9-2008), ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Văn bản số 1944/TB-VPQH, ngày 27-9-2008), Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D, khu trung tâm chính trị Ba Đình theo Thông báo kết luận số 154-TB/TW, ngày 2-5-2008 của Bộ Chính trị; đồng thời, trong dự án kiến trúc Nhà Quốc hội có phương án bảo tồn các di tích có giá trị mới phát hiện trong 20m phía đông khuôn viên Hội trường Ba Đình hiện nay để nhân dân tham quan.

2. Cùng với việc xây dựng Nhà Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo, giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp

với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Viện Khoa học xã hội Việt Nam và các bộ, ngành có liên quan lập quy hoạch tổng thể Công viên lịch sử văn hóa tại khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (bao gồm cả khu 18 Hoàng Diệu), trình Bộ Chính trị, Chính phủ phê duyệt (cần thuê tư vấn nước ngoài có năng lực, kinh nghiệm tham gia quy hoạch). Trên cơ sở quy hoạch tổng thể được phê duyệt, cần bố trí vốn để triển khai xây dựng từng dự án thành phần, bảo đảm việc xây dựng Nhà Quốc hội được thực hiện đồng bộ, hài hòa với xây dựng Công viên lịch sử văn hóa trung tâm Hoàng thành Thăng Long, tạo cảnh quan đẹp cả khu vực này.

Giao Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các bộ, ngành liên quan tích cực vận động, tuyên truyền ở trong nước và ngoài nước tôn vinh giá trị di sản khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội để UNESCO xem xét công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ căn cứ Kết luận này của Bộ Chính trị khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để tạo sự đồng thuận xã hội về vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 192-TB/TW, ngày 13 tháng 10 năm 2008

Về các dự án luật trình Quốc hội xem xét, thông qua và cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10-2008)

Tại phiên họp ngày 10-10-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về các dự án luật trình Quốc hội xem xét, thông qua và cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

I- VỀ CÁC DỰ ÁN LUẬT TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA

Cơ bản đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về những vấn đề còn ý kiến khác nhau trong các dự án luật (Báo cáo số 170-BC/ĐĐQHXII, ngày 6-10-2008).

1. Dự án Luật cán bộ, công chức

Dự án Luật này cần thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn các chủ trương, nghị quyết của Đảng về việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Đối với cán bộ, công chức cấp xã, cần quán triệt nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X: "Xây dựng hệ thống chính sách phù hợp và đồng bộ đối với cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn theo hướng: Một số chức danh cán bộ chuyên trách ở xã, phường, thị trấn cần và có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ thì được xem xét chuyển thành công chức nhà nước để tạo sự liên thông trong đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp; các chức danh cán bộ chuyên trách khác không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để trở thành công chức nhà nước thì thực hiện theo chế độ hiện hành, khi được giữ chức vụ do bầu cử thì hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm và thực hiện chế độ bảo hiểm, khi thôi đảm nhiệm chức vụ thì thôi hưởng phụ cấp và đóng bảo hiểm tự nguyện. Cán bộ không chuyên trách thì thực hiện theo hướng khoán kinh phí hoạt động và đóng bảo hiểm tự nguyện. Chính phủ quy định khung số lượng và khung mức phụ cấp để các địa phương thực hiện phù hợp với tình hình cụ thể...".

Chưa nên bổ sung các chức danh phó chỉ huy quân sự, phó trưởng công an, chánh văn phòng đảng ủy cấp xã là cán bộ, công chức và không quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã vào Luật.

Quy định chế độ tiền lương theo hướng cán bộ, công chức được Nhà nước bảo đảm tiền lương tương xứng với chức trách, nhiệm vụ được giao và được điều chỉnh phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ nghiên cứu, thống nhất xác định công việc và số lượng các chức danh cán bộ, công chức ở mỗi loại cơ quan và ở từng cấp trong hệ thống các cơ quan đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; đề xuất cơ chế giám sát việc thực hiện đối với các cơ quan có thẩm quyền quyết định biên chế công chức ở từng loại cơ quan, tổ chức, báo cáo Bộ Chính trị xem xét nhằm khắc phục tình trạng biên chế ngày càng tăng lên, góp phần tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

2. Dự án Luật quốc tịch Việt Nam (sửa đổi)

Tiếp tục duy trì nguyên tắc công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam; đồng thời có quy định rõ, chặt chẽ các điều kiện trong một số trường hợp được đồng thời có quốc tịch nước ngoài để tạo thuận lợi cho việc làm ăn, sinh sống đối với những người Việt Nam ở nước ngoài phải xin nhập quốc tịch nước ngoài nhưng vẫn mong muốn được giữ quốc tịch Việt Nam và những người Việt Nam có quốc tịch nước ngoài, nay trở về nước đầu tư, làm ăn mong muốn được trở lại quốc tịch Việt Nam nhưng vẫn được giữ quốc tịch nước ngoài; về nguyên tắc, không chủ trương cho người nước ngoài nhập quốc tịch Việt Nam. Giải quyết vấn đề quốc tịch là việc làm rất hệ trọng, phải bảo đảm ổn định chính trị, an ninh quốc gia trong mọi tình huống trong điều kiện có đặc thù về lịch sử của cộng đồng người Việt Nam ta khi ra đi định cư ở nước ngoài.

3. Dự án Luật thi hành án dân sự

Cần nghiên cứu, quy định rõ cơ chế bảo đảm, phát huy vai trò, trách nhiệm của ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương trong công tác thi hành án dân sự.

Không nên quy định hệ thống tổ chức của cơ quan thi hành án dân sự trong Luật. Giao Chính phủ tổng kết mô hình hiện hành để có quy định phù hợp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc tổ chức thi hành án dân sự.

Việc thi tuyển, bổ nhiệm chấp hành viên cần bảo đảm tính khả thi nên phải được cân nhắc thật kỹ.

4. Dự án Luật bảo hiểm y tế

Cần quy định Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho nông dân tham gia bảo hiểm y tế; Chính phủ quy định cụ thể mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng giai đoạn.

Về quy định cùng chi trả chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, nên để Quốc hội thảo luận, quyết định.

5. Dự án Luật giao thông đường bộ (sửa đổi)

Đồng ý thành lập quỹ bảo trì đường bộ ở cả Trung ương và địa phương để tạo nguồn kinh phí đáp ứng yêu cầu của công tác bảo trì đường bộ, khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay.

6. Dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

Cần quy định mức thuế suất chung thống nhất; đồng thời xác định lộ trình hợp lý nhằm hạn chế những tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất và nguồn thu ngân sách.

7. Dự án Luật đa dạng sinh học

Nên giao Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đa dạng sinh học trong phạm vi cả nước và Chính phủ phân công trách nhiệm cho các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc quản lý nhà nước về đa dạng sinh học theo quy định

của Luật này, phù hợp với chức năng của từng bộ, ngành, địa phương.

8. Luật công nghệ cao

Đồng ý với những nội dung cơ bản của dự thảo Luật.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận các dự án luật nêu trên, nếu có vấn đề gì cần thiết thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội biểu quyết, thông qua.

II- VỀ CÁC DỰ ÁN LUẬT TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, CHO Ý KIẾN

Đồng ý với Báo cáo và đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội (Báo cáo số 171-BC/ĐĐQHXII, ngày 6-10-2008) trình các dự án luật để Quốc hội thảo luận theo đúng quy định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 193-TB/TW, ngày 13 tháng 10 năm 2008

Về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2009

Tại phiên họp ngày 10-10-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2009, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Cơ bản đồng ý với nội dung Báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội về tình hình thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2008 và dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2009 (Báo cáo số 174-BC/ĐĐQHXII, ngày 9-10-2008).

- Bổ sung dự án Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào chương trình chính thức, rút dự án Luật đầu tư công ra khỏi chương trình (đưa vấn đề đầu tư công vào trong Luật ngân sách nhà nước (sửa đổi)).

- Rà soát, bố trí các dự án luật có mối quan hệ mật thiết với nhau để Quốc hội xem xét trong một kỳ họp nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản pháp luật;

nghiên cứu, cân nhắc có thể chuyển dự án Luật bảo hiểm tiền gửi, Luật giám sát an toàn hoạt động ngân hàng từ chương trình chuẩn bị vào chương trình chính thức để Quốc hội xem xét cùng với Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam (sửa đổi) và Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi).

Lưu ý: Trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi Luật báo chí và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai, cần chỉ đạo làm tốt công tác tổng kết thực tiễn, đánh giá đúng những ưu, khuyết điểm trong quá trình triển khai thi hành luật, xác định rõ những vấn đề tồn tại, vướng mắc, đề xuất các phương án sửa đổi, bổ sung, báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo về chủ trương, định hướng trước khi đưa ra thảo luận, lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 192-QĐ/TW, ngày 13 tháng 10 năm 2008

Về việc thành lập Tổ Biên tập Đề án "Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị Trung ương 9 (khóa X)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008;
- Theo đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Biên tập Đề án "Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị Trung ương 9 gồm 15 đồng chí, do đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng,

Chánh Văn phòng Trung ương Đảng làm Tổ trưởng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ Biên tập có nhiệm vụ xây dựng Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng trình Bộ Chính trị và hoàn chỉnh báo cáo để Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 9 (khóa X).

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
TỔ BIÊN TẬP ĐỀ ÁN
"BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ GIỮA NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG" TRÌNH HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 9 (KHÓA X)

(Kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 192-QĐ/TW, ngày 13-10-2008)

1- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ trưởng.

2- Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ phó.

3- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

4- Đồng chí Nguyễn Bắc Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

5- Đồng chí Tạ Minh Châu, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

7- Đồng chí Nguyễn Minh Quang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

8- Đồng chí Nguyễn Đức Hiền, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên.

9- Đồng chí Đinh Hữu Phí, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

10- Đồng chí Nguyễn Hữu Từ, Vụ trưởng Vụ Kinh tế, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

11- Đồng chí Bùi Quang Liễu, Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

12- Đồng chí Lê Quang Vĩnh, Vụ trưởng Vụ Thư ký, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

13- Đồng chí Trần Đức Hoành, Vụ trưởng Vụ Nội chính, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

14- Đồng chí Lê Văn Hùng, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

15- Đồng chí Trịnh Xuân Toản, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật và cải cách tư pháp, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 193-QĐ/TW, ngày 13 tháng 10 năm 2008

Về việc thành lập Tổ Biên tập "Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị Trung ương 9 (khóa X)

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008;
- Theo đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Biên tập "Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị Trung ương 9 gồm 10 đồng chí, do đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng làm Tổ trưởng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ Biên tập có nhiệm vụ xây dựng dự thảo Báo cáo để trình Bộ Chính trị và hoàn chỉnh Báo cáo để Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 9.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách kèm theo thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
TỔ BIÊN TẬP "BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ VÀ BAN BÍ THƯ GIỮA NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG "

(Kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 193-QĐ/TW, ngày 13-10-2008)

1- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ trưởng.

2- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ phó.

3- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương.

4- Đồng chí Phạm Thị Hòe, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

5- Đồng chí Lê Quang Vĩnh, Vụ trưởng Vụ Thư ký, Văn phòng Trung ương Đảng.

6- Đồng chí Nguyễn Hữu Từ, Vụ trưởng Vụ Kinh tế, Văn phòng Trung ương Đảng.

7- Đồng chí Bùi Quang Liễu, Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Văn phòng Trung ương Đảng.

8- Đồng chí Trịnh Châu Giang, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương Đảng.

9- Đồng chí Dương Huy Toàn, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương Đảng.

10- Đồng chí Trịnh Xuân Toản, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật và cải cách tư pháp, Văn phòng Trung ương Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 27-CT/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2008

Về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009

Ở nước ta, từ ngày hòa bình lập lại (năm 1954) đến nay, đã 6 lần tiến hành tổng điều tra dân số: Năm 1960 và 1974 ở miền Bắc, năm 1976 ở miền Nam và các năm 1979, 1989, 1999 trên phạm vi cả nước. Ngày 10-7-2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg về việc tổ chức tổng điều tra dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước vào thời điểm 0 giờ ngày 1-4-2009.

Tổng điều tra dân số và nhà ở lần này nhằm thu thập các thông tin cơ bản về dân số và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn 2000 - 2009 và định hướng xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn 2010 - 2020. Tổng điều tra còn cung cấp các thông tin giám sát việc thực hiện "Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ" của Liên hợp quốc mà Việt Nam đã cam kết.

Tổng điều tra dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước là công việc rất lớn và phức tạp, liên quan đến các cấp, các ngành và mỗi người dân. Do vậy, để thực hiện thắng lợi cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1-4-2009, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng viên quán triệt và thực hiện tốt các công việc sau đây:

1. Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn phải tổ chức quán triệt đến chi bộ và đảng viên nhận thức rõ về mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1-4-2009; coi tổng điều tra dân số năm 2009 là công tác quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, của tất cả các ngành, các cấp; cần được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, hoàn thành đồng bộ ở tất cả các địa bàn điều tra.

2. Lãnh đạo các cơ quan thông tin truyền thông tuyên truyền, giải thích, vận động cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung, phương pháp, đối tượng và quy trình điều tra của cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở để thực hiện một cách thống nhất. Quan tâm đến công tác tư tưởng ở những địa bàn vừa có điều chỉnh địa giới hành chính, địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc ít người, đề phòng kẻ xấu lợi dụng, xuyên tạc mục tiêu của cuộc tổng điều tra.

3. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác chuẩn bị, tạo điều kiện cho công tác điều tra dân số và nhà ở tiến hành thuận lợi, chính xác. Tổ chức tốt khâu xử lý, tổng hợp và phổ biến số liệu điều tra để kịp thời phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

đất nước; chú ý bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật, nhất là bảo mật thông tin cá nhân và những thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ tổng kết và báo cáo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Căn cứ Chỉ thị này, các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch, lãnh đạo, thường xuyên theo dõi, kiểm tra và đề ra các biện pháp thực hiện phù hợp với tình hình, đặc điểm của ngành mình, địa phương mình. Các tổ chức mặt trận, đoàn thể quần chúng tăng cường phối hợp với chính quyền các cấp, vận động quần chúng thực hiện có hiệu quả Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 195-TB/TW, ngày 23 tháng 10 năm 2008

Về đặt tượng Bác Hồ tại hai thành phố của Mêhicô

Xét đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đặt tượng Bác Hồ tại Thủ đô Mêhicô và thành phố Acapulco (Công văn số 34/BVHTTDL-HTQT, ngày 17-9-2008); sau khi lấy ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đồng ý với đề nghị của Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cho phép đặt tượng Bác Hồ tại Thủ đô Mêhicô và thành phố Acapulco của Mêhicô.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan xây dựng phương án cụ thể về việc đặt tượng Bác tại hai địa điểm trên (mẫu tượng, kiểu dáng, kích cỡ, phối cảnh không gian nơi đặt tượng...), trình Ban Bí thư xem xét.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 196-TB/TW, ngày 27 tháng 10 năm 2008

Về kết quả sau 5 năm thành lập tỉnh, 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Lai Châu

Thực hiện Chương trình công tác năm 2008 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ngày 16-10-2008, tại Hà Nội, đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Ban Bí thư đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu "về kết quả sau 5 năm thành lập tỉnh và 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết XI Đảng bộ tỉnh Lai Châu". Cùng dự buổi làm việc có đại diện lãnh đạo các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Báo Nhân dân, Hội Nhà báo Việt Nam.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo, ý kiến phát biểu của đồng chí

Trương Vĩnh Trọng và ý kiến của các bộ, ban, ngành Trung ương, đồng chí Thường trực Ban Bí thư kết luận:

1. Lai Châu là một tỉnh mới thành lập được 5 năm và còn có rất nhiều khó khăn: diện tích rộng, dân số ít, địa hình hiểm trở, chia cắt; điểm xuất phát kinh tế thấp, hạ tầng yếu kém, giao thông đặc biệt khó khăn; nhiều hộ nghèo, trình độ dân trí thấp; trình độ, đội ngũ cán bộ thiếu và yếu. Tuy vậy, Lai Châu cũng có nhiều thuận lợi cơ bản: đất đai trù phú, có tiềm năng lớn về thủy điện, khoáng sản, trồng cây công nghiệp, thảo dược, chăn nuôi đại gia súc, du lịch...

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lai Châu đã phát huy thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, đã đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (bình quân ba năm 2006 - 2008 đạt 15%/năm), đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra và tăng gần 2 lần so với năm 2004. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, an ninh lương thực được bảo đảm; rừng phát triển khá. Đặc biệt đã mạnh dạn trồng mới gần 1.000ha cao su, tạo hướng đi mới trong phát triển kinh tế của tỉnh. Thu ngân sách tăng (năm 2008 thu đạt 103% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội, tăng 125% so với năm 2005); xây dựng cơ sở hạ tầng được đẩy mạnh; hoạt động kinh tế cửa khẩu bước đầu có hiệu quả; công tác di dân tái định cư thủy điện có nhiều cố gắng (đã di chuyển các hộ thuộc công trình thủy điện Sơn La đạt 88% kế hoạch); đã quy hoạch được ba vùng kinh tế của tỉnh.

- Lĩnh vực xã hội có nhiều chuyển biến tích cực: Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học, 51% xã, phường đạt phổ cập trung học

cơ sở, trường dân tộc nội trú dân nuôi tiếp tục được đầu tư, trung tâm học tập cộng đồng tăng; hệ thống y tế từ tỉnh đến xã, bản được củng cố, phát triển; số hộ nghèo giảm mạnh (năm 2008 tỷ lệ hộ nghèo còn 36,9%, giảm 23,7% so với năm 2005).

- An ninh, quốc phòng được giữ vững, chủ quyền biên giới quốc gia được bảo toàn; mối quan hệ hữu nghị, truyền thống giữa tỉnh Lai Châu với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) ngày càng được củng cố.

- Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến: chú trọng củng cố cơ sở đảng yếu kém; xóa bản "trắng" đảng viên và bản "trắng" chi bộ; công tác cán bộ có nhiều cố gắng, công tác vận động quần chúng có đổi mới; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và cải cách hành chính bước đầu đạt được một số kết quả.

Tuy vậy, Lai Châu cũng còn những hạn chế, thiếu sót:

- Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa bền vững; chưa xác định được lĩnh vực đột phá và lối ra cho nền kinh tế của tỉnh; còn một số chỉ tiêu kinh tế đạt thấp so với Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh đã đề ra; một số kết quả đạt được thiếu vững chắc (xóa đói, giảm nghèo, phổ cập giáo dục...).

Quy mô kinh tế còn nhỏ; cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm; công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng trưởng yếu; tỷ lệ che phủ rừng thấp; nguồn nhân lực thiếu, cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi còn nhiều yếu kém. Lai Châu còn là một tỉnh nghèo, đặc biệt khó khăn; còn tiềm ẩn một số nhân tố gây mất ổn định (di dân tự do, truyền đạo trái phép, ma túy).

- Năng lực lãnh đạo, triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết của một số cấp ủy đảng còn yếu, năng lực của đội ngũ

cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế; công tác cải cách hành chính còn nhiều lúng túng và chưa có hiệu quả rõ rệt.

2. Về một số nhiệm vụ từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh và chuẩn bị cho nhiệm kỳ tới.

Cơ bản tán thành với những nội dung Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu do Đại hội XI Đảng bộ tỉnh đề ra:

a) Tập trung rà soát các chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh; phân tích làm rõ nguyên nhân của các mục tiêu đạt thấp và chưa đạt; xác định giải pháp để quyết tâm thực hiện bằng được các mục tiêu do Đại hội đề ra. Chú ý công tác quy hoạch và chất lượng quy hoạch; cần rà soát kỹ quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành, trong các quy hoạch phải chú ý đến bảo vệ môi trường và tránh được sai lầm, khuyết điểm của một số địa phương khác. Lai Châu cần phát triển nhanh, bền vững, nhưng phải mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc vùng Tây Bắc.

b) Phấn đấu để có tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm từ 14 - 15% và chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chú ý hạ tầng giao thông, thủy lợi, thủy điện vừa và nhỏ. Đối với những công trình liên quan đến thủy điện Sơn La (đường tránh ngập, tái định cư) phải quyết tâm phấn đấu đạt cho bằng được tiến độ, kế hoạch đề ra. Quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế ba vùng đã được quy hoạch, gắn sản xuất với thị trường và bảo đảm an ninh lương thực.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của cửa khẩu Mà Lù Thàng, tổ chức và quản lý chặt chẽ việc cấp phép, khai thác,

chế biến khoáng sản (đất hiếm, vàng...). Trong khai thác, chế biến, phải coi trọng bảo vệ môi trường sinh thái, đặc biệt là môi trường sống, sản xuất trước mắt và lâu dài của nhân dân.

Làm tốt công tác quản lý, trồng và bảo vệ rừng, phấn đấu nâng tỷ lệ che phủ rừng bằng mức chung của cả nước.

Trồng cây cao su là việc làm mạnh dạn và cần thiết, thể hiện quyết tâm cao của cấp ủy song cần chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể với bước đi thích hợp, tránh làm theo phong trào.

c) Giải quyết tích cực các vấn đề xã hội: giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, không để tăng hộ cận nghèo; giữ vững thành quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện bằng được mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở song phải bảo đảm chất lượng. Đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo cho đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm hơn nữa đến trường dân tộc nội trú; chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; củng cố mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

d) Xây dựng hệ thống chính trị các cấp, đặc biệt là chăm lo củng cố cơ sở đảng ở thôn, bản; chăm lo, bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới và phấn đấu các bản đều có đảng viên, hầu hết các bản có chi bộ; tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp. Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Coi trọng chất lượng cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ các cấp cho các nhiệm kỳ tiếp theo.

3. Về một số kiến nghị của tỉnh

Ban Bí thư cơ bản tán thành các kiến nghị của tỉnh, giao các bộ, ban, ngành chức năng ở Trung ương giải quyết cụ thể:

- Về cơ chế, chính sách đầu tư:

Tiếp tục thực hiện kết luận tại Thông báo số 92-TB/VPTW, ngày 28-10-2005 của Văn phòng Trung ương Đảng về ý kiến kết luận của Bộ Chính trị góp ý vào các báo cáo trình Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Lai Châu: "Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tham mưu cho Chính phủ ra quyết định riêng cho Lai Châu, đồng thời cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị để trong 5 năm tới đưa Lai Châu ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn".

Về việc xin phép được chỉ định thầu tư vấn: Căn cứ nội dung cụ thể của từng dự án, tỉnh báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ.

Về phát triển công nghiệp trên địa bàn, tỉnh cần phát huy kinh nghiệm tiếp thị, tăng thu hút đầu tư từ bên ngoài. Các bộ liên quan cần hỗ trợ Lai Châu về thu hút đầu tư; hướng dẫn hoạt động về xuất nhập khẩu tiểu ngạch; định mức đầu tư về rừng phòng hộ, rừng xung yếu thuộc vùng thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huổi Quảng, Bản Chát.

- Về chính sách hỗ trợ:

Lai Châu cần tiến hành rà soát, đánh giá kết quả hai năm thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TTg, ngày 8-5-2006 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm khoanh nuôi bảo vệ rừng của 21 xã biên giới; từ đó đề nghị Chính phủ cho mở rộng diện tích rừng hiện có được hưởng chế độ, chính sách theo Quyết định 99-QĐ/TTg, ngày 8-5-2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với trồng mới cây cao su: cần khuyến khích nhân dân góp vốn bằng quỹ đất và các nguồn vốn khác của nhân dân được hưởng theo chế độ, chính sách hiện hành để nhân dân

vừa có cổ phần lâu dài tại công ty, vừa có nguồn thu nhập hằng ngày từ việc tham gia lao động trồng, chăm sóc, thu hoạch cây cao su.

Cần bố trí đủ vốn để xây dựng hạ tầng đô thị, đường tránh ngập Thủy điện Sơn La, chủ động phục vụ công trình xây dựng Thủy điện Sơn La đúng tiến độ. Về đầu tư đường Pa Tần - Mường Tè, các bộ, ngành chức năng (Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) nghiên cứu, trình Chính phủ bố trí bằng nguồn vốn trái phiếu chính phủ.

- Đồng ý với đề nghị của tỉnh về việc tăng chỉ tiêu cử tuyển là người dân tộc thiểu số, cử cán bộ đi học ở Trung Quốc. Tỉnh cần làm việc cụ thể với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ.

- Đồng ý về chủ trương để Lai Châu xây dựng tượng đài "Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Lai Châu" và cơ sở in tổng hợp với quy mô thích hợp (gồm Báo Nhân dân và các báo khác, các nhu cầu về in trên địa bàn tỉnh); tỉnh làm đề án cụ thể báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xây dựng hai công trình trên.

Về đề nghị khen thưởng huân chương bậc cao cho Lai Châu, tỉnh cần làm thủ tục theo quy định, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Ban Bí thư đồng ý với chủ trương tổ chức kỷ niệm ba ngày lễ lớn nhân dịp năm chẵn của tỉnh Lai Châu (55 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 60 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh và 100 năm ngày thành lập tỉnh). Song cần lưu ý tỉnh chỉ nên tập trung chính cho việc tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh và ngày thành lập tỉnh (có thể tổ chức hai sự kiện trên vào ngày thành lập Đảng bộ tỉnh).

Tập trung làm tốt công tác tổ chức tuyên truyền bảo đảm ý nghĩa giáo dục sâu sắc, toàn diện về kỷ niệm 55 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ cả ở Trung ương và địa phương bằng nhiều hình thức phong phú và đa dạng, gắn ý nghĩa lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ với những thành tựu của tỉnh sau 100 năm thành lập và 60 năm thành lập Đảng bộ tỉnh. Phối hợp với tỉnh Điện Biên để tổ chức kỷ niệm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ. Việc tổ chức cần trang nghiêm, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, gây lãng phí.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, tỉnh Lai Châu cần khẩn trương xây dựng các nội dung, đề án, kế hoạch xin ý kiến Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương theo thẩm quyền; đồng thời sớm có giải pháp triển khai thực hiện thắng lợi các công việc, nhiệm vụ mà Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ giao.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 199-TB/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2008

Về dự án Luật cán bộ, công chức và dự án Luật quốc tịch Việt Nam (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 3-11-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Luật cán bộ, công chức và dự án Luật quốc tịch Việt Nam (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Về dự án Luật cán bộ, công chức

Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội (Tờ trình số 184-TTr/ĐĐQHXII, ngày 3-11-2008) chỉnh lý lại một số nội dung của dự thảo Luật: không quy định cứng các chức danh cán bộ trong Luật; bổ sung quy định việc áp dụng Luật cán bộ, công chức đối với những người đang làm việc và giữ một số vị trí nhất định trong các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp hoặc một số tổ chức xã hội khác theo hướng:

Đối với những người đang làm việc và giữ một số vị trí nhất định trong các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp hoặc một số tổ chức xã hội khác, bao gồm những chức danh

lãnh đạo, quản lý được Đảng, Nhà nước điều động, phân công và những người đã được các tổ chức này tuyển dụng, bổ nhiệm theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước duyệt thì giao cho cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng Luật cán bộ, công chức đối với họ (như quy định tại khoản 2, Điều 84, dự thảo Luật ngày 3-11-2008).

Về dự án Luật quốc tịch Việt Nam (sửa đổi)

Cần quán triệt, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 192-TB/TW, ngày 13-10-2008.

- *Về quy định người có quốc tịch Việt Nam,* nên chọn phương án 1 do Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 184-TTr/ĐĐQHXII, ngày 3-11-2008:

(1) Người có quốc tịch Việt Nam bao gồm người đang có quốc tịch Việt Nam cho đến ngày Luật này có hiệu lực và người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật này.

(2) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà chưa mất quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam trước ngày Luật này có hiệu lực thì vẫn có quốc tịch Việt Nam và trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực phải đăng ký với cơ quan đại diện Việt Nam ở nơi người đó định cư để giữ quốc tịch Việt Nam. Trình tự, thủ tục đăng ký theo quy định của Chính phủ.

- *Về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam,* cần quy định thật chặt chẽ các trường hợp công dân nước ngoài và người không có quốc tịch được nhập quốc tịch Việt Nam, đặc biệt là điều kiện về thời hạn đã thường trú ở Việt Nam (điểm d, khoản 1, Điều 19, dự thảo Luật ngày 3-11-2008). Nếu quy định

trong Luật có vấn đề gì vướng mắc thì giao cho Chính phủ quy định.

- *Về trình tự, thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch,* nên giữ như quy định của Luật hiện hành.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 200-TB/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2008

Về Báo cáo bổ sung tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2008 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2009

Tại phiên họp ngày 3-11-2008, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính được sự ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo bổ sung về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2008 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2009, ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận, kết luận:

1. Cơ bản tán thành với các nội dung nêu trong báo cáo bổ sung của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2008 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2009, đồng thời lưu ý một số vấn đề sau:

1.1- Từ tháng 10-2008, tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến rất nhanh và phức tạp do ảnh hưởng

của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới ngày càng lan rộng. Vì vậy, việc Ban Cán sự Đảng Chính phủ có báo cáo bổ sung phân tích những tác động xấu của kinh tế thế giới ảnh hưởng trực tiếp đối với Việt Nam để có chủ trương, giải pháp ứng phó là cần thiết.

1.2- Về mục tiêu tổng quát của kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2009

Tán thành việc điều chỉnh và xác định lại mục tiêu tổng quát là: "Tiếp tục kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, bền vững, *chủ động ngăn ngừa suy giảm,* bảo đảm an sinh xã hội; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động và có hiệu quả; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010...".

1.3- Về phương án tăng trưởng kinh tế và dự toán ngân sách năm 2009

- Tán thành lựa chọn phương án dự kiến mức tăng trưởng kinh tế năm 2009 là khoảng 6,5%.

- Tán thành việc điều chỉnh lại dự toán ngân sách năm 2009 như Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề nghị để phù hợp với tình hình giá dầu thô và nhiều mặt hàng xuất khẩu đã giảm. Đồng thời, cần tiếp tục theo dõi diễn biến của tình hình để chủ động bố trí hợp lý các khoản chi lớn, nhất là chi về tiền lương.

1.4- Về giải pháp, chính sách

- Chính sách tiền tệ: Lưu ý thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ nhưng linh hoạt với cả hai công cụ lãi suất và tỷ giá.

- Chính sách tài khóa: Thực hiện chính sách miễn giảm thuế, giãn tiến độ thu thuế có thời hạn đối với một số doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ để giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp.

- Về doanh nghiệp nhà nước, cần báo cáo cụ thể để các đại biểu Quốc hội nhận thức đúng về một số khoản đầu tư cần thiết cho một số ít tập đoàn và tổng công ty nhà nước. Cần khẳng định vị trí chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân để có các chính sách, biện pháp quản lý phù hợp, phát huy được mặt tích cực, đồng thời khắc phục những mặt khuyết điểm, hạn chế của doanh nghiệp nhà nước.

2. Trên cơ sở kết luận của Bộ Chính trị và các ý kiến tại Hội nghị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh báo cáo trình Quốc hội quyết định và ra nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2009.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 31-KL/TW, ngày 6 tháng 11 năm 2008

Về việc thành lập Đảng bộ toàn Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Tại phiên họp ngày 4-11-2008, xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương về thành lập Đảng bộ toàn Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (số 266-TTr/BTCTW, ngày 27-10-2008), sau khi thảo luận, Ban Bí thư kết luận như sau:

- Đảng bộ toàn Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam được thành lập theo mô hình Đảng bộ toàn Tập đoàn, bao gồm: Đảng bộ Công ty mẹ Tập đoàn, Đảng bộ Khối Dầu khí (tại Thành phố Hồ Chí Minh), Đảng bộ Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, Đảng bộ Trường Đào tạo nhân lực dầu khí (Bà Rịa - Vũng Tàu) và Đảng bộ Ban Quản lý dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất (Quảng Ngãi).

- Giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 201-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 2008

Về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã

Tại phiên họp ngày 11-11-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 186/ĐĐQH12, ngày 11-11-2008) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về một số vấn đề thuộc nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về thực hiện chủ trương thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã

- Tại kỳ họp này, đề nghị Quốc hội thông qua Nghị quyết về thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

- Việc thí điểm nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã do còn nhiều ý kiến khác nhau, cần phải cân nhắc thận trọng, có bước đi thích hợp. Do vậy, chưa tiến hành thí điểm nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã trong dịp này; Bộ Chính trị sẽ báo cáo Ban Chấp hành Trung ương xem xét và thực hiện vào thời điểm thích hợp.

2. Về phạm vi thực hiện thí điểm việc không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường

Giao Chính phủ dự kiến danh sách các địa phương thực hiện thí điểm, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định. Không nên quy định cụ thể số lượng các địa phương thực hiện thí điểm ngay trong Nghị quyết của Quốc hội.

3. Về thời gian thực hiện thí điểm việc không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường

Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội, thời gian bắt đầu thực hiện thí điểm từ ngày kết thúc nhiệm kỳ 2004 - 2009 của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp và kết thúc thí điểm vào thời điểm phù hợp do Quốc hội quyết định.

4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết thực hiện thí điểm việc không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường

Đồng ý phương án Quốc hội thông qua Nghị quyết chung về thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, quy định rõ một số nguyên tắc làm cơ sở để Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc, chưa phù hợp hoặc mới phát sinh thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 195-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2008

Ban hành Quy trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương thay thế Quy trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành tại Quyết định số 174-QĐ/TW, ngày 8-7-2008 của Bộ Chính trị

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay thế Quy trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (ban hành kèm theo Quyết định số

174-QĐ/TW, ngày 8-7-2008 của Bộ Chính trị) bằng Quy trình ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy trình ban hành kèm theo Quyết định này để ban hành quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên thuộc thẩm quyền của cấp mình cho phù hợp và tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các đồng chí Ủy viên: Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương; lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng; các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương có liên quan, có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY TRÌNH
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG XEM XÉT, THI HÀNH KỶ LUẬT VỚI ĐẢNG VIÊN LÀ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ Chính trị số 195-QĐ/TW, ngày 19-11-2008)

A- BƯỚC CHUẨN BỊ

1. Tổng Bí thư giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành xem xét, xử lý theo quy trình đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (kể cả Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị) có vi phạm (trừ trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra theo Điều 32, Điều lệ Đảng).

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương gửi Bộ Chính trị báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị (gọi tắt là đảng viên) có vi phạm kỷ luật đảng (qua Văn phòng Trung ương Đảng để đưa vào chương trình kỳ họp của Bộ Chính trị).

Văn phòng Trung ương Đảng sao, gửi báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị trước kỳ họp Bộ Chính trị ít nhất 3 ngày.

3. Bộ Chính trị ủy nhiệm cho đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến trước khi Bộ Chính trị họp. Trường hợp đảng viên là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư có vi phạm thì đồng chí Tổng Bí thư hoặc Thường trực Ban Bí thư nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến trước khi Bộ Chính trị họp.

4. Bộ Chính trị họp nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đối với đảng viên vi phạm; thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định thi hành kỷ luật.

5. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng giúp Bộ Chính trị hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương.

6. Văn phòng Trung ương Đảng gửi báo cáo của Bộ Chính trị về việc đề nghị thi hành kỷ luật đến các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương trước kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương ít nhất 3 ngày.

B- BƯỚC TIẾN HÀNH

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương:

Thành phần:

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.
- Đại diện tổ chức đảng nơi đảng viên vi phạm công tác (ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương; đại diện Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).
- Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đại diện Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương.

Nội dung:

1. Đại diện Bộ Chính trị đọc tờ trình đề nghị thi hành kỷ luật đối với đảng viên có vi phạm.

2. Nghe đảng viên vi phạm trình bày bản tự kiểm điểm và đại diện tổ chức đảng nơi đảng viên vi phạm công tác trình bày ý kiến bằng văn bản.

3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo làm rõ thêm những ý kiến khác với kết luận và đề nghị của Bộ Chính trị, khác với ý kiến của đảng viên vi phạm (nếu có).

4. Ban Chấp hành Trung ương họp riêng (có thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đại diện Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương dự) thảo luận, kết luận, biểu quyết hình thức kỷ luật bằng phiếu kín.

Trường hợp Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết thi hành kỷ luật có quá nửa số phiếu biểu quyết có kỷ luật, nhưng không có hình thức nào quá bán thì Bộ Chính trị trình bày làm rõ thêm những nội dung vi phạm của đảng viên đó, Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục thảo luận để biểu quyết lại đến khi có hình thức kỷ luật đạt số phiếu quá bán.

C- BƯỚC KẾT THÚC

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Chấp hành Trung ương hoàn chỉnh thông báo kết luận, quyết định kỷ luật, trình đồng chí Tổng Bí thư ký ban hành.

2. Bộ Chính trị ủy quyền cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương triển khai các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành kỷ luật đối với đảng viên; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan thực hiện quyết định đó.

Trường hợp cần thiết, đại diện Bộ Chính trị trực tiếp triển khai quyết định thi hành kỷ luật đối với đảng viên.

3. Văn phòng Trung ương Đảng lập và lưu trữ hồ sơ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 32-KL/TW, ngày 20 tháng 11 năm 2008

Về những công việc cần làm để triển khai thực hiện các Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X), phân công chỉ đạo chuẩn bị và thời gian hoàn thành các đề án

Tại phiên họp ngày 23-10-2008, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng theo sự chỉ đạo của Ban Bí thư trình về những công việc cần được cụ thể hóa để triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) và dự kiến phân công các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách chỉ đạo chuẩn bị các đề án, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

I- Đối với Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa", cần xây dựng và ban hành các quy chế, quy định sau:

1. Quy chế về cán bộ đoàn.

2. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên.

3. Chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng tài năng trẻ.

4. Giáo dục lý tưởng đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

II- Đối với Nghị quyết về "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", cần xây dựng và ban hành các quy chế, quy định sau:

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và tăng cường công tác tư tưởng đối với trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Đề án phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020 phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học, lý luận, văn hóa và nghệ thuật.

4. Củng cố, kiện toàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các hội thành viên.

5. Chính sách thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài xây dựng đất nước.

6. Xây dựng quy chế về tổ chức các diễn đàn khoa học của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định các chủ trương, chính sách, các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

7. Một số chính sách về sáng tác, nghiên cứu và sử dụng kết quả các sáng tác, nghiên cứu trong thực tiễn.

III- Đối với Nghị quyết về "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn", cần xây dựng và ban hành các quy chế, quy định sau:

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quan điểm lý luận về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Đề án bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

3. Rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung các văn bản luật liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đặc biệt là Luật đất đai, Luật ngân sách nhà nước.

4. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội với dân cư nông thôn, dân cư vùng nông thôn khó khăn, vùng dân tộc, miền núi.

5. Chương trình xây dựng "nông thôn mới" trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

6. Nâng cao vai trò, nhiệm vụ của Hội Nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam.

IV- Phân công chỉ đạo, chuẩn bị và thời gian hoàn thành các đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư (như trong các phụ lục kèm theo. Ngoài ra, còn một số đề án việc chỉ đạo xây dựng, ban hành thuộc thẩm quyền Chính phủ).

Căn cứ vào sự phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí được giao phụ trách từng đề án phổ biến đến các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp để triển khai thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

I- DỰ KIẾN PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 (KHÓA X) VỀ "TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH NIÊN THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA"

STT	Tên đề án trình Ban Bí thư	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
1	Quy chế về cán bộ đoàn	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương (Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp chính)	Quý I-2009
2	Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên	Nguyễn Tấn Dũng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Quý I-2009
3	Chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng tài năng trẻ	Hồ Đức Việt, Phạm Quang Nghị	Ban Tổ chức Trung ương	Quý II-2009
4	Giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi trên các phương tiện thông tin đại chúng	Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Quý III-2009

II- DỰ KIẾN PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 (KHÓA X) VỀ "XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC"

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
	Đề án trình Bộ Chính trị			
1	Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và tăng cường công tác tư tưởng đối với trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế	Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Quý IV-2009
2	Đề án phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020 phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế	Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Quý III-2009
3	Quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học, lý luận, văn hóa và nghệ thuật	Tô Huy Rứa	Ban Cán sự Đảng Viện Khoa học xã hội Việt Nam	Quý II-2009

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
4	Củng cố, kiện toàn Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các hội thành viên	Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Quý II-2009
5	Một số chính sách về sáng tác, nghiên cứu và sử dụng kết quả các sáng tác, nghiên cứu trong thực tiễn	Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	
	Đề án trình Ban Bí thư			
1	Chính sách thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài xây dựng đất nước	Phạm Gia Khiêm	Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao	Quý IV-2009
2	Quy chế về tổ chức các diễn đàn khoa học của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định các chủ trương, chính sách, các dự án phát triển kinh tế - xã hội	Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Quý IV-2009

III- DỰ KIẾN PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 (KHÓA X) VỀ "NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN"

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
	Đề án trình Bộ Chính trị			
1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quan điểm lý luận về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời ky đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Tô Huy Rứa	Hội đồng Lý luận Trung ương	Quý II-2009
2	Đề án bảo đảm an ninh lương thực quốc gia	Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý I-2009
3	Rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung các văn bản luật liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đặc biệt là Luật đất đai, Luật ngân sách nhà nước	Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Quý II-2009
4	Xây dựng hệ thống an sinh xã hội với dân cư nông thôn, dân cư vùng nông thôn khó khăn, vùng dân tộc, miền núi	Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quý III-2009

STT	Tên đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình
5	Nâng cao vai trò, nhiệm vụ của Hội Nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam	Trương Tấn Sang Lê Thanh Hải	Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam	Quý II-2009
	Đề án trình Ban Bí thư			
1	Chương trình xây dựng "nông thôn mới" trong thời ky đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá	Trương Tấn Sang	Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý II-2009

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 202-TB/TW, ngày 21 tháng 11 năm 2008

Về việc tổ chức Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V

Tại phiên họp ngày 18-11-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V và ý kiến của các ban, ngành ở Trung ương, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V được tiến hành trong thời điểm đất nước sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những thời cơ và thách thức mới. Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V cần tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đánh giá đúng kết quả đạt được, những đóng góp to lớn của phong trào nông dân và Hội Nông dân trong nhiệm kỳ qua; chỉ rõ những yếu kém, nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm. Các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu cơ bản của nhiệm kỳ tới vừa phải quán triệt Nghị quyết Đại hội X

của Đảng, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 16-5-2007 của Ban Bí thư về lãnh đạo đại hội hội nông dân các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V, đồng thời cần điều chỉnh cho phù hợp với khả năng và điều kiện thực tế trong nhiệm kỳ. Trong đó, cần hết sức chú ý xác định các cấp hội luôn phải hướng mạnh về cơ sở, nâng cao chất lượng hoạt động của các cấp hội; tích cực tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc của nhân dân. Thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và phong trào "Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng".

2. Về Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam (sửa đổi), Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam tiếp thu ý kiến Ban Bí thư để chỉnh sửa cho phù hợp với vai trò, vị trí của Hội trong giai đoạn phát triển mới.

3. Đồng ý về phương hướng nhân sự như Tờ trình đã báo cáo. Về nhân sự chủ chốt của Hội, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị và trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến. Về Phó Chủ tịch Hội, cần chuẩn bị theo hướng bảo đảm tiêu chuẩn, chú ý cơ cấu các vùng, miền và có nữ.

4. Đồng ý về số lượng đại biểu, khách mời, thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội. Đại hội cần được tổ chức trọng thể, trang nghiêm, tiết kiệm, thiết thực, tránh phô trương, hình thức.

5. Ban Bí thư đồng ý việc nhân dịp Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng bức trướng cho giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam. Về nội dung bức trướng,

giao cho Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các ban đảng, Văn phòng Trung ương Đảng chuẩn bị và trình Ban Bí thư cho ý kiến.

Đồng chí Tổng Bí thư sẽ tới dự, phát biểu chỉ đạo Đại hội và trao tặng bức trướng cho giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam. Giao Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam chủ trì việc chuẩn bị bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư.

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban, ngành ở Trung ương giúp Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tốt Đại hội.

Xin thông báo các đồng chí biết, thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 196-QĐ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2008

Về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư và Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X),

Ban Bí thư quy định về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty nhà nước, ngân hàng thương mại nhà nước (sau đây gọi chung là tổ chức đảng tập đoàn kinh tế, tổng công ty) như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Về tổ chức đảng

1. Tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương; trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy hoặc đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ủy, thành ủy được tổ chức theo hai mô hình:

- Đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

- Đảng bộ công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

2. Đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì tổ chức đảng bộ cơ quan tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Sau khi doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì tổ chức lại theo mô hình đảng bộ công ty mẹ.

II- ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Điều kiện thành lập đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty

Tổ chức đảng toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty được thành lập ở những doanh nghiệp có đủ các điều kiện sau:

- Là tập đoàn kinh tế, tổng công ty hạng đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc phê duyệt đồng ý cho thành lập; có vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; hoạt động của doanh nghiệp gắn kết chặt chẽ với nhau, phần lớn tài chính, sản phẩm, dịch vụ chính, kỹ thuật, công nghệ của các đơn vị thành viên do tập đoàn kinh tế, tổng công ty chi phối.

- Các đơn vị thành viên của tập đoàn kinh tế, tổng công ty đóng trên nhiều địa bàn khác nhau nhưng chi phối không lớn đến nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Đối với đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty thuộc tỉnh ủy, thành ủy hoặc khối doanh nghiệp tỉnh phải có đa số tổ chức đảng trực thuộc đóng trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố.

- Đã lập đảng bộ công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty là đảng bộ mà đảng ủy là cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (hoặc đảng bộ cơ sở mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở); đa số tổ chức đảng thuộc đảng bộ là tổ chức đảng trong các đơn vị thành viên chịu sự chi phối hoạt động của tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thành lập đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty

- Đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương có đề án được Ban Tổ chức Trung ương thẩm định, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương ra quyết định thành lập.

- Đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy có đề án được ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy thẩm định, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ra quyết định thành lập.

- Đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ủy, thành ủy có đề án được ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy thẩm định, đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ủy, thành ủy ra quyết định thành lập.

III- ĐẢNG BỘ CÔNG TY MẸ CỦA TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Thành lập đảng bộ công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty

Tổ chức đảng tập đoàn kinh tế, tổng công ty mà doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (nơi không thành lập đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty) thì thành lập đảng bộ công ty mẹ.

1. Đảng bộ công ty mẹ bao gồm: Tổ chức đảng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp là thành viên của công ty mẹ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; tổ chức đảng cơ quan, văn phòng đại diện tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác.

2. Các đảng bộ, chi bộ doanh nghiệp thành viên còn lại đặt trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy hoặc đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ủy, thành ủy, hoặc huyện ủy, quận ủy, thị ủy... do cấp ủy có thẩm quyền ở địa phương quyết định.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thành lập đảng bộ công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty

- Đảng bộ công ty mẹ trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương do Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

- Đảng bộ công ty mẹ trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định.

- Đảng bộ công ty mẹ trực thuộc đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ủy, thành ủy, do đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ủy, thành ủy quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy.

IV- MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY

Điều 6. Thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở có vị trí quan trọng, có nhiều tổ chức đảng trực thuộc, đông đảng viên

1. Các đảng bộ cơ sở trực thuộc đảng ủy tập đoàn kinh tế,

tổng công ty mà cấp ủy cấp trên trực tiếp của đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty là cấp ủy trực thuộc Trung ương (tỉnh ủy, thành ủy hoặc đảng ủy trực thuộc Trung ương) có các điều kiện sau đây thì được thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở:

- Có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng.

- Có quy mô lớn: Có nhiều đơn vị thành viên là tổ chức cơ sở trong một đơn vị chính quyền; đảng bộ có đông đảng viên, hoạt động trên phạm vi rộng (nhiều tỉnh, thành phố).

- Là đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương xét, quyết định giao cho cấp ủy một số quyền như sau:

- Được lập các cơ quan tham mưu chuyên trách giúp việc (ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan ủy ban kiểm tra, văn phòng đảng ủy).

- Đảng ủy được quyết định thành lập tổ chức cơ sở đảng theo quy định của Bộ Chính trị, sau khi được ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương đồng ý bằng văn bản.

- Ban thường vụ đảng ủy được quyết định kết nạp đảng viên, kỷ luật khai trừ đảng viên, khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên; chuyển sinh hoạt cho tổ chức đảng và đảng viên trực tiếp đến các đảng bộ cấp trên cơ sở.

- Ban thường vụ mỗi tháng sinh hoạt một lần, đảng ủy họp thường lệ ba tháng một lần, họp bất thường khi cần.

3. Việc giao một số quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở do tỉnh ủy, thành ủy hoặc đảng ủy trực thuộc Trung ương quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 7. Chuyển các tổ chức đảng doanh nghiệp về trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương và cấp ủy địa phương

1. Các tổ chức đảng doanh nghiệp nhà nước (hiện đang sinh hoạt trong đảng bộ cơ quan bộ, ngành hoặc địa phương) chuyển về trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương khi có đủ các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc phê duyệt đồng ý cho thành lập, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động rộng trên địa bàn toàn quốc.

- Là đảng bộ mà đảng ủy là cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (hoặc đảng bộ cơ sở mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở).

2. Các tổ chức đảng doanh nghiệp còn lại (ngoài số chuyển về trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương) có trụ sở chính đóng ở địa phương nào thì chuyển về trực thuộc cấp ủy địa phương đó (trừ các tổ chức đảng của các doanh nghiệp công ích, đơn vị sự nghiệp nhỏ có nhiệm vụ phục vụ trực tiếp cho chức năng quản lý hành chính nhà nước của bộ, ngành).

Điều 8. Doanh nghiệp chưa (hoặc không) hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

Thành lập đảng bộ cơ quan hoặc đảng bộ cơ quan mở rộng; các đảng bộ, chi bộ của các đơn vị thành viên đóng ở địa phương nào thì trực thuộc cấp ủy địa phương đó.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của đảng ủy các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước với cấp ủy địa phương trong việc phối hợp công tác

Các đảng ủy toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đảng ủy công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định chung, có nhiệm vụ phối hợp với cấp ủy địa phương (nơi các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn) lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội theo Quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước với cấp ủy địa phương do Ban Bí thư ban hành.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan có liên quan:

1. Hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này đối với các tổ chức đảng của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phù hợp với đặc điểm, vị trí của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

2. Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước với cấp ủy địa phương, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 11. Các tỉnh ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương theo thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, trách nhiệm, quyền hạn của các

đảng bộ tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy định này, phù hợp với đặc điểm của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo hướng dẫn các đảng ủy cơ quan bộ, ngành Trung ương trực thuộc thực hiện việc chuyển giao tổ chức đảng doanh nghiệp về trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương (nếu có) và cấp ủy địa phương liên quan.

Điều 12. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 197-QĐ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2008

Ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước với cấp ủy địa phương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư và Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa X);

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước với cấp ủy địa phương.

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thực hiện quy chế phối hợp công tác,

có kế hoạch triển khai phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương và doanh nghiệp.

Điều 3. Giao Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương theo dõi việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC VỚI CẤP ỦY ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 197-QĐ/TW, ngày 24-11-2008)

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này áp dụng cho đảng ủy toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, đảng ủy công ty mẹ, đảng ủy cơ quan tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, đảng ủy ngân hàng thương mại nhà nước (gọi chung là đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty); cấp ủy đảng doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc, thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (gọi chung là cấp ủy đơn vị thành viên) và các cấp ủy địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) nơi có các đơn vị trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đóng trên địa bàn.

Điều 2. Đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty và cấp ủy địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; phối hợp trong lãnh đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, công tác cán bộ, một số

nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng đoàn thể chính trị - xã hội ở doanh nghiệp và ở địa phương.

Điều 3. Việc phối hợp công tác phải bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của tập đoàn kinh tế, tổng công ty, gắn với sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy địa phương.

II- NỘI DUNG VÀ CÁCH THỨC PHỐI HỢP

Điều 4. Đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty có tổ chức đảng các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn địa phương nhưng không trực thuộc cấp ủy địa phương chủ trì, phối hợp

- *Trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh:* Định kỳ mỗi năm một lần (hoặc khi cấp ủy địa phương có yêu cầu), đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty báo cáo với tỉnh ủy, thành ủy (nơi có các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn) về kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của tập đoàn, tổng công ty; cấp ủy đơn vị thành viên báo cáo với cấp ủy cấp huyện nơi đơn vị đóng trên địa bàn về kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của đơn vị thành viên đóng trên địa bàn có liên quan để phối hợp thực hiện.

- *Trong công tác cán bộ:* Trước khi bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của đơn vị thành viên, đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty lấy ý kiến nhận xét cán bộ của cấp ủy nơi cán bộ cư trú theo quy định. Khi có quyết định bổ nhiệm, điều động cán bộ chủ chốt của đơn vị thành viên đóng trên địa bàn, cấp ủy

đơn vị thành viên thông báo với cấp ủy, chính quyền cấp huyện nơi đơn vị đóng trên địa bàn biết để phối hợp công tác.

- *Trong công tác xây dựng Đảng:* Khi cần thiết, đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty báo cáo với tỉnh ủy, thành ủy về tình hình công tác xây dựng Đảng của đảng bộ; định kỳ mỗi năm một lần, cấp ủy đơn vị thành viên báo cáo với cấp ủy cấp huyện nơi đơn vị đóng trên địa bàn về tình hình công tác xây dựng Đảng ở đơn vị mình để cấp ủy địa phương phối hợp chỉ đạo những vấn đề có liên quan.

Khi có nhu cầu, cấp ủy đơn vị thành viên chủ động đề nghị với cấp ủy địa phương về việc cử cấp ủy viên, đảng viên, đối tượng đảng tham dự các đợt học tập triển khai nghị quyết, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng, lý luận chính trị, bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng đảng viên mới... do cấp ủy địa phương tổ chức trên địa bàn.

Đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty chủ động phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo cấp ủy đơn vị thành viên thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú theo quy định.

- *Trong công tác xây dựng đoàn thể chính trị - xã hội:* Nếu các đoàn thể chính trị - xã hội của đơn vị thành viên không sinh hoạt ở địa phương thì đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty chỉ đạo các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia các phong trào của địa phương nơi đơn vị đóng trên địa bàn theo đề nghị của cấp ủy địa phương phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 5. Đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty có tổ chức đảng các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn địa phương, trực thuộc cấp ủy địa phương chủ trì, phối hợp

- *Trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh:* Định kỳ mỗi năm một lần hoặc khi cần, đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty báo cáo với tỉnh ủy, thành ủy về kế hoạch sản xuất, kinh doanh của tập đoàn kinh tế, tổng công ty liên quan đến địa phương, đến nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của đơn vị thành viên trực thuộc cấp ủy địa phương.

Cấp ủy đơn vị thành viên của tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc cấp ủy địa phương báo cáo với cấp ủy cấp trên trực tiếp (quận ủy, thị ủy, huyện ủy, đảng ủy khối hoặc tỉnh ủy, thành ủy) về nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của đơn vị để cấp ủy cấp trên chỉ đạo thực hiện; đồng thời có trách nhiệm lãnh đạo triển khai thực hiện nghị quyết của đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty về nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh có liên quan đến đơn vị.

- *Trong công tác cán bộ:* Đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty chủ động thông báo với cấp ủy địa phương về yêu cầu, tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp; chủ động trao đổi bằng văn bản với cấp ủy địa phương về nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách hưu trí đối với cán bộ quản lý chủ chốt của doanh nghiệp; lấy ý kiến nơi cư trú theo quy định khi bổ nhiệm. Khi có ý kiến khác nhau thì đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty cùng cấp ủy địa phương thảo luận để thống nhất ý kiến, nếu không thống nhất thì đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty quyết định theo thẩm quyền và

chịu trách nhiệm về quyết định đó; đồng thời, đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty, cấp ủy địa phương cùng báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp.

Khi có quyết định bổ nhiệm, điều động, kỷ luật cán bộ chủ chốt của đơn vị thành viên đóng trên địa bàn, cấp ủy đơn vị thành viên báo cáo với cấp ủy cấp trên trực tiếp (huyện ủy, quận ủy, thị ủy, đảng ủy khối hoặc tỉnh ủy, thành ủy) nơi đơn vị đóng trên địa bàn biết để phối hợp chỉ đạo về công tác đảng.

- *Trong công tác xây dựng Đảng:* Đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty chủ động trao đổi với cấp ủy địa phương là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng các đơn vị thành viên về bộ máy tổ chức, về nhân sự cấp ủy trước khi đại hội, về khen thưởng, kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng các đơn vị thành viên phù hợp với yêu cầu tổ chức sản xuất và đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Trong công tác xây dựng đoàn thể chính trị - xã hội:* Tập đoàn kinh tế, tổng công ty có các đoàn thể chính trị - xã hội sinh hoạt ở địa phương thì chủ động phối hợp với cấp ủy địa phương:

+ Hỗ trợ tổ chức các phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh, công tác xã hội, môi trường, chấp hành nghĩa vụ công dân...

+ Tham gia ý kiến về xây dựng tổ chức, về bố trí nhân sự chủ chốt các đoàn thể của đơn vị thành viên.

+ Khi có sự việc đột xuất (thiên tai, hỏa hoạn, đình công, lãn công...) xảy ra ở doanh nghiệp, đơn vị thành viên thì đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty chủ động phối hợp với cấp ủy địa phương lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời.

+ Xem xét, giải quyết những phản ánh, kiến nghị của các đoàn thể chính trị - xã hội, những vấn đề liên quan đến đơn vị, doanh nghiệp thành viên đóng trên địa bàn theo đề nghị của các đoàn thể chính trị - xã hội và cấp ủy địa phương.

+ Tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể chính trị - xã hội của đơn vị, doanh nghiệp thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ của từng tổ chức theo chỉ đạo của cấp ủy địa phương và đoàn thể chính trị - xã hội cấp trên.

Điều 6. Cấp ủy địa phương chủ trì, phối hợp với đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty

- Trong lãnh đạo thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp ủy, chính quyền địa phương:

+ Cấp ủy, chính quyền địa phương chủ động thông báo với các đơn vị thành viên các nghị quyết, quyết định liên quan đến doanh nghiệp đóng trên địa bàn về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, môi trường, đất đai, tài nguyên, dân số - kế hoạch hóa gia đình... Khi cần thiết, thông báo với đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty có các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn để đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty phối hợp chỉ đạo các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn thực hiện.

+ Khi có tình hình khẩn cấp và yêu cầu đột xuất (thiên tai, hỏa hoạn...), cấp ủy địa phương yêu cầu tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị thành viên triển khai việc điều động cán bộ, người lao động, phương tiện của đơn vị thành viên để thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

+ Cấp ủy, chính quyền địa phương mời đại diện cấp ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty hoặc đại diện cấp ủy đảng đơn vị

thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty đóng trên địa bàn dự các hội nghị tổng kết, sơ kết, hội nghị chuyên đề có liên quan đến đơn vị thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

+ Khi cần, cấp ủy địa phương chủ động trao đổi, đề xuất với đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty về những nội dung trong các nghị quyết, quyết định của cấp ủy địa phương để triển khai thuận lợi trong các đơn vị thành viên.

+ Tổ chức đảng các đơn vị thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty có trách nhiệm chấp hành các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, chính quyền địa phương có liên quan đến đơn vị đóng trên địa bàn.

- Trong lãnh đạo thực hiện một số nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng:

+ Đối với đảng ủy toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty có tổ chức đảng các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn địa phương: cấp ủy huyện, quận thông báo bằng hình thức thích hợp về kế hoạch, nội dung, thời gian mở các lớp học tập nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của cấp ủy địa phương có liên quan; các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng đảng viên mới, bồi dưỡng cấp ủy viên... do cấp ủy địa phương tổ chức để các tổ chức đảng đơn vị thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty đóng trên địa bàn biết, cử người tham dự các lớp theo kế hoạch của cấp ủy địa phương nếu có nhu cầu.

+ Đối với đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty có tổ chức đảng các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn địa phương, trực thuộc cấp ủy địa phương: cấp ủy địa phương chủ động trao đổi ý kiến với đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty trước khi xây dựng quy hoạch cấp ủy, chuẩn bị nhân sự

cấp ủy cho đại hội đảng; xét khen thưởng và đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng hằng năm đối với các đơn vị thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty đóng trên địa bàn; phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát để thực hiện theo đúng quy định.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Định kỳ mỗi năm một lần hoặc khi cần, đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty và tỉnh ủy, thành ủy, cấp ủy đơn vị thành viên và huyện ủy, thị ủy, quận ủy nơi có đơn vị thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty đóng trên địa bàn thông báo bằng hình thức phù hợp những vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động và kế hoạch công tác của mỗi bên để phối hợp lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện.

Điều 8. Khi cần thiết, đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty, cấp ủy đơn vị thành viên đóng trên địa bàn hoặc tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy tổ chức rút kinh nghiệm việc phối hợp công tác.

Điều 9. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy chế này.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 198-QĐ/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2008

Ban hành Quy định về mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ban Cán sự Đảng: Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước với các tổ chức và người đứng đầu tổ chức có liên quan

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước với các

ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy; với tập thể lãnh đạo, đảng ủy cơ quan, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước" *(gọi tắt là Quy định về mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ban Cán sự Đảng: Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước với các tổ chức và người đứng đầu tổ chức có liên quan).*

Điều 2. Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
VỀ MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA BAN CÁN SỰ ĐẢNG: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỚI CÁC TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI ĐỨNG DẦU TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

(Kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 198-QĐ/TW, ngày 25-11-2008)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi phối hợp

1. Đối tượng điều chỉnh trong Quy định này là mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước (sau đây gọi chung là Ban Cán sự Đảng) với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy; với tập thể lãnh đạo, đảng ủy cơ quan, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Phạm vi phối hợp công tác là việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

phối hợp tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những chương trình, đề án công tác lớn có liên quan và chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những đề xuất, quyết định đó; phối hợp giúp đỡ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, đơn vị, địa phương; phối hợp thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên theo phân công, phân cấp.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ, các nghị quyết, quyết định, quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy, tổ chức đảng.

2. Bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự Đảng, của mỗi tổ chức và người đứng đầu tổ chức nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; phát huy dân chủ trong Đảng và trong cơ quan, tăng cường trách nhiệm cá nhân.

3. Bảo đảm quan hệ chặt chẽ, kịp thời, có chất lượng, hiệu quả; các văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 3. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu phối hợp công tác, cơ quan chủ trì có văn bản đề nghị về nội dung, thời gian, kế hoạch, phương pháp tiến hành...; cơ quan được phối hợp trả lời bằng văn bản theo đúng thời gian được đề nghị. Nếu cần có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu thì cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chủ trì biết.

2. Khi cần họp thảo luận nội dung có liên quan hoặc có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan chủ trì chủ động gửi công văn và các văn bản cần thiết cho cơ quan được đề nghị phối hợp.

3. Đối với những nội dung công tác đặc thù cần phải có quy chế phối hợp, Ban Cán sự Đảng và cơ quan có liên quan căn cứ vào các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định này chủ động xây dựng, ban hành quy chế phối hợp công tác.

4. Việc trao đổi, phối hợp cung cấp thông tin được tiến hành bằng nhiều hình thức: giao ban giữa các cơ quan; thông tin bằng văn bản; trao đổi trực tiếp giữa lãnh đạo, chuyên viên, các nhóm công tác. Tăng cường trao đổi trực tiếp để thông tin kịp thời. Tin cung cấp để trao đổi, phối hợp công tác phải được phân loại: tin tham khảo, tin nghiên cứu, tin sử dụng, xử lý.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung công tác cần phối hợp, cơ quan chủ trì có trách nhiệm chủ động nêu yêu cầu, cơ quan được đề nghị có trách nhiệm phối hợp theo quy định.

2. Quan hệ phối hợp công tác được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Trong quá trình phối hợp công tác, sau khi đã thảo luận kỹ mà chưa thống nhất, còn phát sinh những vướng mắc, thì căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết giải thích rõ

lý do và quyết định theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời các cơ quan phối hợp cùng báo cáo lên cấp trên trực tiếp.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP CÔNG TÁC

Điều 5. Phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội

1. Ban Cán sự Đảng chủ động đề xuất và phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề sau:

a) Chủ trương, chính sách, đề án công tác lớn và nhiệm vụ chính trị của ngành cần báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

b) Chủ trương xây dựng các dự án luật, pháp lệnh về lĩnh vực công tác của ngành; chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và đề xuất nhân sự giới thiệu để bầu cử hoặc phê chuẩn vào các chức danh lãnh đạo chủ chốt theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trước khi đưa ra Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận, quyết định.

2. Ban Cán sự Đảng phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội thống nhất nội dung để Đảng đoàn Quốc hội chủ trì lãnh đạo việc thẩm định và đưa các nội dung nêu tại điểm b, khoản 1 Điều này ra Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận, quyết định theo đúng đường lối, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; chủ động phối hợp lãnh đạo tổ chức

triển khai, tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật theo quy định.

3. Ban Cán sự Đảng phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội thống nhất chương trình, kế hoạch để Đảng đoàn Quốc hội chủ trì triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết có liên quan của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần đưa ra Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận, quyết định để thể chế hóa về mặt nhà nước; lãnh đạo triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban Cán sự Đảng.

Điều 6. Phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ

1. Phối hợp lãnh đạo triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, quyết định của Chính phủ có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động của Ban Cán sự Đảng. Phối hợp chặt chẽ trong công tác phòng, chống tham nhũng và vi phạm pháp luật. Phối hợp trong thông báo điều tra, xử lý các vụ án theo tinh thần Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 7-7-2007 của Bộ Chính trị (khóa X).

2. Phối hợp tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư các đề án, chương trình công tác lớn có liên quan và các nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

3. Ban Cán sự Đảng chủ động đề xuất với Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của ngành Tòa án, Kiểm sát, Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phối hợp với ban cán sự đảng các bộ, ngành ở Trung ương

1. Phối hợp lãnh đạo triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức theo đúng đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Phối hợp đấu tranh phòng, chống tham nhũng và phát hiện vi phạm pháp luật; thông báo điều tra, xử lý các vụ án có liên quan đến cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý của ban cán sự đảng các bộ, ngành ở Trung ương theo Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 7-7-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) và theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư các đề án, chương trình công tác lớn có liên quan và các nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao. Phối hợp trong việc bảo đảm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của các ngành Tòa án, Kiểm sát, Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương

1. Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia với Đảng ủy Quân sự Trung ương trong chỉ đạo các nội dung công tác sau:

a) Về chủ trương chỉ đạo điều tra, xử lý các vụ án lớn, phức tạp có liên quan tới quốc phòng, đến cán bộ cấp cao của quân đội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những vấn đề cần phối hợp xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

b) Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ của Tòa án Quân sự, Viện Kiểm sát Quân sự; tham gia về công tác cán bộ của Tòa án Quân sự, Viện Kiểm sát Quân sự theo phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và quy định của pháp luật.

2. Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương để chỉ đạo công tác kiểm toán trong lĩnh vực quốc phòng; phối hợp phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh, phòng, chống tham nhũng trong quân đội theo quy định.

3. Ban Cán sự Đảng phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 20-11-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân.

Điều 9. Phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương

1. Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Đảng ủy Công an Trung ương thường xuyên trao đổi tình hình và phối hợp để thống nhất chủ trương lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; chủ trương chỉ đạo điều tra, xử lý các vụ án lớn, phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chính sách tôn giáo, dân tộc và nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ có danh tiếng lớn; đến chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước, cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, cán bộ công an thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những vấn đề cần phối hợp xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương để chỉ đạo công tác kiểm toán trong lĩnh vực an ninh; trong phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh với tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và công tác phòng, chống tham nhũng.

3. Ban Cán sự Đảng phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo Quy định số 88-QĐ/TW, ngày 1-10-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về tổ chức đảng trong Công an nhân dân.

Điều 10. Phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

1. Phối hợp lãnh đạo triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức; lãnh đạo xây dựng các dự án luật, pháp lệnh; tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thi hành pháp luật có liên quan.

2. Phối hợp tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư các đề án, chương trình công tác lớn có liên quan đến công tác vận động quần chúng và pháp luật.

3. Phối hợp trong thông báo điều tra, xử lý các vụ án có liên quan đến cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý của đảng đoàn, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 11. Phối hợp với Văn phòng Trung ương và các ban của Trung ương Đảng

1. Với Văn phòng Trung ương Đảng:

a)[1] Ban Cán sự Đảng chủ động phối hợp trong việc đề xuất các đề án, chương trình công tác lớn của ngành cần xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phối hợp thực hiện chế độ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư (định kỳ hoặc đột xuất) theo quy định.

Ban Cán sự Đảng phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng đề xuất việc xây dựng, triển khai thực hiện các đề án, chương trình công tác có liên quan; tham gia thẩm định, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các đề án, chương trình công tác theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện chế độ cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ban Cán sự Đảng theo quy định của Ban Bí thư.

2. Với Ban Tổ chức Trung ương:

Ban Cán sự Đảng phối hợp trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương về nội dung các đề án liên quan đến mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của ngành trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến; phối hợp tham mưu, đề xuất và thực hiện công tác nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ của ngành thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Ban Tổ chức Trung ương xác nhận quy hoạch cán bộ, trao đổi với

---

1. Trong tài liệu gốc chỉ có mục "a)" mà không có mục "b". Chúng tôi giữ nguyên như trong bản gốc (*B.T*).

Ban Cán sự Đảng để thẩm định về công tác cán bộ trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo phân cấp quản lý.

3. Với Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

Phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo Điều lệ Đảng và quy định hiện hành; tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, thực hiện các nhiệm vụ có liên quan do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao và quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng của Ban Bí thư.

4. Với Ban Tuyên giáo Trung ương:

Phối hợp tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức. Phối hợp trao đổi thông tin, tổ chức họp báo, định hướng tuyên truyền các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp mà dư luận xã hội quan tâm theo đúng đường lối của Đảng.

5. Với Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương:

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan; phối hợp tham mưu, đề xuất và thực hiện công tác dân vận, công tác đối ngoại của Đảng theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

6. Ban Cán sự Đảng thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất với các ban đảng Trung ương; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương và các ban đảng Trung ương theo quy định. Phối hợp trong

điều tra, xử lý các vụ án có liên quan đến cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý của các ban đảng Trung ương.

Điều 12. Phối hợp giữa Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước

1. Thường xuyên trao đổi thông tin về kết quả kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án có liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của ba ngành; phối hợp giúp đỡ, trao đổi kinh nghiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau để lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của từng ngành. Phối hợp lãnh đạo thực hiện những chủ trương, nội dung công tác lớn có liên quan; thống nhất chủ trương, nội dung các vấn đề cần phối hợp tham mưu, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Phối hợp lãnh đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng pháp luật có liên quan, bảo đảm thống nhất trong hướng dẫn và thực thi pháp luật, đẩy mạnh cải cách tư pháp; về chủ trương, phương hướng lãnh đạo giải quyết các vụ án lớn, phức tạp có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chính sách tôn giáo, dân tộc, nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ có danh tiếng lớn, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước; đến cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý theo Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 7-7-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) và theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phối hợp với đảng ủy khối trực thuộc Trung ương

Ban Cán sự Đảng phối hợp với Đảng ủy Khối Các cơ quan

Trung ương trong lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng ở cơ quan trong sạch, vững mạnh, thực hiện công tác quản lý cán bộ, đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và phân công, phân cấp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Phối hợp trong thông báo, điều tra, xử lý các vụ án có liên quan đến cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý của các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương.

Điều 14. Phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

1. Ban Cán sự Đảng chủ trì, phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy:

a) Lãnh đạo triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương công tác lớn của ngành. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng ngành phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy trong lãnh đạo bảo đảm sự thống nhất trong thực thi pháp luật, phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh, thành phố. Phối hợp trong thông báo điều tra, xử lý các vụ án có liên quan đến cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý của tỉnh ủy, thành ủy theo Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 7-7-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) và theo quy định của pháp luật.

b) Nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc diện Ban Cán sự Đảng quản lý đang công tác trên địa bàn tỉnh, thành phố (là đảng viên sinh hoạt tại địa phương). Tham gia ý kiến với tỉnh ủy, thành ủy về lãnh đạo, chỉ đạo công tác đảng đối với các đơn vị trực thuộc đang sinh hoạt tại các tổ chức đảng ở địa phương.

2. Ban Cán sự Đảng phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan tăng cường quản lý, giáo dục, kiểm tra, giám sát đội ngũ đảng viên là cán bộ, công chức tòa án, viện kiểm sát địa phương trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống, chấp hành pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, chính sách của địa phương và các quy định của ngành; lựa chọn cán bộ thuộc diện Ban Cán sự Đảng quản lý đang công tác trên địa bàn tỉnh, thành phố (là đảng viên sinh hoạt tại địa phương) tham gia cấp ủy địa phương; phối hợp chăm lo về cơ sở vật chất, đời sống của cán bộ, công chức tòa án, viện kiểm sát địa phương.

Điều 15. Phối hợp giữa Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao với các ban cán sự đảng tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo ban cán sự đảng tòa án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, của Ban Cán sự Đảng và của tỉnh ủy, thành ủy.

2. Ban cán sự đảng tòa án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy, thành ủy và có trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, quyết định của Ban Cán sự Đảng về công tác xây dựng ngành, thực hiện

chức năng, nhiệm vụ của ngành theo quy định của pháp luật; theo quy định của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 16. Phối hợp với tập thể lãnh đạo và thủ trưởng cơ quan

1. Ban Cán sự Đảng lãnh đạo, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng; phương hướng, nhiệm vụ chính trị của ngành; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo phân cấp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Những vấn đề Ban Cán sự Đảng quyết định theo chức năng, nhiệm vụ được giao thì tập thể lãnh đạo (hoặc ủy ban kiểm sát, hội đồng thẩm phán), thủ trưởng cơ quan (hoặc người đứng đầu) có nhiệm vụ chấp hành, tổ chức thực hiện.

2. Tập thể lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan, các thành viên Ban Cán sự Đảng có trách nhiệm chuẩn bị nội dung để đưa ra thảo luận và quyết nghị trong Ban Cán sự Đảng những vấn đề sau:

a) Chủ trương, phương hướng quán triệt và tổ chức thực hiện, cụ thể hóa nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến ngành; đề xuất dự án luật, pháp lệnh mà ngành được giao chủ trì; những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương trong công tác điều tra, truy tố, xét xử.

b) Kế hoạch, đề án công tác quan trọng của ngành trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các vấn đề quan trọng về hợp tác quốc tế của ngành; các nội dung công tác phức tạp, còn có ý kiến khác nhau cần đưa ra Ban Cán sự Đảng thảo luận, quyết nghị và lãnh đạo thực hiện.

c) Phương hướng, nhiệm vụ sáu tháng, hằng năm và kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn của ngành; các dự án lớn cần có sự lãnh đạo tập trung, thống nhất.

d) Đề án về tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ của ngành; công tác nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ theo phân cấp quản lý.

3. Ban Cán sự Đảng bảo đảm và tạo điều kiện để tập thể lãnh đạo (hoặc ủy ban kiểm sát, hội đồng thẩm phán), thủ trưởng cơ quan (hoặc người đứng đầu) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Chủ trì cùng với tập thể lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan lãnh đạo cán bộ, đảng viên thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của ngành và đơn vị.

Điều 17. Phối hợp với đảng ủy cơ quan

1. Ban Cán sự Đảng phối hợp với đảng ủy cơ quan trong việc xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh. Khi chuẩn bị ra các quyết định hoặc quyết định các chủ trương công tác có liên quan, Ban Cán sự Đảng có trách nhiệm thông báo với đảng ủy cơ quan để đảng ủy cơ quan tham gia ý kiến, đề xuất, thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo cán bộ, đảng viên thực hiện.

2. Đảng ủy cơ quan chủ động thông báo với Ban Cán sự Đảng về các chủ trương, nghị quyết của đảng ủy trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình; tham gia với Ban Cán sự Đảng về công tác nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ là đảng viên thuộc đảng bộ theo phân cấp.

3. Khi xem xét kỷ luật về đảng đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện quản lý của Ban Cán sự Đảng, đảng ủy đồng thời thông báo với Ban Cán sự Đảng để xem xét chỉ đạo kỷ luật về mặt chính quyền. Khi Ban Cán sự Đảng xem xét, chỉ đạo kỷ luật về chính quyền đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý là đảng viên thì đồng thời thông báo với đảng ủy cơ quan để xem xét kỷ luật về đảng. Nếu ý kiến của Ban Cán sự Đảng và ý kiến của đảng ủy cơ quan khác nhau thì giải thích rõ lý do, quyết định theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm về quyết định đó và cùng báo cáo lên cấp trên trực tiếp.

4. Định kỳ sáu tháng một lần hoặc khi cần thiết, Ban Cán sự Đảng mời đại diện đảng ủy cơ quan họp để thông báo về tình hình, nhiệm vụ của cơ quan và các vấn đề có liên quan đến chế độ, chính sách của cán bộ, đảng viên trong cơ quan để phối hợp giải quyết.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Căn cứ vào Quy định trên đây, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm tổ chức thực hiện và bổ sung quy chế làm việc cho phù hợp.

- Mỗi cơ quan phân công một đồng chí lãnh đạo hoặc thành viên ban cán sự đảng, đảng đoàn duy trì mối quan hệ

phối hợp, thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu. Trong quá trình phối hợp, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới thì báo cáo Ban Bí thư chỉ đạo kịp thời.

Điều 19. Trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và chế độ báo cáo

Hằng năm, Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng Trung ương theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 203-TB/TW, ngày 1 tháng 12 năm 2008

Về tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 27-7-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về nhiệm vụ và tổ chức của Liên hiệp các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị Việt Nam

Tại phiên họp ngày 18-11-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam báo cáo về tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 27-7-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về nhiệm vụ và tổ chức của Liên hiệp các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị Việt Nam (nay là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, dưới đây gọi tắt là Liên hiệp) (Tờ trình số 578/LH-ĐĐ, ngày 2-10-2008) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Về kết quả thực hiện Chỉ thị

Trong 15 năm triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Liên hiệp đã có nhiều cố gắng, đạt được

nhiều kết quả tích cực. Quan hệ với các tổ chức nhân dân các nước láng giềng được củng cố, tăng cường với nhiều hoạt động ngày càng có chiều sâu. Quan hệ với các tổ chức bạn bè truyền thống, các tổ chức cánh tả, tiến bộ được khôi phục, củng cố và có bước phát triển mới. Quan hệ với các tổ chức nhân dân các nước được mở rộng theo hướng đa dạng hóa; phát triển được mạng lưới bạn bè và đối tác tại tất cả các địa bàn quan trọng. Quan hệ đa phương có bước đột phá quan trọng, góp phần khẳng định và củng cố vị thế quốc tế của Việt Nam trong các phong trào nhân dân khu vực và thế giới.

Hoạt động đối ngoại của Liên hiệp được phát triển về số lượng và quy mô, được đổi mới với tính chủ động và hiệu quả ngày càng cao. Các hoạt động giao lưu hữu nghị được mở rộng; tăng cường nội dung chính trị; tích cực tham gia vận động, đấu tranh dư luận, đối thoại không chính thức trên các lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, vận động ủng hộ nạn nhân chất độc da cam Việt Nam; đẩy mạnh các hoạt động nhằm thúc đẩy hợp tác về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật...; chủ động tham gia có hiệu quả trong các diễn đàn nhân dân khu vực và quốc tế, góp phần củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì phát triển công bằng và bền vững. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa được tiến hành một cách thường xuyên, thể hiện đạo lý thủy chung của nhân dân ta đối với bạn bè quốc tế.

Công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài được đẩy mạnh với kết quả ngày càng cao, góp phần thiết thực vào

việc khắc phục hậu quả chiến tranh, xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Công tác quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam được chú trọng tăng cường.

Công tác nghiên cứu, tham mưu được đẩy mạnh với nhiều đóng góp có chất lượng. Công tác thông tin, tuyên truyền được coi trọng, đạt nhiều kết quả, đóng góp tích cực cho công tác thông tin đối ngoại.

Tổ chức Liên hiệp được củng cố và phát triển ở Trung ương và địa phương. Hoạt động của liên hiệp các cấp bảo đảm thực hiện đúng các chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đóng góp có hiệu quả cho công tác đối ngoại chung của đất nước.

Bên cạnh những kết quả trên, hoạt động của Liên hiệp vẫn còn một số khuyết điểm, hạn chế, chưa phát huy đầy đủ được thế mạnh của đối ngoại nhân dân trong tình hình mới. Quan hệ với một số đối tác còn thiếu chiều sâu, tại một số địa bàn mạng lưới đối tác còn mỏng, còn nhiều hoạt động đối ngoại hiệu quả chưa cao, công tác thông tin đối ngoại nhìn chung còn hạn chế; một số tổ chức thành viên chậm được củng cố, kiện toàn, mô hình tổ chức Liên hiệp chưa thống nhất tại các địa phương. Quan hệ phối hợp giữa Liên hiệp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và tổ chức nhân dân trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân chưa chặt chẽ.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, hạn chế trên là do Liên hiệp chưa đầu tư đúng mức vào công tác xây dựng tổ chức và một số mặt công tác khác; việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động còn hạn chế; đội ngũ cán bộ chuyên trách

chưa đáp ứng yêu cầu. Một số cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về tính chất, vị trí, vai trò của Liên hiệp, chưa quan tâm chăm lo, tạo điều kiện cho tổ chức và hoạt động của Liên hiệp; việc áp dụng một số quy định của Nhà nước đối với Liên hiệp trong những năm vừa qua chưa phù hợp với đặc điểm về tổ chức và nhiệm vụ của Liên hiệp.

2. Về các chủ trương giải pháp

Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, việc củng cố, nâng cao năng lực và phát huy vai trò của Liên hiệp là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách trong công tác đối ngoại nhân dân là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng.

- Đồng ý ban hành chỉ thị mới của Ban Bí thư về công tác này nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới.

- Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan sớm nghiên cứu và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến về một số vấn đề liên quan đến cơ chế và chính sách đối với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và một số tổ chức khác, như Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh các hợp tác xã Việt Nam...

- Đề nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ xem xét có cơ chế trích kinh phí từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho hoạt động của Liên hiệp trong vận động, thu hút các dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo tỷ lệ kết quả vận động được.

- Đồng ý để Văn phòng Trung ương Đảng hỗ trợ thêm kinh phí từ nguồn ngân sách đảng cho việc tăng cường năng lực, cho một số nhu cầu hoạt động phát sinh của Liên hiệp và những nhiệm vụ do Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp giao cho Liên hiệp.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 28-CT/TW, ngày 2 tháng 12 năm 2008

Về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

1. Sau 15 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 27-7-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (Liên hiệp) đã có sự trưởng thành và phát triển. Quan hệ đối ngoại của Liên hiệp được mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa, góp phần củng cố và hình thành được mạng lưới bạn bè, đối tác quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ mới. Hoạt động hòa bình, đoàn kết hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước được đẩy mạnh; công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của Liên hiệp được tăng cường, đóng góp có hiệu quả vào công tác đối ngoại nhân dân, công tác đối ngoại chung và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, phát triển và tiến bộ của nhân dân thế giới.

Tuy nhiên, Liên hiệp vẫn chưa phát huy được đầy đủ vai trò và lợi thế của mình trong hoạt động đối ngoại nhân dân trong tình hình mới. Chất lượng quan hệ đối tác tại một số địa bàn, công tác thông tin đối ngoại và hiệu quả của một số hoạt động đối ngoại còn hạn chế, công tác nghiên cứu nhìn chung còn bất cập. Một số hội thành viên chậm được kiện toàn, mô hình tổ chức của Liên hiệp ở nhiều địa phương chưa thống nhất. Quan hệ phối hợp giữa Liên hiệp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và tổ chức nhân dân trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân chưa chặt chẽ.

Thực tiễn đất nước trong 15 năm qua cho thấy sự đồng tình, ủng hộ, đoàn kết và hợp tác của nhân dân thế giới vẫn là nhân tố quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, công tác đối ngoại nhân dân vẫn luôn có vị trí ngày càng quan trọng trong việc thực hiện phương châm Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

2. Để phát huy vai trò của Liên hiệp, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trên và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới, cần tiếp tục khẳng định Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về đối ngoại nhân dân trong lĩnh vực hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác nhân dân, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có vai trò làm đầu mối phối hợp trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân, là đầu mối cho công tác phi chính phủ nước ngoài, là tổ chức làm công tác chính trị đối ngoại

và là bộ phận cấu thành của lực lượng đối ngoại chuyên trách của nước ta.

Liên hiệp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tổ chức chặt chẽ, được bảo đảm biên chế, kinh phí, các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ và các điều kiện, phương tiện làm việc của cơ quan thường trực. Các tổ chức thành viên của Liên hiệp được hỗ trợ kinh phí hoạt động.

3. Tiếp tục đổi mới các mặt công tác của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả" với các nhiệm vụ chính sau đây:

- Tiếp tục mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối tác nhằm góp phần củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Phát triển quan hệ ổn định, có chiều sâu với các tổ chức nhân dân của các nước láng giềng, tại các địa bàn trọng điểm; củng cố quan hệ với các tổ chức bạn bè truyền thống, các tổ chức cánh tả, tiến bộ; mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân có thiện chí với Việt Nam.

- Tích cực, chủ động tham gia vận động, đấu tranh dư luận trên các vấn đề dân chủ, nhân quyền; quảng bá hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Tham gia công tác vận động, tập hợp người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc và các hoạt động nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam với các nước; góp phần thúc đẩy hợp tác

giữa Việt Nam và các nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật, v.v..

- Tích cực tham gia các diễn đàn, hoạt động của nhân dân thế giới và các cơ chế khu vực và quốc tế vì lợi ích của đất nước, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, phát triển, công bằng, bền vững, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Chủ động vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt nhiệm vụ được giao trong công tác phi chính phủ nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu để làm tốt nhiệm vụ tham mưu về các vấn đề đối ngoại. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin đối ngoại, kịp thời phản ánh với Đảng và Nhà nước về dư luận nhân dân các nước và bạn bè quốc tế về Việt Nam.

- Động viên, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào các hoạt động đối ngoại nhân dân; góp phần giáo dục, nâng cao nhận thức và hiểu biết quốc tế của quần chúng nhân dân; huy động sự đóng góp, tài trợ trong và ngoài nước để hỗ trợ, mở rộng các hoạt động của Liên hiệp và các tổ chức thành viên của Liên hiệp.

- Hoạt động đối ngoại của Liên hiệp phải được tổ chức chặt chẽ, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng theo Quy chế về thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, vừa phát huy được tính chủ động, linh hoạt của đối ngoại nhân dân trên cơ sở các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm lợi ích quốc gia và phù hợp

với các giá trị tiến bộ của nhân loại, vừa giữ vững nguyên tắc bảo vệ nội bộ, bảo đảm an ninh chính trị, độc lập, chủ quyền quốc gia và bảo vệ, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Tích cực kiện toàn, củng cố các tổ chức thành viên, nâng cao năng lực của cơ quan thường trực, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

4. Chính phủ quản lý về nhà nước đối với Liên hiệp theo quy định của pháp luật; bảo đảm các điều kiện vật chất và phương tiện cho công tác của Liên hiệp từ ngân sách nhà nước, đồng thời tạo cơ chế để Liên hiệp có thêm nguồn kinh phí bổ sung cho tổ chức và hoạt động của Liên hiệp.

5. Ban Đối ngoại Trung ương tham mưu, giúp Ban Bí thư trong việc chỉ đạo công tác đối ngoại của Liên hiệp.

Ban Đối ngoại Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao hướng dẫn, cung cấp thông tin và phối hợp với Liên hiệp trong quá trình triển khai các hoạt động đối ngoại liên quan.

Đảng đoàn Liên hiệp báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư về phương hướng, kế hoạch công tác đối ngoại, về chủ trương đối với các hoạt động đối ngoại quan trọng, phức tạp và nhạy cảm của Liên hiệp và các tổ chức thành viên; lãnh đạo việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng trong toàn bộ hoạt động của Liên hiệp; lãnh đạo cơ quan thường trực và công tác cán bộ theo quy định.

6. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, các điều kiện bảo đảm hoạt động của tổ chức Liên hiệp ở địa phương và tổ chức thực hiện chỉ thị trong địa phương mình.

7. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị thuộc phạm vi, lĩnh vực của ngành và đơn vị.

8. Đảng đoàn Liên hiệp có trách nhiệm phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này.

Ban Đối ngoại Trung ương có trách nhiệm đôn đốc và kiểm tra việc quán triệt và thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 204-TB/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2008

Về Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ IV (nhiệm kỳ 2008 - 2013)

Tại phiên họp ngày 18-11-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam báo cáo và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Liên hiệp, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Công tác chuẩn bị Báo cáo chính trị tại Đại hội IV của Liên hiệp đã gắn với tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về nhiệm vụ và tổ chức của Liên hiệp. Dự thảo Báo cáo được chuẩn bị công phu, nêu rõ những kết quả đã đạt được, nghiêm túc chỉ ra những hạn chế, yếu kém và các nguyên nhân chủ quan, khách quan, rút ra các bài học kinh nghiệm và đề ra các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cơ bản nhằm củng cố tổ chức, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp trong nhiệm kỳ 2008 - 2013.

Để nâng cao chất lượng Báo cáo, lưu ý một số vấn đề sau:

- Cần tập trung làm sâu sắc thêm các đánh giá, nhận định về tình hình trên cơ sở quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng, có tính tới những diễn biến mới của tình hình quốc tế trong thời gian gần đây.

- Việc xác định phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới cần quán triệt đầy đủ tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 2-12-2008 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam trong tình hình mới. Tiếp tục đổi mới hoạt động của Liên hiệp và các tổ chức thành viên theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả" mà Đại hội X của Đảng đã đề ra. Mở rộng, đa dạng hóa quan hệ đối tác và phát triển quan hệ ổn định, có chiều sâu với các tổ chức nhân dân của các nước láng giềng, các địa bàn trọng điểm. Trong việc mở rộng mạng lưới bạn bè quốc tế, chú ý tiếp cận, vận động lực lượng trẻ để bảo đảm tính kế thừa của phong trào quốc tế đoàn kết và ủng hộ Việt Nam của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Chủ động tham gia các diễn đàn nhân dân và các cơ chế khu vực và thế giới có liên quan để góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, phát triển, công bằng và bền vững, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, tham mưu, thông tin đối ngoại. Đẩy mạnh công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài và làm tốt nhiệm vụ thường trực trong công tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

Chú trọng việc phối kết hợp giữa Liên hiệp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân khác trong một số hoạt động đối ngoại.

2. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ cần bám sát kết quả tổng kết thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VII) và tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 2-12-2008 của Ban Bí thư. Theo đó, cần nêu rõ tính chất, vị trí, vai trò của Liên hiệp với tư cách là một tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về đối ngoại nhân dân trong lĩnh vực hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có vai trò làm đầu mối phối hợp trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân được phân công, là đầu mối cho công tác phi chính phủ nước ngoài; là một tổ chức làm công tác chính trị đối ngoại và là bộ phận cấu thành của lực lượng đối ngoại chuyên trách của nước ta.

3. Đồng ý thời gian tổ chức Đại hội vào nửa cuối tháng 12-2008. Số lượng đại biểu và khách mời trong nước không quá 500 người. Không mời khách quốc tế, chỉ mời ngoại giao đoàn và khách quốc tế đang có mặt tại Việt Nam dự phiên khai mạc. Đại hội cần được tổ chức trang trọng, thiết thực và tiết kiệm.

4. Đồng ý về số lượng Đoàn Chủ tịch (Ban Chấp hành) không quá 140 ủy viên; Ban Thường vụ từ 19 - 21 ủy viên.

Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các quy trình nhân sự theo quy định.

5. Đồng ý lấy ngày 17-11-1950, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Đại hội thành lập Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam (nay là Ủy ban Hòa bình Việt Nam) làm ngày truyền thống hằng năm của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 205-TB/TW, ngày 9 tháng 12 năm 2008

Về Đề án đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

Tại phiên họp ngày 18-11-2008, sau khi xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương (số 255-TTr/BTCTW, ngày 3-10-2008) và ý kiến của các cơ quan liên quan về "Đề án đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội", Ban Bí thư có ý kiến như sau:

I- NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA VIỆC ĐỔI MỚI, KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

- Việc kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong mỗi tổ chức;

từng bước khắc phục tình trạng "hành chính hóa". Tổ chức bộ máy cần được kiện toàn tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tăng cường đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên.

- Số lượng biên chế của các cơ quan được xác định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tiêu chuẩn chức danh của cán bộ, công chức; cơ cấu lại lao động hợp lý, tăng cường biên chế khối tham mưu; cơ bản giữ ổn định số lượng biên chế đã giao, chỉ xem xét, bổ sung khi được cấp có thẩm quyền cho lập tổ chức mới hoặc giao thêm nhiệm vụ. Xây dựng và thực hiện lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2011.

- Các đơn vị sự nghiệp thực hiện chuyển từng bước sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo các quy định của Đảng và Nhà nước.

- Khối các doanh nghiệp thực hiện theo kết luận của Ban Bí thư tại Thông báo số 175-TB/TW, ngày 7-8-2008 về sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ CỦA TỪNG CƠ QUAN

1. Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có 13 đầu mối trực thuộc gồm:

- Khối tham mưu có 9 đơn vị: Ban Tổ chức - Cán bộ, Ban Dân chủ - Pháp luật, Ban Tuyên giáo, Ban Phong trào, Ban Dân tộc và Tôn giáo, Ban Kinh tế và Đối ngoại, Ban Công tác phía Nam, Trung tâm Công tác lý luận, Văn phòng.

- Văn phòng Ủy ban Đoàn kết Công giáo là đơn vị trực thuộc về biên chế và tài chính.

- Khối sự nghiệp có 3 đơn vị: Tạp chí Mặt trận, Báo Đại đoàn kết, Báo Người Công giáo.

- Biên chế cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đến năm 2011 là 170 người.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có 18 đầu mối trực thuộc gồm:

- Khối tham mưu có 8 đơn vị: Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Văn phòng Ủy ban Kiểm tra, Ban Tài chính, Ban Chính sách - Pháp luật, Ban Đối ngoại, Ban Nữ công, Văn phòng.

- Khối các đơn vị sự nghiệp có 10 đơn vị: Viện Khoa học bảo hộ lao động, Viện Công nhân và Công đoàn, Trường Đại học Công đoàn, Tạp chí Lao động và Công đoàn, Nhà xuất bản Lao động, Báo Lao động, Trường Trung cấp nghề Công đoàn Việt Nam, Nhà khách Tổng Liên đoàn, Văn phòng B - Nhà khách Tổng Liên đoàn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

- Biên chế số người hưởng lương ngân sách của cơ quan Tổng Liên đoàn và các đơn vị trực thuộc đến năm 2011 là 514 người.

3. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 33 đầu mối trực thuộc gồm:

- Khối các ban phong trào và chuyên môn có 11 đơn vị: Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Thanh niên công nhân và đô thị, Ban Thanh niên nông thôn, Ban Thanh niên trường học, Ban Công tác thiếu nhi, Ban Đoàn kết tập hợp thanh niên, Ban Quốc tế, Ban Thanh niên xung phong, Văn phòng.

- Văn phòng Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam là đơn vị trực thuộc về tài chính và biên chế.

- Khối các đơn vị sự nghiệp gồm 21 đơn vị: Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ việc làm thanh niên, Trung tâm Thanh thiếu niên miền Trung, Trung tâm Thanh thiếu niên miền Nam, Trung tâm Thanh thiếu niên miền Bắc, Trung tâm Hỗ trợ phát triển thanh niên nông thôn, Trung tâm Hướng dẫn hoạt động thiếu nhi Trung ương, Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ việc làm thanh niên khu vực sông Hồng, Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam, Trung tâm Phát triển khoa học công nghệ và tài năng trẻ, Học viện Thanh thiếu niên, Báo Tiền phong, Báo Thanh niên, Báo Sinh viên Việt Nam, Báo Thiếu niên tiền phong, Báo Nhi đồng, Tạp chí Thanh niên, Tạp chí Thời trang trẻ, Trung tâm Truyền hình thanh niên, Ban Phát thanh Thanh thiếu nhi, Nhà xuất bản Thanh niên, Nhà xuất bản Kim Đồng.

- Biên chế cơ quan Trung ương Đoàn đến năm 2011 là 395 người.

4. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có 18 đầu mối trực thuộc gồm:

- Khối tham mưu có 11 đơn vị: Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Gia đình - Xã hội, Ban Dân tộc - Tôn giáo, Ban Chính sách - Luật pháp, Ban Quốc tế, Ban Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, Ban Công tác phía Nam, Ban Kế hoạch - Tài chính (giữ đến năm 2011), Văn phòng Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam.

- Khối sự nghiệp có 7 đơn vị: Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Trường Cán bộ hội phụ nữ, Trường Trung cấp nghề Lê Thị Riêng, Trung tâm Phụ nữ và phát triển, Nhà xuất bản Phụ nữ, Báo Phụ nữ Việt Nam, Quỹ Tình thương.

- Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước của cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đến năm 2011 là 316 người.

5. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam có 15 đầu mối trực thuộc gồm:

- Khối tham mưu có 8 đơn vị: Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Quốc tế, Ban Kinh tế, Ban Xã hội, Ban Dân tộc - Tôn giáo - An ninh - Quốc phòng, Văn phòng.

- Khối sự nghiệp có 7 đơn vị: Quỹ Hỗ trợ nông dân, Trung tâm Hỗ trợ nông dân nông thôn, Trung tâm Môi trường nông thôn, Tạp chí Nông thôn mới, Báo Nông thôn ngày nay, Trường Cán bộ hội nông dân; nâng cấp Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ việc làm thành Trường Trung cấp Dạy nghề.

- Biên chế cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đến năm 2011 là 243 người.

Giao Ban Tổ chức Trung ương căn cứ Thông báo này hướng dẫn thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 206-TB/TW, ngày 9 tháng 12 năm 2008

Về biên chế các cơ quan đảng ở Trung ương đến năm 2011

Tại phiên họp ngày 18-11-2008, sau khi xem xét Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương về việc giao biên chế cho các cơ quan đảng ở Trung ương đến năm 2011 (số 141-BC/BTCTW, ngày 12-9-2008), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Nguyên tắc xác định biên chế đến năm 2011

- Trên cơ sở biên chế được giao khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) và biên chế được bổ sung trong những năm vừa qua, cơ bản giữ ổn định số lượng biên chế đã giao, chỉ xem xét bổ sung khi lập tổ chức mới hoặc được cấp có thẩm quyền giao thêm nhiệm vụ.

- Số lượng biên chế được xác định trên cơ sở rà soát, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức; xác định tiêu chuẩn của từng chức danh cán bộ, công chức; xác định lại định mức biên chế, thực hiện tinh giản biên chế ở các bộ phận trùng lặp.

- Xác định lộ trình giảm biên chế từ nay đến năm 2011 gắn với việc điều chỉnh lại tỷ lệ giữa khối tham mưu và khối phục vụ; điều chỉnh cơ cấu lao động một cách hợp lý, tăng cường chuyên viên cao cấp và chuyên viên chính, giảm chuyên viên và nhân viên phục vụ; tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Biên chế các cơ quan đảng ở Trung ương đến năm 2011

2.1. Ban Đối ngoại Trung ương: giữ ổn định biên chế là 165 người.

2.2. Ban Dân vận Trung ương: giữ ổn định biên chế là 92 người. Ban Dân vận Trung ương cần thực hiện cơ cấu lại lao động cho hợp lý, điều chỉnh tỷ lệ giữa cán bộ khối tham mưu và khối phục vụ; bổ sung đủ cán bộ (hiện còn thiếu 4 biên chế so với thông báo).

2.3. Ban Tuyên giáo Trung ương: giữ ổn định biên chế là 296 người.

- Trên cơ sở số biên chế đã được thông báo, Ban Tuyên giáo Trung ương cơ cấu lại lao động cho hợp lý, điều chỉnh tỷ lệ khối tham mưu và khối phục vụ; trước mắt cần bổ sung đủ cán bộ (hiện còn thiếu 7 biên chế).

- Đối với 52 trường hợp hợp đồng ngắn hạn (có thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm) đang làm việc tại Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cần bàn bạc, thống nhất giữa Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tuyên giáo Trung ương để sắp xếp, bảo đảm số lượng và nguồn chi hợp lý.

2.4. Văn phòng Trung ương Đảng: giữ biên chế là 866 người (giảm 89 người).

2.5. Ban Tổ chức Trung ương: giữ ổn định biên chế là 270 người.

2.6. Văn phòng Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương: giữ ổn định biên chế là 10 người.

2.7. Tạp chí Cộng sản: biên chế là 90 người.

Bổ sung 3 biên chế đối với tổ chức mới được thành lập (Vụ Tổ chức - Cán bộ). Đối với các đơn vị còn lại, cần cơ cấu lại lao động một cách hợp lý, điều chỉnh tỷ lệ cán bộ giữa khối phóng viên, biên tập viên và khối phục vụ; sắp xếp lại khi thực hiện chuyển đổi theo Nghị định 43 của Chính phủ.

2.8. Cơ quan thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương: giữ ổn định biên chế là 8 người.

2.9. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật: Trước mắt, giữ ổn định biên chế năm 2008 là 254 người; từ năm 2009 - 2011 thực hiện tinh giản biên chế theo đề án đã được Ban Bí thư phê duyệt.

2.10. Báo Nhân dân: giữ ổn định biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 32 người.

3. Cơ chế quản lý

Ban Bí thư yêu cầu các cơ quan đảng ở Trung ương xây dựng đề án, từng bước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, quản lý kinh phí hành chính trong các cơ quan và đơn vị sự nghiệp theo các quy định của Đảng và Nhà nước. Từ nay đến năm 2011, các cơ quan đảng ở Trung ương cần xây dựng lộ trình tinh giản biên chế, có các

giải pháp gắn việc xác định biên chế với việc cơ cấu lại lao động, đặc biệt là tăng tỷ lệ chuyên viên nghiên cứu tham mưu và giảm khối phục vụ, bảo đảm thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Giao Ban Tổ chức Trung ương căn cứ Thông báo này hướng dẫn thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 207-TB/TW, ngày 10 tháng 12 năm 2008

Tại buổi làm việc với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Ngày 21-11-2008, Bộ Chính trị đã nghe Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X. Qua trao đổi, thảo luận, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, nhất là từ cuối năm 2007 đến nay. Những tác động của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đã ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng và nhân dân đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững sự ổn định, phát triển của đất nước.

Bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chủ động lãnh đạo và tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với những kết quả rất đáng khích lệ.

Bộ Chính trị cơ bản đồng tình với các đánh giá trong Báo cáo hai năm rưỡi triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhấn mạnh thêm một số điểm sau:

Một là, vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục được khẳng định; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có nhiều cố gắng trong tập hợp các tầng lớp nhân dân, góp phần mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; các tổ chức thành viên có chương trình, kế hoạch cụ thể để củng cố tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên.

Hằng năm, nhân kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11), "Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc" được tổ chức ở hầu hết các khu dân cư với hàng chục triệu người tham dự đã góp phần tăng cường mối quan hệ gần gũi, mật thiết giữa nhân dân với nhân dân, nhân dân với cán bộ, đảng viên.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tập trung hướng mạnh về cơ sở, có nhiều hình thức tập hợp, phát huy vai trò của các cá nhân tiêu biểu, thu hút ngày càng nhiều chuyên gia, nhà khoa học tham gia các hoạt động của Mặt trận; tuyên truyền, vận động thực hiện các chính sách về dân tộc, về tôn giáo, về người Việt Nam ở nước ngoài một cách thiết thực. Quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân được quan tâm.

Hai là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tích cực vận động các tầng lớp nhân dân thông qua các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Các phong trào do

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động được các tầng lớp nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã chủ động trong việc tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân góp phần đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống...

Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" tiếp tục được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng với các nội dung thiết thực như: phong trào thi đua xóa đói, giảm nghèo, làm nhà cho người nghèo, đền ơn đáp nghĩa; chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa, gia đình văn hóa. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị ở cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã kịp thời vận động các tầng lớp nhân dân có các hình thức quyên góp, ủng hộ, giúp đỡ đồng bào vùng bị thiên tai khôi phục sản xuất, sớm ổn định cuộc sống.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã có nhiều biện pháp phát huy quyền làm chủ của nhân dân để tham gia xây dựng Đảng, chính quyền các cấp.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tích cực tham gia và vận động nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII; tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; giám sát đầu tư ở cộng đồng; lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ chủ chốt hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn; triển khai Đề án "Xây dựng và đẩy mạnh tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng ở khu dân cư";

triển khai thực hiện thí điểm Quy chế Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư, đã góp phần nâng cao chất lượng của công tác giám sát cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Việc tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân để phản ánh với Đảng và Nhà nước đã có nền nếp, các báo cáo trình bày tại các kỳ họp Quốc hội được dư luận đồng tình và đánh giá cao.

Bốn là, hoạt động đối ngoại nhân dân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng được mở rộng và hiệu quả hơn.

Về hạn chế, yếu kém:

Tuy có nguyên nhân khách quan là do nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền về chức năng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa đầy đủ, do đó chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp một cách có hiệu quả, nhưng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hoạt động còn có những hạn chế, yếu kém cần khắc phục, đó là:

Hình thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể nhân dân còn chậm đổi mới; phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp chưa đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, nhất là với các đối tượng dân tộc, tôn giáo. Một số nơi, một số việc còn có biểu hiện hành chính hóa; hoạt động mang tính hình thức; phối hợp giữa các tổ chức thành viên chưa được chặt chẽ, nhịp nhàng; chất lượng hoạt động ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Việc tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh phức tạp ở cơ sở còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu.

Đội ngũ cán bộ mặt trận các cấp còn thiếu và yếu. Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ mặt trận chưa

được quan tâm. Một bộ phận cán bộ mặt trận chưa đáp ứng yêu cầu công tác mặt trận trong tình hình mới. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp chưa tổ chức và phát huy tốt vai trò của các trí thức, cá nhân tiêu biểu trong việc thực hiện các nhiệm vụ của mặt trận.

Về một số nhiệm vụ trọng tâm và những giải pháp cần tập trung thực hiện trong thời gian tới:

Bộ Chính trị đồng ý với báo cáo của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, song cần lưu ý, quan tâm tập trung lãnh đạo một số nội dung sau đây:

1. Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mặt trận là tăng cường củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội X và các nghị quyết Trung ương Đảng khóa X đã đề ra.

2. Quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 22-11-2007 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII; đẩy mạnh cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

3. Tăng cường phối hợp thực hiện các chính sách liên quan đến các tầng lớp nhân dân, đến công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, doanh nhân, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài để củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4. Quan tâm công tác tổ chức, cán bộ; tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động và phối hợp hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tập trung hướng mạnh về cơ sở.

5. Triển khai thực hiện sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và cuộc vận động "Ngày vì người nghèo". Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; thực hiện phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tích cực, chủ động tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh ở cơ sở, nhất là vấn đề khiếu kiện liên quan đến đất đai; phòng, chống tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự, an toàn giao thông.

Về một số đề xuất, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

1. Về đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo sớm tổng kết Nghị quyết số 07-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo. Hiện nay, Ban Chỉ đạo tổng kết của Trung ương do Ban Dân vận Trung ương chủ trì đã cơ bản hoàn thành dự thảo Báo cáo tổng kết. Ban Bí thư đang sắp xếp chương trình để cho ý kiến. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần chủ động tham gia, đóng góp cho các đề án.

Về việc cụ thể hóa thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 (khóa X) của Đảng về "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa", về "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" và

"Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn", Bộ Chính trị đã quyết định những công việc cần làm để triển khai thực hiện các nghị quyết và phân công các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo chuẩn bị các đề án.

2. Về kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến thông qua ba Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục chủ động và tích cực chuẩn bị, xin thêm ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan (như Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội...). Bộ Chính trị sẽ bố trí để nghe báo cáo về các quy chế này.

3. Về kiến nghị tổ chức bộ máy, cán bộ và điều kiện hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Vừa qua, Ban Bí thư đã có quyết định về tổ chức bộ máy và biên chế cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tổ chức thực hiện có hiệu quả, phát huy tốt tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công nhân viên.

Về kiến nghị xin điều chuyển cán bộ để chuẩn bị bố trí tham gia Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa VII) để thay thế những đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần chủ động trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan chuẩn bị theo quy trình quản lý cán bộ.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, trình Bộ Chính trị xem xét việc điều chỉnh chế độ, chính sách của đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với tương quan chung trong hệ thống chính trị. Đề nghị Chính phủ xem xét định mức

kinh phí hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội bằng mức chung của các cơ quan đảng.

4. Về kiến nghị cho phép mở rộng thêm các tổ chức thành viên là Hội Người Việt Nam ở những nước có đông Việt kiều, Bộ Chính trị đồng ý về nguyên tắc cần mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân tộc. Nhưng đây là vấn đề mới, có liên quan đến Luật quốc tịch của nước ta và nước ngoài, liên quan đến các tổ chức của người Việt Nam ở nước ngoài, do đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương và các tổ chức, cơ quan chức năng có liên quan để xây dựng đề án cụ thể, trình Ban Bí thư cho ý kiến.

- Đồng ý việc Đảng và Nhà nước tạo điều kiện để nâng cao vị thế, củng cố vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy hơn nữa vai trò, tác dụng của các cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số, chức sắc tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài. Về các chính sách cụ thể, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì đề xuất với các cơ quan chức năng để giải quyết. Có khó khăn, vướng mắc thì xin ý kiến Ban Bí thư, Chính phủ xem xét, quyết định.

- Đồng ý về nguyên tắc Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII tiếp tục có đại diện 54 dân tộc anh em và đại diện 12 tôn giáo được Nhà nước công nhận tham gia Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VII, nhưng phải là những cá nhân tiêu biểu, bảo đảm tiêu chuẩn, tham gia hoạt động thiết thực, có hiệu quả.

5. Về đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục quan tâm chỉ đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, trong đó có việc chuẩn bị nhân sự Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp là thường vụ cấp ủy chuyên trách, không kiêm nhiệm.

Về việc này, thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 22-11-2007 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Hướng dẫn số 14-HD/BTCTW, ngày 29-2-2008 của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn việc chuẩn bị nhân sự Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để việc thực hiện thống nhất và phù hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương.

6. Nhất trí việc tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác, giao lưu với tổ chức mặt trận, các tổ chức quần chúng các nước bạn bè truyền thống và các nước láng giềng; mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác, giao lưu với các tổ chức quốc tế, tổ chức nhân dân các nước khác, phù hợp đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Về các vấn đề cụ thể, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao đổi với các cơ quan chức năng và kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến giải quyết theo thẩm quyền.

7. Về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị Bộ Chính trị có ý kiến về quản lý hoạt động của các tổ chức "xã hội dân sự" nước ngoài đã và đang tiến hành nhiều cuộc điều tra, khảo sát trên nhiều vấn đề liên quan đến chính trị - xã hội ở nước ta. Về việc này, giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất, báo cáo Bộ Chính trị.

8. Về đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo xây dựng chương trình cải cách giáo dục theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), đây là vấn đề rất lớn, rất trọng đại, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đang chỉ đạo tổng kết 10 năm

thực hiện Nghị quyết. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần chủ động tham gia, đóng góp ý kiến.

9. Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường tuyên truyền về đại đoàn kết, về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 202-QĐ/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2008

Ban hành "Quy chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Quy chế làm việc của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

- Căn cứ trách nhiệm, quyền hạn của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) "Về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới",

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế

phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí".

Điều 2.

1. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc chỉ đạo, hướng dẫn ban tuyên giáo của tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với ban tổ chức, ủy ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp, gắn kết công tác tư tưởng, lý luận, báo chí với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ở cấp mình.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp gắn kết công tác tư tưởng, lý luận, báo chí với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ở cấp mình.

Điều 3.

1. Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP VÀ GẮN KẾT CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VỚI CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN, BÁO CHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định của Ban Bí thư số 202-QĐ/TW, ngày 11-12-2008)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích phối hợp

Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp và gắn kết trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhằm làm tốt công tác tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí; phối hợp xử lý vi phạm của lãnh đạo các cơ quan chủ quản, các cơ quan làm công tác tư tưởng, lý luận, báo chí.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Phối hợp trên cơ sở các quy định của Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, quy chế làm việc của các cơ quan; bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định; quy chế làm việc của mỗi cơ quan nhằm bảo đảm việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí nói riêng.

3. Phối hợp trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan phối hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

Điều 3. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương; tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) của các cơ quan về tư tưởng, lý luận ở Trung ương; tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan chủ quản, ban biên tập, phóng viên, biên tập viên, nhân viên các cơ quan báo chí Trung ương.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí; phát hiện dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước về công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn, xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tổ chức, cá nhân trên lĩnh vực này. Riêng đối với lĩnh vực báo chí, khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của lãnh đạo các cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí thì xem xét, xử lý theo Quyết định số 75-QĐ/TW và Quyết định số 157-QĐ/TW của Ban Bí thư.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, giám sát, đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức, cá nhân bị tố cáo, kiểm tra trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí.

3. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những nội dung liên quan đến công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp

1. Ban Tuyên giáo Trung ương

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm về công tác chuyên môn hoặc nhận được đơn, thư tố cáo đối với tổ chức, cá nhân của các cơ quan, đơn vị trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, Ban Tuyên giáo Trung ương có trách nhiệm đánh giá, kết luận vấn đề, sự việc làm cơ sở để Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng và thông báo để Ban Tổ chức Trung ương biết. Riêng đối với lĩnh vực báo chí, khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của các cơ quan báo chí thì kịp thời phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương xem xét, xử lý theo Quyết định số 75-QĐ/TW và Quyết định số 157-QĐ/TW của Ban Bí thư.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ trên do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề cần lấy ý kiến hoặc phối hợp thực hiện thì gửi văn bản đề nghị Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến hoặc cử cán bộ phối hợp thực hiện.

c) Qua làm việc với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, nếu có vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm theo đơn, thư tố cáo hoặc bản kiến nghị (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, xem xét, thi hành kỷ luật đảng; chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức, cá nhân của các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí bị tố cáo hoặc được kiểm tra; đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì do Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì.

đ) Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc chuẩn bị nhân sự cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí; trong đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong tặng danh hiệu, khen thưởng đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân cấp quản lý của các cơ quan, đơn vị này. Đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì do Ban Tổ chức Trung ương chủ trì.

e) Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, đề án, báo cáo thường kỳ và đột xuất của Ban Tuyên giáo Trung ương thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương (trừ những báo cáo riêng theo quy định).

g) Khi tiến hành các kỳ họp thường xuyên và đột xuất về công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí thì Ban Tuyên giáo Trung ương gửi giấy mời hoặc thông báo để Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử cán bộ tham dự.

2. Ban Tổ chức Trung ương

a) Khi thực hiện nhiệm vụ về công tác tổ chức, cán bộ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, nếu phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm hoặc khi nhận được đơn, thư tố cáo thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng, đồng thời thông báo cho Ban Tuyên giáo Trung ương biết.

b) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ tổ chức, cán bộ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thì gửi văn bản đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện.

c) Qua làm việc với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, nếu có vấn đề liên quan đến công tác tư tưởng, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm đơn, thư khiếu nại, tố cáo (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương tiến hành giám sát, kiểm tra tổ chức, cá nhân của cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí khi có dấu hiệu vi phạm hoặc giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức, cá nhân của các cơ quan, đơn vị bị tố cáo hoặc được kiểm tra.

đ) Cùng với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến với Ban Tuyên giáo Trung ương trong việc giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chuẩn bị nhân sự cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí; trong đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong tặng danh hiệu, khen thưởng đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

e) Các hướng dẫn, đề án, báo cáo liên quan đến nội dung phối hợp giữa ba cơ quan do Ban Tổ chức Trung ương ban hành hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

g) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ, đột xuất có liên quan đến công tác tư tưởng, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí thì Ban Tổ chức Trung ương gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử cán bộ cùng dự.

3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đối với các tổ chức, cá nhân thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc do Bộ Chính trị giao, nếu phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm thì thông báo bằng văn bản, cung cấp tài liệu có liên quan hoặc gửi văn bản đề nghị Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức, cá nhân của các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận,

báo chí khi có dấu hiệu vi phạm hoặc giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức, cá nhân của các cơ quan, đơn vị bị tố cáo hoặc được kiểm tra.

c) Cùng với Ban Tổ chức Trung ương tham gia ý kiến với Ban Tuyên giáo Trung ương trong việc giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chuẩn bị nhân sự cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, trong đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong tặng danh hiệu, khen thưởng đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

d) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng đối với các tổ chức, cá nhân thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương thì chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương để thực hiện.

đ) Các thông báo kết luận kiểm tra, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, quyết định thi hành kỷ luật đảng đối với cán bộ, đảng viên của các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương.

e) Trao đổi về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của ủy ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra các cấp đối với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ,

chính sách đối với cán bộ ngành kiểm tra đảng của các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí trước khi quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 6. Cơ chế phối hợp

1. Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm của các tổ chức, cá nhân thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí thì ba cơ quan được quyền chủ động quan hệ với cấp ủy đảng, cơ quan chủ quản, đảng ủy cấp trên, đảng đoàn, ban cán sự đảng có liên quan để xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

2. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian để đáp ứng yêu cầu, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

3. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến cần gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định trên thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải trao đổi bằng văn bản cho các cơ quan phối hợp được biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

4. Các cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản, thông tin, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác tổ chức, cán bộ, công tác tư tưởng, lý luận, báo chí hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

5. Những vấn đề quan trọng cần phải trực tiếp trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì gặp mặt đại diện lãnh đạo ba cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu ba cơ quan vẫn còn có ý kiến khác nhau, phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, kết luận.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương phân công một đồng chí lãnh đạo ban, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công một đồng chí ủy viên ủy ban trực tiếp tham gia phối hợp công tác; tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế này đến cán bộ, đảng viên, công chức trong từng ban.

Giao các vụ chức năng của ba cơ quan chủ động và thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu và phối hợp thực hiện những nội dung của Quy chế.

Điều 8. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác tư tưởng,

công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, đối với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí thì Ban Tuyên giáo Trung ương hoặc Ban Tổ chức Trung ương hoặc Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, giải quyết. Trường hợp cần thiết do Bộ Chính trị chủ trì chỉ đạo ba cơ quan phối hợp, giải quyết.

Điều 9. Hằng năm, đại diện lãnh đạo ba cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn bạc biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện ba cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 204-QĐ/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2008

Về việc bổ sung thành viên Tổ Biên tập và tham gia Thường trực Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư (khóa X) thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới;

- Xét đề nghị của Thường trực Tổ Biên tập tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Nguyễn Viết Thông, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương là thành viên Tổ Biên tập

và tham gia Thường trực Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991.

Điều 2. Tổ Biên tập, đồng chí Nguyễn Viết Thông và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 209-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2008

Về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020

Ngày 5-12-2008, sau khi nghe đồng chí Bí thư Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ báo cáo về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 (Tờ trình số 127/TTr-BCS, ngày 27-11-2008) và ý kiến của một số cơ quan liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 thực chất là cụ thể hóa những quan điểm, mục tiêu, giải pháp phòng, chống tham nhũng nêu trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chiến lược đã xác định mục tiêu, yêu cầu cụ thể của từng giai đoạn từ nay đến năm 2020 và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức hữu quan. Thực hiện tốt các giải pháp đã xác định trong Chiến lược là góp phần quan trọng thực hiện thành công Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X).

Mặt khác, việc ban hành Chiến lược là sự thể hiện quyết tâm chính trị và tổ chức hành động thực tiễn của Đảng, Nhà nước ta trong phòng, chống tham nhũng, nhằm làm trong sạch nội bộ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế của nước ta trong khu vực và trên thế giới; đồng thời là cơ sở để phối hợp với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong công tác này.

Bộ Chính trị tán thành việc Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.

2. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, Chính phủ hoàn chỉnh và ra quyết định ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, một số cơ quan, tổ chức đảng có liên quan phối hợp chặt chẽ với Ban Cán sự Đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 34-KL/TW, ngày 20 tháng 12 năm 2008

Về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và một số vấn đề tâm linh, ngoại cảm hiện nay

Ngày 7-11-2008, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 27 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số vấn đề tâm linh, ngoại cảm hiện nay (Tờ trình số 44-TTr/BTGTW, ngày 20-3-2008) và nghe ý kiến của các bộ, ban, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

- Việc tổ chức lễ cưới, lễ tang, lễ hội theo nếp sống văn minh có tác động lớn đến tình cảm, tâm lý, phong tục, tập quán, đạo đức, lối sống của mỗi người, mỗi gia đình và toàn xã hội, có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong những năm qua, việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị đã đạt được một số kết quả nhất định.

Tuy nhiên, những kết quả thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội còn thấp, không liên tục và chưa đồng đều. Một bộ phận đảng viên, cán bộ, công chức thiếu gương mẫu trong việc thực hiện Chỉ thị 27, nhất là trong việc cưới, việc tang. Đáng chú ý là những năm gần đây, việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành có phần lơi lỏng, những yếu kém, khuyết điểm lại tái diễn; có nơi, có đối tượng vi phạm nghiêm trọng. Những yếu kém, khuyết điểm trong việc cưới, việc tang, lễ hội, nảy sinh vấn đề tâm linh, ngoại cảm, mê tín, dị đoan thời gian qua phản ánh sự xuống cấp về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, sự thiếu quan tâm lãnh đạo, quản lý, hữu khuynh, né tránh của các cấp ủy đảng, chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.

- Đối với vấn đề tâm linh, ngoại cảm, cần phải chỉ đạo chặt chẽ việc tiếp tục nghiên cứu, bảo đảm thận trọng và khoa học. Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, tổ chức nghiên cứu về những khả năng đặc biệt của một số người. Cần xây dựng quy chế hoạt động, quản lý, chế độ báo cáo, thông tin, nhất là việc thẩm định và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực này. Kiên quyết ngăn chặn, không để kẻ xấu lợi dụng "tâm linh, ngoại cảm" để trục lợi, lừa bịp, gây ra những tiêu cực trong đời sống tinh thần của xã hội. Một số phần tử cơ hội chính trị lợi dụng vấn đề này để xuyên tạc, vu khống, hạ thấp uy tín của lãnh tụ, các nhà cách mạng tiền bối, các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, phá hoại an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội phải được xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

- Ban Bí thư tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) vào quý I-2009 để tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong lĩnh vực này.

Để chuẩn bị cho Hội nghị tổng kết, Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương rà soát, hoàn thiện Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 27. Cần đánh giá đúng mức độ, đúng thực chất những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém; phân tích sâu hơn nguyên nhân, nhất là nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm; xác định các giải pháp khả thi, chỉ rõ những vấn đề cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát các quy định, hướng dẫn về tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội, lễ kỷ niệm để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; xây dựng những quy định, những văn bản hướng dẫn mới đáp ứng yêu cầu của tình hình hiện nay.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 210-TB/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2008

Về việc thực hiện thí điểm chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư

Tại phiên họp ngày 20-11-2008, xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương về việc "Thực hiện thí điểm chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư" (Tờ trình số 263-TTr/BTCTW, ngày 22-10-2008), Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

- Đồng ý việc thực hiện thí điểm chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư ở tất cả các đảng bộ trực thuộc Trung ương như đề xuất của Ban Tổ chức Trung ương trong dịp đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng.

- Mỗi tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chọn và chỉ đạo thực hiện thí điểm từ 5 - 7% tổng số đảng bộ cơ sở của đảng bộ mình. Những đơn vị thực hiện thí điểm phải đại diện cho các loại hình tổ chức cơ sở đảng (xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp,

lực lượng vũ trang) và có cả đơn vị vững mạnh, đơn vị khá, đơn vị trung bình.

- Những đơn vị thí điểm cần tiến hành trong quý I-2010 để quý IV-2010 tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm (đối với những cơ sở được chọn thí điểm, nếu đã hết nhiệm kỳ, có thể thực hiện trong năm 2009).

- Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban và cơ quan đảng liên quan ở Trung ương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và tiến hành tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 205-QĐ/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2008

Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng "nông thôn mới" trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Căn cứ Kết luận số 32-KL/TW, ngày 20-11-2008 của Bộ Chính trị;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng "nông thôn mới" trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gồm 16 đồng chí:

1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban.

2- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban.

3- Đồng chí Cao Đức Phát, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Trưởng ban.

4- Đồng chí Trần Lưu Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

5- Đồng chí Hồ Xuân Hùng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên, Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo.

6- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

7- Đồng chí Nguyễn Duy Việt, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

8- Đồng chí Đỗ Hoàng Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.

9- Đồng chí Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

10- Đồng chí Nguyễn Văn Liên, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên.

11- Đồng chí Nguyễn Hồng Trường, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy viên.

12- Đồng chí Lê Dương Quang, Thứ trưởng Bộ Công thương, Ủy viên.

13- Đồng chí Phạm Vũ Luận, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy viên.

14- Đồng chí Trần Chí Liêm, Thứ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên.

15- Đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.

16- Đồng chí Lê Hoàng Minh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên.

- *Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo gồm:*

1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

3- Đồng chí Cao Đức Phát, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

4- Đồng chí Hồ Xuân Hùng, Ủy viên.

5- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng "nông thôn mới" có nhiệm vụ:

1. Chỉ đạo xây dựng Chương trình xây dựng "nông thôn mới" theo mục tiêu của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã đề ra để trình Ban Bí thư trong quý II-2009.

2. Sau khi Chương trình được Ban Bí thư thông qua, chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương, các địa phương thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới ở các vùng, miền tiêu biểu của đất nước.

3. Trên cơ sở tổng kết chương trình chỉ đạo điểm, xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trình Bộ Chính trị. Sau khi đề án được Bộ Chính trị thông qua, giao các cơ quan nhà nước chỉ đạo thực hiện; Ban Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ, tự giải tán.

Điều 3.

1. Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm đối với các thành viên của Ban Chỉ đạo.

2. Giao Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Ban Chấp hành Trung ương trên các văn bản do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo là Thường trực Ban Bí thư ký, sử dụng con dấu của Văn phòng Trung ương Đảng trên các văn bản do các đồng chí trong Thường trực Ban Chỉ đạo ký.

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc do ngân sách đảng bảo đảm theo quy định chung của Đảng, Nhà nước.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Các ban đảng, ban cán sự đảng có liên quan và các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

1. Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ ngày 30-5 đến ngày 2-6-2008. Trong thời gian chuyến thăm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, đã hội đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào; lần lượt hội kiến với Ủy viên trưởng Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Ngô Bang Quốc, Thủ tướng Quốc vụ viện Ôn Gia Bảo, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc Giả Khánh Lâm. Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình đã tham dự các hoạt động liên quan. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã thăm Tổ hợp Ôlimpích Bắc Kinh và thăm tỉnh Giang Tô.

Trong bầu không khí chân thành, hữu nghị và tin cậy lẫn nhau, hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình mỗi Đảng, mỗi nước; đi sâu trao đổi ý kiến và đạt được nhận thức chung rộng rãi về quan hệ giữa hai Đảng, hai nước, cũng như về các vấn đề quốc tế và khu vực mà hai bên cùng quan tâm.

Hai bên nhất trí cho rằng, chuyến thăm đã thành công tốt đẹp, chắc chắn sẽ có ảnh hưởng sâu rộng và tích cực đối với việc đi sâu phát triển toàn diện quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong thời kỳ mới, đối với hòa bình và phát triển của khu vực và thế giới.

2. Hai bên nhấn mạnh con đường phát triển xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm của mỗi nước là sự lựa chọn đúng đắn, đáp ứng lợi ích căn bản của nhân dân hai nước. Phía Việt Nam đánh giá cao những thành tựu rực rỡ mà Trung Quốc giành được trong 30 năm cải cách mở cửa, tin tưởng vững chắc rằng, nhân dân Trung Quốc nhất định sẽ giành được những thành tựu mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả. Phía Trung Quốc đánh giá cao những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà Việt Nam giành được trong sự nghiệp đổi mới, tin tưởng vững chắc rằng, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ giành được những thành tựu mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Phía Việt Nam bày tỏ sự cảm thông sâu sắc và lời thăm hỏi chân thành đối với những mất mát to lớn về người và của do trận động đất nghiêm trọng ở tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc gây ra và tin tưởng nhân dân Trung Quốc anh em nhất định sẽ sớm khắc phục được hậu quả thiên tai, ổn định cuộc sống; bày tỏ hoan nghênh đối với công tác chuẩn bị chu đáo của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc cho Đại hội Ôlimpích Bắc Kinh 2008 và sẽ tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ những nỗ lực của phía Trung Quốc để tổ chức

thành công Đại hội thể thao này. Phía Trung Quốc bày tỏ sự cảm ơn chân thành đối với tình cảm hữu nghị và sự ủng hộ nói trên của phía Việt Nam.

3. Hai bên bày tỏ hài lòng trước những thành quả to lớn đã đạt được, trong quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước trong những năm qua; khẳng định tình hữu nghị truyền thống Việt - Trung là tài sản quý báu của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước, cần hết sức gìn giữ và không ngừng phát huy mạnh mẽ. Hai bên nhất trí phát triển quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc theo phương châm "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" và tinh thần "láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt"; luôn luôn nắm vững phương hướng phát triển đúng đắn của quan hệ hai nước, bảo đảm chắc chắn cho quan hệ hai nước phát triển lâu dài, ổn định và lành mạnh. Hai bên bày tỏ sẽ tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau trên các lĩnh vực, tăng cường tin cậy toàn diện lẫn nhau, đi sâu hợp tác cùng có lợi, thúc đẩy cùng nhau phát triển, thúc đẩy thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước. Trên tinh thần coi trọng đại cục, hiệp thương hữu nghị, công bằng, hợp lý, cùng có lợi, cùng thắng, hai bên sẽ nghiêm chỉnh thực hiện các nhận thức chung mà lãnh đạo hai nước đã đạt được, tích cực hợp tác để xử lý và giải quyết thỏa đáng các vấn đề tồn tại trong quan hệ hai nước. Hai bên tăng cường phối hợp trong các công việc quốc tế và khu vực, cùng nhau thúc đẩy xây dựng hòa bình lâu dài, cùng phồn vinh ở châu Á và trên thế giới.

4. Hai bên nhấn mạnh sẽ tiếp tục duy trì truyền thống tốt đẹp tiếp xúc mật thiết giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai nước; tuyên bố thiết lập đường dây nóng giữa các nhà lãnh đạo Việt Nam - Trung Quốc. Hai bên nhất trí phát huy đầy đủ vai trò của Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc, quy hoạch tổng thể và thúc đẩy toàn diện sự hợp tác giữa hai nước trên các lĩnh vực; xây dựng cơ chế giao lưu và hợp tác giữa các cơ quan Trung ương hữu quan của hai Đảng; đi sâu trao đổi về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và về xây dựng Đảng, quản lý đất nước; tiếp tục tổ chức tốt các cuộc hội thảo lý luận giữa hai Đảng; thúc đẩy hợp tác về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý; thúc đẩy cơ chế hợp tác có hiệu quả giữa các bộ, ngành ngoại giao, quốc phòng, công an, an ninh; mở rộng hợp tác thiết thực trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, khoa học, kỹ thuật, văn hóa, giáo dục; triển khai mạnh mẽ giao lưu hữu nghị giữa thanh thiếu niên, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức nhân dân; phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

5. Hai bên hài lòng trước đà phát triển tốt đẹp của mối quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước, trong những năm gần đây; nhất trí tiếp tục thực hiện tốt Hiệp định về mở rộng và đi sâu hợp tác kinh tế thương mại song phương; khẩn trương bàn bạc, ký kết và thực hiện tốt "Quy hoạch phát triển 5 năm về hợp tác kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc", xác định các lĩnh vực và dự án hợp tác trọng điểm; nâng cao hơn nữa quy mô và mức độ hợp tác kinh tế thương mại. Hai bên đồng ý trên tinh thần bổ sung

ưu thế cho nhau, cùng có lợi, cùng thắng, tích cực tìm kiếm những lĩnh vực tăng trưởng mậu dịch mới, duy trì kim ngạch mậu dịch song phương tăng trưởng nhanh; đồng thời áp dụng những biện pháp thiết thực và có hiệu quả để cải thiện cơ cấu mậu dịch, thực hiện phát triển cân bằng mậu dịch song phương. Hai bên tích cực ủng hộ và thúc đẩy các doanh nghiệp của hai nước hợp tác lâu dài cùng có lợi trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, công nghiệp chế tạo, phát triển nguồn nhân lực, năng lượng, chế biến khoáng sản và các lĩnh vực quan trọng khác. Hai bên tăng cường hợp tác trong các dự án như: Bôxít Đắk Nông, các dự án trong khuôn khổ "Hai hành lang, một vành đai kinh tế" và các dự án lớn khác. Hai bên khẳng định tăng cường hợp tác trong các cơ chế kinh tế khu vực, liên khu vực và quốc tế, như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Nhân dịp này, hai bên đã ký Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về hợp tác trong lĩnh vực thú y và kiểm dịch động vật, và một số thỏa thuận kinh tế thương mại khác về việc Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam tín dụng ưu đãi và cho vay ưu đãi bên mua.

6. Hai bên hài lòng đối với việc cơ bản hoàn thành công tác phân giới biên giới trên đất liền; đồng ý phối hợp chặt chẽ hơn nữa, tích cực giải quyết các vấn đề còn lại và đẩy nhanh tiến độ công tác, bảo đảm thực hiện đúng thời hạn mục tiêu hoàn thành toàn bộ công tác phân giới cắm mốc, trên toàn

tuyến biên giới trên đất liền, trong năm 2008 và sớm ký văn bản mới về quy chế quản lý biên giới, nhằm xây dựng đường biên giới trên đất liền giữa hai nước thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác. Hai bên tiếp tục thực hiện tốt Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ; thực hiện tốt công tác kiểm tra liên hợp cũng như điều tra liên hợp nguồn thủy sản trong Vùng đánh cá chung và việc tuần tra chung giữa hải quân hai nước ở Vịnh Bắc Bộ; đẩy nhanh việc thực hiện "Thỏa thuận khung về hợp tác dầu khí trong vùng thỏa thuận tại Vịnh Bắc Bộ", phấn đấu sớm đạt kết quả thực chất trong hợp tác thăm dò, khai thác chung các cấu tạo dầu khí vắt ngang đường phân định Vịnh Bắc Bộ; giữ gìn trật tự sản xuất nghề cá bình thường, tích cực triển khai hợp tác nghề cá, bảo vệ môi trường, tìm kiếm cứu nạn trên biển ở Vịnh Bắc Bộ. Hai bên tiếp tục thúc đẩy một cách vững chắc đàm phán về phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ và tích cực trao đổi ý kiến về vấn đề hợp tác cùng phát triển, sớm khởi động cùng khảo sát ở khu vực này. Hai bên đồng ý nghiêm chỉnh tuân thủ nhận thức chung liên quan của lãnh đạo cấp cao hai nước, cùng nhau giữ gìn ổn định tình hình Biển Đông; tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hòa bình, tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài mà hai bên đều chấp nhận được; đồng thời tích cực nghiên cứu và bàn bạc vấn đề hợp tác cùng phát triển, để tìm ra mô hình và khu vực phù hợp.

7. Phía Việt Nam khẳng định thực hiện nhất quán chính sách một nước Trung Quốc, ủng hộ sự nghiệp lớn thống nhất Trung Quốc, kiên quyết phản đối hành động chia rẽ Đài Loan

độc lập dưới mọi hình thức; Việt Nam không phát triển bất cứ quan hệ chính thức nào với Đài Loan. Phía Trung Quốc bày tỏ hoan nghênh lập trường trên của phía Việt Nam.

8. Hai bên hài lòng về sự hợp tác giữa hai nước trong các công việc quốc tế và khu vực. Hai bên khẳng định sẽ tiếp tục tăng cường sự hợp tác và phối hợp tại các diễn đàn đa phương như Liên hợp quốc, APEC, Trung Quốc - ASEAN..., cùng nhau giữ gìn và thúc đẩy hòa bình, phồn vinh và phát triển của thế giới.

9. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chân thành cảm ơn Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào cùng Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc về sự đón tiếp trọng thị, nhiệt tình và hữu nghị. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trân trọng mời Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào sớm sang thăm lại Việt Nam. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã cảm ơn và vui vẻ nhận lời.

Tài liệu lưu tại
Ban Đối ngoại Trung ương.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI KỲ HỌP HỢP NHẤT
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

Ngày 1 tháng 8 năm 2008*

Thưa các vị khách quý,

Thưa đồng bào và chiến sĩ Thủ đô,

Theo quyết định của Quốc hội, bắt đầu từ hôm nay (1-8-2008) Nghị quyết 15 ngày 29-5-2008 của Quốc hội "Về *việc* điều chỉnh địa giới hành chính Thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan" chính thức có hiệu lực. Có nghĩa là: kể từ hôm nay, Thủ đô Hà Nội có diện tích tự nhiên là hơn 3.344km^2, dân số hơn 6,2 triệu người, trên cơ sở hợp nhất Thành phố Hà Nội với tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh (tỉnh Vĩnh Phúc) và bốn xã Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung (huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình). Và cũng kể từ hôm nay, bộ máy chính quyền của Hà Nội (mở rộng) chính thức đi vào hoạt động, mở đầu bằng kỳ họp hợp nhất Hội đồng nhân dân

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

Thành phố Hà Nội và Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây và một số địa phương liên quan.

Đây là sự kiện rất quan trọng, một dấu mốc đáng ghi nhớ trong lịch sử phát triển của Thủ đô ta. Đây cũng là niềm vinh dự và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, của mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân chúng ta trong nhiệm kỳ khóa này. Được tham dự kỳ họp, trước hết tôi xin thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, thay mặt Quốc hội, và với tình cảm cá nhân, nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu Hội đồng nhân dân, chào mừng các vị khách quý. Xin chúc các đồng chí và các quý vị sức khỏe, hạnh phúc và hoàn thành trọng trách của mình.

Thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Trong lịch sử phát triển của Thủ đô Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, đã có nhiều lần thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính, nhưng có lẽ đây là lần điều chỉnh mở rộng với quy mô lớn nhất từ trước tới nay do yêu cầu phát triển đi lên của đất nước. Không phải ngẫu nhiên mà Trung ương Đảng, Chính phủ đã chỉ đạo việc nghiên cứu chuẩn bị một cách chặt chẽ, công phu trong nhiều năm để đi đến thống nhất chủ trương (có tính đến ý kiến đề xuất của Thành ủy Hà Nội khóa XIII); và Quốc hội tại kỳ họp thứ ba khóa XII đã xem xét, quyết định một cách nghiêm túc, cẩn trọng theo đúng chủ trương của Đảng và đúng quy định của pháp luật. Đây là một quyết định mang tính lịch sử, có ý nghĩa thiêng liêng, trọng đại, có tầm nhìn xa không chỉ đối với Thủ đô mà đối với sự phát triển của cả dân tộc, nhất là ở vào thời điểm mà Đại lễ kỷ niệm Thủ đô 1.000 năm tuổi đang đến gần.

Việc điều chỉnh địa giới Hà Nội, Hà Tây và một số tỉnh liên quan tạo điều kiện, cơ hội cho Hà Nội phát triển; đồng thời cho cả Hà Tây và một số địa phương liên quan cùng phát triển. Hà Nội (mở rộng) chẳng những vẫn giữ được cái thế "rồng cuộn hổ ngồi", "tiện hướng nhìn sông tựa núi" như cha ông xưa định hướng mà còn nâng cái thế ấy lên một tầm vóc mới, cao hơn, bề thế hơn, vững chãi hơn dưới ánh sáng của thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh. Những thành quả và truyền thống tốt đẹp mà Hà Tây và các địa phương đã hun đúc nên qua suốt chiều dài lịch sử nay hợp nhất về Hà Nội, trở thành một bộ phận máu thịt của Thủ đô, sẽ có điều kiện thăng hoa, tỏa sáng hơn, đồng thời tạo thêm nguồn lực và sức mạnh cho Thủ đô phát triển. Hà Nội sẽ trực tiếp được kế thừa, phát huy những tiềm năng, thế mạnh của một vùng đất rộng lớn với điều kiện địa lý, lịch sử, văn hóa, con người... phong phú, đa dạng, cũng "tụ khí tinh hoa" cũng "địa linh nhân kiệt" với biết bao địa danh và anh tài nổi tiếng.

Tuy nhiên, việc triển khai tổ chức thực hiện chủ trương này không đơn giản dễ dàng; trái lại, có rất nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi phải có quyết tâm rất cao và có cách làm thật khoa học, nghiêm túc và thận trọng. Trước mắt, cùng với việc làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong nhân dân, trong cả hệ thống chính trị, phải làm tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, bảo đảm đoàn kết, đồng bộ, tạo được chất lượng mới, sức mạnh mới. Đồng thời, phải chỉ đạo quyết liệt để nhanh chóng ổn định tình hình, không gây xáo trộn, không để

thất thoát tài sản, của cải của Nhà nước. Khẩn trương triển khai việc xây dựng quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng; quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị, di sản văn hóa, chăm lo đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường, sinh thái... Lúc này, hơn lúc nào hết, phải nêu cao tinh thần đồng tâm hiệp lực, chung sức chung lòng vì nghĩa lớn, vì Thủ đô thân yêu của chúng ta, vì sự phát triển phồn vinh của đất nước. Bất cứ một sự phân vân, ngập ngừng hoặc hoài nghi nào, bất cứ một sự tính toán riêng tư cục bộ nào đều là không đúng, không có lợi cho sự nghiệp chung.

Tôi rất hoan nghênh Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thành phố Hà Nội, tỉnh Hà Tây, tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Hòa Bình thời gian qua đã phối hợp chặt chẽ theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, khẩn trương triển khai thực hiện công việc, bảo đảm giữ ổn định tình hình, đồng thời chuẩn bị tích cực về các mặt để hôm nay kỳ họp hợp nhất Hội đồng nhân dân được tiến hành theo đúng Nghị quyết của Quốc hội. Kỳ họp này có nhiệm vụ bầu ra các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (mở rộng), xem xét cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các quận, huyện trực thuộc Thành phố; quyết định những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, thu chi ngân sách của Thành phố trong những tháng cuối năm 2008. Đây là những nội dung hết sức quan trọng, bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Thành phố. Tôi mong rằng các vị đại biểu Hội đồng

nhân dân nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy dân chủ, đoàn kết nhất trí, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, góp phần vào thành công chung của kỳ họp.

Trước mắt chúng ta có bề bộn rất nhiều công việc phải làm. Cùng một lúc Hà Nội vừa phải triển khai thực hiện việc mở rộng địa giới hành chính, nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, vận hành một cách thông suốt và hiệu quả; vừa phải thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Quốc hội, của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, bảo đảm sự phát triển bền vững trong những năm sau. Trong khi đó, thời điểm kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội lại đang đến gần, biết bao nhiêu công việc, công trình, dự án... đang chờ đợi chúng ta; nhân dân Thủ đô, nhất là ở những vùng khó khăn, "vùng sâu, vùng xa" đang đặt nhiều kỳ vọng ở chúng ta. Đồng bào cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài hằng ngày hằng giờ dõi theo sự phát triển của Thủ đô và đất nước... Khó khăn thách thức rất lớn, đòi hỏi rất cao, nhưng niềm vui, niềm tin cũng rất nhiều, thuận lợi vẫn là cơ bản.

Tôi tin tưởng rằng, với bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, truyền thống đoàn kết, bề dày kinh nghiệm, sức làm việc năng động, sáng tạo; sự hợp tác, cộng đồng trách nhiệm cao của Hà Nội, Hà Tây và các địa phương khác, lại được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Trung ương; sự phối hợp, giúp đỡ tích cực của các bộ, ban, ngành; sự ủng hộ của đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế, nhất định Hà Nội (mở rộng) sẽ vượt mọi khó khăn, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của mình,

từng bước làm cho Thủ đô ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, văn minh thanh lịch hơn, ngày càng xứng đáng là Thủ đô văn hiến, Thủ đô anh hùng, Thành phố vì hòa bình.

Khí phách Thăng Long, hồn thiêng sông núi chắc chắn sẽ tiếp sức, nâng bước, chắp cánh cho Thủ đô Hà Nội (mở rộng) đạt nhiều thành tựu mới, bay cao bay xa hơn nữa.

Xin chúc các vị đại biểu, các đồng chí thành công!

Chúc kỳ họp hợp nhất của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội và Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây - kỳ họp mở đầu cho một thời kỳ phát triển mới của Thủ đô - thu được kết quả tốt đẹp!

Báo *Nhân dân,* ngày 2-8-2008.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu tập 67 V

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 20-CT/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008, về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể 1
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 124-TB/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008, về nghiên cứu Đề tài "Chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh và vận dụng chủ thuyết đó trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI" của Hội đồng Lý luận Trung ương 6
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 125-TB/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008, về Đề án "Tình hình giảng dạy, học tập các bộ môn Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng và chủ trương, giải pháp cho thời gian tới" 8
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 126-TB/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008, về nhân sự Hội đồng Lý luận Trung ương 11
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 127-TB/TW, ngày 2 tháng 1 năm 2008, về đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý 12

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 129-TB/TW, ngày 4 tháng 1 năm 2008, về Đề án xây dựng Chỉ thị của Bộ Chính trị về "Tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống ma túy trong tình hình mới" 21
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 130-TB/TW, ngày 10 tháng 1 năm 2008, về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới 24
- Quyết định của Ban Bí thư, số 120-QĐ/TW, ngày 15 tháng 1 năm 2008, thay đổi, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào 32
- Quyết định của Ban Bí thư, số 121-QĐ/TW, ngày 15 tháng 1 năm 2008, về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 34
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 14 tháng 1 năm 2008 37
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 19-NQ/TW, ngày 22 tháng 1 năm 2008 45
- Giải trình của Bộ Chính trị, số 112/TLHN, ngày 21 tháng 1 năm 2008, về đề án "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" *(Trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)* 49
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 2008, về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 72

- Giải trình của Bộ Chính trị, số 119/TLHN, ngày 21 tháng 1 năm 2008, tiếp thu ý kiến của Trung ương về đề án "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" *(Trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)* 94
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 21-NQ/TW, ngày 30 tháng 1 năm 2008, về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 113
- Giải trình của Bộ Chính trị, số 114/TLHN, ngày 21 tháng 1 năm 2008, tiếp thu ý kiến của Trung ương về đề án "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở" *(Trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)* 136
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 22-NQ/TW, ngày 2 tháng 2 năm 2008, về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên 151
- Giải trình của Bộ Chính trị, số 117/TLHN, ngày 21 tháng 1 năm 2008, về ý kiến thảo luận của Trung ương đối với đề án "Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012" *(Trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)* 168
- Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 20-KL/TW, ngày 28 tháng 1 năm 2008, về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012 177

- Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 19-KL/TW, ngày 28 tháng 1 năm 2008, về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội 186
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 22 tháng 1 năm 2008 188
- Thông báo Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 22 tháng 1 năm 2008 202
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 133-TB/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2008, về dự án Pháp lệnh cảnh sát biển (sửa đổi) và dự án Pháp lệnh công nghiệp quốc phòng 212
- Quyết định của Ban Bí thư, số 122-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Văn phòng Trung ương Đảng trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 214
- Quyết định của Ban Bí thư, số 123-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng đoàn Quốc hội trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 226
- Quyết định của Ban Bí thư, số 124-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 235

- Quyết định của Ban Bí thư, số 125-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Tổ chức Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 245
- Quyết định của Ban Bí thư, số 126-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng ủy Quân sự Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 256
- Quyết định của Ban Bí thư, số 127-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 266
- Quyết định của Ban Bí thư, số 128-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng ủy Công an Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 276
- Quyết định của Ban Bí thư, số 129-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 286
- Quyết định của Ban Bí thư, số 130-QĐ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 295

- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 136-TB/TW ngày 25 tháng 1 năm 2008, về tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2007 305
- Quyết định của Ban Bí thư, số 131-QĐ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 2008, về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) 316
- Quyết định của Ban Bí thư, số 132-QĐ/TW, ngày 1 tháng 2 năm 2008, bổ sung thành viên Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại 318
- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương số 133-QĐ/TW, ngày 4 tháng 2 năm 2008, về việc thành lập Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới 320
- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 134-QĐ/TW, ngày 4 tháng 2 năm 2008, về việc thành lập Tiểu ban tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) 325
- Quyết định của Ban Bí thư, số 135-QĐ/TW, ngày 28 tháng 2 năm 2008, thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới 331
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 137-TB/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2008, về việc tôn tạo, hoàn thiện Khu di tích tưởng niệm Bác Hồ đã xây dựng tại tỉnh Cà Mau và những nơi khác có trường hợp tương tự 335

- Quyết định của Ban Bí thư, số 136-QĐ/TW, ngày 7 tháng 3 năm 2008, thành lập Ban Chỉ đạo Kiểm tra của Ban Bí thư năm 2008 337
- Quyết định của Ban Bí thư, số 137-QĐ/TW, ngày 14 tháng 3 năm 2008, về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) 340
- Quyết định của Ban Bí thư, số 138-QĐ/TW, ngày 17 tháng 3 năm 2008, về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) 342
- Quyết định của Ban Bí thư, số 139-QĐ/TW, ngày 17 tháng 3 năm 2008, về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) "Về chiến lược cán bộ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" 344
- Quyết định của Ban Bí thư, số 140-QĐ/TW, ngày 20 tháng 3 năm 2008, bổ sung thành viên Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại 347
- Quyết định của Ban Bí thư, số 142-QĐ/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2008, về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 349
- Quyết định của Ban Bí thư, số 143-QĐ/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2008, về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 350
- Quyết định của Ban Bí thư, số 144-QĐ/TW, ngày 25 tháng 3 năm 2008, về việc cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào 351

- Quyết định của Ban Bí thư, số 145-QĐ/TW, ngày 25 tháng 3 năm 2008, về việc cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào 353
- Quyết định của Ban Bí thư, số 146-QĐ/TW, ngày 25 tháng 3 năm 2008, về việc cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử giai đoạn 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia 355
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 21-CT/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008, về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới 357
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 138-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008, về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 18-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010 366
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 139-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008, về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20-1-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010 376
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 140-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008, về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 1-7-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010 383

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 141-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2008, về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 16-8-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010 393
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 143-TB/TW, ngày 27 tháng 3 năm 2008, về kết quả kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 118-CT/TW, ngày 30-9-1981 của Ban Bí thư (khóa IV) về hoạt động của Hội Đông y Việt Nam 400
- Quyết định của Bộ Chính trị số 147-QĐ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2008, ban hành Quy chế làm việc của Đảng đoàn Quốc hội 406
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 146-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2008, về việc sắp xếp các doanh nghiệp làm kinh tế đảng ở Trung ương 419
- Quyết định của Ban Bí thư, số 148-QĐ/TW, ngày 2 tháng 4 năm 2008, thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) 421
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 22-KL/TW, ngày 4 tháng 4 năm 2008, về một số vấn đề về kinh tế - xã hội quý I-2008 cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo 427
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 147-TB/TW, ngày 4 tháng 4 năm 2008, về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân 443

- Kết luận của Bộ Chính trị, số 23-KL/TW, ngày 8 tháng 4 năm 2008, về những công việc cần cụ thể hóa để triển khai thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X), phân công chỉ đạo chuẩn bị và thời gian hoàn thành các đề án 446
- Báo cáo của Ban Bí thư, số 07-BC/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2008, về tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương năm 2007, phương hướng, nhiệm vụ năm 2008 456
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 149-QĐ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2008, về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" 495
- Quyết định của Ban Bí thư, số 150-QĐ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2008, về việc thay đổi thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" 497
- Quyết định của Ban Bí thư, số 151-QĐ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2008, về việc thay đổi thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" 499
- Quyết định của Ban Bí thư, số 152-QĐ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2008, về việc thay đổi thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" 501
- Quyết định của Ban Bí thư, số 153-QĐ/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Tuyên giáo Trung ương với ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực tuyên giáo và các cơ quan liên quan 503

- Quyết định của Ban Bí thư, số 154-QĐ/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2008, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng 516
- Thông báo của Ban Bí thư, số 150-TB/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2008, về việc tổ chức kỷ niệm 190 năm Ngày sinh Các Mác (5-5-1818 – 5-5-2008) 527
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 151-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 2008, về việc điều chỉnh một số điểm có liên quan tới mục tiêu, nội dung và tiến độ thực hiện của Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2006 - 2010 531
- Quyết định của Ban Bí thư, số 155-QĐ/TW, ngày 23 tháng 4 năm 2008, ban hành Quy định về sự phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan Đảng, Nhà nước trong công tác chỉ đạo, quản lý báo chí 538
- Quyết định của Ban Bí thư, số 156-QĐ/TW, ngày 29 tháng 4 năm 2008, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa" 557
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 152-TB/TW, ngày 29 tháng 4 năm 2008, về dự kiến chương trình kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XII và một số dự án luật chuẩn bị trình Quốc hội 558
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 154-TB/TW, ngày 2 tháng 5 năm 2008, về phương án kiến trúc, tiến độ dự án và phương án triển khai xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D khu trung tâm chính trị Ba Đình 563

- Quyết định của Bộ Chính trị, số 158-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2008, ban hành Quy chế chất vấn trong Đảng 565
- Quyết định của Ban Bí thư, số 159-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2008, về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"; "Về công tác dân tộc"; "Về công tác tôn giáo" 574
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 160-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2008, thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí 577
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 155-TB/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2008, về quy hoạch khu trụ sở các cơ quan của Trung ương Đảng tại Thành phố Hồ Chí Minh; về chủ trương đầu tư, xây dựng Nhà khách T.78 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa 580
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 156-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2008, về việc điều chỉnh tiến độ triển khai một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản của các cơ quan đảng ở Trung ương 585
- Quyết định của Ban Bí thư, số 161-QĐ/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2008, về việc thay đổi thành viên Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" 587

- Quyết định của Ban Bí thư, số 162-QĐ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 2008, bổ sung nội dung triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 589
- Quyết định của Ban Bí thư, số 163-QĐ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 2008, về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"; "Về công tác dân tộc"; "Về công tác tôn giáo" 591
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 158-TB/TW, ngày 23 tháng 5 năm 2008, về chủ trương kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 2009 của tỉnh Điện Biên, gắn với thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng 593
- Quyết định của Ban Bí thư, số 164-QĐ/TW, ngày 27 tháng 5 năm 2008, về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề án "Kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa X 600
- Quyết định của Ban Bí thư, số 165-QĐ/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2008, về việc thành lập Tổ Biên tập đề án trình Hội nghị Trung ương 8 về kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng 604
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 160-TB/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2008, về tình hình thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình và một số giải pháp cấp bách 608

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 22-CT/TW, ngày 5 tháng 6 năm 2008, về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp 613
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 161-TB/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2008, về việc xây dựng nhà thờ và Khu tưởng niệm đồng chí Phùng Chí Kiên 619
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 162-TB/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2008, về sắp xếp tổ chức các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy, sự nghiệp của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các ban đảng ở Trung ương 621
- Quy định của Ban Bí thư, số 166-QĐ/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2008, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị sự nghiệp thuộc Công an nhân dân 626
- Quy định của Ban Bí thư, số 167-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 2008, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan thuộc Công an nhân dân 636
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 23-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2008, về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới 644
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 168-QĐ/TW, ngày 23 tháng 6 năm 2008, về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp tổ chức, cán bộ của Hà Nội sau khi điều chỉnh địa giới hành chính 662
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 163-TB/TW, ngày 23 tháng 6 năm 2008, về phương hướng sắp xếp tổ chức, cán bộ của Hà Nội sau khi điều chỉnh địa giới hành chính 665

- Quy định của Ban Bí thư, số 169-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2008, về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp 669
- Quyết định của Ban Bí thư, số 170-QĐ/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008, kết thúc hoạt động của đảng đoàn một số hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và tổ chức lại Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam 672
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 23-CT/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008, về tổ chức kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng (3-3-1959 – 3-3-2009), 20 năm Ngày biên phòng toàn dân (1989 - 2009) và 50 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống Bộ đội Trường Sơn (19-5-1959 – 19-5-2009) 674
- Quy định của Ban Bí thư, số 171-QĐ/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan hội quần chúng 678
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 164-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008, về Đề án "Chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị" 684
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 165-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2008, về Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước" 686
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 24-CT/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2008, về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới 688
- Quyết định của Ban Bí thư, số 172-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2008, thành lập Ban Chỉ đạo Hội thảo lý luận lần thứ 4 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc 695

- Quyết định của Bộ Chính trị, số 173-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2008, ban hành Quy trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư 698
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 174-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2008, ban hành Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư 704
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 175-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2008, kết thúc hoạt động của Đảng bộ Thành phố Hà Nội, Đảng bộ tỉnh Hà Tây, thành lập Đảng bộ Thành phố Hà Nội (mới) trực thuộc Trung ương 719
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 176-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2008, về kết thúc hoạt động của Đảng bộ Quân khu Thủ đô và thành lập Đảng bộ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội 721
- Quyết định của Ban Bí thư, số 177-QĐ/TW, ngày 11 tháng 7 năm 2008, về việc thành lập Ban Tổ chức Lễ míttinh kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20-8-1888 – 20-8-2008) 723
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 9 tháng 7 năm 2008 727
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, số 24-NQ/TW, ngày 17 tháng 7 năm 2008, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X 735

- Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, số 139/TLHN, ngày 16 tháng 7 năm 2008, tiếp thu ý kiến Trung ương về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa" 738
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 25-NQ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2008, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa 754
- Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, số 140/TLHN, ngày 16 tháng 7 năm 2008, tiếp thu ý kiến Trung ương về Đề án "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế" 775
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 27-NQ/TW, ngày 6 tháng 8 năm 2008, về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 792
- Báo cáo tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, số 141/TLHN, ngày 17 tháng 7 năm 2008, ý kiến của Trung ương về Đề án "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn" 808
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 26-NQ/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008, về nông nghiệp, nông dân, nông thôn 825
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), ngày 17 tháng 7 năm 2008 845

- Thông báo Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 17 tháng 7 năm 2008 859
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 166-TB/TW, ngày 16 tháng 7 năm 2008, về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) "Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" 868
- Quyết định của Ban Bí thư, số 178-QĐ/TW, ngày 21 tháng 7 năm 2008, về việc bổ sung thành viên Tổ Biên tập Đề án kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng 878
- Quyết định của Ban Bí thư, số 179-QĐ/TW, ngày 23 tháng 7 năm 2008, về việc thành lập Hội đồng Chỉ đạo xuất bản bộ sách *Phạm Văn Đồng - Tuyển tập* 880
- Quyết định của Ban Bí thư, số 180-QĐ/TW, ngày 23 tháng 7 năm 2008, về việc cử cán bộ tham gia Thường trực Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991 882
- Quyết định của Ban Bí thư, số 181-QĐ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2008, thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Báo cáo trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới 884

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 25-CT/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2008, về tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí 888
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 167-TB/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2008, về Quy chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí 897
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 169-TB/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2008, về tổ chức triển khai nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 và Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) 899
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 170-TB/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2008, về chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 902
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 171-TB/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2008, về việc xây dựng tượng đài Bác Hồ và Bác Tôn tại Hà Nội và tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên tại Gia Lai 906
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 25-KL/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008, về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2008 và các giải pháp chủ yếu trong sáu tháng cuối năm 908
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 173-TB/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008, về việc hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với cán bộ cao cấp được điều động về công tác tại các cơ quan Trung ương và thực hiện chế độ chi khoán cước phí điện thoại đối với cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu 916

- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 175-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2008, về việc chuyển đổi, sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương quản lý 918
- Quy định của Ban Bí thư, số 182-QĐ/TW, ngày 8 tháng 8 năm 2008 chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở đồn biên phòng 927
- Quy định của Ban Bí thư, số 183-QĐ/TW, ngày 8 tháng 8 năm 2008 chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đoàn kinh tế - quốc phòng 937
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 176-TB/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2008, về việc tổ chức Đại hội X Công đoàn Việt Nam 946
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 177-TB/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2008, về tổ chức Đại hội Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam lần thứ V 949
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 178-TB/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2008, về việc đưa pháp luật các nước ASEAN vào chương trình giáo dục của các cơ sở đào tạo luật 953
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 179-TB/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2008, về việc phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân 956
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 180-TB/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2008, về sơ kết ba năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 17-2-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 958

- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 181-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2008, về đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện 969
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 183-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2008, về chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương 979
- Quyết định của Ban Bí thư, số 184-QĐ/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2008, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 982
- Quyết định của Ban Bí thư, số 185-QĐ/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2008, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện) 988
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 26-CT/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2008, về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới 992
- Quyết định của Ban Bí thư, số 187-QĐ/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2008, thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước 1000
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 185-TB/TW, ngày 16 tháng 9 năm 2008, về việc thành lập Đảng bộ Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh 1003

- Kết luận của Bộ Chính trị, số 27-KL/TW, ngày 17 tháng 9 năm 2008, về Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 1005
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 186-TB/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2008, về đề nghị tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống của lực lượng Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào 1011
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 187-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2008, về Đề án thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã 1013
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 190-QĐ/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2008, ban hành Quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý 1016
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), ngày 2 tháng 10 năm 2008 1024
- Kết luận của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 28-KL/TW, ngày 4 tháng 10 năm 2008, về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2008 và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 1028

- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), ngày 4 tháng 10 năm 2008 1031
- Thông báo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) 1039
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 188-TB/TW, ngày 7 tháng 10 năm 2008, về đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 1045
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 190-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2008, về Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 1050
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 191-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2008, về triển khai xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình 1052
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 192-TB/TW, ngày 13 tháng 10 năm 2008, về các dự án luật trình Quốc hội xem xét, thông qua và cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10-2008) 1054
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 193-TB/TW, ngày 13 tháng 10 năm 2008, về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2009 1059
- Quyết định của Ban Bí thư, số 192-QĐ/TW, ngày 13 tháng 10 năm 2008, về việc thành lập Tổ Biên tập Đề án "Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị Trung ương 9 (khóa X) 1061

- Quyết định của Ban Bí thư, số 193-QĐ/TW, ngày 13 tháng 10 năm 2008, về việc thành lập Tổ Biên tập "Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng" trình Hội nghị Trung ương 9 (khóa X) 1065
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 27-CT/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2008, về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 1069
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 195-TB/TW, ngày 23 tháng 10 năm 2008, về đặt tượng Bác Hồ tại hai thành phố của Mêhicô 1072
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 196-TB/TW, ngày 27 tháng 10 năm 2008, về kết quả sau 5 năm thành lập tỉnh, 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Lai Châu 1073
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 199-TB/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2008, về dự án Luật cán bộ, công chức và dự án Luật quốc tịch Việt Nam (sửa đổi) 1081
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 200-TB/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2008, về Báo cáo bổ sung tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2008 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 1084
- Kết luận của Ban Bí thư, số 31-KL/TW, ngày 6 tháng 11 năm 2008, về việc thành lập Đảng bộ toàn Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam 1087

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 201-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 2008, về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã 1088
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 195-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2008, ban hành Quy trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương thay thế Quy trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành tại Quyết định số 174-QĐ/TW, ngày 8-7-2008 của Bộ Chính trị 1091
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 32-KL/TW, ngày 20 tháng 11 năm 2008, về những công việc cần làm để triển khai thực hiện các Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X), phân công chỉ đạo chuẩn bị và thời gian hoàn thành các đề án 1097
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 202-TB/TW, ngày 21 tháng 11 năm 2008, về việc tổ chức Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V 1105
- Quy định của Ban Bí thư, số 196-QĐ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2008, về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước 1108
- Quyết định của Ban Bí thư, số 197-QĐ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2008, ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước với cấp ủy địa phương 1116

- Quyết định của Ban Bí thư, số 198-QĐ/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2008, ban hành Quy định về mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ban cán sự đảng: Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước với các tổ chức và người đứng đầu tổ chức có liên quan 1126
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 203-TB/TW, ngày 1 tháng 12 năm 2008, về tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 27-7-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về nhiệm vụ và tổ chức của Liên hiệp các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị Việt Nam 1145
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 28-CT/TW, ngày 2 tháng 12 năm 2008, về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam 1150
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 204-TB/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2008, về Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ IV (nhiệm kỳ 2008 - 2013) 1156
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 205-TB/TW, ngày 9 tháng 12 năm 2008, về Đề án đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội 1160
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 206-TB/TW, ngày 9 tháng 12 năm 2008, về biên chế các cơ quan đảng ở Trung ương đến năm 2011 1165

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 207-TB/TW, ngày 10 tháng 12 năm 2008, tại buổi làm việc với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 1169
- Quyết định của Ban Bí thư, số 202-QĐ/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2008, ban hành "Quy chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí" 1179
- Quyết định của Ban Bí thư, số 204-QĐ/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2008, về việc bổ sung thành viên Tổ Biên tập và tham gia Thường trực Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 1192
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 209-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2008, về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 1194
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 34-KL/TW, ngày 20 tháng 12 năm 2008, về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và một số vấn đề tâm linh, ngoại cảm hiện nay 1196
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 210-TB/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2008, về việc thực hiện thí điểm chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư 1199
- Quyết định của Ban Bí thư, số 205-QĐ/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2008, thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng "nông thôn mới" trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa 1201

PHỤ LỤC 1205
- Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc 1207
- Phát biểu của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh tại kỳ họp hợp nhất Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội và Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây, ngày 1 tháng 8 năm 2008 1214

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH
ThS. VŨ QUANG HUY
NGUYỄN MAI ANH
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: HOÀNG MINH TÁM
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: QUANG HUY - MAI ANH

In... cuốn, khổ 15x22cm, tại
Đăng ký xuất bản:
Quyết định xuất bản:
Mã ISBN:
In xong và nộp lưu chiểu tháng... năm 2017.